TRÙNG TRỊ TỲ NI
SỰ NGHĨA TẬP YẾU
CỔ NGÔ – NGẪU ÍCH – Sa-môn TRÍ HÚC giải thích

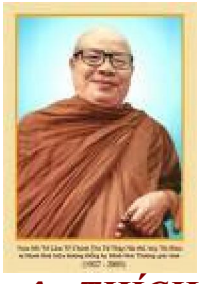

Việt Dịch: Sa-môn THÍCH ĐỖNG MINH
Nhuận văn và chú thích: Sa-môn THÍCH ĐỨC THẮNG
---o0o---
Nguồn
http://thuvienhoasen.org
Chuyển sang ebook 27-8-2009
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG LUẬT SƯ THÍCH ĐỖNG MINH
1. THÂN THẾ
2. XUẤT GIA HỌC ĐẠO
3. THỜI HÓA ĐẠO
4. PHIÊN DỊCH LUẬT TẠNG
PHI LỘ
LỜI TIỂU DẪN
BÀI TỰA LUẬT TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
BÀI TỰA TRÙNG TRỊ TỲ-NI TẬP YẾU
KHAI TỪ
NGUYÊN BẠT
TỔNG VẤN BIỆN
LUẬT TẠNG TỔNG MỤC
TỨ PHẦN LUẬT TẠNG PHẨM MỤC
MỤC LỤC DẪN CÁC KINH LUẬN
TẬP I
QUYỂN THỨ 1
PHẦN ĐẦU LÀ ĐỀ MỤC
A.GIẢI THÍCH TÊN GỌI
B. TRÌNH BÀY BẢN THỂ
C. ĐỊNH LIỆU VẤN ĐỀ GIẢN ĐƠN

PHẦN HAI CHÁNH VĂN
A. BÀI KỆ KHEN NGỢI
QUYỂN THỨ 2
B. VẤN ĐÁP KHẢI BẠCH
C. CHÍNH NÓI BÀI TỰA CỦA GIỚI
D. NÓI ĐỀ KẾT THÚC
I. BỐN PHÁP KHÍ: Chia làm ba
THỨ NHẤT: GIỚI DÂM
QUYỂN THỨ 3
THỨ HAI: GIỚI TRỘM
THỨ BA: SÁT SANH
GIỚI THỨ TƯ: ĐẠI VỌNG NGỮ
II. MƯỜI BA PHÁP TĂNG TÀN
QUYỂN THỨ 4
III. HAI PHÁp BẤT ĐỊNH
IV. BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA
QUYỂN THỨ 5
QUYỂN THỨ 6
V. THIÊN THỨ NĂM: 90 BA-DẬT-ĐỀ
QUYỂN THỨ 7
QUYỂN THỨ 8
QUYỂN THỨ CHÍN
VI. BỐN PHÁP HỐI QUÁ
VII. PHÁP CHÚNG HỌC
TẬP II
QUYỂN THỨ 10
VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH
QUYỂN THỨ 11
I. BÀN CHUNG VỀ VẤN ĐỀ YẾT-MA
II. VẤN ĐỀ KIẾT GIỚI
III. VẤN ĐỀ THỌ GIỚI
QUYỂN THỨ 12
I. PHÁP Y CHỈ
II. TƯ CÁCH ÔNG THẦY
III. PHÁP ĐỆ TỬ THỜ THẦY
IV. PHÁP THƯỢNG TỌA
V. PHÁP ĐỒNG HỌC
VI. PHÁP LỄ KÍNH
VII. PHÁP HIẾU KÍNH CHA MẸ
VIII. PHÁP AN CƯ11
IX. PHÁP TỰ TỨ13
QUYỂN THỨ 13
THUYẾT MINH PHÁP TRỊ TỘI
I. MINH ĐỊNH CÁCH TRỊ TỘI TỨ KHÍ
II. MINH ĐỊNH PHÁP TRỊ TỘI TĂNG TÀN
III. MINH ĐỊNH PHÁP TRỊ TỘI THÂU LAN GIÁ

IV. MINH ĐỊNH PHÁP TRỊ TỘI NHẸ
V. MINH ĐỊNH CÁC PHÁP YẾT-MA
VI. MINH ĐỊNH PHÁP PHÚ BÁT (úp bát)
QUYỂN THỨ 14
I. PHÁP VỀ Y1
II. PHÁP VỀ BÌNH BÁT
III. PHÁP VỀ ĂN VÀ UỐNG THUỐC
IV. PHÁP NHẬN THỨC ĂN
V. PHƯƠNG PHÁP NUÔI BỆNH
VI. PHÒNG XÁ
VII. PHÁP VỀ NGỌA CỤ
VIII. PHÁP VỀ ĐỒ VẬT
IX. PHÁP VỀ TÍCH TRƯỢNG
X. PHÁP VỀ TÒNG LÂM
QUYỂN THỨ 15
I. PHÁP A-LAN-NHÃ
II. PHÁP ĐẠI CHÚNG HỘI HỌP
III. PHÁP CHIA VẬT
IV. PHÁP NÓI PHÁP
V. PHÁP ĐỌC TỤNG
VI. PHÁP TỌA THIỀN
PHẬT NÓI KINH TỘI PHẠM GIỚI NHẸ NẶNG17
BÀI TỤNG CỦA GIỚI TƯỚNG
KỆ TỤNG 250 GIỚI
QUYỂN THỨ 16
I. GIỚI CỦA TỲ-KHEO-NI
II. MƯỜI BẢY PHÁP TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA
III. BA MƯƠI PHÁP NI-TÁT-KỲ BA-DẬT-ĐỀ
VI. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP BA-DẬT-ĐỀ
QUYỂN THỨ 17
QUYỂN THỨ 18
GIỚI PHÁP CỦA SA-DI
QUYỂN THỨ 19
LƯỢC GIẢI THÍCH KIỀN-ĐỘ TRÌ GIỚI CỦA ĐẠI, TIỂU THEO TỨ PHẦN LUẬT TẠNG
LỜI CUỐI SÁCH

---o0o---

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG LUẬT SƯ THÍCH ĐỖNG MINH

1. THÂN THẾ

Hòa thượng họ Đỗ, húy Châu Lân, sinh năm Đinh Mão – 1927 tại thôn Quan Quang, xã Nhơn Khánh, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thân phụ là cụ ông Đỗ Hoạch, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Tú. Gia đình gồm có năm người con, hai trai, ba gái, Hòa thượng Thích Đỗng Quán thứ ba, ngài thứ tư.

Gia đình ngài đời đời thuần tín Tam bảo. Cha mất sớm, được mẹ chăm lo dạy dỗ. Với bẩm tánh thông minh và hiếu học, năm 11 tuổi ngài thi đậu bằng Yếu Lược, việc này chưa từng xảy ra tại quê ngài, nên đích thân Lý trưởng đến thăm và chúc mừng. Đó là một vinh dự cho gia đình và quê hương ngài lúc bấy giờ.

---o0o---

2. XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Vốn có sẵn hạt giống Bồ-đề, túc duyên Phật pháp, năm 13 tuổi, ngài xuất gia với đại sư Chơn Quang – vốn là chú ruột – tại chùa Khánh Vân, thôn Văn Quang, xã Phước Quang, tỉnh Bình Định. Sau đó, ngài được Hòa thượng chùa Thiên Hưng đưa vào Phan Rang và trao cho Hòa thượng Huyền Tân chùa Thiền Lâm làm đệ tử với pháp danh Thị Khai, tự Hạnh Huệ, hiệu là Đỗng Minh, thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 42.

Năm Quý Mùi – 1943, ngài thọ Sa-di giới tại Đại giới đàn Long Khánh.

Năm 19 tuổi (1946), Hòa thượng được Bổn sư cho thọ Đại giới tại Đại giới đàn chùa Thiên Bình – Bình Định. Ngài Huệ Chiếu chùa Thập Tháp làm Đàn đầu Hòa thượng, với tuổi 19 thì chưa đủ tuổi theo Luật định nhưng với thiên tư đỉnh đặc ngài được Bổn sư đặc cách và Hội đồng Thập sư hoan hỷ chấp thuận.

Sống trong cảnh nước mất nhà tan, như bao thanh niên khác, Hòa thượng đã tham gia Hội Phật giáo cứu quốc tỉnh Ninh Thuận với cương vị Chủ tịch. Tuy lo việc nước nhưng Hòa thượng luôn giữ vững sứ mệnh xuất gia học đạo của mình.

Năm 23 tuổi (Canh Dần – 1950), ngài được Bổn sư ra ra theo học tại Tăng Học Đường Nha Trang, lúc ấy có danh xưng là Tăng Học Đường Nam Phần Trung Việt, đặt tại trường Bồ Đề – Nha Trang, do Hòa thượng Thích Thiện Minh làm giám đốc.

Năm 1954, Hòa thượng được Ban giám đốc Tăng Học Đường vào Sài Gòn học các nghề y tá, bào chế hóa chất… để bổ sung cho y phương minh, công xảo minh… làm tư lương hành đạo sau này.

Năm 1955, ngài xin ra Huế tham học với các ngài Thích Đôn Hậu, Thích Thiện Siêu, Thích Trí Quang để hoàn tất chương trình Đại học Phật giáo. Trong thời gian này, ngài lưu trú tại chùa Từ Quang.

---o0o---

3. THỜI HÓA ĐẠO

Năm Kỷ Sửu (1949), ngài được Hòa thượng Bổn sư cử giữ chức Thủ tọa (trị trì) chùa Thiền Lâm – Ninh Thuận.

Năm Canh Dần (1950), khi vào tu học tại Tăng Học Đường Nha Trang, ngài được Ban giám đốc và đại chúng đề cử giữ chức Thủ chúng để điều hành mọi sinh hoạt của chúng Tăng. Vì thế, Tăng Ni và Phật tử lúc ấy đều gọi ngài là "Thầy Thủ".

Năm Đinh Dậu (1957), sau khi hoàn tất chương trình Đại học Phật giáo, từ Huế trở về Nha Trang, ngài được Tổng hội Phật giáo Trung phần lúc ấy phân công nghiên cứu, tổ chức thành lập hãng vị trai Lá Bồ-đề để làm kinh tế tự túc cho việc đào tạo Tăng tài. Sau đó, hãng này được phát triển thành hai chi nhánh, một tại Sài Gòn, một tại Huế. Nguồn thu nhập tài chánh của ba cơ sở kinh tế này đã giữ một vai trò quan trọng trong việc đào tạo Tăng tài lúc bấy giờ. Ngài đã đảm nhiệm chức vụ Giám đốc cơ sở sản xuất này từ lúc thành lập cho đến lúc chuyển thể.

Cũng trong năm này, Tăng học đường Nha Trang và Phật học đường Báo Quốc – Huế hợp lại thành Phật học viện Trung phần đặt tại chùa Hải Đức – Nha Trang (thường gọi là Phật học viện Hải Đức Nha Trang) do Hòa thượng Thích Giác Nhiên làm Viện trưởng, Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Giám viện và Hòa thượng Thích Thiện Siêu làm Giáo thọ trưởng, ngài được mời giữ chức Trưởng ban kinh tế tự túc và làm giáo thọ giảng dạy thường xuyên tại Viện và các Phật học viện phụ cận trong những năm sau đó.

Năm Quý Mão (1963), ngài là thành viên Ủy ban bảo vệ Phật giáo tại Nha Trang – Khánh Hòa, cùng với Tăng, Ni và Phật tử vận động tranh đấu,

chống lại chính sách kỳ thị và đàn áp tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Năm Đinh Mùi (1967), Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất mời ngài giữ chức đại diện miền Khuông Việt, gồm các tỉnh Cao nguyên Trung phần.

Năm Mậu Thân (1968), ngài giữ chức Vụ trưởng Phật học thuộc Tổng vụ Giáo dục Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, điều phối và chăm sóc các Phật học viện toàn miền Nam lúc bấy giờ.

Năm Canh Tuất (1970), Phật học viện Hải Đức – Nha Trang mở lớp chuyên khoa Phật học, ngài được mời giữ chức Giám học thường xuyên đôn đốc việc tu học của Tăng Ni sinh.

Ngày 19 tháng 09 năm Quý Sửu (1973), ngài cùng với Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ mở Đại giới đàn Phước Huệ cho Tăng Ni từ Quảng Trị trở vào Nam thọ giới - đây là giới đàn lớn nhất. Hội đồng Thập sư được cung thỉnh từ Trung vô Nam và Đại lão Hòa thượng Thích Phúc Hộ làm Đàn đầu Hòa thượng.

Năm Giáp Dần (1974), Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức – Nha Trang thành lập do Hòa thượng Thích Thiện Siêu làm Viện trưởng, ngài giữ chức Phó viện trưởng điều hành, theo dõi chăm sóc mọi sinh hoạt của Viện.

Từ ngày thành lập Phật học viện đến Viện Cao đẳng, ngài và Hòa thượng Thích Trừng San là hai trợ lý đắc lực cho Hòa thượng Giám viện Thích Trí Thủ.

Đầu năm Mậu Ngọ (1978), ngài vào Sài Gòn dự tang lễ đức Phó Tăng thống GHPGVNTN, trên đường về thì ngài gặp nạn. Gần hai năm bị giam giữ tại Nha Trang như là một khổ duyên giúp cho ngài tăng trưởng nhẫn nhục Ba-la-mật… Bộ Tỳ-ni nhật dụng được dịch ra văn vần thuộc lòng cũng trong thời gian này.

Năm Tân Dậu (1981), GHPHVN thành lập, ngài được mời làm Đại biểu dự Đại hội trong Phái đoàn GHPGVNTN.

Năm 1982 và năm 1983, ngài an cư và dạy Luật tại Tu viện Quảng Hương Già-lam và Phật học Vạn Hạnh. Từ năm 1983, ngài được mời làm Thành viên Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương trong suốt 4 nhiệm kỳ.

Năm 1990, trường Cơ bản Phật học tỉnh Khánh Hòa thành lập, ngài được cung thỉnh giữ chức Giáo thọ trưởng và giảng dạy cho trường.

Từ năm 1983 đến 2001, ngài được cung thỉnh làm Tuyên luật sư cho các Đại giới đàn Trí Thủ I (1993), II (1997) và III (2001) tại chùa Long Sơn, Nha Trang, Khánh Hòa.

Năm Ất Hợi (1995), được sự tài trợ của Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh ở Đài Loan, ngài tổ chức đào tạo một lớp phiên dịch cho Tăng, Ni. Sau đó, tiếp tục hướng dẫn Tăng Ni, Cư sĩ dịch được nhiều bộ kinh trong tạng Đại Chánh Tân Tu, đồng thời ngài chứng nghĩa tất cả các bản dịch.

Năm Bính Tý (1996), ngài được cung thỉnh làm Tuyên luật sư cho Đại giới đàn Thiện Hòa tại Đại Tùng Lâm – Bà Rịa Vũng Tàu.

Năm Đinh Sửu (1997), ngài được Giáo hội Phật giáo Việt Nam tấn phong ngài và suy tôn vào Hội đồng Chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm Tân Tỵ (2001), trong Đại hội nhiệm kỳ III, Ban trị sự Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa cung thỉnh ngài làm Chứng minh và cố vấn cho Tỉnh hội, đồng thời thỉnh ngài làm cố vấn cho Ban Tăng sự và Ban Giáo dục Tăng Ni của Tỉnh hội.

Năm Nhâm Ngọ (2002), được sự hỗ trợ của các pháp hữu ở hải ngoại, ngài vận động thành lập Ban phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Nam và giữ trách nhiệm Trưởng ban hướng dẫn Tăng, Ni, Cư sĩ phiên dịch. Từ đó đến nay đã dịch được nhiều kinh sách và lưu hành rộng rãi cả trong nước lẫn ngoài nước.

Năm Quý Mùi (2003), ngài được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam mời giữ chức Phó Viện trưởng.

---o0o---

4. PHIÊN DỊCH LUẬT TẠNG

Vì bản hoài sách tấn Tăng, Ni nghiêm trì giới luật, thể hiện đạo phong Trưởng tử Như Lai, phụng sự đạo pháp nên từ lâu ngài đã dụng công nghiên

cứu Luật tạng và từ năm 1978 đến nay, ngài đã phiên dịch những bộ quảng luật thuộc hệ thống Luật tạng thuộc Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh như:

1. Tứ phần luật (60 quyển) – Hán dịch: Diêu Tần, Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm, Đại Chánh 22n1428.

2. Di-sa-tắc bộ hòa hê ngũ phần luật (30 quyển) – Hán dịch: Lưu Tống, Phật-đà-thập cùng Trúc Đạo Sinh, Đại Chánh 22n1421.

3. Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tỳ-nại-da (50 quyển) – Hán dịch: Đường, Nghĩa Tịnh, Đại Chánh 23n1442.

4. Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ bí-sô-ni tỳ-nại-da (20 quyển) – Hán dịch: Đường, Nghĩa Tịnh, Đại Chánh 23n1443.

Ngoài ra, ngài còn dịch các bộ:

- Trùng trị tỳ-ni (19 quyển, bản Biệt hành). Sa-môn Trí Húc biên soạn.

- Tỳ-kheo giới bổn sớ nghĩa (02 quyển, bản Biệt hành). Sa-môn Truyền Nghiêm tập thuật.

Và biên soạn:

- Dịch thuộc lòng bộ Luật tiểu (04 quyển) ra văn vần trong thời gian bị quản chế tại Nha Trang.

- Nghi truyền giới.

Năm 1991, là thành viên Hội đồng phiên dịch Luật tạng Phật giáo Việt Nam (do Phân viện Nghiên cứu Phật học Hà Nội mời).

5. VIÊN TỊCH:

Cuộc đời ngài với nhiều sóng gió, đến lúc già mới có phần nhẹ nhàng. Nhưng với nếp sống nghiêm túc, khắc kỷ và tuổi già sức yếu do bao gian nan thời niên thiếu, ngài lâm trọng bệnh. Thân tuy bệnh nhưng tâm ngài luôn an nhiên tự tại, biết ngày về với Phật không còn lâu, ngài đã sắp xếp việc phiên dịch, việc sử dụng tịnh tài dùng trị bệnh của ngài còn lại, duy trì và phát huy giới luật và khuyên thị giả cố gắng nối tiếp công việc này. Có lần

thị giả hỏi: "Ôn còn gì dặn dò?", ngài đáp: "Những gì cần làm tôi đã làm, có gì nữa để dặn dò", từ đó ngài nhiếp tâm niệm Phật.

Ngày 11 tháng Năm năm Ất Dậu (17 - 06 - 2005), ngài yếu dần, bảo thị giả đưa lên giường nằm, đến 18 giờ 35 phút ngài an nhiên xả báo thân trong tư thế cát tường.

79 năm trụ thế, 59 năm hạ lạp, cả cuộc đời của ngài là một bài học về thân giáo, ngài luôn thể hiện lối sống của một bậc chân tu, thiểu dục tri túc, giới đức tinh nghiêm, gắn liền đời sống của mình với sự nghiệp giáo dục đào tăng tài. Mặc dù về già, ngài chuyên về dịch thuật nhưng vẫn luôn theo dõi khích lệ đàn hậu bối, mà sự dịch thuật của ngài cũng nhằm mục đích giáo dục.

Hôm nay, ngài không còn nữa, đàn hậu học và những học trò của ngài bơ vơ lạc lõng vì mất đi một bậc thầy trí đức kiêm tài nhưng gương nghiêm trì giới luật, tinh tấn tu hành, tiếp dẫn hậu lai mãi mãi chiếu tỏa sáng ngời.

Nam Mô Tự Lâm Tế Chánh Tông, Tứ Thập Nhị Thế, Ninh Thuận Thiền Lâm Phú Pháp, Khánh Hòa Long Sơn Hóa Đạo, Huý Thượng Thi Hạ Khai, Tự Hạnh Huệ, Hiệu Đỗng Minh Hòa Thượng Giác Linh.

---o0o---

PHI LỘ

"Pháp quyển" mà Bổn sư của tôi, Hòa thượng Thích Huyền Tân ban cho tôi như một điều khẳng định mở lối để cho tôi chuyên tâm đi sâu vào việc học tập, nghiên cứu giới luật, sau khi tôi thọ cụ túc năm 1947.

Đã gần 50 năm qua, từ việc học tập, hành trì đến việc giảng dạy, dịch thuật nhiều bộ luật, song bộ Luật Trùng trị đã gắn bó với tôi một cách mật thiết, nó đã hằn sâu trong tôi, nó đã trở thành một bản thể của bản thể trong đời sống Bí-sô của tôi. Những việc mà tôi sắp thuật lại sau đây, tôi xem như sự trang trải tấm lòng thù ân của tôi lên quá khứ cũng như hiện tại đã trực tiếp hay gián tiếp giúp tôi hội đủ khả năng để hoàn thành bộ Luật Trùng trị bằng tiếng Việt này.

Xin được bắt đầu ghi lại:

Ngay sau khi thọ đại giới, phần giới bổn của bộ Luật tôi tiếp thu từ Bổn sư của tôi và chính đây là nền tảng mà thầy tôi đã thiết lập cho tôi.

Sáu năm sau, tôi đến Nha Trang, đến với Tăng Học Đường tại chùa Long Sơn, trụ sở Tỉnh hội Phật học Khánh Hòa. Tôi nhớ rõ năm ấy là năm 1953, và càng nhớ rõ hơn Hòa thượng Giám Luật Thích Đôn Hậu từ Tổng Trị Sự Huế vào phụ trách dạy Luật cho trường hạ: Ngài dạy phần Giải thích và Tướng trạng của tội, những điểm căn bản của bộ Luật. Đây là dấu ấn đức hạnh như tên gọi của ngài đã đặt lên tôi nói riêng, cho quý thầy từ bốn tỉnh: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và Đà Lạt Tuyên Đức nói chung về tu học tại Tăng Học đường trong mùa an cư năm đó.

Sau đó vài năm, cứ mỗi mùa an cư, tại Phật Học Viện Trung phần, chùa Hải Đức Nha Trang, Hòa thượng Luật sư Thích Trí Thủ đều giảng dạy những vấn đề thiết yếu: Khai, Giá, Trì, Phạm của bộ Luật cho quý thầy sau những ngày hoằng hóa khắp nơi quy tụ về an cư tu học, cũng như cho anh em học Tăng đang học tập tại Phật Học Viện. Có đến 20 mùa an cư, tại trú xứ này, tôi được gần gũi ngài Hòa thượng Giám viện Thích Trí Thủ để tiếp thu những điều Tác-Trì và kiến thức Luật học của ngài.

Kiến thức sâu rộng về Luật học là một lẽ, còn việc vận dụng vào đời sống thực tế vào việc hành trì là một lẽ khác, nhất là về mặt kiết giới và trị phạm, cần có sự linh hoạt và thực tiễn để Luật học không trở thành cứng nhắc. Do vậy, cần có sự vận dụng uyển chuyển theo sự phát triển của xã hội, song vẫn bảo đảm đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy. Nói khác hơn, phải nắm thật chắc mọi tinh hoa đã được tập thành trong Luật tạng để việc áp dụng không rơi vào lệch lạc và sự hành trì không vướng bận chi ly.

Ngài Hòa thượng Luật sư Thích Thiện Hòa đã tập thành được những tinh hoa ấy... Tôi đã trực tiếp học ở ngài các vấn đề quan yếu về Tác-Trì. Ngài đã chỉ ra tính cách sâu sắc của Luật học mà đằng sau nó là sự giải thoát, điều sau cùng của một Tỳ-kheo phải đạt được.

Những điều tôi học hỏi nghiên cứu về bộ Luật Trùng trị là như thế. Tuy nhiên, những kiến thức có được
về Luật chưa phải là đủ, và không biết bao giờ mới đủ được! Tôi tiếp tục học hỏi qua việc giảng dạy và dịch thuật Luật.

Về việc giảng dạy hay trong việc thuyết trình, tôi đã tham khảo nhiều bộ Luật, song căn bản vẫn lấy bộ Trùng trị làm tư liệu chính để soạn giáo án, cô

đọng những vấn đề thiết yếu nhằm làm sáng tỏ phần giới bổn của bộ Luật. Đây là phần chính tôi giảng dạy cho các tân Tỳ-kheo sau mỗi kỳ Giới đàn tại Phật Học Viện Nha Trang hay gần đây tại trường Cơ Bản Phật Học Khánh Hòa.

Tôi cũng được sự chỉ định của Hòa thượng Thích Trí Thủ vào Sài Gòn dạy Luật cho lớp Cao Đẳng chuyên khoa tại Quảng Hương Già-Lam, cũng như tại Phật học Vạn Hạnh trong hai mùa an cư 1982 và 1983.

Còn tại trú xứ chùa Long Sơn, Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa, tôi được sự giao phó của Hòa thượng Giám Luật Thích Trí Nghiêm giảng giải đến các đề tài về Luật học sau những lần chúng Tăng tập hợp Bố-tát. Cũng tại trú xứ này, qua suốt các mùa an cư của thập kỷ 80 cho đến tận hôm nay, tôi đảm trách thuyết trình các vấn đề chuyên biệt của giới luật, sự vận dụng và hành trì trước Tăng, Ni thuộc thành phố Nha Trang.

Song song với việc soạn và giảng dạy, tôi đã dành trọn thời giờ cho niềm vui trong việc thảo luận, bổ chính các vấn đề có liên quan đến Luật học và tập chú vào việc dịch thuật các bộ Luật từ Hán tạng.

Đối với việc thảo luận góp ý, tôi có diễm phúc cùng với thân giáo sư của tôi, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, giám định lại những điểm ngộ nhận trong bộ Luật "Tỳ-kheo-ni sao" mà Hòa thượng Giám Luật Thích Đôn Hậu đã dịch ra Việt ngữ và được ngài đồng ý cho sự giám định này. Chính việc làm này dẫn đến việc tôi nhận bổ chính bộ Luật Tứ phần Tỳ-kheo-ni giới bổn chú giải do ngài Trí Minh dạy, Ni sư Thích nữ Như Hoa ghi chép và đánh máy. Năm ấy là năm Đinh Mão 1987, PL. 2530 và cũng trong năm này tôi khởi dịch toát yếu phần Tác-Trì của bộ Luật Trùng trị. Công việc này đã hoàn thành vào ngày vía Xuất gia của đức Bổn Sư năm Mậu Thìn 1988, PL. 2531.

Dịch xong phần Tác-Trì, đây là phần thiết yếu, như vậy cũng có nghĩa là soạn dịch xong phân nửa bộ Luật rồi. Phần còn lại là phần "Chỉ-Trì", tôi tiếp tục dịch trong những tháng ngày đau yếu chữa trị mắt bị đục thủy tinh thể.

Do bệnh huyết áp cao và mắt mờ dần, mọi dự định gần như bị đảo lộn... Trong 20 quyển của bộ Luật, tôi dịch được 18 quyển thuộc phần chính, còn hai quyển đầu và cuối tôi đành phải nhờ Tâm Hạnh, đệ tử của cố Hòa thượng Thích Trừng San dịch hộ.

Sau cùng điều còn lại là lòng tri ân:

Trước hết con xin thành kính đảnh lễ tri ân thân giáo sư: Hòa thượng Thích Thiện Siêu, đã hoan hỷ phủ chính cho bản dịch bộ Luật Trùng trị này của con.

Tôi cảm ơn Ni sư Thích Nữ Huệ AÂn. Ni sinh Ni Viện Diệu Quang Nha Trang, học trò cũ của tôi, từ nước Mỹ đã xin phát nguyện cúng tịnh tài để in ấn bộ Luật này.

Giờ đây, sau những tháng miệt mài đọc lại bản dịch, chú thích và nhuận văn của Đức Thắng đã đánh vi tính xong, việc còn lại: in thành sách bộ Luật Trùng trị này, một kết quả của nhiều năm được tụ lại từ mọi nhân duyên đã vừa hội dủ.

Xin gửi đến chư Tôn đức và các vị trong giới Luật học bộ Luật này như sự cúng dường, biết ơn muôn một.

Ngưỡng cầu Tam Bảo thùy từ giám nạp.

Dịch giả Thích Đỗng Minh

Cẩn Thuật*

---o0o---

LỜI TIỂU DẪN

(Lần khắc bản lại năm 1890)

Tạng Luật là kỷ cương của Phật pháp, là mạch sống của Tăng già. Tiếc thay vào khoảng đời Nguyên đến đời Minh, Luật học không còn ảnh hưởng. Người có chí thấy vậy đành thở ra, dậm chân tại chỗ. Kẻ không hiểu giềng mối của luật thì tranh nhau truyền bá sai lầm.

Đến khi ngài Ngẫu Ích Đại Sư xuất hiện, ba lần duyệt Luật tạng, soạn thành bộ Tập yếu gồm 18 quyển, tóm lược cương lĩnh của Luật học. Đó là "Sơ trị".

Từ đó, đến 13, 14 năm sau, tuy cố gắng nhưng khả năng có hạn, lại không có người để tham vấn, nên không viết thêm được gì.

Nhân nghĩ đến số tài liệu đã soạn trước, tuy các điều hay đã thâu nhặt vào, nhưng chưa chọn lọc từng vấn đề, và hai tập "vấn biện" cùng "âm nghĩa" vẫn chưa khắc in, chi bằng hội chung với Tập yếu, để người học khỏi phải thấy sự mênh mông như biển cả của Luật học mà than thở. Đó là "Trùng trị". Và nghĩ rằng hai tập này truyền đến nước ta không biết từ thời nào. Đến khoảng niên đại Tự Đức, nhân lúc thầy tôi hiệu đính bản Tỳ-kheo-ni giới bổn, lại gặp được bản "Sơ trị" của phương Bắc gồm 11 quyển đầu. Sau đó, mặc dù hết sức tìm kiếm nhưng không đủ bộ.

May mắn gặp được vật quý giá như vậy làm sao bỏ qua. Thế nên bản phương Bắc đã giao cho Đại đức Phổ Tấn khắc bản. Còn bản phương Nam thì tra cứu lại bản sao lần đầu, hiệu đính lại từng phần, chép thành một bản riêng, ủy thác cho Thanh Chí Cao Thiền thay mặt thầy tôi để khắc lại. Khi ấy, công việc khắc in vừa xong, người phụ trách việc kiểm soát, truyền bá Tỳ-ni vội về nơi an dưỡng. Người chuyên trách việc khắc bản đã cõi bè giới đến Liên Bang.

Than ôi đời mạt pháp nên khiến ra như vậy!

Khởi công khắc bản vào đầu mùa thu năm Ất Dậu (1885), hoàn tất vào cuối mùa hạ năm Canh Dần (1890).

Ngày Rằm tháng Sáu năm Thành Thái thứ hai, người vâng lệnh kiểm soát bản khắc, chí thành đảnh lễ, thuật lại.

---o0o---

BÀI TỰA LUẬT TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU

Giáo pháp của Như Lai vang lừng khắp Đông Độ, trước sau đều nhờ vào giới luật. Pháp âm từ bi nhờ vậy ban bố cho chúng sanh, mở mang hưng thịnh và hoàn bị đến ngày nay.

Giới luật thịnh hay suy đều do con người, mà nay con người đã đến lúc quá suy đồi!

Việc truyền giới các nơi trong quốc độ này phần nhiều chưa y vào Luật và Pháp. Nói đúng hơn, thậm chí ngày nay, sự truyền giới và thọ giới trong nước ta đều sai lầm. Thật là sự sai lầm cho cả mình và người. Tất cả tệ trạng này đều do thầy trò truyền thừa cho nhau trái với lời dạy của Phật đã chế định.

Ngài Thiên Thọ Chấn Công Hòa thượng tinh tường tu tập ba tông, thấu triệt tận những chỗ vi tế. Ngài chống tích trượng du hóa nơi đất Tần, gặp cơ duyên trú ở Thiên Thọ. Ngài cảm thương cho luật pháp không được hoằng truyền, nên phát nguyện thay đổi tệ trạng này.

Hơn mười năm, ngài lấy Luật làm đầu. Nên dưới ngài có một số các vị có tâm chí muốn truyền trì giới luật, trong đó Tỳ-kheo Tấn Liêu nhiệt thành và có khả năng nhất. Tấn Liêu thiên tư đặc biệt chuyên về Luật tông, xem hết giáo lý Tỳ-nại-da (giới luật), nghiên cứu cùng tận cương chỉ của năm thiên1.

Tiếc thay những nhà chú thích Luật không nhiều, Tạng luật lại phức tạp. Thế nên làm cho người học cũng khó thấu triệt. Duy có bộ Trùng trị tỳ-ni này là có khả năng thức tỉnh những tệ trạng hiện nay, đủ để trình bày rõ chỗ hướng về. Do thế, tôi rất tha thiết mong được khắc bản để lưu truyền ở đời, hy vọng đáp ứng cho mọi người được phần nào.

Ý muốn là một việc, nhưng thời gian không cho phép, nên chưa thực hiện được. May thay gặp caùc vị Tỳ-kheo: Cốc Ấp, Triêu Dương, Truyền Giới, Tự Luật cũng đều nghĩ rằng: Nếu khắc bản được bộ Trùng trị tỳ-ni đề lưu hành thì lợi ích cho Luật học và người đi sau có chỗ học hỏi.

Khi ấy các vị: Cửu Thánh, Tuệ Thạch, Phật Bích, Thiên Thọ, Trí Đài cùng một số vị Thượng tọa trì luật khác đồng ý cử người lo tài chánh đề khởi công in. Tất cả đều một lòng quyết chí với nhau, lao khổ không sờn, chông gai chẳng ngại. Khắc bản luôn hai năm, công việc mới xong.

Ngưỡng mong những vị được thấy được nghe đều hoan hỷ thọ trì, ngõ hầu treo mặt trời Giới giữa hư không, dựng lại Chánh pháp trong thời mạt vận. Thứ nữa, không phụ lòng thương vì pháp của Tổ và báo đáp ân đức của Phật, như một giọt nước trong biển cả!

Luật học Tỳ-kheo Trí Đài soạn

---o0o---

Nguyên bài tựa bộ Tỳ-ni sự nghĩa tập yếu và bản mục lục này lần khắc bản đầu tiên không có. Sau khảo cứu thấy ở trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội, nguyên bản của Nhật Bổn đầy đủ toàn bộ, sửa chữa bản khắc rất hoàn mỹ. Bộ này đủ từ đầu đến cuối. Từ phần "Lời tiểu dẫn..." từ cuốn đầu cho đến phần "hồi hướng" cuốn 18, tất cả là 595 tờ, nay kính cẩn ghi lại.

Bản lưu tại chùa Bửu Khám, xã Tế Xuyên, huyện Nam Xương, phủ Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam.

---o0o---

BÀI TỰA TRÙNG TRỊ TỲ-NI TẬP YẾU

Tôi sanh vào giờ Hợi, ngày mồng 3 tháng Năm, năm Kỷ Hợi, niên hiệu Vạn Lịch thứ 27, đời nhà Minh (1599).

Đến năm 24 tuổi, tôi cạo tóc xuất gia, ngày mồng 7 tháng Năm, năm Nhâm Tuất, tức năm 1622.

Năm sau, ngày mồng 8 tháng Chạp, tôi thọ giới Cụ túc[1] trước tượng ngài Hòa thượng Vân Thê. Năm sau nữa, tôi thọ giới Bồ-tát trước tháp ngài Hòa thượng Vân Thê. Các vị A-xà-lê đều là bậc Cổ đức Pháp sư.

Năm 27 tuổi, vào mùa Xuân tôi xem qua bộ Luật, soạn "Tập sự nghĩa yếu lược", chỉ được hơn 100 tờ.

Năm 30 tuổi, vào mùa Hạ tôi nghiên cứu Luật lần thứ hai soạn thêm được bốn tập nữa.

Năm 31 tuổi, vào mùa Đông tôi lại nghiên cứu Luật lần thứ ba, soạn thành sáu tập, gồm 18 cuốn.

Năm 32 tuổi, vào mùa Hạ tôi lại dạy cho 3 người bạn là Tịch Cốc, Như Thị và Tuyết Hàng, giảng qua một lần rất kỹ. Năm đó, tôi thêm vào hai tập đầu và cuối, thành ra 8 tập.

Năm 33 tuổi, vào mùa Đông tôi chỉ giảng bảy quyển cho Kim Đài pháp chủ, người cùng quê, ở chùa Phật Nhật, núi Cao Đình, tại Linh Phong.

Mùa Hạ năm sau, tôi tiếp tục giảng cho 10 vị, một cách đầy đủ. Trong 10 vị đó có Tỳ-kheo Triết Nhân là người có khả năng thực hành.

Năm 35 tuổi, tôi kiết hạ tại Kim Đình Tây, chùa Tiểu Hồ, giảng qua một lần cho 9 vị Tỳ-kheo, trong số đó có 3 vị Đại đức: Triết Nhân, Tự Quán, Duyên Huyễn là thuộc hạng đáng quan tâm.

Năm 36 tuổi, mùa Đông, tại Ngô Môn, nơi am Huyễn Trú, tôi lại giảng qua một lần nữa. Người nghe độ 5, 6 vị, hai Tỳ-kheo Tự Quán và Tăng Tụ có khả năng thực hành.

Năm 38 tuổi, tôi vào núi Cửu Hoa, năm 40 tuổi, tôi vào đất Mân Trung. Năm 44 tuổi tôi đến Điều Thành. Từ đó đến 13, 14 năm sau, tôi tự thấy không thể thực hiện được gì thêm vì không có người để trao đổi mà khả năng mình thì có hạn. Ba vị Triết Nhân, Tự Quán và Tăng Tụ đều quá vãng cả. Luật học thật đã không phát huy được.

Năm 51 tuổi, mùa Đông tôi từ Kim Lăng về khu mình ở Linh Phong; mùa an cư năm sau, mới có chừng 10 vị phát tâm học Luật và họ yêu cầu tôi giảng lại bộ Luật này. Nhân nghĩ đến số tài liệu đã soạn trước, tuy các điều hay đã thâu vào, nhưng chưa chọn lọc từng vấn đề. Hơn nữa, hai phần "vấn biện" và "âm nghĩa" chưa khắc in, chi bằng gom vào bộ Tập yếu này mà chỉnh đốn lại. Sau đó, tôi san định, loại bỏ những chỗ rườm rà, giữ lại những phần thiết yếu và gọn gàng, để những người căn độn khỏi phải than phiền trước sự mênh mông như biển cả của Luật học.

Ngày 21 tháng Sáu năm Canh Dần (1650), Cổ Ngô, Ngẫu Ích, Sa-môn Trí Húc tự viết bài tựa này.

---o0o---

KHAI TỪ

Tạng luật là kỷ cương của Phật pháp, là mạng sống của Tăng-già, là bến lành nơi bể khổ, là đường chính đưa đến Niết-bàn. Khởi đầu từ Kê Viên1, đức Thế Tôn đã đề xướng Luaät học, bằng cách Ngài gọi: "Thiện lai Tỳ-kheo" thì người được gọi, giới thể thành tựu, cho đến khi Thế Tôn thị tịch tại Sa-la song thọ, chính Ngài dặn dò rằng: "Giới luật là quan trọng nhất".

Tuy rằng do người vi phạm mới chế giới, nhưng giới thể hiệp Ngay với vô tác; nên tùy duyên mở ra, tùy trường hợp ngăn cấm, đó chính là nêu cao sự sống động vi diệu và bao quát của Luật học.

Giới luật là con đường chung của cả Đại thừa và Tiểu thừa, đâu phải chỉ là nẻo riêng của Thanh văn.

Buồn thay! Cuối đời tượng pháp, con người mù mờ, không đạt được chơn tông; Kẻ ngu muội bởi kiến văn hẹp hòi, người cuồng trí thì rơi vào ngạo nghễ; hoặc có người dựa vào thiền cơ để trốn tránh, lại có kẻ lấy Phương quảng2, để sơn thếp cách nói năng. Các vị ấy đều bị lệ thuộc vào văn tự, mấy ai hiểu được thật nghĩa. Như ngài Huệ Năng đắc tâm ấn nơi Hoàng Mai ngũ Tổ, tại sao ngài không ra hoằng hóa ngay ở Tào Khê mà cần phải đăng đàn thọ giới Cụ túc, Quốc sư Trừng Quán hoằng dương giáo lý Hoa nghiêm nơi núi Ngũ Đài, là bậc mô phạm cho cả triều đình đến dân gian mà còn lập ra mười lời thề để giữ thân. Khi đức Đại Hùng còn tại thế, Pháp bảo và Tăng bảo đều do bậc Chánh Giác phát huy, nhưng khi Thế Tôn thị tịch thì Phật bảo và Pháp bảo đều được kiến lập từ Tăng-già. Nếu Tăng-già chỉ có 10 giới trọng và 48 giới khinh thì khác nào kẻ tại gia, và nếu không có Năm thiên Bảy tụ3 thì làm sao biết được sự thoát ly thế tục là cao cả?

Thế nên biết rằng, kinh Phạm võng bao gồm cả năm đạo, chỉ trừ địa ngục, vì xuyên suốt nhau nên thành ra rộng lớn. Tạng luật chỉ áp dụng cho loài người ngăn ngừa các nạn. Vì chế như vậy nên trở thành tôn quý. Ắt hẳn có người ngưỡng mộ Đại thừa nên không chịu lệ thuộc vào tiểu tiết, tự mình để tóc, không mặc pháp y, muốn làm đóa sen trong biển lửa. Nếu như các vị ấy có lòng thương đời mạt pháp, có chí làm bậc trụ cột, sao lại buông lung phóng túng theo ý mình, cam làm con giòi trong thân con sư tử vậy?

Trí Húc tôi, tự nghĩ mình nghiệp chướng nặng nề không thể tu hành theo lý huyền diệu được, lại buồn vì tuổi đã lớn, mà chưa được gần gũi các bậc Hiền triết. Đau đớn nhất là không níu kéo được thời gian, nên tôi từ giã mẹ hiền đi xuất gia, và nghĩ rằng Tịnh độ có thể về. Tôi ái mộ đại sư Liên Trì nhưng chỉ được học với ngài qua sách vở để lại.

Biện biệt về kỷ cương của Tông mỗi khi nhớ đến phong thái của ngài Tư Bá, hộ pháp quên thân, nguyện kế tục theo phái Khuông Sơn, mà thấy kẻ lưu tục đương thời nên than thở, đọc kinh Di giáo lại càng thêm buồn tủi.

Mãi đến cuối mùa Đông năm Giáp Tý, tôi làm lễ tháp Vô Lượng Quang, lòng càng bội phục nên phát tâm tăng thượng, cầu xin các bậc Cổ đức Xà-lê chứng minh, để học giới Bồ-tát. Sau đó, tôi tham khảo Luật bộ của cả Đại thừa và Tiểu thừa, lấy Tứ phần luật làm chuẩn, và tham khảo luật của những bộ phái khác, soạn thành bộ Sự nghĩa yếu lược. Tôi làm việc này với cái khả năng nhận thức ngu muội quê mùa, do đó, không thể trình bày hết sự cao rộng của Luật học được, nhưng việc làm này là để tạo tư lương cho mình với sự vô tâm không vụ lợi.

Mùa Xuân năm Mậu Thìn, tôi gặp Tuyết Hàng Tiếp Công, lòng rất mừng vui vì ngài nghiêm tịnh Tỳ-ni. Nhân đó tôi có ý muốn vào núi gấp để tra cứu lại những chỗ trích lục (ghi chép) vẫn còn nhiều sơ sót. Tôi đến hang Thiền Long Cư, xem lại văn trong Tạng, không luận bộ phái mình hay tông phái khác, những vấn đề nào chính yếu tôi đều trích lục cả, tra cứu những chỗ khinh trọng của Luật rất tận tường, để xác định rõ ràng tiêu chuẩn của sự khai, giá. Đồng thời, tôi tra cứu Đại luật, tìm cho được nguồn gốc sự đồng dị, và hết sức tránh những ý kiến riêng tư, nên không mắc phải cái sai là chê Tiểu thừa, do đó những kẻ thích sự thẳng mực, khó có cớ mượn lý Đại thừa để phê phán. Tôi khảo đính thành một pho, đặt tên là "Tỳ-ni sự nghĩa tập yếu".

Tôi tham khảo ý kiến của các bậc Chân Tịch, Bốc Lão nhân, thiền sư Bác Sơn Vô Dị thì các ngài đều khuyến khích khắc bản lưu thông.

Sau đó, tôi lại cùng với hai pháp hữu Bích Như và Quy Nhất xem xét thảo luận lại cho chắc chắn, và bổ túc cho hoàn chỉnh.

Kim Đài Pháp Chủ ở chùa Phật Nhật rất hoan hỷ và cho khắc bản. Cơ duyên hưng khởi của Phật pháp chắc chắn nhờ vào lúc này.

Nhưng than ôi! Tập yếu lược đây ví như hạt bụi nhỏ, đối với thể của Luật như núi cao mầu nhiệm. Đây là kết quả do khả năng kém cỏi của tôi, nhưng có thể nói là hết sức mình.

Tôi tự hận, sự hiểu biết của mình quá thô sơ, hành trì lại thiếu kém, nhìn lên rất thẹn với bậc Hiền triết đi trước, nhìn xuống thêm tủi hổ với hàng hậu tấn. Rất mong các bạn lành đồng học, xét chỗ tâm thành của tôi, thương cho sự không bén nhạy lạc hậu của tôi, cùng một lòng, một trí phò trì vận mệnh của Phật pháp, báo đáp phần nào ân đức Phật.

Đầu mùa Xuân năm Tân Mùi, Trí Húc viết tại chùa Cao Đình Cổ Vĩnh Khánh.

---o0o---

NGUYÊN BẠT

Luật Ma-ha Tăng kỳ nói:

"Thiện nam tử nào muốn xây dựng Phật pháp, cần phải quyết tâm thọ trì Luật này. Vị nào muốn cho Phật pháp cửu trụ tại thế gian, cần phải quyết tâm thọ trì Luật này. Vị nào tâm sợ sệt vì phạm tội, muốn tìm chỗ nương tựa, cần phải quyết tâm thọ trì Luật này. Vị nào muốn không còn có nghi hối để khỏi phải hỏi người khác, cần phải quyết tâm thọ trì Luật này. Vị nào muốn đi du hóa khắp nơi, không bị trở ngại thì cần phải thọ trì Luật này".

Luận Tát-bà-đa nói:

"Tỳ-ni có bốn nghĩa mà kinh khác không có:

- Một là vùng đất bằng của Phật pháp, các thiện pháp đều sanh trưởng từ đó.

- Hai là tất cả đệ tử của Phật đều y vào luật để sinh hoạt, và tất cả chúng sanh do giới mà có.

- Ba là cửa ngõ đầu tiên để đến Niết-bàn.

- Bốn là xâu chuỗi ngọc để trang nghiêm Phật pháp.

Do đủ bốn nghĩa này nên không có gì quý bằng Luật".

Than ôi! Lợi ích của giới đâu phải là nhỏ, tại sao cách Phật đã xa, việc nhầm lẫn lại nhiều, và chúng sanh đời mạt pháp ít gặp bậc chơn phong?

Từ khi giới luật truyền vào Trung Quốc, khởi đầu từ ngài Tăng Khải đời Tào Ngụy, ngài Tự Huy và Hoài Tố Luật sư đến nay, những bậc am tường về luật thật là hiếm. Đôi khi có một hai vị Đại sĩ thông suốt hoằng truyền thì đã không được như sư tử ra khỏi hang, chẳng khác nào như con ngỗng chúa chọn sữa uống (chừa nước), gần thì bỏ cương tôn của 5 bộ, mà nhận lấy

những cương mục hỏi đáp bên cạnh, chú trọng gấp điều đáng hoãn, hoãn lại điều đáng gấp, tự mâu thuẫn nhau, mất dê ngày càng dài. Do đó, bậc hào kiệt chưa từng hỏi đến. Vậy thì biết nhờ đâu cho mặt trăng giới sáng giữa đêm sâu, duy trì giềng mối cũ khỏi bị đứt tuyệt.

Thọ Trù tôi, đọc kỹ những tài liệu để lại, phát sinh nhiều mối cảm xúc. Tôi thấy sư huynh Trí Húc, nặng tình với Chánh pháp, lòng bi nguyện rất sâu, tham khảo hết chỗ kín đáo của Luật tạng. Tự chọn Tứ phần làm cương lĩnh và dựa vào các bộ khác để soi sáng, tìm tận nguồn nước để lấy được cam lồ, góp lại thành nhiều quyển, đều tuân theo lời dạy của Cổ đức, không phải những lời nói ngoa, mong sao ai uống được một giọt, có thể trị hết những bệnh lâu ngày; ai uống no đủ thì bệnh mới không phát sinh. Biển giới sẽ được trong sáng là chính nhờ ở hành động này.

Không biết nhờ đời trước tôi đã làm nhân tốt gì mà nay được dưĩ phần trong pháp tịch Tỳ-ni? Vì quá vui mừng nên vội nếm trước, và gởi vài lời vào cuối sách này.

Người biết Chánh pháp, ắt không phải vì mưu tính mà làm; kẻ bất tiếu, thì không hùa theo cái đẹp của người khác.

Mùa Xuân năm Canh Ngọ, người em trong Luật học, hậu học U Khê Thọ Trù kính ghi.

(Bài bạt này nằm ở cuối quyển thứ 18 của bộ Tỳ-ni sự nghĩa tập yếu, nay để vào nơi đây cũng theo sự sắp xếp của bản Trùng trị cũ).

---o0o---

TỔNG VẤN BIỆN

HỎI: - Luật học chú trọng đến chỗ tin chắc, và nỗ lực hành trì. Ai giữ được Năm thiên, chắc sanh vào cõi trời cõi người; nhưng khi phước của họ nếu hết, tương lai sẽ ra sao? Người nào tu theo Tông, Giáo: trước hết, phải biết mở mắt ra, sau đó đạo cộng giới1 mới sanh, đó là việc cần gấp. Người xưa có nói: Quý ở chỗ thấy tánh, không quý ở hành trì, há không đúng hay sao?

ĐÁP: - Luật học là nhân chánh để xuất thế. Thành tựu giới Ba-la-mật mới đạt đến địa vị Phật-đà. Vậy Luật học đâu phải chỉ là phước baùo của cõi trời, cõi người! Sự kiến tánh của Tông, Giáo tuy rằng giống nhau, nhưng muốn

rời giới luật để nói riêng về Giáo và Tông thì đó chỉ là bỏ sự cầu lý, rơi vào ác tri kiến.

Ngài Qui Sơn có nói: "Chưa thân cận và học hỏi theo giới luật thì chơn nghĩa của Tối thượng thừa làm sao thấu triệt được ?"

Tôn giả Kinh Khê nói: "Bốn giới đầu làm cảnh, sáu giới sau quán chung, sự lý tương tức"2.

Nên biết rằng: Thiên và Tụ không thể thiếu sót. Người đời coi thường Sự mà lại muốn đạt đến Lý sâu, xét ra quan niệm này rất hư huyễn, không có cơ sở gì cả. Đã thiếu caûnh quán thì lấy gì để quán? Nhưng dù Tông hay Giáo đều có răn dạy rõ ràng, tại sao không nghĩ đến điều ấy?

Người xưa sở dĩ nói: "Quý ở chỗ thấy tánh, không quý ở hành trì". Chính vì có thấy tánh tức có hành trì, nhưng có hành trì chưa chắc đã thấy tánh. Nay ta lại cho rằng giới pháp Vô thượng của đức Phật thuộc nhơn, thiên, bỏ cả Luật nghi, chỉ nói suông về Đạo cộng giới, chánh kiến đã bị phá thì hành trì sai là lẽ dĩ nhiên. Như vậy chắc chắn bị đọa trong ba đường ác, tuy muốn sanh vào trời, người nhưng cũng không thể được.

HỎI: - Đời mạt pháp con người căn tánh chậm lụt, chỉ nên nói gọn. Tứ phần luật vì ai cũng sợ sự phức tạp chi ly của nó, nên chỉ đặt lên chỗ cao mà thờ. Nay bộ Tập yếu này lại trích dẫn thêm các bộ Luật khác càng thêm phiền toái. Tại sao không lấy ngay Giới bổn
Tứ phần để giải thích gọn các choã nghi ngờ, có hay hơn không?

ĐÁP: - Đời mạt pháp, con người căn tánh chậm lụt, chỉ thích gọn không ưa rộng là một chứng bệnh, cố thủ sự ngu si, không hiểu biết. Càng theo xu hướng ấy càng đi xuống mà thôi, cuối cùng không bao giờ giải tỏa được
sự nghi ngờ. Nay muốn cứu vãn cái khổ nạn ấy, cần phải học rộng, phá bỏ sự hẹp hòi, mới có thể có chỗ y cứ. Nếu chỉ đem Giới bổn Tứ phần giải thích sơ qua thì làm sao phân tích cho rõ các vấn đề khai, giá, trì, phạm; người ưa chuộng Phật pháp còn khó thông đạt được, huống chi kẻ theo thói biếng nhác, không chịu để ý đến, tới lui sai quấy, có ích lợi gì!

HỎI: - Pháp môn niệm Phật, rộng lớn lại dễ dàng, chỉ tin theo và hành trì là được. Hành giả cố gắng nhất tâm niệm Phật tự nhiên ngăn được điều sai quấy, chận đứng các điều ác, phiền gì phải cần cù cả năm học pháp luật này, danh tướng mênh mông phiền toái, không đơn giản chút nào. Quả vị do trì

giới, cao lắm là Thanh văn, rộng lớn gì đâu; như vậy sợ rằng không bằng chuyên chú phát triển một pháp môn vi diệu của Tịnh độ?

ĐÁP: - Trì giới và niệm Phật vốn là một pháp môn chứ không phải hai đường; tịnh giới là nhân, Tịnh độ là quả. Nếu ta gọi việc niệm Phật là đường tắt còn Luật học là đi quanh thì chính ta đã đi ngược lại lời giáo huấn tha thiết cuối cùng của đức Phật thì làm sao thành tựu được niệm Phật tam-muội? Lại nữa, giới như biển không bờ, như báu cầu không chán, sao lại không rộng lớn? Làm là phạm, đình chỉ là trì, bảo đảm giải thoát, sao lại không đơn giản; Thế nên người nhất tâm niệm Phật, tuy có thể ngừa điều sai, chận việc ác, nhưng người chuyên tinh Luật học, thật là kẻ giữ lấy lời dạy sáng ngời của đức Phật. Hiện tại làm hưng thịnh ngôi Tam bảo, khi lâm chung sanh lên cảnh giới thượng thượng phẩm. Sự vi diệu của pháp môn nào, làm sao hơn thế được!

HỎI: - Đức Như Lai giáng sanh ở Ấn Độ, những giới luật thuộc về giá tội đều chế cấm do sự chê trách của cư sĩ đời này, song cũng tùy theo địa phương mà giới luật có thay đổi. Nay ở xứ ta, nếu không tuân hành, chưa chắc cư sĩ đã chê trách. Giả sử bỏ đi các giới vi tế, có gì sai với luật Phật dạy đâu? Lại nữa, nay thời mạt pháp, ngoại duyên hỗ trợ không nhiều, chính nhân bên trong lại mỏng và ít, nên muốn giữ lại tất cả các giới để không phạm, thì làm sao diễn giảng giáo pháp cho rộng rãi. Giữ gìn trọn vẹn các tiểu tiết để mất sự lợi ích lớn lao, đâu phải là bản tâm của Bồ-tát, kẻ chơn chánh học Nhất thừa như vậy sao?

ĐÁP: - Đức Như Lai với tri kiến sâu rộng, Ngài vì
chúng sanh khắp trên đại thiên thế giới chế ra giới luật. Còn lục quần Tỳ-kheo đều là bậc đại quyền Bồ-tát thị hiện, tự đặt mình vào hình thái của chúng sanh đời mạt pháp, nên tạo ra các nhân duyên phạm giới. Chính do
tính người lười biếng, không giữ những giới trọng và giới khinh nên làm cho pháp của Phật suy đồi. Nay muốn hoằng truyền Tông, diễn thuyết Giáo nghĩa đều phải lấy trì giới làm gốc. Vị nào giới luật tinh nghiêm thì chánh nhân bên trong đôn hậu, phụ duyên bên ngoài tự đầy đủ; trong tướng bạch hào3 một phần sáng rực, quả quyết không phải là lời nói hư cuồng. Nếu ta cho giới là tiểu tiết, túùc hủy báng Chánh pháp. Người như vậy thì giảng về Tông, thuyết về Giáo đều là chuyện vu vơ vô ích. Nếu có thu hoạch được ảnh hưởng ngoại duyên nào, thì tất cả đều là ma nghiệp có ích lợi gì cho Chánh pháp.

HỎI: - Chư Tổ ở Tây Trúc đều tinh thông tam học. Tại đất nước thô lậu này, thời gian cách Phật lại xa, tri kiến mọi người lại hẹp hòi, từ đời Đường, Tống trở lại đây có vài vị Tôn túc, đạo phong sáng tỏ dưới rừng cây, bên dòng suối nước, núp dưới vài tấm phên, với một cây cuốc tự sống một đời thuần tịnh. Đến khi các vị ấy ra lãnh chúng thì đưa ra quy tắc: "Một ngày không làm, một ngày không ăn", đến lúc độ người thì lại dùng
tiếng hét và gậy làm phương tiện để đưa người hướng thượng. Tất cả những phương tiện ấy đều không tương ưng với giới luật. Thế mà những người hảo tâm xuất gia đều theo lối hành cước4 vào núi, rồi sau đó lên tòa đắp y, những người sau này đều bắt chước theo cách ấy. Ngày nay bao nhiêu người làm theo như Tổ, hoï có thật là Tỳ-kheo không? Nếu không phải là Tỳ-kheo thì làm sao kế thừa được địa vị của chư Tổ? Nếu họ là Tỳ-kheo tại sao không tuân theo Luật chế? Lại nữa, những người kế thừa địa vị của chư Tổ xem nhẹ Luật học, không biết chư Tổ đi trước có xem nhẹ Luật học như vậy hay không? Lại nữa, ngày nay những người kế thừa địa vị chư Tổ, tuy không tuân theo giới luật nhưng họ lại truyền giới cho người; không rõ chư Tổ đi trước có truyền giới cho người đi theo kiểu đó hay không?

ĐÁP: - Chư Tổ đi trước có 3 hạng:

˜ Bậc thứ nhất, nghiêm trì giới luật thanh tịnh làm mô phạm cho ba cõi, như các ngài: Huệ Viễn, Trí Giả, Tả Khê, Vĩnh Gia, Kinh Khê, Đại Mai, Vĩnh Minh, Giác Phạm, Cao Phong, Trung Phong, Sở Thạch v.v... Ngài Giác Phạm không ăn phi thời, ngài Trung Phong mùa Đông mùa Hạ chỉ mặc một y. Những tấm gương sáng đó được ghi đầy đủ rõ ràng trong sử sách. Từ xưa đến nay, những bậc Tri thức như vậy cũng nhiều, là chỗ đáng kính ngưỡng để chúng ta bắt chước theo.

˜ Bậc thứ hai, sống trong đời mạt pháp, ở vào hoàn cảnh bất đắc dĩ, tuân theo di mệnh của Phật, song lại lược bỏ các giới vi tế, ở chùa thời cày cấy trồng trọt, lãnh chúng thời khai khẩn ruộng đất. Nhưng đối với các giới không ăn phi thời v.v... các vị ấy vẫn tuân hành đầy đủ. Trong Bách Trượng thanh quy gọi bữa ăn chiều là thuốc chữa bệnh mà không gọi là ăn cháo, chỉ cho là uống thuốc phi thời, thuốc bảy ngày, thuốc trọn đời mà thôi.

Lại nữa, ngài Đức Sơn đem cất bình bát vì thấy mặt trời đã xế. Từ những chi tiết đó, nên biết rằng vấn đề không ăn phi thời đã được sáng tỏ; nhưng những bậc Tri thức ấy đâu dám vì người truyền giới. Cho nên, từ đời Đường, Tống trở lại, Thiền sư thì có chùa của Thiền sư, Giảng sư thì có chùa của Giảng sư, Luật sư thì có chùa của Luật sư. Những người khi mới xuất gia

phần đông học luật đầu tiên, ai có sở đắc về luật thì lấy luật làm tông phái của mình, nếu ai không có sở đắc về luật thì theo học giáo thuyết hay tham thiền, nhưng họ chỉ bỏ các giới nhỏ nhặt chứ không bỏ các trọng giới và tánh giới. Nếu ai không học luật thì tìm đến Thiền giáo để tham học, đây gọi là thừa gấp giới hoãn, nhưng vẫn giữ gìn 5 giới căn bản, tránh việc không hủy báng hay phạm trọng giới, các vị ấy vẫn không dám xưng là Tỳ-kheo và chắc chắn không dám khinh thường người học luật, họ tự thẹn là không thể hành trì theo giới luật, lấy đó làm đức tàm quý. Những vị ấy khi nhập thế tiếp độ mọi người thì họ thọ giới lại, để tánh giới và giá giới5 đều thanh tịnh như đức Lục Tổ Huệ Năng v.v... Hoặc tự tu tự chứng, gặp cơ duyên chỉ tiếp độ một lần như ngài Thọ Xương. Có người hỏi ngài Thọ Xương:

"Phật chế Tỳ-kheo không được đào đất, tổn thương cây cỏ. Tại sao ngày nay ngài tự cày, tự gieo cây hạt, tự làm cỏ, tự gặt hái?"

Ngài đáp:

"Chúng tôi chỉ ngộ được tâm Phật, truyền thừa ý chỉ của chư Tổ sư, chỉ bày cho người có duyên thấy được tâm tánh. Nếu đem Chánh pháp mà xét thì chúng tôi chỉ có thể gọi là cư sĩ trọc đầu, chứ đâu xứng danh Tỳ-kheo".

Lại hỏi:

"Giả như ngày nay có người hành trì được giới Tỳ-kheo đúng như Pháp thì ngài đối với vị ấy thế nào?"

Ngài đáp:

"Nếu thật có hạng người như vậy, nên kính họ như Phật, hầu hạ đúng như pháp thờ thầy. Chúng tôi không phải không làm, mà thật sự chưa thể làm được vậy".

Lại như, Đại sư Tử Bá suốt đời chỉ ăn cháo buổi sáng, ăn cơm buổi trưa, ngoài ra không ăn tạp, hơn 40 năm không nằm, hành trì như vậy mà ngài còn cho rằng chưa giữ được các giới vi tế, nên trọn đời không dám truyền giới Sa-di hay Tỳ-kheo cho người khác. Trường hợp bất đắc dĩ, ngài chỉ truyền 5 giới mà thôi.

Than ôi! Các vị Tổ sư trên đã tôn trọng giới luật như vậy, đâu dám xem thường, nếu ai khinh thường giới luật chắc chắn thuộc loại tà kiến, chẳng phải chơn thật là bậc mô phạm.

Bậc thứ ba, thì đại vận dụng phương tiện, xem xét các cơ duyên lợi ích, phá nghi chấp cho người, nên không câu chấp vào quy tắc thường áp dụng. Như ngài Văn-thù Bồ-tát cầm gươm bức Phật6 ba nơi phá hạ. Tỳ-kheo Trùng Thắng cùng người đồng nữ ngồi khiến cho họ chứng quả Vô sanh. Đến như Hàn Sơn, Thập Đắc mắng cả Luật chủ, Quy Tông Nam Tuyền chặt rắn, giết mèo... Những hành động ấy, vào lúc quyền hiện không thể không làm. Như thầy thuốc giỏi dùng vị tỳ sương7 để chữa bệnh. Đại tướng lập trận đồ để dẹp giặc, chẳng qua là chỉ dùng trong nhất thời, không thể đưa vào quy tắc của sách vở cần yếu hàng ngày.

Lại như những hành động la Phật, mắng Tổ, đánh thật đau, hét thật lớn, đều là việc bất đắc dĩ phải sử dụng. Thường gọi: “Binh là vật bất tường" chính là nghĩa đây vậy. Không phải như dùng gạo, đậu, lúa, bắp để so sánh được. Cách sử dụng hình như ngược lại với luật, nhưng người trì luật chơn chánh đã nắm được ý chỉ cuûa luật. Trường hợp như Mạt-lợi phu nhơn uống rượu để cứu người khỏi chết; đức Phật tán thán phu nhơn là người giữ trai giới chơn thật.

Bồ-tát giới bổn chép: Bồ-tát thấy việc thiết yếu phải làm thì được phép sát sanh, ăn trộm... hành động có mục đích lợi ích như vậy, Bồ-tát không bị phạm giới, mà còn sanh trưởng nhiều phước đức. Nếu như sử dụng sai chỗ thì sẽ tạo ra nhận định sai lầm cho người đi sau, tai hại không nhỏ, như Ưu Mạnh bắt chước Thúc Ngao8.

Những kẻ Tông chẳng phải Tông, Luật lại không phải Luật, hủy báng Đại Bát-nhã, gây nghi ngờ, tạo sai lầm cho người hậu thế, quả báo trong ba đường ác làm sao tránh khỏi; giả như vì khuyến dụ kẻ ngu si hướng về Tam bảo, mà làm các phước nghiệp tà mạng, do phước lực này giữ gìn không bị đọa lạc ngay, nhưng cuối cùng vẫn là quyến thuộc của ma vương ngoại đạo, không phải là đệ tử của Phật.

Trong đời mạt pháp loại ma tà như vậy rất nhiều. Chúng dối gạt thế gian, lại nhờ sức hỗ trợ của ma vương nên được cúng dường đầy đủ. Chúng thường tụ tập cả trăm ngàn quyến thuộc con cháu của chúng, phân bổ khắp thế gian, chúng hủy giới luật của Như Lai. Người ngu không hiểu biết tham muốn danh tiếng của chúng nên tranh nhau bắt chước, làm cho những người hảo

tâm xuất gia đều bị đọa lạc vào bè đảng của chúng, họ muốn cầu thoát ra, lại bị rơi vào, thật đau lòng biết
bao! Song những người ấy, nhờ Tam bảo làm cảnh sở duyên, nên khi tội báo hết lại nhờ vào năng lực của Phật Pháp Tăng độ thoát. Như người bị té trên đất nhờ dựa vào đất được đứng dậy. Những người này so với những người không nghe danh hiệu Tam bảo còn hơn một bậc. Thế nên Ma vương nói với đức Phật:

"Chúng tôi ở trong đời mạt pháp của Ngài, sẽ sai quyến thuộc của chúng tôi, ăn cơm của Ngài, mặc áo của Ngài, ở nhà của Ngài để phá hoại giáo pháp của Ngài".

Đức Phật bảo Ma vương rằng:

"Các ngươi chỉ tự phá lấy mình chứ pháp của Ta không thể bị phá hoại được".

Nay ai muốn không bị đọa vào ba đường ác, đi thẳng lên quả Thánh, thì trì giới là việc làm hàng đầu. Nếu ai không thể giữ giới được, nên tán thán giới, tự thân phải tàm quý.

Ai tự mình đã mang danh thọ giới, sao lại xem thường giáo pháp? Tự thân không giuõ giới tinh nghiêm mà lại làm thầy truyền giới cho người, đã vì người truyền giới, lại không dạy người học giới đúng như pháp, thế mà những vị này còn nói: "Giới luật là Tiểu thừa, không cần phải học tập". Những người này chắc chắn phải đọa vào tam đồ, làm quyến thuộc của ma, tự mình thọ lấy cái khổ đã tạo ra, không ai có thể cứu được. Tuy vậy, cuối cùng ai cũng có thể thành Phật được. Tôi đâu dám khinh thường họ!

---o0o---

PHÀM LỆ

1) Văn dịch trong Luật tạng rất phức tạp, nay muốn cho người học dễ nắm được, nên tôi nhằm vào ý nghĩa chủ yếu, lược bớt văn tự. Văn tuy được rút gọn, nhưng ý nghĩa chính vẫn giữ nguyên, nếu vị nào không tin, xin cứ đem Luật tạng ra đối chiếu.

2) Sau khi đức Như Lai diệt độ, Luật tạng được kiết tập, ban đầu không có chủ trương riêng của từng bộ phái. Sau này do kiến giải sai khác, nên phân

thành nhiều bộ, khi đã phân thành bộ phái, tất nhiên ai đi theo chủ trương nấy. Như ngài Nghĩa Tịnh chỉ hoằng dương luật Căn bản, ngài Hoài Tố đề cao luật Tứ phần, cho nên khó mà hội thông được.

Sợ rằng: Có học xứ bị bên này bỏ ra, lại được bên kia thu dụng, hoặc bỏ giới giá lấy giới khai, đưa đến tình trạng chú trọng giới khinh, xem thường giới trọng. Tôi phỏng theo ý chỉ của Luật sư Nam Sơn để đả thông tất cả sự dị đồng của các bộ. Chính yếu là sử dụng những ý kiến hợp lý nhất, không dựa vào cơ sở nào hết, như tránh né, thu dụng hoặc loại bỏ. Mục đích chính là hoàn thành việc tổng hợp những quan điểm đúng của các bộ phái. Ngõ hầu khế hợp được bản ý của Như Lai.

HỎI: - Tuyên luật sư sử dụng các bộ phái còn bị
Hoài Tố luật sư chê. Nay y cứ vào đâu để làm cơ sở cho việc lấy, bỏ, đúng, sai? Nếu dựa vào sự suy luận
của phàm phu thì liệu có đúng với quy định của Phật không?

ĐÁP: - Do sự tranh chấp nên sanh ra nhiều bộ
phái, hiện tượng đó là sự suy thoái của đạo pháp. Sử dụng những sở trường của các bộ, chính là ý muốn tập thành. Tuy Hoài Tố chê, có chỗ cũng có căn cứ, nhưng chẳng lẽ Luật học của Tuyên luật sư sai heát hay sao? Huống chi Phật có dạy rõ: "Người nhiều trí tuệ có thể bỏ, có thể lấy, nhưng kẻ ngu si không thể phân biệt được". Thế nên ở đây, lấy sự phân minh để tập đại thành là nghĩ đến người đi sau. Cho nên bộ Tập yếu này sử dụng sở trường của các bộ, là để đủ điều kiện tham khảo. Hơn nữa, vì ngược dòng tìm đến tận nguồn, nên đâu phải căn cứ trên những suy luận riêng tư để lấy hay bỏ một cách tùy tiện.

3) Riêng luật Thiện kiến phân giá tội và tánh tội1 nhưng bên dưới mỗi giới có chỗ phân có chỗ không. Nay tôi theo nguyên bản không dám thêm vào, ai muốn đối chiếu nguyên bản thì có thế thấy rõ. Lại nữa, theo luật Thiện kiến gọi là chế tội, thì ở đây gọi là giá tội, chữ dùng tuy khác, ý nghĩa như nhau.

4) Theo sau mỗi giới, đều có các phần: Duyên khởi, thích nghĩa, đưa ra sự khinh trọng của tướng tội, hỏi và đáp để nêu lên lẽ đúng, lẽ sai. Sau hết dẫn chứng các bộ Luật oai nghi khác, những điều tương tự giới đó cũng phụ lục vào. Sáu phần này có khi nêu ra hết, có khi giảm bớt, vì thấy không cần thiết, nên không liệt kê chi tiết mà chỉ sử dụng sáu từ: Duyên, thích, tướng, biện, chứng và phụ, để nêu lên từng phần muốn nói.

5) Xét về mặt dịch thuật các bộ Luật, có trường hợp sử dụng từ ngữ khác nhau nhưng ý nghĩa đồng, hoặc lời văn khó hiểu. Những trường hợp như vậy có thể chú thích được thì chú thích, nếu không thể chú thích thì đưa vào cuối mỗi quyển để tiện tham khảo.

6) Giá tội của Thanh-văn, Đại thừa đồng học. Cho đến những điều vì chúng sanh nên phương tiện mở ra, đều có chứng cứ rõ ràng trong kinh, không thể lẫn lộn được. Nay y cứ kinh Phạm võng và Từ thị giới bổn, mỗi giới chỉ thuyết minh phần chính. Đó là phỏng theo ý của Sớ giải Thiên Thai.

ĐỀ CƯƠNG

1) Năm phần Pháp thân đều y cứ theo giới, ba môn học Vô lậu, lấy giới làm đầu, không một đức Như Lai nào không đủ giới thể, không một Bồ-tát nào không tu giới Ba-la-mật, không một kinh điển nào không đề cao giới pháp, không vị Thánh, bậc Hiền nào không giữ giới hạnh trang nghiêm. Trì giới giống như đất, tất cả thiện pháp đều từ đó mà sanh trưởng. Trì giới như thành quách, dựa vào đó mà xa lìa được ma chướng. Luận về sự thù thắng siêu việt của giới thì một người phàm phu khi được thọ giới, liền được gọi ngay là phước điền của thế gian; còn đạt đến chỗ cùng tận của giới thì chỉ có Phật mới được gọi là bậc tròn đầy về giới.

Bốn tầng lầu cao, mỗi bậc là cảnh giới viên đốn. Tám vạn tế hạnh, mỗi hạnh cùng pháp giới tương ưng. Nếu không trì giới thì dù có học tập giáo lý, tọa thiền, tạo các phước nghiệp đều là nếp sống của ma và rơi vào bè đảng của chúng. Thế nên người hảo tâm, xuất gia, nhất thiết phải bắt đầu từ trì giới, và sau đó việc tự lợi lợi tha, các pháp mới thành tựu. Nếu bỏ con đường thông suốt này, thì không còn lối đi nào ngắn hơn nữa.

HỎI: - Tạng luật của Tỳ-kheo vốn thuộc Thanh văn, giới kinh Phạm võng mới là đại giáo, nay lại noùi rằng: Bốn cấp bậc đều là cảnh viên đốn, làm sao phân rõ được Đại và Tiểu thừa? Lại nữa, đã gọi là viên đốn thì một cấp bậc là đủ rồi, cần gì phải bốn cấp bậc.

ĐÁP: - Người viên, khi thọ pháp, không pháp nào không viên. Ai đã nhận chân được chỉ thú của kinh Pháp hoa mở bày thì nhất sắc, nhất hương đều là trung đạo. Như vậy, có giáo pháp nào là không viên đốn? Pháp hoa huyền nghĩa nói: Khai thô (hiển) thì Luật học là Đại thừa. Thức xoa, Thức xoa tức là nghĩa thứ nhất của Đại thừa. Ánh sáng không phải là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, 250 giới đều là Đại thừa. Như

vậy, sao lại có thô giới khác với diệu giới? Giới đã diệu thì người thọ giới cũng diệu, nên câu "Ngươi thật là con ta" chính là nghĩa này. Đây gọi là diệu giới, không còn đối đãi.

Than ôi! Do đây, quán sát từng cấp bậc đều là viên đốn, một và nhiều không ngại nhau, mới thành bất khả tư nghì. Nếu cho rằng một loạt là đủ, thì như kinh Hoa nghiêm có bảy chỗ, chín hội1. Vậy, ta có thể đặt vấn đề là một chỗ, một hội là đủ có được không?

HỎI: - Năm giới, mười giới, Tỳ-kheo giới, Bồ-tát giới dụ như bốn cấp bậc vào nhà lầu. Thế nên nói rằng: Không thọ năm giới mà thọ mười giới, cho đến không thọ Tỳ-kheo giới mà thọ Bồ-tát giới, việc làm ấy không đúng. Ý nghĩa thứ lớp đã rõ ràng như vậy, huống chi ngày nay, cho Sa-di thọ giới Bồ-tát, há không tự làm ngược lại và vượt lên lời dạy chơn thật của Phật hay sao?

ĐÁP: - Dụ về nhà lầu, chẳng qua thuyết minh tiến trình của một lần đi lên, nhưng nếu chấp hành một cách cứng ngắt như vậy thì Ưu-bà-tắc cũng không được thọ Bồ-tát giới. Sự thật thì Ưu-bà-tắc có thể thọ giới được vậy tại sao không cho phép Sa-di thọ? không lẽ Sa-di lại không bằng Ưu-bà-tắc hay sao? Giới Bồ-tát theo Nghĩa sớ thì cộng thông cả bảy chúng, mà các chùa đại và tiểu ở Tây Trúc chia riêng, như vậy chẳng lẽ các chùa của Đại thừa lại không có Sa-di hay sao?

HỎI: - Ba môn, Thiền, Giáo, Luật cũng như lan mùa Xuân, cúc mùa Thu, đều phô trương cái đẹp của mình. Nay chỉ lấy giới làm đường đi chung, tại sao từ xưa lại lập ra ba Tông?

ĐÁP: - Hai mươi tám vị Tổ ở Tây Vực đều bảo trì ba Tạng, khi Phật pháp lưu truyền đến Đông Độ thì mới phân chia thành môn phái, nhưng không một vị Thiền sư nào, một vị Giảng chủ nào không lấy giới luật để thúc liễm thân tâm, ngõ hầu không gây ác nghiệp.

2) Người chưa học giới, phần nhiều sợ giữ khó khăn, nguyên nhân chính là họ không hiểu giới pháp nên sanh lòng thối thất. Nếu ai học giới này, mới thấy rằng đức Như Lai trí tuệ vô cùng, hiểu tận lòng người. Ngài ngăn ngừa và mở ra rất đúng chỗ, nên sự giữ giới không khó khăn gì cả.

Tôi nhớ lúc mới xuất gia, tự thị cho rằng căn bản mình thanh tịnh, rất sợ sự hành trì bó buộc với nhiều chi tiết, nên mười giới Sa-di tôi còn chẳng chịu thọ, huống chi là giới Tỳ-kheo. Sau này, nhân theo đại chúng ở Tùng lâm nên gượng thọ mười giới. Sau đó xem qua giới bổn, cho đến học Luật tạng mới tin rằng: muốn được tự tại không còn sợ gì, thì cần phải thông suốt giới luật.

Người chưa học luật, gặp việc gì cuõng bế tắc cả. Nhà Nho nói: "Người không học lễ, không thể lập thân." Lời nói ấy đúng thay!

3) Xứ Tây Trúc khí hậu nóng và ẩm, cây cỏ không sanh trưởng được, nên đức Phật cho phép Tỳ-kheo ăn 5 thứ tịnh nhục. Xứ này rau trái rất nhiều, quyết định không được ăn thịt. Lại nữa, các nước ở Tây Vực, nếu thực hành theo pháp Tiểu thừa mới ăn 5 thứ tịnh nhục, còn các người hành trì theo Đại thừa, đều cấm không cho ăn.

Nay tại xứ này giáo pháp Đại thừa đã truyền khắp, nếu Tỳ-kheo ăn thịt, nhất định tăng thêm sự hủy báng. Để ngăn sự chê bai của thế gian, nên chú trọng việc này, dù ai chưa thọ giới Bồ-tát cũng không được ăn thịt, nếu ăn thịt thì không phải nếp sống của Sa-môn.

4) Hai tạng Kinh và Luận quý ở chỗ lưu thông, riêng có tạng Luật rất quý giá và kín đáo, vì luật là pháp của Đại Tăng không phải dành cho người ngoài.

Luật Căn bản chép: "Người tại gia chỉ được nghe hai tạng Kinh và Luận, tạng Luật là phép tắc của người xuất gia không được xem".

Bài tựa của kinh Giới nhân duyên chép: "Tại Thiên Trúc, luật được giữ kín, chỉ có bậc Đầu-đà và những vị có trí tuệ vững chắc mới được phép mở xem và cùng truyền cho nhau".

Ngài Da-xá dặn đi dặn lại rất kỹ việc này: "Con người nên bảo họ làm chứ không nên cho họ biết". Câu nói này thật là chí lý chí thiết, cần lưu ý và cẩn thận mong rằng những vị đồng giới phải cẩn thận vấn đề truyền thọ. Ai chưa đủ năm hạ, chẳng phải người trì luật, chớ nên cho họ biết. Xem rõ hai Luật đều nói như vậy, nên biết việc này phải cẩn thận, nếu để Sa-di hiểu rõ Năm thiên thì sẽ thành già nạn khi họ thọ Cụ túc giới.

Bộ Tập yếu này đặc biệt dành cho người thích gọn, tiện dụng khi hành trì. Chớ nên cho người chưa thọ giới xem trước. Nếu Sa-di trao cho nhau xem, phải trách họ và ngăn cản ngay, nếu không làm như vậy ta và họ đều có tội.

HỎI: - Đức Thế Tôn giảng pháp như một trận mưa
làm thấm ướt khắp nơi, người nào thấm nhuần đều được lợi ích. Ngày xưa có người nghe nửa bài kệ trong kinh, được thoát khỏi tội đầu thai làm chó, và trâu chở đại kinh, đời sau được sanh làm Sa-môn. Như vậy, tại sao Tạng luật lại cho là quý báu và giữ kín? Chẳng lẽ luật không có lợi ích cho người, hay là quý vị không muốn đem luật làm lợi ích cho mọi người? Lại nữa, giả như có người chưa thọ Cụ túc giới, phát tâm duyệt Tạng luật, không biết Phật cấm chỗ nào không được đọc. Lại như những người viết chép, khắc bản in... thì phải xem qua, giả như sau này họ phát tâm thọ giới, nếu vì những người aáy cho thọ giới thì họ có mắc trọng nạn hay không? Nếu điều đó là trọng nạn thì trong Phật pháp cũng có những hạn chế và tác dụng ngược lại "Cam lồ biến thành độc dược?"

ĐÁP: - Kinh điển quý ở chỗ lưu thông, nhờ thế nên
thành chủng tử của văn huân, còn Luật quý báu ở chỗ giữ kín nên ngăn ngừa được cái nạn của tặc trụ. Một bên là giữ kín, một bên là phơi bày, đều là nằm trong Tứ tất-đàn của Như Lai, cho đến như người không biết gì mà lầm xem hay xem qua khi chép, khắc, in... thì đâu có tâm trộm pháp, tất nhiên không liệt vào trường hợp bị trọng nạn. Nhưng những người chép hay khắc chưa hiểu rõ được thì còn có thể dung thứ, còn như người xem mà hiểu rõ thì phải ngăn cấm. Vì vậy, đối với những người biết pháp cần phải khéo léo hướng dẫn cho họ.

HỎI: - Các thiên và tụ của luật đã không cho Cư sĩ và Sa-di được biết, tại sao trên hội Niết-bàn đức Thế Tôn nói với đại chúng trời, người về 5 thiên 7 tụ và phó chúc cho đời sau không được vi phạm, chẳng lẽ trong kinh Niết-bàn nói riêng cho Tỳ-kheo và không thể lưu thông trong thế gian hay sao?

ĐÁP: - Hội Niết-bàn thuần là chúng đại Bồ-tát, chắc chắn không có kẻ ác trộm pháp, nên đức Phật đối với tên của thiên và tụ không kiêng cữ. Tuy nhiên Phật chỉ nói ra tên chứ không trình bày sự nghĩa, nếu ai muốn giảng kinh Niết-bàn cũng không nên giải thích chi tiết.

HỎI: - Sa-di hiểu được 5 thiên thì thành già nạn khi thọ giới Cụ túc. Nay giả như có người muốn thọ giới Cụ túc nhưng trước đây lỡ đọc 5 thiên thì có thành già nạn không?

ĐÁP: - Giới pháp của Tỳ-kheo chỉ cho phép hành
trì sau khi thọ. Trước khi thọ giới không được đọc giới bổn, nếu không biết mà xem nhầm thì có thể tha thứ được, còn biết mà cố ý vi phạm thì khó có thể bỏ qua.

5) Giới thể của Tỳ-kheo rất tôn quý, nếp sống của người thế tục rất ô nhiễm. Tụng kinh, lễ sám còn có thể gọi là pháp thí, nhưng thổi tiêu, đánh bạt thì khác gì kẻ xướng ca? Trường hợp trong kinh Pháp hoa cho phép làm như vậy để cúng dường Phật thì vốn là bảo người khác làm, chứ đã mang hình dáng trang nghiêm của Tăng sĩ, sao lại tự mình làm nhưỡng điệu bộ khó coi như vậy! Nếu am viện nào muốn thay đổi nếp sống, theo Thiền tông thì cũng không được sử dụng các loại âm nhạc, nếu ai không từ bỏ thì trái với những quy định của Phật.

HỎI: - Nếu cho rằng việc thổi tiêu, gõ bạt cũng giống như hát xướng, nhưng truyện Ký qui có ghi: "Đại hội Tự tứ có gõ nhạc, đánh trống, treo tràng hoa, đi hành hương các miếu thờ". Như vậy, xét về nội dung thì khác gì thổi tiêu, gõ bạt, tại sao lại không cho? Giả sử bảo người khác làm, có khác gì mình làm mà lại không phạm tội?

ĐÁP: - Tội ngũ nghịch, thập ác là tánh tội của thế gian, nên bảo người khác làm hay tự mình làm đều chịu quả báo như nhau. Nay việc ca hát, xướng múa là Giá tội của người xuất gia, còn bảo người đánh nhạc để cúng dường thì đó là phước nghiệp, việc này không thể
xem là tánh tội được.

6) Giới không ăn phi thời, tất cả kinh, luật đều nghiêm cấm rõ ràng và đầy đủ, không một bộ luật nào khai cho giới này. Câu nói: "Ăn quá ngọ là dược thạch", không phải lời của Phật dạy, đó là quyền xảo của người xưa, nếu thân thể yếu ớt nhiều bệnh thì cho dùng nước phi thời, nước bảy ngày, thuốc trọn đời, có thể đáp ứng sự suy yếu của cơ thể. Tại sao lại cam tâm phá giới này? Trừ trường hợp vì nhân duyên mất mạng không còn cách nào để bảo tồn sinh mạng thì hoặc là xả giới Tỳ-kheo, Sa-di, chỉ làm một người cận trú Bồ-tát, hoặc cứ 15 ngày hàng tháng thành khẩn sám hối, nguyện không làm Giới sư thì có thể được.

HỎI: - Giới không ăn phi thời còn gọi là trai, chắc chắn không được phạm rồi. Nhưng những bậc Tri thức xưa nay, phần nhiều không thể giữ được.

Nếu như người nào, các giới căn bản đã thanh tịnh, chẳng lẽ bị đọa vì các giới khác không thanh tịnh hay sao?

ĐÁP: - Phá giới phá trai đều gọi là ác pháp, nếu chỉ giữ giới căn bản, thà đừng thọ dụng của tín thí. Từ xưa đến nay, những bậc Tri thức chơn chánh theo khuynh hướng "Thừa cấp giới hoãn", đều biết đức tàm quý, không làm Giới sư như ngài Tử Bá, Thọ Xương. Những bậc Tri thức gần đây không tuân theo giới vi tế, đã làm thầy mọi người một cách sai lầm, nếu họ chưa bị đọa lạc có thể nhờ phước nghiệp đặc biệt nào đó bảo trì. Ngài Huệ Viễn cương quyết từ chối uống nước mật, ngài Cao Phong chỉ ăn một bữa, ngài Đạt Quán quá ngọ không nếm một thứ gì cả. Các ngài danh túc về Thiền giáo từ trước, giữ gìn trai giới thanh tịnh rất nhiều, chính là giữ gìn giáo. Ta không thể học theo kẻ Tri thức đời sau, cầu lợi một cách bẩn thỉu.

7) Trong luật quy định Tỳ-kheo chưa đủ 10 hạ không được phép làm Hòa thượng hay y chỉ A-xà-lê, nếu vị nào vội vã làm thầy, đó là người biết pháp mà lạm pháp.

HỎI: - Bây giờ thời mạt pháp, mạng người vô thường, thân như sương buổi sớm, làm sao có thể chờ đợi đúng lúc? Hoặc là có thể nào mở ra một trường hợp ngoại lệ để Tăng bảo không bị đoạn tuyệt hay không?

ĐÁP: - Do đời mạt pháp không y theo luật định, Tăng luân suy đồi, nên thành suy giảm như thế. Nay muốn phục hưng lại phải tuân theo sự quy định của Phật. Ai muốn độ người xuất gia, ít nhất phải đủ 10 hạ, biết rõ hai bộ luật của Tăng và Ni.

8) Theo luật, mỗi ngày chia làm ba thời, cho phép hai thời học nội điển, một thời còn lại học sách vở khác, thuộc sách ngoài. Những người lợi căn, có thể dựa vào đó để hàng phục ngoại đạo, vì các nước ở Tây Vực rất nhiều ngoại đạo chống đối Phật pháp. Ở xứ này, việc ấy không đối tượng, nên vị nào chỉ chuyên tâm theo việc chính của mình thì hàng Cư sĩ càng thêm kính trọng. Như ai đắm nhiễm thơ văn thì người giỏi được đời thương cảm tổn và kẻ dở bị chê bai. Tôi chỉ thấy họ bị người ngoài hàng phục họ, chứ nào thấy họ hàng phục được ai đâu. Vị nào căn cơ có hạn, thì giờ không nhiều, phải mau học việc chánh yếu, cho rõ ràng thông suốt, còn sợ không kịp thì giờ. Nếu tham đắm thơ văn chắc chắn không là người giới tử chơn thật.

9) Luật này là nền tảng của định tuệ, là gốc của giải thoát. Nền móng xây xong, nhà cửa làm theo thiết kế, gốc cây đã vững thì đến khi trổ hoa kết trái

lẽ tất nhiên hơn nhiều. Nếu không rèn luyện nội tâm, mà chỉ trang sức hình tướng bên ngoài thì ngược với nhơn chánh thọ giới, vĩnh viễn đoạn tuyệt diệu quả Niết-bàn.

HỎI: - Giới là nền móng của định tuệ, là gốc của giải thoát. Không xây nền móng, tất nhiên không xây nhà được. Nhưng nếu chỉ có nền móng thì chưa phải là hoàn thành toàn bộ, nên cần phải lấy việc học giáo nghĩa, tham thiền để đạt đến cứu cánh, chẳng lẽ chỉ có luật mới đạt đến cứu cánh hay sao?

ĐÁP: - Thọ được Luật nghi, đó chính là nền móng, để Định cộng giới2 và Đạo cộng giới hoàn thành, cho nên mới nói: Cần phải rèn luyện nội taâm. Như phần đại tiểu Kiền-độ trình bày: Ban đầu hành giả tu tập Thánh giới để đạt đến Ngũ thông, Tam minh, tất cả đều thuộc về thật nghĩa của giới. Như vậy, lại có thể tìm cầu cứu cánh nào bên ngoài luật hay sao?

10) Giới luật không hạn chế ở Thanh-văn, nếu ai phát tâm ắt bằng bậc Đại sĩ. Vả lại, đủ các giới hạnh mới là chánh nhơn của thượng phẩm.

Niệm Phật được độ thoát, thời nay chính là lúc tin vào sự ghi chép, nếu không về được nơi an lạc thì chưa hoàn toàn tuân theo lời Phật dạy. Mong rằng những vị đồng tu hãy biết rõ nơi hướng về.

HỎI: - Đầy đủ các giới hạnh, tất nhiên là đủ điều kiện để được sanh thượng phẩm thượng sanh và sanh vào một trong ba loại chúng sanh. Trì giới giống như mặt đất, tất cả thiện pháp đều sanh thành từ đóù. Nếu Định cộng và Đạo cộng đều bao hàm đầy đuû thì cần gì phải niệm Phật? Lại nữa, niệm Phật là pháp môn ngắn nhất để ra khỏi ba cõi, khi lâm chung chỉ cần 10 niệm, tức được vãng sanh, cần gì phải hành trì giới tướng cho phiền phức? Cả hai pháp môn đều là đường tắt, chỉ cần đi một đường là đến đích, cần gì phải bước cả hai đường mới gọi là hoàn toàn tuân theo lời Phật dạy?

ĐÁP: - Định cộng và Đạo cộng tất nhiên có khả
năng thoát khỏi sanh tử, nhưng nếu không nguyện sanh về Tịnh độ thì đương nhiên chỉ sanh về cõi phương tiện uế độ mà thôi. Còn nếu trì giới kiêm niệm Phật, có thể đoạn được thông hoặc (kiến tư hoặc) và biệt hoặc (trần sa, vô minh), đương nhiên có thể sanh vào ba cõi Tịnh độ: Phương tiện, Thật báo và Tịch quang Tịnh độ. Giả như chưa đoạn được hoặc, cũng có thể sinh vào cõi Đồng cư Tịnh độ. Lại nữa, niệm Phật để tâm được tịnh, đó là Vô thượng diệu giới. Nếu không tuân theo lời dạy "niệm Phật được giải thoát" thì cũng chính là đi ngược lời dạy của Phật, giới luật cũng chê trách điều đó. Nhưng

nếu ỷ lại vào con đường tắc, 10 niệm vãng sanh khinh thường giới tướng cho là phiền phức, cũng không phải là người niệm Phật chơn chánh, 10 niệm lúc lâm chung khó thành tựu. Thế nên người tu cần phải lấy Tịnh giới làm nhân, Tịnh độ làm quả, mới lấy việc chính yếu để giải thoát; đây chính là một con đường thanh tịnh sao gọi là hai đường ư?

11) Bộ Tập yếu này chỉ đáp ứng cho việc tự lợi, nếu vị nào muốn hoằng truyền luật thì cần phải tham khảo hết Tạng luật, mới có thể hiểu rõ hết nguồn gốc, mà chỉ bày lại cho người sau. Đã là bậc thầy mô phạm, đâu có thể cho phép chỉ chọn sự tóm lược mà bỏ đi sự rõ ràng đầy đủ. Nay nếu vị nào y cứ giới luật làm cơ sở, riêng tu giáo quán Thiền tông v.v... trước hết cần phải thuộc lòng chánh văn của giới bổn, sau đó y cứ giới bổn nghiên cứu cho thấu triệt những chỗ vi tế. Những vị như thế không bị chê là dê câm. Nếu ai quyết chí hoằng dương giới luật tiếp dẫn người sau, trước hết căn cứ vào bản Tập yếu này nghiên cứu cho rõ ràng nhuần nhuyễn, sau đó cần phải tham khảo toàn Tạng luật thì mang danh Luật sư mới không hổ thẹn vậy.

---o0o---

LUẬT TẠNG TỔNG MỤC

1) TỨ PHẦN LUẬT TẠNG: 60 quyển - Đời Diêu Taàn - Kế Tân - Tam Tạng Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm cùng dịch.

2) TỨ PHẦN GIỚI BỔN: 1 quyển - Tam tạng Phật-đà-da-xá dịch.

3) TỨ PHẦN GIỚI BỔN: 1 quyển.

TỲ-KHEO-NI GIỚI BỔN: 1 quyển - Đường, chùa Tây Thái Nguyên, Sa-môn Hoài Tố y luật tập xuất.

4) ĐÀM-VÔ-ĐỨC LUẬT TẠP YẾT-MA: 1 quyển - Tiền Ngụy, Tam Tạng Thiên Trúc Khương Tăng Khải dịch.

5) YẾT-MA - Tào Ngụy - Sa-môn Đàm-đế tập.

6) TỨ PHẦN TỲ-KHEO-NI YẾT-MA PHÁP: 1 quyển - Lưu Tống - Tam Tạng nước Kế Tân Cầu-na-bạt-ma dịch.

7) TỨ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA: 2 quyển - Kinh Triệu - chùa Sùng Nghĩa, Sa-môn Đạo Tuyên soạn.

8) TỨ PHẦN TĂNG YẾT-MA: 3 quyển.

TỨ PHẦN NI YẾT-MA: 3 quyển - Đường, chùa Tây Thái Nguyên, Sa-môn Hoài Tố y luật tập xuất.

9) MA-HA TĂNG KỲ LUẬT: 40 quyển - Đông Tấn - Tam Tạng Pháp sư Phật-đà-bạt-đà-la cùng Sa-môn Pháp Hiển dịch.

10) BA-LA-ĐỀ-MỘC-XOA TĂNG KỲ GIỚI BỔN: 1 quyển - Phật-đà-bạt-đà-la dịch.

11) TỲ-KHEO-NI TĂNG KỲ LUẬT BA-LA-ĐỀ-MỘC-XOA GIỚI KINH1: 1 quyển - Đông Tấn, Sa-môn Pháp Hiển, người Bình Dương cùng Giác Hiền dịch.

12) DI-SA-TẮC NGŨ PHẦN LUẬT: 30 quyển - Tống, Tam Tạng nước Kế Tân Phật-đà-thập và Trúc Đạo Sanh dịch.

13) NGŨ PHẦN GIỚI BỔN: 1 quyển.

TỲ-KHEO-NI GIỚI BỔN: 1 quyển - Lương, chùa Kiến Sơ - Sa-môn Minh Huy biên tập.

14) NGŨ PHẦN LUẬT YẾT-MA BỔN: 1 quyển - Đại Đường, chùa Khai Nghiệp, Sa-môn Ái Đồng ghi chép.

15) THẬP TỤNG LUẬT: 58 quyển - Diêu Tần, Tam Tạng Phất-nhã-đa-la, Cưu-ma-la-thập cùng dịch.

16) THẬP TỤNG TỲ-NI TỰ: 3 quyển - Đông Tấn, Tam Tạng Tỳ-ma-la-xoa dịch tiếp theo.

17) THẬP TỤNG LUẬT TỲ-KHEO GIỚI BỔN: 1 quyển – Cưu-ma-la-thập dịch.

18) THẬP TỤNG LUẬT TỲ-KHEO-NI GIỚI BỔN: 1 quyển – Tống, chùa Trường Can, Sa-môn Pháp Dĩnh tập xuất.

19) TÁT-BÀ-ĐA TỲ-NI TỲ-BÀ-SA: 6 quyển, thêm một quyển tiếp theo. Mất tên người dịch. Phụ vào thời Tam Tần sao chép.

20) TÁT-BÀ-ĐA TỲ-NI MA-ĐẮC-LẶC-GIÀ: 10 quyển - Tống, Tam Tạng Pháp sư Tăng-già-bạt-ma dịch.

21) ĐẠI SA-MÔN BÁCH NHẤT YẾT-MA PHÁP: 1 quyển - Mất tên người dịch. Phụ vào thời Tống sao chép.

22) THẬP TỤNG YẾT-MA TỲ-KHEO YẾU DỤNG: 1 quyển - Lưu Tống, Thích Tăng Cừ y luật soạn.

23) CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA: 50 quyển.

24) (Như trên2) BÍ-SÔ-NI TỲ-NẠI-DA: 20 quyển.

25) (Như trên) TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ: 40 quyển.

26) (Như trên) TỲ-NẠI-DA PHÁ TĂNG SỰ: 20 quyển.

27) (Như trên) TỲ-ĐÀ-NA: 5 quyển. MỤC-ĐẮC-CA: 5 quyển.

28) (Như trên) BÁCH NHẤT YẾT-MA: 10 quyển.

29) (Như trên) GIỚI KINH: 1 quyển.
BÍ-SÔ-NI GIỚI KINH: 1 quyển.

30) NY-ĐÀ-NA-MỤC-ĐẮC-CA NHIẾP TỤNG3, TẠP SỰ NHIẾP TỤNG4: 1 quyển - Đường, Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh phụng dịch.

31) CĂN BẢN TÁT-BÀ-ĐA BỘ LUẬT NHIẾP: 14 quyển - Tôn giả Thắng Hữu tạo. Nghĩa Tịnh dịch.

32) CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ-NẠI-DA TỤNG: 3 quyển - Tôn giả Tỳ-xá-khư tạo. Pháp sư Nghĩa Tịnh dịch.

33) (Như trên) XUẤT GIA THỌ CẬN VIÊN YẾT-MA NGHI QUỸ: 1 quyển.

34) BÍ-SÔ TẬP LƯỢC PHÁP: 1 quyển - Nguyên, Đế sư5 Bí-sô Bạt-hiệp-tư-ba tập.

35) GIỚI NHAÂN DUYÊN KINH6: 10 quyển - Diêu Tần, Tam Tạng Trúc Phật Niệm dịch.

36) GIẢI THOÁT GIỚI BẢN KINH: 1 quyển – thuộc Ca-diếp-tỳ bộ – Nguyên Ngụy, Bà-la-môn Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi dịch.

37) THIỆN KIẾN TỲ-BÀ-SA LUẬT: 18 quyển Tiêu Tề - Sa-môn ngoại quốc Tăng-kỳ-bạt-đà-la7 dịch.

38) TỲ-NI MẪU KINH: 8 quyển - Mất tên người. Phụ vào thời Tần sao chép.

39) PHẬT A-TỲ-ĐÀM KINH: 2 quyển – Đời Trần, Tam Tạng Pháp sư Chơn Đế dịch.

40) XÁ-LỢI-PHẤT VẤN KINH: 1 quyển – Đông Tấn, mất tên người dịch

41) ƯU-BA-LY VẤN KINH: 1 quyển - Lưu Tống, niên hiệu Nguyên Gia, Cầu-na-bạt-ma dịch.

42) CA-DIẾP CẤM GIỚI KINH: 1 quyển – Tống, Cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh dịch.

43) PHẬT THUYẾT PHẠM GIỚI TỘI KHINH TRỌNG KINH: 1 quyển - Hậu Hán, Tam Tạng An Thế Cao người An Tức dịch.

44) PHẬT THUYẾT MỤC-LIÊN SỞ VẤN KINH: 1 quyển - Đồng như kinh trên, Tam tạng dịch kinh Triêu tán đại phu thí hồng lô thiếu khanh truyền giáo đại sư8 Pháp Thiên người Tây Thiên phụng chiếu dịch.

Xét hai bản dịch 43 và 44 đều là một phẩm đầu của kinh Ngũ bách vấn đang lưu truyền.

Theo ý của kinh Ngũ bách vấn, người sau dựa vào đó thêm vào. Tôi (tác giả) đã từng xem kỹ, không những ngược với luật Tứ phần mà còn mâu thuẫn hầu hết tất cả luật luận 5 bộ phái. Tuy nói rằng: Thánh ý không thể xét bừa

bãi kinh điển, không nên bàn luận một cách khinh xuất. Nhưng hành trì theo thì rõ là ngược với các bộ luật đang hiện có. Chẳng lẽ bỏ tất cả những nguyên tắc cộng thông để giữ lấy pháp môn đang còn nghi ngờ. Không rõ các vị Luật chủ trong cận đại, đang lưu thông kinh này, đã từng tham khảo toàn Luật tạng chưa? Nay tôi đã nghiên cứu kỹ nguồn gốc của 5 hệ thống luật không thể không nêu ra những nghi ngờ này được.

45) LUẬT NHỊ THẬP NHỊ MINH LIỄU LUẬN: 1 quyển - Chánh lượng bộ Pháp sư Phật-đà-đa-la-đa tạo. Trần, Tam Tạng Pháp sư Chơn Đế dịch.

46) ĐẠI TỲ-KHEO TAM THIÊN OAI NGHI: 2 quyển - Hậu Hán, An Thế Cao dịch. Ngài Tăng Hựu nói mất tên người dịch.

47) SA-DI THẬP GIỚI PHÁP VÀ OAI NGHI: 1 quyển - Mất tên người dịch. Phụ vào thời Đông Tấn sao chép.

48) SA-DI OAI NGHI: 1 quyển – Tống, Tam Tạng Thiên Trúc Cầu-na-bạt-ma dịch.

49) SA-DI-NI GIỚI KINH: 1 quyển - Mất tên người dịch, thời Hán sao chép.

50) SA-DI-NI LY GIỚI VĂN: 1 quyển - Mất tên dịch.

51) ƯU-BÀ-TẮC NGŨ GIỚI TƯỚNG KINH: 1 quyển - Tống, Tam Tạng Thiên Trúc Cầu-na-bạt-ma dịch.

52) GIỚI TIÊU TAI KINH: 1 quyển – Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm người Nhục Chi dịch.

53) NAM HẢI KÝ QUI NỘI PHÁP TRUYỆN: 4 quyển.

- Thọ dụng tam thủy yếu hành pháp.

- Hộ mạng phóng sanh nghi quỹ pháp.

- Tuyết tội yếu hành pháp.

3 pháp trên hiệp một quyển.

Đường, Tam Tạng Sa-môn Nghĩa Tịnh dịch.

---o0o---

TỨ PHẦN LUẬT TẠNG PHẨM MỤC

1) Phần thứ nhất: 21 quyển.

Tỳ-kheo giới

2) Phần thứ hai: 15 quyển.

Tỳ-kheo-ni giới. Kiền-độ Thọ giới. Kiền-độ Thuyết giới.

3) Phần thứ ba: 13 quyển.

An cư - Tự tứ - Bì cách - Y dược - Y công đức - Câu-thiểm-di - Chiêm-ba - Quở trách - Nhân Che giấu - Ngăn phá tăng - Diệt tránh - Kiền-độ Tỳ-kheo-ni - Kiền-độ Pháp.

4) Phần thứ tư: 11 quyển.

Phòng xá - Tạp - Ngũ bách kiết tập - Thất bách kiết tập Tỳ-ni - Điều bộ Tỳ-ni - Tỳ-ni tăng nhất.

---o0o---

MỤC LỤC DẪN CÁC KINH LUẬN

– Đại bát-niết-bàn kinh - Tạ Linh Vận trùng trị.

– Đại Bát-nhã kinh - Huyền Trang pháp sư dịch.

– Bồ-tát thiện giới kinh – Cầu-na-bạt-ma dịch.

– Ưu-bà-tắc giới kinh - Đàm-vô-sấm dịch.

– Pháp giới thứ đệ sơ môn - Trí giả đại sư soạn.

– Quán Tâm Luận Sớ Chương An Tôn giả soạn

– Tri Môn Cảnh Huấn Chưa rõ người tập thành

* Lời Phi lộ này tôi thuật lại, Phước Thắng ghi.

1 Năm thiên (ngũ thiên) gồm có:

a) Tội Ba-la-di 波羅夷Ä (Skt=Pāli. pārājika), dịch là đứt đầu. Tội này rất nặng như người bị đứt đầu không thể sanh trở lại được. Tỳ-kheo cũng thế, phạm vào là không thể làm Tỳ-kheo trở lại được (Tỳ-kheo có 4 giới, Tỳ-kheo-ni có 8 giới).

b) Tội Tăng-già-bà-thi-sa 僧伽婆尸沙Å (Skt. Saṃghāvăeṣa, Pāli. Saṃghādisesa), Trung Hoa dịch là Tăng tàn, phạm vào tội này cũng như người bị chém cổ, chỉ còn lại cuống họng cần phải cấp cứu mới có thể sống lại được. Tỳ-kheo cũng vậy muốn trở lại làm Tỳ-kheo thanh tịnh, thì cần phải có sự cứu chữa của Tăng bằng cách hướng về Tăng chúng sám hối tội này (Tỳ-kheo có 13 giới, Tỳ-kheo-ni có 17 giới).

c) Ba-dật-đề 波逸提Ý (Skt. Pāyattika, Pāli. pācittika), Trung Hoa dịch là đọa, là Tỳ-kheo nào phạm vào tội này thì bị đọa vào địa ngục. Ở đây có 2 loại đơn đọa và xả đọa (hai loại này cộng lại thì đối với Tỳ-kheo có 120 giới, Tỳ-kheo-ni có 208 giới).

d) Đề-xá-ni, gọi đủ là Ba-la-đề đề-xá-ni 波羅提提舍尼 (Skt. Pratideśanyya, Pāli. pātidesanyya), dịch là "hướng vào người khác mà sám hối", nghĩa là Tỳ-kheo nào phạm vào tội này phải hướng về Tỳ-kheo khác mà sám hối, thì tội này mới tiêu diệt (Tỳ-kheo 4 giới, Tỳ-kheo-ni 8 giới).

e) Đột-kiết-la 突吉羅 (Skt. duṣkṛta, Pāli. dukkaṭa), dịch là "ác tác", nghĩa là chỉ cho những hành động tạo tác ác. Tội này thuộc loại nhẹ.

1 Kê Viên: Ở Tây Trúc có chùa Kê-đầu-ma cách Lộc Uyển (vườn nai) không xa. Cho nên kinh Đại Phật đảnh nói: "Ta ở Lộc Uyển, cũng ở Kê Viên". (xem Như Lai tối sơ thành đạo).

2 Phương quảng: là tên chỉ chung cho kinh điển Đại thừa, với 12 bộ kinh thì kinh Phương quảng nếu theo thứ tự là thứ 10 trong 12 bộ.

3 Bảy tụ (thất tụ): Căn cứ vào sự khác biệt của năm thiên đã kết thành quả tội, cùng cái nghĩa cấp yếu của nó để thiết lập Bảy tụ. Trong những trường hợp tội quả sít soát với Ba-la-di hay Tăng tàn, vì chúng chưa thành nên ở đây gọi là Thâu-lan-giá và tội Đột-kiết-la của hai nghiệp thân, khẩu được phân định trở lại là Đột-kiết-la, chỉ cho thân gọi là ác tác, còn khẩu gọi là ác thuyết. Do đó bảy tụ gồm có: Ba-la-di, Tăng tàn, Thâu-lan-giá, Ba-dật-đề, Đề-xá-ni, ác tác, ác thuyết.

1 Đạo cộng giới: là 1 trong 3 loại luật nghi của Thánh giả Tam thừa. Khi hành giả nhập vào sắc giới thì sẽ phát ra định Vô lậu, cùng với trí Vô lậu, ở trong thân tự phát ra được giới thể phòng phi chỉ ác (luật nghi Vô lậu), đó gọi là luật nghi Vô lậu hay cũng gọi là Đạo cộng giới. Vì luật nghi Vô lậu cùng với Đạo vô lậu cùng phát sanh và cùng diệt, cho nên gọi là Đạo cộng giới.

2 Mười giới: Theo đại Kinh thì có 10 loại: 1. Cấm giới; 2. Thanh tịnh giới; 3. Thiện giới; 4. Bất khuyết giới; 5. Bất chiết giới; 6. Đại thừa giới; 7. Bất thối giới; 8. Tùy thuận giới; 9. Tất cánh giới; 10. Cụ túc Ba-la-mật giới. 4 giới đầu thuộc về sự là cảnh để quán. Còn 6 loại sau thì dùng lý sự tương tức quán. Trong 6 giới này thì giới thứ năm là giới không quán tương ưng, giới thứ 6, thứ 7 và 8 thuộc về giới giả quán tương ưng, giới thứ 9 và thứ 10 thuộc về giới trung quán tương ưng.

3 Tướng bạch hào: là 1 trong 32 tướng của đức Như Lai. Tướng của nó là một cái lông sắc trắng ở giữa hai đường lông mày của đức Thế Tôn, xoáy tròn về phía hữu như mặt trời giữa trưa, phóng ra ánh sáng. Lúc mới sanh ánh sáng dài cỡ một thước, lúc thành đạo dài cỡ một trượng năm thước, cho nên gọi là tướng lông trắng.

4 Hành cước: là từ chuyên môn dành cho các thiền Tăng, trước khi chưa chứng ngộ phải lấy việc đi tham học nơi các Thiền sư làm sự nghiệp cho mình, nên vấn đề đi tham học là sự nghiệp chính. Tổ đình sự uyển có nói rằng: "Người hành cước là người xa lìa làng xóm đi hành cước trong thiên

hạ, dứt bỏ tình cảm trói buộc, tầm phỏng thầy bạn để cầu pháp chứng ngộ, bởi vì học vô thượng sư nên phải trải khắp".

5 Tánh giới và giá giới: Tánh giới là giới của chính tự tánh, ví như tự tánh của sát, đạo, dâm là giới không đợi Phật chế mới có giới nên gọi là tánh giới. Giá giới là ngược lại với tánh giới, nghĩa là những giới này do tướng phạm mà căn cứ vào đó đức Phật chế ra để răn cấm không cho phạm.

6 Văn-thù Bồ-tát cầm gươm bức Phật: (Truyền thuyết) theo kinh Đại bảo tích quyển 105 nói: "Khi 500 vị Bồ-tát được trí Túc mạng biết về nhiều kiếp trước đã tạo nhiều trọng tội, vì vậy nên lo tu hối hận khiến không thể chẳng được Vô sanh pháp nhẫn. Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù biết được tâm niệm của họ, ở trong đại chúng trịch áo vai phải, tay cầm kiếm bén hướng thẳng về đức Thế Tôn muốn hại ngài, đức Phật bảo ngài Văn-thù chớ hại Ta, nhưng nếu muốn hại thì nên hại một cách khéo léo. Vì sao vậy? Vì tất cả các pháp như mộng huyễn, không ngã không nhơn, bị ai sát hại mà thọ tai ương? Lúc ấy, các vị Bồ-tát biết rằng các tội kiếp trước của mình đều như huyễn hóa nên đạt được Vô sanh pháp nhẫn, khắp miệng đồng nói kệ rằng:

Văn Thù người đại trí,

Đạt sâu nguồn gốc pháp.

Tự tay cầm kiếm báu,

Quyết bức thân Như Lai.

Như kiếm Phật không khác,

Một tướng không có hai.

Không tướng không chỗ sanh,

Ở đây sao gọi sát."

7 Tỳ sương 砒霜: cũng gọi là thạch tín là một loại thuốc độc, uống vào chết người.

8 Ưu Mạnh là nhạc công của Sở Trang Vương trước đời Tần, giỏi khôi hài can gián. Tể tướng Tôn Thúc Ngao rất coi trọng phẩm đức của ông, lúc lâm chung di chúc cho con sau này có gì khó khăn nên tìm đến Ưu Mạnh. Sau này, quả nhiên con Tôn Thúc Ngao nghèo đến nỗi phải đi đốn củi để sống qua ngày, bèn tìm Ưu Mạnh xin giúp đỡ.

Ưu Mạnh mặc quần áo của Tôn Thúc Ngao, mô phỏng động tác và lời nói của Tôn Thúc Ngao... Luyện tập bắt chước hơn một năm, ông cải trang thành Tôn Thúc Ngao. Một lần, Trang Vương mở tiệc, Ưu Mạnh bước lên dâng rượu, khiến Trang Vương tưởng Tôn Thúc Ngao tái sanh, muốn mời về làm Tể tướng lần nữa... Ưu Mạnh trả lời: "Vợ con của thần làm Tể tướng nước sở là không xứng đáng, như Tôn Thúc Ngao trung thành liêm khiết cai trị quốc gia, làm cho nước Sở xưng bá trong thiên hạ, thế mà đến khi chết con cái nghèo không có cơm ăn...." Rồi Ưu Mạnh hát khúc ca, đại ý.... Làm quan sạch thì nghèo khổ... Trang Vương nghe khúc ca tỉnh ngộ, cho gọi con trai Tôn Thúc Ngao ban thưởng đất đai và nô bộc. (Bách khoa thư văn hoá cổ điển Trung Quốc – Nxb Văn hoá thông tin).

1 Tánh tội và giá tội: Tánh tội là tội ác không cần đức Phật chế ra mà phạm vào là mắc tội như các điều ác của sát, đạo, dâm, nếu phạm vào những điều này là mắc tội. Còn giá tội là tội đã phạm vào những điều đã được đức Phật ngăn cấm đối với những người xuất gia, Phật muốn giữ gìn mọi điều cơ hiềm của thế gian có thể xảy ra, nên đức Phật chế ra giới pháp để ngăn ngừa không cho phạm, nếu phạm phải những điều cấm đó thì mắc tội như các loại chứa dư y, ăn đồ cách đêm, đào đất, hại cỏ v.v...

1 Bảy chỗ chín hội: theo Thập bát hoa nghiêm kinh một bộ có 39 phẩm thì có 7 chỗ nói và gồm có 9 hội.

7 chỗ: - Nhân gian gồm có 3 chỗ: 1. Bồ-đề đạo tràng, 2. Phổ Quang Minh điện, 3. Trùng Các giảng đường,

- Thiên thượng gồm có 4 chỗ: 1. Đao-lợi thiên, 2. Dạ-ma thiên, 3. Đâu-suất thiên, 4. Tha Hóa thiên.

Đó là 7 chỗ nói kinh Hoa nghiêm. Và gồm có 9 hội:

1. Thế chủ diệu nghiêm phẩm, 2. Như Lai danh hiệu phẩm, 3. Thăng Đao-lợi thiên cung phẩm, 4. Thăng Dạ-ma thiên cung phẩm, 5. Thăng Đâu-suất thiên

cung phẩm, 6. Thập địa phẩm, 7. Thập định phẩm, 8. Ly thế gian phẩm, 9. Nhập pháp giới phẩm. Đó là chín hội nói kinh Hoa nghiêm của đức Phật.

2 Định cộng giới: còn gọi là Tịnh lự sanh luật nghi. Khi nhập vào sơ thiền, nhị thiền cùng các thiền định khác, thì cùng với thiền định, giới thể phòng phi chỉ ác tự nhiên cùng sanh, tất cả những động tác của thân và khẩu đều kết hợp với luật nghi. Câu-xá luận 14 nói: "Tịnh lự sanh nghĩa là luật nghi từ nơi tịnh lự sanh ra, hoặc y vào tịnh lự. Nếu đạt được tịnh lự thì định thành ra luật nghi này."

1 Tỳ-kheo-ni Tăng kỳ luật Ba-la-đề-mộc-xoa giới kinh: là Ma-ha Tăng kỳ Tỳ-kheo-ni giới bổn, tr. 556, Đại22n1427.

2 Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ.

3 Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ Tỳ-nại-da ni-đà-na-mục-đắc-ca nhiếp tụng.

4 Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ lược Tỳ-nại-da tạp sự nhiếp tụng.

5 Đế sư: thầy của vua.

6 Giới nhân duyên kinh: tên khác Tỷ-nại-da, Tỷ-nại-da kinh, Giới quả nhân duyên kinh – tr. 851, Đại 24n1464.

7 Tăng-kỳ-bạt-đà-la 僧祇跋陀I羅: Bản nguyên tác in nhầm chữ (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu quyển đầu, tr. 347c22, Vạn 'Tục tạng' 40n719). Đính chính: Tăng-già-bạt-đà-la 僧伽 跋陀I羅 (skt. Saṃghabhadra – dịch là Tăng Hiền, Chúng Hiền), người Tây Vực. Ngài đến Quảng Châu năm Vĩnh Minh (483-493) thời Nam Tề. Ngài dịch bộ Thiện kiến luật tỳ-bà-sa tại chùa Trúc Lâm, Quảng Châu, năm thứ 7 (có thuyết nói năm thứ 6), niên hiệu Vĩnh Minh (489).

8 Triêu tán đại phu thí hồng lô thiếu khanh truyền giáo đại sư: là tước hiệu do vua ban cho ngài Pháp Thiên.

--- o0o ---

(Chân thành cảm ơn Thầy Tâm Nhãn, chùa Long Sơn Khánh Hòa

đã gởi tặng bản điện tử tập sách này.

Thích Nguyên Tạng 6/2007)

--- o0o ---

TẬP I

QUYỂN THỨ 1

Toàn văn bộ Luật này chia làm hai phần, đề mục và giải thích bản văn.

---o0o---

PHẦN ĐẦU LÀ ĐỀ MỤC

TỨ PHẦN GIỚI BỔN - Giải thích đề mục của bộ Luật này là phỏng theo giới Phạm võng nghĩa sớ, lược thuật theo ba lớp huyền nghĩa :

– Giải thích tên gọi.

– Trình bày bản thể.

– Định liệu vấn đề giản đơn.

---o0o---

A.GIẢI THÍCH TÊN GỌI

Chia làm ba:

-Nói rõ Tứ phần giới bổn.

-Rút ra từ bộ Luật nào.

-Giải thích sự nghĩa tập yếu.

---o0o---

I. TỨ PHẦN GIỚI BỔN LÀ GÌ?

-Luật Tứ Phần Giới Kinh của Tỳ-kheo.

Bộ Luật này rút ra từ bộ luật Đàm-vô-đức. Tiếng Phạn gọi là Đàm-vô-đức, Hoa dịch là Pháp Mật.

Bộ Luật này có 4 phần:

- Phần thứ nhất, thuyết minh việc của Tỳ-kheo.

- Phần thứ hai, thuyết minh việc của Tỳ-kheo-ni và pháp thọ giới, pháp thuyết giới.

- Phần thứ ba, thuyết minh các pháp An cư và tự tứ...

- Phần thứ tư, thuyết minh các pháp phòng xá và tạp pháp...

Giới bổn này thuộc phần thứ nhất. Đức Như Lai nhân sự việc mà kết thành giới kinh.

---o0o---

II. Rút ra từ bộ luật nào?

Rút ra từ nhiều bộ Luật, trong đó có thông và biệt.

Thông nghĩa là tất cả đều gọi là Luật. Biệt chỉ cho Tăng kỳ, Ngũ phần v.v... Chúng được rút ra từ sự quan hệ của Kinh sách số mục mà gọi tên. Tỳ-ni hay Tỳ-nại-da, phiên âm từ tiếng Phạn, Hoa dịch là Thiện trị cũng dịch là Điều phục, hay là Diệt, gọi chung là Luật, luật là pháp vậy.

Kinh Giới nhân duyên nói:

Chữ "Tỳ" ngôn ngữ nhà Tần gọi là "Khử", "Nại-da" gọi là "Chơn", nghĩa là loại bỏ bao nhiêu cái sai quấy để còn lại cái chơn, cho nên gọi là chơn. Hàng phục tâm này, chấm dứt tâm này, nhẫn nhục không để tâm này sinh khởi, nên gọi là chơn. Hàng phục là giới, chấm dứt là định, nhẫn là tuệ. Nêu lên

một pháp là gồm thâu cả ba môn Vô lậu học. Nếu không có giới thiện thì định tuệ không phát khởi. Giới pháp này có ba loại:

- Luật nghi giới, cũng gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa giới.

- Định cộng giới, cũng gọi là Thiền giới.

- Đạo cộng giới, cũng gọi là Vô lậu giới.

1) Luật nghi giới: Luật là ngăn ngừa và đình chỉ; Nghi là hình nghi, nó có khả năng đình chỉ các việc ác, thể hiện nơi thân gọi là giới, cũng gọi là oai nghi. Oai là thanh bạch trang nghiêm khả kính. Nghi là phép tắc đáng làm mô phạm, cũng gọi là điều ngự, tức là hướng dẫn tâm làm điều lành. Ba-la-đề-mộc-xoa: Hoa dịch là bảo giải thoát, cũng dịch là biệt biệt giải thoát, vì nó có khả năng bảo đảm hành giả ra khỏi biển sanh tử. Hơn nữa, tùy theo sự giữ gìn không phạm giới nào đó thì ở nơi đó có sự giải thoát, tức chỉ cho 250 học xứ, và tùy luật oai nghi.

2) Định cộng giới: Định là vắng lặng, khi vào định tự nhiên điều phục tâm thiện, chận đứng các điều ác.

3) Đạo cộng giới: Đạo có khả năng thông suốt, sau khi chơn tâm được phát khởi, tự nó không hủy phạm, như người chứng được sơ quả, khi cày đất thì loài trùng xa lìa bốn tấc, đó là cái sức của Đạo cộng giới.

Hai pháp giới này chỉ cho cái dụng thắng diệu trên bản tâm, chúng có khả năng phát sanh giới, hơn nữa Đạo, Định và Luật nghi, cả ba cùng phát khởi nên gọi là cộng. Tạng Tỳ-ni này chính là nói rõ luật nghi, nhưng nhiếp cả Định và Đạo.

Do công đức trì tịnh giới nên thiền định, trí tuệ mới phát sanh. Như vậy, Luật nghi là nhân, Định, Đạo là quả. Hoặc do thiền định và sức của Vô lậu mà tánh nghiệp, giá nghiệp đều thanh tịnh, cho nên Mộc-xoa là quả, Định, Đạo là duyên.

Luận Tát-bà-đa nói: Giới Ba-la-đề-mộc-xoa này nếu Phật xuất thế thì có, Phật không xuất thế thì không, nhưng Thiền giới, Vô lậu giới lúc nào cũng có. Giới Ba-la-đề-mộc-xoa từ nơi lời dạy mà có được; còn Thiền, Vô lậu giới không từ nơi lời dạy mà có được. Cho nên luận ấy nói: Giới Ba-la-đề-mộc-xoa chỉ đệ tử Phật mới có, còn Thiền giới thì ngoại đạo cũng có.

Luận rằng: khả năng duy trì Phật pháp, gồm cả bảy chúng ở thế gian, đạo quả ba thừa nối tiếp nhau không dứt đoạn, đều dùng Ba-la-đề-mộc-xoa làm căn bản. Thiền và Vô lậu giới thì không vậy. Do đó, trong ba giới nó là hơn hết.

Luận Thiện kiến cũng nói:

Tỳ-ni tạng là mạng sống của Phật pháp. Tỳ-ni tạng có mặt, Phật pháp cũng có mặt. Đó là lược giải nghĩa tên chung.

Kế đến tên riêng chỉ cho luật Tăng kỳ, Ngũ phần, Tát-bà-đa, Thật tụng, Thiện kiến, kinh Giới nhân duyên, luận Tỳ-ni mẫu v.v... Tại sao lại dùng các bộ Luật này? Xét theo kinh Xá-lợi-phất hỏi Phật, Đức Phật tự huyền ký rằng: Sau khi pháp diệt, cháu Vua Thâu-kha (A-dục) là Phất-sa-mật-đa-la, một vị vua đức tính hiền lương đã chấn hưng Phật pháp2. Khi ấy, các Tỳ-kheo tham đắm theo danh khen, rất ưa tranh luận, sao chép sửa đổi giới luật của Như Lai, thêm bớt gia giảm. Đối với những gì ngài Ca-diếp kiết tập, họ chia làm từng phe nhóm riêng, cùng nhau nói phải nói quấy. Họ yêu cầu nhà vua phán quyết. Vua tập họp hai bộ lại, rút thăm. Số người thủ cựu nhiều gọi là Ma-ha Tăng kỳ; số người theo chủ thuyết mới thì ít, mà là bậc Thượng tọa, gọi là Tha-tỳ-la, tức Thượng tọa bộ. Về sau do sự tranh luận lại chia làm nhiều bộ, trong thời gian ba bốn trăm năm, sau khi Phật diệt độ, lần lượt phân chia thành nhiều giáo phái. Như vậy truyền mãi về sau, phải có, quấy có. Ngoài ra chỉ có 5 bộ, theo sở trường của mình, dùng sắc phục để nói lên điều đó.

a) Bộ Ma-ha Tăng kỳ, siêng học kinh điển, truyền giảng chơn nghĩa, theo chỗ ở của mình nên mặc áo màu vàng.

b) Bộ Đàm-vô-cúc-đa-ca (tức là Đàm-vô-đức) thông suốt ý nghĩa của giáo lý, mở bày hướng dẫn việc lợi ích, nêu lên điểm thù thắng, nên mặc áo màu đỏ.

c) Bộ Tát-bà-đa, rỗng không, mẫn đạt, dùng pháp hướng dẫn để giáo hóa, nên mặc áo màu đen.

d) Bộ Ca-diếp-di, siêng năng mạnh mẽ, nhiếp hộ chúng sanh, nên mặc áo màu lam.

e) Bộ Di-sa-tắc, tư duy thiền quán đến chỗ vi diệu, cứu xét đến chỗ tận cùng u mật, nên mặc áo màu xanh.

Ma-ha Tăng kỳ ý vị thuần chánh, còn các bộ kia cũng như trang bị thêm cam lồ. Như chư thiên khi uống thì chỉ uống cam lồ, loại bỏ nước thường, còn người đời khi uống thì cam lồ và nước đều dùng, có khi tiêu hết bệnh, có khi lại sanh bệnh. Người đọc tụng cũng như vậy, người nhiều trí huệ có khả năng thủ xả, còn kẻ ngu si không thể phân biệt được.

Lại xét, trong tập Phiên dịch danh nghĩa ghi rằng:

Đức Thế Tôn thành đạo 38 năm, một hôm đến thành Vương Xá thọ trai, khi thọ trai xong, Ngài bảo La Vân rửa bát (La-vân là La-hầu-la, phiên dịch là phú chướng 'ngăn che', ở trong thai 6 năm là con của Tất-đạt-đa)3 rủi tay làm bể cái bát thành 5 mảnh. Phật dạy: Đó là điềm báo sau khi Ta diệt độ, trong khoảng 500 năm đầu, các Tỳ-kheo chia Tạng luật thành năm bộ. Sau quả là như vậy. Năm bộ là:

1) Đàm-vô-đức bộ.

2) Tát-bà-đa bộ, Hoa dịch là Thuyết nhất thế hữu. Tên của luật là Thập Tụng.

3) Ca-diếp-di bộ, Hoa dịch là Trùng không quán.

Chỉ có một quyển kinh Giải thoát giới bổn truyền đến Trung Hoa mà thôi.

4) Di-sa-tắc bộ, Hoa dịch là Bất trước hữu vô quán. Tên luật là Ngũ phần.

5) Bà-ta-phú-la bộ. Hoa dịch là Độc tử. Bộ này không truyền đến nước Trung Hoa.

Năm bộ là biệt, Ma-ha Tăng kỳ là tổng. Chung lại là sáu bộ.

Lại xét, Nam hải ký qui truyện4 có nói:

Sự lưu truyền của các bộ phái, sanh khởi không đồng nhau. Sự tương thừa bên Tây Vức đại cương chỉ có 4:

1) Thánh Đại chúng bộ, chia ra thành bảy bộ.

2) Thánh Thượng tọa bộ, chia ra thành ba bộ.

3) Thánh Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ,
chia ra làm 4 bộ.

4) Thánh Chánh lượng bộ, chia ra làm 4 bộ.

Trong thời gian đó, vấn đề phân chia đã xuất hiện hay còn ẩn khuất, riêng tên gọi từng bộ không phải là một, nơi đây không phiền để thuật lại.

Hữu bộ chia ra làm ba bộ khác nhau:

1) Pháp hộ bộ.

2) Hóa địa bộ.

3) Ca-nhiếp-tì (Ca-diếp-di) bộ.

Thập tụng, Tứ phần, phần nhiều gần với kinh, và lấy đó làm đề mục, song Thập tụng chính là Căn bản hữu bộ.

Vua Tần-bà-sa-la nằm mộng thấy một thớt lụa bị xé thành 18 miếng, một cây trượng bằng vàng bị chặt thành 18 đoạn. Nhà vua sợ, đến hỏi Phật, Phật dạy: "Hơn 100 năm sau, khi Ta diệt độ, có vua A-thâu-ca, oai lực ở cõi Thiệm-bộ, khi ấy các Bí-sô đem giáo pháp của Ta chia thành 18 bộ. Nhưng pháp môn giải thoát thì chỉ có một. Đây tức là điềm báo trước, việc đó vua chớ nên lo." Những gì vừa trình bày đều khác nhau không đồng bởi cách Phật quá xa, cho nên sự truyền thừa có thể bị sai lạc. Nay nếu câu nệ nơi dấu vết dị đồng thì sự mâu thuẫn nảy sanh, không phải là ít. Nhưng nếu ta nắm lấy ý nghĩa thì sẽ có điều hay tốt tiện dụng. Tuy Thánh tâm khó lường nhưng sự so sánh có thể y cứ vào được. Miễn nắm được ý nghĩa thì sự việc không phải nhọc nhằn để giải quyết. Phần nguyên ủy của các Bộ đã nói xong.

III. Giải thích về sự nghĩa tập yếu

Sự là duyên khởi để chế giới.

Nghĩa là tùy theo tội phạm nặng nhẹ, kiết tội sám hối.

Yếu tức là văn của Luật nghi phần nhiều phiền phức nay chỉ lấy chỗ cốt yếu.

Tập là tuy riêng tôn luật Tứ phần, nhưng vẫn tham khảo và dụng lấy nghĩa của các Bộ phái. Tại sao chỉ riêng tôn luật Tứ phần? Vì 250 giới tướng, không thể thêm bớt được và vì đã nhiều đời lưu hành. Tại sao phải tham khảo dùng nghĩa của các bộ khác? Vì "Sư"ï là khi nói rõ, có khi nói lược. "Nghĩa" là có sở trường, sở đoản, nên không ngại gì việc làm sáng tỏ cho nhau.

Phần giải thích tên gọi xong.

---o0o---

B. TRÌNH BÀY BẢN THỂ

1) Trước hết biện minh danh từ "Vô tác"

Ngài Thiên Thai đại sư nói: "Giới thể không phát thì thôi, phát khởi thì thuộc về tánh". Cũng trong hướng ấy, Khánh Công giải thích "Vô tác giả sắc" như sau: "Giới thể này không phát khởi thì thôi, nếu phát khởi thì hoàn toàn thuộc về tánh". Tánh và tu kết hợp với nhau mà thành (giới thể) chắc chắn có vô tác giả sắc. Vô tác một khi phát khởi, tự nó ngăn điều ác và làm điều lành. Cho nên sau khi phát khởi rồi không hề phát khởi lại, nên gọi là vô tác.

Nói vô tác giả sắc, là chỉ cho 11 sắc pháp, chúng có giả và thật nên pháp xứ là nơi dung nhiếp các sắc. Ở đó chỉ có định quả sắc gọi là thật sắc, còn Biểu, vô biểu sắc đều gọi là giả sắc. Hai giới thiện và ác đều có biểu và vô biểu; biểu chỉ cho tác, vô biểu chỉ cho vô tác.

Nay giải thích thiện giới: Khi quỳ gối một cách chí thành gọi là thân biểu. Ba lần nói lên sự xin giới, gọi là ngữ biểu. Chúng Tăng hòa hợp đồng nhóm họp nơi giới trường cũng gọi là thân biểu. Bạch tứ yết-ma cũng gọi là ngữ biểu. Do đây, khi tác pháp nhận được giới thể thanh tịnh của Tỳ-kheo thì đó là cảnh sở duyên của ý, tự nó hằng được hai pháp thiện "chỉ và hành". Cho nên nói sau khi phát khởi rồi không hề phát lại, gọi đó là vô tác giả sắc vậy.

Vô tác giới thể này, khi Yết-ma lần thứ ba xong liền được. Khi ấy, đối với tất cả nam nữ được cái sắc thái không dâm. Đối với tất cả hữu tình, phi tình

được cái sắc thái không trộm cắp. Đối với tất cả loài hữu tình được cái sắc thái không giết hại. Đối với tất cả loài hữu tình được cái sắc thái không khi cuống. Cho đến đối với tất cả đất đai được cái sắc thái không đào bới. Đối với tất cả cỏ cây được sắc thái không phá hoại. Đối với tất cả rượu được cái sắc thái không uống. Như vậy 250 giới pháp mỗi mỗi đều hiện hữu khắp cả pháp giới. Cho nên trong kinh Xuất gia công đức, nói rõ công đức trì giới một ngày môt đêm không thể cùng tận. Chính là do thiện vi diệu của giới này biến khắp, và lấy pháp giới làm cảnh sở duyên.

Như vậy thì vô tác giới thể là Pháp xứ sắc, là Vô lậu sắc. Thành thật luận gọi là "phi sắc phi tâm hội tụ", vì nó ngăn tâm không còn có đắc thất, quả không còn có bất thiện, mà chúng là hai món nạn vậy.

(Bộ Nghĩa sớ nói: Hỏi đề vô tác giả sắc, kinh luận cùng nhau thuyết minh, kẻ nói có, người nói không. Một chủ thuyết cho rằng chỉ thề không làm ác, tức gọi là thọ giới hoàn toàn không có cái sắc vô tác. Nếu trong nhân riêng có cái bất thiện, cùng nhau làm cái nhân thành Phật, thì nơi Phật địa cũng phải riêng có cái thiện này cùng làm Phật quả. Ở đây vì cái quả không có bất thiện, nên sự trở ngại đối với giới, chính là sắc pháp, vì Tiểu thừa, vọng cho vô tác là thật sắc ở ngoài tâm. Một chủ thuyết cho rằng: Kinh luận Đại, Tiểu thừa đều có đề cập đến vô tác. Có thể dùng thắng tâm làm giới, thì khi phát tâm liền đắc giới. Nếu vậy thì tại sao có bảy thứ ngăn ngại, không thể đắc giới? Hơn nữa, nếu hoàn toàn không có vô tác, thì tại sao khi phạm trọng tội liền gọi là mất giới? Do tâm không có đắc thất nên sự trở ngại đối với giới, chính là tâm pháp. Thành thật luận lập "phi sắc phi tâm hội tụ" với mục đích là dùng hai cái này để ngăn hai nạn trên. Xưa nay, các Luật sư đều dựa vào đó mà dụng nghĩa. Nếu Đại thừa thuyết minh giới là giả sắc, nương vào Bổn sư, một khi thọ lãnh giới pháp cho đến chứng quả Bồ-đề, tùy theo Định cộng giới, Đạo cộng giới mà thề tu các thiện, thệ nguyện độ hàm thức (hữu tình), cũng dùng cái khả năng lớn mạnh của tâm này. Riêng phát khởi thiện giới để làm cảnh sở duyên cho hành giả, chấm dứt các điều ác.)

Thật sự là do tâm cảm mà được, nên mượn sắc để tiêu biểu thôi. Cho nên Đại thừa nói: Yết-ma lần thứ nhất thành tựu, vì do nghiệp lực của tâm mà diệu thiện giới pháp trong mười phương, thế giới thảy đều chấn động. Yết-ma lần thứ hai thành tựu, thì diệu thiện giới pháp trong mười phương thế giới, ở giữa hư không như mây, như bảo cái (lọng báu) bao trùm trên đảnh người thọ giới. Yết-ma lần thứ ba thành tựu, thì diệu thiện giới pháp trong mười phương thế giới, từ đảnh môn của người thọ giới, trôi chảy vào trong thân tâm, sung mãn chánh báo, bao trùm cả đời vị lai, luôn luôn là hạt giống

Phật. Tuy trong Tạng Tỳ-ni không nói vieäc này, nhưng cũng nói rằng: "Yết-ma thành tựu gọi là đắc xứ sở". Nên biết hữu lậu ngũ uẩn, sắc thân là chỗ nương. Vô lậu ngũ uẩn, giới thân là chỗ nương. Hữu lậu sắc thân từ tinh cha huyết mẹ hòa hợp mà thành là sắc xứ giả sắc; còn Vô lậu giới thân từ Tam sư Thất chứng yết-ma mà được, đó là pháp xứ giả sắc. Sở dĩ, Hòa thượng gọi là lực sanh, vì chính từ cái khả năng này sanh ra giới thân, nên dùng nghĩa đó mà gọi tên vậy.

Được giới thân này, liền đồng với Tăng bảo, thường khiến cho Thiên long tôn phụng, quỷ thần khâm phục tuân theo. Nếu tâm không vui sống với đạo thì gọi là giới luy (giới yếu kém). Nếu hướng đến người nào nói xả giới thì gọi là hoàn giới. Nếu không có cái vô tác giới thể này, thì thiện thần dựa vào đâu mà quý kính, làm sao gọi là yếu kém, làm sao gọi là xả giới?

Hỏi: - Đã là yếu kém, có xả lại có phá, vậy tại sao gọi là nhậm vận chỉ, hành?

Đáp: - Thí như cầu, đò có công năng đưa người qua sông, ao giếng có công năng cho nước dùng. Nếu như phá bỏ cầu đò, lấp bằng ao giếng thì công năng kia liền mất. Nếu không như vậy, thì lúc nào cũng sử dụng được, khỏi đợi phải làm lại, cho nên gọi là vô tác.

---o0o---

2) Thuyết minh chỉ và hành

Đây là hai pháp hành.

Như Bách luận nói:

Dứt điều ác không làm gọi là chỉ, tin thọ tu tập gọi là hành.

Phật giáo tuy bao la, nhưng hai chữ "chỉ và hành" thâu nhiếp cả.

Nay nói về giới thiện, nếu không phát khởi thì thôi, còn phát khởi thì chận đứng ngay các điều ác, đó là nghĩa chữ "chỉ". Và từ đó tiến lên thực hiện điều lành, đó là nghĩa chữ "hành". Chận đứng điều ác từ căn Tùy phiền não, khởi lên thân, khẩu thất chi là nhân ác, trong ba đường chịu khổ khốc là quả ác.

Thập cú nghĩa sẽ giải bày đầy đủ ở sau.

Mỗi khi các Tỳ-kheo kiết giới, có khả năng khiến cho người thọ trì, khi nhân ác đã trừ, quả ác sẽ tiêu hết, đó là "phạt ác". Tiến lên nhiếp trì các căn, không cho niệm tán loạn, thường nhất tâm tu tập các pháp lành, nhậm vận cảm được hoa báo cõi nhơn thiên, cho đến khi đạt đến thật quả xuất thế giải thoát, đó là nghĩa "tấn thú". Phần trình bày về bản thể đã xong.

---o0o---

C. ĐỊNH LIỆU VẤN ĐỀ GIẢN ĐƠN

Chia làm hai:

- Đối với Đại thừa thì biện chỗ được (đắc) và bỏ (xả)

- Đứng trên giáo tướng thì biện chỗ cạn và sâu.

1) Biện chỗ được và boû

Đại thừa chú trọng nội nhân, Tiểu thừa chú trọng ngoại duyên. Vì chú trọng nội nhân cho nên cần phải phát tâm Bồ-đề mới có thể thọ giới được. Nếu ở trong tâm bất thiện, vô ký không phát khởi vô tác, ngàn dặm tìm thầy không có, thì cho phép đối trước Phật tượng tự thọ. Vì chú trọng ngoại duyên nên cần phải có Sư, Tăng, Giới, Pháp, mọi việc hợp lại để chế. Nếu các duyên có một cái nào không đủ thì không đắc giới, còn các duyên đầy đủ thì cả ba tâm đều đắc giới (thiện, bất thiện, vô ký đều phát khởi).

Hơn nữa, Đại thừa sau khi được giới thẳng đến thành Phật, Tiểu thừa chỉ đắc giới trong một đời thôi.

Đại thừa thì thượng phẩm triền, phạm thập trọng, và thối thất tâm đại Bồ-đề thì gọi là mất giới. Tiểu thừa phạm tứ trọng cấm thì gọi là mất giới. Nếu lòng không vui sống với đạo, đến trước một người đeå xả thì gọi là hoàn giới.

Đại thừa sau khi mất giới, nếu thấy được hảo tướng thì cho phép thọ giới lại. Tiểu thừa mất giới rồi, dứt khoát không cho thọ giới lại. Trường hợp tuyệt

đối không che giấu thì cũng chỉ có thể cho Yết-ma dữ học. (Trong pháp trị tội có thuyết minh vấn đề này). Trường hợp có xả giới mới cho phép thọ lại, còn đủ ba phen hoàn tục, thì mới không cho thọ lại.

Hỏi: - Giải thích giới thể dựa vào Đại thừa để
trình bày chỗ được bỏ, nhưng lại phân ra có đại có tiểu, làm sao cho tông chỉ nghĩa lý của nó không trái nhau?

Đáp: - Vì y vào Đại thừa để giải thích vô tác nên không trái với thể pháp. Đối với đại tiểu để trình bày chỗ được bỏ thì không làm hủy hoại pháp tướng, nếu trái với thể pháp, thì tướng không có chỗ nương tựa, làm hoại pháp tướng thì thể không do đâu hiển hiện. Cho nên sau khi khai hiển của kinh Pháp hoa, thì phần phò trì giới luật thuộc về kinh Niết-bàn. Phép tắc của Tỳ-ni không hề có thay đổi một mảy may. Chính biết nghĩa "thường" ở đây nên mới gọi là nhiệm mầu tuyệt đãi, do dó tông chỉ nghĩa lý đều thành, nghĩ suy có thể hiểu được.

Lại hỏi: - Đại thừa đã chú trọng nội nhân, thời nay, Luật sư cho người thọ Bồ-tát giới, vậy có thể biết nội nhân của họ chơn thật không? Giả như không chơn thật thì có gọi là đắc giới hay không? Nếu không đắc giới, thì dầu có phạm thập trọng đi nữa, lại có thể dùng thập trọng để định tội kia được sao?

Đáp: - Trong văn Di-lặc bồ-tát yết-ma, có trình bày rõ vấn đề quán sát đương cơ. Nếu không biết cái nội nhân kia, sai quấy tương truyền cho thọ thì không tránh khỏi cái tội không hiểu rõ mà làm thầy. Song người thọ giới kia trong tâm bất thiện, vô ký, tuy không phát khởi giới nhưng mà đã lạm nhận cái tên Bồ-tát, tự mình cần phải y theo luật quán xét tội kia, không đồng với không đắc giới. Rốt cuộc xếp vào hạng tặc trú vậy.

---o0o---

2) Biện minh chỗ cạn, sâu

Đây là thuộc về giáo pháp của vị "lạc" (sữa đông) trước hết hướng dẫn người phàm phu vào cõi Thánh. Nếu có thể dùng 5 vị để dung thông, cũng có thể dùng tứ giáo để giải thích.

Đối với tất cả cấm giới, kiên cố chấp trì, hằng xa lìa hệ phược, tức là pháp của "Tạng giáo". Nếu đạt đến tội như bệnh huyễn, giới như thuốc huyễn, trì phạm vốn không, thân tâm thanh tịnh, tức là pháp của "Thông giáo". Nếu tin

theo trung đạo, tức dùng giới này, đoạn kiến tư hoặc, kế đến nhập vào đời làm việc lợi ích cho chúng sanh, sau ngộ nhập trung đạo, tức là pháp của "Biệt giáo". Nếu gọi giới là pháp giới thì tất cả pháp đều hướng về giới, hướng này là trụ nơi bí tàng của giới. Trong mỗi một giới thấy rõ Phật tánh, tức 1à pháp của "Viên giáo".

Lại nữa, đức Như Lai dùng Tứ tất-đàn, để lập ra giới pháp này. Tùy thuận thế gian, bảo hộ chúng sanh, khiến cho họ hoan hỷ, tức "Thế giới tất-đàn". Sanh thiện tức là "Vị nhơn tất-đàn". Diệt ác tức là "Đối trị tất-đàn". Hay khiến cho Chánh pháp cửu trụ, tức là "Đệ nhất nghĩa tất-đàn".

Lại nữa, sau khi lãnh thọ, khai hiển thì giới này chỉ là Nhất thừa, không thuộc ba giáo trước. Cho nên kinh Pháp hoa nói: "Sau khi các đức Phật diệt độ, nếu người nào có tâm thiện thành tựu, hạng người như vậy đều thành Phật đạo". Lại nói rằng: "Việc làm của các ngươi là đạo của Bồ-tát vậy".

Lại nữa, trước khi chưa khai hiển, Tỳ-kheo Đại thừa cũng phải đồng học. Cho nên trong kinh Bồ-tát giới bổn nói: "Nếu Bồ-tát đối với Tạng Ba-la-đề-mộc-xoa của Như Lai mà kiến lập Tỳ-ni thì ngăn được tội. Bồ-tát nên hộ trì chúng sanh khiến người chưa tin thì tin, tin rồi thì tăng trưởng đồng như Thanh văn học. Tại sao vậy? Thanh văn là tự độ, nhưng cũng không xa lìa độ tha, huống chi Bồ-tát độ sanh là đệ nhất".

Lại nói rằng: Nếu Bồ-tát thấy như vậy, thuyết như vậy, và nói: "Bồ-tát không nghe kinh pháp của Thanh văn, không thọ, không học, nhưng tại sao Bồ-tát dùng pháp của Thanh văn mà làm". Như vậy gọi là phạm, phạm rất nhiều, như vậy là phạm tội khởi nhiễm ô. Than ôi!

Luật này toàn văn chia làm hai, phần một giải thích đề mục rồi.

---o0o---

PHẦN HAI CHÁNH VĂN

Chia làm ba:

- Trước hết nói về tựa của giới.

- Thứ hai là liệt kê các giới tướng.

- Thứ ba là khuyến, kết, hồi hướng.

Phần đầu chia làm bốn:

- Bài kệ khen ngợi.

- Hỏi đáp khải bạch.

- Nói tựa của giới kinh.

- Kết thúc hỏi.

Mục một lại chia làm sáu:

- Quay về với Tam Bảo.

- Bảo chúng họp để nghe.

- Thầy trò truyền thọ.

- Dùng dụ khuyên đừng phá giới.

- Trình bày giới điều đang nói.

- Khen giới là hơn hết để kết thúc.

---o0o---

A. BÀI KỆ KHEN NGỢI

I. Nay nói về phần quy kính

Cúi đầu lễ chư Phật,

Tôn pháp Tỳ-kheo Tăng.

Trước khi tác pháp, phải lễ kính Tam bảo, để cầu sự gia bị. Cúi đầu là thân nghiệp thành kính, khi "thân" thành kính thì "miệng" xưng danh hiệu công đức, "tâm" chỉ có quán tưởng, tức là ba nghiệp cúng dường.

Phật, Pháp, Tăng gọi là Tam bảo, đáng tôn trọng.

- Phật nghĩa là giác. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, cho nên gọi là Phật.

- Pháp nghĩa là quỹ trì, là tự nó có tính chất của nó, và khi chúng ta tiếp xúc thì khái niệm về nó không nhầm cái khác. (Nhậm trì tự tánh, quỹ sanh vật giải), cho nên gọi là Pháp.

- Tỳ-kheo gồm có ba nghĩa:

1) Khất sĩ: xa lìa pháp sống tà mạng, với một chiếc bình bát nuôi thân, xả bỏ sự nhơ nhớp vì ngu si, ba huệ tự trong sáng.

2) Bố ma: khi vừa thọ giới Cụ túc, yết-ma thành tựu, chư thần liền nói lớn rằng: Nơi đây, lúc này có người con trai (con gái) lành đã thọ giới Cụ túc, sẽ làm cho chư Thiên mạnh thêm, Tu-la (A-tu-la) tổn giảm. Như vậy, các thiên thần đi giữa hư không nghe được, lần lượt lớn tiếng xướng reo, chỉ trong giây lát, thấu đến Phạm thiên, ma Ba-tuần hoảng sợ. Cho nên gọi là ma sợ (Bố ma).

3) Phá ác: là người tu Bồ-đề phần, đoạn kiến tư hoặc.

Trong khi tu hành, đầy đủ ba nghĩa, cho nên trong quả chứng, theo đó được danh hiệu Ứng cúng, Vô sanh, Sát tặc cũng gọi là A-la-hán.

Lại nữa, Tỳ-kheo là Trừ cẩn. Làm ruộng phước cho đời, mở đại pháp thí, cho nên gọi là Trừ cẩn.

Tăng, gọi đủ là Tăng-già. Trung Hoa dịch là Hòa hiệp chúng. Đó là danh xưng dành cho bốn vị Tỳ-kheo trở lên.

Hòa hiệp có hai nghĩa:

1) Lý hòa, là đồng chứng quả Trạch diệt.

2) Sự hòa, có 6 nghĩa:

- Giới hòa đồng tu.

- Kiến hòa đồng giải.

- Thân hòa đồng trụ.

- Lợi hòa đồng quân.

- Khẩu hòa vô tránh.

- Ý hòa đồng duyệt.

Lại nữa, luật Thập tụng nói có 5 loại Tăng:

- Tăng không biết tàm quý, tức là các Tỳ-kheo phá giới.

- Tăng nhụ dương5, là các Tỳ-kheo tập hợp ở một chỗ, không biết Bố-tát, không biết Yết-ma Bố-tát, không biết thuyết giới, không biết pháp hội.

- Tăng biệt chúng, là các Tỳ-kheo trong một cương giới, làm các pháp Yết-ma riêng rẽ.

- Tăng thanh tịnh, là các Tỳ-kheo phàm phu giữ giới và phàm phu thắng giả (thất hiền).

- Tăng chơn thật, là các Tỳ-kheo hữu học và vô học.

Trong đây nói kính lễ là kính lễ hai hạng Tăng sau. Vì chơn thật Tăng, có khả năng làm cho Chánh pháp thắng nghĩa cửu trụ. Vì Tăng thanh tịnh, có khả năng khiến cho Chánh pháp nơi thế tục cửu trụ.

Ba hạng Tăng trước có khả năng làm các Yết-ma phi pháp, khiến cho Chánh pháp bị phá hoại, cho nên không phải hạng người để ta lễ lạy.

Lại nữa, có Trụ trì Tam bảo, Nhất thiết Tam bảo. Trụ trì, tức là khi Phật tại thế, đắc đạo dưới cây thọ vương là Phật bảo, pháp Tứ đế là Pháp bảo, năm vị Tỳ-kheo là Tăng bảo. Sau khi Phật diệt độ, các tượng bằng kim loại, bằng gỗ, bằng đất, bằng giấy có màu sắc là Phật bảo, kinh sách ba tạng Thánh

giáo là Pháp bảo, kẻ cạo đầu nhuộm áo kế thừa đạo pháp là Tăng Bảo. Ba món này không chấm dứt ở đời nên gọi là Trụ trì Tam bảo.

Song, tất cả tượng đồng với chơn thân, kinh điển hieän có tức là Pháp thân xá-lợi, phàm Tăng hiện có cũng có thể gánh vác Chánh pháp, làm ruộng phước cho đời, vì thế cũng đều nên kính lễ.

Lại nữa, các đức Phật là chỉ cho tất cả các vị Đại sư hiện tọa đạo tràng trong mười phương. Bởi vì giác thể của vị ấy biến khắp, tuy ở phương khác, nhưng họ có thể làm người bạn lành giúp đỡ ở cõi này, tức chỉ chung cho tất cả đức Thế Tôn tuần tự xuất hiện trong ba đời. Do giác tánh thường tại, tuy ở đời quá khứ, vị lai mà có thể đối với đời hiện tại cũng dũ lòng cảm ứng. Pháp và Tăng cũng thế.

Nhất thể là dùng trí huệ thật tướng biết rõ các pháp không phải không, không phải có; cũng có cũng không, cả hai đều mất, cả hai đều chiếu soi. Ba trí viên giác gọi là Phật bảo. Giác huệ cùng với lý, sự hòa hiệp gọi là Tăng bảo.

Lại nữa, một niệm hiện tiền, vốn đủ Ba đế, vì mê không biết, chính đó là Pháp bảo. Dùng cái trí biết được Ba đế là Phật bảo. Ba đế, ba trí hiệp nhau đó là Tăng bảo. Phật, Pháp, Tăng là nêu rõ nghĩa một thể Tam bảo.

Lại nữa, nói lễ là không ngoài một thể mà có trụ trì, cũng không lìa tướng trụ trì mà có một thể. Nếu không rõ cái lý một thể mà hành lễ kính, chỉ được sự thiện, không gọi là chơn lễ. Bởi vì lễ là nghĩa của thể. Chưa đạt được cái thể Ba luân6 là văng lặng, không phải là nghĩa của thể vậy.

Nếu lìa tướng trụ trì mà bàn nhất thể, thì rơi vào ác thú, không gọi là đạt lý. Đem lý đặt ra ngoài sự, chưa biết toàn sự tức là lý, chẳng phải là nghĩa "một" vậy.

Nói Phật, Pháp, Tăng chính là nêu lên điều chẳng phải một, chẳng phải ba, nhưng là ba, là một. Đó là tôn chỉ sự lý, hành bố viên dung.

---o0o---

II. Bảo chúng họp để nghe

Nay diễn pháp Tỳ-ni

Để Chánh pháp trường tồn.

Giới như biển không bờ

Như báu cầu không chán.

Muốn hộ tài sản Thánh,

Chúng họp nghe tôi tụng.

Muốn trừ Bốn tội khí,

Và diệt tội Tăng tàn,

Ngăn Ba mươi xả đọa,

Chúng họp nghe tôi tụng.

Diễn là rao giảng cùng khắp.

Pháp Tỳ-ni là nghĩa như phần thích danh (giải tích danh từ) đã nói.

Chánh pháp là Thánh đạo xuất thế. Chánh pháp ở đời thì giáo, hạnh, quả cả ba đều đầy đủ. Luật này thì giới thân thành tựu, định, huệ phát sinh. Đại Sa-môn quả do đây được, khiến cho Chánh pháp cửu trụ.

Nửa bài kệ này thuyết minh nghĩa nhiếp chúng sanh.

Như biển không bờ: Trong Thuyết giới Kiền-độ nói rằng: Nước biển có tám pháp đặc biệt, cho nên loài A-tu-la thích ở.

- Tất cả sông ngòi đều chảy về nơi đó.

- Thủy triều lên không mất giới hạn.

- Sông lớn nhỏ khi nhập vào bể thì mất cái tên
cũ của nó.

- Các sông và mưa lớn đều quy về biển mà không thêm bớt.

- Đồng một vị mặn.

- Không chấp nhận thây chết.

- Sản sinh nhiều trân bảo.

- Những vật có thân hình lớn ở nơi đó.

Trong giáo pháp của Như Lai cũng có tám kỳ đặc, khiến các đệ tử một khi gặp được rồi, tự mình vui sống trong đó:

- Các đệ tử của Ta, lần lượt học giới, đều quy về pháp của Ta, ở nơi đó học các pháp lành.

- Các đệ tử của Ta, trụ ở trong giới, đến chết không phạm.

- Bốn giòng họ bỏ nhà đến ở với nhau đều xưng là Sa-môn.

- Ở trong pháp Ta, với lòng tin kiên cố, bỏ nhà học đạo, vào trong cương giới Niết-bàn, mà cõi
Niết-bàn không thêm không bớt.

- Đồng một vị là giải thoát.

- Phạm giới ác pháp, tuy ngồi trong chúng, mà thường xa lìa Tăng chúng. Chúng Tăng cũng xa lìa kẻ đó.

- Hiện hữu nhiều Pháp bảo, như Tứ niệm xứ, cho đến tám Thánh đạo.

- Thọ hưởng thân lớn như Tứ hướng, Tứ quả.

Lại nữa, khi mới thọ giới, tức đối với khắp pháp giới được sắc thái không dâm, không trộm, không sát... Như vậy cho đến 250 giới, 3.000 oai nghi, 80.000 tế hạnh, đều thanh tịnh giới sắc, khắp cả pháp giới.

Lại nữa, từ đó trong mỗi niệm, nhậm vận thành tựu, giới pháp thiện sắc, khắp cả pháp giới, không cùng tận. Cho nên gọi là như biển không bờ vậy.

Như báu cầu không chán: Báu là vua châu Như ý. Thứ báu này ở trong mỗi niệm, có khả năng mưa đầy cõi Diêm-phù-đề, đầy đủ tất cả sự vui, mà thể của nó trọn không tổn giảm. Giới cũng như vậy, ở trong mỗi niệm, sanh tất cả niệm xứ như, Chánh cần, Như ý, Căn lực, Giác đạo, các pháp, cho đến Tam thừa và tất cả Thánh quả mà giới thể không biến đổi.

Hơn nữa, giới này càng học càng thấy cái tinh ba của nó, càng tu càng được cái thiện lợi. Cho nên nói rằng như báu cầu không chán.

Tài sản Thánh lược có 7 chủng loại: Tín, Giới, Văn, Xả, Huệ, Tàm và Quý.

Nói rộng có: Lục độ, Vạn hạnh, Thập lực, Tứ vô sở úy, Bách bát tam-muội, Thập bát bất cộng pháp v.v... Các pháp tài này do giới mà được giữ gìn. Giới như binh giỏi tướng mạnh, cũng như thành chắc, hào sâu, cũng như hiến chương, phép tắc, cũng như vua Chuyển luân có đại thần chủ kho tàng, gìn giữ biên cương không để bị xâm lược, đề phòng kẻ gian tặc, không để bị cướp trộm, chỉnh lý một cách an ổn, không cho hủy hoại. Xuất, nạp, thủ, giữ, khiến được tăng trưởng. Nghĩa chữ "hộ" là vậy.

Một bài kệ này thuyết minh nghĩa của nhiếp thiện pháp. Trừ khí, diệt tàn, ngăn xả đọa, thuyết minh nghĩa của Nhiếp luật nghi. Khí v.v... trình bày ở văn sau.

Hỏi: - Tên gọi của Ba tụ, không cộng với tiểu giáo, đâu được ước theo nơi đây mà phán định để giải thích?

Đáp: - Khi chưa khai hiển thì có thực mà không có danh, khi đã khai hiển thì danh và thực đều có. Ba nghĩa rõ ràng đâu có chuyện ước theo nơi đây mà phán định để giải thích.

---o0o---

III. Thầy trò truyền thọ

Tỳ-bà-thi, Thức-khí
Tỳ-xá, Câu-lưu-tôn.
Câu-na-hàm-mâu-ni,
Ca-diếp, Thích-ca-văn7,
Các Đại đức Thế Tôn,
Vì tôi dạy sự này,

Tôi nay muốn nhắc rõ,
Các Ngài thảy cùng nghe.

Tỳ-bà-thi, hoặc gọi là Duy-vệ, Hoa dịch Thắng Quán. Thức-khí, hoặc gọi là Thi-khí, Hoa dịch là Hỏa. Tỳ-xá-phù, hoặc gọi là Tùy-diếp, hoặc gọi là Tùy-diếp-la, Hoa dịch là Biến Nhất Thiết Tự Tại. Ba đức Thế Tôn này xuất hiện ở nơi cuối kiếp trang nghiêm. Câu-lưu-tôn, hoặc gọi là Câu-lâu-tần, Hoa dịch là Kim Tịch, hay dịch là Kim Tiên. Ca-diếp, hoặc gọi là Ca-diếp-ba, Hoa dịch là Ẩm Quang. Thích-ca-văn hoặc gọi là Thích-ca Mâu-ni, Trung Hoa dịch là Năng Nhơn, lại dịch là Năng Nhơn Tịch Mặc. Bốn đức Như Lai này, giai đoạn đầu của Hiền kiếp, thứ tự ra đời.

Sở dĩ chỗ nào cũng nói đến bảy đức Phật này vì:

- Một là ở trong 100 tiểu kiếp, người và trời ở cõi Tịnh Cư đã từng thấy.

- Hai là Bổn sư tu nghiệp hảo tướng, bắt đầu từ khi đức Phật Tỳ-bà-thi.

Thế Tôn có 10 hiệu đầy đủ, chín cõi đều tôn ngưỡng. Đại đức là nhân tròn quả đầy, người đời không thể bằng được.

Tỳ-kheo cũng có thể gọi chung là Đại đức, bởi vì có quảng đại đức hạnh vậy.

"Sự này" là chỉ cho 4 trọng tội, 13 Tăng tàn, cho đến tùy luật các học xứ.

"Thiện thuyết" là nói rõ, nói đúng như pháp, và hòa hiệp.

"Thảy cùng nghe" là người mới thọ giới cho đến người 100 hạ đều tập hợp lại để nghe, từ tựa của giới cho đến kệ của kinh.

---o0o---

IV. Dùng dụ khuyên đừng phá giới

Ví như người què chân,
Không thể đi đâu được.
Người phá giới cũng vậy,
Không thể sanh trời, người.
Muốn được sanh lên trời,

Hoặc sanh vào cõi người,
Thường phải giữ chân giới,
Đừng để bị thương tổn.
Như xe vào đường hiểm,
Lo hư chốt gãy trục,
Phá giới cũng như vậy
Khi chết lòng sợ hãi.

Hai bài kệ trước khuyên răn vấn đề trở ngại sanh vào cõi lành. Một bài kệ sau khuyên răn vấn đề sau khi chết đọa vào đường ác. Sanh tử dụ như đường hiểm.

Giới pháp dụ như chốt trục của xe. Hủy giới thì khi chết tướng của đường ác hiện ra, như trong đường hiểm hư chốt gãy trục. Trước sau không nhầm lẫn, sợ sệt khủng khiếp.

Phẩm Hạnh nguyện nói:

Đóng chặt tất cả các cửa của đường ác, mở toang cửa chính vào cõi nhơn thiên, Niết-bàn. Công năng của giới thật sự là như vậy.

Song, trong luật Căn bản nói:

Hoặc an vui nơi thế gian, hoặc cầu về thiên thượng, cần phải tu phạm hạnh. Được sanh vào cõi người, trời tạm thọ khoái lạc, người đó sau khi mạng chung đọa vào địa ngục, cho nên cần cầu về Niết-bàn phải tu phạm hạnh. Đừng vui cái vui của nhơn, thiên để rồi phải chịu khổ.

Luận Nhiếp nói:

Đường hiểm có hai:

- Sanh lên cõi trời.

- Sanh vào đường ác.

Tuy sanh lên cõi trời, thọ các thứ vui đẹp, sau khi báo hết, lại đọa vào đường ác. Cho nên cõi trời, người không phải là nơi cần mong cầu.

Bài kệ thứ hai nói như vậy, lược có hai nghĩa:

a) Chân giới cần giữ gìn, không nên phá hủy. Phá hủy thì nhơn thiên còn không có phần huống là Niết-bàn.

b) Nhiếp thọ hạng người thấp kém, nói Niết-bàn thì sợ mà nói cõi trời người thì vui. Cho nên trước cần khuyến dụ, sau mới khiến cho họ vào trí Phật.

Hơn nữa, căn cứ vào sự để nói, nếu trì giới không bị phá hủy, dầu không có định huệ, quyết định cũng không mất thọ thân nơi cõi nhơn thiên.

Lại nữa, nên biết, dùng cái chân để dụ cho giới thì không nơi nào chẳng đến được. Nếu muốn siêu thoát lên phẩm trên của đài sen, hay muốn thừa sự mười phương các đức Phật, hoặc muốn nghiêm tịnh vô biên cõi Phật, hay muốn nhập vào huyền môn của pháp giới, đâu không dùng giới này làm phương tiện đầu tiên.

---o0o---

V. Trình bày học xứ sẽ nói

Như người tự soi kiếng
Đẹp xấu sanh vui, buồn.
Thuyết giới cũng như vậy,
Vẹn, hỏng sanh mừng, lo.
Như hai trận xáp chiến,
Gan, nhát có tiến thối.
Thuyết giới cũng như vậy
Tịnh, nhiễm sanh vui, sợ.

Vui buồn thuộc ý, lo sợ hiện nơi thân hành. Giới được hoàn toàn sạch thì bên trong không hổ với mình, bên ngoài không thẹn với người, cho nên tâm vui là thân an. Giới bị phá hủy nhơ nhớp thì bên trong có tỳ vết đối với mình, bên ngoài bị nhớp nhúa đối với Tăng, cho nên ôm lòng lo sợ chúng vậy.

---o0o---

VI. Khen giới là hơn hết để kết thúc

Thế gian vua là lớn,

Sông ngòi bể rộng hơn.
Các sao, trăng sáng nhất,
Các Thánh, Phật trên hết.
Trong tất cả các luật,
Giới kinh là tối thượng.
Như Lai lập cấm giới,
Nửa tháng tụng một lần.

Thọ giới này gọi là Đại Sa-môn. Chữ "đại" tiếng Phạn gọi là Ma-ha, gồm có ba nghĩa:

1) Lớn, lớn hơn hết trong cõi trời, người.

2) Nhiều, có nhiều phước huệ.

3) Hơn, vượt hơn các ngoại đạo.

Câu đầu dùng ngôi vị lớn để khen. Câu thứ hai dùng số nhiều để khen. Câu thứ ba dùng vấn đề trội hơn để khen. Câu thứ tư dùng ví dụ chung để khen.

Nửa bài kệ dưới, chính dùng pháp để hiệp. Chỉ có Giới kinh này là hơn, nên thọ Giới này cũng thành hơn hết.

Tất cả các Luật, nghĩa là thế gian và ngoại đạo cũng đều có luật.

Lại nữa, năm giới, tám giới, mười giới, cũng không bằng giới Tỳ-kheo. Giới Tỳ-kheo là hơn hết.

Hơn nữa, thiền giới, vô tận giới, cũng không bằng Ba-la-đề-mộc-xoa giới. Nó là cương lĩnh của Phật pháp.

Lại nữa, Tam tạng 12 bộ cũng chỉ có Giới kinh là hơn hết. Nếu không kiên trì cấm giới, dầu hiện tiền có thiền định đa trí đi nữa cũng thành nghiệp của ma. Vì vậy nên luật Căn bản nói: "Phật dạy ba tạng giáo, pháp Tỳ-nại-da là đứng đầu".

Lại nữa, câu thứ nhất dùng dụ để khen "giáo" của kinh, chỉ có đức Như Lai tự nói. Câu thứ hai, dùng dụ để khen "hạnh" của kinh, tất cả pháp đều hướng về giới. Câu thứ ba, dùng dụ để khen "lý" của kinh, giới thể vô tác, mát mẻ như mặt trăng, nhân nơi trì phạm có đầy và khuyết, nhưng sự thật không có

tăng giảm. Câu thứ tư, dùng dụ để khen "quả" của kinh, không những chỉ thành quả của Thanh văn mà còn thành tựu đạo quả của Như Lai.

Hỏi: - Vô tác giới thể từ nơi Thầy mà được. Nếu
phạm thiên ban đầu, tuy hoàn toàn không có tâm che giấu, cũng chỉ cho "dữ học" mà thôi, không dùng vào việc của Tăng. Nếu dùng cái thể của mặt trăng dụ cho thể vô tác, thì cùng với bản tánh có gì phân biệt? Nếu từ nơi Thầy thọ mà được, gọi là vô tác, như vậy có thêm bớt ư?

Đáp: - Vô tác là cái thể của đương thể. Bản tánh thanh tịnh là cái thuộc sở y. Vô tác thuộc về tu, bản tánh thuộc về tịnh. Vô tác là sự, bản tánh là lý. Thể của vô tác là tôn, thể của bản tánh là thể. Song, tôn cùng với thể không phải một, không phải hai. Thấu triệt nơi tôn mà ngộ được thể. Ngu muội nơi thể mà mê luôn cả tôn. Nay đã dùng mặt trăng để dụ mà khen lý của kinh, chính là chỉ cái thể của vô tác giới sở y. Nên biết, được hay mất là do vấn đề đầy hay khuyết, chứ không thể gọi tánh có tăng có giảm.

Lại nữa, từ câu: "Ví như người què chân" cho đến câu "Giới kinh là tối thượng", đầy đủ 4 loại Tất-đàn: Mở đường cõi trời người, đóng cửa nẻo thú dữ là "Thế giới tất-đàn". Hai ví dụ soi kiếng là "vị nhân" và "đối trị" hai tất-đàn, tùy theo đó để được hai món ích lợi sanh thiện, diệt ác. Giới dụ cho cái hơn hết, tức "Đệ nhất nghĩa tất-đàn". Thể của giới này là tịnh Pháp thân.

Như Lai lập cấm giới: Trong cõi đại thiên, Phật là Pháp chủ. Luật do Phật chế, và chỉ có Phật chế lập, ngoài ra các vị dưới chỉ có thể y thừa. Bởi vì chỉ có hạnh quả viên mãn của đức Như Lai mới thấu triệt được nghiệp tánh nhẹ nặng của chúng sanh, còn bậc Đẳng giác trở xuống không thể làm được.

Hỏi: - Khế kinh có thể do 5 hạng người nói8. Riêng Tỳ-ni thì chỉ có đức Phật mới đủ thẩm quyền nói, cũng giống như vấn đề lễ nhạc, chinh phạt... chỉ có thiên tử ra lệnh chư hầu mới vòng tay cúi đầu nghe theo. Nay Đại minh luật do thiên tử chế, văn võ bá quan đều được xem. Vậy thì, tại sao Pháp của Tỳ-kheo, chỉ cho Tỳ-kheo học tập, mà không cho Sa-di, bạch y xem?

Đáp: - Luật chỉ do Phật chế, là để trình bày cái pháp tôn quý của đạo. Song không phải chỉ có pháp của Tăng mới gọi là luật, mà năm giới, mười giới, Bồ-tát giới đều gọi là luật cả. Những thứ luật đó, phổ biến cho cả 7 chúng, cũng như đại luật, ban hành chung cho thiên hạ. Còn đối với giới pháp của

Tỳ-kheo, cũng như sách bí mật trong nội phủ, chỉ dành các quan có trọng trách mới được xem. Chẳng phải thứ dân được phép dự vào để nghe.

Câu "nửa tháng tụng một lần" là chỉ cho hai phần của tháng có trăng và không trăng, tiêu biểu cho hai nghiệp thiện và ác. Bạch là muốn cho trắng trong, hắc là muốn cho hết tội.

Lại nữa, bạch là tiêu biểu cho Trí đức, hắc là tiêu biểu cho Đoạn đức. Trong khi thuyết giới tự mỗi người xét lấy.

Cho nên luật Thập tụng nói rằng:

Pháp Bố-tát vào nửa tháng, nửa tháng các Tỳ-kheo hòa hợp một chỗ, tự cân nhắc lấy mình, ngày làm tội gì, đêm làm tội gì, từ ngày thuyết giới trước đeán nay, có làm tội gì không? Nếu có tội phải đến người đồng tâm, Tỳ-kheo tịnh giới, như pháp sám hối. Nếu không gặp được Tỳ-kheo tịnh giới, nên nghĩ, sau này ta gặp, sẽ như pháp sám hối. Nhờ vậy an trụ trong thiện pháp, xa lìa pháp bất thiện.

Căn bản tạp sự nói:

Ta bảo các thầy mỗi nửa tháng, nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Nên biết đây là Đại sư của các thầy, là chỗ nương tựa của các thầy. Nếu Ta ở đời, không có khác vậy.

PHU:

Phần thứ tư9 nói có 5 pháp gọi là trì luật:

1) Biết phạm. 2) Biết không phạm.

3) Biết tội nhẹ 4) Biết tội nặng.

5) Rộng tụng 2 bộ luật.

Lại có 5 pháp, 4 pháp trước như trên, pháp thứ 5 là: trụ nơi Tỳ-ni, không bị lay động.

Lại có 5 pháp, 4 pháp trước như trên, pháp thứ 5 là: Sự tranh cải khởi lên có thể diệt trừ.

Người trì Luật có 5 công đức:

1) Giới phần bền vững.

2) Nhiếp phục được oán thù.

3) Ở trong chúng, quyết đoán không sợ sệt.

4) Nếu có nghi hối, có thể khai giải.

5) Khiến Chánh pháp bền vững.

Lại nói rằng có 5 pháp khiến Chánh pháp mau hoại diệt:

1) Không lắng nghe thọ tụng, ưa quên nhầm lẫn. Văn không đầy đủ mà dạy người khác. Văn đã không đủ nghĩa lý phải khuyết.

2) Là người hơn hết, bậc Thượng tọa trong Tăng, cả nước tôn trọng, mà không trì giới, chỉ tu các pháp không lành, buông lung xả bỏ giới hạnh, không siêng năng tinh tấn. Khiến cho các Tỳ-kheo niên thiếu hậu sanh, bắt chước cái hạnh đó.

3) Đa văn trì pháp, trì luật, trì ma-di, mà không dùng những gì mình biết để dạy cho chúng, để rồi ôm nó qua đời.

(Trì pháp là biết Tu-đa-la-tạng, như A-nan... Trì Luật là biết tạng Tỳ-ni, như Ưu-ba-ly... Trì-ma-di nghĩa là khéo léo vấn đề dạy dỗ, đứng đầu về trách nhiệm huyền cơ, như Ma-ha Ca-diếp...).10

4) Có hạng Tỳ-kheo khó có thể giáo dục, không nhận lời hay, không thể nhẫn nhục, các thiện Tỳ-kheo khác liền bỏ không dạy họ.

5) Ưa đấu tranh, mắng chửi lẫn nhau, hai bên tranh nhau bằng lời nói, buông lời ra như gươm như kiếm, tranh cãi hơn thua.

Nếu ngược lại 5 điều trên thì khiến cho Chánh pháp được lâu bền.

Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu Tỳ-kheo không kính Phật, Pháp, Tăng và giới định thì Chánh pháp mau tiêu diệt. Hoặc xuất gia trong pháp luật,

không hết lòng vì người nói pháp, không hết lòng vì người nghe pháp nhớ giữ. Dù có kiên trì, không hay tư duy nghĩa thú, không biết nghĩa, cũng không thể tu hành như pháp. Không tự lợi, cũng không lợi cho ai. Vì nhân duyên như vậy, khiến Chánh pháp mau tiêu diệt.

Ngược lại những điều trên, Chánh pháp được lâu bền.

Luật Ma-ha Tăng kỳ nói:

Nếu có kẻ Thiện nam tử nào giàu lòng tin, muốn được 5 việc lợi ích, nên tận tâm thọ trì luật này. Năm điều lợi ích là:

1) Kiến lập Phật pháp.

2) Khiến Chánh pháp lâu bền.

3) Không có nghi hối, thỉnh vấn người khác.

4) Có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm tội sợ sệt,
làm chỗ nương tựa an ủi cho họ.

5) Đi du hóa khắp nơi không hề bị trở ngại.

Tất cả đều phải hết mình thọ trì luật này.

Lại nữa, ngài Đại Ca-diếp bảo các Tỳ-kheo rằng: "Vấn đề phân chia xá-lợi của Thế Tôn chẳng phải việc làm của chúng ta. Quốc vương, Trưởng giả, Bà-la-môn, chúng cư sĩ, người cầu phước tự họ sẽ lo việc phân chia xá-lợi để cúng dường. Việc của chúng ta là kiết tập Pháp tạng, đừng để cho pháp của Phật mau tiêu diệt".

Luật Thập tụng nói:

Nếu Tỳ-kheo nào biết Bố-tát, biết Yết-ma Bố-tát, biết thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, biết nhóm họp, thì nên cung cấp cúng dường cho họ. Tại sao vậy? Vì khi không có Phật, người này thay thế vậy.

Lại nói, tùy theo các Tỳ-kheo thanh tịnh không phá hoại Chánh pháp, khi thuyết giới, gọi là pháp trụ thế.

Lại nói: Trì luật có 5 điều lợi:

1) Biết pháp xuất gia.

2) Biết Yết-ma.

3) Biết oai nghi.

4) Biết y chỉ.

5) Biết trở ngại đạo hay không.

Căn bản ni-đà-na nói:

Có Bỉnh pháp Yết-ma, có như pháp thi hành thì gọi là Chánh pháp trụ thế. Không như vậy, thì gọi là Chánh pháp hoại diệt.

Phật Bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy nếu dùng lòng tin, xuất gia, tinh cầu Niết-bàn, tu tịnh hạnh, các Bí-sô như vậy mặc y phục đáng giá ức kim tiền, phòng xá nghỉ ngơi, giá đáng 500 kim tiền, ăn uống đầy đủ 100 món mỹ vị, các việc như vậy Như Lai đều cho phép thọ dụng, các vị ấy đều kham năng thọ dụng được.

Nếu có Bí-sô phá hủy trọng giới, ở trong trú xứ của Tăng cho đến một miếng ăn cũng không tiêu được. Trong đất Già-lam không có một chỗ để bước một bàn chân, cho một Tỳ-kheo phá giới.

Các ông nên biết người phá giới có 10 điều mất mát tội lỗi:

1) Tự biết mình là người ác phá giới.

2) Người khác cũng biết mình như vậy.

3) Thiên thần không lui tới giúp đỡ.

4) Bậc đồng phạm hạnh, người lành biết pháp đều khinh rẻ.

5) Tiếng vang tội ác nghe khắp bốn phương.

6) Điều chưa chứng không chứng được.

7) Pháp đã chứng, thảy đều thối thất.

8) Những gì đã nghe đều bị quên hết.

9) Sau khi mạng chung tâm sanh hối hận vì không yên tâm, hoang mang lo sợ.

10) Sau khi boû mạng sống này sanh vào địa ngục.

Lại các Bí-sô, nên biết có 5 loại thọ dụng:

1) Như chủ thọ dụng, tức là vị A-la-hán, trừ hết ba độc.

2) Như thọ dụng của cha mẹ, tức là các học nhơn, còn có các hoặc nghiệp.

3) Được phép thọ dụng, tức là bậc thuần thiện dị sanh, thanh tịnh giới, siêng tu thiền tụng, không hề biếng nhác.

4) Thọ dụng như người mắc nợ. Nghĩa là tuy có phòng cấm giới mà không siêng tu giác phẩm thiện pháp.

5) Thọ dụng như kẻ trộm. Nghĩa là đối với 4 trọng cấm, tùy phạm một tội nào.

Cho nên các thầy nên tu học.

Thiện kiến tỳ-bà-sa nói:

Thiện nam tử hảo tâm xuất gia, Luật tạng là cha mẹ. Tại sao vậy? Bởi Luật tạng cho người xuất gia được giới Cụ túc, dạy học oai nghi, y chỉ nơi Luật tạng.

Tự thân trì giới có khả năng đoạn nghi hoặc cho người, nếu vào trong Tăng không có sợ sệt. Nếu có phạm tội y luật quán xét, khiến cho Chánh pháp cửu trụ.

Người trì giới luật tức là nguồn gốc của công đức. Nhân nơi cội gốc cho nên nhiếp lãnh các pháp lành.

Bộ Nam hải ký qui nói:

Luật Đại thừa, Tiểu thừa không khác11, đều chế Năm thiên, thông tu Bốn đế. Nếu lễ Bố-tát, đọc kinh Đại thừa gọi là đại. Không thực hành điều này gọi là tiểu. Có chỗ nói: Đại thừa không ra ngoài hai thứ: Trung quán, Du-già.

Trung quán thì Tục đế có, Chơn đế không, thể của nó như huyễn.

Du-già thì bên ngoài không, bên trong có, mọi việc đều Duy thức. Đây đều tuân theo Phật chế, phải, quấy đều hợp với Niết-bàn, đâu có chơn, đâu có ngụy. Chủ ý là ở chỗ đoạn hết các phiền não, tế độ chúng sanh. Đâu phải muốn rộng để đến nỗi phân vân, lại thêm những tạp về vấn đề kiết chế. Y theo đó mà tu hành thì đủ điều kiện đến bờ bên kia. Ngược lại đều phải đắm chìm nơi bến sanh tử.

Bên Tây Trúc đều song hành, lý không chống trái... Lại nói: Phao nổi không bị lủng là bổn tâm của Bồ-tát. Đừng khinh cái lỗi nhỏ, để rồi lại phải có tiếng kêu cứu sau cùng. Lý hiệp cả đại lẫn tiểu để tu, mới thuận theo lời dạy của đức Từ Tôn.

Ngừa cái lỗi nhỏ, quán đại không, nhiếp vật, lắng lòng, như vậy làm gì có lỗi. Chỉ sợ tự mình mê, rồi lại mê người, theo giaùo lý tạm trình bày ở một khía cạnh đối với pháp Không rồi tin Luật điển quá ư trống rỗng (cho là không có) thì sao thấy được sự phóng túng, biếng nhác của mình!

Tri môn cảnh huấn nói:

Luật chế Tỳ-kheo, năm hạ về trước, chuyên tinh Luật bộ, nếu đạt được vấn đề trì phạm, biện bạch được việc của Tỳ-kheo, thì sau đó mới học tập kinh luận.

Thời nay, vượt thứ lớp mà học, việc làm đã mất thứ tự làm sao vào đạo được? Đại Thánh quở trách, trọn không phải là đệ tử của Phật vậy.

Vả lại, vừa mới thấm nhuần giới phẩm, liền cho nghe Thánh giáo, tham thiền. Nếp sống của Tỳ-kheo không hề hiểu biết. Huống chi khinh khi giới luật, hủy báng Tỳ-ni, biếm nhẻ kẻ học luật cho là Tiểu thừa, nói người trì giới là chấp tướng. Cứ mãi buông lung theo trần tục, phóng túng theo thói ngu ác ham ăn ngon mặc đẹp, tự gọi là thức thời, hành dâm nộ khí lại xưng là đạt đạo, chưa hiểu được tôn chỉ của Thánh, ngộ nhập chơn thừa.

Vả lại, nếu giới đã khinh, tại sao ông đăng đàn thọ giới? Luật ắt hủy báng, tại sao lại cạo tóc nhuộm y? Như vậy, khinh giới tức là tự khinh, hủy luật lại thành tự hủy. Vọng tình dễ quen, chí đạo khó học. Vấn đề bạt tục siêu quần, vạn phần không có một. Xin rõ lời Thánh dạy, sao lại không theo?

Lại nói: Phật pháp - Hai bảo đều nhờ Tăng hoằng, Tăng bảo tồn tại là nương vào giới, ngoài giới ra không biết lấy gì để thành lập. Cho nên trong kinh Hoa nghiêm nói: "Thọ trì đầy đủ oai nghi, giáo pháp, khiến cho ngôi Tam bảo không bị đứt đoạn".

Qui Sơn cảnh sách nói:

Pháp tịch Tỳ-ni chưa từng bước đến, liễu nghĩa Thượng thừa đâu hay phân biệt.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Hạng người ham thịt rượu, hành dâm nộ
khí, không đủ để bàn đến, nếu như không phạm trọng cấm, căn bản không sứt mẻ. Từ đây nghe giáo pháp, tham thiền, chuyên cầu Thượng thừa lại có lỗi gì? Đâu cần phải đợi đến sự tướng vụn vặt mới hiệp với lời dạy của Phật? Hạng người bỏ đại hướng tiểu, không tập học Phật cùng các giới điều của Phật, vậy thông ở chỗ nào?

Đáp: - Nếu là kẻ thượng căn lợi trí có khả năng đạt được pháp nghĩa thì Luật nghi là giáo là thiền, đâu thể coi là sự tướng vụn vặt mà riêng tìm cầu Thượng thừa. Nếu là hạng trung và hạ, sự tướng còn chưa biết, làm sao có khả năng xa cầu thiền giáo? "Củi không thấy mà mong tìm sợi lông tơ"12 là đây vậy.

Kẻ bỏ đại theo tiểu, lòng mong cầu tự lợi, không tập học theo Phật, gọi là kẻ thối mất tâm Bồ-đề; năm đức của Sa-di còn nói: "Chỉ cầu Đại thừa vì độ người vậy", huống là giới pháp của Tỳ-kheo đâu phải là Tiểu thừa mà cho là không tập học theo Phật ư?

Phần đầu trình bày về bài kệ khen ngợi xong.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU

HẾT QUYỂN THỨ NHẤT
---o0o---

1 Cổ Ngô: là huyện Ngô xưa, nay là thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô.

2 Đoạn này ngài Trí Húc viết gọn lại theo ý riêng (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 1, tr. 351b01, Vạn 'Tục tạng' 40n719). Trong nguyên văn có chút sai khác, xem "Xá-lợi-phất vấn kinh", tr. 900a15, Đại (Đại Chánh) 24n1465.

3 Phiên dịch danh nghĩa tập 1, tr. 1064a05, Đại 54n2131.

4 Nam hải ký qui nội pháp truyện 1, tr.205a25, Đại 54n2125.

5 Nhụ dương 羺..羊?: Kẻ phàm phu độn căn, không có trí tuệ, như loài dê câm.

6 Ba luân: người lễ, đối tượng được lễ, và sự lễ.

7 Thích-ca-văn: tên gọi tắt nhưng không đúng của Thích-ca Mâu-ni.

8 5 hạng người nói: Phật pháp có thể có 5 hạng người nói được: 1. Từ miệng Phật nói; 2. Đệ tử của Phật nói; 3. Tiên nhơn nói; 4. Chư thiên nói; 5. Hóa người nói.

9 Tứ phần luật 59, phần thứ tư Tỳ-ni tăng nhất (phần năm pháp), tr. 1004b17, Đại 22n1428.

10 Đoạn trong ngoặc này nguyên chánh văn Tứ phần luật không có, ngài Trí Húc phụ chú thêm. Tứ phần luật 59, phần thứ tư Tỳ-ni tăng nhất, tr. 1006b26, Đại 22n1428.

11 Đoạn này ngài Trí Húc lược bớt (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 1, tr. 356c28, Vạn 40n719). Nam hải ký qui nội pháp truyện 1, tr. 205c10, Đại 54n2125: Nguyên văn "Đại tiểu thừa tạp hành, khảo kỳ trí dã tắc luật kiểm bất thù 大i小乘雜行,考其致渙也則律撿不殊譬2 ..." pháp hành của Đại thừa và tiểu thừa xen lại, nhưng khảo xét hai bộ phái đó thì về luật kiểm chứng không khác...

12 Hán: Tân bất kiến nhi dục sát thu hào 薪不見而欲婍察秋毫. “Thu hào”: Có một loài chim lông cánh của chúng đến mùa thu mới mọc, do lông nhỏ và mịn nên gọi là thu hào. Nghĩa bóng câu này: Việc dễ chưa làm được sao làm được việc khó.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 2

B. VẤN ĐÁP KHẢI BẠCH

- Tăng họp chưa?
- Tăng đã họp
- Hòa hiệp không?
- Hòa hiệp.
- Người chưa thọ giới Cụ túc đã ra chưa?
- Người chưa thọ giới Cụ túc đã ra rồi.

(Nếu có thì bảo họ ra rồi trả lời như vậy. Nếu không thì trả lời):

- Trong đây không có người chưa thọ giới Cụ túc.
- Các Tỳ-kheo không đến có thuyết dục và thanh tịnh không?
- Tỳ-kheo... thuyết dục và thanh tịnh.

(Nếu có người thuyết dục thì trả lời như vậy, bằng không thì trả lời):

- Trong chúng đây không có người thuyết dục và thanh tịnh.

- Có ai sai Tỳ-kheo-ni đến thỉnh giáo giới không?

- Không có Tỳ-kheo-ni đến thỉnh giáo giới.1

- Tăng nay hòa hiệp để làm gì?

- Thuyết giới Yết-ma.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe: Hôm nay là Bạch (hay Hắc) nguyệt ngày thứ 15 (hoặc 14) chúng Tăng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hòa hợp thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

Kiền-độ thuyết giới2 nói:

Đại Ca-tân-nậu ở tại trú xứ Tiên nhơn, bên núi Hắc thạch (trong vườn nai), yên lặng suy nghĩ, với ý nghĩ như sau: "Nay ta nên đến thuyết giới hay không. Ta thường là người thanh tịnh bậc nhất".

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết ý niệm của Đại Ca-tân-nậu, nên trong khoảnh khắc như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, thoạt nhiên biến mất khỏi núi Kỳ-xà-quật, Thế Tôn hiện đến trước mặt Ca-tân-nậâu, trải tọa cụ ngồi. Khi ấy, Ca-tân-nậu lễ sát chân đức Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi:

"Vừa rồi ở nơi đây, thầy có nghĩ như vậy phải không?"

Ca-tân-nậu đáp:

"Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy".

Phật dạy:

"Pháp thuyết giới, nên phải cung kính, tôn trọng, thừa sự. Nếu thầy không cung kính Bố-tát, tôn trọng thừa sự thì ai là người cung kính tôn trọng thừa sự. Thầy nên đến thuyết giới, không được không đến. Nên đi bộ đến, không nên dùng Thần túc đến. Tôi cũng sẽ đến".3

Tùy theo mỗi trú xứ, người nhiều hay ít, cùng tập hợp lại một chỗ để thuyết giới. Không hòa hợp thuyết giới, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo tuổi nhỏ, đến ngày Bố-tát, phải đến trước nơi nhà thuyết giới, lau quét, trải tọa cụ, múc đầy nước nơi bình tịnh thủy, bình rửa chân, đốt đèn và đem thẻ hành xá-la. (Xá-la Hoa dịch là trù. Luật Ngũ phần nói: Thẻ, không được lớn hơn ngón tay, không được nhỏ hơn chiếc đũa). Nếu họ không biết thì Thượng tọa phải dạy họ. Không dạy, hay không nghe theo lời dạy, đều phạm tội Đột-kiết-la. Thuyết giới rồi nên dọn dẹp.

Nếu trú xứ nào chỉ có một Tỳ-kheo, đến ngày Bố-tát nên đến nhà thuyết giới, lau quét... như trước.

Nếu có khách Tỳ-kheo đến, bốn vị hay trên bốn vị, trước nên tác bạch rồi sau thuyết giới. Nếu có ba vị, hai vị, mỗi một vị, hướng vào nhau để nói:

"Nay ngày thứ 15 (hay 14) Tăng thuyết giới, tôi... thanh tịnh".

Nói như vậy ba lần. Nếu có một vị, nên tâm niệm miệng nói cũng như vậy, ba lần. (Chiếu theo các bộ khác thì nếu ba vị nên nói: Nhị Đại đức ức niệm... Nếu 2 vị nên nói: Đại đức ức niệm).

Không nên phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hiệp, và pháp biệt chúng Yết-ma thuyết giới. (Giải thích trong pháp Yết-ma).

Nên nói pháp hòa hiệp Yết-ma thuyết giới.

Nếu Tỳ-kheo có bệnh và bận việc của Tam bảo cho phép dữ dục thanh tịnh4. Nên nói bằng lời, hay biểu hiện nơi thân tướng để dữ dục thanh tịnh. Nếu không biểu hiện nơi thân tướng, hay không nói thành lời, không thành dữ dục thanh tịnh. Trường hợp người nhận dục thanh tịnh rồi, liền qua đời cho đến bị diệt tẫn v.v... Không thành dữ dục thanh tịnh; nhưng nếu ngủ, vào định, hoặc quên không tác bạch, vẫn thành dữ dục thanh tịnh. Nếu người nhận dục cố ý không nói, phạm Đột-kiết-la. Nếu không thể thực hành như vậy, thì nên dìu Tỳ-kheo bệnh đến trong Tăng. Nếu lo sợ hoặc có thể bị chết, tất cả Tăng nên đến chỗ Tỳ-kheo bệnh, xoay quanh cùng tác Yết-ma. Nếu Tỳ-kheo bệnh nhiều, có thể tập hợp lại một chỗ càng hay. Trường hợp không thể làm như vậy, thì các Tỳ-kheo nên ra ngoài giới tác Yết-ma. Không có phương tiện nào được phép biệt chúng tác pháp Yết-ma.

Không nên xưng sự dữ dục thanh tịnh. Cho phép như pháp Tăng sự dữ dục thanh tịnh. (Xưng sự là nói: Tôi dữ dục việc này, không dữ dục việc kia).

Cho phép nhận nhiều người dữ dục, thanh tịnh. Người nhận dục có việc, cho phép chuyển dữ dục, thanh tịnh, nếu xong việc nên tự đến.

Khi thuyết giới, có tám nạn khởi đến, và có các duyên khác, cho phép thuyết giới lược.

Tám nạn là: Vua, giặc, nước, lửa, bệnh, ác trùng, nhơn, phi nhơn.

Các duyên khác là: Hoặc đại chúng họp, chỗ ngồi chật - chúng nhiều vị bị bệnh - hoặc chỗ che không đầy đủ gặp trời mưa, hoặc việc đấu tranh, hoặc ban đêm nói pháp đã khuya, nên Yết-ma thuyết giới khi mặt trời chưa xuất hiện.

Có 5 cách thuyết giới:

1) Nói bài tựa, còn bao nhiêu cáo tri bằng câu:
Tăng thường nghe.

2) Nói bài tựa và bốn pháp khí (Ba-la-di).

3) Nói đến pháp Tăng tàn.

4) Nói đến pháp nhị Bất định. Ngoài ra còn bao
nhiêu, cáo tri bằng câu: Tăng thường nghe.

5) Nói từ bài tựa cho đến hết.

Trong 8 nạn, nạn nào khởi đến, tùy theo gấp hay hoãn, gần hay xa mà thuyết rộng, hẹp tùy theo đó. Nếu không có nạn duyên thì không được nói lược.

Nếu Tỳ-kheo tâm loạn, cuồng si, hoặc nhớ thuyết giới, hay không nhớ thuyết giới; hoặc đến hoặc không đến, nên tác Yết-ma cuồng si cho vị ấy. Bệnh lành nên giải.

Người phạm giới, không được thuyết giới, không được nghe giới, không được đến Tỳ-kheo phạm giới sám hối. Người phạm giới không được nhận người khác sám hối, như pháp đã sám hối rồi, sau mới thuyết giới.

Trường hợp khi đang thuyết giới, Tỳ-kheo hoặc biết có tội hoặc trong tâm nghi ngờ, nếu hướng đến chúng nói thì sợ ồn ào, nên nói với Tỳ-kheo ngoài gần, hoặc tâm niệm rằng: Phải sám hối tội ấy như pháp khi Bố-tát xong. Nghĩ như vậy mới được phép nghe giới.

Nếu tất cả Tăng đều phạm, hoặc sanh nghi, nên đến Tỳ-kheo khách thanh tịnh sám hối, quyết nghi, sau đó mới thuyết giới. Nếu không có Tỳ-kheo khách đến, nên sai hai, ba người đến trú xứ Tăng thanh tịnh gần nhất để quyết nghi sám hối, rồi trở về trú xứ. Tỳ-kheo trong trú xứ hướng đến hai, ba vị ấy sám hối, sau đó mới thuyết giới. Nếu gần đó không có Tăng thanh tịnh, nên tác bạch phổ đồng sám hối, sau đó mới thuyết giới. Nếu không biết tội danh, tội tướng, đợi có Tỳ-kheo khách trì luật đến cầu hỏi cho rõ rồi như pháp sám hối.

Hỏi: - Phổ đồng sám hối, pháp thức thế nào?

Đáp: - Một người tác bạch, rồi mỗi người tự cải hoán thân tâm. Sau đó gặp Tỳ-kheo thanh tịnh, vẫn cần phải phát lồ sám hối để trừ tội.

Nếu Tỳ-kheo khách nghe thấy trong trú xứ có Tỳ-kheo cựu trú (ở lâu) nên tìm mời đến để tác pháp Yết-ma. Nếu không tìm, hay tìm không được, mà tác pháp liền, hoặc không mời tác pháp, đều không thành Yết-ma, thì mắc tội. Nếu tìm không được, bèn kêu tác pháp liền, cũng không thành Yết-ma, nhưng không mắc tội. Tỳ-kheo cựu trú đối với khách cũng vậy. (Tìm tòi khắp nơi gọi là tìm. Cao giọng xướng kêu gọi là hoán).

Không nên đối trước Tỳ-kheo-ni cho đến người chưa thọ Đại giới tác Yết-ma và ngăn thuyết giới, trừ trời, rồng, quỷ, thần.

Phần thứ ba của (luật Tứ phần) nói:

Nếu Tăng bị phá, hòa hiệp trở lại được, cho phép tác bạch Yết-ma hòa hiệp Bố-tát. Văn bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe: Do nhân duyên kia khiến cho Tăng đấu tranh, phỉ báng, mạ nhục, cùng nhau tranh hơn thua, khiến Tăng bị phá, khiến cho Tăng bị biệt trụ, khiến cho Tăng bị trần cấu. Do vậy, khiến cho Tăng bị cử tội. Nay đã giải quyết xong, đã diệt hết trần cấu của Tăng. Nếu thời gian

thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng hòa hợp Bố-tát. Đây là lời tác bạch.

Nếu có Tỳ-kheo phạm Tăng tàn, hoặc nên ban cho Ba-lợi-bà-sa (Hoa dịch là pháp Biệt trụ, tùy theo việc che giấu bao nhiêu ngày, thì hành Biệt trụ bấy nhiêu ngày), hoặc Bổn nhật trị (có giải thích nơi phần pháp trị tội), hoặc Ma-na-đỏa (có giải thích nơi thiên thứ hai), hoặc xuất tội, đều tùy theo đó ban cho, sau mới thuyết giới.

Nếu có Tỳ-kheo nào phạm Ba-dật-đề hoặc trong số Tỳ-kheo có người nói phạm Ba-dật-đề, có người nói phạm Đề-xá-ni. Vị nào thấy phạm Ba-dật-đề thì nên hướng dẫn Tỳ-kheo phạm đó đến chỗ mắt thấy, tai không nghe, bảo họ như pháp sám hối, rồi đến nơi vị cho là phạm Đề-xá-ni, nói rằng: Tỳ-kheo đó đã như pháp sám hối. Nên tác pháp như vậy rồi thuyết giới.

Nếu có Tỳ-kheo nào phạm Thâu-lan-giá, trong số Tỳ-kheo, có người nói phạm Thâu-lan-giá, có người nói phạm Ba-la-di, đều là bậc đa văn trí thức. Trường hợp như vậy nên nghĩ rằng: Nếu thuyết giới hôm nay, có thể Tăng bị phá hoại, cho phép ngăn thuyết giới. Khi chưa thuyết giới, ngăn, khi đã thuyết giới rồi, ngăn, đều không thành ngăn, mà phải đúng giờ thuyết giới, ngăn mới thành ngăn.

Nếu người ngăn thuyết giới, ba nghiệp không thanh tịnh, vô trí, không phân minh, không biết cách hỏi, không thể trả lời, tất cả Tỳ-kheo kia nên bảo họ: "Trưởng lão không nên phát khởi sự đấu tranh ở nơi đây". Nên cứ thuyết giới, chớ nghe theo lời nói của vị ấy. Nếu vị ấy ba nghiệp thanh tịnh v.v... nên hỏi rằng: "Do việc gì mà ngăn, do phá giới, phá kiến, phá oai nghi; thấy việc gì, nghe việc gì, nghi việc gì?" Nếu không thể trả lời đầy đủ, tùy theo vấn đề cử tội không căn cứ đó mà trị tội. Sau đó Tăng thuyết giới. (Dùng vô căn của thiên đầu 'Ba-la-di' mà vu khống để cử tội, thì dùng tội Tăng tàn để trị phạt. Dùng vô căn của Tăng tàn mà cử tội, thì dùng tội Ba-dật-đề để trị phạt. Dùng vô căn của các thiên khác mà cử tội, thì dùng tội Đột-kiết-la, bảo họ sám hối).

Nếu có Tỳ-kheo bệnh ngăn Tỳ-kheo bệnh thuyết giới, hoặc người không bệnh ngăn lẫn nhau, nên khuyên rằng: "Phật dạy thế này, phải đợi khi bệnh lành, nên nói như pháp." Người kia cũng sẽ nói như pháp. Tác pháp như vậy rồi, mới thuyết giới.

Hoặc có Tỳ-kheo nơi trú xứ khác đấu tranh không hòa hợp, muốn đến đây thuyết giới. Chúng ở đây thường ngày 14 hay 15 thuyết giới, nếu nghe họ đến, hãy mau mau họp chúng thuyết giới. Nếu nghe họ đã đến trong giới nên ra ngoài giới thuyết giới. Nếu nghe họ đã vào trong chùa, nên mời họ tắm rửa v.v... kín đáo báo cho nhau ra ngoài giới thuyết giới. Nếu khách Tỳ-kheo yêu cầu thuyết giới, nên trả lời: "Chúng tôi đã thuyết giới rồi." Nếu cựu Tỳ-kheo đang thuyết giới, thì khách không được quyền ngăn. Có thể dùng phương tiện như vậy, được thì càng hay. Nếu không được nên tác bạch hoãn thuyết giới. Văn bạch như sau:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe, nay không thuyết giới, đến Hắc nguyệt sẽ thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

Nếu khách ở lại không đi, nên tác bạch hoãn thuyết giới lần thứ hai. Nếu họ vẫn không đi, nên như pháp cưỡng đặt vấn đề với khách.

Luật Tăng kyø nói, thuyết giới có 3 cách:

- Ngày thứ 14 (tháng thiếu).

- Ngày thứ 15 (tháng có trăng và tháng đủ).

- Trung gian Bố-tát (hòa hiệp).

Trung gian Bố-tát là khi Bố-tát Tăng không hòa hiệp. Một Tỳ-kheo ở giữa Tăng xướng rằng:

"Nếu khi nào Tăng hòa hiệp thì sẽ tác pháp Bố-tát".

Nếu không có một Tỳ-kheo xướng như vậy thì tất cả Tăng mắc tội Việt tỳ-ni (hoặc nói là Việt pháp tội, tức nên sám Đột-kiết-la). Nếu có một Tỳ-kheo xướng thì tất cả Tỳ-kheo không mắc tội.

Nếu ngày thứ 15 không hòa hiệp thì nên ngày mồng một Bố-tát. Ngày mồng một không hòa hiệp thì ngày mồng hai, cho đến ngày thứ 12 Bố-tát. Nếu ngày thứ 14 là ngày chánh Bố-tát thì ngày thứ 13 không nên tác pháp trung gian Bố-tát, nên để đến ngày thứ 14 Bố-tát, cũng là trung gian Bố-tát và là chánh Bố-tát. Nếu tháng đủ, cho đến ngày thứ 13 hòa hiệp thì được tác trung gian Bố-tát. Nếu không hòa hiệp thì không được ngày thứ 14 Bố-tát, mà nên để đến ngày thứ 15 Bố-tát luôn. Tại sao vậy? Không được hai ngày Bố-tát

liền nhau, phải nên Bố-tát cách một ngày, mới gọi là trung gian Bố-tát. Bố-tát ngày thứ 14 là thường lệ, thì không nên định lại ngày thứ 15. Bố-tát ngày thứ 15 là thường lệ, thì không nên lui lại ngày thứ 14. Nếu có nhân duyên thì được.

- Nên nói rõ địa điểm Bố-tát.

- Được Bố-tát ban ngày.

Giặc là vua trong rừng, là hạng người hay làm việc không lợi ích. Nếu khi Bố-tát giặc vào, liền nên tụng kệ kinh khác. Nếu giặc biết pháp của Tỳ-kheo và nói rằng: "Sa-môn, ta đã biết, nên thuyết những gì trước đã thuyết". Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo nên tụng mau, khiến cho chương cú không rõ ràng, làm cho họ không biết đâu là đầu, là đuôi. Nếu có vua đến cũng nên như vậy.

Tỳ-kheo thọ Cụ túc rồi, nên tụng hai bộ Tỳ-ni. Nếu không thể thì tụng một bộ, cho đến nên tụng một Diên kinh (nghĩa là 4 việc của thiên đầu). Bố-tát nên nói đủ 5 Diên kinh (nghĩa là 5 thiên, 250 giới). Nếu có duyên sự không thể tụng hết, thì nên tụng bốn Ba-la-di và kệ. Ngoài ra nói: "Tăng thường nghe". Nếu không tụng mà tác pháp Bố-tát, thì mắc tội Việt tỳ-ni.

Nếu cả chúng không thuộc, nên sai một Thượng tọa ra ngoài giới, tâm niệm miệng nói tác Bố-tát. Còn ba người ở lại trong giới tác Tam ngữ Bố-tát, tức là phạt Thượng tọa.

Không cho phép tụng chung Bố-tát. Nếu khi tụng, người đó quên thì những người kia được nhắc.

Không có phép tụng ngược lại, khi tụng có quên sót, được phép tụng bổ túc, theo thuận chiều.

Nếu Bố-tát, tụng gần hết, có Tỳ-kheo khách đến, kịp thời ngồi xuống, tức gọi là được Bố-tát, không nên tụng lại. Nếu Tỳ-kheo khách nói: "Tôi chưa từng nghe rộng nói Ba-la-đề-mộc-xoa, xin vì tôi rộng nói". Đợi Tăng giải tán rồi, sau mới tụng.

Không cho phép hướng đến người chưa thọ Đại giới nói năm thiên tội. Được phép dạy rằng: "Ông không được làm phi phạm hạnh, không được ăn trộm, không được sát sanh, không được nói láo". Nói như vậy thì được.

Không được Bố-tát sớm. Nếu Tỳ-kheo ở một mình nên đợi Tỳ-kheo khách đến cùng Bố-tát. Nếu không có khách đến, mà có tội, nên nghĩ như vầy: Nếu được gặp Tỳ-kheo thanh tịnh sẽ như pháp sám hối tội này. Nghĩ như vậy rồi, tâm niệm và miệng nói: "Nay ngày thứ 15, Tăng tác pháp Bố-tát, tôi Tỳ-kheo... thanh tịnh thọ Bố-tát." Nói như vậy ba lần.

Nếu Bố-tát rồi có Tỳ-kheo khách đến, nên tùy hỷ, nói: "Trưởng lão đã Bố-tát, tôi Tỳ-kheo... xin tùy hyû". Nếu không tùy hỷ, nên ra ngoài giới tác Bố-tát.

Một trú xứ không được Bố-tát hai lần trong một ngày. Nếu Tỳ-kheo cần đi xa, đến ngày Bố-tát, Tỳ-kheo ở trong trụ xứ Bố-tát rồi, không nên làm thinh đi, nên dặn Sa-di hay người giữ vườn, hoặc kẻ chăn bò rằng: "Có Tỳ-kheo nào đến nói cho họ biết, trong đây đã Bố-tát rồi". Nếu không có người thì nên viết giấy dán nơi trụ cây hay nơi cửa hoặc rải hoa làm dấu. Người đến sau nên hỏi, nên tìm dấu... không được vội tác Bố-tát.

Khi gởi dục, nên gởi cho người đem dục vào trong Tăng trình bày được. Khi nhận dục nên tự tư duy rằng: Có thể truyền dục được chăng?

Không được nhận dục cả chúng, được nhận tối đa ba người.

Không cho phép nhiều người gởi dục mà ít người tập họp, không cho phép số người dữ dục và số người tập họp bằng nhau. Nên dữ dục ít, tập họp nhiều.

Tỳ-kheo-ni gởi dục, Tỳ-kheo nên nhận. Nếu là bậc Thượng tọa nên nói: "Tôi là bậc Thượng tọa của Tăng, nên không nhận." Nếu là người giáo thọ Ni, là người tụng giới, nên tự nói: "Tôi không nhận." Nếu là người giữ phòng, người bệnh, nên nói: "Tôi không đến trong Tăng nên gởi người khác." Nếu nói: Tôi là khất thực, tôi là A-lan-nhã, tôi là Tỳ-kheo mặc y phấn tảo, tôi là bậc Đại đức không nhận dục, thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Bố-tát không chịu đến, mắc tội Thâu-lan-giá. Nếu vì y bát v.v... các việc, không đến, không dữ dục, phạm vượt Tỳ-ni tội.

Tập họp đúng thời nên gởi dục thanh tịnh. Tập họp phi thời nên gởi dục Yết-ma. Tập họp đúng thời cũng được gởi hai loại dục.

Nếu Tỳ-kheo cùng với khách buôn đồng đi, đến ngày Bố-tát có nạn khủng bố, khách buôn đi không đợi được vừa đi với họ vừa Bố-tát. Trước hết nên trù lượng, không gian ngang bằng bao nhiêu là tụng xong luật. Hoặc núi, hoặc đá, làm biểu thức, duỗi cánh tay ra vừa đụng nhau, Yết-ma làm ranh giới để Bố-tát, sau đó tác Bố-tát. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nhiều không đủ chỗ ngồi, tất cả duỗi tay ra vừa đụng nhau, được phép đứng tác pháp Bố-tát. Nếu có chỗ ngồi thì ngồi tác pháp Bố-tát. Nếu Tỳ-kheo già, bệnh không thể vào ngồi được, đến góc giường giáp nhau, được phép nằm tác Bố-tát.

Mười một việc không gọi là dữ dục:

1) Nói: Tôi gởi Trưởng lão dục, tôi đến nhận... dục, gởi dục chung.

(Hỏi: - Tứ phần cho phép chuyển gởi dục, cũng
cho nhận dục nhiều người. Tăng Kỳ không cho. Vậy theo bổn nào?

Đáp: - Không cho là sợ sai sót. Nếu có thể khéo ghi nhớ thì theo Tứ phần cũng được).

2) Ngày mai Bố-tát, ngày nay dữ dục (dữ dục cách đêm).

3) Ra ngoài giới dữ dục.

4) Gởi dục Tỳ-kheo-ni.

5) Gởi dục cho người chưa thọ giới Cụ túc.

6) Nhận dục rồi ra ngoài giới.

7) Gởi dục rồi ra ngoài giới.

8) Nhận dục rồi hoàn giới.

9) Gởi dục rồi hoàn giới.

10) Tỳ-kheo bệnh gởi dục rồi, nghe trong Tăng thuyết giới Tỳ-ni, tự mình đến nghe, ngồi lâu mỏi mệt, dùng pháp gởi dục trước, lặng thinh bỏ ra, không gọi là dữ dục. Cần gởi lại.

11) Ngày Bố-tát, Tăng nhóm họp không đến gởi dục thanh tịnh. Nếu mưa to gió lớn, hoặc lửa, hoặc giặc, các Tỳ-kheo đều sợ giải tán hết, không gọi là trì dục đến trong Tăng được. Trường hợp nếu còn lại một người thì gọi đó là đến trong Tăng.

Bố-tát có bảy việc nên ngăn:

- Người bất cộng trú.

- Người biệt trú.

- Người chưa thọ Cụ túc giới.

- Chưa thuyết dục.

- Chưa hành trù.

- Vì nghĩa hòa hiệp.

- Hòa hiệp chưa xong.

Luật Ngũ phần nói:

Bảo Sa-di ra, nên đến chỗ không thấy không nghe, và dùng đèn soi khắp dưới giường.

Cho phép đến nơi Tỳ-kheo có tội mà sám hối. Không cho phép đến người đồng phạm mà sám hối. Nếu Tỳ-kheo bệnh thì cho phép đến người đồng phạm sám hối.

Nếu kẻ sĩ cầm gậy thủ hộ không chịu đi thì chỉ nói tựa của giơùi thôi. Còn bao nhiêu, nói: "Ngoài ra Tăng thường nghe". Cần tác pháp như vậy để Bố-tát. Nếu có vua đến, cũng vậy. Nếu có nhân duyên không thể thuyết giới theo 5 cách trên thì nên nói: "Nay là ngày thứ 15, thời gian Bố-tát, mỗi người cần cùng nhau chánh thân khẩu ý, chớ buông lung". Như vậy, cũng được gọi là Bố-tát. Không được không Bố-tát.

Khi thuyết giới nửa chừng bị quên, người
bên cạnh nên nhắc, còn quên nữa, lại nhắc. Ba lần quên thì nên sai người khác tụng tiếp, không được tụng lại.

Nếu đấu tranh hoặc thuyết pháp, thuyết luật, luận nghị, hay được nhiều người đến bố thí, không thể thuyết giới, đều cho phép đến sáng ngày
hôm sau.

- Nên thỉnh vị thuyết giới trước.

- Nên tác pháp Yết-ma trước, sau đó mới thuyết giới

- Không nên đồng tụng giới.

- Không nên thuyết giới bằng giọng ca vịnh, nên nói giới bằng giọng đứng đắn trịnh trọng.

Luật Thập tụng nói:

Cho phép hai thời gian Bố-tát:

1) Ngày thứ 14 (nếu tháng thiếu).

2) Ngày thứ 15 (nếu tháng đủ hay có trăng), hay:

- Trước bữa ăn.

- Sau bữa ăn. Hoặc ban ngày, ban đêm.

Tỳ-ni mẫu nói:

Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni được cùng nhau nghe thuyết giới, không được vì nhau nói giới.

(Hỏi: Tứ phần nói, không nên đối trước Tỳ-kheo-ni và người chưa thọ Đại giới tác Yết-ma và ngaên thuyết giới. Nay lại nói: Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni được cùng nhau nghe thuyết giới. Đâu có trường hợp nào trước khi thuyết giới lại không có Yết-ma các việc?

Đáp: Tác Yết-ma và ngăn thuyết giới đều là việc cử tội trị phạt, cho nên không nên cho phép Tỳ-kheo-ni biết. Nếu đã làm Yết-ma xong, đến câu hỏi: Ai thỉnh giáo giới, Ni mới được vào trong chúng lễ thỉnh. Từ đây chỉ có một việc Bố-tát, chỉ ngồi nghe nên không có lỗi).

Những người trước đó có sự cơ hiềm với nhau, không nên cho gởi dục thanh tịnh, không nên cùng nhau sám hối.

Không nên vì một nhân duyên nhỏ mà đứng giữa đường thuyết giới, nên đứng trên chỗ cao, quán sát xem gần đó có trú xứ nào hay không? Nếu có, nên vào trong trú xứ đó mà Bố-tát thuyết giới.

Nếu cùng đi với khách buôn, khách buôn dừng lại lâu thì thuyết giới đầy đủ. Nếu họ dừng thời gian ngắn thì thuyết giới lược. Nếu họ không dừng thì tam ngữ thuyết (giới). Nếu mọi người không cho phép dừng thì mỗi người, miệng nói: "Nay là ngày Bố-tát thuyết giới". Nếu có hàng bạch y đi trong đoàn Tỳ-kheo, không được nói ra lời, nên một lòng nghĩ: "Nay là ngày Bố-tát thuyết giới". Nếu có nạn giặc, nạn rồng, nạn quỷ cũng y như vậy mà thực hành.

BIỆN MINH:

Hỏi: Tăng kỳ cho phép vừa đi vừa Bố-tát, còn ở đây không giống. Cuối cùng nên theo bên nào?

Đáp: Tăng kỳ cho phép vừa đi vừa nói giới chú trọng về ngôn thuyết. Thập tụng phân ra chỗ rộng chỗ lược, ý ở chỗ tùy cơ. Nay cũng tùy lực tùy cơ, có thể được vậy.

Hỏi: Pháp tạng Tỳ-ni là quy giới của Tỳ-kheo,
không được nói cho tất cả người chưa thọ Cụ túc nghe, còn Phạm võng thì dành riêng cho phép quốc vương. Bộ Phát ẩn lại vin vào Thập tụng tỳ-ni tựa5 làm chứng. Cho đến Tăng kỳ, Ngũ phần thảy đều không cho pheùp. Không biết theo bên nào?

Đáp: Nếu luận về con đường quy thức chung thì nên theo Tăng kỳ và Ngũ phần. Đôi khi có cơ duyên ngoại cách thì có thể áp dụng Thập tụng tỳ-ni. Đến như kinh Phạm võng là của Bồ-tát, chứ không phải của Tỳ-kheo.

Căn bản ni-đà-na nói:

Không được gởi dục cho người thọ học nhưng được nhận dục của họ.

Luật nhiếp nói:

Bao-tát-đà: Bao-tát6 nghĩa là trưởng dưỡng. Đà nghĩa là giữ gìn. Tức là do tập họp chúng thuyết giới, nên có thể trưởng dưỡng pháp lành, và giữ gìn được tự tâm. Lại nữa, Đà nghĩa là tịnh trừ. Tức là tăng trưởng thiện pháp, trừ sạch bất thiện vậy.

Nếu trong trú xứ chỉ có bốn người, đều có thể tập họp, không nên biệt trú, cũng không nhận dục. Nếu ở nơi trú xứ không có thuyết giới, nên đến trú xứ khác để trưởng tịnh. Nếu trú xứ không có người thuyết giới, tiền an cư, không được quá hai kỳ trưởng tịnh. Phải tìm đến trú xứ có người thuyết giới.

Nếu chúng bị phá mà hòa hợp lại được, có thể tác Kiết tường trưởng tịnh. Được phép chấm dứt pháp xả trí, nên khất đại chúng tác pháp Biệt thời trưởng tịnh.

PHỤ LUC:

Tỳ-kheo 5 tuổi (hạ) nên tụng giới, tụng Yết-ma cho thuộc. Cho phép nương nơi vị có thể tụng luật hạ an cư. Vị tụng luật trong khi an cư mạng chung, cho đến phạm ngũ nghịch v.v... nếu chưa đến hậu an cư, thì nên đến trú xứ gần nhất kiết hậu an cư. Hoặc thỉnh vị ở trú xứ gần nhất có thể tụng luật, qua an cư với mình (trú xứ mình). Nếu đã kiết hậu an cư rồi, các Tỳ-kheo nên đến trú xứ gần nhất để học bài tựa, hay tụng 4 việc, 13 việc, 2 Bất định, 30 việc, 90 việc. Hoặc tụng những pháp còn lại. Vị ấy tụng những gì có thể tụng được, sau đó trở về trụ xứ mình, dạy một vị tụng, nếu một người không thể tụng hết, tùy theo chỗ đã tụng rồi, mỗi người tuần tự tụng tiếp theo, không được tụng trở lại. Nếu được như vậy thì tốt, không được thì chỉ nói pháp, tụng kinh.

Luật Thập tụng nói:

Tỳ-kheo thuyết giới, phải tụng thuộc lòng trước, đừng để khi tụng giữa chúng mà nhầm lẫn.

Tỳ-ni mẫu nói:

Không nên tụng luật bằng giọng ca hát. Nên tụng với giọng rõ ràng. Tụng giọng ca vịnh có 5 điều lỗi:

1) Tâm đắm nơi âm thanh ca hát.

2) Bị người đời cơ hiềm.

3) Cùng người đời không khác.

4) Phòng phế cuộc hành đạo.

5) Phòng phế việc nhập định.

Xuất gia đến 5 lạp, cốt yếu là phải tụng giới cho thuộc lòng. Không tụng giới được, có 4 điều lỗi:

1) Không được nuôi đệ tử.

2) Không được lìa y chỉ.

3) Không được làm Hòa thượng.

4) Không được làm A-xà-lê.

Pháp của Tỳ-kheo, cốt yếu là tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu không tụng thì trú xứ nào có tụng Tỳ-ni, ba thời phải đến trú xứ đó. Tại sao vậy? - Nếu có phạm có nghi, sám hối, giải nghi, đặng trừ tội.

Tại sao gọi là Bố-tát? Đoạn là Bố-tát. Tức là có khả năng đoạn các tội lỗi, các phiền não, đoạn tất cả pháp bất thiện gọi là Bố-tát. Thanh tịnh gọi là Bố-tát.

Mục hai, vấn đáp khải bạch đã xong.

---o0o---

C. CHÍNH NÓI BÀI TỰA CỦA GIỚI

Thưa các Đại đức, nay tôi sẽ tụng giới Ba-la-đề-mộc-xoa, các Đại đức cùng tập họp tại một chỗ. Hãy lắng nghe suy nghiệm kỹ. Nếu ai tự biết có phạm,

hãy tự phát lồ. Ai không phạm thì im lặng. Do sự im lặng, tôi biết các Đại đức thanh tịnh. như một người được kẻ khác hỏi riêng điều gì, thì như thật mà trả lời. Cũng vậy, Tỳ-kheo nào ở trong chúng sau khi đã ba lần hỏi, nhớ nghĩ mình có tội mà không phát lồ, vị ấy mắc tội cố ý vọng ngữ. Phật dạy: Cố ý vọng ngữ là pháp chướng đạo, Tỳ-kheo nào nhớ nghĩ mình có tội, muốn cầu thanh tịnh, hãy tự phát lồ, do phát lồ mà an lạc.

NGUYÊN DO7:

Ngài Xá-lợi-phất, ở chỗ nhàn tịnh nghĩ thế này: Tại sao có các vị Đẳng Chánh Giác tu phaïm hạnh, Phật pháp cửu trụ? Tại sao có các vị Đẳng Chánh Giác cũng tu phạm hạnh Phật pháp không cửu trụ? Rồi đến hỏi đức Thế Tôn. Phật nói:

- Đức Phật Tùy-diếp, đức Phật Câu-na-hàm, không vì các đệ tử rộng nói 12 bộ kinh, không kiết giới, không nói giới. Lúc đức Phật và các Thanh văn kia còn tại thế, Phật pháp rộng lưu bố. Sau khi Phật và Thanh văn nhập diệt, người trong thế gian, đủ các tên gọi, đủ các họ hàng, đủ các gia thế xuất gia, do vậy mau tiêu diệt, Phật pháp không cửu trụ. Tại sao? Vì không dùng kinh pháp nhiếp hóa. Cũng như các loại hoa đem rải trên bàn, bi gió thổi bay tứ hướng.

Còn đức Phật Tỳ-bà-thi, đức Phật Thức-khí, đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Ca-diếp vì các đệ tử rộng nói kinh pháp, cũng kiết giới, cũng thuyết giới. Các đức Phật và chúng Thanh văn kia, khi còn ở đời, Phật pháp được lưu bố. Sau khi các Phật và Thanh văn nhập diệt, các người trong thế gian, đủ các tên gọi, đủ các họ hàng, đủ các gia thế, xuất gia, đã không khiến cho Phật pháp mau diệt độ. Tại sao? - Vì dùng kinh pháp khéo nhiếp hóa. Cũng như các loại hoa trải trên mặt bàn, dùng chỉ xâu lại, tuy bị gió thổi, nhưng không bị phân tán.

Lúc bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất liền thỉnh Thế Tôn kiết giới, nói giới. Phật dạy:

“Thôi đi! Phật tự biết thời. Nếu có Tỳ-kheo nào phạm vào pháp hữu lậu, nhiên hậu Thế Tôn mới kiết giới, để đoạn trừ pháp hữu lậu kia. Tỳ-kheo nếu vì được lợi dưỡng, nếu vì được danh xưng, được nhiều người biết, học nhiều, nhiều tài nghiệp, lúc đó sanh ra pháp hữu lậu. Khi pháp hữu lậu đã sanh, thì Ta sẽ vì họ kiết giới”.

(Câu: "Đoạn trừ pháp hữu lậu" là cương tôn của giới học. Để mắt vào đó thì hầu hết khai, giá, trì, phạm từ đó mà sanh).

CHỨNG MINH:

Luật Căn bản nói:

Cây chuối khi kết trái, cây trúc vĩ lúc mọc mầm, con loa8 mang thai đều tự hại mình. Cũng vậy, lợi dưỡng và danh dự người ngu ưa thích, chúng có khả năng phá hoại các pháp lành, như lưỡi kiếm chặt đầu người.

Luật Nhiếp nói:

Có 5 động cơ khiến mình tạo tội:

1) Không có tâm biết xấu hổ.

2) Không kính trọng lời dạy.

3) Lòng ôm sự phóng dật.

4) Bẩm tánh ngu độn.

5) Quên mất chánh niệm.

GIẢI THÍCH:

Pháp chướng đạo là chướng ngại cho Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không, Vô tướng, Vô nguyện. Trở ngại quả Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán. Nếu sám hối thì được an lạc, đắc Sơ thiền cho đến A-la-hán.

Luật Nhiếp nói:

Trước có phạm, nay nín thinh không nói, lại chiêu lấy tội lỗi. Nếu như trong một lúc nào đó, có người khác hỏi, như thật mà đáp. Ở đây cũng như vậy. Nếu có tội mà không hề nhớ thì không mắc tội vọng ngữ. Nhưng nếu nhớ mà nín thinh tức là vọng ngữ, vì chúng hiện trên thân tướng, biểu hiện nơi ngữ nghiệp. Pháp chướng ngại, một là đối với đời này chướng ngại các pháp lành, hai là đối với đời sau trở ngại sanh vào đường lành.

Dục cầu thanh tịnh: Thanh tịnh tức là Niết-bàn. Vì cầu mong quả Niết-bàn, nên không sợ người khác gạn hỏi, trách cứ, trị phạt, mà nói tội của mình. Phát lồ tức an lạc, có 5 cách thực hiện nơi tướng:

1) Do siêng năng cần mẫn trị các biếng nhác.

2) Do không có tội, trị các tội lỗi.

3) Do kính trọng, trị tâm kiêu mạn thức xoa.

4) Do không hối hận, trị các ác tác.

5) Do tịch định, trị tâm tán loạn.

Luật Ngũ phần nói:

Ba-la-đề-mộc-xoa dùng giới này phòng hộ các căn, tăng trưởng pháp lành. Đối với các pháp lành, nó là cửa ngõ ban đầu vậy.

Mục 3, nói về bài tựa của giới xong.

---o0o---

D. NÓI ĐỂ KẾT THÚC

Thưa các Đại đức, tôi đã thuyết xong tựa Giới kinh. Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

GIẢI THÍCH:

Luật Nhiếp nói:

Hỏi 3 lần là vì, nếu hỏi ít hơn thì người ám độn không hiểu kịp. Nếu hỏi nhiều hơn sợ mất thì giờ, khiến cho chúng mỏi mệt.

Xong phần hỏi để kết thúc của mục bốn.

Phần chính văn chia làm ba.

Mục ban đầu đã nói xong về tựa của giới.

Mục thứ hai, liệt kê về giới tướng: Chia làm 8:

I. Bốn pháp khí (Ba-la-di).

II. Mười ba pháp Tăng tàn.

III. Hai pháp Bất định.

IV. Ba mươi pháp Xả đọa.

V. Chín mươi pháp Ba-dật-đề.

VI. Bốn pháp Hối quá.

VII. Một trăm pháp Chúng học.

VIII. Bảy pháp Diệt tránh.

Tám khoa này gọp chung lại thành 5 thiên:

1) Khoa thứ nhất tức là thiên ban đầu.

2) Khoa thứ hai tức là thiên thứ hai.

3) Khoa thứ ba, trong đó gồm có thiên đầu, thiên thứ hai và thiên thứ ba, gọi là Bất định. Khoa thứ tư, khoa thứ năm đều thuộc về thiên thứ ba.

4) Khoa thứ sáu thuộc về thiên thứ tư.

5) Khoa thứ bảy, khoa thứ tám thuộc về thiên thứ năm.

Nói thất tụ, là y vào thiên thứ nhất và thiên thứ hai phương tiện và đẳng lưu, lập riêng tụ Thâu-lan-giá. Nhân ba thiên sau, các phương tiện đẳng lưu nhẹ, lập riêng ra tụ ác thuyết.

---o0o---

I. BỐN PHÁP KHÍ: Chia làm ba

A. NÊU CHUNG:

Thưa các Đại đức, đây là bốn pháp Ba-la-di, rút từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

GIẢI THÍCH:

Luật Tăng kỳ9 nói:

Ba-la-di tức là pháp của người trí bị thối một (chìm), đọa lạc, không dự phần vào đạo quả được. Như vậy: Vị tri trí, Đẳng trí, Tha tâm trí, Khổ, tập, tận, đạo trí, Tận trí, Vô sanh trí, đối với các trí đó bị thối một, đọa lạc, không được dự phần vào đạo quả.

Đối với phạm hạnh thối một, đọa lạc, không dự vào phần đạo quả được. Phạm tội này không thể phát lồ sám hối tội lỗi đó được, cho nên nói là Ba-la-di.

(Một: Pháp trí, tức biết ngũ uẩn v.v... đều có tự tánh riêng.

Hai: Vị tri trí, cũng gọi là Loại trí, biết Năm uẩn v.v... tướng sai biệt tức là khổ, vô thường, không, vô ngã v.v...

Ba: Đẳng trí; cũng gọi là Thế tục trí, biết các loài hữu tình tu hành sai biệt và biết các pháp danh tướng giống, khác.

Bốn: Tha tâm trí, biết tâm Bổ-đặc-già-la10, tâm sở pháp (tâm pháp), không hề nghi trệ.

Năm: Khổ trí, năm ấm vô thường, khổ, không, vô ngã, quán được trí Vô lậu.

Sáu: Tập trí, cũng gọi là tập (họp), biết nhân của các pháp, nhân nhóm họp và sanh ra duyên, quán trí Vô lậu.

Bảy: Tận trí, cũng gọi là Diệt trí, chấm dứt sự sanh diệt, đạo quả vi diệu xuất hiện, quán được trí Vô lậu.

Tám: Đạo trí, tức đạo chánh hạnh, quán được Vô lậu trí.

Chín: Tận trí, ta thấy khổ rồi, đoạn tập rồi, chúng diệt rồi, tu đạo rồi. Khi nghĩ như vậy, chứng Vô lậu trí huệ, đắc tuệ giác.

Mười: Vô sanh trí, ta thấy khổ rồi, không trở lại nữa, cho đến tu đạo rồi, không còn tu nữa. Khi nghĩ như vậy, chứng Vô lậu trí huệ, đắc tuệ giác. Đó là 10 trí đức của Thanh văn. Niết-bàn tức là Đoạn đức của Thanh văn. Phạm hạnh tức là thanh tịnh giới phẩm, là nhân của Trí đức và Đoạn đức để đi đến Quả đức, nay đều bị thối thất, đọa lạc, không có cái nhân xuất thế để đưa đến quả phần).

Luật Ngũ phần11 nói:

Ba-la-di là pháp đọa, là pháp ác, là pháp đoạn đầu, là không phải pháp của Sa-môn. Như cây kim bị sứt đít không còn dùng được. Như người mạng tận không thể sống được. Như đá bị vỡ hai không thể hiệp lại được. Như chặt ngọn của cây đa-la, không thể sống được.

(Đa-la xưa gọi bối đa. Trung Hoa phiên là Ngạn (cây Ngạn), hình dáng thẳng mà cao, lá có thể viết kinh. Cây này nếu bị chặt cái tim ngọn, liền khô chết).

Luật nhiếp12 nói:

Ba-la-thị-ca (Ba-la-di) nghĩa là cực ác. Lại còn có nghĩa là tha thắng. Khi vừa phạm giới liền bị người tịnh hạnh khinh khi, vì họ hơn. Lại bị phiền não xô ngã, vì nó đã thắng. Xuất gia cận viên là để trừ phiền não, nay phá giới cấm, ngược lại bị nó hàng phục. Nó cũng hay làm hại thiện phẩm, khiến cho bị tiêu diệt. Và cũng hay sanh ra tội, rơi vào đường ác nên gọi là Ba-la-thị-ca.

(Cận viên, viên là Niết-bàn. Thọ giới Tỳ-kheo, có khả năng gần Niết-bàn, cho nên gọi là cận viên. Cũng gọi là cụ viên. Vì cụ giới này là chánh nhân duyên của Niết-bàn.)

---o0o---

B. KÊ RIÊNG:

Có 4: 1) Giới dâm; 2) Giới trộm; 3) Giới sát; 4) Giới vọng.

Luật Nhiếp nói:

Trước giới dâm sau giới sát, đây là y theo duyên phạm trước sau mà trình bày. Lại cũng y theo việc trước, nên dẫn đến việc sau, lấy đó làm thứ tự. Do không tịnh hạnh nên làm việc trộm cắp. Đã làm việc ăn trộm rồi bèn giết oan gia. Giết rồi bị hỏi, lại nói dối. Hơn nữa, đối trước sức mạnh xí thạnh của phiền não mà chế cấm.

- Bốn cái tha thắng này tướng của nó thế nào? Không nhàm chán, không xa lìa, không nhẫn chịu, không chứng đắc. Song không nhàm chán, không xa lìa vì chúng hết sức là cường thạnh, nên đặt vào thứ nhất. Thứ hai, đối với dâm dục, đối với của cải vì không biết từ khước cho nên sát sanh và vì không chứng đắc cho nên vọng ngữ.

---o0o---

THỨ NHẤT: GIỚI DÂM

Đại thừa đồng chế. Đại thừa tuy cho phép sám hối, nhưng cần phải thấy hảo tướng. Hoặc nhờ được gặp Phật, Bồ-tát v.v... vì họ nói thâm pháp, khiến họ bừng phát đại tâm. Như trong kinh Tịnh nghiệp chướng, kinh Duy-ma-cật nói: Song, ắt phải đầy đủ tâm đại tàm quý, sanh đại yểm ly, tuyệt nhiên không hề phú tàng. Dốc hết lòng tha thiết sám hối tội lỗi, mới có thể thừa đương được.

Vấn đề này cùng với pháp thọ học vốn có sự phỏng theo nhau. Nếu không có tâm sợ sệt, không có tâm quyết đoán, tuy là Đại thừa nhưng cũng đâu vội thông cho sám hối? Nếu luận rằng: "Kiến cơ đắc tác", chỉ gọi là tại gia Bồ-tát, chớ chẳng gọi là Tỳ-kheo Bồ-tát. Giới bổn đã trình bày đầy đủ vấn đề này, xin xem lại cho rõ.

Hỏi: - Bồ-tát Tỳ-kheo, căn bản nếu đã phá, một khi đã mất thì mất luôn, không được gọi là
Bồ-tát, Tỳ-kheo, Sa-di. Nếu Đại thừa cho phép sám hối, cốt phải thấy hảo tướng, mới có thể cho thọ lại. Còn Tiểu thừa thì quyết định không cho thọ lại. Tiểu thừa đã không cho phép thì đâu có gọi đơn Bồ-tát (Bồ-tát không)?

Đáp: - Đại thừa cho thọ lại, tuy lấy hảo tướng làm kỳ vọng, nhưng trong pháp của Tỳ-kheo hoàn toàn không được dùng vào việc của Tăng. Nay giả

thiết Bồ-tát Tỳ-kheo phá căn bản sau y theo Đại thừa sám trừ, được thấy hảo tướng. Nếu trước đó đã tác Yết-ma dữ học, tức là Bồ-tát dữ học Tỳ-kheo. Nếu trước đó đã tác Yết-ma diệt tẫn, tức là Bồ-tát Ưu-bà-tắc, chứ không gọi là đơn Bồ-tát.

Hỏi: - Pháp sám hối có ba: Tác pháp, thủ tướng, vô sanh. Trường hợp có vi phạm trọng giới hoặc vì vấn đề thể diện, hoặc vì không có Tăng thanh tịnh, không y theo tác pháp mà sám, chỉ y nơi thủ tướng, vô sanh. Như vậy hai pháp sám này có thể tiêu tội chăng?

Đáp: - Phạm tội là ác pháp, còn không nghĩ đến vấn đề thể diện mà lại làm. Sám hối là vấn đề thiện pháp, tại sao lại vì vấn đề thể diện? Nếu trong tâm có ý vì thể diện thì hoàn toàn đoïa vào phân biệt vọng thức; tuy muốn thủ tướng nhưng dứt khoát không cảm thông, tuy quán vô sanh nhưng dứt khoát khó khế hội.

Trường hợp vì thiếu Tăng thanh tịnh, không có chỗ nào để tác pháp, thì dùng tâm tịnh đầy đủ, chuyên tu hai pháp sám thủ tướng và vô sanh. Khi đã không có ý muốn che giấu, thì quyết định cũng có thể diệt trọng tội. Cổ đức nói: Thà thiếu hai món trước, đừng thiếu hai món sau, chính là cái nghĩa đây vậy. Không phải vì vấn đề thể dieän mà thiếu món trước được!

Hỏi: - Pháp thọ học in tuồng phỏng theo Đại thừa. Song cuối cùng cũng không thể dùng vào việc của Tăng được. Không biết y theo Đại thừa hành sám, thấy được hảo tướng rồi, có được tính vào Tăng số không?

Đáp: - Trong bộ Phụ hành ký13 của Đại sư Kinh Khê nói rằng: Giáo môn của Tiểu thừa còn không khai cho sám hối, tuy nói là hoàn sanh, nhưng không dùng vào việc của Tăng. Còn Sa-di đã phạm, phải sám hối mới thành tấn cụ (thọ Cụ túc giới). Vấn đề hứa khả của Đại thừa theo sự có thể thông hành. Thảng như cho phép được vào trong Đại Tăng, nhưng cũng tự chiêu lấy sự gian dối mà thôi. Huống nữa tính vào túc số của bậc khuôn vaøng thước ngọc làm sao được? Nên tin rằng Đại thừa Tiểu thừa có sự khu biệt, cho phép và cấm chế khác nhau. Tiểu thừa không hề nói phạm trọng mà sám hối, nên trọng tội không mất. Vì vậy, làm sao có thể dùng lời dạy sám hối của Đại thừa mà cho phép tính vào Tăng số của Tiểu thừa? Y theo Đại thừa sám hối rồi, tự mình tấn tu đạo hạnh, đâu phải là hồn lạm để mê hoặc tình người? Luận rằng: Thâm đàm huyền diệu không đâu hơn tông Thiên thai. Việc xiển dương giáo môn hoàn toàn không phá hư sự tướng. Khéo léo khai quyền hiển thật thì sự tức là chơn. Cho nên pháp của Tạng giáo, không thể

bỏ được. Thảng như muốn dùng Đại thừa để phá Tiểu thừa thì không phải là điều hay đẹp để mong muốn vậy.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, đã thọ trì học xứ và chấp nhận đời sống của Tỳ-kheo, chưa hoàn giới, giới sút kém nhưng không phát lồ, mà hành pháp dâm dục, cho đến cùng với loài súc sanh Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

NGUYÊN DO14:

Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly, khi ấy nơi thôn Ca-lan-đà, có con của ông Tu-đề-na, của cải đầy kho, lòng tin bền vững, xuất gia hành đạo. Gặp lúc mất mùa, gạo thóc rất quý, Tỳ-kheo khất thực khó được. Con ông Tu-đề-na dẫn các Tỳ-kheo đến thôn Ca-lan-đà khất thực. Mẹ của ông nghe con về, đến khuyên ông bỏ đạo về lại nhà, ba lần khuyên, ông đều không chấp nhận. Bà bảo con bà làm thế nào cho vợ ông có thai để khỏi tuyệt giòng họ. Ông bèn nắm tay vợ mình dẫn vào trong vườn, ba lần hành bất tịnh. Khi ấy trong vườn có con quỷ vừa chết, liền đầu thai vào đó. Sau chín tháng sanh đứa con trai đặt tên là Chủng Tử, sau cũng xuất gia thành đạo. Khi Tu-đề-na hành bất tịnh rồi, thường ôm lòng sầu ưu. Bạn đồng học hỏi biết vấn đề, trình bày đầy đủ với Đức Thế Tôn. Thế Tôn tập hợp các Tỳ-kheo, dùng voâ số phương tiện trách rằng: “Việc ông làm là quấy, không phải oai nghi, không phải Sa-môn, không phải tịnh hạnh, không phải hạnh tùy thuận, điều ấy là điеàu không nên làm. Tu-đề-na, tại sao ông ở trong pháp thanh tịnh của Ta mà làm... cho đến ái hết thì chứng Niết-bàn. Ông cùng với vợ cũ làm việc bất tịnh chăng ?...”

Phật bảo các Tỳ-kheo thà đem nam căn để vào miệng rắn độc, chứ không nên đem nó để trong nữ căn. Tại sao vậy? Vì làm như thế sẽ không đọa vào đường ác. Còn nếu phạm đến nữ nhơn, thân hoại mạng chung, đọa vào ba đường ác. Tại sao vậy? Ta đã dùng vô số phương tiện nói pháp đoạn dục đoạn tư tưởng đối với dục, trừ sức nóng tán dục, dứt niệm về dục, vượt lên trên sự ràng buộc bởi ái. Ta nói dục như lửa, vật tạm bợ, như xương khô, cũng như cục thịt, như cảnh trong mộng, như dao bén dưới chân, như đồ gốm mới đựng nước để dưới ánh nắng mặt trời, như đầu rắn độc, như kiếm bén đâm. Thật là uế ác. Phật quở trách. Quở trách rồi cùng các đệ tử kiết giới, gồm đủ 10 nghĩa:

1) Nhiếp hóa lấy Tăng (sự, lý nhị hòa).

2) Khiến Tăng hoan hỷ.

(Mỗi người đều giữ ba nghiệp, không xúc não nhau).

3) Khiến Tăng an vui.

(Mỗi người đều giữ thân, khẩu, không não loạn nhau).

4) Khiến người chưa tin được tin.

(Nhập ngũ đình tâm và Tứ niệm xứ).

5) Người đã tin thì thêm lớn lòng tin.

(Do Tứ chánh cần được quán noãn pháp).

6) Người khó điều, khiến được điều thuận

(Do giới tịnh nên có thể được Tứ như ý túc, tiến lên quán đảnh pháp, chiết phục phiền não).

7) Người biết xấu hổ được an lạc.

(Tàm là nghĩa thứ nhất của cõi trời, Quí là trong người phàm thành tựu 5 căn, trụ vào nhẫn pháp, không bị thối chuyển).

8) Đoạn hữu lậu hiện tiền.

(Năm lực có khả năng dẹp năm chướng. Thế đệ nhất pháp, phục đạo đầy đủ).

9) Đoạn hữu lậu đời vị lai.

(Bảy giác chi, Tám chánh đạo, phát khổ nhẫn chơn minh, hoàn thành tám kim cang đoạn tất cả hạt giống kiến, tư hoặc).

10) Chánh pháp được lâu bền.

(Bậc A-la-hán làm xong việc, khiến thắng nghĩa Chánh pháp không chấm dứt.)

Muốn nói giới sẽ nói như sau:

"Nếu Tỳ-kheo nào phạm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục, Tỳ-kheo ấy phạm Ba-la-di không được sống chung." Sau khi kiết giới như vậy rồi, khi ấy có Tỳ-kheo Bạt-xà-tử, sầu ưu, không vui sống nếp sống tịnh hạnh, liền trở về nhà, cùng với vợ cũ hành dâm dục. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy: "Ông là kẻ ngu si, phạm Ba-la-di không được sống chung. Nếu Tỳ-kheo nào không vui sống nếp sống tịnh hạnh, cho phép xả giới về nhà. Nếu sau đó muốn xuất gia tu phạm hạnh, nên độ cho xuất gia thọ Đại giới. Lại thêm câu: "Không xả giới, giới sút kém không tự phát lồ".

Lại có một Tỳ-kheo khất thực, nương ở trong rừng, cùng hành bất tịnh hạnh với con vượn cái. Các Tỳ-kheo đi kiểm tra biết được, bạch đầy đủ với đức Thế Tôn, nên kiết văn giới như trên.

GIẢI THÍCH:

Tỳ-kheo gồm có:

- Tỳ-kheo Danh tự.

- Tỳ-kheo Tương tợ.

- Tỳ-kheo Tự xưng.

- Tỳ-kheo Thiện lai.

- Tỳ-kheo Khất cầu.

- Tỳ-kheo trước cát tiệt y15.

- Tỳ-kheo Phá kiết sử.

- Tỳ-kheo thọ Đại giới do Bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu hợp cách.

Chữ Tỳ-kheo, nói ở trong văn giới này là chỉ loại Tỳ-kheo sau cùng, cùng với Tỳ-kheo đồng giới. Khi Phật vì các đệ tử kiết giới rồi, thà chết chứ không phạm.

Trong đây cùng với các Tỳ-kheo khác một giới (giới thể không hai), đồng giới (giới tướng không khác), đẳng giới (thọ trì riêng một cách đầy đủ). Như vậy gọi là đồng giới.

Thế nào gọi là không xả giới?

Xả giới vì điên cuồng, xả giới vì tâm tán loạn, xả giới vì thống não, xả giới câm, xả giới điếc, xả giới câm điếc, hay đứng trước những người điên cuồng, tâm loạn, thống não, điếc câm mà xả giới thì gọi là không xả giới. Người thành phố đối trước người quê dã, người quê dã đối trước người thành phố xả giới. Không vắng lặng tưởng là vắng lặng xả giới. Vắng lặng xả giới tưởng là không vắng lặng xả giới. Giỡn chơi xả giới. Đối trước loài thiên, long, dạ xoa, ngạ quỷ, ngủ nghỉ, người chết, người vô trí xả giới. Hoặc tự mình không nói, hoặc nói trước người không hiểu như vậy v.v... không gọi là xả giới.

Thế nào gọi là xả giới?

Tỳ-kheo nhàm chán pháp Tỳ-kheo, bèn nói: Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tỳ-kheo Tăng v.v..., nói như vậy một cách rõ ràng, gọi là xả giới.

Giới sút kém, hoặc có giới sút kém mà không xả giới, hoặc có giới sút kém mà xả giới. Nếu Tỳ-kheo nhàm chán pháp Tỳ-kheo, trong lòng thường xấu hổ, ý ưa sống taïi gia v.v... chỉ nói như vầy: Tôi nghĩ đến cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, xóm làng, nhà cửa, ruộng vườn, hồ ao, tôi muốn bỏ Phật, Pháp, Tăng cho đến học xứ. Tôi muốn nhận giữ gia nghiệp, cho đến muốn làm pháp phi Sa-môn, phi Thích tử. Như vậy gọi là giới sút kém, không xả giới.

Nếu tư duy rằng: Tôi muốn xả giới, rõ ràng thành xả giới. Như vậy gọi là giới sút kém mà xả giới.

Thế nào gọi là Ba-la-di?

Như người bị chặt đầu không thể sống lại được. Tỳ-kheo phạm pháp này, khoâng trở lại thành Tỳ-kheo, cho nên gọi là Ba-la-di.

Cộng trú là cùng một Yết-ma, cùng một thuyết giới, sống với nhau mà không cùng nhau làm hai việc ấy gọi là bất cộng trụ.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu hướng đến 5 chúng và hàng bạch y v.v... nói: Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ học (xứ), bỏ thuyết (giới), bỏ cộng trụ, bỏ chung lợi (dưỡng), bỏ kinh luận, bỏ Tỳ-kheo, bỏ Sa-môn, bỏ Thích chủng, không phải Tỳ-kheo. Toài là Sa-di, là ngoại đạo, là người thế tục. Ngũ dục vốn coù, tôi thọ dụng trọn vẹn. Đó gọi là hoàn giới.

Thế nào gọi là xả Phật?

Bỏ Chánh giác, bỏ Tối thắng, bỏ nhất thiết trí, bỏ nhất thiết kiến, bỏ vô dư trí kiến, bỏ cha La-hầu-la, bỏ chơn kim thân, bỏ viên quang, bỏ 32 tướng, bỏ 80 vẻ đẹp. Nếu bỏ tất cả danh hiệu của Phật, đều gọi là xả Phật, tức là xả giới. Nếu nói bỏ quá khứ, vị lai Phật, không gọi là xả giới, mắc tội Thâu-lan-giá.

Lại nữa, các ngoại đạo cũng đều gọi có Phật. Nếu thật muốn xả Phật, giả như nói: bỏ Phật ngoại đạo, không gọi là xả giới, mắc tội Thâu-lan-giá. Nếu giỡn chơi nói: Xả Phật, phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu nhầm lẫn nói, tâm cuồng thì vô tội.

Thế nào gọi là xả Pháp?

Pháp, không thuộc về ba đời mà tướng của nó là thường trụ. Như nói: Vô vi Niết-bàn, lìa các phiền não, tất cả khổ hoạn, vĩnh viễn không còn. Nếu nói: Xả pháp này, hoặc nói: Xả quá khứ vị lai pháp, đều gọi là xả giới.

Nếu như nói xả pháp ngoại đạo, mắc tội Thâu-lan-giá. Nếu giỡn chơi nói, phạm tội Việt tỳ-ni.

Thế nào gọi là xả Tăng?

Tăng là chỉ cho đệ tử Thế Tôn. Tăng tức là tư song bát bối16:

- Đã thành tựu tín

- Đã thành tựu giới

- Đã thành tựu văn

- Đã thành tựu tam muội

- Đã thành tựu huệ

- Đã thành tựu giải thoát

- Đã thành tựu giải thoát tri kiến.

Nên họ là bậc cần cung kính cúng dường, là ruộng phước Vô thượng. Nếu nói: Tôi xả bỏ Tăng này, gọi là xả giới. Nếu nói: Xả bỏ quá khứ, vị lai Tăng, hoặc nói xả bỏ nhiều Tỳ-kheo Tăng, đều không gọi là xả giới, mắc tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: Xả bỏ quá khứ vị lai nhiều Tỳ-kheo, hoặc nói xả bỏ một Tỳ-kheo, mắc tội Việt tỳ-ni. Hoặc nói : Xả bỏ quá khứ, vị lai, một Tỳ-kheo, mắc tâm hối Việt tỳ-ni (Tức là Đột-kiết-la tự trách tâm mình). Tỳ-kheo-ni cũng như vậy, Hoặc nói: Xả bỏ Hòa thượng, gọi là xả giới. Hoặc nói: Xả bỏ A-xà-lê, không gọi là xả giới, mắc tội Thâu-lan-giá. Quá khứ, vị lai sai biệt và giả nói, giỡn chơi v.v... đồng như trên.

Thế nào gọi là xả học?

Học có 3 loại:

- Tăng thượng giới học, tức là nói Ba-la-đề-mộc-xoa rộng hay lược.

- Tăng thượng ý học, tức là chín thứ lớp chánh thọ.

- Tăng thượng huệ học, tức là 4 Chơn đế.

Nếu nói: Xả học này, đều gọi là xả giới.

Giả như nói, giỡn chơi v.v... đồng như trước.

Thế nào gọi là xả thuyết? (tức là ba thứ thuyết giới: 15 ngày, 14 ngày và trung gian Bố-tát).

Hoặc nói: Tôi xả thuyết này, gọi là xả giới.

Thế nào gọi là xả cộng trú?

Cộng trú có hai thứ:

- Thanh tịnh cộng trú, chúng đều thanh tịnh, cùng tác Bố-tát.

- Tương tợ cộng trú, không thanh tịnh, hiện tướng thanh tịnh, cùng ở với người thanh tịnh, cùng tác Bố-tát.

Hoặc nói: Tôi xả cộng trú, gọi là xả giới.

Thế nào gọi là xả cộng lợi (dưỡng)?

Lợi có 2 loại:

- Pháp lợi, tức thọ trì, đọc tụng, vấn đáp.

- Lợi về y thực, tức đồng nhận phẩm vật cúng dường.

Hoặc nói: Tôi xả lợi này, gọi là xả giới. Nếu chỉ nói: Tôi xả lợi về y thực, không gọi là xả giới, mắc tội Thâu-lan-giá.

Thế nào là xả kinh luận?

Kinh luận có 9 bộ (tức là 12 bộ, trừ Phương quảng, Thọ ký và Vô vấn tự thuyết).

Nếu nói: Tôi xả kinh luận này, gọi là xả giới.

Hoặc nói: Xả kinh luận quá khứ vị lại, không gọi là xả giới, mắc tội Thâu-lan-giá. Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nói: Tôi bỏ Phật, Phật bỏ tôi. Tôi lìa Phật, Phật lìa tôi. Tôi xa Phật, Phật xa tôi. Tôi chán Phật, Phật chán tôi. Tôi thôi Phật, Phật thôi tôi. Như vậy đều gọi là xả giới. Cho đến kinh luận cũng như vậy. Như vậy gọi là hoàn giới (trả giới lại).

Nếu giận nói, gấp nói, nói một mình nói không rõ, nhân tranh cãi nói, tưởng một mình nói, nói với người ngủ, nói với người cuồng, nói với trẻ nít, nói với phi nhơn, nói với súc sanh, nói với người không hiểu biết, đều không gọi là xả giới. Giới sút kém tức là người kia nghĩ: Tôi thà xả bỏ Phật, Pháp, Tăng cho đến xả bỏ các kinh luận. Lại nghĩ rằng: Tôi sẽ làm Sa-di, làm người thế tục, làm ngoại đạo. người kia tâm nghĩ miệng nói, chứ chưa quyết định đến người khác nói, đó gọi là giới sút kém (giới luy). Hoặc nói sự việc của giới sút kém, mỗi lời nói phạm một tội Thâu-lan-giá.

Lại, khởi tâm nghĩ, miệng nói: Tốt hơn, tôi xả bỏ Phật, cho đến tốt hơn tôi làm theo nếp sống người thế tục. Như vậy, gọi là nói sự việc của giới sút kém, mỗi lời nói phạm một tội Thâu-lan-giá.

Luật Ngũ phần:

Nếu nói, "Tôi sẽ làm theo nghi pháp của ngoại đạo", mỗi lời nói phạm một tội Thâu-lan-giá. Hoặc nói: "Tôi sẽ làm theo nghi pháp của bạch y", phạm Đột-kiết-la, không gọi là xả giới. Miệng nói: "Tôi xả giới", gọi là xả giới.

Luật nhiếp nói:

Hạnh là chỉ cho Thánh đạo. Tịnh tức chỉ cho Niết-bàn. Do Bát chánh đạo mới có thể chứng hội. Làm hạnh bất tịnh là nghịch lại với Chánh lý vậy.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Vấn đề phạm trong đây là:

Nếu nơi đường đại tiện, tiểu tiện và miệng: với tất cả nhơn, phi nhơn, súc sanh, nam, nữ, hai hình, huỳnh môn, hoặc của mình hay của người khác mà vào như đầu mảy lông, trong ba thời gian: Sơ, trụ, xuất, tùy theo đó, nếu có lạc tưởng đều phạm Ba-la-di. Chuẩn bị mà không vào, phạm Thâu-lan-giá. Đối với căn bị hư hoại và hành dâm không đúng chỗ, đều phạm Thâu-lan-giá. Dạy người khác, phạm Thâu-lan-giá. Dạy người mà họ không làm phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la, tẫn xuất.

Trường hợp không phạm là: Người ngủ, không hề có giác tri, không thọ lạc, hay tất cả những trường hợp không có dâm ý và lúc ban đầu chưa chế giới, si cuồng, tâm loạn, thống não ép ngặt.

Luật Thập Tụng nói:

Có 5 trươơng hợp làm cho người cuồng:

- Thân bằng quyến thuộc bị chết hết nên cuồng.

- Của cải mất hết nên cuồng.

- Sự nghiệp, nhân dân mất hết nên cuồng.

- Tứ đại rối loạn biến động nên cuồng.

- Nghiệp báo đời trước nên cuồng.

Tuy có bệnh cuồng như vậy, nhưng tự biết ta là Tỳ-kheo, làm việc dâm dục, cũng mắc Ba-la-di tội.

Có 5 nhân duyên khiến tâm tán loạn:

- Bị Phi nhơn đánh nên tâm tán loạn.

- Bị Phi nhơn khiến cho tâm tán loạn.

- Bị Phi nhơn ăn tinh khí của tâm nên tâm tán
loạn.

- Bị tứ đại rối loạn nên tâm tán loạn.

- Bị nghiệp báo đời trước nên tâm tán loạn.

Tuy có tâm tán loạn như vậy, nhưng tự biết mình là Tỳ-kheo, hành dâm dục cũng phạm Ba-la-di.

- Có 5 món bệnh hoại tâm (tức thống não ép ngặt):

- Do gió phát khởi, nên có bệnh hoại tâm.

- Do nóng phát khởi, nên có bệnh hoại tâm.

- Do lạnh phát khởi, nên có bệnh hoại tâm.

- Do ba thứ đều phát khởi, nên có bệnh hoại tâm.

- Do khí thời tiết phát khởi, nên có bệnh hoại tâm.

Tuy có bệnh hoại tâm như vậy, nhưng nếu tự biết là Tỳ-kheo, hành dâm dục cũng mắc Ba-la-di. Nếu không tự biết thì không phạm.

Luật Thiện kiến nói:

Thấy lửa mà cầm như cầm vàng không khác. Thấy phẩn mà cầm, như cầm gỗ hương (chiên-đàn) không khác. Điên cuồng như vậy, phạm giới không có tội.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu Tỳ-kheo với tâm nhiễm ô, muốn xem người nữ, mắc tội tâm hối Việt tỳ-ni. Nếu mắt thấy, nghe tiếng, phạm tội Việt tỳ-ni. Xúc chạm nhau, phạm Thâu-lan-gia, cho đến chỉ chạm nhau như hột mè, phạm Ba-la-di. Nếu thân hình (nam căn) lớn, tuy vào nhưng chỉ ở mé (nữ căn), mắc tội Thâu-lan-giá. Nếu thân hình của người nữ bị cắt làm hai phần, đến nơi hai phần hành dâm, phạm tội Thâu-lan-giá, hoặc đem buộc cho hiệp lại để hành dâm phạm Ba-la-di.

Thế nào gọi là thọ lạc?

Như đói được ăn, như khát được uống.

Thế nào gọi là không thọ lạc?

Như người đẹp đẽ dùng các loại thây chết cột nơi cổ. Lại như trường hợp mổ mụt nhọt, lấy lưới nóng bao quanh mình.

Lại nói: Nếu vì dục tâm, đi theo sau người nữ thì mỗi bước phạm một tội Việt tỳ-ni. Vì dục tâm, cùng với người nữ cách vách nói chuyện, mỗi lời nói phạm một tội Việt tỳ-ni.

PHỤ:

Luật Thiện kiến nói:

Bậc Trưởng lão nghe những hạnh bất tịnh này chớ nên kinh quái. Tại sao vậy? Đức Như Lai thương xót bọn ta, vì kiết giới vậy, cho nên nói những lời không tốt này. Nếu không nói thì làm sao biết được tội Ba-la-di, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la khác nhau thế nào. Nếu Pháp sư vì người giảng dạy, người nghe chớ nên cười cợt giỡn chơi. Nếu ai cười cợt thì đuổi ra. Tại sao vậy? Đức Phật lân mẫn chúng sanh, từ kim khẩu nói ra, chúng ta nên sanh lòng hổ thẹn khi nghe, tại sao cười?

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ HAI
---o0o---

1 Nếu không có thì nói như trên, nếu có thì trả lời là có và theo nghi thỉnh như trong Yết-ma yếu chỉ do Hòa thượng Thích Trí Thủ soạn thuật, trong đó đã hướng dẫn.

2 Tứ phần luật 35, Kiền-độ thuyết giới, tr. 816b, Đại 22n1428.

3 Tứ phần luật 35, tr. 818a28, Đại 22n1428.

4 Dữ dục thanh tịnh 與欲清淨û: Dữ dục và thuyết tịnh, gởi dục là gởi ý muốn của mình đến Tăng. Ý muốn ở đây là sự nhất trí của mình về việc Tăng yết-ma thuyết giới. Thuyết tịnh là nhờ người trình lên Tăng rằng mình thanh tịnh, không có phạm học xứ nào. Khi gởi dục, gồm luôn cả thuyết tịnh. (Yết-ma yếu chỉ, HT Thích Đỗng Minh biên tập).

5 Thập tụng tỳ-ni tựa (Thập tụng luật tựa, Tỳ-ni tụng) 3 quyển, Tam tạng Tỳ-ma-la-xoa dịch thời Đông Tấn. Bản dịch này bị khuyết, không có trong tạng Đại Chánh.

6 Bao-tát-đà 褒薩陀I: Skt. poṣadha, Pāli. uposatha, cách dịch âm khác: Bố-tát, Bố-sa-tha...

7 Tứ phần luật 1, tr. 569a19, Đại 22n1428.

8 Con loa 騾...: do lừa đực giao phối với ngựa cái mà sinh ra.

9 Ma-ha tăng kỳ luật 2, tr. 237b23, Đại 221425.

10 Bổ-đặc-già-la 補特伽羅: Skt. Pudgala, dịch là người, chúng sanh.

11 Ngũ phần luật 1, tr. 4c21, Đại 22n1421.

12 Căn baûn tát-bà-đa bộ luật nhiếp 2, tr. 532c25, Đại 24n1458.

13 Phụ hành ký: Chỉ quán phụ hành truyền hoằng quyết 40 quyển, Đại 46n1912, ngài Kinh Khê Trạm Nhiên (711-782) soạn thuật thời Đường.

14 Tứ phần luật 1, tr. 569c18, Đại 22n1428.

15 Tỳ-kheo mặc y từ những miếng vải rách.

16 Tứ song bát bối 四雙八輩..: là thánh giả tứ hướng tứ quả của Tiểu thừa. Hướng quả là một song, mà một song như vậy có tứ chủng, vậy một song của tứ chủng tức là bát bối (xem tứ hướng tứ quả).

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 3

THỨ HAI: GIỚI TRỘM

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng chế.

Trường hợp được phép làm, như trong Giới bổn của Bồ-tát đã nói đầy đủ.

Hỏi: - Đại thừa gặp trường hợp được phép làm, thì vấn đề sát sanh, ăn trộm, dâm dục, nói láo, đối với giới Bồ-tát, không những không trái phạm mà còn được nhiều công đức, đối với giới Tỳ-kheo có trái phạm không?

Đáp: - Xuất gia đối với giới dâm thì Đại thừa, Tiểu thừa đều cấm; ba giới sát, trộm và vọng thì Đại thừa khai mở cho, Tiểu thừa thì ngăn cấm. Nếu quả thật vì lòng từ bi, cứu vật thì đối với giới Bồ-tát tuy không trái phạm, nhưng đối với pháp của Tỳ-kheo vẫn phải y luật kiết tội. Luận rằng: Nơi thâm tâm của Bồ-tát còn muốn thay thế cho tất cả chúng sanh, nhận lấy cái khổ nơi địa ngục, đâu không thể nhận lấy cái khổ do sự trị phạt của Tăng? Thảng như tự xưng là Đại sĩ, mà không tuân hành quy chế của Tăng thì đã chẳng phải là Tỳ-kheo mà cũng chẳng phải là Bồ-tát.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, nơi làng xóm, hoặc nơi rừng vắng, lấy vật không cho với tâm trộm cắp; tùy theo sự lấy vật không cho ấy mà vua hay Đại thần của vua, hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi khỏi nước, hoặc khiển trách: "Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ ngu, ngươi là kẻ không biết gì." Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di không được sống chung.

NGUYÊN DO1:

Đức Phật du hóa nơi thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật. Lúc bấy giờ, trong thành có một vị Tỳ-kheo, con của người thợ đồ sứ, tên là Đàn-ni-ca, cất một thảo am nơi chỗ rừng vắng. Vị Tỳ-kheo ấy đi vào trong thôn khất thực, trẻ nhỏ quơ củi dỡ thảo am ấy đem về chụm. Sau đó, vị Tỳ-kheo kia trộn đất làm thành một ngôi nhà bằng đất, lấy củi và phân bò nung chín. Ngôi nhà ấy sắc đỏ như lửa. Phật cấm không cho làm nhà hoàn toàn bằng gạch màu sắc đỏ. Nếu làm, phạm tội Đột-kiết-la. Đức Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo đến đập phá ngôi nhà ấy. Tỳ-kheo Đàn-ni-ca lại lừa dối nói với người giữ cây gỗ của nước Ma-kiệt-đà để lấy gỗ quý lưu trữ của vua Bình-sa. Đại thần tâu với vua, vua nghĩ: Không nên vì một ít tài vật mà dứt mạng sống của người xuất gia, chỉ quở trách rồi đuổi đi. Các quan thì không bằng lòng, cư sĩ thì cơ hiềm. Hàng Tỳ-kheo thiểu dục, nhân đây bạch Phật, Phật quở trách rồi kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Tùy bất dữ thủ pháp (tùy theo pháp không cho mà lấy), tức là tùy theo pháp tắc của nhà vua quy định lấy vật không cho, xử trị như thế nào. Pháp của nhà vua lúc bấy giờ là: Nếu lấy năm tiền, hay lấy vật trị giá đủ năm tiền thì bị tội tử hình.

Luật Thập tụng nói:

Một đồng trị giá bằng một phần mười sáu của đồng tiền.

Luật nhiếp nói:

Năm ma-sái, một ma-sái có 80 bối xỉ2.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Lấy rời khỏi chỗ thì phạm tội Ba-la-di. Chuẩn bị để lấy mà chưa được, phạm tội Thâu-lan-giá, lấy gần năm tiền phạm Thâu-lan-giá, lấy không được phạm Đột-kiết-la. Dạy người lấy, dạy người tìm, đồng như trước. Phương tiện dạy người tìm năm tiền trở lên, nhưng người được dạy, lấy vật khác, hay lấy chỗ khác, người lấy phạm Ba-la-di, còn người dạy phạm Thâu-lan-giá. Nếu người được dạy không có tâm trộm cắp mà lấy được trên năm tiền thì người lấy không có tội, người dạy phạm Ba-la-di. Nếu người được dạy với tâm ăn trộm, lấy được năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di, còn người dạy không phạm bổn tội.

Vật có chủ hay tưởng là có chủ, không cho mà lấy năm tiền trở lên, phạm Ba-la-di. Gần năm tiền trở xuống, phạm Thâu-lan-giá. Nghi là có chủ, lấy năm tiền trở lên thì phạm Thâu-lan-giá. (Nếu theo bộ Căn bản thì cũng phạm tội Ba-la-di). Gần năm tiền trở xuống phạm Đột-kiết-la (dựa vào bộ Căn bản thì cũng phạm Thâu-lan-giá). Không có chủ, tưởng là có chủ và nghi là có chủ mà lấy năm tiền trở lên thì phạm Thâu-lan-giá, gần năm tiền trở xuống phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di. Ba chúng nhỏ phạm Đột-kiết-la, diệt tẫn. Trường hợp không phạm là: tưởng là cho, tưởng của mình, tưởng là phấn tảo (vất bỏ), nghĩ rằng tạm lấy, ý tưởng là của người thân hữu, và lúc đầu chưa chế giới v.v.... thì không phạm.

(Phần thứ ba3 nói: Ý tưởng thân hậu ‘bạn thân’ có bảy yếu tố để tạo thành người bạn thân đem lại lợi ích và lòng từ mẫn. Bảy pháp là:

- Vật khó cho có thể cho.

- Việc khó làm có thể làm.

- Việc khó nhẫn có thể nhẫn.

- Việc bí mật nói cho nhau.

- Không bươi móc nhau.

- Gặp khổ không bỏ nhau.

- Nghèo nàn không khinh dể.)

Căn bản tạp sự nói:

Phàm là người thân hữu, là người có thể giao phó đời mình cho họ. Người ấy có 5 yếu tố:

- Có lòng thương yêu nhau.

- Càng gần càng vừa lòng.

- Tôn trọng lẫn nhau

- Xa lâu nhớ nhau.

- Bạn dùng vật của mình, lòng sanh vui mừng.

Phần thứ tư4 nói:

Với tâm trộm cắp, vì người, đem vật phải chịu thuế của họ qua khỏi cửa ải quan thuế, trị giá đủ năm tiền, phạm Ba-la-di. Nhiều Tỳ-kheo bảo một người lấy vật của kẻ khác, lấy được năm tiền, nhưng tất cả mỗi người đều phạm tội Ba-la-di. (Vì dùng tâm trộm cắp lấy vật của người đủ 5 tiền, lìa khỏi chỗ cũ). Đối với địa phương kia, vật được trị giá là 5 tiền, nhưng đến địa phương này trị giá dưới 5 tiền vẫn phạm tội Ba-la-di. Đối với địa phương kia vật được trị giá dưới 5 tiền, nhưng đến địa phương này trị giá trên 5 tiền, phạm Thâu-lan-giá. Biết người đó với tâm trộm cắp, sai mình lấy vật của người, trước đó thì chấp thuận, nhưng sau ăn năn không thực hiện, thì phạm Đột-kiết-la. Muốn ăn trộm áo của người, nhưng nhầm lấy áo của mình, thì phạm Thâu-lan-giá. Kẻ trộm kia lấy vật, mình cưỡng đoạt lấy vật của kẻ trộm đó, phạm Ba-la-di. Lấy lần trước, lấy lần sau khác nhau cộng lại đủ 5 tiền, phạm Ba-la-di. Ăn trộm đất, nước, trái cây, rau cải v.v... tính đủ 5 tiền, hoặc mình tự thọ dụng, hoặc khiến cho nó bị tổn giảm, tất cả đều phạm Ba-la-di.

Trường hợp, người Đàn-việt có hai đứa bé5 khôn ngoan dạn dĩ, một hôm, ngài Tất-lăng-già-bà-ta đến, đứa bé liền đến ôm chân, chạy quanh mừng giỡn. Sau đó, kẻ trộm bắt đem đi, cha mẹ nó đến nơi Tôn giả khóc kể, nghĩ rằng Tôn giả bắt con họ. Tôn giả dùng Thiên nhãn thấy em bé trong thuyền của bọn giặc. Tôn giả liền dùng thần thông bắt đem về cho cha mẹ nó. Các Tỳ-kheo cơ hiềm Tôn giả về vấn đề này. Phật hỏi Tôn giả dùng tâm gì để bắt em bé. Tôn giả trả lời: Dùng lòng từ bi chứ không có tâm trộm cắp. Phật dạy: Không phạm tội.

Luật Tăng kỳ nói:

Trường hợp Tỳ-kheo trên đường đi, bị bọn cướp cướp đoạt, hoặc bọn cướp ít, Tỳ-kheo nhiều, hoặc bọn giặc giấu vật vừa cướp được đến chỗ khác. Vị Tỳ-kheo này nếu chưa nghĩ là vật của mình đã mất, rồi đoạt lấy lại, thì không tội. Nếu đã nghĩ vật của mình đã mất rồi đoạt lấy lại, thì thành bọn giặc, cướp của bọn giặc. Lại nữa, hoặc bọn giặc thuận đường đi, gần đến xóm làng, sắp sửa đem vật ra chia, Tỳ-kheo theo xin lại được thì không tội. Hoặc dùng thế lực khủng bố khiến cho giặc trả lại cũng không tội. Hoặc báo cáo cho người chủ tụ lạc, dùng phương tiện dụ dỗ, khiến cho giặc trả lại, không tội. Nếu biết làm như vậy họ sẽ giết, sẽ trói thì không nên báo cáo. Trường hợp Tỳ-kheo làm vị Ma-ma-đề (tức chủ chùa). Tháp (chùa) không có tài sản, chúng Tăng có tài sản, bèn nghĩ rằng: Sở dĩ trời, người cúng dường chúng Tăng đều nhờ ơn của Phật, cúng dường Phật tức là cúng dường chúng Tăng, bèn đem của Tăng tu bổ Tháp. Vị Ma-ma-đề này mắc tội Ba-la-di.

Trường hợp Tháp có tài vật, chúng Tăng không có tài vật, bèn nghĩ rằng: Cúng dường Tăng, Phật cũng có trong đó, liền đem vật của Tháp cúng dường cho Tăng. Vị Ma-ma-đề sử dụng như vậy mắc tội Ba-la-di.

Trường hợp Tháp không có tài vật, Tăng có tài vật, được như pháp tạm mượn để dùng, nhưng cần phải ghi chép phân minh rằng: "Khi nào mượn dùng, khi nào sẽ trả lại". Nếu Tăng không có tài vật, Tháp có tài vật cũng như vậy. Khi giao nhận để mượn dùng, phải tuyên đọc văn kiện rõ ràng trước chúng, giao nhận phân minh. Nếu không tuyên đọc văn kiện thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Trường hợp hai Tỳ-kheo có chung tài vật cần chia, một trong hai Tỳ-kheo đó có tâm trộm cắp lấy hết về cho mình, trừ phân nửa của họ ra, còn phân nửa của vị kia, nếu đủ 5 tiền thì phạm Ba-la-di. Nếu người kia đồng ý cho lấy thì

không tội. Nếu cùng nhau hứa hẹn được vật cùng chia, khi được vật lại nói: Mỗi người đều có lộc riêng, thì phân nửa phần trong đó, đủ 5 tiền phạm Ba-la-di. khi nghĩ như vậy nhưng vật còn để nơi nhà thí chủ thì phạm Thâu-lan-giá, biết có thí chủ mà nghĩ như vậy, mắt tội Việt tỳ-ni. Hai Tỳ-kheo phấn tảo6 ước hẹn với nhau cũng vậy.

Tỳ-kheo coi ngó vật của Tăng, cần biết có vật nên cho, có vật không nên cho. Thế nào là nên cho? Vật có thể làm tổn giảm, vật có lợi ích thì nên cho. Sao gọi là tổn giảm? Như có giặc đến chùa, đòi hỏi thức ăn, thức uống nếu không cho thì có thể bị đốt chùa, cướp của, không cho sợ bị tổn hại, nên tùy theo đó ít nhiều cần phải cho. Tại sao gọi là có lợi ích? – Đối với thợ nề, thợ đào đất, thợ vẽ họa đồ và những người coi sóc công việc sửa chữa phòng ốc của Tăng thì nên cho bữa ăn trước, bữa ăn sau, dầu thoa mình và nước uống phi thời v.v... Nếu vua và các người có thế lực lớn nên cho vật thực, thức ăn, thức uống gọi là có ích thì nên cho.

Có Tỳ-kheo y bát bị mất, nếu chưa nghĩ rằng mình đã mất, sau biết chỗ, nên đến đó tìm cách lấy lại, nếu đã nghĩ rằng mình mất, sau biết chỗ, đến tìm cách lấy lại mắc tội Việt tỳ-ni, nếu trước đã nghĩ rằng: Sau đó nếu biết chỗ sẽ đến tìm cách lấy lại, sau đó tìm cách lấy lại được, như vậy thì không tội.

Có hai Tỳ-kheo hứa hẹn nhau: Sẽ cùng nhau thọ kinh, sẽ cùng nhau tụng kinh, sau đó không thọ kinh, không tụng kinh, mắc tội Việt tỳ-ni.

Luật Căn bản nói:

Khởi tâm trộm cắp, chuẩn bị phương tiện, mắc tội ác tác (tức Đột-kiết-la), đụng đến vật đó phạm tội Tốt-thổ-la-đề-dã (tức Thâu-lan-giá), đem khỏi chỗ cũ, đủ 5 tiền, phạm Ba-la-thị-ca (Ba-la-di), không đủ 5 tiền, mắc thô tội (cũng là Thâu-lan-giá). Nếu là vật thuộc về vật của súc sanh, chạm đến vật đó, phạm ác tác, rời khỏi chỗ, đủ 5 tiền, mắc thô tội, không đủ 5 tiền, mắc tội ác tác.

Luật nhiếp nói:

Người thợ săn, đuổi con vật chạy vào chùa, dù bị thương hay không bị thương, không trả con vật ấy lại cho thợ săn, không phạm. Nếu con vật bị bắn, chạy vào chùa chết liền, nên trả lại cho họ.

Nếu đồng tâm cùng với giặc, chỉ nơi chỗ cho họ, sau đó nhận phần chia, tùy theo số lượng nhận được mà mắc tội.

Hỏi: - Đây cùng với dạy người lấy, có gì sai khác. Thảng như không nhaän phần, có phạm tội chăng?

Đáp: - Dạy người vì mình lấy, khi vật ấy lìa khỏi chỗ, liền thành tội đối với mình. Còn chỉ nơi chốn cho giặc, khi giặc cướp được vật ấy, chưa chắc họ đã cho mình, cho nên phải tùy theo khi nhận phần mà kết tội. Song tuy không nhận phần cũng mắc tội (phương tiện Thâu-lan-giá).

Nếu sau sanh lòng hối hận, đến nhà người chủ có vật, báo cho họ giữ gìn, đừng để vật bị mất, dù bọn giặc kia lấy đươïc, đều mắc tội phương tiện; sau tuy có nhận phần cũng mắc tội Tốt-thổ-la. Cùng với giặc đồng đi, muốn làm việc trộm cắp, nhưng nửa đường thối lui, chỉ mắc tội ác tác.

Đồng tâm làm giặc, vì giặc canh chừng, khi chia vật, nhận phần thì thành tội. Vì sợ sệt nên làm bạn chứ không có tâm cùng họ trộm cắp, tuy giặc lấy được nhưng Bí-sô không phạm tội.

Nếu mang vật của mình hoặc là vật của người khác mà nói với thuế quan là tôi muốn khỏi thuế thì mắc tội Việt pháp. Dạy người bị thâu thuế đi đường khác, mắc tội ác tác. Nếu khởi ác tâm, chỉ họ đi đường khác, mong được khỏi đóng thuế, mắc tội Tốt-thổ-la. Nếu mang vật của kẻ khác đi qua chỗ đóng thuế, không có tâm thủ lợi thì mắc thô tội. Chưa đến chỗ đóng thuế, hoặc lấy phân nửa, hay lấy toàn phần mà chưa qua khỏi, mắc tội Tốt-thổ-la. Nếu qua khỏi chỗ đóng thuế, đủ số, mắc bổn tội. Nếu mang vật của mình, đến chỗ đóng thuế, bảo kẻ khác vượt qua, cũng mắc bổn tội. Thật là tài vật của mình, quyết tâm hiến tặng cha mẹ, anh v.v... báo với người thâu thuế rằng: Đây không phải vật của tôi, xin ông miễn thuế, hoặc nương trên hư không mà đi qua, hoặc ngậm trong miệng, hay gói trong áo, hoặc tránh đường mà đi, đều mắc thô tội.

(Hỏi: - Đây cũng đồng với trường hợp vì người
vượt qua, tại sao không phạm bổn tội?

Đáp: - Vì người đem vật vượt qua, lợi ắt về mình, nên kiết bổn tội. Nay quyết tâm hiến dâng nên không có cái tội thủ lợi, chỉ có cái lỗi trái phạm thuế, nên chỉ mắc thô tội).

Nếu vì cha mẹ hay việc Tam bảo, mang vật qua chỗ quan thuế, nên vì người thu thuế, nói các pháp lành, khen ngợi Tam bảo, trình bày ân đức của cha mẹ, họ không đánh thuế thì không phạm. Nếu họ vẫn đòi thì nên đưa.

AÊn trộm đại lược có 5 loại:

1) Đối diện cuỡng lấy.

2) Chùng lén lấy.

3) Điều lộng lấy.

4) Nhân họ gởi mà lấy.

5) Cho rồi, đoạt lấy lại.

Năm loại này đều thuộc về ăn trộm.

Có người đem vật đến cúng, biết rằng không có phần mà nói trong đó có phần của tôi, mắc tội Tốt-thổ-la. Nếu nhận phần ấy, chuẩn theo số lượng nhận được mà thành tội. Không được mời mà đến ăn, mắc tội ác tác.

Vì Bổn sư đến chỗ khác nhận tài vật, không phạm. Nếu khi lấy phần của người, phải báo cho người biết, không nên không báo mà nhận phần của người khác.

Nếu vì người bệnh, định đem tài vật đến giúp, nghe người đó qua đời, vật ấy trở lại người chủ. Nếu đem đến mà người ấy còn sống, sau đó mới qua đời, thì thành vật của người chết.

Nếu giặc trộm của người vì bị khủng bố nên đem vật ấy cho Bí-sô, không nên nhận. Nếu nghĩ rằng sẽ trả lại cho chủ của vật thì nhận không phạm. Nếu biết đó là thủ lãnh của giặc, thì tùy ý nên nhận. Nhận rồi cắt rọc, nhuộm cho hoại sắc mới có thể chứa cất. Chủ của vật đến đòi, nên trả lại.

Nếu móng ý muốn trộm tài vật của người, sau khi xúc chạm vật ấy, bèn đến chủ xin, họ thuận cho, khi nhận được, thì tính từ đó về trước, mắc thô tội. Ban đầu mượn dùng, sau muốn không trả, kể từ khi quyết định không trả, bèn mắc bổn tội.

Nếu người khác gởi vật, khi khởi tâm trộm cắp, mắc tội Tốt-thổ-la, sau đó dời khỏi chỗ cũ, mắc bổn tội (trộm). Nếu trước dời khỏi chỗ cũ, sau khởi tâm lấy luôn, cũng mắc bổn tội.

Lừa gạt bắt con của người, mê hoặc lấy vật của người, căn cứ theo số lượng thành tội. Những gì thuộc về vật của cờ bạc mà lấy, đều mắc tội ác tác. Ý định muốn trộm lấy vật kia, mà lầm lấy vật này đã trái với ý muốn nên chỉ mắc thô tội.

Nếu bị mất vật, đã nghĩ là mất rồi, tức là thuộc về của người khác, cướp đoạt lại vật ấy, căn cứ theo số lượng mà thành tội. Cho nên, không nên vội nghĩ là đã mất rồi.

Nếu thấy giặc đến, la hét khiến cho nó đi. Nếu bắt được giặc, không nên đem nạp cho quan. Trước hết phải vì họ nói pháp, theo họ xin lại những vật họ đã lấy, nếu họ không chịu cho thì nên trả phân nửa tiền hay là trả đủ số cho họ.

Người đóng cửa chùa có 5 việc cần lưu ý: khóa trên, khóa dưới, hai khóa phụ và chốt cửa phải cẩn thận. Nếu không đóng cửa, giặc lẻn vào lấy đồ, dựa theo sự việc đó mà trị giá bồi thường. Nếu sơ suất một bộ phận thì bồi hoàn một phần, nếu sơ suất hết thì bồi hoàn hết.

Nếu thí chủ có lòng tốt muốn cúng dường cho trú xứ này để tạo lập Tăng phòng, Bí-sô dùng ngân khoản ấy vào vấn đề vật thực thì nên tính theo giá hoàn trả lại cho đủ.

Nếu vì người bệnh muốn chạy chữa thuốc thang, nên hỏi người bệnh cần dùng thuốc gì ở đâu, theo lời của bệnh nhân mà chạy chữa.

Căn bản mục-đắc-ca nói:

Người chủ thấy khách đến, trước hết nên hỏi họ, ở đây có ai là bạn của ông không? Có cần dùng y bát không? Nếu họ nói không cần mà còn đem đưa cho họ thì phải bồi lại đúng như giá của vật ấy. Nếu nói cần thì có mất khỏi bồi thường.

Khách Tỳ-kheo đến nơi phòng của Tỳ-kheo khác, Nên hỏi người chủ, nếu có người đến, cần dùng y bát, có cung cấp hay không; nếu người chủ nói không

cung cấp mà tự lấy cung cấp thì tính theo giá cả bồi hoàn. Nếu họ nói cần cung cấp, thì có mất, khỏi phải bồi thường.

Người qua đường mượn áo để thay, cho đến khi chưa thọ không nên không đòi lại. Nếu cố ý không đòi lại thì phải bồi lại đúng giá.

Luật Ngũ phần nói:

Người ta chưa đồng ý mà vội nghĩ rằng họ đã đồng ý, lấy y thực cho họ, phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Nếu vật bị nước trôi đến Tỳ-kheo có tâm trộm cắp lấy, khi lựa chọn để lấy, phạm Thâu-lan-giá. Nếu nắm vật ấy lại không cho trôi, hoặc để chìm dưới đáy nước, hoặc lấy lên khỏi nơi, trị giá 5 tiền trở lên thì phạm Ba-la-di.

Nếu giúp lời để đoạt đất đai của người, đoạt được thì phạm Ba-la-di, không đoạt được phạm Thâu-lan-giá.

Trộm Xá-lợi của Phật, phạm Thâu-lan-giá. Nếu lấy với tâm tôn kính thanh tịnh thì không có tội. Trộm kinh sách, tính theo giá mà phạm. Trộm tư cụ cúng dường trong Chùa, Tháp, Tinh xá, nếu có người bảo vệ, tính theo giá mà phạm tội.

Lấy vật của người nơi Tây câu-da-ny7 tùy theo giá trị nơi đó mà phạm. Nơi Phất-vu-đãi8 cũng như vậy. Lấy vật nơi Uất-đơn-việt9 không phạm.

Đàn-việt thỉnh Tăng, chưa đến phiên mình, tự nói, tôi cần đi dự, phạm Ba-dật-đề. Khi nhận được thức ăn, tùy theo đó tính giá thành phạm tội.

Phá tổ chim, lấy tổ chim, đều phạm Đột-kiết-la.

Vì lòng lân mẫn giải phóng súc sanh của người nuôi, phạm Đột-kiết-la. Đoạt vật của thần tượng phạm Thâu-lan-giá. Phá hoại tất cả vật săn bắt với tâm vui thích, phạm Thâu-lan-giá, với tâm lân mẫn, phạm Đột-kiết-la.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu nhận vật của người gởi, người chủ vật đến lấy, mà nói rằng: Tôi không nhận vật của ông gởi, phạm Đột-kiết-la; khiến cho người chủ hồ nghi, phạm Thâu-lan-giá. Người chủ nói: Thế là vật của tôi bị mất rồi, phạm Ba-la-di.

Nếu kẻ trộm lấy vật, Tỳ-kheo dùng tâm trộm, đoạt lấy vật ấy, vật ấy lìa khỏi thân kẻ trộm, nếu người ấy mạnh, đoạt vật ấy lại mang đi, Tỳ-kheo tuy không được vật vẫn phạm Ba-la-di, vì do tâm trộm, đoạt lấy vật và vật đã lìa khỏi chỗ cũ.

Nếu Đàn-việt cúng dường cây ăn trái cho chúng Tăng mà đem dùng vào việc y phục hay thuốc thang, chúng Tăng không nhận được phần ăn ấy, hoặc dùng cây ăn trái làm tứ sự để bố thí, Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp nhận quả phần ăn của mình, tùy theo giá trị nhiều hay ít mà kết tội. Nếu họ làm phòng xá để bố thí, chúng Tăng đem làm vật thực, phạm Thâu-lan-giá, nên trả lại đúng giá trị. Nếu họ cúng y thì nên dùng cho vấn đề y, nếu gặp lúc đói kém, chúng Tăng Yết-ma hòa hợp dùng vào việc ăn uống, không phạm. Dùng của thí may y làm phòng xá, dùng của thí làm phòng xá để sắm vật thực cũng như vậy. Trong chùa phòng xá nhiều, hư nát, không có người tu bổ, nên để lại những cái tốt, bao nhiêu cái xấu hư được dỡ bán mua vật thực, để bảo vệ trú xứ.

---o0o---

THỨ BA: SÁT SANH

Đây là tánh tội, Đại thừa đồng cấm.

Thanh văn giết súc sanh phạm Ba-dật-đề, Đại sĩ thì phạm trọng. Thanh văn đối với cha mẹ, A-la-hán thành tội nghịch. Đại sĩ đối với hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) cũng thành tội nghịch. Tội nghịch thì không cho phép sám hối. Trọng tội tuy cho phép sám hối, nhưng cốt yếu là phải thấy được tướng hảo.

Hỏi: - Bậc Đại sĩ giết súc sanh, Nghĩa sớ kết tội có hai cách, tại sao nơi đây chỉ áp dụng một cách? Hơn nữa hai thầy, ân đức với pháp đồng nhau, tại sao Đại sĩ thành nghịch mà Tỳ-kheo không gọi là nghịch?

Đáp: - Thọ giới Bồ-tát, chắc chắn là có phát tâm Bồ-đề, tự mình hiểu rõ chúng sanh đồng có Phật tánh, từ bi ái mẫn như thân mình, như con mình, đâu có thể khinh thị súc sanh, lại giết hại, cho nên chỉ áp dụng một trong hai

cách mà thôi. AÂn đối với pháp hai thầy, thật không có sai khác, song Tỳ-kheo phạm giới sát, đã thành biên tội, không có cách nào được cho thọ giới lại; Bồ-tát phạm giới sát, cần phải thấy được tướng hảo, mới cho thọ giới lại. Nếu giết hai thầy, chắc chắn trở ngại giới phẩm, do đó gọi là nghịch vậy.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, cố ý tự tay mình làm dứt sanh mạng người, hoặc cầm dao đưa người khác dứt, hoặc khen ngợi sự chết, hoặc khích lệ cho chết, nói rằng: "Ôi, này bạn, ích gì đời sống xấu xa đó. bạn nên chết đi tốt hơn". Hoặc với tâm ý như vậy, tư duy như vậy, bằng mọi phương tiện, khen ngợi sự chết, khích lệ cho chết. Người kia nếu do thế mà chết, Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

NGUYÊN DO10:

Đức Phật du hóa nơi Tỳ-xá-ly, bên bờ sông Di hầu, trong giảng đường, nói pháp quán bất tịnh, khen ngợi pháp quán bất tịnh, khen ngợi người tư duy pháp quán bất tịnh. Các Tỳ-kheo nghe rồi, tu tập theo pháp quán bất tịnh, lo ngại, nhàm chán thân mạng, tìm dao muốn tự sát.

Khi ấy, có Tỳ-kheo, tự là Vật-lực-già Nan-đề, cầm con dao bén vào trong vườn Bà-cầu. Có một Tỳ-kheo nói với Vật-lực rằng: "Đại đức đoạn mạng tôi, tôi trả công bằng y bát của tôi". Vật-lực nhận lời và đoạn mạng Tỳ-kheo ấy. Hành động xong, đến nơi sông, rửa dao, lòng sanh hối hận. Khi ấy, Thiên ma đứng nơi sông, lại khen ngợi hành động aáy. Hối tâm của Vật-lực liền biến mất, lại vào trong vườn, giết các Tỳ-kheo, cho đến 60 người. Thây chết bỏ bừa bãi trong vườn, cư sĩ kinh hoàng cơ hiểm.

Khi ấy, đức Phật thấy chúng bị giảm thiểu, Ngài biết mà cố hỏi. Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ mọi việc lên đức Phật. Phật bèn họp chúng, nói pháp tam-muội A-na-ban-na, rồi kiết giới này.

Luật Thiện kiến nói:

Đức Như Lai dùng Thiên nhãn thấy rõ xa xưa có 500 người thợ săn, cùng nhau vào chỗ trống vắng giết một bầy nai. Do hành động đó, đọa vào ba đường ác, chịu các khổ não, trải qua nhiều kiếp mới ra khỏi. Nhờ trước đó có chút phước lành, được sanh trong nhân gian, xuất gia làm đạo. Quả báo chưa hết nên trong nửa tháng lại cùng giết nhau, chư Phật không thể cứu

được. Trong 500 người này, có những vị đã chứng các Thánh quả, sanh tử có chừng mức, ngoài ra người phàm phu thì luân chuyển không ngằn mé, cho nên đức Như Lai nói pháp quán bất tịnh cho họ nghe, khiến lìa ái dục, được sanh lên cõi trời, vốn không phải dạy họ chết. Chỉ vì biết trước không thể dùng thần lực cứu hộ, cho nên sau khi nói pháp quán bất tịnh, đức Như Lai vào tịnh thất nửa tháng, và chỉ cho phép một vị thị giả đem thức ăn đến mà thôi. Do vậy, đừng để ai nói rằng: Đức Phật là bậc Nhất thiết trí mà không thể chấm dứt việc các đệ tử chém giết lẫn nhau. Bởi vì sau khi nói bài pháp này, đức Thế Tôn nhập định, không một ai được phép đến.

Luận Tát-bà-đa tỳ-bà-sa đặt vấn đề rằng:

Đức Phật là bậc Nhất thiết trí, tại sao dạy các Tỳ-kheo, khiến cho họ phải bị suy não như vậy? Nếu nói rằng Phật không biết, thì không thể gọi là bậc Nhất thiết trí được!

Đáp: - Đức Phật bình đẳng dạy cho tất cả. Lúc bấy giờ không phải chỉ có 60 người thọ pháp quán bất tịnh. Giáo pháp của đức Phật dạy không hề có sự thiên lệch, nhưng chỉ có người lãnh thọ, được lợi nhiều, ít có khác nhau. Đức Phật thật thấu rõ, biết căn nghiệp của chúng sanh, trước sau ắt phải dùng nhân duyên pháp này, sau sẽ được đại lợi. Sáu chục Tỳ-kheo kia, có mặt lúc Phaät Ca-diếp, thọ pháp quán bất tịnh, mà không thể chuyên tâm tu hành, phần nhiều phạm các ác hạnh, mạng chung đọa vào địa ngục. Nay Phật ra đời, tội họ hết, được sanh trong
nhân gian, sanh vào nhà hạ tiện, xuất gia vào đạo, do duyên trước kia, nên thọ pháp này. Sau khi mạng chung, được sanh lên cõi trời. Từ cõi trời giáng xuống, theo Phật nghe pháp thu hoạch được đạo quả. Do nhân duyên như vậy nên biết Phật không hề thiên lệch.

GIẢI THÍCH:

A-na-ban-na, Hoa dịch là khiển lai khiển khứ, tức là 16 pháp môn đắc thắng. Bộ Pháp giới thứ đệ sơ môn11 nói rằng:

1. Biết hơi thở vào.

2. Biết hơi thở ra.

3. Biết hơi thở dài ngắn.

4. Biết hơi thở khắp cả thân.

5. Trừ các thân hành. Đều thuộc về Thân niệm xứ quán.

6. Thọ hỷ.

7. Thọ lạc.

8. Thọ các tâm hành. Ba pháp này thuộc về Thọ niệm xứ quán.

9. Tâm tác hỷ.

10. Tâm tác nhiếp.

11. Tâm tác giải thoát. Ba pháp này thuộc về Tâm niệm xứ quán.

12. Quán vô thường.

13. Quán xuất tán.

14. Quán ly dục.

15. Quán diệt.

16. Quán khí xả (buông xả). Năm pháp này thuộc về Pháp niệm xứ quán.

Hơn nữa, biết hơi thở vào, hơi thở ra, chính là nương nơi hơi thở làm pháp môn, được trụ nơi thô tế và định của dục giới, thì biết hơi thở dài, hơi thở ngắn. Nhập vào Vị đáo địa (Vị đáo định) thì biết khắp cả thân. Được Sơ thiền thì trừ thân hành, thọ hỷ, thọ lạc, thọ các tâm hành. Đắc Nhị thiền thì tâm tác hỷ, tác nhiếp. Đắc Tam thiền thì tâm tác giải thoát. Đắc Tứ thiền thì quán vô thường. Đắc Không xứ thì quán xuất tán. Đắc Thức xứ thì quán ly dục. Khi đắc Vô sở hữu thì có thể quán diệt. Khi đắc Phi hữu tưởng, phi vô tưởng thì quán khí xả. Đây cùng với căn bản Tứ thiền, Tứ định hình như là đồng, nhưng quán hạnh có khác. Người tu hành nếu ở trong mỗi địa tu quán chiếu rõ thì trong mỗi địa, điên đảo không khởi, tâm không nhiễm trước.

Tùy theo nhân duyên kia hội đủ liền ở nơi đó phát chơn Vô lậu, chứng Tam thừa đạo.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trong đây tự mình giết, dạy người giết, sai kẻ khác giết, khuyên giết, phương tiện giết, tất cả đều phạm Ba-la-di tội. Đối tượng không chết phạm Thâu-lan-giá. Đối với tám bộ chúng, súc sanh, hiểu rõ tiếng nói, biến hình, tìm cách giết, giết được phạm Thâu-lan-giá, không chết phạm Đột-kiết-la. Thật 1à người, tưởng là thật người, giết, phạm Ba-la-di. Nghi là người, phạm Thâu-lan-giá (Y theo luật Căn bản cũng phạm Ba-la-di). Người mà tưởng không phải người, không phải người mà tưởng là người, không phải người, nghi, tưởng không phải là người, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di, ba chúng dưới phạm Đột-kieát-la, diệt tẫn. Không phạm: Ngộ sát, không có tâm sát hại, trước khi chưa chế giới v.v...

Phần thứ tư12 nói:

Dùng phương tiện làm đọa thai của kẻ khác phạm Ba-la-di. Mẹ chết, con sống, mẹ chết không phạm, chỉ mắc tội Thâu-lan-giá.

Số đông Tỳ-kheo sai một người dứt mạng kẻ khác, tất cả Tỳ-kheo đều phạm Ba-la-di. Phương tiện muốn tự sát Thâu-lan-giá.

Luật Tăng kỳ nói:

Khi dùng phương tiện muốn tự sát mắc tội Thâu-lan-giá, nếu tự sát rồi thì phạm tội Ba-la-di. Dùng dao kê chỗ ái, phạm Thâu-lan-giá. Chỗ ái là cách cốc đạo mỗi bên bốn ngón tay (cốc đạo là hậu môn).

Bộ Căn bản ni-đà-na nói:

Không nên cắt cục trĩ (bệnh lòi trê).

Luật Ngũ phần nói:

Sau khi vào thai mẹ đến ngày 49 gọi là tợ nhơn, quá thời gian đó đều gọi là nhơn. Hoặc nhơn hay tợ nhơn mà giết mạng ấy đều phạm Ba-la-di.

Nếu viết thư khiến kẻ khác giết, mỗi chữ phạm một Thâu-lan-giá. Thư ấy đến nơi, người ấy do đó mà chết, phạm Ba-la-di. Nếu dùng lời nói tương tợ, dạy người kia giết người đó nhân đây mà chết, phạm Ba-la-di.

Độc tưởng là độc phạm Đột-kiết-la. Không độc tưởng là độc, độc tưởng là không độc, đều phạm Thâu-lan-giá. Khi khởi tâm giết hại phạm Đột-kiết-la. Khi khởi phương tiện giết hại phạm Thâu-lan-giá, đối tượng chết, phạm Ba-la-di.

Có hai Tỳ-kheo giận nhau, sau đó cùng đi một đường, trên đường đánh nhau, một người chết. Phật nói: Không có tâm sát thì không phạm. Vì giận trở lại đánh Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề. Từ nay không cho phép giận nhau, chưa có sự ăn năn tạ tội, cùng đi một đường, nếu phạm, mắc tội Đột-kiết-la.

Muốn giết người kia, mà nhầm giết người này thì phạm Thâu-lan-giá.

Luật Thập tụng nói:

Nếu vì giết người mà đào hầm, làm cùm, làm cung, bủa lưới v.v... Người ấy nhân đây mà chết phạm Ba-la-di. Nếu không chết liền, sau đó nhân vậy mà chết, cũng phạm Ba-la-di. Sau đó, không nhân đây mà chết, phạm Thâu-lan-giá. Nếu vì phi nhơn mà làm, phi nhơn chết phạm Thâu-lan-giá, người chết, súc sanh chết đều phạm Đột-kiết-la. (Nên nói: Người, súc sanh chết, không có tội, vốn không có tâm ác vậy, chỉ đối với bên phi nhơn, nên mắc tội phương tiện). Nếu vì súc sanh mà làm, súc sanh chết phạm Ba-dật-đề, nhơn, phi nhơn chết thì phạm Đột-kiết-la (cũng chỉ theo bên súc sanh, kiết tội phương tiện). Nếu không nhất định vì một loài nào làm, mà loài nào đến, cũng đều bị chết, nếu người chết thì phạm Ba-la-di, phi nhơn chết thì phạm Thâu-lan-giá, súc sanh chết thì phạm Ba-dật-đề, tất cả không chết thì phạm một Thâu-lan-giá, và hai Đột-kiết-la.

Tự đoạn âm phạm Thâu-lan-giá. Tự đoạn ngón tay phạm Đột-kiết-la.

Giết người biến hóa phạm Thâu-lan-giá. Có tâm sát, nhưng đánh người không chết phạm Thâu-lan-giá. Chăm sóc bệnh lâu ngày, sanh tâm nhàm chán, để tạo cho bệnh nhơn chết, phạm Thâu-lan-giá. Xúi giục đi đến nơi thức ăn có chất độc, kẻ ăn bị chết, phạm Thâu-lan-giá. Phá mụt nhọt chưa chín, cho người chết, phạm Thâu-lan-giá. Phá mụt nhọt đã chín thì không tội.

Luận Tát-bà-đa tỳ-bà-sa nói:

Nếu dùng ảnh hưởng lời nói của Tỳ-kheo, mà chinh phục thống trị một nước khác để thu tài bảo đều mắc hai tội Ba-la-di là sát và đạo.

Ma-đắc-lặc-già nói:

Muốn giết phàm nhơn, nhầm giết La-hán; muốn giết La-hán nhầm giết phàm nhơn; muốn giết cha, nhầm giết mẹ, muốn giết mẹ, nhầm giết cha, đều phạm Thâu-lan-giá, không xếp vào nghịch tội.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Thánh nhơn xuất thế, cha mẹ sanh thân
này, tuy là nhầm sát, nhưng đâu thoát khỏi báo khổ trong ba đường, làm sao thoát khỏi sự cơ hiềm của người đời. Tuy đối với giới thân không hề gì, nhưng có thể an tâm tấn đạo chăng?

Đáp: - Hai giới sát và đạo, dựa vào tâm để luận tội, chứ không dựa vào sự tướng, nay đối với đối tượng muốn giết, sự việc còn chưa toại nguyện, cho nên chỉ kết tội phương tiện, giết nhầm chứ không cố tâm để giết, nên không mắc tội. Bốn duyên đã không hội đủ thì giới thể vẫn còn. Đến như đối với khổ báo trong ba đường. Sự cơ hiềm của người đời, tất cả đều thuộc về giá tội, dĩ nhiên là có, đâu có thể dựa vào đó mà gọi là mất giới được.

---o0o---

GIỚI THỨ TƯ: ĐẠI VỌNG NGỮ

Đây là tánh tội, Đại thừa đồng cấm.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, thật sự không chứng ngộ, mà tự mình tuyên bố rằng: "Tôi đã chứng đắc pháp của bậc Thượng nhơn; tôi đã chứng nhập pháp thù thắng của Thánh trí. Tôi biết như vậy. Tôi thấy như vậy". Vị ấy vào một lúc khác, bị người cật vấn, hay không cật vấn, muốn cho mình được thanh tịnh, nói như vầy: "Tôi thật sự không biết, không thấy, nhưng đã nói là có biết, có thấy. Đó là lời nói hư dối". Ngoại trừ Tăng thượng mạn, Tỳ-kheo ấy là Ba-la-di, không được sống chung.

NGUYÊN DO13:

Đức Phật du hóa nơi thành Tỳ-xá-ly, bên bờ sông Di hầu, bấy giờ gặp lúc mất mùa, khất thực rất khó khăn. Bên sông Bà-cầu, có các Tỳ-kheo đến người Cư sĩ, tự nói mình được pháp của bậc Thượng nhơn v.v... Các Cư sĩ tin ưa cúng dường nên không bị khổ sở về vấn đề ăn uống. An cư xong các Tỳ-kheo đến yết kiến đức Thế Tôn. Ngài hỏi thăm và đề cập đến vấn đề ấy, họ trình bày đầy đủ. Đức Phật nói: "Các ông là người ngu si. Có chứng quả thật còn không nên đến người nói, huống là không thật có. Ở đời có hai kẻ giaëc: Một là thật chẳng phải tịnh hạnh mà tự xưng là tịnh hạnh. Hai là vì bụng và miệng nên không chơn thật, chẳng phải mình có, mà ở trong đại chúng, cố ý vọng ngữ nói mình chứng đặng pháp của bậc Thượng nhơn. Trong hai kẻ giặc này, hạng người vì bụng và miệng là kẻ giặc đại tối thượng (nguy hiểm tai họa nhất) vì trộm nhận thức ăn, thức uống của người".

Câu "trừ Tăng thượng mạn" trong luật Tăng kỳ nói:

Có hai vị Tỳ-kheo tu nơi A-luyện-nhã, một trong hai vị, tạm thời thành tựu căn, lực, giác, đạo, tham sân không phát khởi, nói với vị Tỳ-kheo thứ hai rằng: "Trưởng lão, tôi chứng đắc A-la-hán". Sau đó, đi đến trong xóm làng, buông lung các căn, lơ là tu tập nói với người bạn rằng: "Không chứng". Người bạn nói: "Trưởng lão vọng xưng chứng đắc pháp của bậc hơn người, phạm tội Ba-la-di". Vị Tỳ-kheo ấy nói: "Tôi không phải biết mà dối nói, mà tôi tưởng là thật vậy". Do nhân duyên ấy bạch Phật, Phật bảo:

"Đây là Tăng thượng mạn. Tại sao ở trong Chánh pháp, bỏ nhà, ra khỏi nhà, lại khởi Tăng thượng mạn? Ông nên trừ Tăng thượng mạn, có thể chứng được quả A-la-hán".

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo đó quá xấu hổ, liền tinh tấn phương tiện, tu tập chỉ quán, trừ Tăng thượng mạn, đắc quả A-la-hán.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Người Tăng thượng mạn chưa được nói được, chưa chứng nói chứng, như thiền thứ tư, Tỳ-kheo vô văn, tội cũng nặng vậy. Tại sao không kiết tội?

Đáp: - Trừ Tăng thượng mạn, nghĩa là người đó không rõ pháp tướng, cảm nhận lầm đặng một ít nhẹ nhàng, tự gọi là cứu cánh, đó là đúng như lòng mà nói, nên không kết tội vọng ngữ (tâm khẩu nhất như). Bởi lẽ sau tỉnh biết, ăn năn tội lỗi, tinh cần tu tập, còn có thể vào đạo. Nếu bướng bỉnh cố ý tự phụ, không hề cải hối, mới bị cái lỗi vô văn. Không phải như hạng người đại vọng ngữ, tức thì mất giới, quyết định trầm luân.

GIẢI THÍCH:

Nhân pháp tức là nhân ấm, nhân giới, nhân nhập. Thượng nhân phaùp, tức là các pháp có khả năng thành tựu, yếu tố xuất ly sanh tử. Tự ngôn, tức là chính nơi mình. Cho đến có đắc, có quả. Thánh trí tức là pháp trí, tỷ trí v.v... Kiến, tức là kiến khổ, kiến tập... Cho đến tùy theo nghiệp báo của chúng sanh, biết đúng như sự thật vậy.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Hư dối không thật, chính mình đến người nói, hoặc sai người nói, hoặc viết thư, hoặc ra dấu người kia biết, phạm Ba-la-di, không biết, phạm Thâu-lan-giá.

Yên tịnh, khởi tưởng không yên tịnh; không yên tịnh khởi tươûng yên tịnh, miệng mình nói14, phạm Thâu-lan-giá. Đến quỷ, súc sanh v.v... nói, nếu nó biết, phạm Thâu-lan-giá, không biết, phạm Đột-kiết-la. Người, khởi tưởng là người... Sáu câu, chuẩn theo đó mà biết15 (theo bộ Căn bản thì có hai nặng bốn nhẹ). Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la, diệt tẫn.

Không phạm là đến người nói: Căn, lực, giác, ý, giải thoát, tam-muội chánh thọ các pháp, không nói mình chứng được, cho đến nói một mình, nói trong mộng, nói nhầm, trước khi chưa chế giới v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Thà nuốt hòn đá đốt nóng, uống nước đồng sôi, chứ không dùng lời nói hư vọng mà ăn đồ ăn của tín thí.

Trong thế gian có 5 hạng đại tặc:

1) Hạng người làm chủ trăm người, ngàn người,

phá thành, phá làng xóm, hại người lấy của.

2) Hạng ác Tỳ-kheo, dẫn các Tỳ-kheo du hành trong nhơn gian, nói pháp tà mạng.

3) Hạng ác Tỳ-kheo, đối với pháp do đức Phật nói; mà xưng là do mình nói.

4) Hạng ác Tỳ-kheo, không tu phạm hạnh, tự nói là tôi tu phạm hạnh.

5) Hạng ác Tỳ-kheo vì lợi dưỡng, không hề có pháp hơn người mà tự xưng là chứng đắc pháp ấy.

Hạng giặc thứ 5 đây là hạng đại tặc lớn nhất của tất cả thế gian, nhơn, thiên, ma, phạm, Sa-môn, Bà-la-môn.

Luật ấy lại nói: Vì lợi dưỡng, nhiều cách khen ngợi giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của kẻ khác thành tựu, với ý đồ làm đẹp cho chính mình, phạm Thâu-lan-giá. Vì lợi dưỡng, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng an tường, tỏ ra rằng mình có tướng mạo đã chứng được đạo, muốn cho người khác biết, phạm Thâu-lan-giá.

Luật Thập tụng nói:

Nếu nói tôi là A-la-hán, cho đến chứng được niệm A-na-ban-na mà không thật, phạm Ba-la-di. Nếu nói tôi khéo trì giới, dâm dục không khởi, mà không thật, phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói trời đến, cho đến quỷ La-sát đến, cùng nhau vấn đáp, mà không thật, phạm Ba-la-di. Nếu nói gió lốc, thổ quỷ16 đi đến chỗ tôi, mà không thật, phạm Thâu-lan-giá.

Có người hỏi Tỳ-kheo rằng: Ngài là bậc A-la-hán phải không? Nếu nín thinh, phạm Thâu-lan-giá. Trường hợp đó nên nói: Tôi không phải là A-la-hán.

Tát-bà-đa tỳ-bà-sa nói:

Không có thọ trì đọc tụng mà nói là tôi có thọ trì đọc tụng, đều phạm Thâu-lan-giá.

Ma-đắc-lặc-già nói:

Nếu nói tôi không đọa tam đồ, phạm Thâu-lan-giá. Nói tôi đã lìa kiết sử phiền não phạm Ba-la-di. Đến người điếc, người câm, người điếc và câm hay là người nhập định mà nói, phạm Thâu-lan-giá.

Nếu hỏi: "Đắc quả không?" Trả lời: "Đắc quả" mà chỉ trái (quả) hiện ở trong tay, phạm Thâu-lan-giá.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu có Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, lập quy chế: "Ai ngồi nơi gốc cây này, ai kinh hành nơi chỗ này, thì đắc quả A-la-hán, chúng ta nên dùng hương hoa cúng dường". Có kẻ ác Tỳ-kheo muốn được sự cúng dường này, đến ngồi và đi nơi đó, phạm Ba-la-di.

Nếu có kẻ bạch y cất chùa và nói: "Ai vào trong chùa này là A-la-hán". Có kẻ ác Tỳ-kheo vào trong chùa này, phạm Ba-la-di.

Nếu chúng Tăng lập quy chế: trong ba tháng hạ chớ nói với nhau, chớ ngủ nghỉ, chớ nhận đồ cúng dường của Đàn-việt. Như vậy là phi pháp chế, không tuân theo, không phạm.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Trong kinh có pháp tu: Nhất hạnh tam-muội, chỉ ngồi không nằm. Thường hành tam-muội, không ngồi, không nằm. Lại nữa, trong pháp chế của pháp sám hối, chuyên chú không nói tạp, kể cả việc giao tiếp hỏi han. Tiên Đức cũng có vị trọn đời không ra khỏi núi, cùng với luật Thiện kiến trái nhau, làm thế nào hội thông được?

Đáp: - Y theo Đại thừa giáo, như pháp tấn tu, chắc chắn không gọi là phạm luật. Ngoài luật nghi của đức Phật cộng thêm sự tinh tấn, nay tách rời ra thì gọi là phi pháp. Dựa vào nghĩa để hội thông thì thật không trái phạm. Nay tế nhị để giải thích, nhất hạnh tam-muội v.v... đều tự mình thệ tinh tấn tu hành, không bị lệ thuộc vào điều ước trong Tăng. Pháp sám hối tuy ngăn cấm nói tạp, nhưng cũng chẳng phải thọ hành pháp câm (á pháp). Độc cư nhàn tịnh, suốt đời dứt sạch mọi tiếp xúc với người đời; đó là điều cao đẹp, là điều rất cần, đại chúng không thể cùng nhau phụng hành sao?

CHỨNG MINH:

Kinh Đại bát-niết-bàn nói:

Tất cả chúng sanh tuy có tánh Phật, nhưng cần phải giữ giới, vậy sau mới thấy. Nhân thấy tánh Phật thì thành quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chaùnh giác. Nếu có người nói: Phật nói tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, vì phiền não che lấp, không biết không thấy; Bởi vậy cho nên cần phải siêng tu phương tiện, đoạn sạch phiền não. Người nào nói vậy nên biết họ không phạm tứ trọng.

Nếu có người nói: Tôi đã thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đaúng Chánh giác. Tại sao vậy? Do có Phật tánh vậy. Có tánh Phật, quyết định sẽ thành quả vị Vô thuợng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên ấy nên biết tôi nay đã thành tựu quả vị Bồ-đề. Nên biết người nói như vậy tức là phạm tội Ba-la-di. Tại sao vậy? Tuy có tánh Phật, do chưa tu tập các thiện phương tiện cho nên chưa thấy. Do chưa thấy, nên không thể nói thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

C. HỎI ĐỂ KẾT THÚC

Các Đại đức, tôi đã tụng xong bốn pháp Ba-la-di, Tỳ-kheo nào phạm bất cứ một pháp nào không còn được sống chung với các Tỳ-kheo. cũng như trước kia, sau khi phạm cũng vậy. Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

Nay hỏi, các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần). Các Đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

GIẢI THÍCH:

Luật nhiếp nói:

Trước kia là người thế tục, không được dự phần vào nếp sống của Tỳ-kheo; sau khi phạm giới rồi, cùng với người thế tục trước kia, bản thể không khác, cho nên nói rằng: Như trước kia, sau khi phạm cũng vậy.

CHỨNG MINH:

Phần thứ tư17 nói:

Người chết có 5 điều bất hảo:

1) Không sạch.

2) Hôi thối.

3) Có sự sợ sệt nhờm gớm.

4) Khiến cho người sanh sợ sệt nhờm gớm,
ác quỷ lại ưa thích.

5) Bị để chỗ ở của ác thú, phi nhơn.

Người phạm giới cũng như vậy:

1) Thân khẩu ý nghiệp bất tịnh.

2) Tiếng xấu đồn khắp nơi.

3) Các Tỳ-kheo tốt sợ, tránh xa.

4) Các thiện Tỳ-kheo thấy sanh ác tâm và nghĩ: Tại sao ta lại thấy kẻ ác như thế này?

5) Cùng với người bất thiện chung ở.

Phá giới có 5 điều lỗi lầm và nguy hại:

1) Tự mình hại mình.

2) Bị người trí chê trách.

3) Tiếng xấu đồn khắp.

4) Khi lâm chung sanh hối hận.

5) Lúc chết đọa vào địa ngục.

Lại có 5 việc nữa:

1) Vật chưa được thì không được.

2) Vật đã được thì không bảo vệ được.

3) Ở trong chúng bị hổ thẹn.

4) Tiếng ác rao khắp trong xứ.

5) Chết đọa vào đường ác.

Có 5 pháp gọi là đại tặc, tạo đại tội suốt đời nhưng không hề bị hệ phược. 5 pháp ấy là:

1) Chỗ ở không nhất định, có bạn ưa thích.
2) Nhiều đao trượng.

3) Giàu có nhiều tài bảo, nếu bị bắt lo lót liền.

4) Bạn bè là những người có quyền thế lớn như vua hay đại thần, nếu bị bắt thì được bảo hộ.

5) Làm giặc ở phương xa rồi trở về.

Tỳ-kheo phá giới cũng có 5 pháp tạo nhiều tội lỗi, nhưng không bị người cử tội sớm vì:

1) Chỗ ở không nhất định, có nhiều bè đảng.

2) Học nhiều, có khả năng ghi nhớ, nói lúc nào cũng hay, có văn, có nghĩa. Luôn luôn tịnh hạnh, nhưng không thể tư duy với tâm lành để thâm nhập Chánh kiến.

3) Thường được tứ sự cúng dường, khi bị cử tội thì lo lót.

4) Có thân hậu (bạn) là cấp bậc lớn, hoặc Thượng tọa hay thứ tọa, bị cử tội được họ bảo hộ.

5) Ở chỗ đồng trống, tới lui nhà giàu, tìm cầu lợi dưỡng.

Đấy là 5 pháp đồng với kẻ đại tặc kia.

Luật Thiện kiến nói:

Đã làm tất cả các việc ác thì không ai không biết. Khi mới làm thì thần hộ thân thấy biết, kế đó Thiên, nhơn có trí tha tâm biết; hạng người như vậy trời thần đều thấy biết. Cho nên quả quyết rằng: Lần lượt tiếp nối nhau, truyền đến cõi Phạm thiên, an trí nơi cõi Vô sắc, mọi người đều biết hết.

Tát-bà-đa tỳ-bà-sa nói:

Ban đầu phạm một giới, đã hủy phá cái đồ đựng đạo (Đạo khí), gọi là Ba-la-di. Sau đó giết người, mắc tội Đột-kiết-la. Thật sự là tội nặng, nhưng không gọi là Ba-la-di, vì không còn cái đồ đựng đạo để phá vậy.

Kinh Ưu-bà-tắc ngũ giới tướng nói:

Phật bảo Tỳ-kheo: Như Lai có hai thân: Sanh thân, Giới thân.

Nếu Thiện nam tử vì Sanh thân của Ta, xây Tháp bằng bảy báu, cao đến cõi trời Phạm thiên. Nếu có người làm sứt mẻ thì tội đó còn có thể ăn năn được, nhưng nếu làm sứt mẻ Giới thân của Ta thì tội đó vô lượng.

Phần thứ nhất nói về bốn pháp khí đã xong.

---o0o---

II. MƯỜI BA PHÁP TĂNG TÀN

Cũng chia làm ba: Nêu chung, kê riêng giới tướng, hỏi để kết thúc.

A. NÊU CHUNG:

Thưa các Đại đức, đây là mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, xuất từ Giới kinh, nửa tháng tụng một lần.

GIẢI THÍCH:

Luật Thập tụng nói:

Tăng-già-bà-thi-sa là tội thuộc về Tăng, chỉ có Tăng mới cứu được. Trước chúng Tăng ăn năn tội lỗi thì tội mới tiêu trừ, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Luật Căn bản nói:

Chữ Tăng-già ở đây có nghĩa là người phạm tội này phải nương theo Tăng-già để hành pháp sám, và y nơi Tăng-già mà xuất tội. Chữ Bà-thi-sa có nghĩa là còn hy vọng cứu được. Nếu phạm một trong bốn trọng giới thì không thể cứu được, không được sống chung. Còn 13 pháp này, nếu phạm, còn có thể cứu sống được, cho nên gọi là Tăng tàn.

Luật nhiếp nói:

Do vâng theo lời dạy của chúng nên tội có thể trừ diệt.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói:

Như người bị kẻ khác chặt yết hầu chưa đứt, gọi là tàn (còn sống sót). Như hai người cùng vào trận chiến, một người bị giết chết liền, người thứ hai bị người giết nhưng mạng sống còn thoi thóp chưa chết hẳn. Nếu gặp được thầy hay thuốc tốt có thể chữa lành. Nếu không có thầy hay thuốc tốt thì không thể chữa được. Người phạm Tăng tàn cũng như vậy. Đứng về lý thì có thể sám hối được, nếu có chúng Tăng thanh tịnh hướng dẫn đúng như pháp để sám hối trừ tội thì tội này có thể trừ. Nếu không có đại chúng thanh tịnh thì không thể trừ tội được, nên gọi là Tăng tàn.

---o0o---

B. LIỆT KÊ 13 GIỚI TƯỚNG

Từ giới thứ nhất "Lộng âm xuất tinh" cho đến giới thứ 13 "không bỏ ác kiến".

1. GIỚI CỐ Ý LÀM XUẤT TINH

Đại thừa đồng cấm.

Kinh Phạm võng nói:

Thà lấy búa bén chặt phá thân này chứ suốt đời không dùng tâm phá giới tham đắm ưa đụng chạm để tạo tội.

Kinh Bồ-tát giới bổn nói:

Khởi tâm ngũ cái, không mở bày sự hiểu biết, gọi là phạm nhiều điều tội lỗi, tức là khởi tâm nhiễm ô, phạm tội vậy.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, cố ý làm xuất tinh, trừ chiêm bao, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO18:

Ông Ca-lưu-đà-di ý muốn về dâm dục hừng hẫy, nhan sắc tiều tụy, thân thể ốm gầy. Thời gian khác, theo ý niệm nhớ tưởng, lộng âm cho xuất tinh, các căn tươi vui, nhan sắc sáng sủa. Tỳ-kheo quen thân hỏi biết việc này, bạch Phật, kiết giới.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo, ngủ nghỉ ý loạn, trong mộng xuất tinh, nghi là phạm giới này. Phật dạy: Không phạm.

Song khi ngủ loạn ý có 5 điều lỗi:

- Ác mộng.

- Chư thiên không hộ.

- Tâm không vào trong pháp.

- Không tư duy tướng của ánh sáng.

- Trong mộng bị xuất tinh.

Ngủ nghỉ với ý nghĩ tốt, có năm công đức ngược lại với 5 điều trên.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Lộng âm mà tinh xuất thì phạm Tăng tàn, tinh không xuất phạm Thâu-lan-giá.

Dạy Tỳ-kheo khác lộng âm mà tinh xuất, phạm Thâu-lan-giá, không xuất tinh phạm Đột-kiết-la. Dạy người khác lộng âm mà tinh xuất hay không xuất đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Phần thứ tư19 nói:

Nếu người nữ nắm phía trước Tỳ-kheo, Tỳ-kheo động thân, xuất đồ bất tịnh, phạm Tăng tàn; không động thân, mà xuất bất tịnh, phạm Đột-kiết-la. Nắm phía sau cũng vậy. Khi nắm chân đảnh lễ cũng vậy. Nếu dùng nam căn để chỗ ngược nước hay thuận nước, hoặc nước nhỏ giọt, hay ngược gió, thuận gió; hoặc dùng miệng mút, hay trong không trung nhớ tưởng, thân động, xuất bất tịnh, tất cả đều phạm Tăng tàn.

Luật Căn bản nói:

Thà dùng tay cầm con rắn độc đáng ghê gớm, chứ không dùng tâm nhiễm ô tự tay cầm lấy sanh chi, dùng tâm nhiễm ô nhìn ngó sanh chi để mắc tội ác tác.

Luật Ngũ phần nói:

Ngủ với tâm tán loạn, mắc tội Đột-kiết-la. Nhớ đến việc hành dâm, phạm Đột-kiết-la.

Kinh Đại niết-bàn nói:

Đối với sự dâm dục nên sanh ý tưởng hôi thúi, cho đến không thể sanh một ý tưởng về tịnh. Nếu hành dâm trong mộng, lúc tỉnh dậy phải sanh tâm hối hận.

---o0o---

2. GIỚI XÚC CHẠM THÂN NGƯỜI NỮ

Đại thừa đồng cấm.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, do dục tâm dồn nén xúc chạm thân người nữ, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc xúc chạm bất cứ một thân phần nào, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO20:

Ca-lưu-đà-di nhân Phật chế giới không được lộng âm xuất tinh, lại rình chờ phụ nữ đến phòng rờ, hôn môi má. Người nào ưa, thì vui thích với việc làm ấy, kẻ không ưa, thì giận dữ mắng chửi, và nói lại với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật kiết giới.

TƯỚNG TẠNG CỦA TỘI

Rờ mó người nữ, một lần rờ mó, một tội Tăng tàn. Rờ mó quỷ nữ và súc sanh nữ, loài có thể biến hình, phạm Thâu-lan-giá, không thể biến hình, phạm Đột-kiết-la.

Nếu người nữ làm lễ, nắm chân, khởi cảm giác vui động thân, phạm Tăng tàn; không động thân, phạm Đột-kiết-la.

Nếu với dục tâm chạm y bát v.v... cho đến tự chạm thân mình, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Không phạm là xúc chạm nhau khi nhận đồ vật, hoặc xúc chạm khi cởi (trói) nhau, khuyên giải v.v...

Phần thứ tư21 nói:

Khởi ý tưởng nữ cùng với thân người nam chạm nhau, khởi ý tưởng nam cùng với thân người nữ chạm nhau, đều phạm Thâu-lan-giá. Người nữ này, tưởng là bao nhiêu người nữ khác; bao nhiêu người nữ khác, tưởng là người nữ này, thân chạm nhau đều phạm Tăng tàn. Cùng với thân người nữ chết mà chưa hư hoại chạm nhau, phạm Tăng tàn. Nếu xúc chạm thân hư hoại phân nửa, hay phần nhiều hư hoại, phạm Thâu-lan-giá. Tùy theo nữ nhơn chạm vào thân phần nào mà Tỳ-kheo khởi động dục tâm, phạm Thâu-lan-giá. Nữ nhơn bị nước cuốn trôi, với ý niệm từ tâm cứu vớt va chạm mà không thọ lạc, không phạm.

Luật Tăng kỳ nói:

Khi Tỳ-kheo ngồi, có người nữ lễ dưới chân, nếu khởi dục tâm, nên trụ nơi chánh thaân, phải bảo người nữ rằng: Cách ra một chút để lễ. Nếu người nữ quá giàu lòng tin, đột ngột đến lễ trực tiếp nơi chân, nên tự cắn cái luỡi khiến cho đau khỏi biết sự va chạm mịn màng của người nữ.

Nếu người nữ đến Tỳ-kheo xin nước, không nên tự tay mình cầm gáo múc nước xối tay người nữ, mà nên dùng đồ đựng để mà cho. Nếu không có đồ đựng thì bảo tịnh nhơn cho. Nếu không có tịnh nhơn thì cầm gáo để trên giường hay trên ghế bảo họ tự lấy.

Nếu người nữ bị nước cuốn trôi cầu cứu, Tỳ-kheo khởi ý tưởng như đất, nắm tay vớt lên, không phạm. Hay là trao cây tre, cây gỗ, sợi dây cho họ nắm kéo lên, không phạm. Hoặc nói: "Tôi biết cô tuy khổ nhưng do số mạng đã định trước." thì không phạm.

Luật Căn bản nói:

Phàm chạm thân người nữ, đối tượng có thể hành dâm, trường hợp không có y ngăn cách, phạm Tăng tàn. Có y, phạm thô tội. Trường hợp không thể hành dâm, không có y, phạm thô tội; có y, phạm ác tác.

Nếu xúc chạm người nam và huỳnh môn có thể hành dâm, không có y, phạm thô tội; có y, phạm ác tác. Không thể hành dâm có y, không y, đều mắc tội ác tác.

Nếu xúc chạm bàng sanh, có thể, không thể hành dâm đều mắc tội ác tác.

Nếu thấy người nữ bị nước cuốn trôi, hoặc tự thắt cổ, hay uống thuốc độc v.v... khi cần cứu tế, xúc chạm đều không phạm.

Luật Thập tụng nói:

Người nữ vì dục tâm rờ chạm Tỳ-kheo không có y, Tỳ-kheo có dục tâm động thân, cảm thọ sự trơn mịn, phạm Tăng tàn. Tỳ-kheo có y phạm Thâu-lan-giá. Nếu vì cứu nạn lửa, nạn nước, nạn đao, nạn ác trùng, nạn ác quỷ, nạn từ trên cao rớt xuống, tất cả đều không phạm. Hoặc không có nhiễm tâm, chạm nhầm, đều không phạm.

Người nữ bị nước cuốn trôi, nên cứu, lúc đó tuy khởi dục tâm, chỉ nắm một chỗ đừng thả, khi lôi đến bờ mới thả ra, nắm lại thì mắc tội.

Hoặc người nữ được thêu hay vẽ trên giấy, hay người nữ bằng gỗ, cố ý xúc chạm phạm Đột-kiết-la.

Luật Thiện kiến nói:

Người nữ đánh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo vì dục tâm vui nhận, phạm Đột-kiết-la. Nếu người nữ có sức lực nắm Tỳ-kheo, hay nhiều người nữ cùng nắm, không thọ lạc không phạm.

Kinh Giới nhân duyên nói:

A-nan bị Ma-đăng-già dùng chú thuật mê hoặc, không phạm tội.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Căn cứ theo luật Tăng kỳ, nếu không thể khởi ý tưởng là đất và cũng không có tre, cây, dây v.v... để có thể trao cho họ nắm thì nên để tùy theo số kiếp của họ. Còn trong luật Thập tụng thì nói tuy có khởi dâm tâm cũng cho phép cứu họ. Vậy nên theo bên nào?

Đáp: - Tăng kỳ thì chú trọng vấn đề đề phòng tội lỗi. Còn Thập tụng thì cần gấp chỗ cứu người. Nay nên tự xét: Như tập nhiễm quá mạnh, nên theo sự chế cấm của luật Tăng kỳ. Nếu lòng từ quả thật là nổi bật, mới áp dụng theo sự quyền chế của luật Thập tụng.

---o0o---

3. GIỚI NÓI THÔ ÁC

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng cấm.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, do dục tâm dồn nén, nói lời thô tục về dâm dục với người nữ, tùy theo lời nói thô tục về dâm dục, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO22:

Duyên khởi cũng do Ca-lưu-đà-di nên Phật chế giới này.

GIẢI THÍCH:

Thô ác tức là phi phạm hạnh. Lời nói dâm dục tức là khen ngợi "hai đường" tốt xấu... hoặc tự mình tìm cầu, hoặc dạy người khác tìm cầu, hoặc hỏi, hoặc đáp, hoặc nói, hoặc dạy người, hoặc mắng.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nói một cách rõ ràng từ mỗi câu phạm một Tăng tàn, không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá. Hoặc gởi thư, hoặc sai sứ hay ra dấu, khiến cho người nữ kia biết, phạm Tăng tàn; không biết, phạm Thâu-lan-giá. Nói các bộ phận khác tốt xấu, phạm Thâu-lan-giá. Đối với người nữ hai căn, phi nhơn vaø loại nữ súc sanh có thể biến hình mà nói, phạm Thâu-lan-giá. Loại ấy không hiểu biết, phạm Đột-kiết-la. Đối với loài nữ súc sanh không thể biến hình và người nam mà nói, tất cả phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Thâu-lan-giá. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp vì người nữ nói pháp quán bất tịnh, hoặc nói Tỳ-ni, khi nói pháp có đề cập đến, cùng những việc nói trong mộng, nói nhầm v.v... thì không phạm.

Phần thứ tư23 nói:

Nữ tưởng là nam, nam tưởng là nữ mà nói lời thô ác, phạm Thâu-lan-giá. Người nữ này mà tác tưởng là người nữ khác, người nữ khác tác tưởng là người nữ này, phạm Tăng tàn.

Tánh ưa nói lời thô ác mà không có tâm dục, phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Nếu người nữ đối trước Tỳ-kheo nói lời thô ác mà Tỳ-kheo tùy thuận theo tâm họ, nói ra bằng lời ít hay nhiều tùy theo đó, mỗi lời nói phạm mỗi tội Tăng tàn.

---o0o---

4. GIỚI TỰ KHEN MÌNH, ĐÒI CUNG PHỤNG DỤC LẠC

Đại thừa đồng cấm.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, do dục tâm dồn nén, đối trước người nữ, tự khen thân mình: "Này cô! Tôi tu phạm hạnh, trì giới tinh tấn, tu tập pháp thiện. Nên đem pháp dâm dục ấy cung phụng tôi, sự cung phụng ấy là bậc nhất", Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO24:

Như giới trước, cũng do Ca-lưu-đà-di nên Phật chế giới này.

GIẢI THÍCH:

Khen thân tức là khen thân mình đoan chánh, nhan sắc tốt đẹp, giòng dõi v.v... Phạm hạnh tức là siêng tu, lìa xa uế trược. Giữ giới tức là thọ trì học xứ không khiếm khuyết, không lủng chảy, không nhiễm ô. Thiện pháp tức là ưa thích ở chỗ nhàn tịnh, sống theo 12 hạnh Đầu-đà, học nhiều hay nói pháp, giữ luật, ngồi thiền v.v...

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tùy theo sự khen ngợi nhiều hay ít, nói một cách rõ ràng, mỗi lần là một Tăng tàn. Nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Loài nữ súc sanh và quỷ, biết, không biết, tưởng, nghi v.v... cũng đồng như trước. Tỳ-kheo-ni v.v... đồng như trước.

---o0o---

5. GIỚI LÀM MAI MỐI

Đây thuộc về giá tội. Đại thừa đồng cấm.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào qua lại người này người kia làm mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam, hoặc để thành việc vợ chồng, hoặc để cho tư thông dù chỉ trong chốc lát, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO25:

Tỳ-kheo Ca-la, biết rành về pháp thế tục, khi ông làm mai mối cho các nam nữ thành chồng vợ, được việc thì họ cúng dường khen ngợi, không hài lòng thì họ oán trách cơ hiềm, cho nên đức Phật chế giới này.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tùy theo làm mai mối nhiều hay ít, mỗi trường hợp là phạm một Tăng tàn. Nhận lời đến bên kia nói, không trở lại báo cáo, phạm Thâu-lan-giá. Không nhận lời, đến bên kia nói, trở lại báo cáo, phạm Thâu-lan-giá. Nhận lời, không đến bên kia nói, không trở lại báo cáo, phạm Đột-kiết-la. Không nhận lời, đến bên kia nói, không trở lại báo cáo, phạm Đột-kiết-la. Các loại nữ súc sanh, quỷ, biết, không biết, tưởng, nghi v.v... đồng như trước. Cầm thơ của người đi, không xem coi, hoặc vì người bạch y làm các loại sứ giả, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Những trường hợp sau đây không phạm:

Vì hòa hiệp sự biệt ly, vì cha mẹ bệnh, vì bị giam cầm trong ngục tù, vì người Ưu-bà-tắc tín tâm bệnh và bị giam cầm trong ngục tù, vì Tam bảo, vì Tỳ-kheo bệnh v.v...

Xem thơ và cầm đi thì không phạm.

Luật Tăng kỳ nói:

Trường hợp người nam có nhiều vợ đối xử không bình đẳng, Tỳ-kheo khuyên bảo người nam ấy đối xử cho bình đẳng. Người nam ấy trả lời: sẽ như lời thầy khuyên bảo; Khi ấy, Tỳ-kheo nọ mắc tội Thâu-lan-giá. Nếu vợ chồng cãi lộn, Tỳ-kheo khuyên dụ cho họ hòa hợp thì mắc tội Thâu-lan-giá. Trường hợp vợ chồng kia không hòa hợp, đối với việc Phật, việc Tăng có sự sơ suất, vì việc phước thiện khuyên bảo họ hòa hợp thì không tội. Trường hợp người phụ nữ bỏ về lại nhà cha mẹ họ, khuyên bảo họ sớm về lại nhà chồng, mắc tội Thâu-lan-giá.

Có người nuôi nhiều ngựa mà không có giống đực tốt, nhờ Tỳ-kheo điềm chỉ cho nhà nào có giống ngựa tốt để lấy giống, Tỳ-kheo chỉ điểm mắc tội Thâu-lan-giá.

Hai Tỳ-kheo, một người có con trai, một người có con gái, cùng nhau làm sui gia, cả hai đều mắc tội Tăng tàn.

Luật Thập tụng nói:

Việc mai mối đã xong, Tỳ-kheo sau đó đến trợ giúp, mắc Thâu-lan-giá.

Căn bản nói:

Nếu Tỳ-kheo đến nhà thí chủ, nói: Người con gái này đã trưởng thành sao không gả lấy chồng, người con trai này đã lớn sao không lấy vợ. Hoặc nói: Người con gái này sao không đến nhà chồng, người con trai này sao không đến nhà vợ, đều mắc tội ác tác.

Kinh Giới nhân duyên nói:

Thả đực, thả nái cho súc sanh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Các bộ khác, mai mối súc sanh không kết vào tội này, trong kinh Giới nhân duyên thì thả đực thả nái cho súc sanh đều kết tội Tăng tàn. Tại sao vậy?

Đáp: - Chỉ làm mai mối thì động cơ đưa đến dâm dục còn xa, cho nên phi nhơn và súc sanh, theo thứ tự dần dần hàng phục, còn thả đực thả nái thì mắt mình nhìn vào việc phi pháp, cho nên tuy là súc sanh, cũng kết bổn tội vậy.

(Thời nay, trong Tùng lâm nuôi cả gà heo không biết đực cái một cách chung lộn, tội đâu có thể nói hết!)

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ BA

---o0o---

1 Tứ phần luật 1, tr. 572b, Đại 22n1428.

2 Vấn đề này nên nghiên cứu nơi bộ Tứ Phần Hiệp Chú của kỳ đức Luật sư Thích Trí Thủ để được rõ nghĩa hơn.

3 Tứ phần luật 41, phần thứ ba Kiền-độ y, tr. 861a19, Đại 22n1428.

4 Tứ phần luật 55, phần thứ tư Điều bộ, tr. 976a22, Đại 22n1428.

5 Căn bản (thuyết nhất thiết hữu bộ tỳ-nại-da) 5, tr. 650b19, Đại 23n1442: Chỉ nói là một đứa bé, cháu của Tất-lăng-già-bà-ta.

6 Tăng kỳ luật 3, tr. 252a18, Đại 22n1425: Có Tỳ-kheo được y phấn tảo đẹp, suy nghĩ: "Y này rất đẹp, sau này nếu có nữa thì chưa chắc được như vậy!" bèn nói với bạn: "Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai nấy giữ. Nếu thầy được thì thầy giữ, nếu tôi được thì tôi giữ." Vì Tỳ-kheo này trái lời cam kết trước, nên trong nửa phần y ấy mà đủ số qui định thì phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo này được y phấn tảo mà không mang về, lại đem cất giấu, lấy cỏ gạch phủ lên, rồi quay về giải lời cam kết như trên đã nói, thì phạm Thâu-lan-giá.

7 Tây câu-da-ny 西拘耶鄥尼: Skt. Apara-godānyya, Tây Ngưu hoá châu. Phong tục ở đây dùng trâu làm tiền tệ để trao đổi.

8 Phất-vu-đãi 弗于逮: Skt. Pūrva-videha, Đông Thắng thân châu.

9 Uất-đơn-việt 鬱d單?越½: Skt. Uttara-kuru, Bắc Câu-lô châu.

10 Tứ phần luật 2, tr. 575c, Đại 22n1428.

11 Pháp giới thứ đệ sơ môn (Tuỳ – Trí Khải soạn) quyển thượng phần hạ, tr. 673c01, Đại 46n1925.

12 Tứ phần luật 56, phần thứ tư Điều bộ, tr. 981a17, Đại 22n1428.

13 Tứ phần luật 2, tr. 577b, Đại 22n1428.

14 Tứ phần luật 2, tr. 578c21: miệng nói: "Tôi đạt được pháp thượng nhơn"...

15 "Sáu câu chuẩn theo đó mà biết", câu này do ngài Trí Húc dẫn để độc giả hiểu theo trong nguyên văn Tứ phần. Tứ phần luật 2, tr. 578c29: Người, khởi ý tưởng là người phạm Ba-la-di. Nghi là người, phạm Thâu-lan-giá. Người mà tưởng chẳng phải người, phạm Thâu-lan-giá. Chẳng phải người mà tưởng là người, phạm Thâu-lan-giá. Chẳng phải người mà nghi cũng phạm Thâu-lan-giá.

16 Thổ quỉ 土鬼: Thập tụng luật 2, tr. 12c17, Đại 231435: Phần cước chú "quỉ 鬼"= "khối 塊". Vậy có thể dịch: nói, "Ngay cả gió lốc (toàn phong), đất khối lăn đến chỗ tôi". Nếu không thật thì Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá.

17 Tứ phần luật 59, phần thứ tư Tỳ-ni tăng nhất, tr. 1005b15, Đại 22n1428.

18 Tứ phần luật 2, tr. 579a, Đại 22n1428.

19 Tứ phần luật 56, phần thứ tư Điều bộ, tr. 986a10, Đại 22n1428.

20 Tứ phần luật 2, tr. 580b, Đại 22n1428.

21 Tứ phần luật 57, phần thứ tư Điều bộ, tr. 986b, Đại 22n1428.

22 Tứ phần luật 3, tr. 581b, Đại 22n1428.

23 Tứ phần luật 57, phần thứ tư Điều bộ, tr. 987b24, Đại 22n1428.

24 Tứ phần luật 3, tr. 582a, Đại 22n1428.

25 Tứ phần luật 3, tr. 582c, Đại 22n1428.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 4

6. GIỚI LÀM PHÒNG RIÊNG QUÁ LƯỢNG

Đại Thừa đồng chế.

Kinh Phạm võng gọi là ác cầu đa cầu. Kinh Bồ-tát giới bổn gọi là đa dục bất tri túc. Vì chúng thì không phạm.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, cần phải làm đúng lượng. Đúng lượng ở đây là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay Phật. Phải mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chốn. Các Tỳ-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không bị nguy hiểm, nơi không bị bít lối. Nếu Tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chốn, hoặc làm quá lượng, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO1:

Nhân đức Phật cho phép Tỳ-kheo làm phòng xá riêng, Tỳ-kheo nơi nước Khoáng Dã bèn cất phòng xá riêng rộng lớn, tốn nhiều công của, đòi hỏi tín đồ, đến nỗi cư sĩ thấy Tỳ-kheo phải tránh. Khi ấy, ngài Ca-diếp đi khất thực, cư sĩ trong thành Khoáng Dã tránh xa ngài. Ngài hỏi, biết lý do, bạch Phật để kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Không có chủ: Nghĩa là không có thí chủ, hoặc một người, hai người hay nhiều ngươøi đứng ra xây cất. Nạn xứ: tức là chỗ có hổ lang, sư tử, các thú dữ, cho đến kiến hay mối. Tỳ-kheo, nếu không bị các thú, trùng làm phiền bận, nên làm đất cho bằng. Nếu có đá, gốc cây gai, nên bảo người dọn dẹp cho sạch. Nếu chỗ có rãnh nước, hầm, ao, nghiêng lệch, nên khiến người đổ cho bằng, cho đầy. Nếu sợ nước ngấm úng thì phải đắp đê để đề phòng. Nếu đất đai bị người tranh chấp thì phải giải quyết cho thỏa đáng, đừng để có tiếng không hay. Bị bít lối: tức là chỗ mà chiếc xe chở cỏ không quay đầu để đi quanh được.

Tỳ-kheo kia xem xét chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối rồi, đến trong Tăng cởi guốc dép, bày vai áo bên hữu, gối bên hữu quỳ sát đất, chắp tay bạch như vầy:

"Đại đức Tăng, xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo... tự khất cầu cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình. Nay đến trong chúng Tăng, xin chứng biết cho chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối". (Bạch như vậy ba lần).

Lúc bấy giờ, chúng Tăng nên quán sát Tỳ-kheo này, nếu có thể tin được, liền cho phép làm. Nếu không thể tin được, chúng Tăng nên đến chỗ ấy xem xét. Hoặc sai người của Tăng, có thể tin được, đến đó xem xét. Nếu có sự nguy hiểm, có bít lối, hay không có nguy hiểm mà có bít lối; hoặc có nguy hiểm mà không bị bít lối, đều không nên cho phép làm. Nếu không có sự nguy hiểm, không bị bít lối mới cho phép làm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu không được Tăng cho phép, hay làm quá lượng, mỗi việc phạm một tội Tăng tàn. Làm mà không thành phạm Thâu-lan-giá, hay sai người khác làm cũng vậy. Nếu vì người khác làm mà thành, thì phạm Thâu-lan-giá, không thành phạm Đột-kiết-la.

Nếu có nguy hiểm, có bít lối, mỗi việc phạm một tội Đột-kiết-la. Sai người khác làm hay vì người khác làm thành hay không thành đều phạm Đột-kiết-la.

(Tỳ-kheo-ni v.v... không được phép ở nơi A-lan-nhaõ). Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Luật Tăng kỳ nói:

Khi làm xong mắc tội Tăng tàn. Khi sử dụng mắc tội Việt tỳ-ni.

Luật Thập tụng nói:

Thành nhà rồi, mới nhận, không phạm.

---o0o---

7. GIỚI LÀM PHÒNG LỚN MÀ KHÔNG ĐƯỢC TĂNG CHỈ CHỖ

Đại thừa đồng chế.

Kinh Phạm võng nói: Khi hành pháp Đầu-đà, cho đến an cư mùa hạ, những chỗ có nguy hiểm không được vào.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào muốn cất Tịnh xá lớn có thí chủ làm cho mình, cần phải mời các Tỳ-kheo khác
đến chỉ định nơi chốn. Các Tỳ-kheo ấy chỉ định nơi chốn - là nơi không có nguy hiểm, không bị bít
lối. Nếu Tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, cất Tịnh xá lớn, có thí chủ làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chốn, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO2:

Vua Ưu-điền cùng với Tôn giả Xiển-đề là bạn thân. Tôn giả làm phòng lớn theo ý mình. Lúc ấy trong thành Câu-diệm-di có cây Ni-câu-luật, thần, người qua lại thường ngồi nghỉ mát dưới bóng cây. Tôn giả Xiển-đề chặt cây ấy, cư sĩ cơ hiềm nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trừ trường hợp làm quá lượng, bao nhiêu trường hợp khác, phạm nặng hay nhẹ đồng như giới trước.

Luật Thập tụng nói:

Thành nhà rồi, mới nhận, không phạm.

---o0o---

8. GIỚI HỦY BÁNG KHÔNG CĂN CỨ

Đây là tánh tội, Đại thừa đồng chế.

Nếu đến người ngoài nói thì phạm trọng tội. Nếu đến người đồng giới nói thì phạm tội nhẹ.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn ấp ủ, đối với Tỳ-kheo không phải là Ba-la-di mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là không căn cứ, Tỳ-kheo này nói rằng: "Tôi vì thù hận mà nói như vậy". Tỳ-kheo nào nói như vậy, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO3:

Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, Tôn giả Đạp-bà-ma-la-tử, được Tăng sai phân ngọa cụ cho chúng Tăng và theo thứ tự mời Tăng đi thọ trai. Có Tỳ-kheo Từ Địa đến, vì theo thứ vị nên nhận được phòng và ngọa cụ xấu, bèn giận dỗi. Sáng lại, mời Tăng đi thọ thỉnh, Đàn-việt nghe biết Tỳ-kheo Từ Địa đến, bèn ở ngoài cửa, trải bày ngọa cụ xấu, dọn đồ ăn dở; Từ Địa lại giận gấp bội phần, bèn nhờ người em gái là Tỳ-kheo-ni Từ, vu khống là Tôn giả xâm phạm đến phạm hạnh của cô. Đức Thế Tôn thẩm vấn biết được sự thật, bảo các Tỳ-kheo rằng: Có hai hạng người chắc chắn vào địa ngục. Hai hạng người ấy là: Không phải là phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh và người thật có phạm hạnh mà dùng phi phạm hạnh vô căn cứ để hủy báng. Quở trách xong, Phật kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Căn có 3: Căn cứ do thấy, căn cứ do nghe và căn cứ do nghi.

Nghi có 2 cách: Từ nơi thấy mà sanh ra nghi, từ sự nghe mà sanh ra nghi.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không có 3 căn này, một là dùng 4 khí để hủy báng, hai là dùng những pháp phi Tỳ-kheo khác mà hủy báng, ba là nói phạm biên tội cho đến ngũ nghịch hai căn v.v... không luận người ấy thanh tịnh hay không, nói rõ ràng phạm Tăng tàn, không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá. Hủy báng ni đồng như trước. Hủy báng người khác, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm là có thấy, nghe, nghi, nói trong mộng, nhầm nói v.v...

PHỤ:

Luật nhiếp nói:

Nếu Ô-ba-sách-ca (tức Ưu-bà-tắc) hủy báng Tỳ-kheo, nên trao cho họ Yết-ma phuù bát. (Trong pháp trị tội có nói rõ).

---o0o---

9. GIỚI LẤY MỘT PHẦN ĐỂ HỦY BÁNG

Đại thừa... nhẹ... nặng... đều đồng như giới trước.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn, dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác, đối với Tỳ-kheo không phải là Ba-la-di mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác, Tỳ-kheo này tự nói rằng: "Tôi vì thù hận nên nói như vậy". Tỳ-kheo nào nói như vậy, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO4:

Tỳ-kheo Từ Địa, từ trên núi Kỳ-xà-quật nhìn xuống thấy con dê đực cùng với con dê cái hành dâm, bèn đem ví con dê đực là Tôn giả Đạp-bà-ma-la, con dê cái là Tỳ-kheo-ni Từ. Từ Địa nói với Tỳ-kheo rằng: Chính mắt tôi thấy. Các Tỳ-kheo xét biết sự thật bạch Phật, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Luật Thập tụng nói:

Phần sự khác, tức là thuộc về 4 trọng tội. Trong vấn đề này nếu phạm một việc thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử, mất pháp của Tỳ-kheo cho nên gọi là phần sự khác. Tiểu tiết tức là thuộc về các oai nghi.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Hoặc đồng tên, đồng họ, đồng tướng, hoặc khi còn ở nhà phạm, mà lấy một phần nào trong vấn đề tương tự để hủy báng. Nói rõ ràng hay không rõ ràng v.v... đều đồng như giới trước.

---o0o---

10. GIỚI KHÔNG BỎ PHÁP PHÁ TĂNG

Đại thừa đồng chế.

Tăng luân chưa bị phá tức là thuộc về ác tâm, sân tâm, giáo giới hẹp hòi. Tăng luân bị phá tức thành nghịch tội, không cho sám hối.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, muốn phá hoại hòa hiệp Tăng, tiến hành phá hoại hòa hiệp Tăng, kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên can gián Tỳ-kheo này rằng: "Đại đức chớ phá hòa hiệp Tăng, chớ chấp chặt pháp phá hoại hòa hiệp Tăng, không nên kiên trì không bỏ. Đại đức, nên cùng Tăng hòa hiệp. Vì cùng Tăng hòa hiệp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng học một thầy, hòa hiệp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc". Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy, vẫn kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO5:

Đề-bà-đạt-đa muốn hại Phật, lại dạy A-xà-thế giết cha, tiếng xấu đồn khắp, lợi dưỡng bị đoạn tuyệt. Đề-bà liền cùng với 5 người đồng ý với mình đi khất thực từng nhà, Phật cấm không được ăn biệt chúng. Đề-bà-đạt-đa liền sanh ý nghĩ: Cù-đàm là người dứt phần ăn của kẻ khác, ta cần phải phá Tăng luân của ông ta, liền dùng 5 pháp dạy các Tỳ-kheo: 1. Suốt đời xin ăn, 2. Mặc đồ phấn tảo, 3. Ngồi giữa trời, 4. Không ăn dầu, muối, 5. Không ăn thịt cá; khiến cho những người có lòng ưa thích tin, phương tiện phá Tăng luân kia. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật cho phép Tăng làm pháp Yết-ma quở trách, rồi kiết giới này.

Phần thứ ba6 nói:

Đề-bà-đạt-đa tuyên bố hành trù rằng: Các Trưởng lão nào đồng ý 5 pháp này, công nhận là pháp, là Tỳ-ni, là lời dạy của Phật thì nắm trù (thẻ). Khi ấy, 500 vị tân Tỳ-kheo vô trí nắm thẻ và theo Đề-bà-đạt-đa đi. Sau đó, ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thuyết pháp hiện thần thông, mới đem về lại. Đức Phật cho phép tác pháp sám Thâu-lan-giá.

GIẢI THÍCH:

Hòa hiệp: tức là đồng một Yết-ma, đồng một thuyết giới. Tăng: là từ 4 Tỳ-kheo cho đến vô số. Phá: Có 18 việc: Pháp - phi pháp; luật - phi luật; phạm - không phạm; hoặc khinh - hoặc trọng; hữu tàn - vô tàn; thô ác - phi thô ác; thường sở hành - phi thường sở hành7; chế - phi chế; thuyết - phi thuyết.

(Trong việc 13 và 14 theo luật Ngũ phần thì: Dụng Yết-ma xuất tội, bất dụng Yết-ma xuất tội. Theo luật Thập tụng nói: Thường sở hành sự, tức là hoặc đơn bạch Yết-ma, bạch nhị Yết-ma, bạch tứ Yết-ma, Bố-tát, Tự-tứ lập ra pháp 14 người Yết-ma).

Chấp chặt pháp phá Tăng tức là chấp chặt 18 điều này.

Phần thứ ba của luật Tứ phần nói:

Có 2 việc phá Tăng: Vọng ngữ, tương tợ ngữ. Lại có hai việc phá Tăng khác: tác Yết-ma và rút thăm.

Nếu chỉ có một Tỳ-kheo, cho đến hai, ba người tuy tìm phương tiện, nhưng không thể phá Tăng, Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Phải là bên này có chúng bốn người hay là hơn, bên kia có chúng bốn người hay là hơn. Thi hành rút thăm phá Tăng, tác Yết-ma, như vậy là phá hòa hiệp Tăng. Tội này đọa vào địa ngục trong một kiếp chưa hết tội. Người đem lại sự hòa hiệp, được phước nơi cõi trời Phạm thiên thọ vui một kiếp.

Luật Ngũ phần nói:

Ta không thấy có pháp nào khác phá hoại đạo ý của con người, ngoài tieáng đồn và lợi dưỡng. Điều-đạt sở dĩ phá Tăng là vì lợi dưỡng vậy Điều-đạt thành tựu 8 phi pháp cho nên phá Tăng: lợi - phi lợi - khen - không khen - kính - không kính - ưa việc ác - theo bạn bè ác.

Có 4 việc gọi là phá Tăng:

- Nói 5 pháp.

- Tự mình hành trù

- Nắm (rút) trù.

- Ở trong giới làm Tăng sự riêng.

Lại nữa, nếu vua, đại thần, hay lục chúng, khiến cho Tăng không hòa hiệp thì không phải là phá Tăng. Nếu một Tỳ-kheo cho đến 7 Tỳ-kheo không hòa hợp, cũng không phải là Tăng bị phá. Nếu không hỏi bậc Thượng tọa mà làm Tăng sự, tức là không hòa, cũng không phải là phá Tăng. Nếu không cùng ăn chung, trong khi ăn ngồi chỗ khác đấu tranh chửi mắng, cũng không gọi là phá Tăng. Cốt yếu là ở trong cùng một giới, tám vị Tỳ-kheo trở lên, chia làm hai bộ, làm Tăng sự riêng, mới gọi là phá Tăng. Người làm chủ trong vấn đề ấy đọa vào địa ngục trong một kiếp không thể cứu được.

Luật Thập tụng nói:

Phá Tăng có 2 loại:

Phá Yết-ma - Phá pháp luân.

- Phá Yết-ma là trong một giới làm Yết-ma Bố- tát riêng.

- Phá pháp luân: Luân chỉ cho bát Thánh đạo phần, khiến cho người bỏ bát Thánh đạo vào trong tà đạo.

Tát-bà-đa tỳ-bà-sa nói:

Phá Tăng luân, phạm nghịch tội Thâu-lan-giá, không thể sám hối. Phá Yết-ma Tăng, phạm phi nghịch tội có thể sám Thâu-lan-giá. Phá Tăng luân, ít nhất là 9 người, một người xưng là Phật. Phá Yết-ma Tăng, ít nhất là 8 người, không tự xưng là Phật.

Phá Tăng luân, trong giới ngoài giới đều có thể phá được. Phá Yết-ma Tăng, chủ yếu là ở trong giới, làm Yết-ma riêng. Phá Tăng luân, phải là Tỳ-kheo. Phá Yết-ma Tăng, Tỳ-kheo-ni cũng có thể phá được. Phá Tăng luân là phá tục đế Tăng. Phá Yết-ma Tăng cũng phá luôn Đệ nhất nghĩa Tăng. Phá Tăng

luân chỉ có ở nơi Nam Châu (Diêm-phù-đề). Phá Yết-ma Tăng thông cả ba thiên hạ.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tác pháp Yết-ma lần thứ ba xong, phạm Tăng tàn. Hai lần Yết-ma xong mà bỏ, phạm ba Thâu-lan-giá. Một Yết-ma xong mà bỏ, phạm hai Thâu-lan-giá. Tác bạch xong xả phạm một Thâu-lan-giá. Mới bạch xong mà bỏ cho đến thọ pháp phá Tăng, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Nếu khi Tăng tác pháp quở trách và can gián, mà nói rằng: Đừng bỏ, người đó phạm Thâu-lan-giá. Nếu không can gián và quở trách, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn.

Không phạm: Mới bắt đầu can ngăn liền bỏ và phá điều phi pháp, phi luật, phi hòa hiệp, tất cả bạn ác v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Nếu Tăng khác biết Tỳ-kheo này muốn phá Tăng, nên sai một thân hậu (bạn) với Tỳ-kheo đó đến can gián, nếu bỏ, nên trao cho một Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ, nên sai 2, 3 Tỳ-kheo đến can gián, nếu bỏ, trao cho hai Đột-kiết-la. Trường hợp vẫn không bỏ, nên dùng Tăng đến can gián, nếu bỏ, trao cho 3 Đột-kiết-la. Nếu không bỏ, nên bạch tứ Yết-ma can gián, bạch rồi, bỏ, trao cho một Thâu-lan-giá, ba Đột-kiết-la. Cho đến 3 lần Yết-ma xong, bỏ, không bỏ, đều phạm Tăng tàn.

Luật Thập tụng nói:

Ba lần khuyên can rồi mà không bỏ thì phạm tội Tăng tàn. Tỳ-kheo này phải liền đến trong Tăng tự xướng lên rằng: Chư Trưởng lão, tôi Tỳ-kheo tên là... mắc tội Tăng tàn. Xướng liền như vậy thì tốt nếu không xướng thì kể từ đó là ngày thứ nhất của tội Phú tàng. Lại nói rằng: Trước hết không dùng lời nhu nhuyến để răn chế, liền bạch tứ Yết-ma để răn chế thì người làm Yết-ma mắc tội Đột-kiết-la. Chưa bạch tứ Yết-ma, mà liền tẫn xuất đuổi đi, người làm Yết-ma mắc tội Đột-kiết-la. Chưa làm pháp răn chế, ba lần nói, ở trong giới, mà riêng thỉnh người làm Yết-ma, mắc tội Thâu-lan-giá, vì đây là nhân duyên để phá Tăng vậy; Nếu chúng Tăng biết thì chúng Tăng mắc tội.

PHỤ:

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu biết người muốn phaù Tăng các Tỳ-kheo nên nói: "Trưởng lão chớ phá Tăng, phá Tăng tội nặng, đọa vào đường dữ, vào địa ngục. Tôi sẽ tặng ngài y, bát, dạy kinh đọc kinh, trao đổi công việc giáo giới". Nếu cố ý không bỏ, nên bảo người Ưu-bà-tắc có thế lực rằng: "Người này muốn phá Tăng, nên đến can gián, khuyên nhủ họ nên bỏ việc ấy". Vị Ưu-bà-tắc đó nên đến nói: "Tôn giả đừng phá Tăng, phá Tăng tội nặng, đọa ác đạo, và địa ngục. Tôi sẽ tặng Tôn giả y, bát, thuốc men trị bệnh. Nếu Tôn giả không muốn tu phạm hạnh, có thể hoàn tục, tôi sẽ cưới vợ cho Tôn giả và cung cấp đồ cần dùng". Nếu cố ý không bỏ, nên rút thăm đuổi ra. Đương sự ra rồi, nên thông báo các nơi rằng: "Các Đại đức, có người phá Tăng đến, nên phải tự biết". Nếu thực hành đầy đủ như vậy mà còn cố ý phá Tăng, mới gọi là phá Tăng. Bố thí đối với họ gọi là ruộng phước tốt. Thọ Cụ túc đối với họ gọi là nhận lãnh những điều lành. Nếu biết họ rồi nên bỏ đi, nếu không bỏ đi gọi là bạn của kẻ phá Tăng, là bè đảng của kẻ phá Tăng, trọn đời không nên nói chuyện, ở chung, ăn chung, không chung Phật, Pháp, Tăng; không chung Bố-tát, an cư, tự tứ, không chung Yết-ma. Được quyền nói với người xuất gia của đạo khác: "Có giường ngồi muốn ngồi thì ngồi, không được mời người đó ngồi".

BIỆN MINH:

Hỏi: - Tăng luân đã phá, tại sao còn gọi là ruộng phước tốt, tại sao còn gọi là thiện thọ cụ? Đã gọi thiện thọ cụ tại sao biết rồi nên bỏ đi?

Đáp: - Phá Tăng là tội Thâu-lan-giá, nhưng chưa bị mất giới, cho nên vẫn còn gọi là phước điền. Ví như vàng tuy chặt làm hai khúc, nhưng khúc nào cũng là vàng. Đã không mất giới, thì vẫn là Tăng già. Khi mới xuất gia chưa hề hiểu biết, theo họ thọ giới, há không đắc giới sao? Nhưng sau khi biết rồi, làm sao có thể cam tâm làm người bạn của kẻ phá Tăng? Nên phải bỏ đi vậy.

---o0o---

11. GIỚI KHÔNG BỎ BÈ ĐẢNG PHÁ TĂNG

Đại thừa, nhẹ... nặng... cùng đồng với giới trước.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào có bè đảng, từ một, hoặc hai, hoặc ba cho đến vô số Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bè đảng ấy nói với chúng Tỳ-kheo rằng: "Đại đức, chớ can gián Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói đúng pháp, là Tỳ-kheo nói đúng luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi ưa thích. Những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi chấp nhận". Chúng Tỳ-kheo nên can gián caùc Tỳ-kheo bè đảng đó rằng: "Đại đức chớ nói như vầy: Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói đúng pháp, là Tỳ-kheo nói đúng luật, những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi ưa thích; những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi chấp nhận. Nhưng Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói phi pháp, là Tỳ-kheo nói phi Luật. Đại đức, chớ phá hoại hòa hiệp Tăng. Các ngài nên hoan hỷ hòa hiệp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hiệp, hoan hỷ không tranh chấp; đồng học một thầy hòa hiệp như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc". Các Tỳ-kheo bè đảng được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, chúng Tỳ-kheo nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO8:

Bè đảng của Đề-bà-đạt nói với các Tỳ-kheo chớ can gián Đề-bà-đạt. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng tác Yết-ma quở trách và can gián, rồi kiết giới này.

GIẢI THÍCH:

Luật nhiếp nói:

Pháp ngữ: tức là lời nói viên mãn và đầy đủ. Luật ngữ: tức là lời nói hiệp với chánh lý không sai quấy. Lại nữa, có khả năng dẫn đến thật nghĩa gọi là Pháp ngữ. Nói ra lời nhu nhuyến gọi là Luật ngữ.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ hay nặng đồng như giới trước.

Luật Thập tụng nói:

Nếu một Tỳ-kheo bị tẫn xuất mà bốn Tỳ-kheo theo vị đó, gọi là phá Tăng. Hoặc vị ấy là Tỳ-kheo hiểu nhiều, biết nhiều, nghe nhiều, đức lớn, hiểu rõ nghĩa của ba Tạng thì không nên tác pháp bất kiến tẫn cho họ. Nếu tẫn xuất thì mắc tội Thâu-lan-giá vì gần như phá Tăng vậy.

Lại nói: Một người tẫn một người, mắc một Đột-kiết-la. Một người tẫn hai, ba, bốn người, tùy theo đó, mắc hai, ba, bốn tội Đột-kiết-la. Hai người, 3 người tẫn hai, ba, bốn hay một người cũng vậy. Nếu bốn Tỳ-kheo tẫn bốn Tỳ-kheo mắc tội Thâu-lan-giá, vì đó là nhân duyên phá Tăng vậy.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Một Tỳ-kheo bị tẫn, mà bốn Tỳ-kheo theo vị đóù gọi là phá Tăng. Tội phá Tăng này thuộc về người tẫn hay kẻ bị tẫn, hoặc là ngươøi tùy thuận theo kẻ bị tẫn?

Đáp: - Nếu người tẫn là như pháp, thì tội thuộc về kẻ bị tẫn và người theo kẻ bị tẫn. Nếu người tẫn là phi pháp thì tội thuộc về người tẫn và Tăng. Song Tỳ-kheo như pháp tuy bị tẫn oan uổng, nhưng quyết định không được ở trong giới, riêng làm Tăng sự vậy.

Lại hỏi: - Nếu người hiểu nhiều, biết nhiều v.v... không nên tác pháp Yết-ma bất kiến tẫn thì những người này khi có tội, dung thứ cho họ chăng?

Đáp: - Người hiểu biết nhiều có tội, tuy không phải có thể dung thứ, nhưng phải khéo léo khuyên lơn khiến cho họ thấy tội. Nếu vội tác pháp Yết-ma, chắc chắn đưa đến cái lỗi phá Tăng, cho nên mắc tội vậy.

---o0o---

12. GIỚI KẺ BỊ TẪN KHÔNG CHỊU PHỤC TÙNG

Đại thừa đồng chế. Làm hoen ố nhà người tức là giới nhơn lợi cầu lợi, kinh lý bạch y v.v... Làm hạnh xấu tức là giới tà nghiệp giác quán, tà mạng tự sống v.v... Nói Tăng có ái v.v... tức là thuộc về giới báng Tăng.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào sống nương tựa xóm làng hay thành ấp, mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, sự làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy đều nghe. Hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe. các Tỳ-kheo neân nói với Tỳ-kheo ấy rằng: “Đại đức là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu; sự làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy đều nghe, hành vi xấu mọi

người đều thấy đều nghe! Đại đức, ngài làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa".

Tỳ-kheo ấy noùi với các Tỳ-kheo kia rằng: "Đại đức, các Tỳ-kheo có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi có người không bị đuổi". Các Tỳ-kheo nên trả lời Tỳ-kheo ấy raèng: "Đại đức chớ nói rằng: "Các Tỳ-kheo có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh, vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các Tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Mà vì Đại đức là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe, hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe". Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO9:

Tại ấp Kỳ-liên có 2 Tỳ-kheo, một người tên là A-thấp-bà, người thứ hai tên là Phú-na-bà-ta làm hạnh phi pháp tự tay trồng hoa, dạy người trồng hoa, tưới hoa, hái hoa cho đến ca, múa, xướng, hát, thổi sáo, đánh trống, nhận lấy sự mua vui giỡn cười v.v... Khi ấy, có chúng đông Tỳ-kheo đến khất thực nơi Kỳ-liên, oai nghi tề chỉnh, mắt nhìn xuống trước bước đi, các cư sĩ lại cho đó là điều không hay, không tốt. Các Tỳ-kheo tìm biết sự thật, bạch Phật đầy đủ. Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến tác pháp Yết-ma tẫn. Hai Tỳ-kheo ấy nói như trên. Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên về bạch Phật, Phật khiến Tăng tác pháp Yết-ma, quở trách can gián mà kiết giới này.

GIẢI THÍCH:

Làm hoen ố nhà người có 4 cách:

a) Nương vào nhà này làm hoen ố nhà khác, nghĩa là được vật từ nhà này đem đến cho nhà khác. Nhà người cúng vật nghe vậy không vui, nhà người được cho nghĩ sẽ trả ơn, nói lời sau: Nếu có cho mình, mình sẽ báo đáp; nếu không cho mình, chuyện gì mình phải cho họ.

b) Nương vào lợi dưỡng làm hoen ố nhà khác, tức là Tỳ-kheo được lợi dưỡng đúng pháp, kể cả đồ ăn còn trong bình bát, đem cho một cư sĩ, không cho một cư sĩ. Người được cho kia nghĩ sẽ trả ơn... như trước.

c) Nương bạn thân làm hoen ố nhà khác, nghĩa là Tỳ-kheo nương vào vua hay đại thần, giúp cho một cư sĩ, không giúp cho một cư sĩ. Ngươøi được giúp nghĩ sẽ báo ơn: vị ấy giúp ta, ta sẽ cúng dường, không giúp ta, ta không cúng dường.

d) Nương vào Tăng-già lam làm hoen ố nhà khác, tức là Tỳ-kheo lấy bông trái của Tăng cho một cư sĩ, không cho một cư sĩ... cho đến không cho ta, ta không cúng dường. Hành ác hạnh (hành vị xấu): tức tự tay mình trồng cây trái hoa quả...

Luật Căn bản nói:

Có hai nhân duyên làm hoen ố nhà người:

- Ở chung, cùng với người nữ nằm ngồi một giường, ăn một mâm v.v...

- Thọ dụng, đồng thọ dụng cây trái, hoa, quả và cây xỉa răng v.v...

Tỳ-bà-sa nói:

Người xuất gia không hề đắm trước, không hề ham muốn điều gì, tự thủ thanh tịnh, lấy tu đạo làm tâm. Nếu cùng với người thế tục làm người qua lại, phế loạn chánh nghiệp. Lại nữa, dùng vật biếu tặng qua lại thì phá hư tâm tốt bình đẳng của người khác. Đối với người được vật thì vui mừng ái kính, đối với người không được vật thì dù cho Hiền Thánh họ cũng không có tâm ái kính, mất sự thâm hậu phước lợi của người khác. Hơn nữa, làm đảo lộn Phật pháp, phàm người tại gia nên cúng dường cho người xuất gia, mà người xuất gia trái lại, đem cúng dường cho người tại gia. Lại nữa, người tại gia thường đối với Tam bảo, cầu ruộng phước thanh tịnh, đem hết tâm thành để trồng lấy cây lành. Người xuất gia dùng nhân duyên biếu tặng qua lại, là đi ngược lại người xuất gia, khiến họ sanh tâm hy cầu, phá hư tâm thanh tịnh tín kính, lại mất tất cả các món lợi dưỡng của người xuất gia. Nếu dùng một ít vật để biếu tặng cho bạch y, để được xây tháp bằng bảy món báu, và trang nghiêm lộng lẫy, không bằng tịnh tọa thanh tịnh trì giới; đó là cúng dường Pháp thân chơn thật của Như Lai. Nếu dùng một ít vật biếu tặng bạch y để được thiết lập Tăng xá lộng lẫy như tịnh xá Kỳ-hoàn, không bằng tịnh tọa thanh tịnh trì giới, đó là thanh tịnh cúng dường Tam bảo. Nếu dùng một ít vật biếu tặng bạch y để có được tứ vật dụng đầy đủ cả cõi Diêm-phù-đề cúng

cho tất cả Thánh chúng, không bằng như tịnh tọa thanh tịnh trì giới, đó là thanh tịnh cúng dường tất cả Thánh chúng.

Nếu có kẻ cường lực muốn phá tháp đập tượng, cần dùng vật biếu để tránh khỏi, thì nên bán hoa, quả, đất của tháp, hoặc lấy tiền của tháp, hay là các phương tiện khác tùy nghi mà lo liệu. Nếu có kẻ dùng cường lực muốn đối với Tăng kỳ, phá hại tổn giảm trong đất của Tăng kỳ, tùy theo vật gì hiện có, bán để lấy tiền, mà tùy duyên lo liệu. Nếu Tăng thường lạp, hoặc diện môn lạp10 bị kẻ dùng cường lực, muốn làm tổn giảm, tùy theo phạm vi đất này, có vật gì thì dùng chúng để giải quyết.

Cha mẹ là ruộng phước nên cho phép cung dưỡng.

Người giúp việc cho Tăng kỳ thì nên giúp đỡ họ.

Nếu thí chủ muốn sắm thức ăn cúng cho chúng Tăng, họ muốn biết phép tắc thì nên hướng dẫn cho họ.

Đối với người cô đơn hành khất, vì lòng lân mẫn nên giúp họ.

Cho đến cha mẹ qua đời, tất cả không cho phép khóc kể. Bốn chúng mắc Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni mắc Ba-dật-đề, vì tâm luyến ái còn nặng sâu.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ, nặng đồng như giới trước. Tỳ-kheo-ni phạm Tăng tàn. Ba chúng dưới, Đột-kiết-la.

Không phạm: Khi mới bắt đầu nói chịu xả liền (không phạm bổn tội). Nếu phụng dưỡng cha mẹ, giúp người bệnh, trẻ em, đàn bà có thai, người bị tù, người giúp việc (không phạm tội làm hoen ố nhà người). Nếu vì Tam bảo trồng hoa v.v... dạy người hái hoa cúng dường Tam bảo, hoặc chạy tránh nạn, hoặc đi tránh, nhảy qua hầm rãnh, hoặc huýt gió kêu bạn đi (không phạm làm hạnh xấu).

Luật Thập tụng nói:

Nếu khi chưa tác Yết-ma đuổi đi, mà nói: Các Tỳ-kheo làm theo ái, nhuế, bố, si của mình, phạm Đột-kiết-la. Không nên không ước sắc (khuyên, khuyên can).

PHỤ:

Phần thứ ba (luật Tứ phần) nói:

Không nên vì bạch y cạo tóc, trừ họ muốn xuất gia.

Phần thứ tư (luật Tứ phần) nói:

Không nên lễ bạch y, không nên lễ tháp miếu của bạch y, cũng không nên cố ý đi nhiễu quanh phía tả.

- Không nên bói toán cho người, không nên nhờ người bói toán.

- Không nên tự ca múa hoặc thổi ốc để cúng dường tháp, cho phép nên bảo bạch y làm.

- Không nên nuôi chim anh võ v.v... không nên nuôi chó.

- Không nên cỡi các loại xe như xe voi, xe ngựa.

- Không nên cầm nắm đao kiếm. Người già bệnh cho phép đi xe kéo, hoặc xe do loài đực kéo. Tránh nạn cho phép cỡi xe voi, xe ngựa.

Bạch y cầm đao kiếm đến gởi, cho phép nhận cất giấu.

Đối với trong pháp luật của Thánh, ca hát coi như khóc, múa may thì như kẻ điên, cười giỡn giống như con nít.

- Không nên đến nhà bạch y lúc buổi chiều tối, trừ vì việc Tam bảo, việc Tỳ-kheo bệnh, hoặc là Đàn-việt mời.

- Thường tới nhà bạch y có 5 điều lỗi: Thường thấy người nữ, dần dần cùng nhau gần gũi, trở thành thân thiết, sanh ý dục, hoặc phạm tử tội hay gần như tử tội. (phạm thiên đầu hay thiên thứ hai).

- Nhà bạch y có 9 pháp dưới đây: Nếu họ chưa là Đàn-việt thì không nên kết nạp làm Đàn-việt; nếu đến nhà họ, không nên ngồi. Chín pháp ấy là:

1. Thấy Tỳ-kheo không thích đứng dậy để chào.

2. Không ưa tác lễ.

3. Không ưa mời Tỳ-kheo ngồi.

4. Không ưa thấy Tỳ-kheo ngồi.

5. Tỳ-kheo nói không tín thọ.

6. Nếu có y phục ẩm thực, những thứ cần dùng, vì khinh mạn Tỳ-kheo nên không chịu cho.

7. Có rất nhiều mà cho rất ít.

8. Có đồ tốt mà cho đồ xấu.

9. Hoặc cho với lòng không cung kính.

Luật Ngũ phần nói:

Không nên dùng trái cây của Tăng biếu tặng cho bạch y, nếu họ xin thì cho.

- Học chú thuật mê hoặc người, chú thuật làm cho người chết ngồi dậy, phạm Thâu-lan-giá.

Luật Thập tụng nói:

Có 5 chỗ Tỳ-kheo không nên đến:

- Chỗ có đồng nư.

- Chỗ có quả phụ.

- Chỗ phụ nữ ở.

- Chỗ dâm nữ.

- Chỗ Tỳ-kheo-ni.

Lại có 5 chỗ nữa:

- Nhà của bọn giặc

- Nhà của Chiên-đà-la.

- Nhà nấu và bán rượu.

- Nhà dâm nữ.

- Nhà hàng thịt (đồ tể).

Luật Căn bản tạp sự nói:

Có 5 chỗ là nơi không phải chỗ mình nên đứng lại:

- Nhà xướng hát.

- Nhà dâm nữ.

- Nhà nấu và bán rượu.

- Nhà của vua.

- Nhà của Chiên-đà-la.

Luật Thiện kiến nói:

Đàn-việt thỉnh Tỳ-kheo tống táng, không nên đi.

Bộ Nam hải ký qui nói:

Cách tế tự người chết không được khóc thương như người thế tục. Theo lý thì nên vì người chết, sửa soạn một cái phòng sạch sẽ, tùy theo lúc, có thể treo phan trướng, đọc kinh, niệm Phật, đầy đủ hương hoa, mong cầu hương hồn của người ấy thác sanh chỗ lành, mới thành người con có hiếu, mới là trả ơn. Nếu Tỳ-kheo quá vãng nên hỏa thiêu. Người tống táng nên ngồi một bên, bảo một người có khả năng tụng kinh vô thường, nửa biến hay một biến không nên lâu quá, sau đó, mỗi người đều niệm vô thường. Khi trở về lại trú xứ, ngoài chùa nên tắm và giặt y áo. Tất cả đều dùng áo cũ, không cần tốn áo mới. Mặc áo khô khác, rồi mới về lại phòng. Cách thức về y phục, không

hề có chút gì khác biệt. Đâu cho phép khóc than cả thaùng, mặc áo chế 3 năm ấy ư?

Bộ căn bản ni-đà-na nói:

Không nên bán thuốc nếu khéo về nghề làm thuốc, nên khởi lòng từ mẫn, mà theo bệnh cho thuốc, không được nhận lấy tiền bạc của người.

Bộ Tri môn cảnh huấn nói:

Kẻ dùng tà tâm gắn liền với tham nhiễm, vì lợi bán pháp, lễ Phật, tụng kinh, đoạn thực, các hành động để thu hoạch của cải bất chính, đều gọi là vật tà mạng, trái hẳn lời Phật dạy.

---o0o---

13. GIỚI KHÔNG BỎ ÁC TÁNH

Đại thừa đồng chế cấm.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, có tánh ngoan cố không nghe người khuyên, đã được các Tỳ-kheo khuyên can như pháp về những điều trong học giới, tự thân không nhận lời can gián, lại nói: "Các Đại đức chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu, các Đại đức hãy thôi, chớ can gián tôi". Các Tỳ-kheo can gián Tỳ-kheo ấy rằng: "Đại đức chớ tự thân không nhận lời can gián. Đại đức hãy tự thân nhận lời can gián, Đại đức như pháp can gián các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, can gián lẫn nhau, chỉ bảo lẫn nhau, phát lồ với nhau". Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy, kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo nên ba lần can gián cho bỏ sự ấy, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO11:

Tôn giả Xiển-đà có ác tánh, không nhận lời người khác can gián. Phật khiến Tăng Yết-ma quở trách và can gián, kiết giới này.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng thế nào đồng như giới trước. Trước khi chưa tác bạch, ác tánh không nhận lời người khuyên, phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo-ni thì Tăng tàn, ba chúng dưới, Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu là người vô trí, khi được can gián trở lại nói rằng: Hòa thượng, A-xà-lê của ngài, việc làm cũng như vậy, ngài có thể trở lại học vấn tụng kinh.

Luật Thập tụng nói:

Nếu các Tỳ-kheo không cử không ức niệm, tự thân không chịu nói năng với người khác, phạm Đột-kiết-la. Người như vậy không nên khuyên can (ước sắc).

Luật Thiện kiến nói:

Cử tức là Tỳ-kheo nói, Trưởng lão, ngài phạm tội đó, nên phát lồ, đừng che giấu, nên trừ diệt đúng như pháp. Ức niệm: nghĩa là Tỳ-kheo nói, Trưởng lão, ngài nhớ nghĩ khi đó, chỗ đó đã làm cái tội như vậy chăng?

PHỤ:

Phần thứ tư12 nói:

Phật bảo các Tỳ-kheo: Tôi vì các ông nói tám loại ngựa dữ và tám loại người dữ:

1. Hoặc có loại ngựa dữ, tra dàm và roi vào, là muốn cho nó đi tới, nó lại quỳ xuống không chịu đi.

2. Có loại ngựa dữ, lại dựa vào hai gọng xe không chịu đi tới.

3. Có loại ngựa dữ, nhào lăn xuống đất, đã bị tổn thương chân lại bị gãy cả gọng xe.

4. Hoặc đi thụt lui không chịu đi tới.

5. Hoặc chạy ngoài lề đường phá hỏng cả bánh và trục xe.

6. Hoặc có con không sợ người đánh xe, cũng không sợ roi vọt, cứ la rống nhảy nhót, không kiềm chế được.

7. Hoặc hai chân đứng dựng lên như người, phun nước miếng.

8. Hoặc nằm ngửa, chống 4 chân lên trời13.

Đó là 8 loại ngựa dữ. Sau đây là 8 loại người dữ:

1. Có Tỳ-kheo bị cử kiến, văn, nghi tội, lại nói: tôi không nhớ, tôi không nhớ.

2. Hoặc không nói phạm, không nói không phạm đứng nín thinh.

3. Hoặc nói: Trưởng lão tự mình cũng phạm tội làm sao có thể trừ tội cho người khác.

4. Hoặc nói: Trưởng lão ngu si, cần phải học lại, mà muốn dạy tôi?

5. Hoặc nói chuyện không nhằm vào đâu, rồi giận dỗi ngược lại.

6. Hoặc không sợ chúng Tăng, cũng không sợ phạm tội, không chấp nhận lời nói của người cử tội, lại lấy tọa cụ để trên vai, bỏ đi ra, không thể khiển trách được.

7. Hoặc lật ngược y giữa chuùng, đưa tay lên nói lớn: "Các ông lại dám dạy tôi à?".

8. Hoặc nói: Trưởng lão không cho tôi y, bát, ngọa cụ, thuốc men, tại sao lại dạy tôi? Rồi xả giới, thôi tu, chấp nhận con đường tồi tệ nhất. Đến chỗ Tỳ-kheo khác nói: Tôi bỏ đạo không tu nữa, yù ông khoái lắm phải không.

Tám hạng người dữ này cùng với tám loại ngựa dữ kia không khác, đức Phật thương và lân mẫn họ.

---o0o---

C. HỎI ĐỂ KẾT THÚC

Các Đại đức, tôi đã tụng xong mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín giới đầu, lần đầu làm là phạm; bốn giới sau cho đến ba lần can gián. Tỳ-kheo nào

phạm bất cứ một pháp nào, biết mà che giấu, cần phải cưỡng bức cho Ba-lợi-bà-sa14 hành Ba-lợi-bà-sa xong, cho thêm sáu đêm Ma-na-đỏa15. hành Ma-na-đỏa xong, còn phải xuất tội. Cần phải giữa Tăng gồm hai mươi vị để xuất tội của Tỳ-kheo ấy. Nếu thiếu một vị, không đủ chúng hai mươi người mà xuất tội Tỳ-kheo ấy, thì tội của Tỳ-kheo ấy không được trừ các Tỳ-kheo cũng bị khiển trách. Như thế là hợp thức.

Nay hỏi, các Đại đức trong đây có thanh tịnh không ? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

GIẢI THÍCH:

Luật Tăng kỳ nói:

Đức Phật quở trách vị Tỳ-kheo che giấu là ngu si, đó là điều ác. Phạm giới còn không biết xấu hổ, tại sao ăn năn tội lỗi lại xấu hổ? Liền nói kệ rằng:

Che giấu bị đọa lạc,

Không giấu, thoát luân hồi.

Vậy khuyên người che giấu,

Đừng giấu, khỏi luân hồi.

Luật Thiện kiến nói:

Ma-na-đỏa, theo ngôn ngữ nhà Hán gọi là chiết phục cống cao, cũng gọi là hạ ý. Hạ ý tức là vâng lời chúng Tăng.

A-phù-ha-na: Theo ngôn ngữ nhà Hán gọi là kêu vào, cũng gọi là bạt tội. Tại sao gọi là kêu vào bạt tội? Cùng nhau đồng Bố-tát thuyết giới, tự tứ, cùng chung pháp sự, cho nên gọi là kêu vào bạt tội.

Tát-bà-đa ma-đắc-lặc-già nói:

Hạ ý đối với tất cả Tỳ-kheo gọi là Ma-na-đỏa, còn từ chỗ không thiện đưa đến chỗ thiện gọi là A-phù-ha-na.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói:

Ma-na-đỏa, theo nhà Tần nói là ý hỷ. Tự mình hoan hỷ, cũng khiến cho chúng Tăng hoan hỷ. A-phù-ha-na: tức là thanh tịnh giới sanh, đắc tịnh giải thoát, ở trong giới này thanh tịnh không phạm.

BIỆN MINH:

Hỏi:- Xuất tội cho người phạm thiên thứ hai phải đủ chúng 20 người. Nay cách đức Phật đã quá xa, luật pháp bỏ hoang từ lâu rồi, giả như người phạm tội này, không có đủ 20 vị Tăng, làm sao xuất tội được?

Đáp: - Tuy không đủ 20 vị Tăng "khả dĩ" để xuất tội, nếu có 4 vị Tăng thanh tịnh cũng có thể như pháp, tác pháp Yết-ma, Ma-na-đỏa, Phú tàng bổn nhật trị v.v... nương nơi pháp thi hành, sau đó gặp trường hợp đủ 20 vị Tăng, lại cầu xuất tội. Giả như cuối cùng không có đủ được, cũng gọi là thanh tịnh, như trong pháp trị tội đã nói rõ.

Thiên thứ hai nói xong về 13 pháp Tăng tàn.

---o0o---

III. HAI PHÁp BẤT ĐỊNH

Cũng chia làm 3 phần: Nêu chung, liệt kê riêng và hỏi để kết thúc.

A. NÊU CHUNG

Thưa các Đại đức, đây là hai pháp Bất định xuất từ Giới kinh, nửa tháng tụng một lần.

B. LIỆT KÊ RIÊNG: chia làm hai:

1) Pháp bất định – thuộc 3 trường hợp

Đây là tánh tội, Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào cùng với một người nữ một mình ngồi tại chỗ khuất, chỗ kín, chỗ có thể hành dâm, nói lời phi pháp, có vị Ưu-bà-di trụ tín nói một pháp nào trong ba pháp, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, và Tỳ-kheo ngồi ấy tự xác nhận: "Tôi phạm tội ấy". Vậy cần xử trị một trong ba pháp, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, đúng như lời Ưu-bà-di trụ tín. Cần phải như pháp xử trị Tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp Bất định.

NGUYÊN DO16:

Ca-lưu-đà-di cùng với vợ của người bạn thân tên Trai ưu-bà-di, để ý lẫn nhau. Đến giờ khất thực Ca-lưu-đà-di tới nhà người ấy cùng ngồi một giường, nói lời phi pháp. Tỳ-xá-khư Mẫu nghe nói dòm thấy, bạch Phật, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Một mình: tức là một Tỳ-kheo và một người nữ.

- Khuất và kín có hai loại:

- Khuất không thấy do bụi, sương và bóng tối.

- Không nghe tức ở chỗ mà tiếng nói thường không nghe được.

Chỗ ngăn cách: hoặc do cây, hoặc do vách tường hoặc do rào dậu, hoặc áo và các vật khác làm vật ngăn che.

Trụ tín Ưu-bà-di: tức là người thọ Tam quy và Ngũ giới, nhớ sự việc tốt không nhầm lẫn, không quên mất.

Tát-bà-đa tỳ-bà-sa nói:

Người Ưu-bà-di khả tín, tức laø người mà có kẻ nói rằng: "Nếu bà chịu nói láo thì không hại mạng sống của bà, nếu bà không nói láo thì bà bị giết". Người ấy liền nghĩ: "Ta không nói láo, chỉ hại thân này, mất một thân mà thôi. Nếu ta nói láo thì hại vô lượng thân, kể cả Pháp thân, vậy thề không nói láo". Lại có người nói: "Nếu bà chịu nói láo thì cha mẹ, anh em, chị em, tất cả họ hàng của bà đều được sống. Nếu bà không nói láo thì tất cả bị giết". Người ấy suy nghĩ: "Ta không nói láo thì chỉ hại thân tộc trong một đời. Nếu

ta nói láo thì trôi lăn trong ba đường ác, hằng mất thân tộc quyến thuộc nhiều đời trong cõi nhơn và thiên. Lại mất cả dòng họ hiền Thánh nơi cõi xuất thế nữa. Vậy, thề không nói láo". Lại có người nói: "Nếu bà chịu nói láo sẽ cho bà tất cả tài lợi kể cả trân bảo. Nếu bà không nói láo thì không cho bà của ấy". Người ấy liền nghĩ: "Ta không nói láo chỉ mất tài lợi trong thế gian này mà thôi, nếu ta nói láo thì mất pháp tài của Thánh. Vậy, thề không nói láo". Người như vậy gọi là Ưu-bà-di khả tín.

TUỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu Tỳ-kheo tự nói: "Tôi có trên đường đi đến chỗ đó; tôi có đến chỗ đó, tôi có ngồi, tôi có nằm, tôi có làm như vậy", thì nên như Tỳ-kheo nói mà xử trị. Nếu Tỳ-kheo không tự nói: Có làm, có nằm, có ngồi, có đến chỗ đó, chỉ nói có trên đường đến chỗ đó. Địa điểm đến, ngồi, nằm v.v... thì nên như lời Ưu-bà-di nói mà xử trị. Vì là thuộc về pháp không định nên gọi là pháp Bất định.

Luật Thập tụng nói:

Nếu Tỳ-kheo không tự nói có tội như vậy, thì nên tùy theo lời nói khả tín của Ưu-bà-di nói mà tác pháp Yết-ma thật mích tội. Tác pháp xong nên tùy thuận mà thi hành, không được trao giới Cụ túc cho người khác v.v... Nếu không như pháp thực hành thì trọn đời không được xả Yết-ma này.

Tát-bà-đa tỳ-bà-sa nói:

Tác Yết-ma rồi, nếu nói tội trước, nên giải Yết-ma, tùy theo tội nhẹ nặng mà trị. Nếu không nói tội thì trọn đời không giải Yết-ma ấy.

2) Pháp bất định – thuộc 2 trường hợp

Duyên khởi tức là nguyên do, đồng như giới trước.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào cùng một người nữ ngồi tại chỗ trống, chỗ không thể hành dâm, nói lời thô tục, có vị Ưu-bà-di trụ tín nói, một trong hai pháp, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, và Tyø-kheo ngồi ấy tự xác nhận: "Tôi phạm tội ấy". Vậy cần xử trị một trong hai pháp, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa,

hoặc Ba-dật-đề, đúng như lời của vị Ưu-bà-di trụ tín. Cần phải như pháp xử trị Tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp Bất định.

C. HỎI ĐỂ KẾT THÚC

Các Đại đức, tôi đã tụng hai pháp Bất định.

Nay hỏi, các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Thiên thứ ba nói về hai pháp Bất định xong.

---o0o---

IV. BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA

Cũng chia làm 3 phần: Nêu chung, liệt kê riêng và hỏi để kết thúc.

A. NÊU CHUNG

Thưa các Đại đức, đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề xuất từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

GIẢI THÍCH:

Ni-tát-kỳ: Hoa dịch là Xả. Ba-dật-đề dịch là Đọa. Nghĩa là 30 việc này đều do nơi tài vật mà phạm tội. Vật này phải xả. Tội Ba-dật-đề phải sám hối để trừ.

B. LIỆT KÊ RIÊNG: 30 VIỆC.

Từ giới thứ nhất y dư, cho đến giới thứ 30 là xoay vật của Tăng về cho mình.

---o0o---

1. GIỚI CHỨA Y DƯ

Đây thuộc về giá tội. Đại thừa vì chúng sanh, tuy không đồng học, nhưng cũng phải thuyết tịnh.

Bộ Tri môn cảnh huấn nói:

Luận Trì địa gọi Bồ-tát đối với tất cả những gì dư thừa mà cất chứa, đều là chẳng phải tịnh. Để cho tâm được thanh tịnh, nên dâng cho mười phương các đức Phật, Bồ-tát. Như Tỳ-kheo đem y vật hiện tiền dâng hiến cho Hòa thượng, A-xà-lê v.v...

Kinh Niết-bàn nói:

Tuy cho phép nhận để chứa, nhưng cốt yếu phải tịnh thí đến người Đàn-việt ngoan đạo. Thời nay vấn đề giảng dạy, học hành chỉ chuyên nghĩ đến lợi danh, không hổ thẹn đối với năm món tà17, phần nhiều chứa cất 8 thứ nhơ nhớp18. Chỉ chạy theo nếp sống phù phiếm của thế tục, không nhớ lời Thánh dạy. Sau khi thọ giới, trải qua nhiều hạ lạp, đối với tịnh pháp chưa hề thấm vào người, dù chỉ một giọt. Đâu biết tất cả vật dụng dùng hằng ngày, đâu không phải là vật nhơ nhớp. Rương đãy cất chứa đều là tài vật phạm tội, khinh pháp dối lòng, tự để lại điều tai hại kia; người học Luật biết mà cố ý phạm. Các Tông khác vốn không còn gì để nói. Ai biết quả báo theo tâm mà thành tựu, đâu tin quả do nhân mà có. Đời này áo cà-sa không còn mặc, mai sau tấm sắt bao thân. Làm người thì sanh vào chỗ bần cùng, áo chăn nhớp nhúa. Làm súc sanh thì đọa vào chỗ bất tịnh, lông cánh hôi tanh. Huống là Đại, Tiểu hai thừa đều gọi là tịnh pháp. Giả như có lòng tin sâu đậm, taïi sao ngại việc phụng hành? Cho nên Phụ hành ký của ngài Kinh Khê ghi: "Có người nói các vật sở hữu, khởi ý tưởng không phải của mình, có ích thì dùng, thuyết tịnh làm gì?" Nay xin hỏi: Tất cả đều không phải là của mình, đâu không ở nơi bốn biển? Có ích thì dùng, sao không gởi thẳng nơi hai thứ ruộng (bi điền và kính điền) mà đóng kín cửa phòng, niêm phong rương tráp? Nếu nghĩ rằng vật đó là của người khác mà thọ dụng thì chắc chắn có tội. Còn nếu xem đó là vật của mình, thì sao không thuyết tịnh19? Thuyết tịnh để thí xả, đối với lý ngại gì? Không nghĩ là của mình, để hậu sanh noi gót. Nên biết người không thuyết tịnh, rất trái với lời Phật dạy. Không thuộc về hai thừa, chẳng ở trong ba căn20, xuất gia như thế ấy, đâu không phải là hư đốn?

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, y đã xong, Ca-thi-na y đã xả, cất chứa y dư, trong 10 ngày không tịnh thí được phép chứa; Nếu quá 10 ngày, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO21:

Đức Phật cho phép Tỳ-kheo chứa ba y[2], không được dư. Lục quần Tỳ-kheo chứa y dư, hoặc sắm y buổi sáng, y buổi trưa, y buổi xế, nên mới chế cấm. Tôn giả A-nan nhận được một y phấn tảo, muốn tặng ngài Ca-diếp. Ngài Ca-diếp lúc ấy không có ở nhà. Tôn giả A-nan bạch Phật. Phật hỏi: Ngài Ca-diếp lúc nào về? Được trả lời: Sau 10 ngày. Phật cho phép chứa để 10 ngày.

Kiền-độ nói về y22, ghi rằng:

Đức Phật thấy các Tỳ-kheo trên đường đi, mang theo nhiều y vật. Đức Phật nghĩ: Nên định số lượng cho y, không nên chứa quá nhiều.

Lúc bấy giờ, đầu đêm đức Phật mặc cái y thứ nhất giữa đêm cảm thấy lạnh, Ngài mặc cái y thứ hai, cuối đêm cảm thấy lạnh, Ngài lại mặc cái y thứ ba, bèn thấy an ổn. Do vậy Ngài cho phép các Tỳ-kheo chứa ba y, không được nhiều hơn.

Luật Tăng kỳ nói:

Các đệ tử của Ta đều dùng ba y, đủ ngăn lạnh và ngừa nóng, tránh khỏi mòng muỗi, che kín sự tàm quý, không làm hư hoại giống Thánh. Nếu không chịu nổi sức lạnh thì cho phép loại y cũ tùy ý may nhiều lớp.

GIẢI THÍCH:

Y đã xong: tức là 3 y đủ. Y Ca-thi-na: Hoa dịch là y công đức. Văn sau có giải rõ. Trường y: tức là dài tám ngón tay của đức Như Lai, rộng 4 ngón tay (dài 1 thước 6 tấc, rộng 8 tấc, có thể may 3 y điều cách).

Luật nhiếp nói:

Nên biết 3 y, việc sử dụng chúng khác nhau. Khi làm việc, lúc đi đường, và ở trong chùa, thường dùng y 5 điều. Khi hành lễ, lúc ăn uống, nên đắp y 7 điều. Để ngăn lạnh, vào xóm làng khất thực, thọ trai, lễ tháp nên mặc đại y. Hai loại y sau nên cắt rọc mà may. Nếu là kẻ nghèo, cái sau chắc chắn phải cắt rọc.

Luận Tát-bà-đa nói:

Chín mươi sáu nhóm ngoại đạo, không có pháp tịnh thí. Đức Phật dùng sức phương tiện Đại từ bi dạy cho pháp tịnh thí, khiến các đệ tử được chứa của dư mà không phạm giới.

Hỏi: - Tại sao đức Phật không trực tiếp cho phép chứa của dư mà lại cưỡng cho kiết giới, thiết lập phương tiện này?

Đáp: - Phật pháp lấy thiểu dục làm gốc, cho nên kiết giới không cho chứa của dư. Chúng sanh căn tánh không đồng, hoặc có người cất chứa dự trữ nhiều, sau đó hành đạo mới chứng đặng Thánh pháp, cho nên đức Như Lai, trước hết vì họ kiết giới, sau mới thiết lập phương tiện. Đối với Chánh pháp không có gì ngại, và khiến chúng sanh được
lợi ích.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trong vòng 10 ngày được y, có ngày được, có ngày không được, đến ngày thứ 11, tướng mặt trời xuất hiện, đều phạm tội Xả đọa. Hoặc tịnh thí, hoặc không tịnh thí, sai cho người, hay mất, cũ hư, làm vật phi y, tác ý thân hậu mà lấy, hay quên mất y v.v... cũng vậy.

(Tịnh thí nghĩa là thật cho người, hoặc hướng về người khác thuyết tịnh. Khác với điều này gọi là không tịnh thí. Sai cho người tức là triển chuyển tịnh thí. Mất tức là bị ăn trộm và lìa y ngủ v.v... Cũ hư tức là bị mục nát... Làm vật phi y tức là vật dụng khác. Tác ý thân hậu lấy nghĩa là bị thân hậu lấy đi. Trong trường hợp này từ ngày thứ nhất, được y rồi, cho đến ngày thứ 10, trong thời gian 10 ngày đó, hoặc có ngày được y, hoặc có ngày không được y, những cái được ấy, hoặc tịnh thí, hoặc không tịnh thí v.v... chỉ lấy thế lực ngày thứ nhất được y, trong 10 ngày đó gọi là y dư được chứa, cho đến ngày thứ 11, tướng mặt trời xuất hiện, đều phạm Xả đọa. Ví như đặng một vật trước, tùy theo đó tác tịnh thí v.v... thì không nên tính là vật dư, cách sau một ngày, hoặc lại được y, ngày đó mới được tính là ngày thứ nhất, được tùy ý chứa cho đến ngày thứ 10 đều không phạm vậy).

Nếu y Xả đọa mà không xả, đem đổi lấy y khác thì mắc một tội Xả đọa, một tội Đột-kiết-la. Y này phải xả giữa Tăng, hoặc chúng nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng (Tùy theo trú xứ đó nhiều người hay ít

người, nên tập họp lại một chỗ sau đó mới xả). Nếu xả mà không thành xả, phạm tội Đột-kiết-la.

Nên đến giữa Tăng, trật vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng lên Thượng tọa, chấp tay, quỳ gối baïch như sau:

"Đại đức Tăng, xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo tên... có chứa y dư, quá 10 ngày, phạm Xả đọa. Nay tôi xả cho Tăng".

Xả y rồi phải sám hối. Vị nhận làm sám hối nên nói:

"Đại đức Tăng, xin lắng nghe, Tỳ-kheo tên... cố ý chứa y dư, phạm Xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp nhận, tôi làm người nhận sám hối cho Tỳ-kheo... Đây là lời tác bạch".

Đương sự nên hướng đến vị này bạch rằng:

"Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ-kheo tên... cố ý chứa y dư, phạm Xả đọa. Y đã xả giữa Tăng rồi. Đây thuộc về tội Ba-dật-đề, nay theo Đại đức sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối không an vui. Ghi nhận tôi là người phạm mà phát lồ, biết mà không che giấu. Đại đức ghi nhận cho rằng: Tôi trong sạch giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bố-tát". Nói như vậy ba lần.

Vị nhận sám hối nên nói với người ấy rằng:

"Tự trách tâm ông". Đương sự trả lời: "Vâng".

Trường hợp Tăng đông nhiều, khó tập hợp, Tỳ-kheo này muốn đi xa, nên hỏi vị ấy rằng: Y này ngài muốn cho ai? Tùy theo họ nói mà cho người ấy. Tăng liền trả y này lại cho Tỳ-kheo ấy. Bạch nhị Yết-ma như sau mà trả:

"Đại đức Tăng, xin lắng nghe. Tỳ-kheo tên... cố ý chứa y dư, phạm Xả đọa. Nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y này cho Tỳ-kheo kia tên... Tỳ-kheo kia tên... nên trả y lại cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch".

Sau khi tác Yết-ma, nếu xả rồi mà không trả lại, phạm Đột-kiết-la. Nếu có người nói: Đừng trả. Người ấy phạm Đột-kiết-la. Hoặc làm pháp tịnh, hoặc sai cho người khác, hoặc đem may ba y, hoặc may y ba-lợi-ca-la23 (Luật

Thiện kiến nói: Châu-la-ba-lợi-ca-la Tỳ-kheo-ni, Hán gọi là Tạp toái y 'Tăng-già-lê'), hoặc cũ hư, hoặc bị cháy, hoặc tác phi y, hoặc mặc mãi cho hư rách, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa.

Không phạm: Trong vòng 10 ngày, tịnh thí, sai cho người khác, hoặc tưởng là bị cướp mất, bị cháy, bị trôi v.v... Không tịnh thí, không sai cho người khác mà không phạm là người nhận sự phú chúc của y bị qua đời, đi xa, thôi tu, nạn giặc, thú dữ hại, nước trôi.

Kiền-độ y nói:

Y của chúng Tăng quá 10 ngày không phạm Xả đọa.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu vì Phật vì Tăng cúng dường, vật sưu tầm tập hợp lại một chỗ, tuy lâu chưa dùng đến không phạm.

Luật nhiếp nói:

Nếu vì Tam bảo chứa y, không phạm. Hoặc thí chủ nói: "Đây là vật của tôi, nhơn giả sẽ thọ dụng", tuy không phaân biệt mà dùng không phạm (tức là thuyết tịnh rồi vậy).

Luật Căn bản nói:

Nếu phạm xả đọa, không xả maø không nói lên sự ăn năn; hoặc tuy nói lên sự ăn năn mà không để cách qua một đêm, tùy theo chỗ nhận được đều thành Xả đọa, do tiền nhiễm vậy. Nếu xả y, thuyết hối, trải qua đêm rồi, được thí đều không phạm.

Luật Ngũ phần nói:

Không được xả cho người khác và cho phi nhơn. Xả rồi, vậy sau mới sám hối. Nếu không xả, không sám hối, tội càng sâu dày.

Trừ chứa 3 y, nếu chứa y khác cho đến khăn tay, quá 10 ngày đều phạm Đột-kiết-la. Nếu tịnh thí thì không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu ngày đầu được y, liền ở trong trường hợp bất kiến tẫn, bất tác tẫn (tức là chẳng sám hối mà cử tội), ác tà bất xả tẫn, hoặc cuồng tâm, loạn tâm, bệnh hoại tâm, chưa giải tẫn, tâm thần chưa ổn định, cho đến mạng chung, không phạm giới này. Sau khi giải tẫn, ổn định tâm thần, từ đó kể ngày mà thành tội. Nếu ngày đầu được y, liền vào thiên cung, đến Uất-đơn-việt ở, người đó đến trọn đời không phạm giới này. Sau trở về bổn xứ, kể từ ngày đó mà thành tội. Nếu ngày đầu được y cho đến 5 ngày sau bất kiến tẫn v.v... sau giải tẫn, tâm thần ổn định, lấy 5 ngày trước, tính thêm sau 5 ngày, sau đó mới thành tội.

---o0o---

2. GIỚI LÌA Y NGỦ

Đây là thuộc tội ngăn ngừa, Đại thừa đồng chế. Thuộc về 18 vật.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, y đã xong, Ca-thi-na y đã xả, lìa một trong ba y ngủ đêm chỗ khác, trừ Tăng Yết-ma, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO24:

Lục quần Tỳ-kheo, du hành trong nhơn gian, đem y gởi cho Tỳ-kheo thân hữu. Thân hữu thường thường đem phơi. Các Tỳ-kheo hỏi biết việc ấy, bạch Phật, kiết giới. Khi ấy, có một Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ lở, có việc cần muốn đi trong nhơn gian, vì phấn tảo Tăng-già-lê quá nặng không thể mang theo được. Đồng bạn bạch Phật, Phật cho phép Tăng bạch nhị Yết-ma, kiết không mất y cho Tỳ-kheo bệnh.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu để y trong Tăng-già-lam, ngủ dưới gốc cây, hay là chỗ khác, đến khi mặt trời xuất hiện, tùy theo chỗ lìa y, phạm Xả đọa. Để y chỗ khác, ngủ nơi Tăng-già-lam cũng vậy. Trừ ba y, lìa y khác phạm Đột-kiết-la. Xả rồi, sám hối... đồng như giới trước. Tăng nên bạch nhị Yết-ma trả y lại cho Tỳ-kheo này. Nếu không trả, cho đến mặc hư rách, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa.

Không phạm: Minh tướng chưa xuất, tay rờ đụng y, hoặc niệm xả y, hoặc đến chỗ có thể liệng cục đá đụng chỗ để y v.v... (giới hẹp của y là tay rờ đụng y, giới rộng của y là ném cục đá đến chỗ đó, tức gọi là không lìa y. Hoặc không rờ đụng y, ném cục đá cũng không đến chỗ đó, phải kịp thời khi tướng mặt trời chưa xuất hiện, khởi ý nghĩ là y bị mất. Bởi vì y bị mất 'xả y' thì chỉ mắc tội Đột-kiết-la vì thiếu y ; không xả y thì phạm tội Ni-tát-kỳ vì lìa y, cho nên tránh tội nặng mà nhận lấy tội nhẹ vậy).

Luật Thiện kiến nói:

Yết-ma là cho phép khi bệnh chưa lành, được lìa y mà ngủ. Nếu Tăng làm Yết-ma rồi, lìa y đến phương khác, bệnh lành muốn trở về, trên đường đi gặp nạn không về được, mà luôn luôn có ý nghĩ trở về thì tuy bệnh mạnh rồi nhưng không mất y; nếu quyết định không có ý trở về thì mất y, qua 10 ngày phạm tội trường y (chứa y dư). Nếu đến phương khác bệnh lành, trở về đến chỗ để y, bệnh phát trở lại, mà muốn đến phương khác thì nương theo Yết-ma trước khỏi phải Yết-ma lại.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu ba y vá chằm nhiều lớp nặng, tìm nhân duyên nào đó, để chia ra đem đi, gọi là không lìa y ngủ.

Căn bản tạp sự nói:

Nếu tạm thời đến chỗ khác rồi về liền thì khỏi mang y theo. Lại nói trường hợp định đi rồi trở về, nhưng đến nơi đó trời đã chiều tối, thời gian trở về thuộc về ban đêm, sợ bị trùng, tặc làm tổn hại, trường hợp như vậy, nên ở lại ngủ nơi đó, không nên đi ban đêm. Y đang thọ trì nên tâm niệm xả, có thể đến nơi người đồng phạm hạnh gần đó tạm mượn ba y khác để cho đủ số mục.

Luật Tăng kỳ nói:

Tùy theo chỗ đến mà đầy đủ 3 y và bình bát để khất thực. Ví như 2 cánh của con chim thường dính theo thân nó vậy.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Đã nói rằng y bát thường đủ, như hai cánh của con chim, tại sao lìa y kiết tội, lìa bát không kiết tội?

Đáp: - Y là để che thân, bát là để khất thực, cả hai nên luôn có theo mình. Nhưng ở trong Tăng hằng ngày thường ăn, hay lúc thọ thỉnh, không thể không dùng bát của mình còn y thì đứng về mặt lý thì không thể lìa được. Cho nên có kiết không kiết là vậy.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU

HẾT QUYỂN THỨ TƯ

---o0o---

1 Tứ phần luật 3, tr. 584a16, Đại 22n1428.

2 Tứ phần luật 3, tr. 586b, Đại 22n1428.

3 Tứ phần luật 3, tr. 587a25, Đại 22n1428.

4 Tứ phần luật 4, tr. 589b11, Đại 22n1428.

5 Tứ phần luật 4, tr. 591c16, Đại 22n1428.

6 Tứ phần luật 46, phấn thứ ba Kiền-độ pháp Tăng, tr. 909b08, Đại 22n1428.

7 Thường sở hành, phi thường sở hành: Thường sở hành là chỉ cho tám chi Thánh đạo. Phi thường sở hành là 5 điểm của Đề-bà-đạt-đa.

8 Tứ phần luật 5, tr. 595c, Đại 22n1428.

9 Tứ phần luật 5, tr. 596c17, Đại 22n1428.

10 Thường lạp 常臘 và Diện môn lạp 面?門臘: Thường tức chỉ vật của Tăng thường trụ. Diện môn tức chỉ cho vật của Tăng hiện tiền. Còn lạp là chỉ cho vật tự tứ, vật tháp Phật, tất cả gọi chung là lạp. Ở đây không rõ nghĩa nào.

11 Tứ phần luật 5, tr. 599a16, Đại 22n1428.

12 Tứ phần luật 60, phần thứ tư chương Tỳ-ni tăng nhất, tr. 1010a07, Đại 22n1428.

13 Câu này ngài Trí Húc trích dẫn nhầm. Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 4, tr. 377c12, Vạn 40n719: "Hoặc phản tồn ngọa 或?反蹲臥". Tứ phần luật 60, phần thứ tư Tỳ-ni tăng nhất, tr. 1010a19, Đại 22n1428: "Hoặc tồn hoặc ngọa 或?蹲或?臥." Dịch: (có loại ngựa dữ khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới), nó lại ngồi hay nằm xuống.

14 Ba-lợi-bà-sa 波利婆沙Å: Skt. Parivāsa, theo Tứ phần luật thì Ba-lợi-bà-sa được dịch là "phú tàng", theo Tăng kỳ thì dịch là "biệt trụ". Theo hai nghĩa này thì người phạm vào tội Tăng tàn mà che giấu tội, thì cứ tùy theo ngày che giấu tội bao nhiêu mà thi hành biệt trụ bấy nhiêu ngày theo đó, không được cùng ở chung với Tăng.

15 Ma-na-đỏa 摩那埵: Skt. Mānatta, nghĩa là ý vui (ý hỷ hay duyệt). Tỳ-kheo nào phạm tội Tăng tàn (không che giấu tội) thì phải hành sáu đêm Ma-na-đỏa sám hối, nhờ vậy mà tẩy trừ tội lỗi, mình vui và người cũng vui.

16 Tứ phần luật 5, tr. 600b, Đại 22n1428.

17 Năm món tà: Tỳ-kheo vì cuộc sống mà mưu làm không như pháp sự, nên gọi là tà mạng. Có 5 món tà: 1) Đối với người thế tục trá hiện dị tướng, kỳ đặc tướng để cầu lợi dưỡng. 2) Tự nói công năng và công đức của mình với mục đích cầu lợi dưỡng. 3) Xem tướng tốt xấu, học bói toán mà nói sự kiết hung của người vì cầu lợi dưỡng. 4) Lớn tiếng ra oai, đại ngôn thêu dệt, thể hiện ra oai với mục đích tìm cầu lợi dưỡng. 5) Nói lên những điều đắc lợi của mình để động tâm người, cũng vì tìm cầu lợi dưỡng.

18 Tám thứ nhơ nhớp: 1) Đặt mua nhà cửa ruộng đất. 2) Trồng trọt. 3) Dự trữ tích chứa lúa gạo. 4) Nuôi dưỡng nô tỳ. 5) Nuôi dưỡng súc vật. 6) Tích chứa vàng bạc, tiền của, châu báu. 7) Tích chứa ngà voi chạm khắc cùng các vật khác. 8) Tích chứa đồ đồng, đồ thiết, vạc chõ dùng để tự nấu nướng. Đó là 8 thứ nhơ nhớp bất tịnh Tỳ-kheo không được phạm vào.

19 Thuyết tịnh: Skt. Vikalpa, Pāli. vikkpa, nghĩa khác "tịnh thí", "tác tịnh", ngài Nghĩa Tịnh dịch "phân biệt", tức hợp thức hoá, hợp pháp hoá.

20 Ba căn: chỉ cho ba độc tham, sân, si. Ba cái này thường sanh ra nghiệp ác, cho nên gọi là căn. Nhưng ba căn ở đây chỉ cho ba căn Vô lậu là Giới, Định, Tuệ.

21 Tứ phần luật 6, tr. 601c, Đại 22n1428.

22 Tứ phần luật 40, phần thứ ba Kiền-độ y, tr. 856c25, Đại 22n1428.

23 Y ba-lợi-ca-la 波利迦羅衣Â: Skt=Pāli. parikara, giây đai, giây nịt, để buộc y phục. (cht. Tứ phần luật, HT. Thích Đỗng Minh dịch).

24 Tứ phần luật 6, tr. 603a, Đại 22n1428.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 5

3. GIỚI CHỨA Y QUÁ MỘT THÁNG

Đại thừa vì chúng thì không phạm, tự làm cho mình cũng phạm.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, y đã xong, Ca-thi-na y đã xả, nếu Tỳ-kheo được vải phi thời, cần thì nhận; nhận xong nhanh chóng may thành y, đủ thì tốt, không đủ thì được phép chứa 1 tháng vì đợi cho đủ; nếu chứa quá hạn, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO1:

Có Tỳ-kheo, y Tăng-già-lê bị hư rách, trong 10 ngày không thể may xong, sợ phạm giới trước. Đồng bạn bạch với Phật, nhân ấy Phật cho phép cất

chứa cho đến khi may xong đầy đủ. Lục quần có y phấn tảo và các loại y khác, cùng loại vải không đủ, nên lấy một phần trong y phấn tảo giặt nhuộm, may phủ lên bốn góc để tác tịnh, đem y ấy gởi cho các Tỳ-kheo thân hữu rồi đi du hành trong nhơn gian.
Lâu ngày không thấy trở lại, người nhận gởi đem phơi. Các Tỳ-kheo thấy hỏi, biết sự việc, bạch Phật, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Thời của y: tức là không có lễ thọ y Ca-thi-na thì sau ngày Tự tứ một tháng, nếu có lễ thọ y Ca-thi-na thì sau ngày Tự tứ năm tháng. Không phải thời của y tức là quá thời hạn này.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trong 10 ngày, đồng loại của y đủ nên cắt may thành y liền, hoặc tịnh thí, hoặc sai cho người. Không làm như vậy, đến ngày thứ 11, mặt trời xuất hiện, tùy theo số lượng y nhiều ít, mắc tội Xả đọa. Nếu đồng loại của y không đủ đến ngày thứ 11, đồng loại của y đủ, nên phải cắt may như trước. Không làm như vậy, qua ngày thứ 12, khi mặt trời xuất hiện, tùy theo y nhiều ít mắc tội Xả đọa. Cho đến ngày thứ 29 cũng vậy. Nếu đến ngày thứ 30, đủ hay không đủ, đồng hay không đồng, ngày ấy cũng phải cắt may cho xong. Không vậy qua đến ngày thứ 31, khi mặt trời xuất hiện đều mắc tội Xả đọa. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu ngày 29, y trông mong được tốt mịn, còn y trước thô. Y trước nên thuyết tịnh, y mới được đó, được phép để lại một tháng, vì chờ đủ cùng loại mịn. Nếu y mong được thô, được phép đình lại một tháng. Như vậy triển chuyển2 tùy theo sở thích, mong muốn cùng loại, nhưng đừng để quá một tháng.

---o0o---

4. GIỚI LẤY Y CỦA NI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Đây thuộc về giá tội. Đại thừa không luận là bà con hay không phải bà con, chỉ quán sát nên nhận hay không nên nhận. Song ở vào đời mạt pháp cần tránh sự tị hiềm.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, trừ đổi chác, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO3:

Có một Tỳ-kheo mặc y Tăng-già-lê cũ rách, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc thấy vậy, phát lòng từ mẫn, liền cởi chiếc y quý giá đang mặc đổi lấy cái y cũ rách đó. Sau đó mặc y cũ rách này đeán yết kiến Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, cho phép cô chứa đủ 5 y4 lành lẽ bền chắc, ngoài ra mới tùy ý cho kẻ khác. Taïi sao vậy? Phụ nữ mặc y phục lành lẽ còn không coi được, huống là y rách. Phật liền tập chúng kiết giới. Sau đó các Tỳ-kheo đều cẩn thận lo sợ, không dám nhận lấy y của Tỳ-kheo-ni bà con. Phật dạy: Nếu là bà con, nhưng phải biết được họ có khả năng hay không khả năng, có nên nhận hay không nên nhận, thì cho phép.

Lại nữa, trong Kỳ-hoàn, hai bộ Tăng được dâng y chia nhau, Tỳ-kheo nhận lộn y của Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni nhận lộn y của Tỳ-kheo. Ni đem đến trong Tăng-già-lam để đổi, Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn, mới cho phép trao đổi.

GIẢI THÍCH:

Bà con là cha mẹ, bà con cho đến bảy đời gọi là thân lý. Đổi chác là lấy y đổi y, lấy y đổi phi y, hoặc lấy phi y đổi y, như dao, chỉ, ống dựng kim cho đến một hoàn thuốc v.v...

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng mắc tội Đột-kiết-la.

(Sa-di lấy y của Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na và Sa-di-ni không phải là bà con đều mắc tội Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di ni lấy y của Tỳ-kheo, Sa-di không phải là bà con cũng đều phạm Đột-kiết-la).

Không phạm: là vì Tăng vì Phật mà lấy.

Luật Ngũ phần nói:

Đến Thức-xoa-ma-na và Sa-di ni không phải bà con mà lấy y đều mắc tội Đột-kiết-la. Nếu người bà con phạm giới, tà kiến, mà đến họ lấy y, mắc tội Đột-kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Không phải là bà con, tưởng không phải là bà con, hoặc sanh nghi đều phạm Xả đọa. Bà con tưởng không phải là bà con, hoặc nghi mắc tội ác tác.

Không phạm: Nếu Ni đem y đến cúng cho Tăng hoặc vì thuyết pháp cho nên cúng; hoặc vì khi thọ Cụ túc cho nên cúng, hoặc thấy bị giặc cướp cho nên cúng, hoặc ni nhiều lợi dưỡng đem y vật đến chỗ Tỳ-kheo, để dưới đất cầu thọ nhận, để đó rồi đi, nhận không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Lấy y đúng lượng mắc Xả đọa, lấy y không đúng lượng, các vật v.v... mắc Đột-kiết-la.

---o0o---

5. GIỚI SAI NI KHÔNG PHẢI BÀ CON GIẶT Y

Đại thừa đồng học. Mạt pháp rất nên lưu ý giới này.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, khiến Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt y, hoặc nhuộm, hoặc đập, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO5:

Ca-lưu-đà-di cùng với Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà để lộ hình mà ngồi, nhìn nhau với tâm dục, nên xuất thứ bất tịnh, nhớp y An-đà-hội. Ni ngỏ ý đem giặt, rồi lấy thứ bất tịnh để vào miệng và đường tiểu tiện. Sau đó có thai, các Ni gạn hỏi biết việc đó, bạch với các Tỳ-kheo, nhờ bạch lại Thế Tôn, đức Phật quở trách và kiết giới.

Lúc ấy các Tỳ-kheo đều sợ cẩn thận không dám bảo Ni bà con giặt, nhuộm, đập y cũ. Phật lại thêm câu "phi thân lý" (không phải bà con).

GIẢI THÍCH:

Y cũ là y kể cả chỉ mới mặc một lần.

Luật Thiện kiến nói:

Được phép bảo người con gái xuất gia, cho đến người cháu gái giặt; không được bảo người đàn bà có chồng rồi xuất gia, và người đàn bà nhỏ tuổi không phải bà con giặt.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Giặt, nhuộm, đập, mỗi việc một tội đọa. (Y thì chỉ xả một lần tức là tịnh, tội đọa thì có ba, phải sám hối). Bảo họ giặt, nhuộm, đập mà họ không giặt, nhuộm, đập thì mỗi việc một Đột-kiết-la. Bảo Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni không phải bà con, thì phạm Đột-kiết-la. Bảo Ni không phải bà con giặt, nhuộm, đập y mới phạm Đột-kiết-la; bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu vì hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) đem y bảo Ni giặt phạm tội Việt tỳ-ni. Vì tháp, Tăng bảo Ni giặt, nhuộm, đập không tội.

Luật Thập tụng nói:

Trước tự giặt sơ, bảo giặt kỹ lại đều phạm Đột-kiết-la.

Luận Tát-bà-đa nói:

Giới này y đúng lượng hay không đúng lượng tất cả đều phạm.

Luật Ma-đắc-lặc-già nói:

Bảo Ni không phải bà con giặt Ni-sư-đàn, phạm Xả đọa, giặt gối, mền v.v... phạm Đột-kiết-la.

PHỤ:

Luật nhiếp nói:

Y giặt sạch sẽ có 5 điều lợi:

- Trừ mùi hôi thối.

- Rận rệp không sanh.

- Thân không ngứa ngáy.

- Nhuộm dễ ăn màu.

- Có khả năng dùng được lâu.

Ngược lại, không giặt sạch sẽ y áo có 5 điều tổn thất. Mặc áo nhiễm sắc cũng có 5 điều lợi:

- Thuận với hình nghi của Thánh.

- Khiến cho xa lìa ngạo mạn.

- Khó bám bụi bặm.

- Không sanh rận rệp.

- Cảm giác mềm mại, dễ bảo vệ.

Lâu quá không giặt có 5 điều tổn thất:

- Mau rách.

- Khó chịu.

- Bực bội.

- Nhọc mệt.

- Ngăn cách thiện tâm.

Mặc y màu đẹp cũng có 5 điều tổn thất:

- Nuôi lớn lòng kiêu mạn buông lung, làm cho người ghét.

- Khiến cho người khác biết dáng điệu đẹp đẽ.

- Nhọc nhằn mới tìm được.

- Có khả năng trở ngại việc lành.

- Y thường nhuộm mau rách.

Đập nhiều cũng có 5 điều tổn thất như trên.

---o0o---

6. GIỚI XIN Y NƠI NGƯỜI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Đại thừa vì chúng sanh nên không đồng học, song phải tính xem thí chủ kham hay không kham (có khả năng hay không).

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt. Trường hợp đặc biệt là nếu Tỳ-kheo y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn. Đây gọi là trường hợp đặc biệt.

NGUYÊN DO6:

Thành Xá-vệ có một Trưởng giả đến xem cây cảnh trong vườn, quay xe trở lại tịnh xá Kỳ-hoàn gặp Bạt-nan-đà Thích tử, lễ kính xin nghe pháp. Bạt-nan-đà nói pháp khai hóa, Trưởng giả sanh lòng hoan hỷ, bèn hỏi: "Ngài cần gì?" Tôn giả nói: "Không cần gì". Trưởng giả cố hỏi. Được trả lời: "Thôi! Thôi! Điều tôi muốn ông không thể cho được." Trưởng giả tha thiết hỏi." Bạt-nan-đà trả lời: "Có thể cho tôi chiếc áo ông đang mặc?" Khi ấy, Trưởng giả chỉ mặc một chiếc áo lụa trắng, dài rộng, quý giá, nên Trưởng giả nói: "Sáng mai đến nhà tôi, tôi sẽ trao cho." Bạt-nan-đà cố đòi mãi. Trưởng giả mặc dù trong lòng không vui, nhưng vẫn cởi áo trao cho. Sau đó, lên xe, mặc một chiếc áo lót vào thành. Người giữ cửa thành nghi là bị giặc cướp. Trưởng giả nói rõ vấn đề. Nhân đây cư sĩ cơ hiềm, cho nên Phật chế giới cấm này. Từ đó các Tỳ-kheo cẩn thận sợ không dám đến bà con xin y, nên đức Phật lại thêm câu "phi thân lý" (không phải bà con).

Sau đó, ở nước Câu-tát-la có chúng Tỳ-kheo, an cư xong, thọ trì y bát, đến nơi Thế Tôn. Vì ban ngày trời nắng nóng không thể đi, nên đi ban đêm lạc đường, và bị bọn cướp lột cả y áo. Đến nơi, trần truồng đứng ngoài cửa Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo nghi là phái Ni-kiền-tử, báo cáo với ngài Ưu-ba-ly. Ngài hỏi, biết rõ vấn đề nên liền tạm mượn y cho các vị đó mặc để đến yết kiến đức Phật. Phật an ủi hỏi, được trình bày rõ nguyên nhân. Phật bèn chế cấm: Lõa hình mà đi phạm Đột-kiết-la.

Lúc bấy giờ, nên dùng lá cây, cỏ mềm để che hình. Nên đến chùa gần nhất, nơi đó có y dư nên mượn mặc. Nếu không có thì biết Tỳ-kheo bạn có y dư nên mượn mặc. Nếu Tỳ-kheo bạn không có, nên hỏi trong Tăng, có loại y nào nên chia. Nếu có nên chia cho. Nếu không, nên hỏi có ngọa cụ không? Nếu có nên chia cho, nếu không chia, nên tự mở kho xem, nếu có mền, đồ trải đất, áo mỏng, áo lót, nên trích ra để may y che thân, rồi ra ngoài xin y.

Khi ấy, các Tỳ-kheo không dám đem vật của trú xứ này đến trú xứ khác. Phật nói: "Được phép". Người kia khi được y khác rồi, y của Tăng không đem trả lại chỗ cũ. Phật nói: "Không nên làm như vậy. Nếu được y khác rồi nên giặt, nhuộm, vá lại
tử tế, để lại chỗ cũ. Nếu không làm như vậy, như pháp trị".

Khi ấy, có Tỳ-kheo y bị đoạt, bị cháy, bị trôi, cẩn thận sợ không dám đến xin y nơi người không phải bà con. Phật nói: "Cho phép". Phật kiết giới này lại.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Xả-đọa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: hoặc vì người khác xin, người khác vì mình xin, không xin mà được v.v...

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu tự xin cho mình, bảo người xin, khởi ý tưởng nóng lạnh mà xin, thuyết pháp để xin nếu được đều phạm Xả đọa. Nếu xin đãy lọc nước, giẻ để vá y, vật trùm đầu, khăn che ghẻ, áo lót, một điều trong y, đều không phạm. Nếu xin vì hai thầy, mắc tội Việt tỳ-ni. Xin vì tháp, Tăng thì không phạm.

Luật Căn bản nói:

Khi xin, mắc tội ác tác, được y vật, hoặc trị giá, hoặc màu sắc, hoặc số lượng, tương ưng với mức lượng cần xin, phạm Xả đọa, không tương ưng thì không phạm.

Tỳ-bà-sa nói:

Hai người cùng xin một cái y, phạm Đột-kiết-la. Vì người xin, phạm Đột-kiết-la. Đặng y đúng lượng phạm Xả đọa, không đúng lượng của y phạm Đột-kiết-la. Đến bà con nghèo thiếu xin, phạm Đột-kiết-la. Cho ít lại đòi nhiều phạm Đột-kiết-la. Nếu không phải bà con, trước xin cúng y, sau nghèo thiếu không cúng được mà theo đòi, phạm Đột-kiết-la. Xin cho người cũng phạm Đột-kiết-la.

Ma-đắc-lặc-già nói:

Đến xin y loài phi nhơn, súc sanh, chư thiên thì không phạm.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Luật Tứ phần nói vì người khác xin không phạm. Luật Tăng kỳ và Tát-bà-đa đều kết tội Đột-kieát-la. Vậy nên theo bên nào?

Đáp: - Thấy người khác nghèo khổ mà sanh lòng từ mẫn, Tứ phần cho phép làm việc đó không có lỗi. Lợi dụng cái muốn của người khác mà vì mình tác phương tiện, Bà-sa sở dĩ kết thành tội, định đoạt vấn đề này là dựa vào tâm để bàn luận. (Tát-bà-đa có thể là Tỳ-bà-sa).

---o0o---

7. GIỚI NHẬN Y NHIỀU

Đây thuộc về giá tội, Đại thừa vì chúng sanh không đồng học, tùy theo sự bố thí nên thọ nhận.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn. Nếu có cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến đem cho nhiều y, yêu cầu tùy ý nhận. Tỳ-kheo ấy nên biết đủ để nhận y; nếu nhận quá, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO7:

Chúng Tỳ-kheo gặp giặc mất y, đi đến Kỳ-hoàn, có Ưu-bà-tắc đem nhiều y tốt đến, thỉnh các Tỳ-kheo tùy ý nhận. Tỳ-kheo có 3 y, nói rằng: "Không nhận". Lục quần nói: Tại sao không nhận rồi cho chúng tôi, hay là cho người khác. Các Tỳ-kheo bèn nhận rồi cho họ. Các vị thiểu dục hiềm trách, bạch Phật nên chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Nếu mất một y, không nên nhận. Nếu mất hai y còn một y, mà y ấy hoặc hai lớp, ba lớp, bốn lớp nên chia ra làm các loại y. Nếu ba y đều mất, nên nhận vừa đủ.

Tri túc có hai loại:

Một là tùy theo cư sĩ cúng mà nhận (không nên đòi hỏi nhiều).

Hai là đủ ba y (ngoài ba y không được nhận nhiều).

Nếu cư sĩ thỉnh tùy ý, cúng nhiều y, hoặc vải mịn, hoặc vải mỏng, hoặc vải không bền chắc, nên may thành hai lớp, ba lớp, bốn lớp. Phải may chừa đường viền. Trên vai nên lót miếng vải để ngăn mồ hôi. Nên may cái móc để cột dây (may khâu hoàn). Nếu còn dư, nói với cư sĩ: "Vải cắt còn dư này, làm gì?". Nếu Đàn-việt nói: "Tôi không phải cúng do việc mất y, mà tự tôi muốn cúng cho Đại đức". Vị kia nếu muốn nhận thì nhận.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Xả đoïa, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

8. GIỚI CẦU ĐƯỢC Y TỐT ĐẸP HƠN

Đại thừa đồng chế, tức là ác cầu đa cầu.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo để dành tiền sắm y, nghĩ rằng: "Mua y như thế cho Tỳ-kheo có tên như thế". Tỳ-kheo ấy trước không được yêu cầu tùy ý mà đi đến nhà cư sĩ, nói như vầy: "Lành thay cư sĩ. Nếu vì tôi mua y như vậy như vậy". Vì muốn đẹp, nếu nhận y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO8:

Có một Tỳ-kheo vào trong thành khất thực, đến nhà cư sĩ, nghe vợ chồng cư sĩ cùng bàn: "Sẽ sắm y quý giá cho Bạt-nan-đà". Vị ấy về báo với Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà hỏi, biết địa chỉ, sáng ngày đến đó nói rằng: "Nếu muốn cho tôi y, nên may rộng lớn, tốt đẹp, chắc bền như vậy, đúng là thứ y tôi thọ trì". Do đó, cư sĩ cơ hiềm nên Phật chế cấm.

Sau đó, có cư sĩ tự ý thưa rằng: "Đại đức cần loại y nào?" Tỳ-kheo trong ý nghi ngờ, không dám trả lời.

Lại có cư sĩ muốn sắm y quý giá, nhưng Tỳ-kheo tri túc muốn không nhận y như vậy, nhưng trong ý cũng nghi, không dám từ chối. Phật dạy: Trước đó có thưa thỉnh tùy ý thì không phạm.

GIẢI THÍCH:

Mong cầu có hai loại:

- Một là mong cầu về giá trị, cho đến chỉ thêm một đồng tiền nhỏ.

- Hai là cầu y, cho đến chỉ thêm một sợi chỉ.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Mong cầu mà được, phạm Xả đọa; không được, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Vì người khác mong cầu v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Nếu đến bà con đòi hỏi thứ tốt, phạm Đột-kiết-la.

Luật nhiếp nói:

Đến loại trời... xin, hoặc xin tơ lụa dư và miếng lụa nhỏ, không phạm.

---o0o---

9. GIỚI ĐÒI CHUNG NHAU SẮM Y

Nguyên do, phạm, không phạm v.v... đồng như giới trước.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, có hai nhà cư sĩ hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho Tỳ-kheo, đều nghĩ rằng: "Mang tiền sắm y như thế, để mua y như thế, cho Tỳ-kheo có tên như thế". Tỳ-kheo ấy trước chưa nhận được sự tự ý yêu cầu của hai nhà cư sĩ, mà đi đến nhà hai cư sĩ, nói như vầy: "Lành thay dành số tiền may y như thế cho tôi, hãy chung lại làm một y". Vì muốn đẹp, nếu nhận được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

---o0o---

10. GIỚI ĐÒI Y QUÁ SÁU LẦN

Đây thuộc về giá tội, đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, hoặc vua hoặc đại thần, hoặc Bà-la-môn, hoặc cư sĩ hay vợ cư sĩ, sai sứ giả mang tiền đến Tỳ-kheo, bảo rằng: "Hãy mang số tiền sắm y như thế cho Tỳ-kheo có tên như thế". Người sứ giả ấy đến chỗ Tỳ-kheo, nói với Tỳ-kheo rằng: "Đại đức, nay tiền sắm y nầy được gởi đến ngài, ngài hãy nhận". Tỳ-kheo ấy nên nói với sứ giả rằng: "Tôi không được phép nhận tiền may y này. Khi nào cần y hợp thời và thanh tịnh, tôi sẽ nhận". Người sứ giả này có thể hỏi Tỳ-kheo rằng: "Đại đức có người chấp sự không? Tỳ-kheo cần y nên nói: "Có". Và chỉ một tịnh nhơn Tăng-già lam, hoaëc một Ưu-bà-tắc, nói rằng: "Đó là người chấp sự của Tỳ-kheo, thường chấp sự cho Tỳ-kheo". Bấy giờ sứ giả đi đến chỗ người chấp sự, trao số tiền sắm y, rồi trở laïi chỗ Tỳ-kheo, nói như vầy: "Đại đức, tôi đã trao tiền sắm y cho người

chấp sự mà ngài chỉ. Đại đức, khi nào cần hãy đến người ấy sẽ được y". Tỳ-kheo khi cần y sẽ đến chỗ người chấp sự, hoặc hai lần, hoặc ba lần, khiến cho họ nhớ lại, bằng cách nói rằng: "Tôi cần y". Hoặc hai lần, hoặc ba lần như vậy, khiến cho họ nhớ lại. Nếu nhận được y thì tốt, bằng không thì bốn lần, năm lần, sáu lần đứng im lặng trước người ấy. Nếu bốn lần, năm lần, sáu lần đứng im lặng trước người ấy mà được y thì tốt, bằng không được y mà cố cầu quá giới hạn ấy, nếu được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu không được y, tự mình hoặc sai người đến chỗ người xuất tiền sắm y, nói rằng: "Ngài trước kia sai người cầm tiền sắm y cho Tỳ-kheo tên như vậy. Tỳ-kheo ấy cuối cùng không được y. Ngài hãy lấy lại, đừng để mất". Như vậy là hợp thức.

NGUYÊN DO9:

Thành La-duyệt, một đại thần sai sứ giả cầm số tiền may y cúng cho Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà dẫn người sứ ấy vào thành, đem số tiền may y giao cho ông Trưởng giả quen thân cất giữ. Sau đó một thời gian, đại thần hỏi người sứ rằng: "Ngài Bạt-nan-đà có mặc y ấy hay không?" Sứ giả trả lời: "Không mặc". Đại thần liền sai sứ đòi lại số tiền may y. Bạt-nan-đà vội vã đến nhà Trưởng giả đòi y. Lúc bấy giờ, trong thành có cuộc họp các Trưởng giả. Trước đó có quy chế ai không đến họp phaït 500 tiền. Trưởng giả nói: "Đại đức đợi một chút chờ tôi dự đại hội về." Bạt-nan-đà không chịu. Trưởng giả vì vậy mà phải may y cho xong, khi may y xong thì đại hội đã giải tán, nên bị phạt 500 tiền. Các cư sĩ biết, cùng nhau cơ hiềm, nên Phật chế cấm giới này.

GIẢI THÍCH:

Luật Tăng kỳ nói:

Ba phen đến đòi, sáu phen nín thinh đứng, hoặc hoãn hay gấp. Thế nào gọi là hoãn gấp? Nếu khi đến đòi mà người ấy nói: "Tôn giả sau một tháng trở lại". Tỳ-kheo mãn 1 tháng trở lại đòi. Họ lại nói: "Một tháng nữa sẽ trở lại", Vẫn chờ đủ 1 tháng lại đòi. Họ lại nói: "Sau một tháng nữa". Lại tới đủ 1 tháng nữa đến đòi. Quá 3 tháng rồi không được đến đòi nữa, đó gọi là hoãn. Nếu họ nói: Nửa tháng, 10 ngày, cho đến trong giây lát thì quá ba giây lát không được lại đòi nữa, đó gọi là gấp. Sáu phen đến đứng nín thinh cũng vậy. Quá 6 tháng hay quá 6 giây lát rồi, không được lại đứng nữa. Nếu khi đến nói với người chủ của vật, họ nói: Trước đây tôi cúng cho Tỳ-kheo, tùy

phương tiện đến nhận. Lúc bấy giờ được phép như trước, ba phen đến đòi, sáu phen đến đứng nín thinh.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu không mở miệng đòi thì được phép 12 lần đòi bằng cách đến đứng nín thinh. Nếu một lần đòi bằng cách nói thì trừ hai lần đứng nín thinh, hai lần đòi bằng cách nói, thì trừ bốn lần đứng nín thinh; cho đến 6 lần nói thì trừ 12 lần nín thinh.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Xả-đọa. Ba chúng sau phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Khi Tỳ-kheo này đã nói với người chủ cúng tiền sắm y rồi, thì lúc nào có nhân duyên đến chỗ người chấp sự, nếu họ hỏi: "Đến có việc gì?" Trả lời: "Tôi có việc khác nên đến". Nếu họ nói: "Đem y này về". Trả lời: "Tôi đã nói với người chủ y, ông tự đến đó để giải quyết". Nếu họ bảo: "Ngài cứ đem về, tôi sẽ trình bày với người chủ y". Lúc bấy giờ nhận y đem về không phạm.

Luật Căn bản nói:

Nếu Tỳ-kheo bảo sứ giả báo rồi, người chấp sự kia đến, nói: "Thánh giả có theả nhận y này". Nên trả lời: "Y này tôi đã xả rồi, ông nên trả lại cho người cúng y". Trả lời như vậy là tốt. Nếu lấy y thì phạm Xả đọa. Nếu người chấp sự nói: "Thánh giả có thể nhận y này, người thí chủ kia cùng tôi giải quyết rõ ràng, khiến cho họ vui lòng". Trường hợp như vậy lấy y về không phạm".

---o0o---

11. GIỚI MAY NGỌA CỤ BẰNG TƠ TẰM

Đại thừa vì chúng sanh cho nên được phép chứa song không nên tự thọ dụng.

Tri môn cảnh huấn nói:

Kinh Ương-quật dạy: Vật thuộc về tơ, lụa, da, lần lượt khỏi tay người sát sanh, đem cúng cho người trì giới, không nên nhận, là pháp của người Tỳ-kheo. Nếu nhận, thì không phải lòng từ. Ngài Nam Nhạc và ngài Đạo Hưu không mặc đồ tơ lụa tốt, mà chỉ bận vải thô sơ xấu xí. Cho nên ngài Nam Sơn Luật sư nói: Phật pháp đến phương Đông mới độ 600 năm, mà chỉ còn hạnh từ của ngài Hành Nhạc (Hành Sơn Nam Nhạc) là khả dĩ làm nơi quy ngưỡng mà thôi.

Hỏi: - Đã không cho mặc tơ lụa mà lại cho dùng
lông cừu v.v... cả hai loại đều thuộc về thân phận của chúng sanh, tại sao một bên cho phép, một bên ngăn cấm?

Đáp: - Tơ lụa và lông tuy đều là thân phận của chúng sanh, nhưng khi luộc kén chỉ vì lấy tơ, còn khi giết cừu dê, không phải mục đích để lấy lông. Hơn nữa, dùng tơ làm ngọa cụ thì phải mất nhiều mạng sống mà dùng lông thì sanh mạng tốn ít. Các học xứ, giới điều này đặt nặng ở chỗ vận dụng tuần tự về nhơn tình, chứ không phải đoạn tuyệt một cách gấp gáp được vậy.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, trộn tơ tằm làm ngọa cụ mới, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO10:

Lục quần Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới bằng các loại tơ tằm. Đến các nhà nuôi tằm xin tơ, họ bảo: "Chờ tằm chín". Lục quần đứng một bên đợi, xem họ kéo tơ, nghe tiếng nhộng kêu, các cư sĩ cơ hiềm, nên chế cấm.

Luật Căn bản nói:

Ngoại đạo cơ hiềm khinh rẻ, nói thế này, phải giết nhiều loại hữu tình, làm sao gọi là ăn mặc hợp lẽ! Vì để cho bọn trọc đầu này, mà phải dứt nhiều sanh mạng. Đức Phật nghe được nên chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Tạp loại tức laø gồm cả: Các loại lông mịn, kiếp bối, câu-giá-la, cỏ nhũ diệp, sô-ma11, hoặc gai...

Luật Tăng kỳ nói:

Kiều-xa-da có hai loại: một là sanh, hai là tác. Sanh là loại tơ nhỏ mịn, tác là loại tơ kéo sợi.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tự mình làm, dạy người khác làm mà thành, đều phạm Xả đọa; không thành, thì phạm Đột-kiết-la. Mình vì người khác làm, thành hay không thành đều phạm Đột-kiết-la. Xả loại này là dùng rìu, búa chặt nhỏ nhồi với bùn trét nơi vách hay dưới đất. Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm là nếu nhận được mà đã thành rồi, đem chặt nhỏ hòa với bùn đất trét nơi vách đất.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu dùng trong ba y; hoặc đường dọc, đường ngang; hoặc chính giữa hay một bên; hoặc giây ở giữa hay viền; hoặc may ép lá hẹ; hay chằm vá mà thành, đều phạm Xả đọa; thọ dụng thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nên xả trong Tăng. Tăng không nên trả lại cũng không nên dùng vào việc khác. Được phép trải dưới đất và làm rèm treo. (Hai giới đều đồng như vậy).

Luật Ngũ phần nói:

Nên xả cho Tăng, không nên xả cho người khác. Tăng dùng trải dưới đất hay trên sàng. Ngoài ra tất cả Tăng, tùy thứ tự ngồi nằm. Tuy mình không làm không dạy người khác làm, nhưng người khác cúng mà nhận cũng phạm Xả đọa.

BIỆN MINH:

Vấn đề xả nơi đây được y cứ vào luật Ngũ phần, đại ý chúng Tăng được quyền chứa, không đươc chứa riêng. Như vậy cùng với lời dạy trong Đại thừa phù hợp.

---o0o---

12. GIỚI MAY NGỌA CỤ MÀU ĐEN

Đại thừa đồng học. Nghĩa cũng như trước.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn đen, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO12:

Các Lê-xa Tử ở nơi Tỳ-xá-ly, hầu hết làm nghề mãi dâm, dùng toàn lông dê đen may đồ mặc để đi ban đêm khỏi ai thấy. Lục quần baét chước như vậy. Lê-xa nói: Chúng tôi vì dâm dục, các ông mặc như vậy mục đích để làm gì? Tỳ-kheo bạch Phật, nên chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Toàn màu đen tức là hoặc lông dê đen, hoặc nhuộm thành màu đen.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ, nặng đồng như giới trước. Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: làm gối hay những đồ dùng lặt vặt.

Luật Ngũ phần nói:

Nên xả cho Tăng, Tăng dùng trải trên giường, không được trải trên đất. Ngoài ra như trước đã nói.

Luật Thập tụng nói:

Không phạm: Vì Tháp, vì Tăng, mà làm.

---o0o---

13. GIỚI LÀM NGỌA CỤ KHÔNG CÓ MÀU SẮC TẠP

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới, phải dùng hai phần lông dê toàn đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám. Nếu Tỳ-kheo không dùng hai phần đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám, làm ngọa cụ mới, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO13:

Lục quần may tọa cụ toàn màu trắng, cư sĩ cơ hiềm rằng giống như vua, hoặc đại thần, cho nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Màu xám: là màu lông nơi đầu, nơi tai, nơi chân, hoặc các màu xám nơi chỗ khác. Nếu làm cái ngọa cụ 40 bát-la14 thì 20 bát-la lông màu đen, 10 bát-la lông màu trắng, 10 bát-la lông màu xám. Nếu làm cái ngọa cụ 30 hay 20 bát-la, dựa theo trên maø tính. (Luật Thập tụng nói: Một bát-la là 4 lượng vậy).

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ, nặng đồng như giới trước. Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu nhận được vật đã làm thành thì cắt rọc phá hoại, hoặc may gối, làm đồ dùng lặt vặt...

Luật Thập tụng nói:

Dùng màu đen nhiều hơn cho đến một lượng, phạm Xả đọa. Dùng màu trắng nhiều hơn cho đến một lượng, phạm Đột-kiết-la. Dùng màu xám ít hơn cho đến moät lượng phạm Xả đọa.

Luật nhiếp nói:

Hoặc màu đen dễ có đuợc, các màu khác khó tìm thì số lượng tăng giảm đều không phạm.

---o0o---

14. GIỚI DÙNG NGỌA CỤ KHÔNG ĐỦ SÁU NĂM

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới phải trì cho đến sáu năm. Nếu dưới sáu năm, không xả mà làm thêm cái mới, trừ Tăng Yết-ma, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO15:

Lục quần chê ngọa cụ hoặc nặng, hoặc nhẹ, hoặc dày hay mỏng, không xả cái cũ, lại sắm cái mới, chứa để rất nhiều, cho nên Phật chế cấm. Sau đó có một Tỳ-kheo mắc bệnh khô da ghẻ chốc, cần đi du hành trong nhơn gian mà các ngọa cụ bằng phấn tảo quá nặng, không thể mang theo được. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật cho phép Tăng Bạch nhị yết-ma cho vị Tỳ-kheo ấy.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nặng, nhẹ đồng như giới trước. Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Tăng kỳ nói:

Giữa Tăng xả rồi, Tăng không nên trả lại. Tăng được thọ dụng, chỉ không được làm áo lót mà thôi. (Giới sau cũng vậy).

---o0o---

15. GIỚI KHÔNG MAY MỘT MIẾNG CŨ TRÊN TỌA CỤ MỚI

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, làm tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay Phật, đắp lên tọa cụ mới, để cho hoại sắc. Nếu Tỳ-kheo làm tọa cụ mới không lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay đắp lên tọa cụ mới để cho hoại sắc, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

(Ngoài ra, trong 4 bộ đều nói một gang tay của Phật).

NGUYÊN DO16:

Đức Phật ở nơi vườn Cấp Cô Độc sai người đi nhận thức ăn. Thường pháp của chư Phật là, sau khi các Tỳ-kheo đi thọ thỉnh, Phật đi khắp các phòng, thấy tọa cụ cũ bỏ bừa bãi khắp nơi. Phật bèn bảo các Tỳ-kheo khi may tọa cụ mới, phải lấy một miếng vải của tọa cụ cũ, dọc ngang bằng một gang tay may lên trên để cho hoại sắc. Lục quần không y lời Phật dạy nên Phật chế ra giới này.

Luật Tăng kỳ nói:

Thế Tôn vì 5 việc lợi ích cho nên mỗi 5 ngày một lần đến xem xét phòng chư Tăng:

1) Thanh văn đệ tử có đắm vào việc hữu vi?

2) Có đắm vào ngôn luận thế tục?

3) Có đắm vào ngủ nghỉ, trở ngại việc hành
đạo?

4) Xem có Tỳ-kheo nào bệnh chăng? (Tỳ-kheo bệnh có người chăm sóc chăng?)

5) Vì Tỳ-kheo nhỏ tuổi mới xuất gia, thấy oai nghi tường tự của đức Như Lai khởi tâm hoan hỷ.

GIẢI THÍCH:

Luật Ngũ phần nói:

Một gang tay của Phật vuông vức hai thước. Phá hư cái sắc đẹp: tức là tùy yù phủ lên trên cái mới ấy.

Luật Căn bản nói:

Làm hoại sắc: là muốn cho nó được bền chắc vậy.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Tự mình không có cái cũ, được vật đã thành, người khác vì mình làm, làm toàn đồ cũ.

Luật Thập tụng nói:

Nếu làm giảm bớt, cho đến nửa tấc, phạm Đột-kiết-la.

PHỤ:

Luật nhiếp nói:

Ni-sư-đãn-na17nên làm hai lớp, chồng làm ba phân, cắt đứt may thành lá, cùng đồng với lá của y.

Luật Thập tụng nói:

Không nên thọ Ni-sư-đàn một lớp. Không nên lìa Ni-sư-đàn mà ngủ.

---o0o---

16. GIỚI CẦM LÔNG DÊ ĐI ĐƯỜNG XA

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, khi đi đường được lông dê, nếu cần dùng không có người mang, được phép tự mang đi cho đến ba do-tuần18. Nếu không có người mang, tự mình mang đi quá ba do-tuần, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO19:

Bạt-nan-đà trên đường đi, được nhiều lông dê, xâu trên đầu gậy, quảy đi trên đường. cư sĩ hiềm trách cho là kẻ buôn bán lông dê, cho nên chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tự mình cầm đi quá ba do-tuần phạm Xả đọa; bảo kẻ khác cầm thì không phạm. Nếu giữa đường tiếp tay cầm, mắc tội Đột-kiết-la; khiến bốn chúng dưới cầm quá ba-do tuần phạm Đột-kiết-la. Trừ lông dê, cầm các vật khác

như Câu-giá-la (y, vải)... đi quá ba do-tuần phạm Đột-kiết-la. Nếu quảy các vật khaùc trên đầu gậy mà đi cũng phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Ngũ phần nói:

Nên bảo tịnh nhơn gánh. Nếu không có tịnh nhơn thì cho phép tự mình cầm chứ không được gánh trên vai, đội trên đầu, mang nơi lưng. Trái phạm, mắc tội Đột-kiết-la.

Tát-bà-đa ma-đắc-lặc-già nói:

Trên không trung cầm lông dê đi hay là đưa cho kẻ biến hóa cầm đi đều phạm Đột-kiết-la.

PHỤ:

Luật nhiếp nói:

Các Tỳ-kheo không nên gánh vác việc gì.

---o0o---

17. GIỚI SAI NI NHUỘM LÔNG DÊ

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, sai Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, giặt, nhuộm hay chải lông dê, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO20:

Lục quần, sai Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo giặt, nhuộm, đập lông dê; nhuộm xong nhớp tay, đến yết kiến Đức Thế Tôn. Thế Tôn hỏi biết việc ấy, khiển trách lục quần, kiết giới. Sau đó các Tỳ-kheo cẩn thận sợ không dám bảo Ni có bà con giặt, nhuộm, đập. Đức Phật lại khai cho.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Giặt, nhuộm, đaäp mỗi cái đều một tội Xả đọa. (tức là một Xả, ba Đọa như đã nói trước). Sai người giặt mà họ không giặt v.v... mỗi cái đều một Đột-kiết-la. Sai không phải bà con, hai chúng nữ khác, Đột-kiết-la

Luận Tát-bà-đa nói:

Sai giặt, nhuộm vật của Tăng phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

18. GIỚI NHẬN VÀNG BẠC

Đây là giá tội. Đại thừa vì chúng sanh cho phép nhận, song phaûi giao cho tịnh nhơn cất giữ; trường hợp không có tịnh nhơn, tâm không tham đắm, cũng được phép tự cầm. Nếu chứa cất với tham tâm của mình, tức là đa dục, không tri túc. gọi là nhiễm ô, phạm. Cho nên bộ Cảnh huấn nói:

- Ruộng, nhà vườn, cây.

- Gieo trồng cây cối.

- Chứa để lúa gạo.

- Nuôi dưỡng tôi tớ.

- Chăn nuôi súc vật.

- Tiền bạc vật quý.

- Mền, dạ, lu, vạc.

- Voi, vàng, giường đẹp và các vật trọng.

Tám thứ này kinh, luận và luật đều liệt vào một loại rõ ràng tội lỗi không nên chứa giữ.

Lại trong kinh luật nói:

Nếu chứa giữ thì không phải đệ tử của Ta. Vì tám món này, làm cho lòng tham lớn mạnh, phá hư đạo nghiệp, nhơ nhớp phạm hạnh, đưa đến kết quả xấu nhơ. Cho nên gọi là không sạch vậy.

Kinh Niết-bàn nói:

Nếu các đệ tử, không có ai giúp đỡ thời buổi đói khổ, miếng ăn khó được. Vì muốn hộ trì, kiến lập Chánh pháp, Ta cho phép đệ tử thọ nhận vàng bạc, xe ngựa, ruộng nhà, lúa gạo, đổi chác vật cần dùng. Tuy cho phép chứa giữ các vật như vậy, nhưng cốt yếu là phải tịnh thí cho người Đàn-việt giàu lòng tin.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, tự tay cầm tiền, hoặc vàng, bạc, hoặc bảo người cầm, hoặc để xuống đất mà nhận, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO21:

Tại thành La-duyệt có vị đại thần thân thiện với Bạt-nan-đà. Một bữa nọ, vị đại thần nhận được nhiều thịt heo, bảo người vợ để phần cho Bạt-nan-đà. Khi ấy, trong thành nhân ngày tiết hội, có ban nhạc giúp vui, suốt đêm không ngủ. Con của vị đại thần đói, hỏi mẹ còn thịt không, mẹ nó bảo: "Chỉ còn phần của Bạt-nan-đà". Đứa nhỏ liền lấy 5 tiền đưa cho meï nó và nói: "Mẹ đem tiền này mua thịt trả lại cho Bạt-nan-đà". Sáng sớm Bạt-nan-đà đến nhà vị đại thần, vợ vị Đại thần nói rõ việc ấy. Bạt-nan-đà lấy tiền đem gởi cửa hàng nơi chợ mà đi. cư sĩ và đại thần của vua, cùng nhau cơ hiềm. Chỉ có vị đại thần tên là Châu Kế, khéo léo nói pháp giải thích. Sau khi giải thích xong đến bạch Thế Tôn, Thế Tôn khen vị đại thần đã khéo nói, tạo nhiều lợi ích.

Đức Phật nói: "Đại thần nên biết: Mặt trời mặt trăng có 4 cái nạn làm cho chúng không sáng, không sạch, không thể chiếu soi, cũng không oai thần. Bốn cái đó là: A-tu-la, khói mây, bụi và sương mù. Đó là đại nạn cho mặt trời, mặt trăng. Sa-môn, Bà-la-môn cũng có 4 nạn: không sáng, không sạch, không thể chiếu soi, cũng không oai thần. Bốn cái nạn đó là: Không bỏ uống rượu, không bỏ dâm dục, không bỏ tay cầm vàng bạc, không bỏ sống theo tà mạng. Đó là 4 đại nạn".

Khi ấy, Tỳ-kheo thiểu dục cũng hiềm trách Bạt-nan-đà, bạch Phật kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Vấn đề xả nơi đây là, nếu vị kia có lòng tin đối với người giữ vườn hoặc là Ưu-bà-tắc, thì nên nói với họ rằng: "Đây là vật mà tôi không nên nhận, người nên biết việc ấy". Nếu người đó nhận rồi, hoàn lại cho Tỳ-kheo, nên vì vật người ấy đã nhận, bảo sứ giả của tịnh nhơn cất giữ. Nếu được y, bát, ống kim, Ni-sư-đàn thanh tịnh, thì nên đổi lấy để thọ trì. Nếu Ưu-bà-tắc nhận rồi cho Tỳ-kheo y, bát, Ni-sư-đàn, ống đựng kim thanh tịnh, nên nhận để thọ trì. Nếu người đó nhận rồi không trả lại thì nên bảo Tỳ-kheo khác nói với họ rằng: "Phật có dạy vì cần thanh tịnh nên cho ngươi, ngươi nên trả lại vật kia cho Tỳ-kheo đó." Nếu các Tỳ-kheo khác khoâng nói thì nên tự đến nói: "Phật có dạy vì thanh tịnh nên cho ngươi, ngươi nay có thể cúng cho Tăng, cho Tháp, cho hai thầy, cùng với bạn tri thức đồng học, hoặc là trả lại cho chủ. Tại sao vậy? Vì không muốn mất của tín thí vậy." Nếu không nói với người kia: Biết vậy, xem vậy, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa. Ba chúng sau Đột-kiết-la.

Phần thứ ba của luật Tứ phần nói:

Có một Tỳ-kheo nơi gò mả nhận được tiền, tự tay cầm đi. Phật nói: Không nên lấy như vậy. Tỳ-kheo ấy cần đồng, Phật dạy: Đập phá cho hư hoại hình tướng, sau đó được tự tay cầm đi.

Luật Tăng kỳ nói:

Người bệnh được sai tịnh nhơn cất chứa, nhưng đừng tham đắm. Nếu vật phạm Xả đọa, xả giữa Tăng rồi, vật ấy không được trả lại cho Tỳ-kheo kia, Tăng cũng không nên chia. Nếu nhiều nên cho vào trong vật vô tận (quĩ tiết kiệm), khi có lợi tức, được làm phòng xá, sắm y trung (y An-đà-hội), không được dùng vào thức ăn.

Tỳ-kheo được tiền và an cư rồi được y tài, không nên tự tay lấy, nên bảo tịnh nhơn biết. Nếu không có tịnh nhơn thì chỉ chỗ đất gần chân, nói rằng: Trong đó nên biết. Họ đặt xuống đất rồi, tự tay lấy lá cây, hay ngói gạch, từ đằng xa liệng đến phủ lên trên, đợi tịnh nhơn đến bảo cho biết. Tùy theo cách sử dụng của quốc độ đó, hoặc tiền bằng đồng, bằng sắt, bằng hồ giao, bằng da, thẻ cây tre, tất cả không nên cầm. hoặc có quốc độ lấy không thành tựu hình tướng, để dùng, hoặc có nước không dùng, thành tựu hình tướng, cầm nắm đều phạm tội Việt tỳ-ni. Trong nước không dùng, không thành tựu tướng, nắm vật làm bằng đồng, bằng thiếc thì không có tội.

Luật Ngũ phần nói:

Tăng nên Bạch nhị yết-ma sai một Tỳ-kheo làm người bỏ vàng bạc và tiền. Tỳ-kheo ấy nên bỏ vật này trong hầm, trong lửa, trong dòng nước chảy, trong đồng trống, không nên ghi nhớ chỗ ấy. Nếu cầm nắm bỏ chỗ khác không được nắm lại. Vị Tỳ-kheo ấy không nên hỏi rằng: "Vật này nên làm thế nào." Tăng cũng không nên dạy bảo làm như thế, như thế. Nếu không bỏ, không hỏi mà sai tịnh nhơn đổi lấy y thực cho Tăng, đem đến cúng Tăng, Tăng được phép thọ. Nếu chia thì chỉ người phạm tội không được thọ phần.

Không phạm: Tuy thí cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo không biết. Tịnh nhơn thọ, rồi mua vật tịnh cho Tỳ-kheo.

Trường hợp có các Tỳ-kheo muốn đi xa, đến Trưởng giả xin lương thực đi đường. Người ấy sai người đem vàng, bạc, tiền, vật tiễn đưa. Đến nơi đồ tích trữ dư rất nhiều, sứ giả trở lại thưa với chủ. Chủ nói: "Tôi đã dâng cúng, không nên trả lại, ông có thể đem đến trong chỗ có Tăng để cúng cho Tăng". Phật dạy: "Cho phép tịnh nhơn vì Tăng thọ nhận để đổi lấy vật cần dùng cho Tăng. Các Tỳ-kheo không nên biết tới".

Luật Thập tụng nói:

Tự tay cầm đồ báu, nếu ít thì nên bỏ, nếu nhiều, gặp tịnh nhơn đồng tâm, nên nói: "Vì không tịnh nên tôi không nhận, người nên lấy." Tịnh nhơn lấy rồi, nói với Tỳ-kheo: "Vật này cho Tỳ-kheo." Tỳ-kheo nói: "Đây là vật không tịnh, nếu tịnh sẽ thọ." Nếu không gặp tịnh nhơn đồng tâm, nên làm ngọa cụ cho tứ phương Taêng, nên vào trong Tăng nói: "Các Đại đức, tôi tự tay cầm đồ báu, mắc tội Ba-dật-đề. Tôi nay phát lồ, không dám che giấu, ăn năn tội lỗi." Tăng nên hỏi: "Thầy đã xả vật báu ấy chưa?" Nếu đáp: "Đã xả." Tăng nên hỏi: "Thầy có thấy tội không?" Nếu nói: "Thấy tội." Tăng nên nói: "Sau đừng làm lại." Nếu nói: "Chưa xả." Tăng nên hướng dẫn cho xả. Nếu không hướng dẫn, tất cả Tăng mắc tội Đột-kiết-la. Nếu hướng dẫn mà không xả, Tỳ-kheo ấy mắc Đột-kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Nếu vì sửa sang phòng xá các việc, nên xin cỏ, cây, xe cộ, nhơn công, không nên xin vàng, bạc, tiền... Nếu cầm loại tiền mà trong nước đó dùng thì phạm

Xả đọa. Nếu cầm loại tiền mà trong nước đó không dùng thì mắc tội ác tác. Nếu cầm đồng đỏ, thau, đá, đồng thiếc, chì, kẽm thì không phạm. Nếu có người cúng y tài, cần thì nhận. Nhận rồi liền nghĩ là vật của người đó, mà cất chứa, nên giao cho tịnh nhơn giữ, không nên tự mình cầm. Nếu không có tịnh nhơn thì đem vật ấy đối trước một Tỳ-kheo, nói như thế này: "Cụ thọ22, nhớ cho: Tôi tên là... được vật bất tịnh này, tôi sẽ đem vật bất tịnh này đổi lấy tịnh tài." Nói như vậy ba lần, rồi tùy theo việc thọ, không đến nổi sanh nghi.

Nếu trong chùa Tăng có giặc đáng sợ thì vàng, bạc, tiền, vật báu của Tháp, Tăng nên cất giữ chắc chắn, mới dời đi nơi khác. Nếu không có người cư sĩ tịnh tín nên sai cầu tịch (Sa-di), cầu tịch cũng không có thì tự tay Tỳ-kheo đào hầm cất giấu. Như Lai vì trường hợp gặp nạn khai cho, sau khi nạn hết thì không được tiếp tục việc làm ấy.

Luật nhiếp nói:

Nếu khi an cư, thí chủ đem y quí đến cúng cho Tỳ-kheo, liền khởi ý nghĩ gởi cho thí chủ này rồi nhận lấy. Nên tìm cư sĩ tịnh nhơn tín kính để làm tịnh thí. Khởi ý tưởng là của thí chủ, cầm nắm, không phạm. Nếu không có thí chủ, có thể được phép đem vàng, bạc, các vật đối trước một Tỳ-kheo nói rằng: "Cụ thọ, nhớ cho: Tôi Tỳ-kheo... đặng của cải bất tịnh này, nay đem của bất tịnh này đổi lấy tịnh tài. nói như vậy ba lần rồi tự cất giữ, hoặc sai kẻ khác cất giữ." (Theo tập Yết-ma của ngài Hoài Tố cũng chọn lấy pháp này. Đời mạt pháp này, đây là phương tiện dễ làm, nên phải tuân hành).

Nếu Tỳ-kheo ở trên đường, nhận được vàng, bạc, làm lương thực đi đường, nên tự cất giữ. Hoặc sai tịnh nhơn vaø cầu tịch mang đi. Nên biết: Cầu tịch đối với vàng, bạc v.v... chỉ cấm chuùa cho riêng mình chứ không ngăn cấm việc cầm nắm.

CHỨNG MINH:

Kinh Đại bát niết-bàn nói:

Nếu nói Phật cho phép Tỳ-kheo nuôi người tôi tớ, chứa để vật bất tịnh, vàng, bạc, trân bảo, lúa, gạo, kho tàng, trâu, dê, voi, ngựa, mua bán cầu lợi, đối với đời đói kém. Đó chỉ là thương xót con vậy. Lại cho phép các Tỳ-kheo cất chứa đồ ăn cách đêm, tự tay làm đồ ăn, không thọ mà ăn. Không nên dựa vào những lời dạy như vậy.

PHỤ:

Luật Thiện kiến nói:

Có 4 loại thọ dụng:

1) Dùng có tàm quý, nghĩa là người không có tàm quý gần gũi với người có tàm quý.

2) Dùng không tàm quý, nghĩa là người có tàm quý gần gũi với người tàm quý, gọi là thọ dụng không tàm quý, mắc tội. Người có tàm quý gần gũi với người không tàm quý, sau đó ắt phải tùy theo làm điều ác, cho nên gọi là người không tàm quí. Người không tàm quý, gần gũi với có tàm quý ắt sẽ cải ác tu thiện, gọi là người có tàm quý.

3) Dùng có pháp, nghĩa là người có tàm quý, y nơi Chánh pháp mà thọ nhận.

4) Dùng không pháp, nghĩa là người không tàm quý không y theo Chánh pháp mà thọ nhận. Nếu được vật như thế này thì như được thuốc độc không khác.

Luật Tăng kỳ nói:

Có một Tỳ-kheo dẫn một Sa-di về nhà thăm bà con, đi qua khoảng đồng trống vắng, có một phi nhơn hóa làm hình con rồng, đi quanh phía bên phải của Sa-di, rải hoa khen rằng: "Lành thay! Ông được lợi lớn, bỏ nhà ra khỏi nhà." Tỳ-kheo đến nhà thăm bà con xong, khi sắp trở về người vợ trong gia đình nói: "Ông nay trở về, trên đường đi thiếu thốn nhiều, có thể cầm số tiền này, đổi lấy vật cần dùng". Sa-di nhận lấy, cột nơi chéo y. Trên đường đi, phi nhơn lại hóa thành con rồng, đi quanh phía bên trái của Sa-di, lấy bùn rải lên, nói rằng: "Ông mất thiện lợi, xuất gia tu đạo, mà cầm tiền đi". Sa-di kêu la. Tỳ-kheo quay lại hỏi sự việc. Sa-di đáp: "Con không nhớ có lỗi gì, vô cớ maø bị quấy rối". Tỳ-kheo bảo: "Ông có cầm cái gì chăng?" Sa-di đáp: "Cầm tiền đi". Thầy Tỳ-kheo bảo Sa-di bỏ mà đi. Bỏ rồi, phi nhơn lại trở lại như trước cúng dường. Do nhân duyên ấy, Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: "Từ nay không cho phép Sa-di cầm vàng, bạc, tiền. Nếu Tỳ-kheo sai Sa-di trước đó đã cầm rồi, sau sai cầm thì không tội".

---o0o---

19. GIỚI MUA BÁN BẢO VẬT

Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, kinh doanh tài bảo dưới mọi hình thức, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO23:

Bạt-nan-đà đến nơi cửa hàng dùng tiền đổi tiền, cầm đi. cư sĩ cơ hiềm cho nên Phật chế cấm.

Tiền có 8 loại: Tiền bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng, bằng thiếc, bằng bạch lạp, bằng chì, bằng cây, bằng hồ giao.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Pháp xả đồng như giới trước.

Tỳ-kheo-ni phạm Xả đoïa. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Dùng tiền đổi lấy dụng cụ trang hoàng như chuỗi ngọc mà vì Phật, Pháp, Tăng hoặc lấy đồ anh lạc đổi lấy tiền mà vì Phật, Pháp, Tăng.

Luật nhiếp nói:

Nếu vì Tam bảo xuất nhập, hoặc thí chủ làm kho vô tận (quĩ tiết kiệm), vì thế mà tìm cầu đều thành phi phạm. Song, những vật này khi xuất để làm lợi phải ghi vào sổ sách để làm tin, tìm cách bảo chứng tốt, lập thành văn bản. Ngày cuối năm phải báo cáo với Thượng tọa và người giao nhận việc, đều phải biết rõ. Hoặc lại báo cáo cho Ô-ba-sách-ca24 có tín tâm kia biết.

---o0o---

20. GIỚI MUA BÁN

Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO25:

Bạt-nan-đà ở trong thôn không có trú xứ (Tăng), cầm gừng sống đổi thức ăn mang đi. Ngài Xá-lợi-phất khất thực, đến nơi cửa hàng bán cơm, chủ cửa hàng trả giá. Lại nữa, trong thành Xá-vệ, có ngoại đạo được một y quý giá đem đến Tăng-già-lam, xin được đổi chác. Bạt-nan-đà bảo sáng mai trở lại. Đêm đó, Bạt-nan-đà bảo giặt nhuộm y cũ của mình thành như y mới. Sáng ngày đổi cho ngoại đạo. Ngoại đạo được y đổi xong, đem về trong vườn nơi chỗ ở, khoe với các ngoại đạo khác, trong đoù có người hiểu biết, nói: "Ông đã bị người ta lừa dối." Ngoại đạo liền đem y đến đó, muốn đổi lại. Bạt-nan-đà không chấp thuận đổi lại. Ngoại đạo cơ hiềm cho nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức là lấy thời (thuốc có thời hạn) đổi thời, lấy thời đổi phi thời (thuốc không có thời hạn), đổi (thuốc) bảy ngày, đổi (thuốc) suốt đời, đổi Ba-lợi-ca-la26 dùng phi thời đổi phi thời, đổi bảy ngày, suốt đời và thời v.v... cho đến dùng Ba-lợi-ca-la đổi thời, phi thời, v.v...

Bán, tức là trị giá từ một tiền, luôn luôn lên xuống, tăng lên đến ba tiền, năm tiền. Mua cũng như vậy.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức, nếu được, phạm Xả đọa; không được, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Đổi chác với người trong 5 chúng xuất gia, tự thẩm định không nên để thua thiệt cho nhau. Không nên đổi chác cùng với người khác. Hoặc bảo tịnh nhơn đổi chác, nếu có sự hối hận thì nên hoàn lại. Hay là dùng tô (váng sữa) đổi du (dầu), dùng du đổi tô.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu vật ở trên cửa hàng, có định giá trước, Tỳ-kheo đem tiền đến mua, khi lấy vật đi nên nói với người chủ rằng: "Đây là giá của vật đó." Nếu không nói, im lặng cầm đi, phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu vật ấy đáng giá 50 mà thách 100 tiền, Tỳ-kheo nói: "Nên biết tôi chỉ có 50." Như vậy không gọi là mua hạ giá. Nếu Tỳ-kheo biết có người muốn mua vật ấy, không nên mua trước. Nếu mua, phạm tội Việt tỳ-ni.

Trường hợp khi mua lúa, nghĩ như vầy: Sau này lúa sẽ đắt, phạm Việt tỳ-ni. Khi bán lúa ra phạm Xả đọa. Trường hợp nghĩ: Sợ lúc nào đó lúa sẽ đắt, nên nay mua lúa vào, nhờ vậy ta được tụng kinh, tọa thiền, hành đạo. Đến khi lúa đắt, để dành cúng dường hai thầy, hay làm công đức. Ngoài ra, bán được lợi thì không có tội. Mua bát, mua thuốc v.v... cũng như vậy.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu muốn đổi chác, nên sai tịnh nhơn làm, nói rằng: "Vì tôi đem vật này đổi lấy vật kia." và tâm nên nghĩ: Thà để người kia được lợi nơi ta, chứ ta không nên được lợi nơi người đó. Nếu mình muốn đổi chác thì nên đổi chác với người trong 5 chúng, nếu đổi chác với bạch y phạm Đột-kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Vì lợi mà mua, không vì lợi mà bán. Khi mua phạm ác tác, khi bán không phạm. Nếu không vì lợi mà mua, vì lợi nên bán; khi mua không phạm, khi bán phạm Xả đọa. Nếu vì về phương khác mà mua để đem đi, không nghĩ đến lợi, khi đến đó bán, tuy được lợi, không phạm.

Luật nhiếp nói:

Khi mua bán, không nương vào thật ngữ, hoặc ngụy lạm cân lít, khi cuống người khác thì mắc tội vọng ngữ. Khi được vật, phạm ăn trộm. Khi cầm tài vật muốn mua bán, trước phải định ý, không có tâm cầu lợi, tùy theo nơi mà thu được lợi, thảy đều không phạm.

Ni-đà-na nói:

Bí-sô không nên vì người khác đoán định giá, không nên trả giá cao thấp. Nếu không có người thế tục thay thế mình trả giá thì tự mình có thể trả hai, ba giá, nếu quá mức này mắc tội ác tác.

Luật Thập tụng nói:

Dùng vật bất tịnh mua thức ăn, mỗi miếng ăn phạm Đột-kiết-la. Mua y, tùy theo mỗi lần mặc, phạm một Ba-dật-đề. Nếu cùng nhau đổi chác, người kia ăn năn nên hoàn lại, nếu quá bảy ngày không được trả lại. Nếu dùng giá hạ mà đòi y quý giá của kẻ khác, phạm Đột-kiết-la. Nếu vật cần dùng, ba lần xin không được, nên tìm tịnh nhơn bảo họ mua giùm cho.

Luận Tát-bà-đa nói:

Thà làm tên đồ tể chứ không làm người mua bán, vì tất cả những việc làm đó là lừa dối tai hại. Vật mua bán này đem làm thức ăn cho chúng Tăng, Tăng không nên ăn; làm phòng cho bốn phương Tăng, Tăng không được ở. Làm tháp, làm tượng không nên hươùng về đó tác lễ. Lại nói: "Chỉ nên tác ý Phật mà lễ." (Tác ý lễ là không dùng đến thân, khẩu để lễ. Sở dĩ cự tuyệt một cách nghiêm ngặt, chính là sợ hạng người không biết xấu hổ, lừa dối nói cúng dường Tam bảo là việc làm có công đức, tìm cách bào chữa tội lỗi của mình vậy).

Phàm làm vị Tỳ-kheo giữ giới, không nên thọ dụng vật thế này, Nếu vị Tỳ-kheo này qua đời, vật này nên Yết-ma để chia. (Đã chết thì không có tâm tham chứa cất cho nên cũng giống như vật Tỳ-kheo qua đời, Yết-ma chia vậy).

---o0o---

21. GIỚI CHỨA BÁT DƯ

Đại thừa vì chúng sanh nên không đồng học

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, chứa bát dư, không tịnh thí được phép chứa trong hạn mười ngày, quá hạn, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO27:

Lục quần Tỳ-kheo chứa bát, cái nào tốt thì dùng, cái nào xấu để một bên. cư sĩ đến phòng xem thấy, cơ hiềm: "Như thợ đồ gốm, bán hàng gốm", cho nên Phật chế cấm.

Ngài A-nan nhận được cái bát quý giá nơi nước Tô-ma, muốn cúng cho ngài Ca-diếp, mà ngài Ca-diếp đi vắng, sợ phạm giới này. Phật hỏi: "Tôn giả Ca-diếp đi bao lâu trở về." Trả lời: "Mười ngày". Vì vậy đức Phật cho chứa bát 10 ngày.

GIẢI THÍCH:

Bát có hai loại: Bát bằng thiếc, bát bằng sành.

Luật Căn bản nói:

Bát lớn nhất đựng được hai thăng gạo nấu cơm. Cỡ trung một thăng rưỡi. Cỡ nhỏ một thăng.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trong 10 ngày nhận được bát, ngày nhận được, ngày không nhận được, đến ngày thứ 11, tướng mặt trời hiện, đều phạm Xả đọa. Ngoài ra, như giới chứa y đã nói. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa.

Luật nhiếp nói:

Hoặc giảm số lượng, hay quá số lượng, hoặc nghĩ cho người xuất gia cận viên khác, theo nhu cầu của họ, tuy không phân biệt, nhưng không phạm. Nếu vì để chứa canh rau, dùng uống nước, chứa hai bát nhỏ và để đựng muối hay múc nước đều không phạm. Trong một bát lớn có thể chứa cái bát nhỏ, để đáp ứng khi cần dùng, chứa nhiều chẳng phạm. Nên chứa một bát lớn để ngừa khi thiếu mà dùng.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu chứa bát dư bằng thiếc trắng, bằng sành, mà chưa xông khói, tất cả bát không ứng lượng đều phạm Đột-kiết-la.

Phần thứ ba (luật Tứ phần) nói:

Bát cạn, bát nhỏ, bát vừa cho phép không tác tịnh thí được chứa.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu được hai bát, nên hỏi thầy, cái nào hơn. Nếu thầy không khéo phân biệt, nên dùng mỗi cái trong 5 ngày để tự biết cái nào hơn thì thọ trì, cái kia cho người khác.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Luật nhiếp cho phép: Giảm số lượng, quá số lượng để đáp ứng nhu cầu, chứa nhiều không phạm. Còn luận Tát-bà-đa nói: Nếu chứa bát bằng thiếc trắng v.v... đều phạm Đột-kieát-la. Như vậy, theo bên nào?

Đáp: - Đáp ứng nhu cầu thì tuy nhiều cũng có chừng mức; nếu chứa bát bằng thiếc trắng v.v... đã không phải là vật cần thiết thì là chứa nhóm xan tham, sao lại không phạm?

---o0o---

22. GIỚI CHỨA BÁT CẦU ĐẸP

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, có bát vá dưới năm chỗ không chảy rỉ, mà tìm xin bát mới, vì muốn đẹp, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Tỳ-kheo ấy phải đem giữa Tăng xả. Tăng lần lượt cho đến lấy cái bát tối hạ28 trao cho, khiến thọ trì cho đến khi vỡ. Như vậy là hợp thức.

NGUYÊN DO29:

Bạt-nan-đà bị vỡ cái bát, vào thành Xá-vệ đến các cư sĩ xin bát. Chỉ bể một cái bát mà xin được nhiều cái bát. Một thời gian sau đó, các cư sĩ có cơ hội gặp nhau. Mỗi người đều nói tôi được nhiều phước, nhờ mua bát cúng cho Bạt-nan-đà. Do đó cùng nhau cơ hiềm, nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Vá 5 đường, giữa hai đường cách nhau hai ngón tay.

Luật Thập tụng nói:

Cho phép dùng thiếc hay đồng và bát bể.

Luật Căn bản nói:

Nếu khó xin được bát, tùy ý vá, trám, trét mà dùng. Nếu địa phương nào dễ xin được bát, có thể bỏ cái cũ xin cái mới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đủ năm đường nứt, không rỉ chảy, lại xin bát mới phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: dưới năm đường nứt mà rỉ chảy nên tìm xin cái mới. Mình vì người khác mà xin, người khác vì mình mà xin. Không xin mà được. Được phần do Tăng chia. Tự mình mua để dành.

Luật Căn bản nói:

Cái bát này không nên cất, không nên để riêng, cũng không cho người khác, nên may hai cái đãy đựng bát, cái tốt thì đựng cái bát dư, cái không tốt thì đựng cái bát cũ. Khi khất thực nên đem hai cái bát, cơm khô thì đựng trong cái bát dư, cơm ướt thì đựng trong cái bát cũ. Nên ăn nơi cái bát cũ. Rửa cái bát dư trước, hong phơi cất để, ưu tiên đều dành cho cái bát dư. Khi để nơi khám hay xông khói, cái bát dư đều chiếm ưu tiên. Khi đi đường, cái bát cũ nhờ người mang, cái bát dư mình tự mang. Không có ai mang giùm thì mang cái bát dư nơi vai trái, cái bát cũ mang nơi vai phải mà đi. Đây là một cách trị phạt cho đến trọn đời hoặc phải khéo léo giữ gìn cho đến khi nó bể. Nếu trái phạm thì mắc tội việt pháp.

Luật Tăng kỳ nói:

Tỳ-kheo mang cái bát này cố ý làm cho bể, mắc tội Ba-dật-đề. Trường hợp hai thầy hay là bạn quen biết v.v... vì lòng lân mẫn sợ vấn đề rửa bát trở ngại cho việc tu tập đem dấu đi30, tìm không được, xin cái khác không tội. Xin được một cái bát nên thọ trì. Nếu được hai cái thì bỏ vào kho của Tăng một cái. Cho đến xin được 10 cái thì 9 cái bỏ vào kho của Tăng. Xin được giá tiền mua bát cũng như vậy.

Tát-bà-đa ma-đắc-lặc-già nói:

Nếu xin được nhiều bát, cái nào vừa ý thì thọ trì, còn cái kia cho người cần dùng.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ NĂM

---o0o---

1 Tứ phần luật 6, tr. 604b29, Đại 22n1428.

2 Triển chuyển: Triển chuyển tịnh 展轉淨, Thiện kiến luật 14, tr. 772c19, Đại 24n1462: Thế nào gọi là triển chuyển tịnh? Trọn một người trong năm chúng xuất gia là người chủ nhận y, rồi đem y dư đến gặp Tỳ-kheo (nào đó), nói rằng: Tôi Tỳ-kheo tên... có y dư này chưa tác tịnh, xin được triển chuyển tịnh nên giao cho trưởng lão. Vị nhận y nói rằng: Đại đức có y dư này chưa tác tịnh, vì muốn triển chuyển tịnh nên giao cho tôi, tôi đã nhận, vậy chủ nhận y là ai? Đáp: Tỳ-kheo tên... (Vị nhận y) lại nói rằng: Đại đức có y dư này, vì muốn tác tịnh nên giao cho tôi. Tôi đã nhận, đây là vật của Tỳ-kheo tên... Đại đức nên giữ gìn cho Tỳ-kheo tên... dùng lúc nào cũng được, không cần phải hỏi chủ. Đây là triển chuyển tịnh thí.

3 Tứ phần luật 6, tr. 605c06, Đại 22n1428.

4 5 y: ngoài 3 y như Tỳ-kheo, còn có thêm Tăng-kỳ-chi (yếm che ngực) và áo tắm.

5 Tứ phần luật 6, tr. 607a26, Đại 22n1428.

6 Tứ phần luật 7, tr. 608a, Đại 22n1428.

7 Tứ phần luật 7, tr. 609c, Đại 22n1428.

8 Tứ phần luật 7, tr. 610b29, Đại 22n1428.

9 Tứ phần luật 7, tr. 612b28, Đại 22n1428.

10 Tứ phần luật 7, tr. 613c25, Đại 22n1428.

11 Kiếp-bối 劫貝 (Pāli. kappāsa, bông gòn), Câu-giá-la 拘遮羅 (Pāli. koseyya, tơ lụa, vải quyến), cỏ nhũ diệp, sô-ma 乳葉, 芻c摩 (Pāli. khoma, ma bố, vải gai). (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

12 Tứ phần luật, q. 7, tr. 614a27, Đại 22n1428.

13 Tứ phần luật 8, tr. 615a, Đại 22n1428.

14 Bát-la 钵羅: Pāli. pala, đơn vị trọng lượng.

15 Tứ phần luật 8, tr. 615c, Đại 22n1428.

16 Tứ phần luật 8, tr. 616c, Đại 22n1428.

17 Ni-sư-đãn-na: Ni-sư-đàn (Pāli. nisẏdana), dịch là tọa cụ, phu cụ, là khăn trải để ngồi.

18 Do-tuần 由旬É: Skt=Pāli. Yojana, Đại Đường Tây Vực ký 2: " Du-thiện-na, là đoạn đường hành quân của Thánh vương xưa, khoản 40 dặm. Theo tục Ấn Độ 30 dặm."

19 Tứ phần luật 8, tr. 617b23, Đại 22n1428.

20 Tứ phần luật 8, tr. 618a22, Đại 22n1428.

21 Tứ phần luật 8, tr. 618c22, Đại 22n1428.

22 Cụ thọ 具壽: Skt. āyuṣmata, Pāli. āyasmant, cách tôn xưng đối với những vị đệ tử (Tỳ-kheo) Phật, hoặc thầy gọi đệ tử, Trưởng lão gọi vị thiếu niên cũng gọi từ này.

23 Tứ phần luật 8, tr. 619c26, Đại 22n1428.

24 Ô-Ba-sách-ca: Skt. Upāsaka, cách dịch khác Ưu-bà-tắc, dịch nghĩa cận sự nam, tức cư sĩ tại gia phụng sự Tam bảo, thọ trì năm giới.

25 Tứ phần luật 8, tr. 620b24, Đại 22n1428.

26 Ba-lợi-ca-la 波利迦羅: skt. Parikara, còn gọi là Ba-già-la 波伽羅, là những loại y trợ thân ngoài ba y ra, như phú thân y, tăng-kỳ-chi, nê-hoàn-tăng v.v...

27 Tứ phần luật 9, tr. 621c, Đại 22n1428.

28 Bát tối hạ: lấy cái bát được đổi sau cùng, tức của Tỳ-kheo nhỏ nhất.

29 Tứ phần luật 9, tr. 623a, Đại 22n1428.

30 Đoạn này ngài Trí Húc trích dẫn thiếu (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu, q. 6, tr. 38904, Vạn 40n719). Ma-ha Tăng kỳ luật, q. 10, tr. 316a23, Đại 22n1425: ..... Hòa thượng, A-xà-lê, bạn bè quen biết suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo hiền thiện này vì việc rửa bát mà phương hại đến sự ngồi thiền, trì kinh, tụng kinh", nên họ đập vỡ, hoặc đem giấu...

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 6

23. GIỚI BẢO THỢ DỆT KHÔNG PHẢI BÀ CON DỆT Y

Đại thừa vì chúng sanh nên không đồng học.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, tự mình xin chỉ sợi, khiến thợ dệt không phải thân quyến dệt làm ba y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề

NGUYÊN DO1:

Bạt-nan-đà muốn may y Tăng-già-lê, nên vào trong thành Xá-vệ, đến nhà cư sĩ xin chỉ khắp nơi. Xin được nhiều chỉ bèn khiến thợ dệt, dệt làm ba y, tự mình mắc chỉ vào xa, tự mình coi thợ dệt. Cư sĩ thấy vậy cơ hiềm, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Coi thợ dệt, hoặc tự mình dệt, hay tự mình mắc chỉ vào xa, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Thợ dệt là bà con, tự mình dệt đãy đựng bát hay đồ dùng lặt vặt.

Luật Tăng kỳ nói:

Tự mình đi xin chỉ, phạm Việt tỳ-ni tâm hối; xin được phạm tội Việt tỳ-ni; dệt thành phạm Xả đọa.

Luật Thập tụng nói:

Khiến thợ dệt, không phải bà con dệt, phạm Xả đọa. Đến người không phải bà con xin chỉ, phạm Đột-kiết-la. Tự mình dệt hay sai 5 chúng dệt, phạm Đột-kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Nếu trả tiền dệt thì không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu thiếu y thì nên xin y, không nên xin chỉ để may y. Cần chỉ may y mà đem may giây lưng, không tội.

---o0o---

24. GIỚI CẦU DỆT Y MỚI CHO TỐT

Đại thừa đồng chế và gọi đó là ác cầu đa cầu.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ khiến thợ dệt vì Tỳ-kheo dệt y. Tỳ-kheo ấy, trước chưa được yêu cầu tùy ý, liền đến chỗ thợ dệt nói rằng: "Y này vốn làm cho tôi. Hãy dệt cho tôi thật hết sức khéo, khiến cho dài, rộng, bền chắc,

tôi sẽ trả công cho ít nhiều", Tỳ-kheo ấy trả công, dù chỉ đáng giá một bữa ăn, nếu được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO2:

Thành Xá-vệ có một cư sĩ đem tơ lụa tốt bảo thợ dệt, dệt y cho Bạt-nan-đà. Thợ dệt nói cho Bạt-nan-đà biết việc ấy, Bạt-nan-đà bảo thợ dệt dệt cho dài, cho rộng, bền chắc, thợ dệt nói sợi tơ lụa thiếu. Bạt-nan-đà đến nhà cư sĩ xin thêm tơ lụa. Vợ cư sĩ đem cái rương đựng tơ lụa ra, Bạt-nan-đà chọn lấy theo ý muốn của mình rồi đem đến thợ dệt. Thợ dệt nói tiền thuê ít. Bạt-nan-đà hứa trả tiền công dệt. Cư sĩ từ phương khác trở về thấy không phải cái y mà trước kia ông ta bảo thợ dệt dệt, hỏi ra biết được sự việc bèn sanh cơ hiềm, cho nên Phật chế cấm. Sau đó, Tỳ-kheo nghi không dám trả lời khi có người thỉnh cầu theo ý muốn, cũng không dám từ chối nhận y quá đẹp mà mình không muốn. Phật dạy: Nếu có sự thỉnh tùy ý trước thì không phạm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Mong cầu như vậy mà được y thì phạm Xả đọa, không được y phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Vì người khác xin, hoặc người khác vì mình xin hay không xin mà được.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu chỉ đến khuyên mà không hứa trả thêm giá, được y, phạm Việt tỳ-ni.

Luật Thập tụng nói:

Mình có chỉ sợi khiến thợ dệt dệt thì không phạm.

---o0o---

25. GIỚI CHO Y RỒI HỜN GIẬN LẤY LẠI

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, trước đã cho Tỳ-kheo khác y, sau vì giận hờn, tự mình đoạt, hay sai người đoạt lấy, nói rằng: "Hãy trả y lại cho tôi. Tôi không cho ngài". Nếu Tỳ-kheo kia trả y, Tỳ-kheo này nhận lấy, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO3:

Đệ tử của Nan-đà có tài giáo hóa, Bạt-nan-đà nói rằng: "Cùng với tôi du hành trong nhơn gian, tôi sẽ cho ông cái y". Các Tỳ-kheo khác hỏi: "Tại sao ông cùng đi với Bạt-nan-đà? Ông ta là người ngu si không biết tụng giới thuyết giới, Bố-tát Yết-ma". Sau đó đệ tử của Nan-đà không cùng đi. Bạt-nan-đà đòi lại cái y mà trước đó đã cho. Tỳ-kheo ấy không chịu trả. Bạt-nan-đà giận dữ cướp giật lại. Tỳ-kheo ấy la lòùn: "Đừng làm vậy!" Các Tỳ-kheo ở phòng gần, cùng nhau hỏi biết sự việc, bạch Phật kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đoạt lại mà đem cất giấu, lấy khỏi chỗ cũ, phạm Xả đọa, không cất giấu, không lấy khỏi chỗ cũ, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Không giận dữ, người đó liền trả lại y. Hoặc người khác khuyên bảo họ trả lại y. Hoặc người mượn y cố đoạt một cách vô đạo lý. Hoặc sợ mất y hay bị hư hoại. Hoặc người ấy phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Hoặc bị cử, hoặc diệt tẫn, hoặc nên diệt tẫn. Hoặc vì những việc này, mạng nạn, phạm hạnh nạn. Tất cả trường hợp như vậy mà đoạt lấy, không cất giấu thì không phạm.

Luật Tăng kỳ nói:

Hoặc hợp đồng cho, đoạt lại một cách riêng rẽ. Hoặc cho một cách riêng rẽ mà cùng nhau đoạt lại. Hoặc cùng nhau cho, cùng nhau đoạt. Hoặc cho riêng, đoạt riêng. Cùng nhau đoạt lại mà được, mắc một tội Ba-dật-đề. Đoạt riêng rẽ mà được thì mắc nhiều Ba-dật-đề. Nếu khi cho y nói thế này: "Ở bên tôi thì tôi cho, không ở bên tôi thì tôi lấy lại". Hay là nói: "Vừa ý tôi thì tôi cho, không vừa ý tôi thì tôi lấy lại". Hoặc vì vấn đề chịu học kinh, nên cho, không học kinh nên lấy lại. Tất cả trường hợp như vậy thì không có tội. Hoặc bán chưa lấy tiền, hay lấy chưa hết tiền mà người ấy lấy y, lấy lại không tội. Hoặc đệ tử không thể răn dạy được, vì để chiết phục cho nên đoạt lại, sau khi chiết phục được roài lại cho họ thì không tội.

Luật Thập tụng nói:

Đoạt lại mà được, thì phạm Xả đọa, không được, phạm Đột-kiết-la.

Luận Tát-bà-đa nói:

Đoạt y lại của 5 chúng và người dữ học (học giới lại), hành biệt trụ, hành Ma-na-đỏa, đui, mù, điếc, câm, bị cử, đều phạm Xả đọa. Đoạt y của người cuồng loạn, tâm bệnh hoạn, phạm tứ trọng, ngũ nghịch và ngũ pháp nhơn4 đều mắc tội Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni đoạt y của Tỳ-kheo phạm Đột-kiết-la, đoạt y của Ni chúng đều phạm Xả đọa. Nếu trước đó với ý định dứt khoát cho y người khác, sau vì phiền não tạm đoạt lại, phạm Xả đọa. Khi y trả lại cho người ấy, người trả phải sám hối phạm tội Ba-dật-đề. Nếu trước với ý định dứt khoát cho y người khác, sau với ý định dứt khoát đoạt lấy lại thì phải tính theo tiền mà thành tội (trị giá 5 tiền thì phạm trọng). Nếu trước tạm thời cho y người khác, sau lại đoạt lấy lại vì phẫn nộ muốn gây bực bội cho họ, phạm Đột-kiết-la. Nếu vì chiết phục khiến cho họ lìa ác pháp, tạm thời đoạt lại thì không tội.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Theo luật Tứ phần thì đoạt lại y người phá giới, phá kiến v.v... không phạm. Luận Tát-bà-đa thì nói đoạt lại y người dữ học, cho đến người bị cử đều phạm Xả đọa. Như vậy nên theo bên nào?

Đáp: - Nếu trước đó cho họ y, sau vì họ phá giới v.v... nên đoạt lấy lại, với tâm dùng để chiết phục họ, cho nên không phạm. Nếu họ vốn là người dữ học v.v... trước do ái mà cho, sau do sân nhuế mà đoạt lại là làm theo thói của phàm tình, cho nên kết là có tội vậy.

---o0o---

26. GIỚI DÙNG THUỐC QUÁ BẢY NGÀY

Đây là giá tội Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, có bệnh, các loại thuốc dư tàn như tô (váng sữa), dầu, sanh tô (bơ sống), mật ong, thạch mật (đường mía), trong thời hạn 7 ngày được phép dùng, nếu quá 7 ngày còn dùng, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO5:

Các Tỳ-kheo vào mùa thu bị gió sanh bệnh, hình thể khô khan, lại sanh ghẻ độc. Phật cho phép dùng năm loại thuốc vào trong thời dược, phi thời dược. Lúc đó, Tất-lăng-già-bà-ta ở trong thành La-duyệt, có nhiều người quen biết, cùng nhiều đồ chúng, nhận được tô du, sanh tô, mật, thạch mật. Các đệ tử tích trữ chứa cất, chảy đầy các nơi, phòng xá bị hôi thối. Các Trưởng giả thấy vậy cơ hiềm cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu phạm Xả đọa, thuốc không xả, lại đem đổi thuốc khác, mắc một tội Xả đọa, một Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa.

Không phạm: Tô du quá 7 ngày, đem thoa vào trục của cánh cửa để khỏi kêu; mật, thạch mật đem cho người giữ vườn. Nếu đến 7 ngày thì đem cho Tỳ-kheo dùng.

Luật Căn bản nói:

Trước giờ ngọ nên rửa tay sạch, cầm lấy thuốc ấy đến bên người đồng phạm hạnh thưa: "Cụ thọ ghi nhận cho, Tôi Tỳ-kheo... có bệnh duyên như vậy, thuốc này thanh tịnh, tôi nay xin phép được dùng, trong thời gian 7 ngày đồng như người phạm hạnh". Nói như vậy 3 lần. Nếu uống xong một ngày liền báo với đồng phạm hạnh rằng: "Thuốc này đã uống 1 ngày, còn 6 ngày nữa, tôi sẽ uống". Nên báo cáo như vậy đến ngày thứ 7. Quá 7 ngày, nếu còn thuốc nên xả cho tịnh nhơn hoặc cầu tịch.

Luật nhiếp nói:

Vì ưa dung nghi đẹp, đắm trước mùi thơm ngon, hoặc vì muốn thứ béo, hoặc tâm trá ngụy, dùng các thứ thuốc, đều phạm tội ác tác.

Luật Thập tụng nói:

Nếu trọng bệnh thì không phạm. Thực là 4 loại thức ăn tiêu hóa nuôi thân. Khi ăn nên nghĩ: "Ta vì trị bệnh nên ăn, không vì mùi vị ngon vậy".

Luật Ngũ phần nói:

Nên xả cho Tăng, Tăng xả cho bạch y, Sa-di. Hoặc dùng để thắp đèn hoặc thoa chân. Tỳ-kheo xả, thuốc ấy không được dùng, tất cả Tỳ-kheo đều không được ăn.

---o0o---

27. GIỚI XIN ÁO TẮM MƯA, DÙNG PHI THỜI

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, mùa xuân còn một tháng, có thể tìm cầu y tắm mưa; còn lại nưa tháng, có thể dùng. Nếu Tỳ-kheo quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, quá trước nửa tháng dùng, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO6:

Đức Phật ở nơi vườn Kỳ-đà, Tỳ-xá-khư Mẫu thỉnh Phật và Tăng thọ thực. Khi ấy, nhằm lúc trời mưa, Phật cho phép các Tỳ-kheo tắm mưa. Người ở của bà Tỳ-xá-khư Mẫu đến báo cáo giờ thọ trai, từ xa nhìn thấy Tỳ-kheo lõa hình tắm, nghi là ngoại đạo, về thưa với bà chủ nhà. Sau khi Phật thọ thực xong, bà Tỳ-xá-khư Mẫu xin nguyện tám điều:

- Cúng thức ăn cho khách Tỳ-kheo.

- Cúng thức ăn cho Tỳ-kheo đi xa.

- Cúng thức ăn cho Tỳ-kheo bệnh.

- Cúng thuốc cho Tỳ-kheo bệnh.

- Cúng thức ăn cho người nuôi bệnh.

- Cúng cháo cho chúng Tăng.

- Cúng áo tắm mưa7 cho Tỳ-kheo.

- Cúng áo tắm cho Tỳ-kheo-ni.

Phật đều chấp thuận. Khi ấy, Lục quần suốt cả năm tìm cầu áo tắm mưa, không xả áo mưa, dùng làm việc khác, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ngày 16 tháng ba nên tìm xin, ngày mồng 1 tháng tư nên dùng. Trước thời gian ấy sử dụng, đều phạm Xả đọa.

Luật Tăng kỳ nói:

Y này không được thọ dụng như ba y chính, không được tịnh thí, không được mặc vào trong sông, trong ao để tắm, khi mưa nhỏ không được mặc tắm, chỉ mặc tắm khi mưa lớn. Nếu mưa đột ngột dừng, mồ hôi, đất nhơ, có thể mặc vào trong những chỗ nào có nước để tắm thì không tội. Những lúc khác, cũng không được lõa hình mà tắm, phải mặc xá-lặc (quần cụt) hoặc các loại y cũ. Không được mặc áo tắm mưa làm các việc khác. Nếu khi ăn, muốn lấy dầu thoa thân, hoặc khi bệnh, hay chỗ có nhiều người qua lại, được dùng nó cột hai đầu để che. Rằm tháng tám phải xả. Một Tỳ-kheo ở giữa Tăng xướng rằng:

"Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Hôm nay Tăng xả y tắm mưa". Nói như vậy ba lần.

Nếu đến ngày 16 mới xả, mắc tội Việt tỳ-ni. Xả rồi, được dùng làm ba y, cũng được thuyết tịnh, cũng được mặc vào trong những chỗ nào có nước để tắm, mặc làm mọi việc, không tội.

Luận Tát-bà-đa nói:

Ni được phép chứa áo tắm, chứ không được phép chứa áo tắm mưa. Còn Tỳ-kheo được chứa áo tắm mưa vì hai việc:

- Khi tắm mưa che bốn bên, tắm bên trong, khi nóng cũng vậy.

- Tháng mùa hạ nhiều mưa, thường gói ba y để mang đi.

Nếu gặp năm nhuần tháng ba thì không nên cầu xin vào tháng ba trước. Tỳ-kheo không chứa áo tắm mưa, không tội.

---o0o---

28. GIỚI CHỨA Y CẤP THÍ QUÁ HẠN

Đại thừa vì chúng sanh, nên được chứa, song phải như pháp tịnh thí, như trước đã nói.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, còn mười ngày nữa mới hết ba tháng hạ, các Tỳ-kheo được y cấp thí, Tỳ-kheo biết đó là y cấp thí, có thể thọ nhận, thọ xong, có thể cất chứa cho đến thời của y, nếu cất chứa quá hạn, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO8:

Đức Phật ở Tỳ-lan-nhã, an cư xong, Bà-la-môn thiết cúng thí y. Phật cho phép Tỳ-kheo thọ y an cư. Lục quần thường suốt cả năm xin y, như lúc an cư chưa xong cũng xin y, cũng nhận y. Lại như, Bạt-nan-đà ở trong một trú xứ an cư rồi nghe chỗ an cư khác được y nhiều, bèn đến đó để được chia phần, nhận được nhiều phần đem về trong Kỳ-hoàn.
Nhân đây, các Tỳ-kheo thiểu dục bạch Phật, Phật quở trách.

Khi ấy, trong nước Xá-vệ có hai đại thần tên là Lê-sư-đạt-đa và Phú-na-la nhận lệnh của vua (Ba-tư-nặc), cầm quân đi dẹp phản loạn, tự nghĩ rằng: "Chưa biết có được sống mà trở về hay không?". Hai vị ấy muốn thiết lập trai nghi cúng y cho chư Tăng. Các Tỳ-kheo vì an cư chưa xong, không dám nhận y, bạch Phật, Phật cho phép nhận, bèn kiết giới này.

GIẢI THÍCH:

Y cấp thí là y có thời gian tính, nhận thì được, không nhận thì mất. Thời hạn của y là sau một tháng kể từ ngày Tự tứ nếu không thọ y Ca-thi-na, và sau 5 tháng kể từ ngày Tự tứ nếu có thọ y Ca-thi-na. Còn mười ngày nữa thì đến ngày Tự tứ mà được y cấp thí thì nên nhận. Nhận rồi chứa cho đến thời của y. Nếu còn chín ngày được y cấp thí nên nhận, nhận rồi chứa cho đến thời

của y, lại tăng thêm một ngày. Cho đến còn một ngày nữa thì đến ngày Tự tứ, nhận được y cấp thí thì cất đến thời của y, lại tăng thêm chín ngày.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Quá thời gian về trước hay quá thời gian về sau, đều phạm Xả đọa. Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa.

Không phạm: Y bị đoạt, y bị mất v.v... quá thời hạn về trước; tưởng là y bị mất v.v... quá thời hạn về sau.

Luật Căn bản nói:

Nếu ở trong mùa hạ, thí chủ muốn tự tay dâng cúng y, nhận lấy không phạm. Hoặc lần lượt nhận được y cất chứa của Tỳ-kheo, hoặc thí chủ nói: "Tôi đi, khi trở về, tự tay dâng cúng", tuy quá thời hạn, chứa để cũng không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Trừ 10 ngày, y cấp thí tất cả y an cư phải đợi đến khi Tự tứ mới chia. Nếu trong thời gian an cư mà chia, phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

29. GIỚI THÁNG SAU, KHI MÃN HẠ LÌA Y QUÁ SÁU ĐÊM

Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

Luật Tăng kỳ nói:

Ba tháng hạ chưa đủ.

Luật Ngũ phần nói:

Ba thaùng an cư chưa hết tháng tám.

Luật Thập tụng nói:

Ba tháng qua, chưa đến tháng tám, chưa đủ năm.

Luật Căn bản nói:

Ở nơi trú xứ A-lan-nhã, hậu an cư .

Danh từ Ca-đề dịch là công đức, hay dịch là mão tinh, sao mão nhằm tháng này vậy; nghĩa là 16 tháng bảy cho đến ngày 15 tháng tám, gọi là tháng Ca-đề.

Dựa theo bốn bộ Luật kia, chữ "mãn" phải đọc luôn đến câu dưới. Nghĩa là người hậu an cư, tuy tùy theo chúng tiền an cư, rằm tháng bảy Tự tứ, nhưng phải riêng nơi A-lan-nhã đủ 1 tháng, để đủ thời gian hậu an cư, không cho phép lìa y.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, ba tháng hạ đã hết, một tháng hậu Ca-đề cũng mãn, sống tại A-lan-nhã, chỗ đáng nghi ngờ, có sợ hãi, Tỳ-kheo sống tại trú xứ như vậy, trong ba y, nếu muốn, có thể lưu một y gởi trong nhà dân, các Tỳ-kheo có nhân duyên được lìa ngủ cho đến sáu đêm, nếu quá, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO9:

Đức Phật ở nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo an cư xong, tháng Ca-đề sau đã đủ, ở nơi trú xứ A-lan-nhã, nơi có nhiều nạn giặc, cùng nhau kéo về ở Kỳ-hoàn. Đức Phật biết việc ấy nên cho phép gởi y nơi nhà dân. Nhân đây, lục quần liền gởi y nơi nhà dân, và dặn dò thân hữu Tỳ-kheo rồi đi du hành. Người được dặn dò đem y ra phơi, các Tỳ-kheo bạch Phật, nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

A-lan-nhã: là chỗ cách xa thôn xóm 500 cung. Theo luật của nước Giá-ma-la thì mỗi cung dài 4 khuỷu tay, dùng khuỷu tay để đo. Chỗ có nghi ngờ: là chỗ nghi có kẻ trộm, giặc cướp. Khủng bố là sợ có giặc cướp, ăn trộm. Xá nội: là xóm làng đồng bào.

Luật Ngũ phần nói:

Nhất nhất y có nghĩa là Tăng-già-lê hay y Uất-đa-la-tăng, cái nào nặng thì gởi một cái. Không được gởi y An-đà-hội vì phải mặc nơi thân. Không được gởi hai y, vì khi lễ bái, nhập chúng, khất thực, không được mặc một y. Có

nhân duyên tức là việc của Tháp, việc của hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) và bao nhiêu việc khác.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đến đêm thứ 7, mặt trời chưa xuất hiện, không xả y, tay không rờ đụng y, không ném đá đến được chỗ ở, mặt trời xuất hiện, phạm Xả đọa.

Không phạm: Tưởng là bị cướp đoạt, v.v... đường sá trở ngại và các tai nạn khác.

Luật Tăng kỳ nói:

Tăng Yết-ma, được phép một tháng không mất y.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu một đêm, hai đêm, cho đến năm đêm, việc rồi không trở về, phạm Đột-kiết-la.

Luật nhiếp nói:

Trong lòng vốn đi tạm, nghĩ rằng sẽ trở về liền, đến đó vì sự việc phải ở lại, không về kịp chỗ để y, thì không có lỗi lìa y.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu ở nơi A-lan-nhã chúng Tăng nhiều, phòng xá chắc chắn, khỏi phải gởi nơi xóm làng. Nếu gởi, khi gởi y rồi, mỗi sáu đêm một lần đến xem, thấy y rồi, về lại chỗ A-lan-nhã.

---o0o---

30. GIỚI XOAY VẬT CỦA TĂNG VỀ CHO MÌNH

Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, biết đó là vật thuộc Tăng, mà tự xoay về cho mình, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO10:

Nước Xá-vệ có một cư sĩ, thường ưa dâng cúng Phật và chư Tăng thức ăn và y tốt. Bạt-nan-đà nói với cư sĩ ấy rằng: "Tăng được cúng thì có nhiều người, vậy ông chỉ cúng thức ăn cho Tăng, còn y thì cúng cho tôi." Cư sĩ nghe theo.

Hôm sau, theo lời mời chúng Tăng đến nhà. Cư sĩ thấy oai nghi đầy đủ, nói lớn rằng: Hối hận không được cúng y. Tỳ-kheo hỏi biết vấn đề, bạch Phật kiết giới. Khi ấy, các Tỳ-kheo không biết là vật của Tăng hay không phải là vật của Tăng, là vật đã hứa cho Tăng hay chưa hứa cho Tăng, sau mới biết là vật của Tăng hay đã hứa cho Tăng, hoặc tác sám Xả đọa, hoặc lấy làm xấu hổ. Phật dạy: không biết thì không phạm.

GIẢI THÍCH:

Tăng vật: là vật vì Tăng mà sắm, đã dâng cho Tăng, đã hứa cho Tăng. Vật: là chỉ cho y, bát, tọa cụ, ống đựng kim cho đến đồ đựng nước.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Biết là vật của Tăng, tìm cách xoay về cho mình phạm Xả đọa. Vật của Tăng mà chuyển cho Tháp, vật của Tháp mà chuyển cho Tăng. Vật của Tăng bốn phương, vật của Tăng hiện tiền, vật của Tỳ-kheo Tăng, vật của Tỳ-kheo-ni chúng, triển chuyển đổi nhau, đều phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo-ni phạm Xả đọa. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Đã hứa mà tưởng là không hứa. Hứa ít mà khuyên cho nhiều. Hứa ít người mà khuyên cho nhiều người. Hứa cho đồ xấu, mà khuyên cho đồ tốt.

Luật Căn bảnnói:

Đã hứa cho là tưởng đã hứa, và nghi phạm Xả đọa.11

Chưa hứa tưởng đã hứa và nghi phạm Đột-kiết-la. Đã hứa tưởng chưa hứa, chưa hứa tưởng đã hứa thì không phạm.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu có người muốn bố thí, hỏi Tỳ-kheo, nên cúng cho chỗ nào. Tỳ-kheo nên đáp: "Tùy lòng ông kính trọng chỗ nào thì cúng cho chỗ ấy." Nếu họ lại hỏi: "Cúng chỗ nào được quả báo nhiều." Nên trả lời: "Cúng cho Tăng quả báo nhiều." Nếu lại hỏi: "Tăng ở trú xứ nào trì giới thanh tịnh có công đức." Nên trả lời: "Tăng không phạm giới, thanh tịnh." Nếu có người đem vật đến cúng, Tỳ-kheo nên nói: "Cúng cho Tăng được quả báo lớn." Nếu họ nói: "Tôi đã cúng cho Tăng rồi, nay muốn cúng cho Tôn giả." Như vậy nhận không tội. Nếu biết vật ấy họ hướng đến Tăng khiến họ xoay lại cho mình, phạm Xả đọa. Vật ấy Tăng không nên trả lại. Tăng nên thọ dụng. Nếu khiến họ xoay về cho người khác, phạm Ba-dật-đề. Biết vật ấy hướng cho vị Tăng này, khiến họ xoay cho vị Tăng khaùc v.v... đều phạm tội Việt tỳ-ni. Biết vật ấy họ hướng cho sinh vật này mà bảo họ xoay cho sinh vật khác, phạm Việt tỳ-ni tâm hối.

Luật Ngũ Phần nói:

Nếu thí chủ tự xoay (tự đổi ý) muốn đem vật định cúng Tăng, cúng cho mình thì không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Vật định cho người, khiến đem cho mình, thì nên trả lại cho họ. Nếu vật định cúng cho Tháp này xoay về cho Tháp kia, vật của Tăng kỳ12 này xoay cho Tăng kỳ kia, không nên trả lại mà chỉ sám Đột-kiết-la. Nếu hạ lạp Tự tứ xoay vật của chúng Tăng này hướng về cho Tăng khác, nên trả lại, rồi tác sám Đột-kiết-la. Không trả lại, tính thành tiền kết tội. Diện môn lạp13 cũng như vậy.

C. HỎI ĐỂ KẾT THÚC

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Thiên thứ tư nói về 30 pháp Xả đọa xong.

---o0o---

V. THIÊN THỨ NĂM: 90 BA-DẬT-ĐỀ

Chia làm ba: Nêu chung, kê riêng và kết thúc.

A. NÊU CHUNG

Luật Tăng kỳ có 92, luật Ngũ phần có 91.

Thưa các Đại đức, đây là chín mươi pháp Ba-dật-đề, rút ra từ Giới kinh, nửa tháng tụng một lần.

GIẢI THÍCH:

Luật Căn bản14 nói:

Ba-dật-để-ca, nghĩa là đọa lạc nơi bị thiêu đốt. Tức là khi phạm tội này đọa nơi địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, trong đường ác chịu khổ thiêu đốt. Lại nữa, tội này nếu không ân cần nói lên tha thiết để trừ tội, thì nó có khả năng làm trở ngại các pháp lành.

B. KÊ RIÊNG

Có 90 giới điều, từ giới nói láo cho đến giới 90 là may y đồng với y của Phật.

---o0o---

1. GIỚI NÓI DỐI

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng chế. Vì cứu chúng sanh nên được khai cho.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, cố ý nói dối, Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH15:

Thích tử Tượng Lực cùng với ngoại đạo Phạm chí luận nghị, trường hợp không hơn được, bèn nói ngược lại với ý trước. Khi trong Tăng hỏi, cũng nói ngược lại với lời trước. Phạm chí cơ hiềm, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TẠNG CỦA TỘI

Thấy, nghe, xúc16, biết... tám loại vọng ngữ, nói một cách rõ ràng, phạm Ba-dật-đề; nói không rõ ràng, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Khi thuyết giới, sau ba lần hỏi, nhớ mình có tội mà không nói, phạm Đột-kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Trái với lòng mà nói đều phạm tội đọa. Nếu nói không trái với lòng thì không phạm.

PHỤ:

Luật nhiếp nói:

Đệ tử Phật phải nói thật, không nên thề để minh oan, vì thề là chứng tỏ người ta không tin mình. Dù bị vu oan cũng không nên thề thốt.

Luật Thập tụng nói:

Không được tự mình phù chú hay phù chú cho người. Không được đem vật gì ra để tự thề hay rủa người khác. Không được đem mình phó thác cho thần Thánh hay bảo người phó thác cho thần thánh. Phù chú hay cầu cạnh thần Thánh là cùng một loại. (Như những việc đầu trạng hay tế thần... hiện nay).

---o0o---

2. GIỚI CHÊ BAI

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng chế. Nếu chỉ chê người thì kết tội nhẹ, nếu có khen mình thì bị tội nặng; nếu có gây thêm phiền não thì mất luôn giới của Bồ-tát.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, nói lời nhục mạ bằng các giống loài, Ba-dật-đề

NGUYÊN DO17:

Lục quần xử đoán việc tranh chấp, dùng đủ chủng loại nhục mạ Tỳ-kheo. Tỳ-kheo vì xấu hổ, nên quên trước quên sau, không nói được, nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Tướng trạng của tội: Nhục mạ bằng các giống loài; tức là nói giòng họ thấp kém, làm nghề thấp kém, kỹ thuật thấp kém, công xảo thấp kém. Hoặc chê là người phạm tội, người nhiều kết sử, người mù lòa trọc đầu v.v... Hoặc đối diện nói: Ngươi sanh trong nhà Chiên-đà-la (giòng họ hạ tiện), cho đến các hoạn nạn, dồn dập về cho người...

Hoặc mượn lời ví để mắng như nói: "Ngươi giống như người sanh trong nhà Chiên-đà-la v.v.." Hoặc tự đem mình để so sánh mà mắng, như nói: "Tao không phải giòng Chiên-đà-la v.v.." đều phạm Ba-dật-đề. Nói không rõ ràng phạm Đột-kiết-la. Nếu dùng cách nói khéo léo đối diện mắng, dùng lời ví để mắng, tự so sánh mình để mắng, nói rõ ràng hay không rõ ràng đều phạm Đột-kiết-la. Nói pháp khéo léo, như nói: Người ở nơi A-lan-nhã (rừng vắng), người mặc áo vá, người khất thực, cho đến người ngồi thiền. Đối diện nói: "Ông là người A-lan-nhã v.v.." Nói ví để mắng, như nói: "Ông tựa như kẻ ở A-lan-nhã v.v..." Tự so sánh mình để mắng, như nói: "Tao không phải người ở nơi A-lan-nhã v.v..." Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Vì đem lại lợi ích cho nhau, nên nói vì Pháp, vì Phật, vì giáo giới nên nói. Vì quen thân cho nên nói. Hoặc nói giỡn, nói lỡ lời, nói một mình, nói trong mộng, nói nhầm.

Luật Ngũ phần nói:

Mạ nhục bốn chúng dưới, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni mạ nhục Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề, mạ nhục ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

3. GIỚI NÓI HAI LƯỠI

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, nói lời ly gián, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO18:

Lục quần truyền nói lời kín của bên này bên kia, làm cho trong chúng chưa có cãi cọ sanh cãi cọ; đã có cãi cọ không chấm dứt được, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nói rõ ràng hay không rõ ràng, tội phạm đồng như giới trước. Tỳ-kheo-ni cũng đồng như giới trước.

Trường hợp không phạm như sau: Vì để phá bạn tri thức xấu, bạn đảng xấu, phi pháp, phi luật Yết-ma, vô nghĩa, vô ích mà nói nhiều v.v...

PHỤ:

Nói việc của người nơi cửa quan, phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Nếu có kẻ bạch y ở trong chùa, muốn làm việc quấy ác, xâm phạm não loạn Tỳ-kheo, nên tha thiết nói với họ khiến cho họ được nhiếp phục. Nếu không nhiếp phục họ được, không nên trình thẳng đến vua. Trước hết nên nói với bạn bè của kẻ ác này biết, kế đó mới nói với phu nhơn của vua và con vua, đại thần v.v.... Nếu người ấy bỏ việc quấy ác thì thôi, đừng nên tiến hành công việc ấy nữa.

---o0o---

4. GIỚI NGỦ CÙNG NHÀ VỚI NGƯỜI NỮ

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào cùng phụ nữ ngủ chung một nhà, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO19:

Ngài A-na-luật từ nước Xá-vệ đến nước Câu-tát- la, trên đường đi gặp một thôn, không có trú xứ của Tỳ-kheo. Nghe nhà của một dâm nữ, khách qua đường xin nghỉ đêm tại đó. Tôn giả đến xin nghỉ trọ dưới cánh cửa. Khi đó có các Trưởng giả cũng đến đó xin nghỉ lại đêm. Chỗ chật người đông dâm nữ mời Tôn giả vào trong nhà nghỉ. Tôn giả ngồi kiết già, để tư tưởng trước mặt. Đầu đêm, dâm nữ đến xin được làm vợ. Tôn giả không trả lời mà cũng không nhìn ngó. Đến cuối đêm dâm nữ lại cởi y đến nắm tay Tôn giả. Ngài vọt người lên trên hư không ngồi. Dâm nữ hổ thẹn, mặc áo vào chắp tay, ba lần sám hối. Tôn giả trở về chỗ cũ ngồi, nói pháp vi diệu. Dâm nữ đạt được pháp nhãn tịnh, thọ Tam quy, Ngũ giới, làm người Ưu-bà-di. Ngày hôm sau, Tôn giả thọ sự cúng dường cơm trưa của dâm nữ, và nói pháp rồi đi. Về đến Tăng-già-lam, Tôn giả kể lại cho chúng nghe. Người thiểu dục cơ hiềm, bạch Phật, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Nhà có 4 loại:

a) Bốn phía có vách, trên có lợp.

b) Phía trước trống, không có vách.

c) Tuy có vách mà không bao hết.

d) Hoặc che hết mà có chỗ mở ra vào.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo và phụ nữ hoặc đến trước hay sau, hoặc cùng đến, nếu nằm xuống, lưng, sường bén đất (chiếu), phạm Ba-dật-đề. Tùy theo sự trở mình, phạm Ba-dật-đề. Cùng với quỷ nữ, súc sanh nữ, và người huỳnh môn (bất năng nam), người hai căn, ngủ chung nhà, phạm Đột-kiết-la. Ban ngày phụ nữ

đứng, Tỳ-kheo nằm, Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Không biết có phụ nữ, nhà thiếu chỗ, có che ngăn, hoặc đi, hoặc ngồi, bệnh nằm, bị trói.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu cùng lợp mà ngăn riêng hoặc đại hội thuyết pháp, hoặc mẹ, chị, em, bà con, bệnh hoạn hay có người nam hiểu biết làm bạn, không nằm đều không phạm.

Luật Nhiếp nói:

Nếu cùng với trời, rồng cái có thể thấy hình và bàng sanh cái, ngủ đồng chỗ, đều mắc ác tác. Bàng sanh cỡ nhỏ, không thể hành dâm, không phạm. Nếu có cha mẹ, phu chủ v.v... thủ hộ, đồng ngủ, không phạm.

---o0o---

5. GIỚI CÙNG NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI NGỦ BA ĐÊM

Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, ngủ đêm chung nhà với người chưa thọ Đại giới quá hai đêm, đến đêm thứ ba, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO20:

Lục quần cùng với các Trưởng giả ngủ chung trong giảng đường. Một Tỳ-kheo buông tâm ngủ nghỉ, trở mình bị lộ hình. Một Tỳ-kheo lấy y tủ lại, sau đó lại trở mình lộ hình, như vậy đến lần thứ ba. Trưởng giả cơ hiềm, chế giễu cho nên Phật chế cấm. Sau đó đức Phật ở nước Câu-thiểm-di, vì La-vân (La-hầu-la) chưa thọ Đại giới nên các Tỳ-kheo đuổi ra ngoài. La Vân phải đến ngủ nơi nhà tiêu. Đức Thế Tôn biết việc đoù, bèn đến cầu tiêu dẫn La-vân về phòng của mình ngủ một đêm. Sáng ngày đức Phật họp Tỳ-kheo lại, nói rằng: “Các thầy thiếu lòng thương nên đuổi con nít ra ngoài như thế. Từ nay cho phép các Tỳ-kheo cùng với người chưa thọ Đại giới ngủ hai đêm,

đến đêm thứ ba khi mặt trời chưa xuất hiện nên thức dậy bảo tránh đi nơi khác. Nếu đến đêm thứ tư nên tự mình tránh hoặc bảo người ấy tránh đi".

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm, không phạm đồng như giới trước. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu cùng với người chưa thọ Cụ túc ngủ chung một nhà, nên dùng đến màn ngăn, cao đến cổ hay đến nách, màn thòng gần sát đất, con mèo chui qua không được.

Luật Thập tụng nói:

Có Tỳ-kheo bệnh, sai Sa-di cung cấp hầu hạ, tuy nằm, không phạm. Nhưng nếu có một Tỳ-kheo không bệnh ở đó, không nên nằm.

Luật Căn bản nói:

Nếu sau khi an cư, có một Tỳ-kheo xấu đến trong chùa, thầy chủ chùa nên cho cùng với cầu tịch (Sa-di) ngủ chung một phòng cho đến hết an cư, không có gì phải nghi hoặc. Hạ xong rồi, nếu có thể đuổi đi thì cứ tống cổ đi. Còn không thể đuổi đi, thì nên tìm cách đưa cầu tịch đến chùa khác. Trên đường đi, tuy phải ngủ quá hai đêm, suốt đêm nên ngủ, không có gì nghi hoặc.

PHỤ:

Căn bản mục-đắc-ca nói:

Không cùng với người thế tục, cầu tịch, thọ học nhơn, người biệt trú v.v... ngồi chung, nếu coù nạn duyên thì không phạm.

---o0o---

6. GIỚI CÙNG VỚI NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI TỤNG NIỆM

Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, cùng tụng đọc chung với người chưa thọ Đại giới, Ba-dật-đề.

Kinh Giới nhân duyên nói:

Nếu Tỳ-kheo đến người chưa thọ giới Cụ túc nói một câu giới pháp, phạm Ba-dật-đề. (Xét rằng trong luật Thiện kiến, cũng đồng với ý này. Bởi vì tên của năm thiên chỉ là pháp của đại Tăng, nếu Sa-di... biết hết trở thành giá nạn vậy).

NGUYÊN DO21:

Lục quần cùng với các Trưởng giả tụng kinh Phật tại giảng đường, âm thanh to lớn như giọng đọc kinh của Bà-la-môn, náo loạn các vị tọa thiền, cho nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Người chưa thọ Đại giới: ngoài Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, tất cả mọi người khác vậy.

Luật Tăng kỳ nói:

Tuy Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc rồi cũng không được dạy. Nếu muốn truyền thọ kinh cho đệ tử, nên bảo họ rằng: "Đợi tôi tụng xong ông sẽ tụng". Nếu họ không chịu nhận lời dạy ấy, thì không được dạy.

Luật Ngũ phần nói:

Đồng tụng tức là cùng tụng một lượt. Hoặc người dạy nói chưa xong, người học đã nói. Hoặc người kia tụng chưa xong, người này đã tụng.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu Thầy không dạy rằng: Tôi nói rồi ông sẽ nói, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-dề.

Không phạm: Thầy nói rồi trò nói, hay là hai người đồng nghiệp cùng tụng v.v...

Luật Thiện kiến nói:

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, ngài Ca-diếp là bậc Thượng tọa, cùng 500 vị A-la-hán kiết tập ba tạng, nếu cùng với người chưa thọ Đại giới đọc tụng, phạm Ba-dật-đề. Nếu Pháp sư soạn thuật văn tự, cùng đọc tụng thì không phạm.

---o0o---

7. GIỚI ĐẾN NGƯỜI NGOÀI NÓI TỘI THÔ CỦA KẺ KHÁC

Đại thừa đồng chế. Nghĩa sớ nói: Nói lỗi của người có hai cách:

- Với tâm hãm hại, muốn cho người kia mất danh lợi v.v...

- Với tâm trị phạt, muốn cho người kia bị trói buộc.

Cả hai tâm này đều do nghiệp đóng vai chủ, chắc chắn phạm trọng giới. Nếu với tâm khuyên cải hóa mà nói, và được Tăng sai mà nói, đều không phạm. Lại nữa, nếu phạm thất nghịch, thập trọng, người đó mất giới. Sau khi mất giới rồi, mà nói thì chỉ phạm khinh tội mà thôi.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, biết vị khác có tội thô ác, đem nói với người chưa thọ Đại giới, trừ Tăng Yết-ma, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO22:

Đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật, khi ấy có các vị Tỳ-kheo đang hành pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa, ngồi dưới chúng Tăng. Lục quần nói với bạch y những vị ấy phạm tội như vậy, như vậy, bị phạt nên ngồi dưới chúng. Các Tỳ-kheo phạm tội nghe như vậy hổ thẹn, Tỳ-kheo khác cũng hổ thẹn bạch Phật, kiết giới. Sau đó ngài Xá-lợi-phất được Tăng sai đến nơi vương cung và nhơn dân nói tội của Điều-đạt, liền sanh tâm cẩn thận sợ sệt. Phật dạy: "Tăng sai, không phạm".

GIẢI THÍCH:

Thô ác: là tội Ba-la-di, Tăng tàn. Tăng: là cùng một Yết-ma, cùng một thuyết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu nói rõ ràng phạm Ba-dật-đề, không rõ ràng phạm Đột-kiết-la. Trừ tội thô ác, còn các tội khác, đến người chưa thọ Đại giới nói, phạm Đột-kiết-la. Tự mình, phạm thô tội, đến người chưa thọ giới nói, phạm Đột-kiết-la. Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, đem thô tội của người khác, đến người chưa thọ giới nói, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Người bạch y trước đã nghe thô tội này rồi...

Luật Tăng kỳ nói:

Tỳ-kheo-ni tuy đã thọ Cụ túc giới, cũng không được nói với họ.

Luật Căn bản nói:

Nếu đối với nhà thế tục không biết mà tưởng là họ không biết, hay là nghi mà đến họ nói phạm tội đọa. Nếu đối với nhà thế tục đã biết mà tưởng là họ không biết, hay là nghi, maø đến họ nói, mắc ác tác.

Không phạm: Đối với nhà thế tục không biết mà tưởng là họ đã biết trước v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Bảo đến nói với Ất mà nói với Giáp, bảo nói tội này, mà nói tội khác, đều phạm Ba-dật-đề.

Luật Thập tụng nói:

Nếu Tăng Yết-ma cho phép Tỳ-kheo này là người đi nói tội mà Tỳ-kheo khác đi nói, phạm Đột-kiết-la. Nếu bảo nói với người này, nói chỗ này, mà đến người kia nói, nói chỗ kia, phạm Đột-kiết-la. Nếu khi Tăng tác Yết-ma qui định tùy ý nói, nói lúc nào, nói chỗ nào cũng được thì nói không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Thà phá đập tượng, không nên đến người chưa thọ Cụ túc giới nói lỗi của Tỳ-kheo. Nếu nói tội thì phá Pháp thân vậy. Nếu nói tên hai thiên của tội phạm Ba-dật-đề, nói sự tướng của tội, phạm Đoät kiết-la.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Ngũ phần nói: Bảo đến nói với Giáp mà nói với Ất v.v... đều phạm Ba-dật-đề. Thập tụng lại nói: Đến người khác, chỗ khác nói, chỉ phạm Đột-kiết-la. Như vậy theo bên nào?

Đáp: - Đã được Tăng sai nhưng cái đích để đến (là Giáp) không đúng hẳn, tuy nhầm, nhưng nên
theo luật Thập tụng kết khinh tội; nhưng vì do ác tâm, muốn trù dập người nên đến Ất nói, do vậy, phải theo luật Ngũ phần kết trọng tội là phải.

---o0o---

8. GIỚI ĐẾN NGƯỜI NGOÀI NÓI PHÁP ĐÃ CHỨNG

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, đối với người chưa thọ Cụ túc mà tự nói mình chứng ngộ pháp Thượng nhơn rằng: "Tôi biết điều ấy; tôi thấy điều ấy". Nếu đây là sự thật, Ba-dật-đề.

(Theo trong kinh Giới nhân duyên thì nói với Sa-di cho nên chế).

NGUYÊN DO23:

Duyên khởi bởi các Tỳ-kheo nơi vườn Bà-cầu nên Phật chế. Như đã nói rõ trong thiên đầu.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nói một cách rõ ràng phạm Ba-dật-đề. Nói không rõ ràng phạm Đột-kiết-la. Đến quỷ súc sanh nói phạm Đột-kiết-la, đến người thọ Đại giới không đồng

tình mà nói phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Như trong thiên đầu đã nói.

Luật Ngũ phần nói:

Người thọ Đại giới, không hỏi mà nói, mỗi lời phạm một Đột-kiết-la.

Không phạm: Trước khi Nê-hoàn (Niết-bàn).

Luật Thập tụng nói:

Thật là A-la-hán, cho đến đạt được niệm A-na-ban-na24 mà nói với người, phạm Đột-kiết-la. Nói loài trời v.v... phạm Ba-dật-đề. Nói thổ quỷ phạm Đột-kiết-la.

Luật nhiếp nói:

Đối với người thế tục, hiện thần thông, mắc tội ác tác.

Không phạm: Vì để hiện bày Thánh giáo, hiện việc hy hữu, hoặc vì giáo hóa hữu tình, điều phục taâm, tuy nói, nhưng không tội.

Luận Tát-bà-đa nói:

Vì danh lợi nói: "Tôi trì giới thanh tịnh, tụng Tam tạng, tụng đâu hiểu đó, hỏi đâu trả lời đó", đến người nói, đều phạm Đột-kiết-la.

Ma-đắc-lặc-già nói:

Nói với người cuồng, loạn tâm, bệnh nặng, Đột-kiết-la.

---o0o---

9. GIỚI NÓI PHÁP CHO NGƯỜI NỮ NGHE QUÁ HẠN

Đây thuộc về giá tội. Đại thừa đồng học. Nếu tránh được sự cơ hiềm thì nói rộng hay nói hẹp tùy ý, không phạm.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, thuyết pháp cho người nữ quá năm, sáu lời, trừ có mặt người nam có trí, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO25:

Ca-lưu-đà-di khất thực đến nhà Trưởng giả, trước mặt mẹ chồng, ông ghé tai nói pháp cho nàng dâu nghe, mẹ chồng thấy vậy, sanh nghi, nên Phật chế cấm. Sau đó các Tỳ-kheo không dám vì người nữ nói pháp, Phật lại kiết văn giới này.

GIẢI THÍCH:

Năm lời: tức là sắc vô ngã cho đến thức vô ngã.

Sáu lời: tức là Nhãn vô thường cho đến Thức vô thường. Có mặt người nam có trí: tức là người hiểu biết được việc tốt việc xấu, việc phải việc quấy.

Luật Nhiếp nói:

Năm sáu lời tương ứng nhau, hễ có sự nói naêng thì gọi là năm sáu lời.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết la.

Không phạm: Có mặt người nam có trí nói quá năm sáu lời. Nếu không có người nam có trí mà truyền năm giới, nói pháp năm giới, thọ Bát quan trai giới, nói pháp Bát quan trai, nói pháp bát Thánh đạo, 10 pháp lành (thập thiện), 10 pháp không lành. Và người nữ hỏi nghĩa lý cần trả lời mà họ không hiểu nên phải nói rộng.

Luật Ngũ phần nói:

Vì người nữ, nói pháp năm sáu lời rồi, nói rằng: “Bài pháp đến đây là hết, đứng dậy đi”, lại có nhân duyên, ngồi trở lại, nói lại, không phạm. Nếu nói năm sáu lời rồi, lại có người nữ khác đến, vì người nữ sau nói, tiếp tục như vậy, cho đến rất nhiều người nữ, vì họ nói, đều không phạm. Nếu mình đọc

kinh, người nữ đến nghe, hỏi nghĩa lý kinh, giải thích quá naêm sáu lời, đều không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nữ là người có khả năng chấp nhận sự dâm dục nếu chưa kham nhận làm việc dâm dục, phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

10. GIỚI ĐÀO ĐẤT.

Đây là giá tội. Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, tự tay đào đất hoặc bảo người đào, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO26:

Lục quần tu bổ giảng đường cho đức Phật, tự tay đào đất xung quanh, Trưởng giả cơ hiềm vì làm chết sinh mạng, cho nên chế cấm. Lục quần lại sai người đào cũng bị Trưởng giả cơ hiềm cho nên đức Phật lại kiết giới lần thứ hai.

GIẢI THÍCH:

Đất có 2 thứ: Đất đã đào và đất chưa đào. Đất đã đào trải qua bốn tháng có mưa nắng trở thành như chưa đào.

Luật Thập tụng nói:

Đất có 2 loại: đất sống và đất không sống. Có quốc độ mưa nhiều, tám tháng đất sống (sau tiết kinh trập, trước tiết lập đông), có quốc độ ít mưa, bốn tháng đất sống (bốn tháng mùa hạ). Trừ thời gian đó ra gọi là đất không sống.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu dùng bừa hay dùng xuổng, hay dùng chày, hoặc dùng dao, cho đến móng tay làm tổn thương đến đất, đốt lửa trên đất, tất cả đều phạm Ba-dật-đề. Nếu không nói: "Biết cái này, xem cái này", Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni Ba-dật-đề.

Không phạm: Nếu có nói: "Biết cái này, xem cái này". (Đây là một tịnh ngữ. Ý nói người tịnh nhơn kia tự biết, tự xem xét chỗ nào nên đào, chỗ nào nên để. Tỳ-kheo không nên nói thẳng cuốc chỗ này, để chỗ kia); hoặc phát cây rừng, tre trúc, hàng rào ngã đỡ đứng dậy, lật gạch đá, lấy phân bò; lấy đất bờ sập, lấy đất chuột đào làm hang, hoặc dọn đất chỗ đi kinh hành, hoặc dọn đất trong nhà, hoặc chỗ đi tới đi lui, hay đất quét nhà, đất đắp để tựa, hoặc là không cố đào, đều không phạm.

Luật Tăng kỳ nói:

Trên chỗ đất lõm bên bờ sông lấy chân đạp, mỗi đạp là một Ba-dật-đề. Bờ lõm bên đường đi hay chỗ đất sập thì không phạm.

Thầy Tỳ-kheo trị sự có nhiều vật của Tháp, vật của Tăng muốn chứa cất trong đất, hoặc chỗ trống, sanh địa27, không được tự tay mình đào, nên cho tịnh nhơn biết. Nếu ở chỗ đất bị khuất, tử địa, được tự tay đào đất. Khi khui miệng hầm, khi đậy miệng hầm cũng vậy. Nếu đất chết mà có mưa, không nên tự tay đào, bảo tịnh nhơn đào lấy hết chỗ nước thấm. sau đó tự tay đào, không tội.

Đào đất, Ba-dật-đề. Phân nửa là cát, tội Việt tỳ-ni. Hoàn toàn là cát, không tội, phân, tro cũng vậy.

Luật Thập tụng nói:

Đào đất không sống, mỗi lần đào là một Đột-kiết-la. Đào đất sống, mỗi lần đào một Ba-dật-đề. Tự tay đắp bờ, cho đến gieo hạt rau cải, mỗi hành động như vậy phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo là Kiến trúc sư muốn khởi công làm tượng Phật mới, hay Tăng phòng, đắp đất làm khuôn, thì không phạm, còn Tỳ-kheo khác thì phạm tội. Nếu là vàng bạc sống (chưa lọc) v.v.... các vùng mỏ, hoặc chỗ đất trắng, đất đỏ, màu vàng nhạt, chỗ sanh thạch (đá sống), chỗ hắc thạch (đá đen), chỗ cát, chỗ ruộng muối, đào không phạm.

Luật Căn bản nói:

Đào đất sống phạm Ba-dật-đề, không phải sanh địa (đất sống) tội ác tác. Đóng nọc phạm Ba-dật-đề-ca (Ba-dật-đề), nhổ nọc phạm ác tác. Nếu Tỳ-kheo với chức năng tri sự muốn làm nền, gặp lúc thuận tiện mà không có tịnh nhơn, cần đóng nọc để phân định ranh giới, đóng sâu xuống bốn ngón tay, không phạm.

Luật Ngũ phần nói:

Ba chúng sau đào đất không lý do, phạm Đột-kiết-la, nếu laáy đất khô ráo, không phạm.

---o0o---

11. GIỚI PHÁ HOẠI thôN QUỶ THẦN28

Đây là giá tội. Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, phá hoại mầm sống cây cỏ, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO29:

Có một vị Tỳ-kheo ở nơi chốn khoáng dã, sửa sang phòng nhà, tự mình chặt cây, nên Phật cấm chế.

GIẢI THÍCH:

Quỷ (thực vật): là không phải người. Nơi ở của quỷ thần là chỉ cho tất cả cây cỏ vậy.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu tự mình chặt, tự mình sao, tự mình nấu, hay dạy người chặt, sao, nấu, đều phạm Ba-dật-đề. Đóng đinh lên cây, lấy lửa đặt lên trên cỏ cây, chặt đứt, đều phạm Ba-dật-đề. Làm cho phân nửa chết, phân nửa sống đối với cỏ cây, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Nếu nói: "Biết đây, xem đây!", nếu chặt cỏ cây khô và trường hợp vì nhầm làm đứt nó.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu Tỳ-kheo, cần dùng những việc gì thì nên nói với tịnh nhơn: "Ngươi biết cho (tri thị)!" Nếu họ không hiểu, nên nói lại: "Ngươi xem xét cho (khán tri)!" Nếu tự chặt thôn quỷ thần (cỏ cây), hoặc bảo người chặt, phạm Ba-dật-đề. Cỏ sống, tưởng là cỏ sống hay nghi đều phạm Ba-dật-đề. Cỏ khô, tưởng là cỏ khô; cỏ sống, tưởng là cỏ khô, không phạm. Ba chúng dưới giết sự sống của cỏ cây không lý do, phạm Đột-kiết-la. Nếu bị lửa đốt, bị bẻ, bị chặt, biết chắc là không phải cỏ cây sống thì không phạm. Nơi trú xứ các Tỳ-kheo ở, nơi sân sanh cỏ, cho phép bảo tịnh nhơn biết.

Luận Tát-bà-đa nói:

Có ba giới rất lợi ích cho Phật pháp: Không được gánh vác, không được giết cỏ cây, không được đào đất. Nếu không chế ba giới này, quốc vương sẽ bắt các Tỳ-kheo phục dịch (công tác công cộng có liên hệ đến ba giới). Ba chúng là tịnh nhơn nên không phạm.

Không được leo lên cây hái trái, hay rung cây để trái rớt.

Ma-đắc-lặc-già nói:

Lấy tro, đất, cát, phủ lên trên cỏ sống, phạm Đột-kiết-la. nuốt trộng trái sống chưa tác tịnh, phạm Đột-kiết-la. Nhổ nấm, phạm Đột-kiết-la. Thọc cho trái chín rớt, phạm Đột-kiết-la. Thọc cho trái sống rớt phạm Ba-dật-đề.

Luật Thiện kiến nói:

Cây ngã đè Tỳ-kheo mà không chết, tuy trong tay có dao, búa v.v.... thà chết chứ không chặt cây, đào đất để khỏi chết. Tại sao vậy? Đào đất chặt cây phạm tội đọa. Người trí tuệ thà giữ giới mà chết chứ không để phạm giới mà sống. Nếu có người phóng hỏa đốt, cháy đến chùa, vì bảo vệ trú xứ được phép chẻ tre đào đất để dập ngọn lửa, không phạm.

Cây có hai loại: loại mọc dưới nước, loại mọc trên đất. Hoa sen nổi trên mặt nước mà sống, nếu còn trong nước mà lật úp lại, phạm Đột-kiết-la, nếu lên khỏi nước phạm Ba-dật-đề. Nếu cần bông trái, được phép kéo nhánh cây hạ

thấp xuống, bảo tịnh nhơn hái thì không phạm, không được làm cho cây gãy. Nếu cây cao, tịnh nhơn với không tới, Tỳ-kheo bồng tịnh nhơn lên để hái, không phạm. Nếu cây ngã đè người, Tỳ-kheo chặt cây, đào đất để cứu mạng sống của người đó, không phạm. (Trước nói không được là tự cứu mình, nay nói không phạm vì cứu người vậy, hoàn toàn đồng với ý Thánh giáo Đại thừa).

Luật Tăng kỳ nói:

Có quốc độ làm kho chứa lúa sợ phi nhơn ăn trộm, dùng tre, lửa đốt lên làm dấu cho biết, đây tức là tác tịnh rồi. Như Ma-ma-đế30 có kho chứa lúa chưa tác tịnh, sợ Tỳ-kheo nhỏ tuổi không biết pháp, khiến tịnh nhơn hỏa tịnh, cho đến hết kho lúa, Tỳ-kheo được nói: "xay đi, không phạm".

Luật Căn bản nói:

Người có trách nhiệm lo công việc chùa, khi muốn chặt cây, bảy, tám ngày trước đó, dưới gốc cây, nên bày các vật phẩm cúng tế, và tụng kinh chú nguyện, thuyết thập thiện đạo, khen ngợi hành động lành, lại nên nói rằng: "Nếu nơi cây này trước đây có vị Thiên thần nào trú ngụ, nay nên tìm chỗ khác ở. Cây này vì công việc Tam bảo, cần dùng." Sau đó bảy, tám ngày mới chặt. Khi chặt cây nếu có tướng khác hiện, nên vì khen ngợi công đức thí xả, nói cái lỗi xan tham. Nếu tướng khác vẫn còn hiện thì không nên chặt. Nếu không có tướng khác hiện thì mới chặt vậy. (Nghĩa là khiến người tịnh nhơn "tri" (biết) chứ không phải Tỳ-kheo tự tay chặt vậy).

CHƯỜNG MINH:

Căn bản tạp sự nói:

Nước Đắc-xoa-thi-la có một long vương tên Y-la-bát, hóa thân làm hình của Ma-nộp-bà (thiếu niên) mang một tráp đầy vàng, đi khắp các nơi, dùng kệ xướng rằng:

" Chỗ nào vua là lớn.
Trong nhiễm mà không nhiễm,
Không nhiễm mà lại nhiễm.
Người nào là người ngu?
Nơi nào người ngu lo,
Nơi nào người trí hỷ,

Ai hòa hợp biệt ly,
Gọi đó là an lạc".

Nếu ai giải thích được, liền thưởng tráp vàng này. Song không có ai giải thích được. Đi lần đến nước Bà-la-ni-tư cũng xướng như vậy. Có người trả lời: "Có bậc thượng trí ở nơi A-lan-nhã, tên là Na-lạt-đà, sẽ giả thích nghĩa này." Sau đó không bao lâu, Na-lạt-đà đến. Rồng dùng kệ hỏi. Người kia nghe, ghi nhớ lại, nói rằng: "Mười hai năm sau sẽ giải thích cho ông." Rồng nói: "Như vậy lâu quá, xin trong vòng bảy ngày."

Khi ấy, Na-lạt-đà liền đến báo với năm Tỳ-kheo Tỳ-kheo trả lời: "Ông có thể hỏi Phật." Na-lạt-đà liền đến vườn nai, lễ dưới chân Phật, ngồi một bên. Phật nói pháp cho nghe, chứng quả Dự lưu, nguyện xin xuất gia. Phật dạy:

"Trước hết nên vì Ma-nộp-bà giải thích nghĩa bài tụng, vậy sau mới xuất gia, neân trả lời như vầy:

Vua thứ sáu là hơn.
Chỗ nhiễm liền sanh đắm.
Không nhiễm mà khởi nhiễm.
Nói đó là người ngu.
Người ngu nơi đây lo,
Kẻ trí nơi đây hỷ.
Chỗ ái biệt ly được,
Gọi an lạc là đây.

Người kia nếu không hiểu, lại vì họ nói bài tụng:

Nếu người nghe lời diệu,
Hiểu rồi tu thắng định.
Nếu nghe không rõ nghĩa,
Do người đó phóng dật.

Nếu người kia lại nghi, ông có thể đối với người kia dùng ngón tay ngắt một chiếc lá, nếu hỏi Thế Tôn xuất thế chưa? Trả lời: đã xuất thế. Nếu hỏi nơi nào? Trả lời: Tại Thí Lộc Lâm (vườn nai).

Khi ấy, Na-lạt-đà nhận lời dạy của Phật rồi đến chỗ con rồng, trả lời đầy đủ như trên. Con rồng kia hóa làm Chuyển luân Thánh vương đến chỗ đức Thế Tôn. Phật nói: "Người là người ngu si, ở thời đức Phật Ca-diếp-ba, thọ giới

cấm của Phật, mà không thọ trì nên cảm lấy quả báo hạ liệt làm thân rồng lâu dài. Nay vì lý do nào lại khởi tâm dối trá? Ngay bây giờ ngươi nên hiện nguyên hình trở lại.

Rồng thưa: "Bạch Thế Tôn! Con là thân rồng, vì nhiều oán thù xấu ác, sợ có chúng sanh cùng làm tổn hại. Đức Phật bảo Kim Cang Thủ vì rồng thủ hộ. Long vương một mình đến một chỗ, hiện lại nguyên hình. Thân có 7 đầu, đầu đuôi cách nhau có đến 200 dịch (trạm ngựa), trên mỗi đầu mọc một cây y-la đại thọ, bị gió lay động máu mủ chảy ra, thấm nhớp hình hài, hôi thúi đáng ghê. Thường có các loài trùng, giòi, ruồi, khắp trên thân thể, ngày đêm rút rỉa ăn nuốt. Lúc ấy, Long vương liền dùng thân cũ, đến chỗ Thế Tôn, lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch rằng: "Cúi xin đức Thế Tôn vì con thọ ký, và đến khi nào mới bỏ được thân rồng này?" Phật dạy: "Đời sau, khi con người sống tám vạn tuổi, có đức Phật ra đời hiệu là Từ Thị, vì ngươi thọ ký, sẽ thoát khỏi thân rồng." Long vương buồn khóc, những con mắt trong các đầu đều chảy nước mắt, thành 14 con sông, dòng nước chảy nhanh đáng sợ. Phật bảo: "Phải chấm dứt, đừng để tổn hại đến nước (quốc gia)." Rồng đảnh lễ dưới chân Phật, thoạt biến mất.

Đại chúng hỏi nguyeân nhân vấn đề. Phật dạy: "Thời đức Phật Ca-diếp-ba, con rồng này ở trong giáo pháp của Phật, xuất gia tu hành, thấu rõ ba Tạng, lão luyện các pháp định, đi kinh hành dưới cây y-la, để tự sách tấn mình. Lá cây rơi đụng trán, vẫn nhẫn thọ. Sau đó, vì tâm quá mệt mỏi, nên từ thiền định đứng dậy. Hành giả sách tấn kinh hành, lại bị lá cây rơi trúng đầu quá đau, nổi lòng giận dữ, liền dùng tay bẻ nhánh quăng xuống đất, nói lời như sau: Phật Ca-diếp-ba, những vật vô tình này, thấy có lỗi gì mà chế học giới (xứ) khiến ta chịu khổ thế này? Do lòng sân độc hại quá mạnh, phá hủy giới cấm, nên khi chết đọa làm loài rồng."

PHỤ:

Luật Ngũ phần nói:

Không được vì quỷ thần và sư ngoại đạo làm tháp. Đã làm rồi thì không được phép phá.

Căn bản ni-đà-na nói:

Đối với chỗ Thiên thần không nên cúng dường, cũng đừng khinh khi xâm phạm.

---o0o---

12. GIỚI NÓI QUANH ĐỂ QUẤY RẦY NGƯỜI KHÁC

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, cố ý nói quanh và gây phiền vị khác, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO31:

Xiển-đà phạm tội, các Tỳ-kheo hỏi, Xiển-đà đem bao nhiêu việc khác nói: "Các vị nói với ai, nói việc gì, bàn luận thế nào, nói với tôi hay nói với ai. Ai phạm tội, tội do đâu sanh. Tôi không thấy toäi, tại sao nói tôi có tội?"

Các Tỳ-kheo cơ hiềm, bạch Phật, Phật bảo Tăng tác bạch dư ngữ (nói quanh), kiết giới rằng: Tỳ-kheo nào nói quanh co phạm Ba-dật-đề. Xiển-đà nhơn ấy không nói quanh lại gây phiền haän cho chúng Tăng bằng cách: kêu đến, không đến; không kêu lại đến, cần đứng dậy, không đứng; không cần đứng dậy,
lại đứng, nên nói, không nói; không nên nói lại
nói. Phật lại bảo Tăng tác bạch xúc não, kiết giới này lại.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tăng chưa tác bạch dư ngữ (nói quanh) mà dư ngữ phạm Đột-kiết-la. Nếu tác bạch rồi mà dư ngữ, phạm Ba-dật-đề. Tăng chưa tác bạch xúc não (gây phiền hận) mà kêu đến không đến v.v... đều phạm Đột-kiết-la. Nếu tác bạch rồi mà xúc não đều phạm Ba-dật-đề. Nếu bậc Thượng tọa kêu đến mà không đến phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột- kiết-la.

Không phạm: Nghe lại lời nói trước không hiểu vì có sự mập mờ, cho nên giống là dư ngữ (hỏi lại: "Thầy nói với ai?... cho đến tôi không thấy tội này"). Người ấy làm việc phi pháp, hoặc khi ăn hoặc ngồi chỗ ăn có bệnh, nạn v.v... cho nên giống như là xúc não.

Luật Căn bản nói:

Nếu Tỳ-kheo thấy người thợ săn đuổi con nai v.v... chạy vào chùa. Thợ săn hỏi: "Ông có thấy con nai chạy qua đây không?" Tỳ-kheo không nên nói là: "Thấy". Nếu lúc trời lạnh nên mời họ vào nhà ấm để sưởi lửa. Nếu là lúc trời nóng thì nên mời họ vào nhà mát để uống nước. Nếu họ nói: "Tôi không mệt mỏi." Tôi cần hỏi con nai chạy qua đây. Trước hết tự xem chỉ trong bàn tay mà nói: "Tôi thấy chỉ trong bàn tay." Nếu họ hỏi nữa, nên nhìn lên thái hư mà nói: "Tôi thấy thái hư." Nếu họ nói: "Tôi không hỏi chỉ tay và thái hư, chỉ hỏi con vật cần giết có chạy qua đây không?" Liền khi ấy nên xem khắp bốn phương, khởi niệm như thế này: "Đối với Thắng nghĩa đế, tất cả các hành, vốn không có hữu tình", và trả lời: "Tôi không thấy hữu tình." Như vậy đều không phạm. Nếu khi hỏi việc khác, không như thật mà trả lời, đều mắc tội đọa.

PHỤ:

Giới không cung kính, các bộ luật khác đều có giới này. Đại ý cùng giới này đồng vậy.

Luật Thập tụng nói:

Nếu Tỳ-kheo không cung kính, phạm Ba-dật-đề. Xiển-đà đối với Thượng tọa, khi nói pháp luật, tác dị ngữ (dùng những lời kỳ dị để đáp lại những nạn vấn) đáp, cho nên Phật chế cấm. Tăng sẽ vì họ ghi nhận việc không cung kính bằng cách bạch tứ Yết-ma. Nếu trước khi chưa ghi nhận, khuyên bảo đừng làm. Họ đáp rằng: không làm mà thật làm. Hoặc đáp: sẽ làm mà thật làm, đều phạm Đột-kiết-la. Nếu sau khi Tăng đã ghi nhận việc không cung kính, khuyên bảo đừng làm, mà đáp rằng: không làm mà thật làm. Hoặc đáp rằng: sẽ làm mà thật làm, đều phạm Ba-dật-đề.

Luật Ngũ phần nói:

Khinh ba thầy (Hòa thượng, Thượng tọa, A-xà-lê)và giới đều phạm mỗi một Ba-dật-đề. Khinh Tỳ-kheo khác phạm Đột-kiết-la. Cho đến Thầy bảo quét mà không quét, bảo quét thuận gió mà quét nghịch gió đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng sau phạm Đột-kiết-la.

Luật Nhiếp nói:

Không kính Tăng-già mắc tội đọa. Không kính người khác mắc tội ác tác.

Năm hạng người dạy bảo không được trái nghịch:

1) Quốc vương.

2) Như Lai Đại sư.

3) Bậc Thượng tọa trong chúng.

4) A-giá-lợi-gia (A-xà-lê).

5) Ô-ba-đà-gia (Hòa thượng).

BIỆN MINH:

Quốc vương dạy bảo tức là thường pháp của quốc gia. Tỳ-kheo không được phạm đến quốc hiến như vậy. Nếu dạy bảo một cách phi lý như bảo triều bái hay phục dịch v.v... không nên làm theo. Trong Tạng có ghi chép: Sa-môn không nên lễ bái người đời v.v... cùng các việc, gồm sáu quyển32, Tỳ-kheo không nên không xem. Hơn nữa, trừ bậc Như Lai Đại sư, nếu hai thầy, Thượng tọa có dạy bảo việc phi pháp cũng không nên phục tùng.

Luật Tứ phần nói:

Không nên ở trước một Hòa thượng, hay nhiều Hòa thượng v.v... (nhiều vị đã 10 hạ) hoặc một A-xà-lê, hay nhiều A-xà-lê v.v... (nhiều vị đã 5 hạ) mặc y phủ hai vai và mang guốc dép. Khi thấy hai thầy, Thượng tọa nên đứng dậy chào đón. Trừ khi ăn, khi tác pháp dư thực chứ không ăn, hoặc bệnh, nên thưa rằng: "Đại đức tha thứ cho con, con có duyên sự như vậy nên không đứng dậy được".

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ SÁU

---o0o---

1 Tứ phần luật 9, tr. 624a, Đại 22n1428.

2 Tứ phần luật 9, tr. 624c22, Đại 22n1428.

3 Tứ phần luật 9, tr. 626a, Đại 22n1428.

4 Ngũ pháp nhơn: là người nhận 5 pháp phá Tăng của Đề-bà-đạt-đa.

5 Tứ phần luật 10, tr. 626c, Đại 22n1428.

6 Tứ phần luật 10, tr. 628c24, Đại 22n1428.

7 Vũ dục y 雨浴辍衣Â: Pāli. vassikasāṭikā, khăn quấn để tắm khi trời mưa; khác với dục y 浴衣÷ (udakasāṭikā), khăn tắm để Tỳ-kheo-ni quấn người khi tắm sông. (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

8 Tứ phần luật 10, tr. 630b28, Đại 22n1428.

9 Tứ phần luật 10, tr. 632a19, Đại 22n1428.

10 Tứ phần luật 10, tr. 633a13, Đại 22n1428.

11 Thập tụng luật 8, tr. 60c13, Đại 23n1435: "Nếu Tỳ-kheo xoay đồ vật về mình mà khởi tưởng muốn xoay phạm Ni-tát-kì ba-dật-đề. Hoặc xoay đồ vật về cho mình mà khởi tưởng không xoay cũng phạm Ni-tát-kì ba-dật-đề. Hoặc xoay đồ vật về cho mình mà sanh nghi cũng phạm Ni-tát-kì ba-dật-đề. Nếu không xoay đồ vật về cho mình mà khởi tưởng xoay về thì phạm Đột-kiết-la. Nếu không xoay đồ vật về cho mình mà sanh nghi cũng phạm Đột-kiết-la. Nếu không xoay đồ vật về cho mình và khởi tưởng không xoay thì không phạm."

12 Tăng kỳ 僧祇: dịch là chúng, hoặc số. Như Tăng kỳ bộ, Tăng kỳ luật, Tăng kỳ vật v.v...

13 Diện môn lạc: Xem cht. 10, Trùng trị q. 4 (bản Việt), Tăng-già-bà-thi-sa 12.

14 Căn bản 25, tr. 762c04, Đại 23n1443.

15 Đây là nguyên do (duyên khởi), không phải giải thích, ngài Trí Húc viết nhầm chữ (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu, q. 6, tr. 392b13, Vạn 40n719). Tứ phần luật 11, tr. 634a, Đại 22n1428.

16 Tứ phần luật 11: Xúc giác bởi ba thức: mũi, lưỡi và thân.

17 Tứ phần luật 11, tr. 634c, Đại 22n1428.

18 Tứ phần luật 11, tr. 636a, Đại 22n1428.

19 Tứ phần luật 11, tr. 637a29, Đại 22n1428.

20 Tứ phần luật 11, tr. 638a28, Đại 22n1428.

21 Tứ phần luật 11, tr. 638c, Đại 22n1428.

22 Tứ phần luật 11, tr. 639a29, Đại 22n1428.

23 Tứ phần luật 11, tr. 639c, Đại 22n1428.

24 Niệm A-na-ban-na: Xem trong giải thích giới Ba-la-di 3 (sát sanh), Trùng trị q. 3 (bản Việt).

25 Tứ phần luật 11, tr. 640a, Đại 22n1428.

26 Tứ phần luật 11, tr. 641a, Đại 22n1428.

27 Sinh địa 生地: Đất sinh sản vào tháng 8 ở những nước có mưa nhiều; ở nước mưa ít, tháng 4 đất sinh sản. (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

28 Thôn quỷ thần 鬼神d村: Pāli. bhūtagāma, dịch là chủng loại (hạt giống) có mầm sống. Thôn quỷ thần, nghĩa đen "xóm làng của quỷ thần", đây là hàm nghĩa tín ngưỡng, các quỷ thần thường cư ngụ trên các cây cối, nhất là các đại thọ. Vả lại, cây cối còn là nương náu của nhiều loại côn trùng, cầm thú; do đó, Căn bản và Luật nhiếp dịch là "hữu tình thôn", nghĩa đen là chỗ nương tựa của các hữu tình. (Tứ phần hiệp chú 2A – HT Trí Thủ biên soạn, cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

29 Tứ phần luật 12, tr. 641c, Đại 22n1428.

30 Ma-ma-đế 摩摩帝: Skt. Mamati, là người tri sự, người kinh doanh, hay chủ chùa (Vihāra-svāmin).

31 Tứ phần luật 12, tr. 642a, Đại 22n1428.

32 Tập sa-môn bất ưng bái tục đẳng sự, 6 quyển, Ngạn Tông biên soạn thời Đường, tr. 443, Đại 52n2108.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 7

13. GIỚI CƠ HIỀM HỦY MẠ

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, biếm nhẽ và mắng chửi, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO1:

Đạp-bà-ma-la-tử, trong chức năng phân phối ngọa cụ và mời chư Tăng đi thọ trai. Từ Địa Tỳ-kheo ở nơi chỗ mắt thấy tai không nghe nói ngài có ái, nhuế, bố, si cho nên Phật chế Cấm. Sau đó lại ở nơi chỗ tai nghe mắt không thấy, nói ngài có ái, nhuế, bố, si cho nên Đức Phật kiết lại lần thứ hai.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Hoặc nói xấu trước mặt, hoặc chê bai sau lưng, nói một cách rõ ràng, phạm Ba-dật-đề; nói không rõ ràng, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Người ấy có sự thật như vậy, sợ sau này có lời hối hận, khiến cho như pháp sám hối, và nói giỡn chơi, nói một mình, nói trong mộng, nói nhầm lẫn.

Luật Thiện kiến nói:

Cơ hiềm người được Tăng sai, phạm Ba-dật-đề. Cơ hiềm người khác, phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

14. GIỚI TRẢI NGỌA CỤ CỦA TĂNG MÀ KHÔNG CẤT

Đây là tội ngăn ngừa. Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, mang giường giây, gường cây, hoặc ngọa cụ, đệm (nệm) ngồi của Tăng bày ra chỗ đất trống, hoặc khiến người bày; khi bỏ đi không tự mình dọn cất, không khiến người dọn cất, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO2:

Trong thành Xá-vệ có một Trưởng giả thỉnh chư Tăng thọ trai. Thập thất quần Tỳ-kheo lấy tọa cụ của Tăng trải nơi chỗ đất trống, đi kinh hành, để chờ đến bữa thọ trai. Đến giờ không dọn dẹp, bèn đi phú trai. Tọa cụ của Tăng bị gió, đất, bụi, trùng, chim cắn hư, dơ nhớp không sạch, cho nên Phật chế.

GIẢI THÍCH:

Giường giây, giường caây, loại nào cũng có 5 thứ: chân xoay, chân thẳng, chân cong, chân có lỗ mộng, và loại không chân.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Vừa ra khỏi cửa, phạm Ba-dật-đề. Một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, muốn đi mà chưa đi, lại hối hận, tất cả đều phạm Đột-kiết-la. Nếu hai người cùng nằm một giường, bậc Hạ tọa nên dọn dẹp rồi mới đi. Hạ tọa nghĩ Thượng tọa sẽ dọn dẹp, mà Thượng tọa không dọn dẹp, Hạ tọa phạm Ba-dật-

đề, lại còn mắc tội phi oai nghi, phạm Đột-kiết-la. Thượng tọa bảo Hạ tọa sẽ dọn dẹp, mà Hạ tọa không dọn dẹp, Thượng tọa phạm Ba-đật-đề. Nếu hai người không ai trước ai sau cả hai đều phạm Ba-dật-đề. Nếu bao nhiêu thứ giường khác như võng, giường gỗ, ghế ngồi, ghế ngồi tắm, hoặc đồ lót bên trong ngọa cụ, hoặc đồ trải dưới đất, hoặc dây gai tơ lụa, bỏ dưới đất, không dọn dẹp bèn đi, phạm Đột-kiết-la. Trải ngọa cụ của Tăng nơi đất trống, không dọn dẹp mà vào trong phòng ngồi tư duy, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Thiện kiến nói:

Vật riêng của người khác không dọn dẹp, phạm Đột-kiết-la.

Luận Tát-bà-đa nói:

Sa-di lớn, khéo giữ giới cũng được dặn dò vấn đề này.

Ma-đắc-lặc-già nói:

Ngọa cụ của mình không dọn dẹp, không bảo người dọn dẹp, phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Các Tỳ-kheo ăn xong, có bạch y ngồi liền trên ngọa cụ của Tăng, nên đợi bạch y ăn xong nếu có người bệnh không thể chờ lâu được thì nên đi, người nào thấy, nên dọn. Nếu mất cây gài cửa, khóa cửa, không có chỗ để dọn dẹp, hay tám nạn xảy đến, không dọn dẹp thì không phạm.

Luật nhiếp nói:

Có 5 hạng người không kham phú chúc:

1) Hạng người không biết hổ thẹn.

2) Hạng người có thù địch.

3) Hạng người già yếu.

4) Hạng người thân có bệnh.

5) Hạng chưa thọ viên cụ.

Nhớ mà không dẹp, mắc bổn tội. Nếu quên thì chỉ phạm ác tác.

Tăng-già có y phục, không đem vật khác thế vào, vì việc sử dụng không hợp. (Nếu được) vật thế ấy không phải là vật hư rách. Nếu phu cụ của Tăng có chỗ hư hỏng, cần phải vá lại. Nếu bị đứt đoạn hư rách nên vá nối tiếp lại. Nếu không thể vá được thì dùng làm tim đèn hay làm khăn lau, hoặc vằm ra trộn hồ dùng để trét tường, trám lỗ hổng, khiến cho thí chủ được thêm phước.

Khi nghe pháp, không nên cùng với Tỳ-kheo-ni, người thế tục, cầu tịch3, thọ học nhơn, cùng ngồi gần. Nếu có nạn duyên thì không phải tội. Người không hạ không được cùng ngồi với người ba hạ. Người một hạ không được cùng với người bốn hạ đồng ngồi. Người hai hạ trở lên được cùng với người trên ba hạ đồng ngồi. Nếu trong nhà bạch y chỗ ngồi tạm, tuy cùng với Ô-ba-đà-đa, cùng ngồi, không phạm. Không được một giường hai người cùng nằm, có người tàm quý, không phạm. Nếu trên đường đi nhận được áo choàng ngăn ở chặng giữa, đồng nằm, chẳng phạm.

Nếu có thí chủ dùng y (vải) trải trên đất thỉnh chúng Tăng đi lên trên, hoặc đồ quý báu trang hoàng trên tòa sư tử, dùng áo của người tục trải phủ lên để trần thiết, nên sanh lòng mẫn niệm, nghĩ tưởng vô thường, đi lên trên, không phạm. Nếu thí chủ mượn mền chiếu của Tăng thì nên cho. Việc xong bảo họ mau trả lại, nhớp thì giặt.

Nếu chùa bị cháy, trước hết đem đồ dùng y bát ra trước, rồi đến đem tài sản thường trụ ra sau, sai một người yếu đứng giữ. Lửa cháy mạnh không được vội vào. Bị nước lụt cũng nên áp dụng như vậy.

---o0o---

15. GIỚI KHÔNC DỌN DẸP NGỌA CỤ TRONG PHÒNG TĂNG

Đây là giá tội. Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, ở trong Tăng phòng, tự mình hoặc bảo người trải ngọa cụ của Tăng để ngồi, hoặc nằm, khi đi không tự mình dọn cất, không khiến người dọn cất, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO4:

Đức Phật ở nơi Ky-hoàn, có khách Tỳ-kheo, nói với vị cựu trú: "Tôi trải ngọa cụ một bên trong Tăng phòng để ngủ." Sau đó không nói với vị cựu trú bèn bỏ đi. Ngọa cụ của Tăng bị mục hư, trùng cắn. Thời gian lâu, vị cựu trú không thấy khách Tỳ-kheo, đến nơi phòng xem, thấy sự việc như vậy, cơ hiềm, bạch Phật, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ra khỏi giới, phạm Ba-dật-đề. Một chân ra ngoài giới v.v... Đột-kiết-la.

Không phạm: Đi không lâu trở lại và các nạn duyên v.v...

---o0o---

16. GIỚI CƯỠNG ĐOẠT CHỖ ĐỂ NGỦ

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, đã biết đó là chỗ nghỉ của Tỳ-kheo khác, mình đến sau cố chen vào giữa trải ngọa cụ đeả ngủ nghỉ, với ý nghĩ rằng: "Vị ấy nếu hiềm chật sẽ tự tránh đi chỗ khác." Hành động với nhân duyên ấy chớ không gì khác, không phải oai nghi khác, Ba-đật-đề.

NGUYÊN DO5:

Lục quần cùng với Thập thất quần, trên đường đi, đến trú xứ không có Tỳ-kheo. Thập thất quần nói với lục quần rằng: "Quý ngài là bậc Thượng tọa của chúng tôi, nên tìm chỗ yên nghỉ trước". Lục quần trả lời: "Các ông tự đi tìm nơi nghỉ đi, chúng tôi không cần tìm nơi nghỉ". Thập thất quần liền đến tìm chỗ, trải ngọa cụ yên nghỉ. Lục quần bèn đến nói: "Các ông phải thức dậy, cần phải nằm theo thứ tự lớn nhỏ". Thập thất quần không chịu. Lục

quần cưỡng bức trải ngọa cụ. Thập thất quần la lớn: "Các ngài đừng làm vậy!" Các vị Tỳ-kheo thiểu dục nghe, cơ hiềm, bạch Phật, kiết giới.

Trường hợp có Tỳ-kheo không biết, trước đó đã có ai định chiếm chỗ hay chưa, sau đó mới biết đã có người định chiếm, sám Ba-dật-đề, có người vì cẩn thận sợ, bạch Phật, Phật nói: "Không biết, không phạm".

GIẢI THÍCH:

Chặng giữa là bên đầu, hay bên chân, hay bên hông.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Rộng rãi không phòng ngại gì nhau, hay có người thân quen bảo, hoặc bị bệnh ngã, bị trói buộc v.v...

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu trú xứ nhỏ chật, một Tỳ-kheo chiếm một nơi nào, vừa phải, trải giường nệm, lấy Ni-sư-đàn phủ lên trên, rồi đến nơi hai vị Thầy hoặc lễ bái hỏi chào hoặc thọ đọc tụng. Sau đó có Tỳ-kheo khác đến, kề bên Ni-sư-đàn mà vị trước đã trải, tự trải Ni-sư-đàn để ngồi, tụng kinh tiếng nhỏ. Vị Tỳ-kheo trước kia trở về thấy vậy, nghĩ rằng: Ai đã chiếm chỗ người khác thế này, liền cuốn Ni-sư-đàn đi chỗ khác; vị Tỳ-kheo đến sau phạm Ba-dật-đề. Ngồi thiền, bệnh, cũng như vậy. Nếu đến nơi giường người khác ngủ, vị đó lạo bậc Thượng tọa, nên nói: "Trưởng lão không biết Thế Tôn chế giới sao?" Nếu vị ngủ đoù là Hạ tọa nên quở trách: "Ông không tốt, không biết giới tướng, tại sao đến sau mà ngủ trên giường người khác?" Nếu Tỳ-kheo muốn kinh hành nơi chỗ lạ, thấy Tỳ-kheo đến trước mình thì nên tránh đi. Nếu ban đêm khi ngủ, tiếng ngáy, mớ chấn động, không có ý tạo nhiễu loạn, thì không có tội.

Luật Thập tụng nói:

Người có khả năng trải, mắc Ba-dật-đề, không khả năng trải mắc Đột-kiết-la. Nếu làm phiền người khác, đóng cửa mở cửa, đóng cửa này, mở cửa kia, đốt lửa, dập lửa, đốt đèn, tắt đèn, đọc kệ, đọc kinh, nói pháp, vấn nạn, tùy

theo người khác không bằng lòng việc ấy như thế nào, mỗi mỗi phạm một Ba-dật-đề.

---o0o---

17. GIỚI KÉO NGƯỜI RA KHỎI PHÒNG

Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, giận hờn, không ưa Tỳ-kheo khác, tự mình lôi kéo ra khỏi Tăng phòng, hay khiến người khác lôi ra, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO6:

Cũng do bởi lục quần kéo Thập thất quần ra khỏi phòng nên Phật chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tùy theo vấn đề kéo ra nhiều hay ít, tùy theo vấn đề ra khỏi cửa nhiều hay ít, mỗi mỗi phạm một Ba-dật-đề. Nếu cầm vật của người khác bỏ ngoài cửa, đóng cửa lại, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: không có tâm giận dữ, theo thứ tự đi ra. Hay là bảo người chưa thọ giới Cụ túc, sau ba đêm đã ngủ chung phòng ra ngoài. Hoặc kẻ phá giới, phá kiến cho đến kẻ cần diệt tẫn v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Nếu hướng dẫn người không vui với nhau đến ở chung một phòng, muốn khiến cho họ tự đi ra, họ ra hay không đi ra đều phạm Đột-kiết-la. Kéo bốn chúng khác phạm Đột-kiết-la. Ni kéo Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni ra, phạm Ba-dật-đề. Kéo ba chúng sau ra, phạm Đột-kiết-la. Nếu kéo người không biết tàm quý, hay muốn hàng phục đệ tử, kéo ra không phạm.

Luật nhiếp nói:

Nhà muốn sập đổ, khiên người bệnh ra, không phạm. Nếu có Tỳ-kheo ưa đấu tranh, đối với phép tắc luật lệ hầu hết là sai trái; Người như vậy vì giận mà kéo ra, không có thiện tâm, cũng mắc ác tác. Nếu chỗ đó không phải là Tăng phòng, lôi Tỳ-kheo thanh tịnh ra, mắc tội ác tác. Nếu là người phá giới, đại chúng nên cùng nhau đuổi ra. Nếu họ dựa nơi cửa hay ôm trụ cột, tất cả nên chặt để xô họ ra. Sự việc xong, những chỗ hư hại, Tăng nên tu bổ lại. Vì chúng môn đồ mong muốn họ từ bỏ điều ác, kéo ra khỏi phòng không phạm. Song không được khiến họ ra khỏi trú xứ, nếu không phải tội phá giới, mà chỉ không chịu nghe lời thôi, nên dùng phép kéo lôi mạnh để chiết phục họ. Nên nhờ người trí đến khuyên can họ, khiến họ chấm dứt điều ác, lại sám hối tạ tội. (Pháp kéo lôi mạnh có giải nói nơi giới 64). Nếu ở nơi trú xứ, rắn bỗng nhiên đến, nên khaûy móng tay nói: "Hiền thủ, ngươi nên đi nơi khác, chớ làm phiền bận Tỳ-kheo." Nếu nói rồi mà nó không đi, nên dùng dây mềm cột để nó không bị thương tích. Đem nó bỏ trong rừng, cỏ, đợi nó chui vào lỗ, hang, rồi mới đi. Nếu bỏ rận rệp, nên bỏ nơi cỏ mềm, xem thời tiết lạnh nóng, tùy đó mà bỏ nó nơi thuận lợi. Nếu không thì để nó nơi lỗ vách, lỗ cột, mặc tình nó tự sống.

Luật Tăng kỳ nói:

Lạc đà, trâu, ngựa, ở trong Tháp, sợ nó phá hư Tháp, đuổi ra, không tội.

---o0o---

18. GIỚI TRÊN GÁC NGỒI GIƯỜNG SÚT CHAÂN

Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, tại Tăng phòng, trên tầng gác, nằm hay ngồi trên giường, ghế, băng chân lắp,
Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO7:

Có một Tỳ-kheo ở trên tầng gác, ngồi trên giường chân đã sút, ngồi không an toàn, chân giường rớt xuống tầng dưới, trúng một thầy Tỳ-kheo bị thương đến máu chảy, nên Đức Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Tầng gác: là chỗ ở, người đứng quá đầu.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ngoài loại giường chân lắp bị sút ra, nếu ngồi trên giường riêng một mình, hoặc trên bộ ván, hay ghế ngồi tắm, tất cả đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm: ngồi trên giường chân xoay, chân thẳng, chân cong hay không chân mà tầng lầu có ván bảo vệ...

Luật Tăng kỳ nói:

Dưới lầu không có người, ngồi không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Pháp nằm ngồi, tất cả đều phải coi kỹ cẩn thận. Nếu không coi kỹ cẩn thận ắt phải bị thương, lại mất oai nghi.

---o0o---

19. GIỚI NƯỚC CÓ TRÙNG, TRỘN HỒ TRÉT VÁCH

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, biết nước có trùng, tự mình hoặc bảo người tưới lên bùn hoặc cỏ, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO8:

Xiển-đà xây cất nhà lớn, dùng nước có trùng trộn hồ, dạy người trộn. Các Trưởng giả thấy, cơ hiềm chê trách, nên đức Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới Đột- kiết-la.

Không phạm: không biết có trùng. Nếu trùng lớn dùng tay khua động nước cho nó tránh chỗ khác. Hoặc nước đã lược tưới đất.

Luật Ngũ phần nói:

Nước có trùng là nước phải dùng đãy lọc mới thấy có trùng, hay dùng mắt thịt trông thấy. Nếu có trùng hay tưởng là có trùng, nghi, đều phạm Ba-dật-đề. Không có trùng, tưởng là có trùng, nghi, đều phạm Đột-kiết-la. Dùng, có dùng bên trong, dùng bên ngoài. Dùng bên trong là để ăn uống. Dùng bên ngoài là dùng để tắm, tưới giặt, rửa...

Luật Thập tụng nói:

Tùy theo trùng bị chết, mỗi con là một Ba-dật-đề.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu Tỳ-kheo trong chức năng xây cất phòng nhà, cần nước, nước ao, nước sông, nước giếng, đem lược đựng đầy lu, xem không có trùng mới dùng. Nếu vẫn còn có trùng, thì may cái đãy lọc hai lớp để lọc. Hai lớp mà còn có trùng thì dùng cái đãy ba lớp để lọc. Nếu vẫn có trùng thì nên đào giếng, xem cho kỹ như trước đã nói. Nếu vẫn có trùng thì phải đình chỉ công tác, đến chỗ khác xây cất. Trùng sanh bất thường, hoặc trước không nay có, hoặc nay có sau không, cho nên Tỳ-kheo hằng ngày xem cho kỹ, không có trùng mới dùng.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu làm đãy lọc nước bằng ba lớp vải mà lược còn có trùng thì không nên ở chỗ như vậy.

---o0o---

20. GIỚI LỢP PHÒNG QUÁ BA LỚP TRANH

Đây là giá tội. Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, làm phòng xá lớn, cánh cửa, khung cửa sổ, và các thứ trang trí khác, chỉ bảo người lợp tranh ngang bằng hai, ba lớp nếu quá, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO9:

Xiển-đà cất phòng lớn, lợp tranh còn dư, bảo lợp thêm lớp nữa. Ba lần lợp thêm như vậy mà không thôi, nhà bị sập xuống, các cư sĩ thấy, cơ hiềm chê trách, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột kiết-la.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu lợp đến lớp thứ tư, hoặc tranh, hoặc ngói, hay ván mỗi mỗi đều phạm Ba-dật-đề. Khi tiến hành và chuẩn bị đều phạm Đột-kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Nếu là ngói chín và cây, đá mà thí chủ muốn làm mau thành, tuy quá số lượng đã ấn định bao nhiêu lớp, đều không phạm.

---o0o---

21. GIỚI TỰ TIỆN ĐẾN DẠY NI

Đây là giá tội. Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

Giới này cần quán sát căn cơ, xét thấy có lợi ích lớn thì không phạm. Tuy nhiên, đời mạt pháp cần phải thận trọng.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, không được Tăng sai mà giáo thọ Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đeà.

NGUYÊN DO10:

Đức Phật ở Ky-hoàn, bà Đại Ái Đạo cầu Phật cho phép các Tỳ-kheo giáo giới, thuyết pháp cho Ni. Phật bảo ngài A-nan theo thứ tự sai các Thượng tọa đến dạy. Khi ấy, Tôn giả Ban-đà đến dạy, mà ngài chỉ tụng một bài kệ. Ba lần nói kệ xong, ba lần nhập đệ tứ thiền. Các La-hán Ni đều rất vui mừng. Lục quần Ni chế nhạo chê bai. Tôn giả hiện thần thông trở về. Khi ấy, lục quần Tỳ-kheo tự đến giáo giới, không nói Chánh pháp, chỉ nói chuyện thế tục, cho đến múa hát nhảy nhót v.v... Lục quần Ni rất vui mừng. Bà Đại Ái Đạo bạch Phật, Phật chế rằng: "Tăng phải Bạch nhị yết-ma, sai người đến giáo thọ Tỳ-kheo-ni." Lúc ấy, Lục quần lại ra ngoài giới cùng nhau sai đến dạy. Bà Đại Ái Đạo thưa Phật lần nữa. Phật bảo phải thành tựu 10 pháp mới đến dạy Tỳ-kheo-ni:

1) Giới luật đầy đủ.
2) Đa văn, tụng hai bộ giới cho rành
3) Quyết đoán không nghi.
4) Thuyết pháp giỏi.
5) Tộc tánh xuất gia.
6) Nhan sắc đoan chánh.
7) Ni chúng thấy hoan hỷ.
8) Đủ khả năng thuyết pháp khiến Ni chúng hoan hỷ.
9) hông vì Phật xuất gia mà mặc áo pháp, không phạm trọng tội.
10) Đủ 20 hạ hay nhiều hơn.

Đầy đủ 10 điều trên mới giáo giới cho Ni. Đức Phật bèn kiết giới này.

Luật Căn bản nói:

Đủ 7 pháp này chúng nên sai giáo giới Ni:

1) Trì giới.
2) Đa văn.
3) Bậc kỳ túc.
4) Rành ngôn ngữ thành thị.
5) Chính mình chưa hề làm ố Ni.
6) Khéo phân biệt 8 tha thắng (Ba-la-di).
7) Đối với 8 pháp tôn kính có khả năng giải thích hay và rành rẽ.

GIẢI THÍCH:

Giáo thọ là dạy 8 pháp "Không được trái phạm" của Tỳ-kheo-ni:

1) Tỳ-kheo-ni 100 hạ, thấy Tỳ-kheo mới thọ giới phải đón tiếp, hỏi chào, lễ bái, mời ngồi.

2) Không được mạ nhục hủy báng Tỳ-kheo.

3) Không được cử tội Tỳ-kheo và ngăn tìm tội, thuyết giới, Tự tứ.

4) Phải đến đại Tăng cầu thọ Đại giới.

5) Phạm Tăng tàn phải giữa hai bộ Tăng, hành pháp Ma-na-đỏa trong nửa tháng.

6) Nửa tháng phải đến giữa Tăng cầu thầy giáo thọ.

7) Không nên an cư chỗ không có Tỳ-kheo.

8) An cư xong phải đến Tỳ-kheo Tăng cầu ba việc Tự tứ, kiến, văn, nghi.

Tám việc trên, nên tôn trọng cung kính, khen ngợi, trọn đời không được trái phạm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không phải ngày giáo thọ mà đến nói 8 pháp "không được trái phạm" trên, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tăng sai đến, nên nói rõ thời gian. Ni chúng phải nhớ rõ thời gian để nghinh đón. Hẹn giờ đến mà không đến phạm Đột-kiết-la.

Luật Tăng kỳ nói:

Từ lúc mặt trời xẩm tối, cho đến tướng mặt trời chưa hiện rõ, không được giáo giới Ni, không được dạy chỗ tạp nhạp ở nơi khuất kín, không được dạy chỗ trống trải. Nên dạy chỗ không trống trải quá, không kín đáo quá, hoặc nơi giảng đường hay dưới gốc cây, không được đến giáo giới những ngày 14, 15, mồng 1, 2, 3, mà nên đến giáo giới từ ngày mồng 4 đến ngày thứ 13. Không được giáo giới cho Ni chúng không hòa hiệp. Sau khi đến, nên hỏi Ni chúng có hòa hiệp không? Nếu nói hòa hiệp thì mới bảo họ tập họp. Người nào không đến được, phải gởi dục giáo giới. không được giáo giới một cách thiên lệch, không được giáo giới một cách dài dòng.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu không được Tăng sai mà đến giáo giới Ni, thì mỗi lời phạm Ba-dật-đề. Giáo giới hai chuùng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu không nói Bát kính pháp trước khi nói pháp khác, phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Tỳ-kheo nên tụng giới của Ni, đừng để quên mất. Tại sao vậy? Phật dạy: "Các người nữ ưa quên, trí tuệ tán loạn. Sau khi Ta nê-hoàn (Niết-bàn) các Ni nên đến đại Tăng hỏi giới pháp.

PHỤ:

Luật Ngũ phần nói:

Nếu Tỳ-kheo không được Tăng sai làm giáo thọ mà cố vào trong trú xứ của Ni, trừ khi có nhân duyên, phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên là Tỳ-kheo-ni bệnh. Nếu Tăng không sai làm giáo thọ mà cố vào trú xứ Ni, tùy theo vào nhiều hay ít, mỗi bước phạm một Ba-dật-đề. Một chân trong cửa, phạm Đột-kiết-la. (Luật Tăng kỳ cũng có giới này nên phụ nơi đây).

---o0o---

22. GIỚI DẠY NI ĐẾN CHIỀU TỐI

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, tuy được Tăng sai, nhưng giáo thọ Tỳ-kheo-ni cho đến mặt trời lặn, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO11:

Nan-đà âm thanh tốt (Luận Tát-bà-đa nói không phải Nan-đà em Phật) vì Ni nói pháp, thính giả thích nghe, nên kéo dài đến chiều tối. Ni ra khỏi Ky-hoàn

để vào thành, cửa thành đã đóng, nên phải ngủ ngoài thành, sáng ngày vào thành sớm hơn mọi người. Các Trưởng giả hủy báng cho là cùng ngủ với Tỳ-kheo, nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trừ giáo thọ, nếu thọ kinh, tụng kinh v.v... các việc, cho đến chiều xẩm tối, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: trên thuyền chỗ đông người nói pháp cho Ni nghe. Cùng với khách buôn đi, ban đêm nói pháp cho Ni nghe. Hoặc đến trong chùa Ni nói pháp, hoặc ngày thuyết giới đến thỉnh vị giáo giới, gặp nói pháp bèn nghe.

Luật nhiếp nói:

Tuy đúng thời mà Ni đứng không ngồi, hoặc bận rộn công việc chưa xong, hoặc có việc trở ngại mà vì họ nói pháp, cũng gọi là phi thời. Chiều xẩm, hay tưởng chiều xẩm v.v... sáu câu, 2 nặng, 2 nhẹ, 2 không phạm hoặc nói pháp suốt đêm, hoặc cửa chùa gần nhau, hoặc cửa thành không đóng, hoặc đồng ở trong thành, hoặc Ni chúng ở nhà bạch y, đều không phạm.

Người giáo thọ Ni, được sai một lần rồi, suốt đời giáo thọ khỏi phải sai lại.

---o0o---

23. GIỚI CƠ HIỀM LUẬN BÀN VIỆC DẠY NI

Đại thừa đồng học

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, nói với các Tỳ-kheo như vầy: "Tỳ-kheo vì sự ăn uống mà giáo thọ Tỳ-kheo-ni", Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO12:

Ni nghe thầy giáo thọ đến, cách xa nửa do-tuần đón tiếp, mời vào phòng khang trang, đồ ăn có sẵn, có chỗ tắm rửa. Lục quần không được Tăng sai, lòng sanh đố kỵ, nói như vậy, nên Đức Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nói một cách rõ ràng, phạm Ba-dật-đề; không rõ ràng phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Sự thật là vậy, cho đến nói trong mộng, nói nhầm v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Nếu nói vì cúng dường nên Tỳ-kheo giáo giới, ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nếu noùi Tỳ-kheo hành 12 hạnh đầu-đà, tọa thiền, tụng kinh, làm các công đức đều vì sự cúng dường, mỗi lời nói phạm một Đột-kiết-la.

---o0o---

24. GIỚI CHO Y NGƯỜI NI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Đại thừa không đồng học. Song đời mạt pháp, nên phải xét cẩn thận.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, cho y cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, trừ trao đổi, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO13:

Thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo đi khất thực, oai nghi đầy đủ. Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo-ni thấy, bèn sanh thiện tâm, bao nhiêu lần thỉnh Tỳ-kheo kia, nhưng Tỳ-kheo kia không nhận lời. Sau đó, trong chúng chia y vật, Tỳ-kheo ấy đem phần y của mình ra khỏi cửa Ky-hoàn, thấy cô Ni kia liền đưa cho, với ý nghĩ là cô ấy không nhận, nhưng không ngờ cô Ni ấy lại nhận. Tỳ-kheo đó thường đến người để cơ hiềm, nên đức Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu cho y cho cô Ni phá giới, tà kiến, mà laø bà con, phạm Đột-kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Nếu cho y cho người bà con, tưởng bà con, không phải bà con tưởng là bà con, không phạm. Hay gặp phải nạn, không có y để mặc, nên cho; hoặc nhân thọ giới mà cho y, không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Cho y cho hai chúng nữ khác, đồng phạm.

---o0o---

25. GIỚI MAY Y CHO NI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, may y cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO14:

Ca-lưu-đà-di vì một cô Ni may y, bèn làm tượng nam nữ hành dục, may xong xếp y giao cho Ni, với lời dặn rằng: "Đừng trương ra xem, cũng đừng cho ai coi; khi thời đến, bận y này đi sau Ni chúng". Vị Ni kia làm theo lời dạy... Các cư sĩ thấy, cơ hiềm chê cười. Bà Đại Ái Đạo hiểu biết sự việc. Các ni bạch với các Tỳ-kheo, nhờ bạch đức Thế Tôn, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Ngũ phần nói:

Khi lấy y, phạm Đột-kiết-la. Khi cắt, khi nhuộm đều phạm Ba-dật-đề.

---o0o---

26. GIỚI CÙNG VỚI NI NGỒI CHỖ VẮNG

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, ngồi một mình với một Tỳ-kheo-ni tại chỗ khuất kín, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO15:

Ca-lưu-đà-di đến chỗ ở của Thâu-lan-nan-đà, cùng ngồi một chỗ ở bên ngoài cửa. Cư sĩ cơ hiềm nên Phật chế.

GIẢI THÍCH:

Chỗ khuất kín như trong pháp Bất định đã trình bày.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đui mà không điếc, điếc mà không đui, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Có hẹn, hay đi qua bất ngờ bị
té v.v..

Luật Ngũ phần nói:

Cùng với hai chúng nữ khác ngồi choã vắng cũng phạm Ba-dật-đề.

Luật nhiếp nói:

Dầu là các oai nghi khác cũng đều phạm như nhau.

---o0o---

27. GIỚI CÙNG NI ĐỒNG ĐI

Đây là giá tội, Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, hẹn và cùng đi chung đường với Tỳ-kheo-ni, từ một xóm đến một xóm, trừ trường hợp đặc biệt, Ba-dật-đề. Trường hợp đặc biệt là: cùng đi với khách buôn, hoặc khi có nghi ngờ, có sợ hãi. Đây gọi là trường hợp đặc biệt.

NGUYÊN DO16:

Lục quần cùng với Lục quần Ni du hành trong nhơn gian, cư sĩ cơ hiềm cho nên Phật cấm. Giữa đường tình cờ gặp, vì cẩn thận sợ không dám cùng đi, Phật dạy: "Không hẹn, không phạm". Lại nữa, chúng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni từ nước Xá-vệ đến Tỳ-xá-ly, do bởi không được cùng đi chung, nên Ni phải đi sau, bị bọn cướp, cướp đoạt tư cụ, nên Phật lại khai cho trường hợp đặc biệt.

GIẢI THÍCH:

Luật Thập tụng nói:

Nghi có hai loại:

- Nghi mất y bát.

- Nghi mất lương thực.

Nếu nghi sợ Ni mất y bát thì Tỳ-kheo nên mang hộ cho Ni mà đi; đến chỗ an toàn nên đưa lại và nói: "Các cô tùy ý, không thể cùng đi".

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu cùng Ni hẹn đi, cho đến khoảng cách một thôn, tùy chúng nhiều ít, cương giới thôn nhiều ít, mỗi mỗi phạm Ba-dật-đề. Nơi khoảng trống không, đi 10 dặm17 phạm một Ba-dật-đề. Nếu dưới một thôn hay dưới 10 dặm, hoặc chuẩn bị muốn đi, đều phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Bị thế lực buộc phải đi v.v...

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu cùng đi xe với bạn, xe ngừng, khi xe đi lại, nên gọi Ni, nếu để họ đi không kịp, phạm Ba-dật-đề. Trường hợp đó, nếu kêu: "Đi đi kẻo trễ". Không có tội. Cho đến hỏi đường, hỏi nhà Đàn-việt cũng vậy.

Luật nhiếp nói:

Rủ nhau đi đường bộ, sau đó lại nương nơi không mà đi, hiện thân cùng hẹn, ẩn hình mà đi, đều mắc tội ác tác. Đi thuyền cũng vậy.

Luận Tát-bà-đa nói:

Không hẹn mà tình cờ gặp cùng đi, nên bảo đi cách nhau trong tầm của tiếng nói. Nếu đi gần nhau trong vòng tầm nghe của tiếng nói, phạm Đột-kiết-la. Cùng với hai chúng nữ khác hẹn đi, đồng phạm.

Luật Thập tụng nói:

Nếu có vương phu nhơn cùng đi, không phạm.

PHỤ:

Luật nhiếp nói:

Tỳ-kheo có sự hiềm khích không nên cùng đi. Nếu có nhân duyên phải cần đi với nhau, nên sám hối rồi mới đi. Trên đường đi với nhau nên nói pháp lành, không nên buông ra những lời thô ác. Hoặc là im lặng như Thánh nhơn, chớ khiến tâm tán loạn. Nếu đến miếu thờ Thiên thần, tụng Già-đà18 của Phật, khảy móng tay mà đi qua. Tỳ-kheo không nên cúng dường Thiên thần. Nếu trên đường đi gặp chỗ có thể tạm nghỉ, hoặc chỗ ao hồ, suối cần lấy nước, đều tụng Già-đà. Chỗ cần nghỉ lại đêm cần tụng ba biến. Giây xách nước cũng nên mang theo. Nếu có cơ duyên cùng với Ni đồng hành, vật thực của Ni, Tỳ-kheo nên mang đi, đến bữa ăn trao cho họ. Nếu có Tỳ-kheo bệnh nên cùng nhau khiêng đi; nếu ít người, Ni cũng tiếp tay để khiêng. Đến thôn xóm nên tìm thuốc chữa. Khi khất thực, bảo họ coi đồ đạc. Khất thực về chia phần cho họ. Ni có bệnh theo đây nên biết.

---o0o---

28. GIỚI ĐI ĐỒNG THUYỀN VỚI NI

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, hẹn và đi chung thuyền với Tỳ-kheo-ni dù đi ngược dòng hay xuôi dòng, trừ qua ngang, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO19:

Duyên khởi đồng như giới trước. Trừ qua ngang, vì có chúng Tỳ-kheo và Ni cần đi qua sông Hằng, các Ni phải đi chuyến đò sau, nước lớn, trời đã chiều tối, đò chưa đến, bị giặc cướp, nên khai cho.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Hẹn cùng đi chung thuyền, ngược dòng hay xuôi dòng, bước vào trong thuyền, phạm Ba-dật-đề. Một chân trong thuyền sắp sửa bước vào v.v... phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng khác phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: không cùng hẹn và bị bắt buộc....

Luật Thập tụng nói:

Nếu đi đò ngang mà bị trôi xuống, không phạm.

---o0o---

29. GIỚI NHỜ NI KHEN MÀ ĐƯỢC ĂN

Đại thừa đồng học, thuộc về tà mạng.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, ăn thức ăn mà được biết là do Tỳ-kheo-ni khuyến hóa, trừ Đàn-việt có chủ ý trước, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO20:

Một Trưởng giả ở thành Xá-vệ, thỉnh ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thọ trai. Thâu-lan-nan-đà hủy báng, cho hai ngài là người hạ tiện, và khen ngợi

Đề-bà-đạt là bậc vua trong loại rồng. Trong chốc lát hai ngài đeán, Thâu-lan-nan-đà lại trở lời: "Vua trong loài rồng đã đến". Cư sĩ cơ hiềm Thâu-lan-nan-đà. Hai ngài dùng trai rồi, trở về bạch Phật, Phật bèn quở trách Đề-bà-đạt... kiết giới. Sau đó, Tỳ-kheo không biết có Ni khuyến hóa hay không có Ni khuyến hóa Phật dạy: "Không biết không phạm."

Lại nưõa, nơi thành La-duyệt có vị đại Trưởng giả muốn đợi Lê-sư-đạt đến, rồi cúng dường chúng Tăng. Sau đó Lê-sư-đạt đến thành La-duyệt, có Ni đến nói cho Trưởng giả biết, Trưởng giả liền thiết trai soạn, cúng dường. Lê-sư-đạt sợ phạm giới nên không thọ thực. Do đó, lại trừ Đàn-việt có ý thỉnh trước.

GIẢI THÍCH:

Khuyến hóa: là nói vị ấy tu 12 hạnh đầu-đà, cho đến đa văn, Pháp sư, trì luật, tọa thiền vậy.

Thực: là từ khi minh tướng xuất hiện đến giữa trưa, được phép ăn.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Biết do Ni khen ngợi được đồ ăn mà ăn, mỗi miếng là phạm Ba-dật-đề. Được bao nhiêu thứ khác như y, đèn dầu v.v... phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Ngũ phần nói:

Bốn chúng khác khen ngợi được ăn, phạm Đột-kiết-la.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu không khen ngợi bằng cách quanh co mà chỉ nói: "Bố thí cho Sa-môn phước đức rất nhiều." Như vậy ăn không tội.

---o0o---

30. GIỚI CÙNG ĐI VỚI PHỤ NỮ

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, hẹn và đi chung đường với người nữ, dù chỉ trong khoảng giữa hai xóm, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO21:

Có người con gái ở thành Tỳ-xá-ly lấy chồng người nước Xá-vệ, cùng với mẹ chồng cãi lộn, giận trở về nước. Khi ấy, ngài A-na-luật từ Xá-vệ đến Tỳ-xá-ly, người phụ nữ kia xin được cùng đi, Tôn giả hứa khả. Người chồng tìm vợ, đuổi theo kịp đánh Tôn giả gần chết, Tôn giả tìm chỗ yên tĩnh nơi vệ đường ngồi kiết già nhập hỏa quang tam-muội. Người chồng chờ Tôn giả xuất định, lễ bái sám hối. Tôn giả vì ông ta nói pháp rồi đi. Về đến chùa báo cáo cho chúng biết, bạch Phật, kiết giới.

Không hẹn thì không phạm. Nhân duyên như giới trước.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng như giới trước. Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Nếu người khác bảo người nữ dẫn đường, hoặc không biết đường nhờ người nữ chỉ cho, không phạm.

---o0o---

31. GIỚI THỌ QUÁ MỘT BỮA ĂN

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, tại trú xứ cúng một bữa ăn, Tỳ-kheo không bệnh chỉ nên ăn một bữa; Nếu thọ nhận quá một bữa, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO22:

Có thôn không có trú xứ, cư sĩ vì Tỳ-kheo cất trú xứ23 thường cung cấp đồ ăn thức uống, hạn định một bữa ăn. Lục quần được thức ăn ngon, lại ở đến đêm thứ hai, hay là cứ đến ăn mãi. Cư sĩ cơ hiềm cho nên Phật chế cấm. Sau, ngài Xá-lợi-phất bị bệnh nơi đó, sợ phạm giới này, phải dìu đi chỗ khác, do đây bệnh trầm troïng, cho nên lại thêm chữ "vô bệnh".

GIẢI THÍCH:

Luật Thập tụng nói:

Lá tre làm thương tổn cũng gọi là bệnh.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Có người mời ở lại và gặp các nạn v.v...

Luật Thập tụng nói:

Ngủ quá một đêm mà không ăn lần thứ hai phạm Đột-kiết-la. Ngủ chỗ khác mà ăn nơi đó phạm Ba-dật-đề.

---o0o---

32. GIỚI ĂN NHIỀU LẦN

Đây là giá tội, Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, ăn nhiều lần, trừ các trường hợp khác, Ba-dật-đề. Các trường hợp khác là: Khi bệnh, khi thí y24. Đây gọi là trường hợp khác.

(Luật Căn bản nói: Trường hợp khác là, khi bệnh, khi làm việc, khi đi đường, khi thí y.)

NGUYÊN DO25:

Bà-la-môn Sa-nậu dùng 500 cỗ xe chở đầy lương thực, đi theo đức Thế Tôn, trải qua hết mùa đông đến mùa hạ, chờ ngày nào không có ai cúng dường thì cúng dường, nhưng ngày nào cũng có người cúng. A-nan thấy vậy bạch Phật, Phật cho phép làm bánh, cháo cúng Tăng. Lúc bấy giờ, cư sĩ nghe Phật cho phép Tăng dùng cháo, bánh, đều rất vui mừng. Có một vị đại thần mới tin Phật, thấy Phật và Tăng được cúng dường nhiều, liền sanh ý tưởng ruộng phước, sắm thức ăn ngon béo thỉnh Tăng để cúng dường. Tăng lúc ấy đã dùng cháo đặc nên không dùng được nhiều, vì thế đại thần cơ hiềm. Cũng lúc ấy nơi thành La-duyệt, vị nhạc sư mới tin Phật, thỉnh Tăng cúng dường, cũng xảy việc như vậy nên Phật mới kiết giới.

Đối với các Tỳ-kheo bị bệnh, nơi mời thọ trai không có thức ăn và thuốc cho người bệnh thì không nói, nhưng trường hợp có thức ăn và thuốc cho người bệnh, các Tỳ-kheo lại cẩn thận sợ không dám dùng. Phật cho phép Tỳ-kheo bệnh được dùng nhiều lần. Lại có một cư sĩ đã thỉnh Phật và Tăng, sau có một cư sĩ cũng lại thỉnh Phật và Tăng cúng thức ăn và y, Tỳ-kheo cẩn thận sợ, bạch Phật, Phật cho phép khi thí y được ăn nhiều lần.

GIẢI THÍCH:

Cháo đặc: là cháo lấy cọng cỏ rạch ngang mà nó không hiệp lại. Ăn nhiều lần là được mời ăn nhiều lần vậy. Mời có hai loại: mời theo thứ tự của Tăng và mời riêng. Khi thí y như trong thiên Xả đọa thuyết minh.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu trong một ngày được nhiều chỗ mời thọ trai, nên nhận một chỗ, còn những chỗ khác cúng cho các vị khác. Nói như thế này để cúng: "Trưởng lão, lẽ ra, tôi nên đến chỗ đó, nay cúng cho Ngài". Nếu không cúng lại chỗ thỉnh trước, nhận chỗ thỉnh sau, mỗi miếng ăn là một Ba-dật-đề. Nếu không cúng lại chỗ thỉnh sau, nhận chỗ thỉnh trước, mỗi miếng ăn là phạm một Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu thỉnh cúng không phải đồ ăn, hoặc thức ăn không đủ, hoặc không thỉnh ăn, hoặc đã ăn rồi, lại được thức ăn. Hoặc một chỗ mà có bữa ăn trước, bữa ăn sau.

Luật Thập tụng nói:

Tỳ-kheo bệnh, nếu một chỗ thỉnh không đủ no, nên nhận hai chỗ thỉnh vẫn không đủ no, thì được nhận chỗ thứ ba. Nếu chỗ thứ ba không đủ no, nên nhận hết phần ăn rồi từ từ dùng, cho đến nửa ngày, không nên nhận chỗ thứ tư. Cho phép ngày tiết hội ăn nhiều lần.

Tỳ-ni tự nói:

Tôn giả A-nan, trước đã nhận lời mời của người khác, vì quên, nên cùng với đức Thế Tôn nhận lời mời của vua Ba-tư-nặc. Khi thức ăn vừa vào miệng, Tôn giả liền nhớ là đã nhận hai lời mời mà không cúng lại cho vị khác một chỗ. Tôn giả không dám nhả đồ ăn ra vì cung kính Phật, không dám nuốt đồ ăn vào vì trì giới vậy. Đức Phật biết Tôn giả A-nan đang hối hận, nên Ngài bảo tâm niệm cúng cho người khác một phần, rồi ăn... Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Người khác cũng được như vậy chăng?" Phật dạy: Trừ năm người:

1) Người ngồi thiền (chuyên tâm nơi đạo vậy).

2) Người độc cư (không có người thứ hai để nói).

3) Người đi xa (bận lo việc đi đường cho nên quên, hoặc giả như Căn bản bộ cho thường ăn).

4) Bệnh lâu ngày.

5) Lúc đói khát, nương ở với thân quyến.

Ngoài ra không cho phép.

Ma-đắc-lặc-già nói:

Có người nói với Tỳ-kheo: "Đến đó, sẽ vì ngài tìm y thực". Như vậy ăn không phạm. Hay nói: "Đây là bữa ăn thong thả, bất cứ chỗ nào tùy ý ăn". Như vậy ăn không phạm.

Luật nhiếp nói:

Ở trong nhà hay trong chùa, hoặc A-lan-nhã, vì mong cầu mập béo, ngon miệng mà ăn mãi, mắc tội ác tác. Với tâm khinh khi, e ngại dối trá không ăn cũng mắc tội ác tác.

---o0o---

33. GIỚI ĂN RIÊNG CHÚNG

Đây là giá tội. Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, ăn riêng chúng, trừ các trường hợp khác, Ba-dật-đề. Các trường hợp khác là: khi bệnh, thời gian làm y, thời gian thí y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng tập hợp, khi Sa-môn thí thực. Đây là các trường hợp khác.

NGUYÊN DO26:

Đề-bà-đạt vì lợi dưỡng bị đoạn tuyệt, nên cùng năm Tỳ-kheo kết bạn, khất thực khắp mọi nhà, nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Ăn riêng chúng: là bốn người hay trên bốn người. Ăn: là chỉ cho cơm, bún, bánh khô, cá thịt. Bệnh: là như chân bị đi cà nhắc. Khi may y, khi thí y: như giới trước đã nói. Đi đường: là đi khoảng nửa do-tuần trở lên. Đi thuyền: cũng vậy. Sa-môn thí thực: là ngoài Sa-môn Thích tử ra, còn chỉ cho các giới người xuất gia thuộc ngoại đạo.

Luật Thập tụng nói:

Đại chúng tập hợp, ít nhất là 8 người, bốn người cựu Tỳ-kheo, bốn người khách Tỳ-kheo.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu ở trong giới, thỉnh riêng 4 người trở lên gọi là ăn riêng chúng. Nếu theo thứ tự thỉnh thì không phạm.

Luật Căn bản nói:

Biệt chúng thực laø ăn riêng từng người một.

Luật nhiếp nói:

Biệt chúng là không ăn đồng một chỗ. Hoặc bốn Tỳ-kheo đồng trong một giới, cho đến một người không cùng đồng ăn, đều gọi là biệt chúng. Trong đây nói thức ăn là chỉ cho món ăn chính, thức ăn không chính thì không phạm.

BIỆN MINH:

Vấn đề biệt chúng có hai nghĩa:

1) Lập riêng một chúng, như Tứ phần v.v...
nói rõ.

2) Riêng đối với chúng, như trong Luật nhiếp giải thích. Song, phép khất thực không được 4 người đồng đi. Thọ thỉnh thì cần phải theo Tăng sai mà đến. Thọ tịnh thực nơi Tăng, cần phải đánh kiền chùy. Mời ăn riêng phòng, không có duyên sự thì không cho phép. Phật dạy rằng không nên vượt quá.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không có nhân duyên mà riêng chúng ăn, mỗi miếng ăn phạm một Ba-dật-đề; có nhân duyên mà không nói, Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề.

Luật Thập tụng nói:

Vì hai điều lợi nên ngaên không cho ăn riêng chúng:

- Tùy theo sự bảo hộ của Đàn-việt vì lân mẫn.

- Phá các Tỳ-kheo ác dục có thế lực.

Nếu 3 Tỳ-kheo cùng ăn một chỗ, người thứ tư lấy phần ăn riêng, không phạm. Đi đường, đi thuyền, ngaøy hôm qua đến, ngày nay ăn; ngày mai đến, ngày nay ăn đều Ba-dật-đề.

Luật Tăng kỳ nói:

Ba người ăn, một người không ăn, hay ba người viên cụ (Cụ túc giới), một người chưa viên cụ, đều không phạm. Nếu dùng thức ăn đưa đến bên trú xứ

kia, cho đến một xỉ muối cho chúng kia dùng đều không phạm. Hoặc thí chủ nói: "Vị nào vào, tôi xin cúng"; hoặc thí chủ làm riêng phòng cúng, nói: "Ở phòng tôi, tôi đều cúng", ở đây tất cả đều không phạm.

Kinh Giới nhân duyên nói:

Nếu trong chúng Tỳ-kheo không xướng lên mà riêng đến dự trai soạn, phạm tội đọa. Nguyên do từ bà Tỳ-xá-khư Mẫu thỉnh riêng 500 Tăng nên Phật chế cấm. Muốn biệt thỉnh các vị Đại đức v.v... cần phải thỉnh luôn Tăng-già, cho đến trong chúng nếu chỉ có một người. Theo thứ lớp thọ thỉnh, không gọi là biệt chúng vậy.

PHỤ:

Luật Căn bản nói:

Có 5 nhân duyên mời đến ăn sớm và ăn trong phòng:

- Khách mới dến.
- Sắp đi đâu.
- Thân có bệnh.
- Người nuôi bệnh.
- Trong chức năng tri sự.

Mục-đắc-ca nói:

Người kiểm tra công việc, bữa ăn, nhận phần ăn trước không có lỗi.

---o0o---

34. GIỚI NHẬN THỨC ĂN QUÁ BA BÁT

Đây là giá tội. Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, đến nhà bạch y, được mời thọ dụng vật thực, hoặc bánh, hoặc bột, nếu cần dùng, nên thọ hai, ba bát, trở về trong Tăng-già-lam nên chia cho các Tỳ-kheo khác ăn. Nếu Tỳ-kheo không bệnh, thọ lãnh quá hai, ba bát mang về trong Tăng-già-lam, không chia cho các Tỳ-kheo khác ăn, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO27:

Nước Xá-vệ có một người con gái ở thôn quê, lấy chồng bên nước Uất-thiền, về nhà cha mẹ cúng dường thức ăn cho các Tỳ-kheo, chồng cô ta kêu về, nhơn các Tỳ-kheo nhận hết lương thực, nên cô ta phải sắm lại, người chồng chờ không được phải cưới vợ khác. Lại nữa, ngoài thành Ba-la-nại, các lái buôn cùng với bạn lái xe cùng ngủ. Có một Tỳ-kheo đến trước một thương buôn có lòng tin sâu đậm, nhận được thức ăn, lần lượt bảo các Tỳ-kheo khác đến nhận, đến nỗi lương thực hết, người ấy phải ra chợ sắm lại. Các bạn lái xe phải đi trước, do đó, trên lộ trình đi bị bọn cướp đoạt hết, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Có bệnh nên nhận. Người kia tự đưa đến.

Luật Thập tụng nói:

Lấy quá số lượng phạm Ba-dật-đề. Ra ngoài gặp Tỳ-kheo khác không chia phạm Đột kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Khi nhận thức ăn nơi người khác, quá phần lượng bốn thăng rưỡi gạo nấu cơm trở lên, đều mắc tội đọa. Người thí chủ tùy ý trao cho, hoaëc ít hoặc nhiều không phạm.

Luật nhiếp nói:

Có 5 chỗ không nên đến khất thực:

1) Nhà xướng lệnh (hát).

2) Nhà dâm nữ.

3) Nhà nấu rượu.

4) Trong cung vua.

5) Nhà Chiên-đà-la.

Nên biết tánh người nữ nhiều nhiễm tâm dâm dục không nên đến khất thực, sợ rằng sẽ sanh hoạn nạn. Nếu đối với phi nhơn và nhà ngoại đạo, nhận quá 3 bát, đều mắc ác tác. Cùng một chỗ ngồi ăn quá 3 bát, hoặc trừ bánh, bún, chỉ tính các thứ khác, hay thí chủ hoan hỷ tùy ý mời nhận, đều không phạm. Có 3 loại làm cho tín thí bị hư tổn:

1) Lòng tin của thí chủ cúng cho người trì giới, nhận rồi đưa cho người phạm giới.

2) Lòng tin cúng cho vị chánh kiến, nhận rồi cho người tà kiến.

3) Nhận quá số lượng mà mình không dùng hết, cất chứa cho đến chỉ một vắt, trừ người thí chủ có thỉnh cầu tùy ý trước.

Ba điều này đều gọi là lãng phí của tín thí, sẽ chịu lấy quả báo xấu.

---o0o---

35. GIỚI KHÔNG LÀM PHÉP DƯ THỰC

Đây là giá tội. Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, ăn đã đủ, hoặc khi thọ thỉnh, không làm phép dư thực mà ăn nữa, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO28:

Thế Tôn khen ngợi pháp ăn một lần. Các Tỳ-kheo phụng hành nghiêm chỉnh nên sắc thể có vẻ khô héo. Phật cho phép một lần ngồi ăn cho đến khi no đủ. Lại cho phép ăn những thứ bún bằng gạo và năm thứ thức ăn, khiến cho no đủ. Lại cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn nhiều lần, nhân bỏ đồ ăn thừa, chim quạ tranh nhau ăn, vì chỉ ăn một lần. Lại cho phép người nuôi bệnh được ăn đồ dư và cho phép lấy thức ăn làm pháp dư thực. Lại cho phép các Tỳ-kheo từ chỗ kia đem thức ăn trở về, làm pháp dư thực để ăn.

Pháp dư thực bạch như sau: "Đại đức, tôi ăn no rồi, biết cho, xem cho!" (Mật ngữ). Khi tác pháp dư thực như vậy, người kia nên lấy một ít ăn, rồi nói: "Tôi thôi, thầy lấy dùng đi". Như vậy gọi là pháp dư thực.

Khi ấy, ở nước Xá-vệ có một Tỳ-kheo tham lam thức ăn, ăn không biết đủ, ăn mãi; không biết dư thực, không làm phép dư thực, nhận được liền ăn, cho nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Có 5 món túc thực (ăn đủ):

1) Biết là cơm (tức 5 thức ăn chính, ngoài ra không gọi là túc thực).

2) Biết đem đến (nhận từ người vậy).

3) Biết ngăn (nói không dùng nữa vậy).

4) Biết oai nghi (đi, đứng, ngồi, nằm, bốn oai nghi đều được phép thọ thực).

5) Biết xả oai nghi (đang đi, đứng là xả. Đang đứng, bước đi là xả. Đang ngồi, lìa tòa là xả. Đang nằm, chuyển mình ngồi dậy là xả. Như vậy gọi là oai nghi).

Luật Thập tụng nói:

Do có hai điều lợi cho nên Phật cho phép ăn đồ dư (tức là làm phép dư thực vậy):

1) Nhân duyên Tỳ-kheo nuôi bệnh.

2) Tỳ-kheo có nhân duyên, ăn không đủ vậy.

Ăn đủ rồi, xả oai nghi, không làm phép dư thực mà ăn, mỗi miếng ăn phạm một Ba-dật-đề. Nếu mình đã túc thực mà vì người khác làm pháp dư thực, nếu biết người khác túc thực rồi còn hướng đến họ làm pháp dư thực, nếu tự tay mình cầm lấy thức ăn làm pháp dư thực; hoặc để dưới đất làm. hoặc lấy đồ ăn không ngon phủ trên đồ ăn ngon để làm, hoặc thọ pháp dư thực cho người khác rồi đem đi hết, đều không thành pháp dư thực, phạm Đột-kiết-la.

Luật Tăng kỳ nói:

Khi tác pháp tàn thực phải từ bát lớn sang qua bát nhỏ để làm pháp tàn thực. Chính nơi bát nhỏ mới gọi là tàn thực, để trong bát lớn không gọi là tàn thực. Nước nơi bát nhỏ chảy qua bát lớn, đều được gọi là tàn thực. Nếu cả hai bát đều lớn mà cầu pháp tàn thực, người kia chỉ ăn trong một bát mà thôi. Chính một bát lớn kia gọi là tàn thực. Nếu bánh rau dính trùm lên qua cả hai bát thì cả hai đều gọi là tàn thực. Các thứ đồ đựng khác cũng vậy. Tỳ-kheo túc thực rồi, có thí chủ đem các thức ăn đến, nên hỏi trị nguyệt29, Duy-na, người trị sự, người chưa túc thực, để đến kẻ ấy làm phép tàn thực. Nếu kẻ ấy cũng túc thực rồi, nên đến Thượng tọa chưa túc thực xin làm pháp tàn thực. Nếu Thượng tọa ngại, không thể làm trước số đông người, nên hiệp tòa đến chỗ vắng để làm. Nếu Thượng tọa đã túc thực, có khách Tỳ-kheo đến, nên hỏi vị ấy, nếu chưa túc thực, đến xin làm phép tàn thực. Nếu vị khách đã túc thực rồi, Tăng nên tạo phương tiện đừng để phá thiện tâm của Đàn-việt. Trong chúng có Sa-di nào lớn tuổi, đưa đến giới trường trao giới Cụ túc cho họ, dạy họ làm pháp tàn thực, vậy sau sẽ ăn". (Luật Ngũ phần cũng chủ trương như vậy).

Luật nhiếp nói:

Có 5 loại "Boà-thiện-ny" có thể ăn được: gạo, đậu, bột, thịt và bánh.

Lại có 5 thứ "Kha-đản-ny" có thể nhai bằng răng: Căn (gốc rễ), hành (thân), diệp (lá), hoa và quả.

Nếu trước ăn 5 thứ nhai và sữa, tô, rau v.v... rồi sau ăn 5 thứ "Bồ-thiện-ny" thì không phaïm. Nếu trước ăn 5 thứ "Bồ-thiện-ny" rồi sau ăn 5 thứ nhai và sữa, tô, rau v.v... thì gọi là phạm.

Nên biết có 5 cách nói để chứng tỏ rằng mình ăn chưa đủ, khi trao vật ăn đến mà mình chưa cần:

1) Khi đưa đến nói: "Hãy chờ".
2) Hãy đến nơi khác.
3) Hãy nhận.
4) Hãy đợi tôi dùng.
5) Hãy đợi tôi ăn hết.

Nếu nói có chữ "hãy" tức là ăn chưa đủ. Nếu không có chữ "hãy" tức là ngăn vì đủ. Nếu trong ý chưa no mà nói là no, cũng không thành túc thực, mắc tội ác tác, do lời nói không xứng với pháp vậy. Nếu được dư thực, tác pháp dư thực, tự thân vui sống, thí chủ được phước. Khi muốn tác pháp, rửa tay nhận thức ăn, bưng đến vị Tỳ-kheo ăn chưa đủ hay đã đủ mà chưa lìa khỏi chỗ ngồi, đối với vị ấy xin tác pháp. Vị ấy nếu chưa ngăn vì đủ, nên ăn vài ba miếng, nếu tự thấy đủ rồi bèn không nên ăn, nên dùng tay ấn vào nói: "Đây là vật của tôi, tùy ý dùng".

Có 5 cách không thành tác pháp dư thực:

1) Thân ở trong giới đối với người ngoài giới.
2) Chỗ đưa tay không đụng đến.
3) Đứng ở một bên.
4) Đứng ở phía sau.
5) Người đó đã rời chỗ ngồi.

Ngược lại, 5 điều trên là tác pháp dư thực thành tựu. Nếu một người tác pháp, dầu bao nhiêu người khác ăn, đều không phạm. Nếu đã ngăn vì đủ hay là khởi tưởng ngăn vì đủ, nghi không làm pháp dư thực mà ăn, nuốt vào cổ, mắc tội đọa. Tuy chưa ngăn vì đủ, tưởng ngăn vì đủ, nghi, đều mắc ác tác. Hai điều sau không phạm, nếu là trái ở phương Bắc, và ngó sen của Thiên thần... là những vật khó có, hoặc gặp lúc mất mùa, khất thực khó được, không tác pháp dư thực, ăn đều không phạm .

CHỨNG MINH:

Kinh Tỳ-ni mẫu nói:

Tỳ-kheo nhận vật thí của người không như pháp, vì vật thí mà bị đọa.

Đọa có hai loại:

1) Ăn thức ăn của người không như pháp tu hành phóng tâm buông lung, không làm điều gì gọi là thiện.

2) Trao của thí, chuyển của thí, thí không như pháp, nhơn hai trường hợp này phải đọa trong tam đồ.

Trường hợp nên thí, như cha mẹ nghèo khổ, nên trao cho họ Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, vậy sau mới thí (cung phụng). Trường hợp không nghèo khổ, tuy có thọ quy giới thí vẫn không đúng cách.

Lại có những trường hợp thí: Người bảo vệ Tháp, người phụng Tăng, người tu bổ Tăng phòng, tính theo công mà trả cho họ. Nếu đưa quá số cũng vì thế mà đọa.

Thí cho người bệnh ăn, nên khởi lòng từ, tùy theo chỗ họ cần được trao. Nếu cho thức ăn nhiều lần, do thế cũng bị đọa. Trẻ nít, người bị tù, kẻ bị trói, người mang thai, nên khởi lòng từ thí cho họ, không nên nghĩ việc trả ơn. Người đến Tăng phòng xin nếu tự mình có, khỏi dùng của thí mà cho. Nếu mình không có, dùng của thí để cho thì không lỗi.

Tỳ-kheo không ngồi thiền, không tụng kinh, không làm việc Phật, Pháp, Tăng, nhận của người thí, do đó bị đọa. Đối với người không ba hạnh trên, biết mà chuyển vật thí. Người trao, kẻ nhận, do thế đều bị đọa. Thà nuốt hòn sắt nóng mà chết chứ không vì vô giới (không trì giới) mà nhận vật thực của thí chủ.

Nếu ăn đủ no rồi mà cố ăn thêm, thì không thêm chi về sức khỏe cả, mà chỉ thêm bệnh hoạn. Vậy, không nên ăn uống vô độ.

Kinh Đại niết-bàn nói:

Tất cả pháp vô thường, khổ, vô ngã, tại sao vì miếng ăn mà tạo ba ác nghiệp thân, khẩu, ý?! Nếu vì miếng ăn tạo ba ác nghiệp, nhận được tài vật, thì cả chúng đều nên nói: “Sau nhận quả khổ, không cùng chia phần”.

Lại quán tất cả chúng sanh vì ăn uống nên thân tâm thọ khổ. Tại sao ta lại đối với miếng ăn mà sanh lòng tham? Lại nữa, nhân ăn uống, thân này tăng trưởng, ta nay xuất gia, thọ giới tu đạo, vì muốn bỏ thân, nay tham đắm thức

ăn, làm sao bỏ thân này được?!" Quán như vậy rồi, tuy thọ thực như (Thần) Khoáng Dã ăn thịt con, tâm kia nhàm gớm, đâu có ngon ăn! Quán xét như vậy, thấy rõ "đoàn thực" (thức ăn) là điều gây nhiều tội lỗi. Lại quán "xúc thực" như trâu bị lột da, vô số côn trùng khoét đục. Lại quán "tư thực" như đống lửa lớn, "thức thực" như 300 cây maâu đâm vào. Nếu có Tỳ-kheo khất thực, với ý niệm: nguyện được đồ tốt, nguyện được nhiều, nguyện cho mau được, thì không gọi là đối với thức ăn sanh trưởng yểm ly (nhàm chán). Thiện pháp tu hàng ngày, bị hao mòn, pháp không thiện càng tăng.

Nếu muốn khất thực, trước nên nguyện: Các người xin đều no đủ, người thí được nhiều phước. Nếu tôi được ăn vì chữa lành bệnh, tu tập pháp thiện, lợi ích chúng sanh. Khi nguyện như vậy, pháp lành đang tu ngày càng tăng trưởng, pháp không lành dần dần tiêu diệt.

---o0o---

36. GIỚI KHIẾN CHO NGƯỜI PHẠM PHÁP DƯ THỰC

Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, biết Tỳ-kheo kia ăn đã đủ, hoặc khi thọ thỉnh không làm pháp dư thực mà ân cần mời vị kia ăn, nói rằng: "Trưởng lão hãy dùng món ăn này". Chỉ với mục đích này chứ không gì khác. Tức là muốn người khác phạm giới, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO30:

Tỳ-kheo tham ăn bị người chê trách, lòng ôm giận dữ, muốn cho vị khác cũng phạm, nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu người kia thọ thực, mỗi miếng ăn, cả hai đều bị phạm Ba-dật-đề. Nếu người kia không ăn, người trao đó mắc Đột-kiết-la. Tưởng, nghi v.v... đồng như giới trước.

Không phạm: Không biết đã túc thực, không khiến cho người kia phạm.

---o0o---

37. GIỚI ĂN PHI THỜI

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, ăn phi thời, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO31:

Ca-lưu-đà-di xẩm tối đi khất thực, một phụ nữ có thai, mang thức ăn ra cửa ngõ, gặp lúc trời sấm chớp, thấp thoáng thấy mặt của Ca-lưu-đà-di, hét to gọi là quỷ, bèn đọa thai, giận nói: "Sa-môn Thích tử, thà tự mổ ruột không nên đi khất thực ban đêm". Do đó, đức Phật chế cấm.

Luật Căn bản nói:

Chúng 17 người vào thành khất thực, nghe người nữ nói lời xấu hổ, bèn nhịn đói, không đi khất thực. Chiều lại, có các người bạn thế tục, từ nơi yến tiệc trở về, mang cho thức ăn đầy đủ. Ô-ba-nan-đà đặt vấn đề, được trả lời: "Trước ngọ không nhận được, giữa ngọ, sau ngọ không được ăn, vô lẽ chúng tôi chịu nhịn đói để chết hay sao?" Phật nghe, quở trách, chế học xứ này.

GIẢI THÍCH:

Thời thực là từ khi mặt trời xuất hiện cho đến giữa trưa. Phi thời thực là từ giữa trưa cho đến khi mặt trời chưa xuất hiện.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Ngậm hắc thạch mật32; bệnh uống thuốc ói ra, nấu lúa mạch không cho vỏ nứt ra, lược lấy nước uống, thức ăn trong cổ ói ra nuốt vào.

Luật Căn bản nói:

Phi thời, tưởng phi thời, nghi, đều mắc tội đọa. Thời, tưởng phi thời, nghi, đều phạm ác tác. Thời, tưởng thời, phi thời tưởng thời, không phạm.

CHỨNG MINH:

Kinh Xá-lợi-phất vấn nói:

Ngài Xá-lơïi-phất lại bạch Phật rằng: "Thưa đức Thế Tôn, có các Đàn-việt tạo Tăng-già-lam, cung cấp đầy đủ, chư Tăng, kể cả đời sau, có người giống như người xuất gia, phi thời đến vị phụ trách vật thực, đòi hỏi thức ăn, người cho, người ăn, mắc tội thế nào? Người Đàn-việt kia được hưởng phước gì?"

Phật dạy: "Ăn phi thời là người phá giới, người phạm tội trộm. Cho phi thời cũng là người phá giới, cũng là người phạm tội trộm. Ăn trộm của Đàn-việt, không phải là bản ý của thí chủ. Thí chủ không được phước, vì vật bị mất vậy. Họ chỉ phát tâm để làm điều thiện mà thôi." Ngài Xá-lợi-phất nói: "Nhận đúng thời, ăn đúng thời, ăn không hết còn lại, ăn phi thời. Hoặc có trường hợp nhận đúng thời cho đến phi thời mơùi ăn, được phước hay không?"

Phật dạy: "Ăn uống đúng thời là tịnh, là tạo phước điền, là xuất gia, là Tăng-già, là bạn lành của trời người, là Đạo sư của trời người. Còn ăn phi thời là bất tịnh trộm cướp, ngạ quỷ, là chỗ chứa tội lỗi. Phi thời đòi hỏi, dùng vật đúng thời, hay phi thời, mà đưa lúc phi thời thì người phụ trách vật thực gọi là thối đọa ác ma, gọi là tam ác đạo, đồ vất bỏ, người bệnh hoạn, phá hoại quả lành vậy. Các Bà-la-môn còn không ăn phi thời, ngoại đạo Phạm chí cũng không tà thực, huống là đệ tử của Ta biết pháp, haønh pháp mà lại như vậy sao? Hạng người như vậy không phải là đệ tử của Ta. Người phi pháp trộm cho, trộm nhận, dù cho một vắt, một nắm, hột muối, miếng chanh có tính cách thù tạc, chết cũng đọa vào địa ngục Tiêu tràng, nuốt hòn sắt nóng. Từ địa ngục ra, sanh vào loài heo chó, ăn đồ bất tịnh. Lại sanh vào loài chim dữ, người sợ tiếng kêu của nó. Sau sanh vào ngạ quỷ trở lại trong Già-lam, ở trong cầu tiêu, ăn nuốt phẩn uế, trải qua trăm ngàn vạn năm. Lại sanh trong loài người, bần cùng hạ tiện, nói không ai tin. Không như ăn trộm vật của một người, tội kia còn nhẹ. Cướp đoạt phước điền nhiều người, là đoạn tuyệt đạo xuất thế vậy".

PHỤ:

Căn bản ni-đà-na nói:

Tỳ-kheo có bệnh, thầy thuốc bảo dùng nước hòa với bột, cho dùng lúc phi thời.

Phật dạy: Có loại trâu không có răng ăn lúa, đại tiện ra còn nguyên, dùng làm bột, phi thời nên dùng. Dùng mà không lành thì dùng bột lúa sống, quậy nhiều nước, lược rồi dùng.” Uống như vậy vẫn không lành, Phật dạy: “Thầy thuốc bảo dùng bột gạo để uống, hoặc đặc hay vắt, tùy ý nên dùng. Những gì Ta vì người bệnh khai cho dùng khi phi thời, sau khi lành bệnh, đều không nên dùng”.

Bách nhất yết-ma nói:

Có năm loại trái cây thời, phi thời, bệnh, không bệnh đều được phép dùng:

1) Trái Ha-lê-lặc33, Hoa dịch là Thiên chủ trì lai.

2) Trái Tỳ-hê-lặc34.

3) Trái Am-ma-lặc35, tức Dư cam tử ở Lãnh Nam, hình giống cây tân lang. Ăn trừ bệnh phong.

4) Trái Mạt-túc, tức cây hồ tiêu.

5) Trái Tất-bạt-lợi, tức trái củ tương (trầu cay).

San bổ yết-ma nói:

Có nhân duyên bệnh khát, cho thọ phi thời tương. Tức trái tương, mật tương v.v... lóng lấy nước trong mà uống. Có nhân duyên bệnh phong nhiệt, cho dùng 5 loại thuốc 7 ngày. Có nhân duyên các bệnh cho dùng thuốc tận hình thọ (suốt đời), tức tất cả chất muối, đắng, chua v.v... không tùy tiện ăn được, như loại gừng, tiêu, cho đến các loại cao, đơn, hoàn, tán đều dùng được.

Nước phi thời tương không được để đến sáng hôm sau. Thuốc 7 ngày không được để đến ngày thứ tám.

Nam hải ký quy nói:

Cơm còn dính trong răng, chất béo còn thừa trên lưỡi, chưa dùng nước sạch súc miệng lại mà chảy nước miếng ra thì phải nhổ ra ngoài, nếu qua khỏi nửa ngày bèn phạm phi thời. Luật sư là người quán nước quán thời.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ BẢY

---o0o---

1 Tứ phần luật 12, tr. 643a, Đại 22n1428.

2 Tứ phần luật 12, tr. 643c, Đại 22n1428.

3 Đoạn này ngài Trí Húc trích dẫn thiếu (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 7, tr. 398a05, Vạn 40n719). Căn bản tát-bà-đa bộ luật nhiếp 9, tr. 579a, Đại 24n1458: “Khi ban đêm các Bí-sô nghe pháp không được cùng Ni và người thế tục, cầu tịch đồng một thảm chiếu gần nhau mà ngồi; cũng không ngồi cùng thọ học nhơn.” (諸T苾芻僧夜聽法時不應與尼及俗人求筵寂同一氈籍席相近而坐.授學之人亦不同座à).

4 Tứ phần luật 12, tr. 644b, Đại 22n1428.

5 Tứ phần luật 12, tr. 645a, Đại 22n1428.

6 Tứ phần luật 12, tr. 645c, Đại 22n1428.

7 Tứ phần luật 12, tr. 646a, Đại 22n1428.

8 Tứ phần luật 12, tr. 646b, Đại 22n1428.

9 Tứ phần luật 12, tr. 647a, Đại 22n1428.

10 Tứ phần luật 12, tr. 647b, Đại 22n1428.

11 Tứ phần luật 13, tr. 649c, Đại 22n1428.

12 Tứ phần luật 13, tr. 650a, Đại 22n1428.

13 Tứ phần luật 13, tr. 650c, Đại 22n1428.

14 Tứ phần luật 13, tr. 651a, Đại 22n1428.

15 Tứ phần luật 13, tr. 651c, Đại 22n1428.

16 Tứ phần luật 13, tr. 652a, Đại 22n1428.

17 Dặm: AÂm Hán "Lí 里", có nhiều cách tính về dặm. Dặm Anh là 1609m, các nước AÂu tây là 4000m, Trung Quốc là 500m. Còn dặm theo đường bộ của nước ta (Việt Nam) xưa là 1350 thước mộc.

18 Già-đà 伽陀I: Skt. Gāthā, dịch là Cô khởi tụng, phúng tụng... Một trong 9 hoặc 12 thể loại kinh.

19 Tứ phần luật 13, tr. 652c, Đại 22n1428.

20 Tứ phần luật 13, tr. 653a, Đại 22n1428.

21 Tứ phần luật 13, tr. 654a, Đại 22n1428.

22 Tứ phần luật 13, tr. 654c, Đại 22n1428.

23 Thập tụng 12: Phước đức xá 福德舍 (nhà từ thiện), với phụ chú (Đại 23n1435, tr. 89c25): "Chính xác, gọi là là nhất túc xứ 一宿處» (chỗ ngủ trọ một đêm)." Pāli. āvasaṭhapiṇḍa, lữ xá có bố thí thức ăn. (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

24 Tứ phần luật 13, tr. 657a23, Đại 22n1428: Thí y, Tự tứ rồi, không thọ y Ca-thi-na là một tháng, có thọ y Ca-thi-na thì năm tháng.

25 Tứ phần luật 13, tr. 655b, Đại 22n1428.

26 Tứ phần luật 14, tr. 657b, Đại 22n1428.

27 Tứ phần luật 14, tr. 659a, Đại 22n1428.

28 Tứ phần luật 14, tr. 660a, Đại 22n1428.

29 Trị nguyệt 直月甭: là người được chúng giao trách nhiệm đảm đương mọi công việc trong chùa trong 1 tháng, 1 năm, hay 1 ngày.

30 Tứ phần luật 14, tr. 661c, Đại 22n1428.

31 Tứ phần luật 14, tr. 662b, Đại 22n1428.

32 Hắc thạch mật 黑石蜜: loại đường cát chưa tinh luyện. (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

33 Ha-lê-lặc 訶X梨?勒: Skt. haritakẏ, Pāli. haryṭaka. Thiện kiến luật tỳ-bà-sa 17, tr. 795a20, Đại 24n1462: Ha-lê-lặc, to như trái táo lớn, có vị chua đắng, dùng làm thuốc tiện lợi.

34 Tỳ-hê-lặc 毘醯勒: Pāli. Vibhẏtaka. Thiện kiến luật tỳ-bà-sa 17: Tỳ-ê-lặc, hình dáng như trái táo, có vị ngọt, dùng làm thuốc có thể trị bệnh ho.

35 Yêm-ma-lặc 菴摩勒: Pāli. Āmalaka. Thiện kiến luật tỳ-bà-sa 17: Yêm-ma-lặc (A-ma-lặc), là trái Dư cam tử, ở đất Quảng Châu có trái này, hình dáng như trái Nhuy tử lớn (một thứ cây nhỏ có quả ăn được, hột dùng làm thuốc).

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 8

38. GIỚI ĂN THỨC ĂN CÁCH ĐÊM

Đây là giá tội. Đại thừa Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, cất chứa đồ ăn quá đêm và ăn, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO1:

Tôn giả Ca-la thường tọa thiền tư duy, khi ấy trong thành khất thực dễ được. Ca-la nghĩ rằng: "Tại sao hàng ngày phải đi khất thực khổ sở! Thà là ta ăn những thức ăn được trước, những thức ăn được sau mang về để ngày mai ăn". Sau đó làm theo ý đã nghĩ. Các Tỳ-kheo đến bữa ăn không thấy Ca-la, nghi là qua đời hay là đi nơi khác... Sau đó, lại thấy hỏi biết lý do, bạch Phật, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Thức ăn nhận được ngày nay để đến ngày mai, đối với các Tỳ-kheo đều là vật không thanh tịnh.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: thức ăn còn thừa đem trao cho cha mẹ hay người công quả v.v... Sau đó, từ nơi họ xin lại thì được ăn.

Luật Thập tụng nói:

Đại Tỳ-kheo chưa dùng tay nhận mà cùng ngủ với thức ăn thì gọi là nội túc2, ăn phạm Đột-kiết-la; đã dùng tay nhận và cùng ngủ gọi là tàn túc thực3, nếu ăn phạm Ba-dật-đề.

- Trước tự lấy trái cây, sau nhận từ nơi tịnh nhơn mà ăn, phạm Đột-kiết-la.

- Có hai loại xúc thực, ăn không tội:

a) Tỳ-kheo thanh tịnh đụng nhầm.

b) Tỳ-kheo phá giới không biết xấu hổ đụng vào (xúc chạm).

Thuốc 7 ngày có thể dùng quá nửa ngày.

Căn bản ni-đà-na nói:

Bánh hay trái cây ăn còn, đem trao cho Sa-di, sáng ngày được nhận ăn; nếu có tâm hy vọng sẽ nhận lại thì khi trao mắc ác tác, khi ăn phạm tội đọa, nếu hoàn toàn không có tâm hy vọng sẽ được nhận lại thì không phạm.

Mục-đắc-ca nói:

Nếu người bệnh mà nghèo, dầu, tô dư thừa dùng không tội.

- Tỳ-kheo đi đường, bảo Sa-di mang lương thực theo có thể vì Sa-di đỡ lên, đỡ xuống. Lại nữa, các Bí-sô đi đường nên đem theo lương thực, đã không có người thế tục, lại không có Sa-di, thì nên khuyến hóa thí chủ. Thí chủ cũng không, nên tự tay mang đi, sau đó gặp người thế tục, trao đổi mà ăn. Trường hợp không thể thực hiện phương tiện trao đổi thì nên chia làm hai phaàn, bảo người thế tục rằng: "Ngươi lấy một phần". Người ấy lấy rồi, bảo người ấy rằng: "Ngươi lấy phần ăn của tôi, tôi lấy phần ăn của người, thay đổi mà ăn". Trường hợp này nếu khó thực hiện, thì ngày thứ nhất nên tuyệt thực. Sáng ngày nếu có người trao thì nhận lấy mà ăn. Nếu không có người trao, thì cho phép tự lấy một nhúm mà ăn. Cho đến ngày thứ ba lại không có người trao, cho ăn 2 nhúm. Đến ngày thứ tư lại không có người trao, tùy theo ý của mình, ăn no, không phạm. Sau đó, trên lộ trình đi, lương thực bị hết sạch, có trái chín rớt trên đất, nên lấy tác tịnh, thọ rồi mới ăn. Nếu tịnh nhơn khó có được, thọ rồi, nên ăn. Người trao cũng không, thì có thể tự lấy, khởi tưởng của Bắc châu (Bắc Câu-lô châu) mà ăn. Trên cây trái chín chưa rụng xuống đất, nên tự leo lên cây rung cho nó rớt, tự lấy mà ăn. Những điều khai mở trên, đều là vì nạn duyên, nếu không nạn duyên thảy đều cấm ngăn.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu nhiều Tỳ-kheo cùng đi mà chỉ có một Sa-di nhỏ, Tỳ-kheo tự gánh lấy lương thực, đến giờ ăn, mỗi người tự chia phần. Sa-di nhận phần của mình rồi, nói với Tỳ-kheo rằng: "Nay đem phần của Sa-di cúng cho Đại đức". Đổi được rồi, lại đổi cho vị thứ hai, lần lượt cho đến cả chúng, ăn như thế không tội. Nếu Sa-di không hiểu pháp Tỳ-kheo tự đem phần ăn của mình cho Sa-di, lần lượt đổi như trên rồi ăn, không phạm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu thức ăn là Phật lạp, diện môn lạp, tự tứ lạp, tuy trước cầm, sau mua, được ăn, không có cái tưởng là của mình vậy, không tội.

CHỨNG MINH:

Căn bản tạp sự nói:

Phật bảo A-nan: "Không có trường hợp, ở trong nhà nào đó, ăn đồ ăn cách đêm, mà chứng được A-la-hán. Nhưng cũng không có trường hợp có A-la-hán, các lậu đã hết, ở trong nhà bạch y, mà ăn đồ ăn cách đêm".

BIỆN MINH:

Hỏi: - Sa-di không ăn đồ ăn cách đêm, được chứng quả A-la-hán. Nếu đã chứng quả A-la-hán
rồi thì cần gì phải thọ giới Cụ túc?

Đáp: - Trong 8 loại Tỳ-kheo, tuy có loại Tỳ-kheo phá kiết sử, song khi Phật diệt độ, cần phải dùng Bạch tứ yết-ma làm tôn yếu. Cho nên Sa-di dầu đã chứng vô học, cần phải tức thời thọ Cụ túc, không đợi tuổi đủ 20. Chưa hề có trường hợp không đăng đàn thọ Cụ ấy vậy.

---o0o---

39. GIỚI TỰ NHẬN THỨC ĂN

Đây là giá tội. Tỳ-kheo Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, đưa vào miệng thức ăn hoặc thuốc không được trao nhận, trừ nước và tăm xỉa răng, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO4:

Nơi thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo, thường khất thực mặc y phấn tảo. Khi ấy trong thành, các cư sĩ, vì cha mẹ của họ qua đời; nơi ngã tư đường cho đến trong miếu, thiết trai phạn cúng tế. Tỳ-kheo ấy tự tay lấy thức ăn mà ăn. Cư sĩ cơ hiềm, cho nên Phật chế cấm. Lúc bấy giờ, có các Tỳ-kheo sanh nghi, không dám tự lấy tăm xỉa răng và nước lã để uống, Phật dạy: không phạm.

GIẢI THÍCH:

Nhận có 5 cách:

- Dùng tay trao, dùng tay nhận.

- Dùng tay trao, dùng vật nhận.

- Dùng vật trao, dùng vật nhận.

- Dùng vật trao, dùng tay nhận.

- Dùng vật từ xa đưa, người trao, kẻ nhận đều biết nhau, không có gì trở ngại, rơi vào trong tay.

Lại có 5 cách nhận:

- Thân trao, thân nhận.

- Y trao, y nhận.

- Khuỷu tay trao, khuỷu tay nhận.

- Đồ trao, đồ nhận.

- Hoặc có nhân duyên để nơi đất trao.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tưởng, nghi v.v... sáu câu như thường có thể biết.

Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề.

Luật Ngũ phần nói:

Trừ thức ăn nếm thử không được nuốt. Cho phép từ rồng nhận thức ăn, từ trời nhận thức ăn, từ quỷ nhận thức ăn, từ khỉ nhận thức ăn, từ nơi lời nói của thí chủ nhận thức ăn. Không được nhận thức ăn từ đằng xa ném tới mà ăn.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Tứ phần cho nhận vật từ xa ném đến thì thành thọ. Ngũ phần thì không cho nhận vật thực ném đến để ăn. Vậy thì ở đây, nên theo bên nào?

Đáp: - Tứ phần cho nhận vật từ xa ném đến, vì phải dùng tay để hứng lấy, hoặc có nhân duyên. Ngũ phần ném thức ăn, do bởi khinh mạn. Cho phép, hay chế cấm đều có lý do riêng biệt, chủ ý ở nơi đây là vậy.

---o0o---

40. GIỚI KHÔNG BỆNH ĐÒI THỨC ĂN NGON

Đại thừa có bệnh cũng không được ăn cá thịt.

GIỚI BỔN:

Các thức ẩm thực mỹ diệu như sữa, lạc, cá và thịt, Tỳ-kheo nào không bệnh mà xin những thứ ẩm thực mỹ diệu ấy cho mình, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO5:

Bạt-nan-đà đến nhà chủ buôn đòi thức ăn mỹ diệu (tạp thực). Người chủ buôn hỏi: "Ngài có bệnh gì?" Được trả lời: "Không có bệnh, chỉ muốn ăn đồ ăn mỹ diệu vậy". Chủ buôn cơ hiềm, cho nên Phật chế cấm. Khi ấy, có Tỳ-kheo bệnh cẩn thận sợ không dám xin, không dám vì người bệnh xin, nhận được không dám ăn, cho nên Phật cho phép.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni mắc tội về pháp hối quá. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Đòi mà được, mắc tội Ba-dật-đề; không được, mắùc Đột-kiết-la.

Luật nhiếp nói:

Không beänh đến xin, để có bệnh ăn; khi xin phạm ác tác, khi ăn không có tội. Có bệnh đến xin, để không bệnh ăn, khi xin không có tội, khi ăn tội đọa. Nếu thí chủ nói: "Cần chi cứ cho biết", hoặc đến trời, rồng, dạ-xoa, xá, khất cầu, không phạm.

---o0o---

41. GIỚI TỰ TAY CHO NGOẠI ĐẠO THỨC ĂN

Đại thừa đồng học. Hoặc xem căn cơ được phép cho.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào tự tay cho thức ăn đến nam ngoại đạo, nữ ngoại đạo, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO6:

Phật bảo A-nan chia bánh cho chúng Tăng. Chia rồi còn dư, bèn cho người đi xin. Có một người con gái ngoại đạo lõa hình, nhan sắc đoan chánh, A-nan cho bánh, bánh xấp hai cái tưởng là một, đem cho cô ta. Người con gái ấy cùng với người gần, hỏi nhau, biết việc ấy, họ liền sanh nghi báng. Lại có một người Phạm chí, ăn chỗ này rồi, đi đến nước khác, trên đường đi gặp một người (Bà-la-môn) giàu lòng tin (tín sĩ), nói là từ cư sĩ trọc đầu được ăn. Người (Bà-la-môn) giàu lòng tin kia bạch với Tỳ-kheo, Phật nghe, kiết giới. Sau đó, ngoại đạo có lời oán trách, Phật bèn cho phép để dưới đất hay sai người cho thì được.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tự tay cho, mà nhận, phạm Ba-dật-đề; không nhận, Đột-kiết-la. Sắp sửa muốn cho, lại đổi ý, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau, phạm Đột kiết-la.

Không phạm: Cho cha mẹ và người giúp việc v.v... hoặc bị thế lực cưỡng đoạt.

Luật Căn bản nói:

Hoặc muốn dùng thức ăn làm nhân duyên để trừ ác kiến của kẻ ấy thì không phạm.

Luật Thập tụng nói:

Không phạm là, nếu người ấy có bệnh hay quyến thuộc; hoặc khi xin xuất gia mà cho (tức là 4 tháng thử họ vậy). Tự mình chưa thọ thực, không nên cho kẻ khác. Mình thọ trước, sau mới cho người. Nếu là cha, mẹ, hay người

bị troùi, thì cần cho thức ăn gấp; còn người có thai, ít nhiều tùy theo mà cho họ. Súc sanh nên cho một miếng.

---o0o---

42. GIỚI ĐẾN NHÀ KHÁC KHÔNG DẶN

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, trước đã nhận người mời, nhưng trước hay sau bữa ăn đi đến nhà người khác mà không báo cho Tỳ-kheo khác biết, trừ trường hợp đặc biệt, Ba-dật-đề. Trường hợp đaëc biệt là: khi bệnh, thời gian làm y, thời gian thí y, đây là trường hợp đặc biệt.

NGUYÊN DO7:

Có một Trưởng giả thiết lập trai soạn thỉnh Tăng, đợi Bạt-nan-đà đến. Bạt-nan-đà sau khi tiểu thực xong lại đến nhà khác, khi gần quá ngọ mới trở lại. Do vậy, các Tỳ-kheo ăn không đủ no vì quá ngọ. Lại nữa, có một đại thần đem cam đến Tăng-già-lam cũng đợi Bạt-nan-đà đến mới chia. Bạt-nan-đà ăn xong, liền đến nhà khác, quá ngọ mới trở lại, khiến chúng Tăng không được ăn cam tươi ấy, cho nên Phật chế. Sau đó, chúng Tăng không dám nhận lời mời vào thành, Phật cho phép dặn nhau rồi vào thành. Lại nữa, nếu vì bệnh, khi làm y, khi thí y, không dặn, được vào thành.

GIẢI THÍCH:

Trước bữa ăn: là mặt trời xuất hiện cho đến bữa ăn. Sau bữa ăn: là từ khi ăn cho đến giữa ngày. Các Tỳ-kheo khác: là đồng một giới, cùng ở.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Dặn rồi đi, nửa đường trở lại... muốn đi phải dặn lại. Không dặn thì vào bao nhiêu nhà, phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề. Một chân vào trong cửa ngõ... phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu không có Tỳ-kheo để dặn, thì đến bên phòng kho tàng của tụ lạc, hay đến chỗ có nhà để dặn. Hoặc vì thế lực kéo lôi, mạng nạn, phạm hạnh nạn.

Luật nhiếp nói:

Nếu nói với chủ nhà: "Dầu tôi không đến, cũng nên cúng dường Tăng, đừng để thiếu sót." Hay người chủ không vì vị ấy mà đợi chờ, thì đều không tội.

---o0o---

43. GIỚI CƯỠNG NGỒI NƠI NHÀ ĂN

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, tại nhà có thức ăn có vật báu, mà cố ngồi nán, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO8:

Ca-lưu-đà-di đến nhà của Trai ưu-bà-di ngồi, người chồng hỏi cần gì v.v... Trả lời: "Cần thức ăn", liền bảo vợ đem thức ăn ra cho. Ăn rồi, không đi. Ngươơi chồng giận bỏ đi và nói: "Tùy ông, muốn làm chi thì làm". Phật nghe, chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Thức ăn: Nam lấy nữ làm món ăn, nữ lấy nam làm món ăn, cho nên gọi là "thực gia". Vật quý báu: là chỉ cho xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, kim, ngân. (Xét giới này, chính từ "thực gia 食家?" mắc tội, chứ chẳng phải từ nơi vật quý mà mắc tội. Nói: "Có vật báu", thì vật báu ở đây, chỉ chỗ vợ chồng có thể hành dâm được vậy).

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Mù mà không điếc, điếc mà không mù, đứng không ngồi, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Chỗ đưa tay đụng đến cánh cửa, có hai Tỳ-kheo bạn, hay bị trói v.v...

Luật Thập tụng nói:

Không phạm: nhà đoạn dâm dục, nhà thọ Bát quan trai, hoặc lại có bậc Tôn túc ngồi nơi tòa, hay nhà có nhiều người ra vào.

Nếu người nữ thọ giới một ngày, người nam không thọ giới, hay người nam thọ giới một ngày, người nữ không thọ giới, ngồi nơi nhà như vậy phạm Đột-kiết-la, nếu cả hai đều thọ giới thì không phạm.

---o0o---

44. GIỚI NGỒI CHỖ VẮNG VỚI THỰC GIA

Đại thừa đồng học. Phạm, không phạm, đồng như giới trước.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, trong nhà ăn có vật báu mà ngồi ở chỗ khuất, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO9:

Ca-lưu-đà-di lại ngồi ở sau cánh cửa mà cùng với Trai ưu-bà-di nói chuyện, nên Phật chế.

---o0o---

45. GIỚI NGỒI MỘT MÌNH VỚI NGƯỜI NỮ

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, một mình ngồi với một người nữ tại chỗ trống, phạm Ba-dật-đề.

Nguyên do10:

Cũng khởi sự từ Ca-lưu-đà-di, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm, không phạm đều đồng như giới trước.

Luật Thập tụng nói:

Ngồi cách nhau một trượng, phạm Ba-dật-đề; cách nhau một trượng rưỡi, phạm Đột-kiết-la, quá hai trượng không phạm.

Luật nhiếp nói: Nếu cùng phi nhơn nữ, bán-trạch-ca11 nữ và đối tượng chưa có thể hành dâm, hay là kẻ điếc lác lẩn thẩn v.v... cùng ngồi chỗ vắng, đều mắc tội ác tác.

---o0o---

46. GIỚI CỐ Ý KHIẾN NGƯỜI KHÁC KHÔNG ĐƯỢC THỨC ĂN

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, noùi với Tỳ-kheo khác như vầy: "Đại đức hãy cùng tôi vào tụ lạc, tôi sẽ cho Đại đức thức ăn". Tỳ-kheo ấy cuối cùng không cho thức ăn Tỳ-kheo kia, lại nói rằng: "Đại đức hãy đi chỗ khác đi! Tôi với Đại đức mà ngồi một chỗ hay nói chuyện là không vui. Tôi ngồi một mình, nói chuyện một mình lại an lạc". Chỉ với mục đích ấy chứ không gì khác, là cố tình đuổi đi, Ba-dật-đề.

Luật Căn bản nói:

Ngữ là đọc tụng, tọa là thiền tư12.

NGUYÊN DO13:

Bạt-nan-đà cùng các Tỳ-kheo tranh cãi, lòng ôm mối giận. Sau đó một thời gian, dẫn đến những nơi không có thức ăn, gần giữa ngày bèn nói: "Ngài là người đại ác, do ngài cho nên khiến tôi cũng không nhận được thức ăn, ngài nên đi đi v.v..." Tỳ-kheo kia ra khỏi thành đến Kỳ-hoàn, giữa ngày đã qua,

không ăn được, quá đói, các Tỳ-kheo nghe, cơ hiềm, chê trách, bạch Phật, chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Sửa soạn đuổi đi, đi cách khoảng thấy nghe, hoặc tự mình đi cách khoảng thấy nghe, đều phạm Ba-dật-đề. Bỏ chỗ khoảng không nghe, đến chỗ khoảng không thấy; bỏ chỗ khoảng không thấy, đến chỗ khoảng không nghe phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-Ia.

Không phạm: Cho ăn rồi bỏ đi. Hoặc bệnh hay không có oai nghi, ngươi thấy không vui, nói rằng:
"Mời ngài đi, tôi sẽ mang thức ăn đến Tăng-già-lam". Hoặc người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, bị cử (gạt một bên), bị tẫn nên phải đuổi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, phương tiện bảo đi, không vì hiềm giận.

Luật Ngũ phần nói:

Làm việc này, phiền đến bốn chúng, phạm Đột-kiết-la. Ni làm việc này phiền đến hai chúng, phạm Ba-dật-đề, phiền ba chúng khác, phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Chưa vào cửa thành khiến trở lại, cho đến chưa vào trong cửa nhà bạch y bảo trở lại, đều phạm Đột-kiết-la. Nếu vào trong cửa ngõ khiến trở lại, phạm Ba-dật-đề.

Luật nhiếp nói:

Nếu theo lời thầy thuốc bảo đừng ăn thì không phạm.

---o0o---

47. GIỚI NHẬN THUỐC QUÁ HẠN ĐỊNH

Đại thừa đồng học. Vì chúng cho nên đòi hỏi, không phạm.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo nào, được thỉnh caàu thọ nhận thuốc
4 tháng, Tỳ-kheo không bệnh có thể nhận; nếu
quá hạn mà nhận Ba-dật-đề, trừ có sự thỉnh thường xuyên, thỉnh tiếp tục, thỉnh chia phần, thỉnh suốt đời.

NGUYÊN DO14:

Ma-ha-nam, giòng họ Thích, cúng dường thuốc cho chúng Tăng, cung kính bậc Thượng tọa, cúng thuốc tốt, cần cũng cúng, không cần cũng cúng. Lục quần cần thuốc đến nhaø xin khó được. Thí chủ nói: "Có thì cúng, không có sẽ đến chợ mua để cúng." Lục quần liền cho là có ái, và nói láo, quở trách. Ma-ha-nam nhân đó không cúng thuốc cho Tăng nữa, nên Phật chế. Lại vì nhân duyên khai cho thường thỉnh v.v...

GIẢI THÍCH:

Bốn tháng: là chỉ cho 4 tháng mùa hạ. Bệnh: là thầy thuốc bảo phải uống thuốc. Thường thỉnh: là người ấy thưa như vầy: "Tôi thường cúng thuốc". Thỉnh tiếp tục: là thôi cúng roài cúng lại. Thỉnh chia phần: là mang thuốc đến Tăng-già-lam phân phối cúng. Thỉnh suốt đời: là người ấy nói: "Tôi sẽ cúng trọn đời".

Thỉnh có 4 cách:

1) Thời gian có hạn định, thuốc không hạn định.

2) Thời gian có hạn định, thuốc có hạn định, bốn tháng hạ nên nhận.

3) Thời gian không hạn định, thuốc có hạn định.

4) Hoặc thời gian không hạn định, thuốc không hạn định, tùy khi nào cúng thì nên nhận.

Luật Tăng kỳ nói:

Hoặc 4 tháng mùa hạ, hoặc 4 tháng mùa đông, hay 4 tháng mùa xuân, Đàn-việt thỉnh không nhất định. Hoặc 4 tháng, hoặc 1 tháng hay nửa tháng, định kỳ mãn rồi, không được đến đòi. Nếu thỉnh bữa ăn trước, không được đòi bữa ăn sau. Thỉnh bữa ăn sau không được đòi bữa ăn trước. Thuốc và các vật

dụng khác cũng vậy. Nếu nói suốt đời nhận sự cúng dường tứ sự của tôi; như vậy, được tùy ý đòi.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nhận quá hạn định, mỗi miếng phạm một Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Đòi mà được, phạm Ba-dật-đề, không được, phạm Đột-kiết-la. Đòi trái ha-lê-lặc... hay là thuốc, được, không được, đều phạm Đột-kiết-la.

Luật nhiếp nói:

Thỉnh cúng 4 tháng thức ăn thô chưa mãn, lại đòi thức ăn ngon, nếu được phạm ác tác, ăn, liền mắc tội đọa. Thỉnh thức ăn ngon, đòi thức ăn thô, khi đòi phạm ác tác, khi ăn không tội.

Luật Thiện kiến nói:

Đàn-việt cúng thuốc dùng vào việc thuốc, không được dùng làm vật thực. Cho dầu đòi tô (váng sữa), phạm Đột-kiết-la.

PHỤ:

Luật Ngũ phần nói:

Nếu có người cúng thuốc cho Tăng, ngươi Tỳ-kheo chấp sự nên hỏi: "Cúng cho tủ thuốc của tụ lạc (thôn xóm) hay cúng cho tủ thuốc của Tăng phòng?" Nếu họ nói: "Cúng cho tủ thuốc tụ lạc"; khi cần nên nói: "Tôi cần thuốc như vậy, vì tôi cung cấp, đừng để thiếu." Nếu nói để cho Tăng phòng nên Bạch nhị yết-ma, sai Tỳ-kheo có đủ năm pháp: không tùy ái, nhuế, si, bố, biết thuốc hay không phải thuốc, làm người giữ thuốc cho Tăng. Người ấy nên dùng đồ mới để đựng: Ha-lê-lặc, Ha-ma-lặc, Tỳ-hê-lặc, Tất-bạt-la, càn cương, cam giá, đường, thạch mật. Nếu đồ không chảy nên đựng: như tô, du, mật nên cột, đậy miệng kỹ, đề tên thuốc rõ ràng. Nếu Tỳ-kheo bệnh cần, nên hoan hỷ đưa. Nếu người bệnh tự biết dùng thuốc thì nên tự lấy dùng; nếu không biết, nên hỏi thầy thuốc. Nếu không có thầy thuốc nên hỏi hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê): "Con bị bệnh như vậy, như vậy, nên dùng thuốc gì?"

Nếu hai thầy không biết, nên lấy uống, sau ba lần không lành, lấy thứ thuốc khác để dùng.

---o0o---

48. GIỚI XEM QUÂN TRẬN

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, đi xem quân trận, Ba-dật-đề, trừ có nhân duyên hợp thời.

NGUYÊN DO15:

Vua Ba-tư-nặc tự mình lãnh lục quân chinh phạt bọn phản loạn. Lục quần đến xem coi, vua không bằng lòng, nhân đó gởi một gói thạch mật về dâng đức Thế Tôn... Thế Tôn quở trách, kiết giới. Sau đó có hai đại thần ở trong quân trận mong muốn được gặp Tỳ-kheo Lê-sư-đạt và Phú-la-na, nên sai sứ đến mời. Các Tỳ-kheo cẩn thận sợ không dám đến, cho nên trừ thời, và nhân duyên.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đến chỗ mà thấy được, phạm Ba-dật-đề, không thấy, phạm Đột-kiết-la. Muốn xem mà không đi, trên đường gặp mà không tránh, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Sức mạnh bắt buộc, tất cả các trở nạn không tránh được.

Luật Tăng kỳ nói:

Hành quân kéo đến tinh xá, không tác ý, xem, không tội. Tác ý xem, mắc tội Việt tỳ-ni.

Luật Căn bản nói:

Nếu thấy hành quân, không nên nói là hay, dở gì cả.

Luật Thập tụng nói:

Đến xem quân dạ-xoa, phạm Đột kiết-la.

Ni-đà-na nói:

Thấy đánh nhau không nên đến xem. Nếu thấy cãi nhau, phải tránh đi gấp.

---o0o---

49. GIỚI Ở TRONG QUAÂN TRẬN QUÁ BA ĐÊM

Đại thừa đồng học. Hoặc quán căn cơ, không phạm.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, có nhân duyên được phép đến trong quân trại ngủ lại hai, ba đêm. Nếu quá, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO16:

Lục quần có nhân duyên đến ngủ trong quân trận, cư sĩ cơ hiềm, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đến đêm thứ ba, khi tướng mặt trời chưa xuất hiện, nên đến chỗ không thấy không nghe; nếu không lìa chỗ không thấy không nghe, minh tướng xuất hiện phạm Ba-dật-đề; lìa chỗ thấy không lìa chỗ nghe, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: gặp các trở ngại.

Luật Ngũ phần nói:

Tuy có nhân duyên, nếu dùng thơ tín, giải quyết được thì nên dùng thơ tín. Nếu cần phải đến, thì mới đến. Việc xong liền về, không nên ở lại ngủ. Nếu việc không xong, nên ở lại một đêm. Một đêm không xong, nên ở đêm thứ hai. Nếu vẫn không xong, ở đến đêm thứ ba. Đêm thứ ba xong hay không xong, nếu ở quá, phạm Ba-dật-đề. Nếu việc xong một cách đột ngột, không nên ở lại đêm mà ngủ, trái phạm, mắc Đột-kiết-la.

---o0o---

50. GIỚI XEM COI QUÂN TRẬN

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, ở trong quân trận hai, ba đêm hoặc khi xem quân đội chiến đấu, hoặc xem thế lực quân đội, quân voi, quân ngựa, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO17:

Lục quần xem quân trận, bị mũi tên bắn trúng, đồng bạn dùng y băng lại, chở về. Cư sĩ hỏi biết sự việc cùng nhau cơ hiềm, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm, không phạm đồng như giới trước.

Luật Ngũ phần nói:

Xem cầm thú đánh nhau phạm Đột-kiết-la.

51. GIỚI UỐNG RƯỢU

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, uống rượu, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO18:

Tôn giả Ta-già-đà ngủ nhờ nơi nhà của Phạm chí bện tóc, đã hàng phục con rồng lửa ác độc. Chủ nước Câu-thiểm-di, sanh lòng kính mộ, đảnh lễ Thế Tôn, xin được cúng dường Tôn giả. Lục quần đòi rượu đen, Tôn giả bị say, giữa đường ói mửa, chim chóc tranh nhau la inh ỏi. Phật hỏi A-nan, biết sự

việc, quở trách: “Như hiện nay thì không hàng phục được con rắn con, huống là con rồng lớn”.

Uống rượu có 10 tội lỗi và mất mát:

1) Nhan sắc xấu.

2) Yếu sức.

3) Con mắt không sáng.

4) Tướng nóng giận.

5) Phá hư ruộng vườn tài sản.

6) Đưa đến bệnh tật.

7) Thích gây tranh chấp.

8)Tiếng xấu đồn khắp.

9) Trí tuệ giảm sút.

10) Thân hoại mạng chung đọa vào 3 đường dữ.

Từ đây về sau, ai (tôn giáo pháp) Ta là thầy, thì cho dù chỉ dùng đầu ngọn cọng cỏ chấm vào rượu rồi thấm vào miệng.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau phạm Đột kiết-la.

Không phạm: dùng rượu làm thuốc, dùng rượu thoa ghẻ.

Luật Thập tụng nói:

Uống rượu gạo, rượu cam, rượu đường v.v... tất cả loại rượu có thể say, mỗi miếng phạm một Ba-dật-đề. Nếu chỉ có sắc rượu, không có mùi rượu, vị rượu, không say người thì uống không phạm.

Ma-đắc-lặc-già nói:

Nếu dùng rượu nấu làm thời dược (thuốc đúng thời), thuốc phi thời, thuốc bảy ngày không có tánh rượu, được uống.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu thuốc nấu rượu, nấu thức ăn nên có mùi vị rượu, phạm Đoät-kiết-la; không coù mùi vị rượu thì được dùng.

---o0o---

52. GIỚI GIỠN TRONG NƯỚC

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, đùa giỡn tronc nước, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO19:

Thập thất quần Tỳ-kheo giỡn trong nước. Vua Ba-tư-nặc cùng với Mạc-lợi phu nhơn, từ trên lầu trông thấy. Phu nhơn sai sứ đến bạch đức Thế Tôn, chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Giỡn trong nước: là từ bờ này đến bờ kia, hoặc thuận dòng hay nghịch dòng, hoặc ở đây lặn xuống, nơi kia nổi lên. Hoặc lấy tay vẽ trên nước, hoặc cùng nhau tạt nước, vung vãi trong nước.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Giỡn trong nước, phạm Ba-dật-đề. Nếu nước trái lạc tương, lúa mạch v.v... đựng trong đồ mà lộng hý (vẽ chơi), phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Đi đường phải lội qua nước, kéo tre lấy cát, tìm vật bị mất, học bơi v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Tát nước tuyết, giỡn sương trên đầu cỏ, Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Trên bàn có nước, hoặc nơi giường ngồi có nước, dùng ngón tay vẽ chơi, phạm Đột-kiết-la.

Luật Thiện kiến nói:

Nước sâu ngập ống chân, giỡn trong đó, phạm Ba-dật-đề. Lay động chiếc thuyền, giỡn nước, phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

53. GIỚI THỌC LÉC NHAU

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, lấy ngón tay thọc léc người khác, Ba-dật-đề. (tức là dùng ngón tay khiến cho thịt ngứa để lấy sự vui vậy).

NGUYÊN DO20:

Một người trong Lục quần, thọc léc một người trong Thập thất quần đến bỏ mạng, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trừ ngón tay, ngón chân. Nếu dùng gậy, chìa khóa chốt cửa v.v... thọc léc, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề, ba chúng sau, Đột-kiết-la.

Không phạm: khi ngủ đụng phải, tất cả việc đụng nhầm.

Luật Ngũ phần nói:

Thọc léc Sa-di cho đến súc sanh, phạm Đột-kiết-la.

Tát-bà-đa ma-đắc-lặc-già nói:

Nếu thân căn hư hoại lấy tay chọc, phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

54. GIỚI KHÔNG NHẬN LỜI CAN GIÁN

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, không nhận lời can gián, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO21:

Xiển-đà suýt phạm giới, các Tỳ-kheo can gián mà không nghe, cho nên Phật chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, Đột- kiết-la.

Không phạm: người can gián không có trí tuệ và vui chơi, nhầm nói v.v...

PHỤ:

Kinh Tỳ-ni mẫu nói:

Không nên nhận sưï can gián của 5 hạng người:

1) Người không tàm quý.
2) Người không học rộng.
3) Người thường tìm lỗi của người.
4) Người ưa đấu tranh.
5) Người muốn cởi áo hoàn tục.

---o0o---

55. GIỚI KHỦNG BỐ NGƯỜI KHÁC

Đại thừa đồng học. Hoặc quán căn cơ để chiết phục, không phạm.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, dọa nạt Tỳ-kheo khác, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO22:

Nơi kinh hành, Phật kinh hành, Tỳ-kheo Na-ca-ba-la hầu Phật, đầu hôm thỉnh Phật về phòng. Thế Tôn làm thinh, giữa đêm, sau đêm cũng vậy. Na-ca-ba-la lật ngược y, giả tiếng của phi nhơn khủng bố Thế Tôn. Sáng hôm sau, Thế Tôn nhóm chúng, khiển trách, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Khủng bố: là dùng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, khủng bố người.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đối tượng thấy nghe, biết, sợ hay khoâng sợ, đều phạm Ba-dật-đề; không thấy, nghe, biết, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề. Ba chúng sau, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Tất cả trường hợp không cố ý làm cho người khác sợ sệt.

Luật nhiếp nói:

Nếu dùng sắc, thinh... khả ố khiến người khác sợ, mắc tội đọa. Nếu dùng sắc thinh khả ái khiến người khác kinh sợ, đều mắc tội ác tác. Nếu đối với người khác làm cho họ kinh sợ đều phạm ác tác. Nếu trình bày ba đường dữ, dụng ý để hóa đạo, người kia tuy sợ, không phạm. Bí-sô, tưởng Bí-sô, 6 câu, 2 câu đầu tội đọa, 4 câu sau khinh tội. Thật không có sự sợ sệt, tưởng không có sự sợ sệt 6 câu, 2 câu nặng, 2 câu nhẹ, 2 câu không phạm.

---o0o---

56. GIỚI TẮM RỬA NHIỀU QUÁ

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo, nửa tháng tắm một lần; Tỳ-kheo không bệnh nên thọ; nếu quá, Ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt. Trường hợp đặc biệt là: Thời gian nóng, khi bệnh, khi lao tác, khi gió và mưa, khi đi đường. Đó là trường hợp đặc biệt.

NGUYÊN DO23:

Nước Ma-kiệt có ao nước, vua Bình-sa cho phép các Tỳ-kheo vào trong đó tắm. Lục quần Tỳ-kheo sau đêm vào tắm. Vua cùng thể nữ đến, nghe tiếng Tỳ-kheo tắm, yên lặng chờ. Lục quần dùng các loại thuốc bột tắm cho nhau, mãi đến mặt trời mọc, cuối cùng nhà vua không tắm được. Do đó các đại thần đều cơ hiềm, chê trách, giận dữ, nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Bệnh: là thaân thể bị hôi thúi. Lao tác: là những việc như quét đất, quét phòng. Mưa gió, một cơn mưa gió lốc làm nhớp thân. Đi đường: đi nửa do-tuần.

Luật Ngũ phần nói:

Khi nóng là khi mồ hôi đổ ra.

Luận Tát-bà-đa nói:

Thời gian tắm sớm muộn tùy từng vùng, thường trong thời gian nửa tháng hai được phép tắm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trừ trường hợp đặc biệt, ngoài xối nước ướt khắp thân hoặc ướt nửa thân, phạm Ba-dật-đề. Sửa soạn mà không thực hiện, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Không phạm: Thế lực bắt buộc phải tắm.

Luật Thập tụng nói:

Ngày hôm qua đến, ngày hôm nay tắm, ngày mai sắp muốn đi, ngày nay tắm, phạm Ba-dật-đề.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu tắm cho thầy và người bệnh, thân thể mình đã ươùt, nhân đó tắm không phạm.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu không có các trường hợp trên, thì phải theo pháp tắm của thợ đồ gốm đồ sành, trước hết rửa 2 tay, 2 chân, sau rửa đầu, mặt, eo lưng, vai, cánh tay, cùi chỏ, hông, nách.

BIỆN MINH:

Lễ sám kiết đàn, hàng ngày tắm 3 lần, tuân theo lời Phật dạy, chẳng phải phạm. Trong Tòng lâm tất cả chúng có mục tắm nước nóng, cũng chẳng phạm.

PHỤ:

Không nên cùng với người bạch y tắm chung, nếu họ khen ngợi Tam bảo thì cho phép tắm.

---o0o---

57. GIỚI NHEN LỬA CHỖ ĐẤT TRỐNG

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, không bệnh, để tự sưởi, nhóm lửa tại đất trống, hoặc bảo người nhóm, Ba-dật-đề. Trừ có nhân duyên.

NGUYÊN DO24:

Trước bậc Thượng tọa, Lục quần không được làm theo ý của mình, nên cùng nhau ra ngoài phòng nhóm lửa giữa đất trống để sưởi ấm. Khi ấy, trong bộng

cây có con rắn độc, hơi khói lồng vào nóng, từ trong lỗ bộng cây chạy ra, các Tỳ-kheo đều kinh hoàng, lấy củi đang cháy quăng tán loạn, đến nỗi cháy giảng đường, cho nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Bệnh: cần lửa để sưởi ấm. Nhân duyên: là Tỳ-kheo bệnh cần nấu cơm, cháo, canh, hoặc ở nơi ôn thất25, nhà trù, phòng tắm, hoặc xông bát, nhuộm y, đốt đèn, đốt hương.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không bệnh, nhen lửa chỗ trống để sưởi, hoặc đốt cỏ, cây, nhánh, lá v.v... phạm Ba-dật-đề. Đốt phân nửa, đốt than, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau phạm Đột-kiết-la.

Luật Ngũ phần nói:

Đốt lửa, ngọn lửa cao 4 ngón tay, phạm Ba-dật-đề.

Luận Tát-bà-đa nói:

Trên đường đi gặp trời lạnh rét, nhoùm lửa để sưởi, không phạm.

Luật Tăng kỳ nói:

Cầm đuốc đi, muốn dập tàn, không nên dập chỗ đất chưa cháy, nên dập trên chỗ cao, trên gạch, nếu lửa của đuốc rớt xuống đất, liền dập cho tắt thì không tội.

PHỤ:

Phần thứ tư (Tứ phần luật) nói:

Gần lửa có 5 điều lỗi:

1) Khiến cho người không có nhan sắc.

2) Mất sức.

3) Mắt mờ.

4) Khiến nhiều người tụ tập.

5) Nói nhiều việc thế tục.

Luật Tăng kỳ nói:

Đốt lửa có 7 việc không lợi ích:

1) Hư mắt.

2) Hư sắc.

3) Thân suy yếu.

4) Nhớp hư áo.

5) Hư mền giường.

6) Tạo nhân duyên phạm giới.

7) Thêm ngôn luận về thế tục.

PHỤ:

Căn bản tạp sự nói:

Cố ý đốt cháy rừng núi, mắc tội Thổ-la (Thâu-lan-giá).

---o0o---

58. GIỚI GIỠN CHƠI, giẤU VẬT CỦA NGƯỜI KHÁC

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, giấu y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của Tỳ-kheo khác, tự mình giấu, hoặc bảo người giấu, dù chỉ giỡn chơi, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO26:

Thập thất quần đem y, bát, tọa cụ, ống đựng kim, để một bên, đi kinh hành, chờ đến giờ thọ trai. Lục quần đợi khi họ quay lưng lại, lấy giấu. Giờ thọ trai đến, họ phải tìm kiếm, lúc ấy họ bị chế nhạo. Các Tỳ-kheo xét biết, cơ hiềm, Phật nghe, chế giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: biết rõ vật của người kia bỏ quên nên lấy cất. Vì răn dạy người thiếu cẩn thận nên lấy cất. Mượn y của người mặc, người kia không thâu xếp, sợ mất nên lấy cất. Hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Cất giấu vật của bốn chúng cho đến vật của súc sanh, mắc Đột-kiết-la. Ni giấu vật của 2 chúng, mắc Ba-dật-đề. Ngoài ra, mắc Đột-kiết-la.

Luật Tăng kỳ nói:

Giấu loại y khác hay vật khác, mắc tội Việt tỳ-ni.

Luật Thập tụng nói:

Nếu người kia tìm được, mắc Đột-kiết-la; tìm không được, phạm Ba-dật-đề. Nếu giấu ống đựng kim tìm được, không tìm được, đều mắc Đột-kiết-la.

---o0o---

59. GIỚI VỘI ĐẮP Y ĐÃ TỊNH THÍ

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, đã cho y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni, về sau không nói với chủ, lấy lại mà dùng, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO27:

Vì lục quần cho nên chế.

GIẢI THÍCH:

Cho y: là tịnh thí y vậy. Tịnh thí có 2 loại:

1) Chơn thật tịnh thí là nói: "Đây là y dư của tôi chưa tác tịnh, nay vì muốn tịnh, xin biếu cho Trưởng lão để làm tịnh chơn thật."

2) Triển chuyển tịnh thí là nói: "Đây là y dư của tôi, chưa tác tịnh. Nay vì muốn tịnh, xin biếu cho Trưởng laõo để được tịnh". Vị kia nói: "Trưởng lão nghe cho, Trưởng lão có cái y dư, chưa tác tịnh, nay cho tôi được tịnh. Tôi xin nhận." Nhận rồi hỏi rằng: "Trưởng lão có muốn cho ai chăng?" Vị kia trả lời: "Cho thầy..." Vị nhận y lại nói: "Trưởng lão có cái y dư, chưa tác tịnh, nay cho tôi, để được tịnh. Tôi nhận. Nhận rồi, tôi cho mỗ giáp. Như vậy y này là của mỗ giáp, thầy hãy vì mỗ giáp giữ gìn và tùy ý sử dụng."

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Chơn thật tịnh thí, phải hỏi chủ, vậy sau mới dùng triển chuyển tịnh thí, hỏi chủ hay không hỏi, tùy ý dùng. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau, phạm Đột-kiết-la.

Luật Căn bản nói:

Nhận y của người gởi, sau không hỏi chủ lấy đắp mặc, phạm Ba-dật-đề-ca; nếu vật của thân hữu, người kia khi nghe mình dùng, tâm sanh vui mừng thì không phạm.

BIỆN MINH:

Xét rằng: Luật Căn bản cùng với luật Tứ phần mục đích hoàn toàn khác nhau. Đây vì người năng thí mà chế giới; kia vì người nhận gởi mà đề phòng tội lỗi. Tuy có khác nhau, song đứng về mặt lý thì cả hai đều nên bảo vệ.

PHỤ:

Luật Ngũ phần nói:

Không nên tịnh thí cho 5 hạng người:

1) Không cùng biết.

2) Chưa hiểu nhau tận tường.

3) Chưa từng gần thân nhau.

4) Phi thân hữu đồng sư.

5) Phi thời, phi loại (người 80, 90 tuổi gọi là phi thời. Chưa từng xuất gia gọi là phi loại).

Lại có 2 pháp không nên tịnh thí:

1) Người không hay khen ngợi.

2) Không cùng với người tạo tiếng khen tốt đẹp.

Lại có 2 pháp:

1) Không hay nhận trọng vật tịnh thí của người, bảo vệ như của mình.

2) Mình có trọng vật, không hay tịnh thí. Người kia dùng không hận.

Lại có 2 pháp:

1) Khoâng biết họ còn sống chăng?

2) Không biết rõ họ còn tu hay không?

Nếu Tỳ-kheo ở một mình, nên làm pháp "từ xa hướng đến tịnh thí". Trong 3 y phải có sự thay đổi. Đắp y trống vai mặt, cởi guốc dép, quỳ gối, cầm y, nghĩ, miệng nói: "Y này của tôi,... (bao nhiêu) điều, nay xả". Nói như vậy 3 lần. Sau đó nhận y dư, cũng như pháp trước, tâm nghĩ miệng nói: "Y... này của tôi, (bao nhiêu) điều... nay nhận." Nói như vậy ba lần. Như vậy là thọ rồi, y xả kia nên tịnh thí, lại cũng như pháp trước, tâm nghĩ miệng nói: "Y

này của tôi, tịnh thí cho.... từ nơi vị kia lấy dùng.” Nếu không đổi, thọ dụng, khi được y dư liền phải tịnh thí như vậy.

Pháp độc tịnh thí, đến ngày thứ 11, lại phải như pháp trước, tâm nghĩ, miệng nói: “Y dư này của tôi, từ nơi... lấy lại”. Sau đó, cũng như pháp trước, thọ trì, tịnh thí. Hoặc đối với người tịnh thí, nên làm pháp triển chuyển tịnh thí. Như pháp trước, cầm y nói: “Y dư này của tôi, đến Trưởng lão làm pháp tịnh thí”. Vị kia nên hỏi: “Y này của Trưởng lão, đến tôi tác tịnh, tôi đem cho ai?” Đáp rằng: “Trong 5 chúng, tùy yù ngài cho”. Vị kia liền nói: “Nay tôi cho... Khi nào ngài cần, đến đó lấy dùng, khéo léo bảo vệ y”.

Trong vấn đề này, vị kia nói rõ tên Tỳ-kheo thọ thí. Tỳ-kheo ấy sợ phạm tội chứa y dư, không dám nhận Phật dạy: “Không nên nêu tên Tỳ-kheo nhận y.”

---o0o---

60. GIỚI Y KHÔNG HOẠI SẮC

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, được y mới, tùy ý dùng một trong ba màu, hoặc là xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan, làm cho hoại sắc. Nếu không làm hoại sắc bằng ba thứ, hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan, mà mặc nguyên y mới, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO28:

Lục quần mặc y màu trắng đi, cư sĩ cơ hiềm, nên chế.

GIẢI THÍCH:

Y mới may hoặc là mới nhận được từ nơi người, đều gọi là y mới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Luật Thập tụng nói:

Nếu được y xanh nên dùng đen đỏ để tác tịnh. (Nê ‘泥’ tức là màu đen. Thiến ‘茜’, cách đọc ‘phiên thiết’ “thử + kiến=thiến”, tên loài cỏ, cũng viết là thiến ‘蒨’, tức mộc lan vậy)29. Nếu được y màu đỏ, nên dùng màu xanh, đen để tác tịnh; nếu được y màu vàng, đỏ, trắng, nên dùng màu xanh, đen, đỏ ba màu để tác tịnh.

Luật Ngũ phần nói:

Nên dùng 3 sắc để làm chuẩn. Nếu không làm chuẩn thì bao nhiêu lần mặc phạm bấy nhiêu Ba-dật-đề. Nếu không mặc, thì bao nhiêu đêm, bấy nhiêu phạm Ba-dật-đề.

Luật Tăng kỳ nói:

Tác tịnh, lớn nhất bằng 4 ngón tay, nhỏ nhất bằng hột đậu. Hoặc một, hoặc ba, hoặc năm, hoặc bảy, hoặc chín. Không được vẽ như hình của hoa. Nếu vá riêng từng miếng, mỗi miếng đều phải tác tịnh. Nếu may y mới thì tác tịnh một góc (chéo); nếu một điều, nửa điều được vá cũng tác tịnh.

---o0o---

61. GIỚI GIẾT SÚC SANH

Đây là tánh tội. Phạm trọng tội của Đại thừa.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, cố ý giết chết mạng sống loài vật, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO30:

Ca-lưu-đà-di không thích thấy các loài chim, làm cung bằng tre để bắn chim, nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Luật Ngũ phần nói:

Súc sanh: là trừ loài rồng ra, còn bao nhiêu đều cùng là súc sanh cả. (Rồng tuy là súc sanh mà hay biến hóa đủ thần lực, thủ hộ quốc độ, bảo vệ Chánh pháp. Công dụng của rồng cũng như chư Thiên, cho nên nếu giết thì phạm Thâu-lan-giá.)

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tự mình giết, dạy người giết, phương tiện giết v.v... tất cả phạm Ba-dật-đề. Phương tiện muốn giết mà không giết, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nhầm, gây tổn thương không phạm.

Tát-bà-đa ma-đắc-lặc-già nói:

Muốn chặt sợi dây nhằm chặt con rắn, phạm Đột-kiết-la. Muốn giết con trùng này nhằm giết con trùng kia, muốn chặt con trùng mà chặt dưới đất, muốn bắt trùng mà gắp đất, đều mắc tội Đột-kiết-la.

PHỤ:

Luật nhiếp nói:

Nếu trong chùa, phòng, mái hiên chim chóc đến ở, làm ồn, nên sai người xem xét. Nếu tổ của nó không có trứng thì nên đuổi đi; nếu có, đợi nó nở và bay đi, sẽ đuổi. Nếu tổ ong không có con thì nên đuổi đi, nếu có dùng tơ, gai bao bọc, đừng cho nó phát triển thêm.

---o0o---

62. GIỚI DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG

Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, biết nước có trùng mà uống hoặc dùng, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO31:

Do lục quần Tỳ-kheo nên Phật chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tưởng, nghi, v.v.... sáu câu, có thế biết; Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Không biết có trùng. Hoặc có, loại trùng lớn, khua động nước nó tránh chỗ khác. Hoặc nước có lọc.

Luật Căn bản nói:

Biết có trùng trong những vật như bún, mật, đường, dầu, giấm, nước, sữa, lạc (cao sữa), bánh, trái cây mà thọ dụng đều mắc tội đọa.

Luật nhiếp nói:

5 thứ con mắt không nên xem nước: 1) Con mắt có bệnh, 2) Mắt có mụt nhọt 3) Mắt cuồng loạn, 4) Mắt già nua, 5) Thiên nhãn.

Thời gian xem coi nước có trùng hay không, nên xem độ lâu như 6 cổ xe bò xoay lại.

Nếu nước sông chảy, một khi xem không trùng trong khoảng một câu-la-xá32, tùy ý uống dùng, song khoảng cách đó, không có con sông nào khác chảy vào.

Nếu nước không chảy và dòng nước chảy ngược thì một lần xem ngang bằng trong khoảng một tầm nhìn thì được dùng.

Có 5 loại nước sạch:

1) Tăng-già tịnh.

2) Biệt nhơn tịnh.

3) Lược tịnh.

4) Suối chảy mạch tịnh.

5) Giếng nước tịnh.

Nếu biết vị kia là người trì giới, tôn trọng mạng sống, dầu không quan sát, khi nhận được nước nơi vị ấy uống, dùng không phạm.

Mỗi lần xem coi nước, bắt đầu từ mặt trời xuất hiện, cho đến tướng mặt trời chưa xuất đều tùy đó mà thọ dụng.

Luật Tăng kỳ nói:

Trùng, không phải là cá trạnh v.v... Nó là loại trùng nhỏ ly ti, cho đến hình tướng rất nhỏ, mắt nhìn khó thấy.

Không nên dùng Thiên nhãn xem coi nước, cũng không nên sai người mắt mờ xem coi nước. Người có thể thấy cái chỉ nhỏ nhất trong bàn tay, được sai xem coi nước. Không được xem gấp quá hay xem lâu quá, nên xem độ lâu bằng con voi lớn một phen xoay mình lại. Nếu trong nước có trùng rất nhỏ, không nên rửa tay, rửa mặt và đi đại tiểu tiện.

Nếu Đàn-việt mời cơm, nên hỏi đã lược nước chưa. Nếu nói chưa lược, nên coi người nào đủ tin bảo họ lược. Nếu người không đủ tin, đừng bảo lược, gây tổn thương cho trùng. Tỳ-kheo nên tự lược nước mà dùng. Trùng trong đãy lọc nên đem đổ lại nơi chỗ lấy nước. Nếu nơi chỗ lấy nước xa thì vũng nước nào trong vòng 7 ngày không khô cạn, đổ trùng chỗ đó. Nếu không có vũng nước nào thì nên đem chúng đựng vào đồ chứa để nuôi. Đợi trời mưa có nước thì đem đổ nó nơi dòng nước, nói như vầy: "Các ngươi hãy vào trong biển cả đi".

Nếu trên đường đi, biết giếng nước có trùng, không được xách nước đó đổ vào đồ chứa mượn của người.

Nếu nước ao, nước vũng lớn có trùng, không được kêu lớn: "Trưởng lão! Nước này có trùng, có trùng", khiến cho vị ấy sanh nghi, không vui. Nếu vị ấy hỏi: "Nước này có trùng chăng?" Nên trả lời: "Trưởng lão tự xem lấy." Nếu là chỗ quen biết, đồng sư, nên nói: Nước này có trùng, nên lược mới dùng.

PHỤ:

Phần thứ tư33 nói:

Không nên không có đãy lọc nước mà đi quá nửa do-tuần. Nếu không có, nên dùng chéo của y Tăng-già-lê lược.

Luật Ngũ phần nói:

Cũng cho phép chứa cái bình lọc nước bằng đồng, thiết, tre, cây, sành, đá v.v... dùng vải mịn đậy nắp, không cho pheùp dùng cái y phấn tảo đậy.

Căn bản tạp sự nói:

Dùng lụa mỏng cột miệng bình, thả chìm dưới nước phân nửa cái miệng bình, đợi đầy xách lên vẫn phải quan sát trùng (nếu nhận chìm luôn cả miệng bình thì nước không vô). Cần cái bình rộng miệng, không đòi hỏi lớn nhỏ, dùng lụa cột miệng bình, tùy thời lấy nước, đấy là việc làm cần cẩn thận và thong thả.

("Quân trì 君持U" cũng viết là "quân trì 軍遲"34, dịch là bình. Nam hải ký qui35 nói: Tịnh bình bằng sành, bằng đất, lớn cỡ 2, 3 thăng, bỏ nơi chỗ sạch, dùng tay sạch cầm. Nhiều bình làm bằng đồng, bằng thiết, bỏ nhiều chỗ, tùy ý xách).

Truy môn cảnh huấn nói:

Đãy lọc nước là dụng cụ của hạnh từ, là cái duyên tế vật. Đại hạnh do đây mà phát sanh, chí đạo nhân đây mà đạt đến.

CHỨNG MINH:

Luật Tăng kỳ nói:

Nước Ba-la-chỉ có hai Tỳ-kheo làm bạn, đến nước Xá-vệ để thăm hỏi đức Thế Tôn, trên đường đi bị khát mà không có nước. Phía trước có một giếng nước, một Tỳ-kheo xách nước uống liền, một Tỳ-kheo thấy nước có trùng, khoâng uống. Vị Tỳ-kheo kia hỏi: "Tại sao thầy không uống?" đáp: "Thế Tôn chế giới, không được uống nước có trùng." Vị kia khuyên: "Trưởng lão nên uống, đừng để bị chết khát, không được thấy Phật." Vị nọ đáp: "Tôi thà bỏ mạng, chứ không phá hủy lời Phật đã dạy." Sau đó, vị ấy chết. Vị kia đi đến chỗ Phật. Phật hỏi: "Từ đâu đến?" Lại hỏi: "Thầy đi một mình sao?" Vị

kia trình bày đầy đủ vấn đề. Phật daïy: "Thầy là kẻ ngu si, không được thấy Ta, mà gọi là thấy Ta. Vị Tỳ-kheo chết khát đã thấy Ta rồi.

(Luật Thập tụng nói: "Vị trì giới kia, không uống bèn chết, liền sanh cõi trời thứ Ba mươi ba đặng thân trời đầy đủ. Vị ấy đến trước chỗ Phật, lễ chân Phật, nghe pháp, đặng con mắt pháp thanh tịnh, thọ Tam quy y cho nên nói là đã "thấy Ta trước". Trong luật Căn bản cũng nói việc này cũng vậy.)

Nếu Tỳ-kheo phóng dật, giải đãi, không nhiếp các căn, tuy cùng sống một chỗ với Ta mà xa cách Ta. Vị ấy tuy thấy Ta mà Ta không thấy vị ấy. Nếu có Tỳ-kheo ở bờ biển bên kia không hề phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, thúc liễm các căn,
tuy cách xa Ta, Ta thường thấy vị ấy, vị ấy thường gần Ta".

(Đây luận về không gian có gần có xa, nếu luận về thời gian thì người phóng dật, tuy sanh đời có Phật, chẳng khác nào đời mạt pháp. Người không phóng dật tuy sanh đời mạt pháp, chẳng khác nào như Chánh pháp. Phật thân chơn thường, vốn không xuất thế, cũng không diệt độ. Xin kẻ sĩ hào kiệt đừng khởi tưởng tượng pháp, pháp diệt hết mà tự buông trôi. Thế nên tinh tấn không biếng nhác, thúc liễm các căn, nghiêm tịnh Tỳ-ni, chớ khinh tội nhỏ. Thường nghĩ như mình đang diện kiến tôn nhan đức Cha lành, thân thừa lời dạy sáng suốt của Ngài. Tu trì không mệt mỏi, sẽ thấy hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan vậy.)

---o0o---

63. GIỚI CỐ Ý LÀM PHIỀN NGƯỜI

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, cố ý gieo nghi ngờ cho Tỳ-kheo khác, dù chỉ khiến cho họ không yên tâm trong chốc lát, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO36:

Thập thất quần Tyø-kheo hỏi Lục quần Tỳ-kheo: "Thế nào là nhập Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền? Thế nào nhập Không, Vô tướng, Vô nguyện? Thế nào đặng tứ quả?" Đáp rằng: "Như những câu các ông hỏi là

đã phạm Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo". Khi ấy, Thập thất quần đến hỏi Thượng tọa, vị Thượng tọa biết là họ bị gieo nghi ngờ, phiền não, bạch Phật, chế giới.

GIẢI THÍCH:

Gieo nghi ngờ phiền não: tức là dựa vào năm sanh, tuổi tác, thọ giới, Yết-ma, phạm phi phạm, hay pháp phi pháp cũng vậy. Dựa vào năm sanh mà nghi ngờ, như hỏi: "Ông sanh bao lâu rồi?" Bảo rằng: "...bao nhiêu năm?" Lại nói: "Ông không phải sanh bao nhiêu năm đó. Ông sanh như bao nhiêu người khác, chẳng phải như ông nói". Cho đến pháp v.v... cũng vậy.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu cố ý dùng vấn đề này để gây nghi ngờ, phiền não, noùi rõ ràng, phạm Ba-dật-đề; nói không rõ ràng, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Sự thật là như vậy, không cố ý gây phiền não. Cho đến nói nhầm v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Khiến cho bốn chúng nghi hối, phạm Đột-kiết-la. Ni khiến cho hai chúng nghi hối, phạm Ba-dật-đề. Khiến cho ba chúng khác nghi hối, phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

64. GIỚI CHE TỘI THÔ ÁC CỦA NGƯỜI

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng chế. Tức là: "Giới không dạy ăn năn tội vậy".

Hỏi: - Không che tội của người, tức là nói cái lỗi của bốn chúng sao?

Đáp: - Chỉ cấm không được nói với người ngoài chứ không cấm nói trong Tăng, đúng như pháp cử tội vậy. Nếu như dung túng việc phi pháp để trở thành việc đại ác hay sao! Khiến cho họ tội càng tăng, mà kể cả pháp môn cũng bị tiếng xấu. Ai có lòng từ, lại cam tâm ngồi nhìn sự việc như vậy?!

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, biết rõ Tỳ-kheo khác phạm tội thô ác mà cố ý che giấu, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO37:

Bạt-nan-đà thường phạm tội, đến nói với Tỳ-kheo quen thân, bảo đừng nói với ai. Sau đó, hai người kình nhau, Tỳ-kheo kia đến nói những tội phạm của Bạt-nan-đà với các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo khác hỏi, biết lý do, bạch Phật, chế giới.

GIẢI THÍCH:

Thô tội: tức tội tứ khí và thập tam Tăng tàn.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Biết khi tiểu thực, sau bữa ăn nói, cho đến đầu đêm biết, giữa đêm nói, phạm Đột-kiết-la. Giữa đêm biết, sau đêm muốn nói mà chưa nói, tướng mặt trời hiện, phạm Ba-dật-đề. Che các tội khác, tự che thô tội của mình, che thô tội của người, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni che tội khí của Ni phạm Ba-la-di; che tội Tăng tàn của Ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Trước không biết, hoặc không có người để nói, hay phạm hạnh nạn, mạng nạn.

Luật Thập tụng nói:

Thấy tội của người khác, đến người khác nói, bèn thôi. Nếu nghe, nếu nghi, không nên nói.

Luật Tăng kỳ nói:

Không nên đến nói với người thế tục mà nên đến thiện Tỳ-kheo nói. Nếu Tỳ-kheo có tội là kẻ hung ác, hoặc dựa vào thế của vua, của đại thần hay bạn ác, muốn tạo nhân duyên để đoạt mạng sống, thương tổn đến phạm hạnh thì nên nghĩ rằng: "Người kia tạo nghiệp ắt có quả báo, họ tự biết lấy. Ví như lửa cháy, chỉ tự cứu mình, đâu biết đến việc khác." Như vậy vô tội.

PHỤ:

Phần thứ ba (luật Tứ phần) nói:

Tự thân có đủ 5 pháp mới cử tội của người:

1) Nói đúng lúc, không nói phi thời.

2) Chơn thật không phải hư ngụy.

3) Có ích không phải tổn giảm.

4) Nhu nhuyến không phải thô lỗ.

5) Từ tâm không phải sân hận.

Phần thứ tư (luật Tứ phần) nói:

Phật bảo Ưu-ba-ly: "Thân, oai nghi không thanh tịnh; nói, không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh. Ít học không biết Tu-đa-la (kinh), ít học không biết Tỳ-ni (luật), biện luận không rõ ràng, dụ như "bạch dương" (dê câm). Người như vậy không nên cử tội kẻ khác.

Nếu các pháp đầy đủ, nên dùng đúng thời, dùng đúng pháp, cử tội người khác. Hơn nữa, Tỳ-kheo nào có ái, cung kính đối với Ta, thì nên cử tội họ. Hoặc không ái, có cung kính, hoặc không cung kính, có ái, thì nên cử Hoặc tuy không có kính mà có thể bỏ ác làm lành, nên cử. Hoặc lại có chỗ trọng Tỳ-kheo, tôn kính tín nhạo, có thể khiến xả ác hành thiện thì nên cử tội họ. Nếu hoàn toàn không có, Tăng neân xả trí đuổi đi, nói rằng: Trưởng lão tùy ý đi chỗ khác, nơi đó sẽ vì ngài tác cử, tác ức niệm, tác tự ngôn, giá xuất tội, giá thuyết giới, giá tự tứ. Thí như điều mã sư (người dạy ngựa) đối với con ngựa khó dạy liền buông cương lẫn nọc thả đi. Tỳ-kheo như vậy không nên đến họ cầu thính. Đây tức là thính rồi.

Tát-bà-đa ma-đắc-lặc-già nói:

Dùng Thiên nhãn cử tội người khác, phạm Đột-kiết-la. Thiên nhĩ cũng như vậy.

---o0o---

65. GIỚI TRUYỀN GIỚI KHÔNG ĐÚNG PHÁP

Đại thừa, Tỳ-kheo, đồng học.

GIỚI BỔN:

Người đủ 20 tuổi nên cho thọ Đại giới, nếu Tỳ-kheo biết người chưa đủ tuổi 20 mà cho thọ Đại giới, Ba-dật-đề. Người ấy không đắc giới, các Tỳ-kheo đáng bị khiển trách, vì si.

NGUYÊN DO38:

Thập thất quần đồng tử, trước là bạn thân với nhau, lớn nhất là 17 tuổi, nhỏ nhất là 12 tuổi, cùng nhau cầu xuất gia, các Tỳ-kheo cho thọ Đại giới. Không kham vấn đề ăn một bữa, nửa đêm đói bụng, kêu lớn, la khóc. Phật nghe và hỏi, A-nan thưa đầy đủ, Phật kiết giới này.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu Hòa thượng biết hay nghi mà cho thọ giới, ba lần Yết-ma xong, phạm Ba-dật-đề; hai lần Yết-ma xong, phạm ba Đột-kiết-la; một lần Yết-ma xong, phạm hai Đột-kiết-la. Bạch xong, phạm một Đột-kiết-la. Từ khi tác phương tiện cho đến nhóm Tăng, đều phạm Đột-kiết-la. Chúng Tăng nếu biết hoặc nghi, tất cả đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Trước không biết, tin người thọ giới nói, hoặc người gần gũi làm chứng, hoặc tin lời cha mẹ. Thọ giới rồi nghi, cho phép tính năm tháng ở trong thai, hoặc tính tất cả là 14 ngày thuyết giới, để làm số năm của tuổi. (Nửa tháng, nửa tháng nói giới, mỗi năm cõĩng có 24 lần. Tháng có trăng và tháng không trăng đủ, đều 15 ngày nói giới. Tháng không trăng nếu thiếu thì 14 ngày nói giới. Một năm chỉ có 6 lần là 14 ngày nói giới, sẽ có 18 lần là 15 ngày nói giới. Nay dùng quyền xảo phương tiện, đều ước chỉ có 14 ngày nói giới. Dùng số tháng để tính thì một năm có 18 ngày, 10 năm có 180 ngày. Như người kia có 19 tuổi, cộng thêm 342 ngày có thể tính là một tuổi, tức có thể gọi là đủ 20 tuổi vậy).

Kiền-độ thọ giới39 nói:

Nếu đắc A-la-hán tức gọi là thọ Cụ túc.

Luật nhiếp nói:

Nếu khi cận viên, tuổi thật chưa đủ mà tưởng là đủ; sau đó bạn thân40 cho biết "chưa đủ", nên tính tháng trong thai, tháng nhuần, nếu đủ thì tốt, nếu không đủ, lui làm cầu tịch, sau thọ cận viên lại. Nếu không như vậy thì thành tặc trụ. Nếu tuổi đủ 19 mà tâm nghĩ là 20, thọ cận viên. Sau một năm, bạn thân41 đến nói là không đủ. Hoặc tự nhớ biết là không đủ. Hoặc tuổi 18 mà thọ cận viên, sau hai năm, đồng như trước nhớ biết. Những trường hợp như thế, đều gọi là thiện thọ. Vì Chánh giáo khó gặp, nên khai cho vậy.

---o0o---

66. GIỚI PHÁT KHỞI LẠI SỰ TRANH CÃI

Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, biết sự tranh cãi đã được như pháp giải quyết rồi, sau đó lại khơi dậy, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO42:

Lục quần biết sự tranh cãi đã như pháp diệt rồi, lại nói như vầy: "Ông không khéo quán, không thành quán, không khéo giải, không thành giải, không khéo diệt, không thành diệt." Do đó, khiến cho Tăng chưa có sự tranh cãi thì khởi lên sự tranh cãi, đã có sự tranh cãi thì không chấm dứt được, cho nên chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Như pháp là đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy. Tránh có 4 loại: Ngôn tránh, sự tránh, mích tránh, phạm tránh.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Khơi dậy, nói rõ ràng, phạm Ba-dật-đề; không rõ ràng, phạm Đôït-kiết-la... Khơi dậy bao nhiêu việc đấu tranh mạ nhục khác và việc đã đấu tránh, hay

bao nhiêu người khác đấu tranh, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng sau phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Thật không khéo quán v.v...

Luật nhiếp nói:

Nếu chúng vì chúng tác Yết-ma, mắc Tốt-thổ-la (thâu-la-giá) tội. Bởi đây là phương tiện phá Tăng vậy. Nếu đã dùng pháp trừ hết, hay khởi tưởng trừ hết, nghi mà hủy phá, mắc tội đọa. Không như pháp trừ hết, khởi tưởng như pháp, nghi mà ngăn chận, mắc tội ác tác. Pháp cùng với phi pháp, tác tưởng phi pháp mà hủy phá. Hai điều này không phạm.

---o0o---

67. GIỚI ĐỒNG ĐI VỚI GIẶC

Đây là giá tội. Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, biết đó là bọn giặc cướp, mà giao hẹn cho cùng đi chung một đường, dù chỉ trong khoảng một xóm đến một xóm, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO43:

Tỳ-kheo cùng với khách buôn làm bạn đi qua chỗ quan thuế, tất cả đều bị quan thuế bắt vì vấn đề thuế. Vua Ba-tư-nặc quở trách rồi thả các Tỳ-kheo, quần thần bất phục nhà vua, Phật nghe, chế giới.

GIẢI THÍCH:

Làm bạn với giặc: tức là người làm giặc trở về, hay mới chuẩn bị đi làm giặc.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng như giới cùng đi với phụ nữ. Tỳ-kheo-ni Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: không biết, không kết thân và bị bắt phải đi v.v...

Luật Ngũ phần nói:

Cùng với ác Tỳ-kheo đồng đi, phạm Đột-kiết-la. Nếu vì nạn duyên thì không phạm.

Luật Thập tụng nói:

Nếu chỗ hiểm nạn, cùng giặc để vượt qua, không phạm.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ TÁM

---o0o---

1 Tứ phần luật 14, tr. 662c, Đại 22n1428.

2 Nội túc 內宿: Nói cho đủ là nội túc thực, là thức ăn cùng với Tỳ-kheo ở một chỗ trải qua một đêm. Đó là một trong những loại thức ăn bất tịnh. Tỳ-kheo không được dùng.

3 Tàn túc thực 殘宿食: Thức ăn còn dư cách đêm, cũng là loại thức ăn bất tịnh. Tỳ-kheo không được dùng.

4 Tứ phần luật 15, tr. 663b, Đại 22n1428.

5 Tứ phần luật 15, tr. 664a, Đại 22n1428.

6 Tứ phần luật 15, tr. 664b, Đại 22n1428.

7 Tứ phần luật 15, tr. 665a, Đại 22n1428.

8 Tứ phần luật 15, tr. 666a, Đại 22n1428.

9 Tứ phần luật 15, tr. 666c, Đại 22n1428.

10 Tứ phần luật 15, tr. 667b, Đại 22n1428.

11 Bán-trạch-ca 半擇d迦: Skt. paṇḍaka (kaṇḍāka), dịch Huỳnh môn, bất năng nam, là chỉ người nam không có nam căn hay nam căn không hoàn chỉnh. Bán-trạch-ca nữ cũng vậy.

12 Căn bản 38, tr. 834c25, Đại 23n1442: ..."Ngài đi đi"... là lời đuổi vậy. Lời nói (ngữ) là đọc tụng. Ngồi một mình... thì vui, rõ ràng là có ý muốn gây não, khiến người kia phải nhịn đói...

13 Tứ phần luật 15, tr. 667c, Đại 22n1428.

14 Tứ phần luật 15, tr. 668b, Đại 22n1428.

15 Tứ phần luật 15, tr. 669b, Đại 22n1428.

16 Tứ phần luật 15, tr. 670a, Đại 22n1428.

17 Tứ phần luật 16, tr. 671a, Đại 22n1428.

18 Tứ phần luật 16, tr. 671b, Đại 22n1428.

19 Tứ phần luật 16, tr. 672b, Đại 22n1428.

20 Tứ phần luật 16, tr. 673a, Đại 22n1428.

21 Tứ phần luật 16, tr. 673a, Đại 22n1428.

22 Tứ phần luật 16, tr. 673b, Đại 22n1428.

23 Tứ phần luật 16, tr. 674b, Đại 22n1428.

24 Tứ phần luật 16, tr. 675a, Đại 22n1428.

25 Ôn thất 溫室?: Pāli. jantāghara, nhà tắm có nước nóng.

26 Tứ phần luật 16, tr. 678c, Đại 22n1428.

27 Tứ phần luật 16, tr. 676a, Đại 22n1428.

28 Tứ phần luật 16, tr. 676b, Đại 22n1428.

29 Đoạn văn trong ngoặc là ngài Trí Húc chú giải thêm.

30 Tứ phần luật 16, tr. 676c, Đại 22n1428.

31 Tứ phần luật 16, tr. 677b, Đại 22n1428.

32 Câu-la-xá: câu-lô-xá 拘盧舍 (Skt. Krośa), dịch là âm thanh, tức là khoảng cách có thể nghe tiếng kêu của con trâu lớn, hoặc tiếng trống. Đây là đơn vị đo lường của Ấn Độ thời xưa. Theo Tứ phần luật san bổ tuỳ cơ yết-ma sớ 1: Một cung bằng 4 khuỷu tay, một khuỷu tay bằng 1 thước 8 tấc. Vì vậy 1 câu-lô-xá là 3600 thước.

33 Tứ phần luật 52, phần thứ tư Kiền-độ Tạp, tr. 954b10, Đại 22n1428.

34 Quân trì: Skt. kuṇḍikā.

35 Nam hải ký qui nội pháp truyện 1, tr. 207c11, Đại 54n2125.

36 Tứ phần luật 17, tr. 677c, Đại 22n1428.

37 Tứ phần luật 17, tr. 678c, Đại 22n1428.

38 Tứ phần luật 17, tr. 679a, Đại 22n1428.

39 Tứ phần luật 34, phần thứ ba Kiền-độ thọ giới, tr. 811a18, Đại 22n1428.

40 Trong chánh văn Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 8, tr. 813b02, Vạn 40n719: Thân hữu 親H友Đ. Căn bản tát-bà-đa bộ luật nhiếp 13, tr. 600b08, Đại 24n1458: Thân thuộc 親H屬. Có thể hiểu là người nhà, người trong gia đình, không hẳn là bạn thân.

41 Xem cht. trên.

42 Tứ phần luật 17, tr. 680c, Đại 22n1428.

43 Tứ phần luật 17, tr. 681b, Đại 22n1428.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ CHÍN

68. GIỚI KHÔNG BỎ ÁC KIẾN

Phạm giới trọng của Đại thừa, là hủy báng Pháp vậy

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, nói như vầy: "Tôi biết rằng, theo pháp Phật dạy, sự hành dâm dục không phải là pháp chướng đạo". Các Tỳ-kheo kia nên can gián Tỳ-kheo này rằng: "Đại đức chớ nói như vậy; chớ xuyên tạc Thế Tôn, xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói rằng sự hành dâm là pháp chướng đạo". Khi được các Tỳ-kheo can gián Tỳ-kheo này vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo can gián đến ba lần cho bỏ sự ấy. Nếu đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Tỳ-kheo A-lê-tra sanh ác kiến. Các Tỳ-kheo can gián mà không bỏ, bạch Phật, Phật bảo Tăng vì đương sự bạch tứ Yết-ma quở trách can gián, kiết giới này.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ba lần Yết-ma xong, phạm Ba-dật-đề. Ngăn vị ấy đừng bỏ phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

- Luật Ngũ Phần nói: "Một Tỳ-kheo đến chỗ vắng can gián, bỏ, phạm một Đột-kiết-la. Nhiều Tỳ-kheo đến can gián, bỏ, phạm hai Đột-kiết-la. Tăng đến can gián, bỏ, phạm ba Đột-kiết-la. Bạch xong, bỏ, phạm bốn Đột-kiết-la. Một lần Yết-ma xong, bỏ, phạm năm Đột-kiết-la. Hai lần Yết-ma xong, bỏ, hoặc ba lần Yết-ma chưa xong, bỏ, phạm sáu Đột-kiết-la. Ba lần Yết-ma xong, bỏ hay không bỏ, đều phạm Ba-dật-đề.

CHỨNG MINH:

- Kinh Đại Bát Nhã nói: Nếu nhiễm sắc dục, đối với vấn đề sanh lên cõi Phạm thiên, còn có thể bị chướng ngại, huống chi đạt được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên Bồ-tát đoạn dục xuất gia, có thể đạt được Vô thượng Bồ-đề, không phải là không đoạn.

Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong ngũ dục rất sanh nhàm chán, lo âu, không để cho tội lỗi của ngũ dục nhiễm hại, dùng vô lượng pháp môn quở trách, hủy báng các dục: Dục là lửa bừng cháy, đốt thân tâm. Dục là bẩn thỉu nhơ nhớp nhiễm mình và người. Dục là tên đầu sỏ, xưa nay, mãi mãi về sau thường tác hại! Dục là oán địch, suốt đêm rình mò làm tổn hại! Dục là cây đuốc bằng cỏ khô. Dục là trái đắng. Dục là lưỡi kiếm bén. Dục là đống lửa. Dục là Chiên-đà-la trá hình kẻ thân thích v.v... Xá-lợi-tử! Các Bồ-tát Ma-ha-tát dùng vô lượng mặt ví dụ như vậy để quở trách, hủy báng các dục".

---o0o---

69. GIỚI BÈ ĐẢNG VỚI NGƯỜI ÁC KIẾN

Đại thừa đồng chế cấm.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, biết người nói lời như thế, chưa được tác pháp (giải), tà kiến như thế chưa bỏ, lại cung cấp các nhu yếu, cùng Yết-ma, cùng ngủ nghỉ, cùng nói chuyện, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

A-lê-tra không bỏ ác kiến, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật bảo Tăng vì đương sự, bạch tứ Yết-ma cử tội ác kiến không bỏ. Lục quần lại cung cấp các thứ cần dùng, nên chế.

GIẢI THÍCH:

Chưa tác pháp: Tức là bị cử mà chưa giải. Không bỏ: Có nghĩa là Tăng quở trách, can gián mà không bỏ. Vật cần dùng có hai: một là pháp, tức là dạy tu Tăng thượng giới, Tăng thượng ý (định), Tăng thượng trí (tuệ), học vấn tụng Kinh. Hai là tài, tức cung cấp tứ sự, đồng Yết-ma, đồng thuyết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. (Nếu tùy thuận Tỳ-kheo bị cử, ba lần can gián không bỏ, phạm Ba-la-di).

Không phạm: Không biết có người nói như vậy, bị bệnh, ngộ nhận, bị bắt buộc, mạng nạn v.v...

- Luật Ngũ Phần nói: "Cùng nói, mỗi lời nói phạm một Ba-dật-đề. Cùng ngồi, mỗi lần ngồi phạm một Ba-dật-đề. Cùng ngủ, mỗi đêm phạm một Ba-dật-đề. Cùng làm việc, mỗi việc phạm một Ba-dật-đề. Tuy bỏ ác kiến nhưng Tăng chưa giải Yết-ma, cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu khởi tạo ác kiến, Tăng chưa Yết-ma, phạm Đột-kiết-la. Nếu không biết và không Yết-ma như pháp, không phạm.

-Luật Thập Tụng nói: "Nếu dạy pháp cho người, nếu học pháp nơi người, nếu đem của cho người, nếu nhận của nơi người, nếu cùng ngủ, tất cả phạm Ba-dật-đề."

-Luật Căn Bản nói: "Nếu người kia bệnh, chăm sóc không phạm. Hoặc cùng chung ở để khiến cho họ bỏ ác kiến cũng không tội".

---o0o---

70. GIỚI NUÔI SA DI BỊ TẪN XUẤT

Đại thừa đồng học

GIỚI BỔN :

Tỳ-kheo nào, biết Sa-di ấy nói như vầy: Tôi nghe pháp từ Đức Phật nói rằng: "Hành dâm dục không phải là pháp chướng đạo". Các Tỳ-kheo nên can gián Sa-di ấy như vầy: "Người chớ xuyên tạc Thế Tôn, xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Sa-di, Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói rằng dâm dục là pháp chướng đạo". Khi được các Tỳ-kheo can gián như thế mà Sa-di ấy vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, nếu không bỏ, các Tỳ-kheo nên nói với Sa-di ấy rằng: "Ngươi từ nay trở đi hãy đi khỏi đây; không được nói rằng: "Đức Phật là Thế Tôn của tôi". Không được đi theo các Tỳ-kheo khác. Các Sa-di được phép ngủ 2,3 đêm cùng với các Tỳ-kheo;

nhưng ngươi nay không có sự kiện ấy. Ngươi hãy ra khỏi đây, hãy đi khuất chỗ này, không được sống ở đây nữa". Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di đã bị đuổi giữa chúng như vậy mà dụ đem về nuôi dưỡng cùng ngủ chung, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Bạt-nan-đà có 2 Sa-di khởi ác kiến như vậy. Phật ra lệnh các Tỳ-kheo, vì họ, bạch tứ Yết-ma quở trách can gián, ba phen can gián, không bỏ, bèn bảo Tăng diệt tẫn cùng bạch tứ Yết-ma. Lục quần biết Tăng diệt tẫn, dụ dẫn về nuôi cùng chung ngủ, nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu mình nuôi, hoặc cho người; hoặc tự dụ hay bảo người dụ, hay cùng ngủ chung, đều phạm Ba-dật-đề, Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Không biết là bị tẫn, cho đến mạng nạn v.v...

- Luật Căn Bản nói: "Nếu khiến cho người ấy bỏ ác kiến, tuy phương tiện thu nhận, nhưng không phạm".

PHỤ:

-Luật Nhiếp nói: "Phàm người không thấy tội, là người bị vất bỏ, mà cùng chung thọ dụng, đều mắc tội ác tác".

-Luật Tăng Kỳ nói: "Nếu có người bị hiềm trách của hai Thầy, các Tỳ-kheo khác không được dụ dỗ, nói: Tôi cho ông bốn việc cần dùng, ông đến ở với tôi, học Kinh, tụng Kinh. Nếu quan sát biết người kia sẽ xả giới về nhà, được phép bảo họ về ở với mình, và khuyên dạy họ: Ông nên biết ơn của hai Thầy rất nặng khó mà trả được, ông nên trở về ở dưới sự chăm sóc của Hai Thầy".

---o0o---

71. GIỚI CHỐNG SỰ CAN GIÁN, NẠN VẤN

Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, khi được các Tỳ-kheo như pháp can gián lại nói rằng: "Tôi nay không học điều giới này, trừ khi tôi hỏi rõ Tỳ-kheo trì luật có trí tuệ khác", Ba-dật-đề. Nếu muốn hiểu biết, muốn học thì nên hỏi.

NGUYÊN DO:

Do Tỳ-kheo Xiển-đà, nên Phật chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: người can gián là ngu si.

---o0o---

72. GIỚI COI THƯỜNG VIỆC NÓI GIỚI.

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, khi tụng giới, nói như vầy: "Đại đức nói những giới vụn vặt ấy có ích lợi gì? Khi nói giới ấy chỉ làm người ta phiền muộn, xấu hổ, hoài nghi", vì khinh chê giới, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Chúng Tỳ-kheo tụng Chánh pháp Tỳ-ni, lục quần sợ vấn đề rành rẽ để rồi cử tội mình, nên nói: Nếu cần tụng thì tụng 4 việc và 13 việc, còn bao nhiêu không nên tụng... Các Tỳ-kheo xét biết ý của họ muốn tiêu diệt Chánh pháp, bạch Phật, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Hủy báng A-tỳ-đàm và các Kinh khác, phạm Đột- kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. (Sa-di hủy báng giới đã thọ... cũng Đột-kiết-la).

Không phạm: Bảo đợi khi lành bệnh sẽ tụng. Bảo vì cầu quả chứng, không vì diệt pháp.

-Luật Ngũ Phần nói: "Nếu muốn cho người xa lìa Tỳ-ni, không đọc, không tụng, mà hủy báng, phạm Ba-dật-đề. Nếu muốn khiến cho Ba-la-đề-mộc-xoa không được bền lâu mà hủy báng phạm Thâu-lan-giá. Hủy báng Kinh, cũng như vậy. Hủy báng bốn chúng khác và giới của hai chúng tại gia, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni hủy báng hai bộ giới, phạm Ba-dật-đề. Hủy báng giới của năm chúng phạm Đột-kiết-la. Nếu sợ người mới thọ giới sanh tâm nghi, phế bỏ tu hành, dạy người chưa có thể tụng giới, không phạm.

CHỨNG MINH:

-Luận Tát Bà Đa nói: "Tại sao chê Giới Kinh thì tội nặng, các Kinh khác thì tội nhẹ? Bởi giới là đất bằng trong pháp của Phật, vạn điều lành do đó mà sanh. Lại nữa, tất cả Phật tử đều nương nơi giới mà an trụ. Nếu không có giới thì không có chỗ nương. Lại nữa, cửa ngõ ban đầu để vào Phật pháp nếu không có giới, không do đâu mà vào trong nê hoàn. Lại nữa giới là chuỗi anh lạc của Phật pháp, trang nghiêm Phật pháp. Cho nên chê bai hủy báng thì mắc tội nặng".

- Luật Thiện Kiến nói: Nếu học Tỳ-ni thì sẽ có 5 đức:

1) Thân tự hộ giới

2) Hay đoạn nghi cho người

3) Vào trong chúng không lo sợ

4) Hay nhiếp phục oan gia

5) Khiến Chánh pháp lâu bền

Cho đến chỉ có 5 Tỳ-kheo hiểu rõ luật, sống tại thế gian có thể khiến cho Chánh pháp cửu trụ. Nếu Trung Thiên Trúc Phật pháp diệt, biên địa có 5 người, nhưng truyền giới phải đủ mười người(1). Họ đến Trung Thiên Trúc vẫn được phép truyền cho người giới Cụ túc, đó gọi là khiến cho Chánh pháp cửu trụ. Như vậy cho đến 20 người xuất tội, gọi là khiến cho Chánh pháp cửu trụ.

Lại nữa, trì luật sẽ có 6 đức:

1) Thủ lãnh Ba-la-đề-mộc-xoa.
2) Biết Bố-tát.
3) Biết tự tứ
4) Biết trao giới Cụ túc cho người.
5) Nhận người y chỉ.
6) Được nuôi Sa-di.

Nếu không hiểu luật, chỉ biết tu Đa-la, A-tỳ-đàm, không được độ Sa-di, nhận người y chỉ. Do Luật sư trì luật cho nên Phật pháp trụ thế 5.000 năm".

73) GIỚI KHÔNG BIẾT GIỚI

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, khi nghe tụng giới, nói như vầy: "Nay tôi mới biết pháp này được ghi trong Giới Kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần, xuất từ Giới Kinh". Các Tỳ-kheo khác biết Tỳ-kheo này đã từng ngồi dự tụng giới, hoặc hai hoặc ba lần, huống nữa là nhiều lần. Tỳ-kheo ấy không phải do vì không biết mà khỏi tội. Nếu có phạm tội, thì phải được xử trị như pháp, rồi lại chồng thêm tội vô tri, bảo rằng: "Trưởng lão, thật không lợi ích gì cho ngài, không có sở đắc tốt đẹp gì cho ngài, vì trong khi tụng giới ngài không dụng tâm, không nhất niệm, lắng tai nghe pháp". Vị ấy là vô tri, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Trong lục quần, một người tự biết mình có tội chướng, sợ Tỳ-kheo thanh tịnh cử tội, bèn nói trước rằng: "Tôi nay mới biết..." Các Tỳ-kheo xét biết việc ấy, bạch Phật, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu không nêu tội người kia, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. (Sa-di... không biết giới mình đã thọ, phạm Đột-kiết-la).

Không phạm: chưa từng nghe thuyết giới, nay mới nghe. Chưa từng nghe nói rộng, nay mới nghe. Cho đến nói nhầm v.v...

-Luật Tăng Kỳ nói: "Thọ Cụ túc rồi, nên tụng hai bộ Tỳ-ni. Nếu không thể, thì nên tụng một bộ. Cho đến cũng không thể tụng, thì nên tụng thiên đầu của giới và kệ. Khi Bố-tát nên nói rộng 5 thiên. Cho đến không thể tụng, thì nên tụng thiên đầu và kệ. Ngoài ra nên nói: Tăng thường nghe. Không tụng phạm tội Việt-tỳ-ni. Tăng nên sai vị nào tụng thuộc lòng thì tụng, bao nhiêu vị khác chuyên tâm nghe, không được tọa thiền và làm các công việc khác. Nếu từ 4 việc cho đến 7 diệt tránh, khoảng giữa, tùy việc không nghe bao nhiêu thì mắc bấy nhiêu tội Việt-tỳ-ni. Tất cả không nghe, mắc tội Ba-dật-đề. Tội này không được đến một người sám mà phải ở giữa chúng, đối với vị trì giới có oai nghi, hết sức kính trọng để sám hối. Vị ấy nên quở rằng: "Trưởng lão, ngài đã mất hết mọi lợi ích tốt đẹp, khi nửa tháng nói Ba-la-đề-mộc-xoa, mà ngài không tôn trọng, không một lòng nghĩ đến, không lắng tai nghe pháp". Quở trách rồi, bắt sám tội Ba-dật-đề.

---o0o---

74. GIỚI CHỐNG LẠI VIỆC ĐÃ YẾT MA

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, sau khi đã cùng chúng Yết-ma, lại nói như vầy: "Các Tỳ-kheo theo chỗ thân hậu, mà cho vật của Tăng", Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Đạp-bà-ma-la-tử, trị sự của Tăng; những nơi thí hội không đến dự được vì bận việc, nên y bị hư rách. Chúng Tăng bạch nhị Yết-ma cấp y cho ngài. Lục quần cũng có dự Yết-ma, sau lại nói như trên, nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. (Sa-di... không được đồng Yết-ma, nếu cơ hiềm riêng, cũng mắc Đột-kiết-la).

Không phạm: Việc này đúng như vậy.

-Luận Tát Bà Đa nói: "Người lao động vất vả trong Tăng, hoặc Đại đức nào thiếu thốn, Tăng hòa hợp (nhất trí) trao cho, thì đều được phép cho. Ai nói không nên cho, đều phạm".

---o0o---

75. GIỚI KHÔNG GỞI DỤC

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, khi Tăng đoán sự chưa xong, không dữ dục mà đứng dậy đi ra, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Chúng Tỳ-kheo tập hợp một chỗ, luận pháp Tỳ-ni. Lục quần nghi là vì bọn họ tác Yết-ma, nên đứng dậy bỏ đi. Chúng Tăng kêu lại mà vẫn đi, nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Sự: là 18 việc phá Tăng, từ pháp, phi pháp, cho đến thuyết, bất thuyết.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ra ngoài cửa, phạm Ba-dật-đề. Một chân ngoài cửa v.v...phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Bận việc của Tăng, của Tháp, nuôi bệnh, dữ dục mà đi. Nếu câm không thể nói để dữ dục và Yết-ma phi pháp v.v...

- Luật Tăng Kỳ nói: "Nếu đi đại tiểu tiện, giây lát trở vào, không bỏ việc của Tăng, không tội. Nếu muốn nói pháp, nói Tỳ-ni, muốn nghe nhiều Tỳ-kheo tụng Kinh, nghe người khác học Kinh, nghe người khác tụng Kinh, đều nên thưa để đi. Không thưa mà đi, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đang tụng Kinh, mà nghỉ tụng, nói việc khác, người đi không tội".

.-Luật Ngũ Phần nói: "Nếu Yết-ma nơi phòng dưới, tùy theo bao nhiêu lần đi ra, là bấy nhiêu lần phạm Ba-dật-đề. Nếu Yết-ma nơi đất trống, ra đi cách Tăng một tầm, phạm Ba-dật-đề. Nếu người có thần túc, lìa khỏi đất 4 tấc, phạm Ba-dật-đề. Nếu Tăng không Yết-ma, đoán sự, ra đi, phạm Đột-kiết-la. Nếu đoán sự nơi phòng riêng, đến rồi đi, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tăng không Yết-ma đoán sự và đoán sự nơi phòng riêng, Sa-di được ở trong đó, ra đi, phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di ni cũng như vậy".

---o0o---

76. GIỚI DỮ DỤC RỒI SAU ĂN NĂN

Đại thừa, Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, đã dữ dục, sau đó tỏ sự bất bình, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Trong lục quần có người có việc phạm giới, sợ Tăng cử riêng tội, nên lúc nào 6 người cũng cùng đi với nhau, không xa nhau. Tăng không thể cùng tác Yết-ma được. Sau đó, khi may y, kêu họ, họ nói: May y không đến được. Tăng nói: Không đến hết được có thể sai một, hai Tỳ-kheo đem dục đến. Họ liền sai một Tỳ-kheo đến. Tăng liền cùng với Tỳ-kheo này tác Yết-ma. Tỳ-kheo này trở về, lục quần hối hận nói: "Yết-ma như vậy không phải là Yết-ma, Yết-ma không thành, Tôi dữ dục việc kia chứ không phải dữ dục việc này". Các Tỳ-kheo hiềm trách, bạch Phật, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: thật chẳng phải Yết-ma (phi Yết-ma).

.-Luật Ngũ Phần nói: "Tăng đã không tác Yết-ma, đoán sự, mà sau đó quở trách, phạm Đột-kiết-la".

---o0o---

77. GIỚI LÉN NGHE VIỆC CÃI CỌ RỒI ĐEM NÓI LẠI

Đây là tánh tội. Đại thừa đồng chế.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, sau khi các Tỳ-kheo tranh cãi nhau, nghe lời người này đem nói với người kia, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Do từ lục quần Tỳ-kheo cho nên Phật chế.

GIẢI THÍCH:

Nghe đây là nghe lén.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Rình mà có nghe phạm Ba-dật-đề; rình mà không nghe phạm Đột-kiết-la. Muốn rình nghe rồi thôi, và bất cứ ở đâu, hai người đang nói chuyện, không khảy móng tay hay tằng hắng để cảnh giác, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột- kiết-la.

Không phạm: Vì để phá Yết-ma phi pháp và việc làm không lợi ích.

- Luật Ngũ Phần nói: "Lặng thinh nghe bốn chúng dưới nói, phạm Đột-kiết-la".

- Luật Thập Tụng nói: "Vì việc hòa hiệp, đến nghe không phạm".

-Luật Thiện Kiến nói:"Đi đến, mỗi bước là một Đột-kiết-la. Đến chỗ có thể nghe được, phạm Ba-dật-đề. Vì muốn tự cải hóa, đến nghe không phạm".

- Luật Tăng Kỳ nói: "Hai Tỳ-kheo đang nói chuyện riêng trong nhà, nếu Tỳ-kheo khác muốn vào, phải khảy móng tay hay khua chân có tiếng. Nếu họ yên lặng thì nên trở lui. Nếu vẫn nói không thôi, vào không tội. Một Tỳ-kheo ngồi trong nhà trước, hai Tỳ-kheo nói chuyện riêng từ ngoài đến, Tỳ-kheo ngồi trước ấy nên khua động, nếu họ lặng thinh thì Tỳ-kheo ngồi trong nhà nên đi ra. Đi trước đi sau cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo cùng với các Tỳ-

kheo khác đấu tranh kết hận, nhiếc mắng: "Tôi cần giết người ác ấy". Tỳ-kheo nghe rồi, được phép nói với người kia để họ đề phòng. Nếu có khách Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi sẽ trộm trong kho... vật trong Tháp... tịnh khố của Tăng... y, bát của... vị tri sự, nghe rồi, lặng thinh nên về trong Tăng xướng: "Các Đại đức! Kho chứa... vật trong Tháp... tịnh khố của Tăng... y, bát của...cần cảnh giác, tôi nghe có kẻ muốn đoạt". Nếu Tỳ-kheo có nhiều đệ tử, cuối ngày nên khéo léo đến xét các phòng, coi nếp sống của họ có như pháp chăng? Nếu nghe họ nói chuyện thế tục, không nên vào quở trách liền, đợi người đó đến, rồi sau khiển trách dạy dỗ. Nếu nghe họ luận Kinh, nói nghĩa, vấn đáp, không được vào khen liền, đợi thời gian sau, vậy mới đúng là khen ngợi".

---o0o---

78. GIỚI GIẬN ĐÁNH TỲ KHEO

Đại thừa đồng chế.

Nếu vì trả báo nhau, phạm tội khinh. Nếu không có cớ mà nổi giận và phẫn hận tăng lên, không chịu sám hối, phạm tội trọng.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn, không hoan hỷ, đánh Tỳ-kheo khác, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Một vị trong lục quần, giận đánh một vị trong 17 vị Tỳ-kheo nhỏ. Người bị đánh kêu la lớn: "Đừng làm vậy!" Phòng gần nghe, bạch Phật, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Dùng cây, đá, tay v.v... đánh, đều phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột- kiết-la.

Không phạm: Bệnh cần đấm bóp... xúc chạm để cho họ nghe mình nói, và xúc chạm nhầm...

- Luận Tát Bà Đa nói: "Nếu đánh Sa-di đắc giới (tức là Sa-di dữ học vậy) người lòa, người mù, điếc câm, Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo, đều

phạm Ba-dật-đề." (Mất hai mắt gọi là manh, mất một mắt gọi là hạt (lòa), nếu trước đã thọ giới rồi sau mắc phải các bệnh ấy, vẫn là Tỳ-kheo vậy).

- Ma Đắc Lặc Già nói: "Đánh ba hạng người sau đây phạm Đột-kiết-la:

- Tặc trụ (không đắc giới).

- Vốn không hòa hợp (người thọ 5 pháp).

- Vốn đã phạm giới (phạm trọng cấm, mất tánh Tỳ-kheo).

Nếu cầm cát, cầm đậu, các vật ném chúng Tỳ-kheo bao nhiêu người đụng, đụng bao nhiêu hạt, bấy nhiêu Ba-dật-đề; không trúng, phạm Đột-kiết-la.

-Luật Ngũ Phần nói: "Đánh bốn chúng dưới, cho đến súc sanh, phạm Đột-kiết-la."

- Luật Tăng Kỳ nói: "Nếu các loài voi, ngựa, trâu dê, heo, chó hung dữ đến, không được đánh. Được cầm gậy, cây, sành, đá v.v... đập dưới đất, khủng bố để nó đi. Nếu súc sanh đến trong Tháp, Chùa, đụng chạm đến hình tượng, phá hư cây trái, cũng được dùng gậy, cây sành, đá đập dưới đất, khủng bố khiến cho nó đi."

---o0o---

79. GIỚI GIẬN ĐÁNH TỲ KHEO

Đại thừa nhẹ, nặng đồng như trên đã nói.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn không hoan hỷ, khoa tay dọa đánh Tỳ-kheo khác, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Duyên khởi cũng như giới trước cho nên Phật chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni v.v... đồng như giới trước.

Không phạm: Người khác muốn đánh, đưa tay lên đỡ. Ngăn tất cả tai nạn. Đưa tay lên kêu, nhầm xúc chạm v.v...

-Luật Thập Tụng nói: "Dùng tay cầm cú, hướng đến người khác, phạm Ba-dật-đề. Dùng bất cứ bộ phận nào của thân thể đưa đến người, phạm Đột-kiết-la.".

-Luật Ngũ Phần nói: Tay dọa đến, Ba-dật-đề. Không đến, Đột-kiết-la.

---o0o---

80. GIỚI GIẬN KHÔNG CĂN CỨ, HỦY BÁNG NGƯỜI KHÁC, PHẠM TĂNG TÀN

Đại thừa đồng chế. Đến người đồng pháp nói, phạm tội khinh, hướng người ngoài nói, phạm tội trọng.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn, vu khống Tỳ-kheo khác bằng pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Duyên khởi cũng như giới trước cho nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Ba căn, như trong pháp Tăng tàn nói.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nói rõ ràng hay không rõ ràng đồng như giới trước. Tỳ-kheo-ni v. v... đồng như giới trước.

Không phạm: Nói đúng sự thật, khiến cho thay đổi v.v...

---o0o---

81. GIỚI VÀO CỬA CUNG ĐỘT NGỘT

Đại thừa đồng chế. Đời mạt pháp nên thận trọng điều này. Dầu được mời cũng không nên vội vào. Nếu có đủ thần lực oai đức thì không phạm.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, khi nhà vua quán đảnh giòng Sát-đế-lỵ chưa ra, bảo vật chưa được thu cất, mà vào cung vua, bước qua khỏi ngạch cửa, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Mạt-lợi-phu-nhơn khuyến hóa vua Ba-tư-nặc, đã thâm tín Phật pháp. Nhà vua cho phép các Tỳ-kheo vào ra trong cung không có gì trở ngại. Ca-lưu-đà-di vào cung, trong lúc vua và phu nhơn đang ngủ ban ngày. Từ xa phu nhơn thấy Tôn giả, liền đứng dậy mặc y, vì vừa mặc y, vừa lau tòa mời ngồi. Phu nhơn bị rớt y lộ hình, hổ thẹn, bèn ngồi xuống, Tôn giả trở về trong Tăng-già-lam kể lại cho các Tỳ-kheo nghe, Tỳ-kheo hiềm trách, bạch Phật, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Vương vị xuất: tức là vua chưa ra, thế nữ chưa về chỗ cũ.

- Luận Tát Bà Đa nói: "Vua là chủ của tụ lạc, ngôi vị trên hết."

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Vua đã ra, đã thu dọn vật báu, có việc cần tâu bạch, hoặc được mời thỉnh, hay bị dẫn vào v.v...

- Luật Nhiếp nói: "Vào cung vua có 10 điều lỗi lầm và mất mát:

1) Người trong cung có mang thai, bèn nghi cho Bí-sô hành bất tịnh hạnh.

2) Bí mật bị lộ.

3) Trong cung mất của vật.

4) Vương tử bị tổn.

5) Vương thân bị tổn.

6) Cử đại thần.

7) Quốc tướng bị truất phế.

8) Người trong nước bị khổ, hại.

9) Kéo quân đánh các nước.

10) Tập hợp quân binh.

Những việc như vậy xảy ra đều nghi cho Bí-sô."

---o0o---

82. GIỚI CẦM VẬT BÁU

Đây là giá tội. Đại thừa vì chúng sanh, không hỏi nơi chốn, chỉ châm chước theo cơ duyên.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, tự mình cầm lấy bảo vật hay đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người khác cầm nắm, trừ ở trong Tăng-già-lam, hay chỗ ký túc, Ba-dật-đề. Nếu ở trong Tăng-già-lam, hoặc chỗ ký túc mà tự mình cầm nắm bảo vật hay đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người khác cầm, nên nghĩ như vầy: "Nếu sở hữu chủ nhận ra, sẽ nhận lấy". Chỉ với nhân duyên ấy chớ không gì khác.

NGUYÊN DO:

Có một người ngoại đạo cư sĩ, trên đường đi, bỏ quên một cái đãy đựng ngàn lượng vàng, chúng Tỳ-kheo thấy bèn cầm đi, với ý định đợi họ nhận lại. Sau đó, cư sĩ nọ trở lui nhận lại, lại nói là thiếu, kiện đến vua Ba-tư-nặc. Vua vặn hỏi biết họ dối trá, tịch thu hết gia tài, nhập vào nhà quan, cho nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Trừ Tăng-già-lam: Vì bà Tỳ-xá-khư, cởi chuỗi anh lạc để nơi gốc cây, vào yết kiến Đức Thế Tôn, chú tâm nơi pháp nên quên lấy về. Tỳ-kheo bạch Phật, nên Phật cho phép lấy cất.

Chỗ ký túc xá: là chỗ Tỳ-kheo đi đến thôn không có trú xứ ngủ nhờ nơi nhà người thợ. Người thợ để vàng bạc trong nhà mà đi; Tỳ-kheo vì sợ mất, nên phải bảo vệ, suốt đêm không ngủ; sau khi trở về bạch Phật, Phật nói: "Trường hợp như vậy cho phép thu cất".

- Luật Căn Bản nói: "Bảo: chỉ cho bảy báu. Bảo loại: chỉ cho các binh khí, cung, đao và khí cụ âm nhạc, trống, sáo, các loại".

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bảo vật như trên, tự cầm, dạy người cầm, nên biết rõ hình thức của cái đãy, biết tướng bên trong của cái đãy, biết cách thức cột, nên mở ra xem, biết bao nhiêu cái dính liền, biết bao nhiêu chưa dính liền, bao nhiêu cái vuông, bao nhiêu cái tròn; bao nhiêu cái cũ, bao nhiêu cái mới. Nếu có người đến tìm, nên hỏi: Vật của người thế nào? Nếu họ nói đúng thì trả lại cho họ. Nếu họ nói không đúng thì nói: Tôi không thấy vật như vậy. Nếu có hai người đều đến hỏi, cũng vấn đáp như vậy. Nếu có hai người đều nói đúng đem vật ấy ra trước hai người và nói: Đây là vật của các người, tự lấy về. Nếu không làm như vậy, mắc Đột-kiết-la, Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Nếu cúng dường chùa, Tháp dụng cụ trang nghiêm, để bảo đảm nên thu cất.

-Luật Thập Tụng nói: "Cầm ngọc của kẻ trộm, phạm Đột-kiết-la. Đất, giường, đồ đạc bằng vàng bạc, châu báu của nhơn gian, Tỳ-kheo không nên ngồi và dùng nó. Còn đất, giường đồ đạc bằng vàng bạc châu báu trên cõi trời, Tỳ-kheo được đi ngồi và dùng nó".

-Căn Bản Tạp Sự nói: "Không nên dùng vật báu đựng đồ ăn. Nếu lên trên cõi trời hay đến long cung, không có đồ vật gì khác, thì dầu đồ vật bằng vàng bạc châu báu, cũng cho phép dùng để đựng thức ăn".

CHỨNG MINH:

-Luật Nhiếp ghi: Đức Phật ở nơi núi Thứu, đến thành khất thực, gặp lúc mưa lớn, nước xối, bờ lở, một khối châu báu bày ra. Phật bảo A-nan-đà: Ông nên xem đây là đồ độc hại. Ông A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, thật là rắn độc đáng sợ. Có một người hái rau trái, gần đó đến xem, thấy một khối châu báu, nghĩ rằng: Xin con rắn độc này hãy luôn luôn đem nọc độc châm vào cha mẹ vợ con quyến thuộc của tôi, tôi cũng không từ sự đau nhức đó. Ông bèn lấy đem về, tùy ý sử dụng. Vua "Vị sanh oán", thấy người này giàu sang đột ngột, nên sai sứ đến, hỏi: Nhà ngươi lấy được khối châu báu của vua ở chỗ nào? Người ấy trả lời: không lượm được. Người ấy bị bắt đem đến vua, vua hỏi, cũng nói không lượm được. Vua liền căn cứ theo pháp luật, trói cả giòng họ, đem giao cho người giết. Người kia khóc kể, và đi theo kẻ giết, lớn tiếng kêu rằng: A-nan-đà, đây là rắn độc, đây là rắn độc. Vị tướng lo việc hình phạt nói: Pháp luật cần xét lại. Vua bèn kêu, hỏi lại vấn đề. Người kia thưa đầy đủ sự việc như trước. Khi ấy nhà vua mới tin Phật pháp, xúc động rơi lệ, bảo rằng: Nhà ngươi vịn theo Đức Thế Tôn mới được của báu này. Tội ngươi đáng chết, nay ta tha cho ngươi và cả quyến thuộc, nên đem vật này cúng dường Phật Tăng. Người ấy được phóng thích, liền lập trai soạn thượng vị cúng dường phụng thỉnh Phật Tăng. Đức Phật nhân đó nói pháp cho họ nghe, chứng đặng Sơ quả và cũng nhân đó không cho phép Tỳ-kheo cầm vật báu.

PHỤ:

-Luật Tăng Kỳ nói: "Tỳ-kheo thấy vật báu lấy cất nếu không có người biết đến nhận, nên để qua 3 tháng. Nếu lượm được vật ấy trong vườn của Tháp, tức là dùng cho Tháp, trong vườn của Tăng sẽ dùng cho tứ phương Tăng. Trường hợp Tháp viện Tăng phòng hư nát, cần tu bổ lại. Đào đất được của báu mà không có tịnh nhơn đáng tin cậy, nên trình với vua. Nếu vua cần thì nên giao; nếu cho thì nên dùng. Vật dầu đã sử dụng, vua biết đòi lại, nên xin vật của Tháp, vật của Tăng để trả lại. Có tịnh nhơn đáng tin được giữ đến 3 năm, rồi dùng cho việc Tháp, việc Tăng. Trường hợp trên, nếu trên vật báu có khắc danh tánh, cũng nên như thật mà trả lời. Khi làm Tăng phòng mới, mà lượm được vật cũng như vậy."

---o0o---

83. GIỚI VÀO TỤ LẠC PHI THỜI

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, phi thời vào tụ lạc mà không báo cáo cho Tỳ-kheo khác biết, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Bạt-nan-đà vào xóm phi thời, cùng cư sĩ đánh cờ, cư sĩ thua, nên ganh tức nói: Tỳ-kheo sáng vào xóm để khất thực, còn phi thời vào xóm để làm gì? Cho nên Phật chế.

Hoặc có việc của Tăng, của Tháp, nuôi bệnh v.v... cho phép dặn các Tỳ-kheo khác rồi đi. Nếu ở một phòng riêng, nên dặn người phòng kế cận để đi.

GIẢI THíCH:

Phi thời: Chỉ thời gian từ giữa ngày cho đến tướng mặt trời chưa hiện.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Vào đến cửa ngõ của thôn, phạm Ba-dật-đề. Một chân trong thôn và cùng hẹn mà không đi v.v... phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Trên đường đi phải qua thôn, có khải bạch, được mời, thọ thỉnh, cho đến mạng nạn v.v...

- Luật Thập Tụng nói: "Tỳ-kheo khác là chỉ cho các vị Tỳ-kheo ở trong tầm mắt thấy của mình. Nếu bạch rồi vào tụ lạc, trở về trú xứ, lại dùng phép bạch trước để đến tụ lạc, phạm Ba-dật-đề. Nếu không bạch, vào tụ lạc tùy theo chỗ kinh qua bao nhiêu đường lớn, lối nhỏ là phạm bấy nhiêu Đột-kiết-la. Tùy theo đã vào bao nhiêu nhà bạch y, thì mỗi nhà phạm một Ba-dật-đề".

Nếu trong 8 nạn, có nạn nào khởi lên, không phạm.

-Luật Tăng Kỳ nói: "Hai Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã muốn cùng đi, lần lượt bạch với nhau. Nếu một người nói rồi đi, người sau lại muốn đi, nên bạch các Tỳ-kheo khác. Nếu không có Tỳ-kheo khác, nên nghỉ giữa đường hoặc

nơi cửa ngõ hay nơi lề tụ lạc, thấy Tỳ-kheo nào sẽ bạch. Bạch rồi nhiên hậu mới vào".

- Ma Đắc Lặc Già nói: "Nếu không có Tỳ-kheo, nên bạch bốn chúng kia".

---o0o---

84. GIỚI LÀM GIƯỜNG CAO

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo làm giường giây hay giường gỗ, chân phải cao bằng tám ngón tay của Như Lai, đã trừ phần lỗ mộng để ráp thành giường trở lên, nếu quá, Ba-đật-đề, phải hớt bỏ.

NGUYÊN DO:

Ca-lưu-đà-di bày giường cao đẹp đẽ ngồi. Thế Tôn quở trách, kiết giới.

GIẢI THÍCH:

-Luật Nhiếp nói: "Tám ngón tay của Phật bằng một khủy tay người cỡ trung bình"

-Luận Tát Bà Đa nói: "Tám ngón tay của Phật, một ngón bằng hai tấc".

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Mình làm, dạy người làm, đều phạm Ba-dật-đề; không thành, phạm Đột-kiết-la. Vì người khác mà làm, thành hay không thành đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Người làm thành rồi cho, bỏ bớt rồi dùng.

- Phần thứ ba nói: "Trừ giường báu, bao nhiêu loại giường khác nơi nhà bạch y, nên ngồi".

- Luật Thập Tụng nói: "Nên hớt bỏ rồi sám hối tội. Nếu chưa hớt, Tăng nên bảo họ hớt. Không bảo, không nghe theo, đều phạm Đột-kiết-la".

- Luật Ngũ Phần nói: "Nhận được cái giường cao, nên nghĩ: đây là cái giường không như pháp, tôi sẽ hớt bỏ. Không nghĩ như vậy mà nhận, phạm Ba-dật-đề".

- Luật Tăng Kỳ nói: "Nếu tự mình làm, suốt ngày ngồi trên đó, phạm một Ba-dật-đề; đứng dậy rồi ngồi xuống, mỗi lần ngồi là một Ba-dật-đề. Giường của người khác mà ngồi trên đó, mắc tội Việt-tỳ-ni. Nếu khách Tỳ-kheo đến, theo thứ tự, nhận được cái giường quá lượng, thì nên nói vị tri
sự: Cho tôi mượn cái cưa. Được hỏi để làm gì thì trả lời: Cái giường này cao quá lượng, tôi muốn cưa cho đúng pháp. Nếu bảo: Đừng cưa, tín đồ thấy họ buồn; trường hợp ở không lâu thì đào đất chôn chân giường xuống cho đúng lượng định. Nếu ở lâu thì ngang bằng chỗ chôn phải dùng cây hay đồng bao cái chân mà chôn lại, đừng để nó hư. Nếu nhà Đàn-việt có cái giường cao chân, không nên trèo lên để ngồi, cần đòi hỏi cái ghế để bước lên, hoặc đòi hỏi cục gạch để bước lên. Nếu trong nhà phước đức, cái giường cao chân, ngồi không phạm". (Nhà phước đức tức là cái nhà thí một bữa ăn).

---o0o---

85. GIỚI DÙNG BÔNG ĐÂU LA MIÊN LÀM MỀN NỆM

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào. Dùng bông đâu la dồn làm nệm lớn, nệm nhỏ, lót giường dây, giường gỗ, đã dồn thành, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Lục quần làm như vậy, cư sĩ cơ hiềm, cho là không biết xấu hổ, không có lòng từ, cho nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

Bông đâu-la là bông cây bạch dương, bông cây dương liễu, bông cây bồ đài (đều dễ sanh sâu). Nệm lớn để nằm; Nệm nhỏ để ngồi.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ, nặng đều đồng như giới trước. Tỳ-kheo-ni v.v... đồng như trên.

Không phạm: Nếu cỏ Cưu-la-đa, cỏ văn-nhã, cỏ Ta-bà, hoặc dùng thúy-kiếp-bối hay vật tạp xấu.

- Luật Ngũ Phần nói: "Nếu ngồi, mỗi lần ngồi, một Ba-dật-đề, nếu nằm, mỗi lần nằm phạm một Ba-dật-đề. Nếu của người khác cho, nhận, phạm Ba-dật-đề, cần phải xả trước, sau mới sám hối. Nếu không, tội càng sâu".

- Luật Thập Tụng nói: "Phải ném quăng vất bỏ, vậy sau mới sám hối. Nếu chưa phá thì Tăng nên bắt họ phá".

- Luật Tăng Kỳ nói: "Nếu dồn làm gối, gối đầu hay kê chân, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bệnh thì không tội".

---o0o---

86. GIỚI LÀM ỐNG KIM BẰNG XƯƠNG, SỪNG

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, dùng xương, răng , sừng làm ống đựng kim, moi khoét và làm thành, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Nơi thành La-duyệt có một thợ thủ công giàu lòng tin, vì các Tỳ-kheo làm ống đựng kim bằng sừng, ngà, răng, phế bỏ việc nhà, đến nỗi không có cơm ăn áo mặc. Người đời nói: Cầu phước lại mắc họa, nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng như giới trước. Bốn chúng dưới, Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu làm bằng thiết, đồng, thạch cao, bạch lạp, cây, tre, cỏ xa-la... thì không sao.

- Luật Thập Tụng nói: "Nên phá rồi mới sám hối. Nếu chưa phá, Tăng nên bảo họ phá".

---o0o---

87. GIỚI LÀM TỌA CỤ QUÁ LƯỢNG

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, làm Ni-sư-đàn, cần phải làm đúng lượng, trong đây đúng lượng là dài hai gang và rộng một gang rưỡi tay Phật, rồi thêm dài và rộng nửa gang nữa làm lề, nếu quá, Ba-dật-đề, phải cắt bỏ.

NGUYÊN DO:

Phật thấy ngọa cụ của Tăng bị nhớp, không sạch, cho phép các Tỳ-kheo, để bảo vệ thân, y, ngọa cụ, nên làm Ni-sư-đàn. Lục quần bèn làm Ni-sư-đàn rộng lớn, nên chế. Ca-lưu-đà-di thân hình lớn, ngồi không đủ, đến ngồi bên Phật, phải lấy tay kéo cái Ni-sư-đàn ra để đủ ngồi. Do vậy, Phật cho phép mỗi bên thêm nửa gang tay nữa.

GIẢI THÍCH:

- Luật Tăng Kỳ nói: "Một gang tay của Như Lai là 2 thước 4 tấc (độ 2 thước của loại thước dài).

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng như giới trước. Bốn chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu được vật đã thành, cắt bỏ đúng lượng, hoặc may xấp hai lớp.

- Luật Thập Tụng nói: "Nên cắt bỏ rồi mới sám hối. Nếu chưa cắt, Tăng nên bảo họ cắt".

---o0o---

88. GIỚI LÀM Y CHE GHẺ QUÁ LƯỢNG

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, làm y che ghẻ, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài bốn gang và rộng hai gang tay Phật; nếu quá, Ba-dật-đề, phải cắt bỏ.

NGUYÊN DO:

Tỳ-kheo bị ghẻ lở máu mủ nhớp thân, nhớp y, ngọa cụ, Phật cho phép may y mềm nhuyễn, che trên mụt ghẻ, bận cái Niết-bàn-tăng(1). Nếu đến nhà bạch y, họ mời ngồi, nên nói: Tôi bị bệnh. Nếu họ nói: cứ ngồi, nên vén Niết-bàn-tăng lên, dùng y này trùm lên trên mụt ghẻ mà ngồi. Khi ấy, lục quần may nhiều y che ghẻ dài rộng, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm, không phạm đồng như giới trước. Bốn chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

- Luật Thập Tụng nói: "Khi ghẻ lành, sau 10 ngày nếu chứa quá, phạm Ba-dật-đề. (Vì đồng như trưởng y, nên phạm Xả đọa), nên cắt bỏ rồi sám hối. Nếu chưa cắt, Tăng nên bảo họ cắt bỏ".

---o0o---

89. GIỚI MAY ÁO TẮM QUÁ LƯỢNG

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, làm y tắm mưa, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài sáu gang và rộng ba gang rưỡi tay Phật; nếu quá, Ba-dật-đề, phải cắt bỏ.

NGUYÊN DO:

Cũng do từ lục quần nên Phật chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, áo tắm quá lượng, phạm Ba-dật-đề.

- Luật Thập Tụng nói: "Phải cắt bỏ rồi mới sám hối. Nếu chưa cắt bỏ, Tăng nên bảo họ cắt bỏ".

---o0o---

90. GIỚI MAY Y BẰNG VỚI Y PHẬT

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, may y bằng lượng y của Như Lai, hoặc may quá lượng ấy, Ba-dật-đề. Trong đây lượng y của Như Lai là dài mười gang và rộng sáu gang tay Phật, đây gọi là lượng y của Như Lai.

NGUYÊN DO:

Tôn giả Nan-đà thấp hơn Phật chỉ có 4 ngón tay, các Tỳ-kheo từ xa thấy đều tưởng là Phật, liền đứng dậy chào khi đến mới biết là Nan-đà; các Tỳ-kheo đều ôm lấy hổ thẹn, Nan-đà cũng ôm lấy hổ thẹn. Phật chế cho Nan-đà mặc y đen. Khi ấy, lục quần Tỳ-kheo may y bằng lượng y của Như Lai hoặc dài hơn, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm, không phạm đồng như giới trước. Bốn chứng dưới, phạm Đột-kiết-la.

-Luật Tăng Kỳ nói: "Nên tùy theo độ cao của thân hình. Tăng-già-lê có 3 loại: Bậc thượng dài 5 khuỷu, rộng 3 khuỷu tay; bậc trung dài 5 khuỷu tay và một khuỷu không duỗi tay, rộng 3 khuỷu tay và một không duỗi tay; Bậc hạ dài 4 khuỷu tay rưỡi, rộng 3 khuỷu tay, một khuỷu không duỗi tay. Uất-đa-la-tăng cũng vậy. An-đà-hội, thượng trung hai loại cũng vậy, bậc hạ dài 4 khuỷu tay rưỡi, rộng hai khuỷu, hai khuỷu không duỗi tay.

- Luật Nhiếp nói: "Nếu giảm hơn lượng đây, không mắc bổn tội. Nếu quá 5 khuỷu đều mắc tội ác tác".

- Luật Thập Tụng nói: "Nên cắt bỏ rồi mới sám hối. Nếu chưa cắt, Tăng nên bảo họ cắt".

C. HỎI ĐỂ KẾT THÚC

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong chín mươi pháp Ba-đật-đề. Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

PHỤ:

Xoay vật của Tăng cho người khác. Đại thừa đồng học.

- Luật Ngũ Phần nói: "Tỳ-kheo nào, vật của Đàn-việt muốn cúng cho Tăng mà xoay lại cho người khác, phạm Ba-dật-đề. Nan-đà, Bạt-nan-đà, do Phật chế giới không dám xoay vật của Tăng về cho mình, liền cùng xoay cho nhau, nên chế".

(Luật Tăng Kỳ cũng có giới này cần nên theo đây mà phê phán tội vậy).

Chín mươi pháp Ba-dật-đề đã xong.

---o0o---

VI. BỐN PHÁP HỐI QUÁ

Chia làm ba: nêu chung, kê riêng và kiết vấn.

A. NÊU CHUNG

Thưa các Đại đức, đây là bốn pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni, xuất từ Giới Kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

- Luật Nhiếp nói: "Trong trú xứ, hiện có bao nhiêu Tỳ-kheo, đều phải mỗi mỗi đối diện trình bày tội lỗi, không đồng với các tội khác, cho nên có cái tên riêng là "hối quá". Lại nữa, phạm xong liền phải trình bày lại, không được chần chờ, cũng khác với các tội khác".

B. KỆ RIÊNG

Có 4 giới, từ giới thứ nhất nhận thức ăn từ người không phải thân quyến, cho đến giới thứ tư nhận thức ăn nơi chỗ có sự sợ sệt.

1) GIỚI NHẬN THỨC ĂN TỪ NGƯỜI KHÔNG PHẢI THÂN QUYẾN

Đại thừa chỉ quan sát nên nhận hay không nên nhận, chớ không đề cập đến thân quyến hay không thân quyến. Song thời mạt pháp, đặc biệt đối với Ni không nên vậy.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, vào thôn xóm. Nếu không bệnh mà tự tay nhận thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, mà ăn; Tỳ-kheo ấy cần phải đối trước Tỳ-kheo khác phát lồ rằng: "Bạch Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối". Đây là pháp hối quá.

NGUYÊN DO:

Thành Xá-vệ khi ấy mất mùa, khất thực khó được. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc vừa khất thực được, liền đem cúng cho Tỳ-kheo. Sau đó, một vị Trưởng giả đi xe đến yết kiến nhà vua, Vì tránh đường nên Ni cô bị sụp xuống vũng bùn sâu, nằm vùi dưới đất. Trưởng giả thương xót, cho người đỡ dậy, hỏi ra biết sự việc, cơ hiềm, quở trách: "Tỳ-kheo không biết nhường vì nghĩa", cho nên Phật chế cấm.

GIẢI THÍCH:

- Luật Tăng Kỳ nói: "Bệnh là không phải bệnh sơ sơ mà là bệnh nặng, như bệnh giới lại (hủi nước), huỳnh lan, sang di (lở loét), ung tọa (u nhọt)... người đều nhờm gớm"

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không bệnh mà tự tay nhận thức ăn, mỗi miếng phạm một Ba-la-đề Đề-xá-ni. Sa-di, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu thân quyến, có bệnh, hoặc để dưới đất mà cho, hay khiến người cho, hoặc trong Tăng-già-lam cho, hoặc ở người thân cho, hoặc tại chùa Ni cho.

- Luật Ngũ Phần nói: "Nếu Tỳ-kheo ở ngoài thôn, Ni ở trong thôn, hoặc Tỳ-kheo ở trong thôn, Ni ở ngoài thôn, hoặc Tỳ-kheo ở không trung, Ni ở dưới đất, hoặc Tỳ-kheo ở dưới đất, Ni ở không trung. Ở những nơi như vậy mà nhận thức ăn, phạm Đột-kiết-la.

---o0o---

2) GIỚI KHÔNG NGĂN NI THAY MÌNH ĐỜI THỨC ĂN.

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, khi ăn trong nhà bạch y, trong đó có một Tỳ-kheo-ni bảo rằng: "Mang canh cho vị này, dâng cơm cho vị kia". Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy rằng: "Này sư cô, hãy thôi, hãy để yên các Tỳ-kheo thọ thực". Nếu không có một vị Tỳ-kheo nào nói với Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Này cô, hãy thôi, hãy để yên các Tỳ-kheo thọ thực", thì các Tỳ-kheo này cần đối trước một Tỳ-kheo khác mà phát lồ rằng: "Bạch Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

NGUYÊN DO:

Lục quần cùng với chúng Tỳ-kheo thọ thực tại nhà bạch y. Lục quần Ni vì lục quần Tăng đòi canh cơm, không theo thứ lớp mà trao (sớt) thức ăn, khiến cho Tỳ-kheo ngồi giữa không nhận được thức ăn, cho nên Phật chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Sa-di, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Ni là Đàn-việt. Đàn-việt nhờ Ni phân chia, không có ý thiên vị sự trao phần.

- Luật Ngũ Phần nói: "Hai chúng nữ kia bảo thêm thức ăn mà Tỳ-kheo không bảo "đừng", phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo bảo thêm thức ăn không bình đẳng, phạm Đột-kiết-la".

---o0o---

3) GIỚI NHẬN THỨC ĂN NƠI HỌC GIA

Đại thừa, Tỳ-kheo đồng học.

GIỚI BỔN:

Nếu có gia đình mà Tăng đã tác pháp Yết-ma học gia; Tỳ-kheo nào, biết đó là học gia, trước không được thỉnh, lại không bệnh, tự tay nhận thức ăn và ăn; Tỳ-kheo ấy cần đối trước Tỳ-kheo khác phát lồ rằng: "Tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại đức, xin phát lồ sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

NGUYÊN DO:

Thành La-duyệt có nhà cư sĩ cả vợ lẫn chồng đều giàu lòng tin, đối với các Tỳ-kheo không tiếc một thứ gì, thường cúng dường thức ăn và các thứ khác; đến nỗi bị nghèo thiếu, không đủ cơm ăn áo mặc, các nhà ở gần cơ hiềm. Phật bảo các Tỳ-kheo tác Yết-ma học gia mà kiết giới này.

GIẢI THÍCH:

- Luật Nhiếp nói: "Học gia: là Dự-lưu quả, Nhất-lai quả, Bất-hoàn-quả".

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo-ni, phạm Đột-kiết-la.

Sau khi gia đình ấy tài vật nhiều trở lại, họ đến xin Tăng giải Yết-ma học gia, Phật cho phép Tăng vì họ giải Yết-ma ấy.

Không phạm: Trước có thọ thỉnh, có bệnh, để dưới đất mà cho, bảo người cho, đã giải Yết-ma.

- Luật Ngũ Phần nói: "Nếu vợ là Thánh, chồng là phàm; hay vợ là phàm, chồng là Thánh, đều không nên tác Yết-ma học gia. Nếu cả vợ lẫn chồng đều là Thánh, không còn tâm xan tham, tài vật hết sạch, mới tác pháp Yết-ma học gia. Nếu Tăng có ruộng vườn, nên cho họ làm, chùa thu như thường lệ, còn thừa ra cho họ sống. Nếu Tăng không có ruộng vườn, Tăng phường có món cúng dường nào, khiến họ làm, để họ được nhờ. Nếu phương tiện ấy vẫn không có, khi khất thực được rồi, đến nhà họ ăn, còn dư cho họ. Nếu không thể được, nên đem họ về trong Tăng phường, cung cấp phòng xá, ngọa cụ, cho thức ăn theo thứ tự, và thức uống phi thời cho họ, có chia y, cũng nên chia cho họ. Học gia phụ nữ các Ni cũng nên liệu lý như vậy".

- Luật Thập Tụng nói: "Nếu cư sĩ tài của tổn giảm không tăng thêm, xin, không xin, không nên xả Yết-ma học gia. Nếu tài vật tăng thêm xin, không xin đều nên xả. Nếu không tăng không giảm, xin thì nên xả, không xin không nên xả".

---o0o---

4) GIỚI NHẬN THỨC ĂN NƠI CÓ SỰ SỢ SỆT

Đại thừa đồng học.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo nào, sống tại A-lan-nhã xa xôi hẻo lánh, chỗ đáng nghi ngờ, có sợ hãi. Tỳ-kheo sống tại trú xứ A-lan-nhã như vậy, trước không nói cho Đàn-việt biết, không thọ nhận thức ăn bên ngoài Tăng-già-lam, trái lại, không bệnh mà ở bên trong Tăng-già-lam tự tay nhận thức ăn, Tỳ-kheo ấy cần đối trước Tỳ-kheo khác mà phát lồ rằng: "Bạch Đại đức tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại đức xin phát lồ sám hối. Đây gọi là pháp hối quá.

NGUYÊN DO:

Các phụ nữ mang đồ ăn thức uống đến Tăng-già-lam cúng dường, bọn giặc trộm nghe biết được việc này, nên trên đường các cô bị nhiễu hại. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: Từ nay nên nói các phụ nữ đừng ra đường, vì trên đường có giặc khủng
bố. Nếu đã ra khỏi thành, bảo đừng đến Tăng-già-lam, vì trên đường có bọn giặc khủng bố, bèn kiết giới này.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Sa-di, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu trước đã nói với Đàn-việt, nếu có bệnh, để dưới đất cho, hoặc dạy người cho.

- Luật Ngũ Phần nói: "Nếu đoàn quân đi qua cho thức ăn, hay bọn giặc tự mang thức ăn đến cho, không phạm".

C. NÓI ĐỂ KẾT THÚC

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong bốn pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni. Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Bốn pháp hối quá đã xong.

---o0o---

VII. PHÁP CHÚNG HỌC

Chia làm ba: Tổng nêu, nêu riêng và kiết vấn.

A. NÊU CHUNG

Trong đây mỗi giới đều nói: Thức-xoa-ca-la-ni (cần phải học).

Thưa các Đại đức, đây là một trăm pháp chúng học xuất từ Giới Kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

- Luật Nhiếp nói: Pháp chúng học này, xếp chung có 8 loại:

1) Vấn đề mặc y phục. 2) Vấn đề vào thôn.

3) Vấn đề đứng ngồi. 4) Vấn đề ăn.

5) Vấn đề hộ (bảo vệ) bát. 6) Vấn đề đại tiểu.

7) Vấn đề thuyết pháp. 8) Vấn đề trông nhìn.

(Phật tháp các điều, các bộ đều thiếu nên không liệt vào)

B. KÊ RIÊNG

Pháp chúng học này, các bộ khai, hiệp, quảng, lược, không đồng. (Mở ra, hiệp lại, rộng, hẹp không đồng). Hoặc ngoài 110, hoặc dưới 50, đều là việc làm giữ gìn oai nghi, không đồng với bốn thiên trên, cho nên không định số. Chỉ Tứ Phần Luật, có 100 điều làm tiêu chuẩn.

Nay dưới mỗi giới chỉ ghi số mục, chứ không kê riêng thành khoa mục. Chỉ có điều ban đầu ghi rõ nhân duyên, còn bao nhiêu giới sau đều lược qua. Cho đến việc giải thích nghĩa, tội tướng v.v... Cũng không nêu lại, tất cả đều có thể suy nghĩ hiểu được. Song 100 điều này, Đại thừa đồng học để hộ chúng sanh, nên càng nghiêm tịnh. Trừ người đã trụ vào Lăng Nghiêm tam muội, thị hiện nghịch hạnh, ở đây không dám luận đến. Nếu chưa phải như vậy, không nên bỏ qua những tế hạnh, để rồi phải lụy đến đức lớn, luôn luôn nên suy nghĩ đến những may mắn sâu xa này.

GIỚI BỔN:

1) Phải bận Niết-bàn Tăng cho tề chỉnh, cần phải học

NGUYÊN DO:

Do bởi lục quần Tỳ-kheo, cư sĩ cơ hiềm về cách phục sức giống như quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ hay giống như ngày hội, phường chèo múa hát giỡn chơi, cho nên Phật chế.

(Duyên khởi các giới sau này, đại để cũng đồng).

GIẢI THÍCH:

Không tề chỉnh, tức là cột giây lưng quá thấp hay quá cao, phía trước thòng một góc như mũi con voi, hay thòng hai góc như cây Đa-la, xung quanh nhăn nhó không thẳng.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu cố ý làm như vậy phạm Đột-kiết-la nên sám hối (Tùy cơ Yết-ma nói: nên thỉnh một vị Sám chủ). Nếu không cố ý làm chỉ phạm Đột-kiết-la. (Tùy cơ Yết-ma nói: chỉ tự trách lòng mình).

Bốn chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

(Dưới đây phần nhiều đồng. Nếu không đồng thì tùy theo việc mà biện minh).

Không phạm: Trong rún có ghẻ nên phải mặc thấp xuống dưới, hoặc dưới chân có ghẻ nên phải mặc cao lên. Hoặc trong Tăng-già-lam, hay ngoài thôn xóm, khi làm việc, khi đi.

- Luật Ngũ Phần nói: "Nếu không hiểu mà không hỏi, mặc như vậy, mắc Đột-kiết-la. Nếu hiểu mà không cẩn thận mặc như vậy, mắc Đột-kiết-la. Nếu hiểu mà khinh giới, khinh người nên mặc như vậy, mắc Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng vậy"

BIỆN MINH:

Hỏi: Những giới mặc y không tề chỉnh đều nói rằng: Trong Tăng-già-lam, hay ngoài thôn, không phạm. Song, người nghiêm trang cẩn thận thì lúc nào cũng vậy. Trong Tăng phường đã thành nếp sống cẩu thả, khi vào trong thôn, đâu không khỏi cái tướng xấu. Nay cho phép như vậy thì nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Trong chùa, ngoài thôn chẳng cho làm việc cẩu thả. Nhưng, hoặc ở trong chùa hoặc vì có nhân duyên, mà không tề chỉnh được, thì việc này khả dĩ có thể tha thứ. Còn vào thôn, thì cần phải phòng hộ sự cơ hiềm, vì khiến cho người ta sanh lòng tin vui, cho nên kết tội vậy.

PHỤ:

- Căn Bản Tạp Sự nói: "Khi trời nóng, Bí-sô ở trong phòng riêng, chỉ mặc quần dưới và Tăng-khước-kỳ[3] tùy ý đọc tụng, thuyết pháp, may y... đi, đứng, nằm, ngồi đều không phạm.

2) Phải khoát ba y cho tề chỉnh, cần phải học

Không tề chỉnh bên dưới thòng xuống quá khuỷu tay, trống ngực, cao quá trên ống chân. Thòng xuống dưới một góc, thòng trước hai góc. Sau vén lên cao, xếp nhỏ rồi nắm lại.

Không phạm: Nơi vai, cánh tay có ghẻ nên mặc thấp xuống. Các việc đồng như giới trước.

- Kinh Xá Lợi Phất Vấn nói: "Khi tu, cúng dường, nên trống vai, để tiện làm việc. Khi làm phước điền, nên trùm hai vai để hiện rõ tướng của ruộng phước."

Thế nào gọi là "Tu, cúng dường"? Như khi thấy Phật, khi hỏi chào sư Tăng, giũ giường, quét đất: Cuốn y quần cho đến di chuyển mọi vật cúng dường.

Thế nào gọi là khi "làm phước điền"? Khi ứng thỉnh, khất thực, tọa thiền, tụng Kinh, kinh hành dưới gốc cây, người thấy trang nghiêm khả quan vậy.

3) Không được vắt ngược y khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

Hoặc vắt ngược y sang phải hay trái, mang lên trên vai.

Không phạm: Bên hông xương sườn có ghẻ.

4) Không được vắt ngược y khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

5) Không được quấn y nơi cổ khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

Nắm hai góc y, quấn trên vai mặt và trái.

Không phạm: Nơi vai, cánh tay có ghẻ.

6) Không nên quấn y nơi cổ khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

7) Không nên trùm đầu khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

Nếu dùng lá cây hay vật tạp, hoặc y trùm đầu.

Không phạm: Hoặc sợ lạnh, hoặc đầu có ghẻ, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn.

8) Không nên trùm đầu khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

9) Không nên nhảy nhót khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

Hai chân nhảy.

Không phạm: Nếu bị người đánh. Hoặc có ác thú, nếu có gai. Hoặc lội qua vũng nước, hầm nước hay chỗ bùn.

10) Không nên nhảy nhót khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

11) Không nên ngồi chồm hổm trong nhà bạch y, cần phải học

Ngồi chồm hổm trên đất, trên giường, đít không đụng đất.

Không phạm: Hoặc bên khu có ghẻ. Hoặc có việc cần trao, hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc thọ giáo giới.

- Luật Tăng Kỳ nói: "Không được ôm đầu gối ngồi, tréo chân ngồi".

12) Không nên chống nạnh khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

Không phạm: Dưới lưng có ghẻ, hoặc ở trong Tăng-già-lam, v.v...

13) Không nên chống nạnh khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

Tay chống nạnh trở ngại người ngồi gần.

- Luật Thập Tụng nói: "Không được ngồi chống cằm hay má".

14) Không nên uốn éo thân hình khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

Uốn éo thân hình tức là nghiêng bên tả bên hữu, rảo bước. Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Hoặc có bệnh như thế, hoặc bị người đánh, nghiêng mình lại để tránh. Hoặc bị voi dữ, sư tử v.v... xúc hại. Hoặc gặp người gánh gai đi qua, gặp những việc như vậy, nghiêng mình để tránh. Hoặc lội qua hầm, bùn chỗ có nước, những chỗ như vậy nghiêng mình để đi qua. Hoặc khi mặc y, xoay thân hình để xem coi có ngay thẳng chưa.

15) Không nên uốn éo thân hình khi đi vào ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

16) Không nên đánh đằng xa khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

Đưa tay ra đằng trước theo nhịp bước.

Không phạm: Bạn đi không kịp dùng tay ngoắc kêu. Bao nhiêu việc khác đồng như trước.

- Luật Tăng Kỳ nói: "Nếu muốn kêu người, không được dùng hai tay ngoắc kêu, nên dùng một tay thôi."

17) Không nên đánh đằng xa khi đi vào ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

- Luật Tăng Kỳ nói: "Không được lay động tay chân khi ngồi trong nhà".

18) Phải trùm kín thân thể khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

Không trùm kín tức là trống hở mọi chỗ.

Không phạm: Bị trói, hay gió thổi y bị bay.

- Luật Tăng Kỳ nói: "An-đà-hội (y 5 điều) nên dùng vải chắc và dày để may, nếu thưa, nên may 2, 3 lớp. Nếu An-đà-hội thưa thì Uất-đa-la-tăng (y 7 điều) nên dùng vải dày và chắc để may. Nếu Uất-đa-la-tăng thưa thì Tăng-già-lê (y 9 điều) phải dùng vải chắc và dầy để may. Nếu Tăng-già-lê thưa thì phải dùng vải dầy và chắc để may Uất-đa-la-tăng.

Hỏi: Hiện nay tương truyền rằng: Phật chế 3 y(1) đều dùng vải gai, thưa to, phải vậy chăng?

Đáp: Ba y của Tỳ-kheo là để chống rét lạnh. Theo luật trình bày đầy đủ, có 10 loại y: y Kiếp bối, y Sô ma... Đâu phải chỉ dùng vải gai thưa to như đã nói. Chỉ vì nhân khi Đức Thế Tôn mới xuất gia, khi đã cởi chiếc áo trân bảo của con vua, Thọ thần hiến một chiếc áo bằng vải gai. Chiếc áo vải gai này 100 năm trước, do một vị Bích-chi Phật lưu lại, hết sức tinh vi mịn màng, cũng chẳng phải là thô sơ. Đời sau lần lượt truyền như vậy. Nay, tuy ở phương này riêng có cách thường phục, không những hai, ba lớp cũng có thể được. Song, nếu bảo chỉ cho phép mặc vải gai thô, chứ không cho phép mặc bông, thật không phải là văn của luật vậy.

19) Phải trùm kín thân thể khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

Giới này và giới 21, 23, 25, bốn giới, trên chữ "bạch y" đều có chữ' "Nhập".

20) Không nên nhìn ngắm ngang dọc khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

Không phạm: Ngửa mặt nhìn xem mặt trời, mạng nạn, phạm hạnh nạn, ngó mọi chỗ hai bên để tìm đường tiện mà đi, hay muốn chạy trốn.

- Luật Tăng Kỳ nói: "Khi nhìn kỹ đường để đi, không nên như con ngựa cúi đầu mà đi, nên ngó một cách bình thường mà đi, đề phòng voi, bò, ngựa dữ, nên đi như người kéo xe, không nên ngó Đông, ngó Tây. Khi muốn xem nên quay thân hình lại để xem chỗ cần xem."

- Luật Nhiếp nói: "Không nhìn lên cao mà đi, nhìn phía trước để đi, nhìn chừng một Du-già-địa. Một Du-già-địa bằng 4 khuỷu tay vậy".

21) Không nên nhìn ngắm ngang dọc khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

Luật Căn Bản nói: "Chưa mời ngồi không nên vội ngồi. Không nên không khéo quán sát mà ngồi."

22) Phải im lặng khi vào nhà bạch y, cần phải học

Không im lặng tức lớn tiếng kêu la.

Không phạm: Người kia điếc, không nghe tiếng kêu thường.

23) Phải khẽ tiếng khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

24) Không được cười cợt khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

Cười cợt là nhe răng cười.

Không phạm: Hoặc môi bị đau không che được răng, hoặc suy nghĩ đến pháp gì hoan hỷ mà cười.

- Luật Tăng Kỳ nói: "Nếu có điều gì đáng cười, không được trề môi, nhe răng cười lớn, nên nhẫn nhịn cái cười bằng cách khởi ý nghĩ vô thường, khổ, không, vô ngã, tử tướng. Nếu vẫn không dằn được, nên dùng chéo y che miệng lại."

- Ma Đắc Lặc Già nói: "Khi ngáp không ngậm miệng lại, phạm Đột-kiết-la".

25) Không được cười cợt khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học

26) Phải dụng ý khi thọ nhận thức ăn, cần phải học

Không dụng ý thì cơm canh rơi trên ghế bàn ăn.

- Luật Ngũ Phần nói: "Một lòng thọ thực, tay tả nhất tâm trì bát, tay hữu cầm duyên (miệng bát).

27) Thọ nhận thức ăn vừa ngang bát, cần phải học

Không ngang bát là quá đầy.

Không phạm: Hoặc bị bát nhỏ, rơi rớt trên bàn.

28) Thọ nhận canh vừa ngang bát, cần phải học

Lục quần nhận cơm quá nhiều không còn chỗ chứa canh, nên chế.

29) Ăn cơm và canh đồng đều, cần phải học

Không đồng đều tức là canh chưa đến, cơm đã hết, cơm chưa đến, canh đã hết.

Không phạm: Hoặc cần canh, không cần cơm. Hoặc cần cơm, không cần canh. Hoặc gần quá giờ ngọ. Hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, cần ăn mau mau.

30) Theo thứ tự mà ăn, cần phải học

Không thứ tự là trong bát chỗ nào cũng moi ăn.

Không phạm: Hoặc cơm nóng, moi cho nó nguội, hoặc gần quá giữa ngày.

- Luật Thập Tụng nói: "Không được trong bát, lựa chỗ ngon ăn trước".

31) Không nên moi giữa bát mà ăn, cần phải học

Bốn phía để lại, moi chính giữa cho đến đáy của bát.

Không phạm: Sợ thức ăn nóng, moi cho nguội. Hoặc gần quá ngọ.

- Luật Ngũ Phần nói: "Không được cong ngón tay vét bát mà ăn, không ngươi thức ăn mà ăn".

32) Tỳ-kheo không bệnh, không được vì mình yêu sách cơm canh, cần phải học

Như khi đói khát.

Không phạm: Nếu bệnh, đòi cho mình, hoặc vì người, hay người vì mình.

33) Không nên dùng cơm che lấp canh để mong được thêm, cần phải học

34) Không nên liếc nhìn vào trong bát người ngồi cạnh sanh tâm tỵ hiềm, cần phải học

Nhìn là xem ai nhiều ai ít.

Không phạm: Vị ngồi gần mắt mờ, nhìn xem được thức ăn hay chưa, tịnh, không tịnh, v.v...

35) Phải chú tâm vào bát mà ăn, cần phải học

Không chú ý tâm vào tức là ngó bên này bên kia.

Không phạm: Hoặc vị Tỳ-kheo ngồi gần mắt mờ, nên xem, hoặc xem thời giờ.

36) Không nên ăn vắt cơm lớn, cần phải học

Lớn là mức của miệng không dung chứa được.

Không phạm: Gần quá ngọ, mạng nạn, v.v... ăn mau.

- Luật Tăng Kỳ nói: "Không được lớn, hay không được nhỏ, như dâm nữ hai, ba hột mà ăn. Nên ăn vừa chừng của miệng".

37) Không nên hả miệng lớn đợi cơm mà ăn, cần phải học

Trường hợp không phạm đồng như giới trước.

38) Không nên ngậm cơm mà nói, cần phải học

Không phạm: Nghẹn mà đòi nước, mạng nạn v.v... tạo ra tiếng khi ăn.

- Luật Tăng Kỳ nói: "Hai Thầy, Thượng tọa kêu, nếu nuốt chưa xong, có thể khiến cho âm thanh không khác thì nên trả lời, nếu không thể, thì nuốt rồi mới trả lời. Nếu vị ấy có trách thì nói: Trong miệng tôi đang có thức ăn nên không trả lời liền được."

-Luật Ngũ Phần nói: "khi đem thêm thức ăn, cho phép nói: Cần, không cần. Không hiềm chê thức ăn."

39) Không nên vắt cơm thảy vào miệng, cần phải học

Không phạm: bị trói buộc.

40) Không nên để cơm rơi rớt khi ăn, cần phải học

Nửa ngoài tay, nửa vào miệng.

Không phạm: Ăn bánh mỏng, cơm khô, dưa, cam giá.

41) Không nên búng má mà ăn, cần phải học

Cố ngậm cho đầy miệng, làm cho hai má búng ra

Không phạm: Vì quá ngọ.

42) Không nên nhai cơm có tiếng khi ăn, cần phải học

Không phạm: Nhai bánh không, cơm khô, dưa, trái v.v...

- Luật Thập Tụng nói: "Húp cháo không nên làm cho có tiếng, ăn cọng hay gốc v.v.. đừng làm cho có tiếng lớn".

- Luật Tăng Kỳ nói: "Không được nuốt trọn thức ăn, khiến cho có tiếng kêu ót ót. Nếu cổ họng bệnh thì không tội".

43) Không nên hớp cơm có tiếng mà ăn, cần phải học

Trương miệng hớp vào.

Không phạm: Nếu miệng bị đau, hoặc ăn canh, hay uống (nước sữa), lạc tương...

44) Không nên lấy lưỡi liếm khi ăn, cần phải học

Không phạm: Hoặc bị trói, hay tay nhớp.

- Luật Tăng Kỳ nói: "Không được liếm tay khi ăn, nếu tô, du... dính nơi tay, nên dồn nơi bát, gom lại một chỗ sau đó lấy dùng. Không được mút ngón tay khi ăn. Nếu mật và muối... dính nơi đầu ngón tay, được mút không có tội".

45) Không nên rảy tay khi ăn, cần phải học

Không phạm: Hoặc trong thức ăn có cỏ, có trùng. Hoặc tay không sạch, muốn rảy.

46) Không nên dùng tay lượm cơm rời mà ăn, cần phải học

Cơm rời là cơm rơi rớt ra vậy.

Không phạm: như giới trước đã nói.

- Luật Thập Tụng nói: "Thức ăn rớt trên cỏ, trên lá, nên ăn. Nếu có đất dính, thổi đất mà ăn. Nếu có dính nhiều đất, dùng nước rửa rồi được ăn".

47) Không nên tay dơ cầm đồ đựng thức ăn, cần phải học

Có đất dính nơi tay mà cầm thức ăn.

Không phạm: Nhận trên cỏ, trên lá, tay được rửa sạch.

48) Không nên đổ nước rửa bát trong nhà bạch y, cần phải học

Không phạm: Nước rửa bàn hứng đem đổ ra ngoài.

- Luật Căn Bản nói: "Không được dùng thức ăn dư để trong bát có nước".

- Luật Tăng Kỳ nói: "Khi ăn nên lường theo bụng mà nhận thức ăn, không nên nhận nhiều. Nếu tịnh nhơn đem đến nhiều, khi chưa dùng nên sớt cho Tỳ-kheo ngồi gần. Nếu vị ngồi gần không nhận, nên cho Sa-di và người giữ vườn. Khi rửa bát, không được để cơm rớt dưới đất. Nếu có, nên gom lại để trên ván, trên lá. Nếu nhỏ quá như sợi bún không thể gom được, không tội."

TRÙNG TRỊ TỲ NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ CHÍN

TRÙNG TRỊ TỲ NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT TẬP I

--- o0o ---

TẬP II

QUYỂN THỨ 10

49. Không nên đại tiểu tiện, hỉ, nhổ lên rau cải tươi, trừ bệnh, cần phải học.

Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề.

Không phạm: Đại tiểu tiện nơi không có rau, cỏ tươi, rồi dòng nước chảy đến nơi có rau cỏ tươi, hoặc gió thổi, chim ngậm rớt nơi có rau, cỏ tươi.

Luật nhiếp nói:

Nơi chông gai, rừng rú không phạm. Nếu đi trong rừng lớn, cành lá sum suê, nên tránh chỗ có người. Nếu đi nơi đồng ruộng cỏ liên tiếp, không có chỗ trống, nên dùng lá khô trải, đại tiện lên đó; nếu không thể được, không phạm.

50. Không được đại tiểu tiện, hỉ, nhổ trong nước sạch, trừ bệnh, cần phải học.

Không phạm: như giới trên.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu nước không có người dùng, hoặc nước biển, không phạm. Tuy nước có người dùng mà khoảng cách xa không có người dùng, không phạm.

51. Không nên đứng mà đại tiểu tiện, trừ bệnh, cần phải học.

Không phạm: Bị trói, chân đạp phải đồ nhơ nhớp.

52. Không nên thuyết pháp cho người vắt ngược y, không cung kính, trừ bệnh, cần phải học.

53. Không nên thuyết pháp cho người quấn y nơi cổ, trừ bệnh, cần phải học.

54. Không nên thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ bệnh, cần phải học.

55. Không nên thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu, trừ bệnh, cần phải học.

56. Không nên thuyết pháp cho người chống nạnh, trừ bệnh, cần phải học.

57. Không nên thuyeát pháp cho người mang dép da, trừ bệnh, cần phải học.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu nhiều người mang dép da, không nên bảo cởi, nên nhân nơi người nào khoâng mang mà nói, không phạm.

58. Không nên thuyết pháp cho người mang guốc
gỗ, trừ bệnh, cần phải học.

59. Không nên thuyết pháp cho người ngồi trên ngựa1, trừ bệnh, cần phải học.

Luật Thập tụng nói:

Vua Ba-tư-nặc cỡi ngựa đến Kỳ-hoàn thăm Phật, Lục quần vì vua nói pháp, cho nên chế. Người đi trước, mình đi sau; người ở đường chính, mình ở đường phụ; người ngồi, mình đứng; người ngồi chỗ cao, mình ngồi chỗ thấp; người nằm, mình ngồi; che đầu, trùm đầu, thu tay, chống nạnh, vắt y lên, trùm vai hữu, mang dép da, guốc gỗ; cầm gậy, cầm dù, cầm dao, cầm mâu, cung tên, duyên khởi đều đồng. (Kinh Giới nhân duyên cũng vậy).

60. Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ vì canh giữ, cần phải học.

Không phạm: Bị cầm giữ, mạng nạn v.v...

Căn bổn tạp sự nói:

Trước khi bước chân lên điện đài hương, phan can (cột cờ), chế-để (tháp Phật)... phải tụng Già-đà (kinh kệ), sau đó mới bước chân đi. Không vậy mắc tội Việt pháp.

61. Không được chôn giấu tài vật trong tháp Phật, trừ muốn cho chắc chắn, cần phải học.

62. Không được mang dép da vào tháp Phật, cần phải học.

63. Không được tay caàm dép da đi vào trong tháp Phật, cần phải học.

64. Không được mang dép da đi nhiễu quanh tháp Phật, cần phải học.

65. Không được mang giày Phú-la2 vào trong tháp Phật, cần phải học.

66. Không được xách giày Phú-la vào trong tháp Phật, cần phải học.

Không phạm: Hoặc bị người dùng sức mạnh kéo, kêu vào trong tháp.

67. Không được ngồi dưới tháp mà ăn, lưu lại cỏ và thức ăn làm dơ đất, cần phải học.

Không phạm: Gom lại một bên chân, khi ra mang đem theo.

68. Không được khiêng tử thi đi qua dưới tháp, cần phải học.

Không phạm: Cần phải đi qua con đường ấy, hoặc bị sức mạnh bắt buộc.

69. Không được chôn tưu thi dưới tháp, cần phải học.

70. Không được thiêu tưu thi dưới tháp, cần phải học.

71. Không được đối diện tháp thiêu tử thi, cần phải học.

72. Không được thiêu tử thi quanh bốn phía tháp, khiến cho mùi hôi bay vào, cần phải học.

73. Không được mang áo và giường người chết đi qua dưới tháp, trừ đã giặt, nhuộm, xông hương, cần phải học.

74. Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, cần phải học.

75. Không được đại tiểu tiện trước tháp Phật, cần phải học.

76. Không được đại tiểu tiện quanh bốn phía tháp Phật khiến mùi hôi bay vào, cần phải học.

77. Không được mang tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, cần phải học.

Không phạm: Con đường phải đi, cường lực bắt buộc.

78. Không được nhăm nhành dương (xỉa răng, súc miệng) dưới tháp Phật, cần phải học.

79. Không được nhăm nhành dương đối diện tháp Phật, cần phải học.

80. Không được nhăm nhành dương quanh bốn phía tháp Phật, cần phải học.

81. Không được hỉ, nhổ dưới tháp Phật, cần phải học.

82. Không được hỉ, nhổ đối diện tháp Phật, cần phải học.

83. Không được hỉ, nhổ quanh bốn phía tháp Phật, cần phải học.

84. Không được ngồi duoãi chân về phía tháp, cần phải học.

Không phạm: Khoảng giữa có ngăn cách, cường lực bắt buộc.

Phần thứ tư3 nói:

Nếu trong Tăng-già-lam đầy cả tháp, cho phép giữa khoảng cách hai tháp ngồi duỗi chân.

85. Không được thờ tháp Phật ở phòng dưới, mình ở phòng trên, cần phải học.

Không phạm: Mạng nạn, phạm hạnh nạn.

86. Không được thuyeát pháp cho người ngồi mà mình đứng, trừ bệnh, cần phải học.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, việc của Tăng đến vua hay nhà địa chủ, họ bảo Tỳ-kheo phải nói pháp cho họ nghe, không được bảo họ đứng dậy, sợ họ sanh lòng nghi. Nếu kế bên đó có người nào đứng, nên tác ý vì người ấy mà nói. Vua tuy nghe, Tỳ-kheo không tội.

87. Không được thuyết pháp cho người nằm mà mình ngồi, trừ bệnh, cần phải học.

88. Không được thuyết pháp cho người ngồi chính giữa còn mình ngồi một bên, trừ bệnh, cần phải học.

89. Không được thuyết pháp cho người ngồi chỗ cao, còn mình ngồi chỗ thấp, trừ bệnh, cần phải học.

Luật Thiện kiến4 nói:

Phật bảo Tỳ-kheo: "Xưa kia, nước Ba-la-nại có một cư sĩ, vợ của ông ta có thai, nêm thèm xoài. Ông ta ban đêm lén vào trong vườn của vua hái trộm xoài mà chưa hái được, trời sáng, nên ẩn trên cây. Khi ấy, vua cùng Bà-la-môn vào vườn muốn ăn xoài. Bà-la-môn ở dưới thấp, vua ở trên cao; Bà-la-môn vì vua nói pháp. Người hái trộm xoài nghĩ rằng: Ta đáng chết, nay được thoát; Ta vô pháp, vua cũng vô pháp, Bà-la-môn cũng vô pháp. Ta vì người đàn bà nên hái trộm xoài. Vua cũng kiêu mạn vì thầy đang ngồi ở dưới mà mình ngồi trên cao nghe pháp. Bà-la-môn tham lợi dưỡng nên ngồi dưới chỗ thấp vì vua nói pháp. Ta, cùng vua, Bà-la-môn đều không đúng pháp, vậy ta sẽ được thoát chết. Ông ta nghĩ như vậy rồi liền nhảy xuống cây, đến chỗ vua nói kệ. Người hái trộm xoài thuở ấy laø tiền thân của Như Lai vậy".

90. Không được thuyết pháp cho người đi trước, còn mình đi phía sau, trừ bệnh, cần phải học.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu Tỳ-kheo mắt bị bệnh, người đi trước cầm cây để dắt, vì họ nói pháp, không tội.

91. Không được nói pháp cho người đi chỗ kinh hành cao, còn mình đi kinh hành chỗ thấp, trừ bệnh, cần phải học.

92. Không được thuyết pháp cho người ở giữa đường, còn mình ở bên đường, trừ bệnh, cần phải học.

93. Không được nắm tay khi đi đường, cần phải học.

Không phạm: Mắt mờ phải nhờ người dìu đi.

94. Không được leo lên caây cao quá đầu người, trừ khi có nhân duyên, cần phải học.

Một Tỳ-kheo an cư ở trên một cây đại thọ, từ trên cây đại tiểu tiện xuống. Thọ thần giận. Phật cấm không được an cư trên cây, không được đại tiểu tiện quanh cây đại thọ; nếu trước có chỗ đại tiểu tiện thì đại tiểu tiện không phạm.

Sau khi chế giới, có một Tỳ-kheo đi đường gặp thú dữ sợ hãi, cây cao, không dám leo lên, bị thú dữ hại. Do đó, trừ lúc có nhân duyên. (Sa-di ... bẻ cành dương hái trái ... leo lên cây, không tội)5.

Kiền-độ An cư6 nói:

Muốn bẻ củi trên cây, cho phép làm cái móc để khèo, làm cái thang để bẻ, dùng dây cột kéo để lấy. Nếu cây khô hết thì cho phép leo lên.

95. Không được bỏ bình bát vào trong đãy rồi xỏ vào đầu gậy quảy trên vai mà đi, cần phải học.

Bạt-nan-đà làm như vậy, cư sĩ thấy, cơ hiềm, gọi là quan chức, nên tránh bên lề đường, cho nên Phật chế cấm.

Không phạm: Bị cường lực bắt buộc ...

Phần thứ tư7 nói:

Không nên cõng hay vác đồ vật trên vai mà đi, trừ trong chùa. Tỳ-kheo già cầm cây gậy để quảy cái đãy, cần bạch nhị Yết-ma cho phép sử dụng.

96. Không được thuyết pháp cho người cầm gậy, không cung kính, trừ bệnh, cần phải học.

97. Không được thuyết pháp cho người cầm gươm, trừ bệnh, cần phải học.

98. Không được thuyết pháp cho người cầm mâu, trừ bệnh, cần phải học.

99. Không được thuyết pháp cho người cầm dao, trừ bệnh, cần phải học.

100. Không được thuyết pháp cho người cầm dù, trừ bệnh, cần phải học.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu Tỳ-kheo khi ở trong chỗ đường hiểm sợ sệt, người phòng vệ nói: "Tôn giả, vì con nói pháp." Trường hợp như vậy, nói không tội.

C. Hỏi ĐỂ KẾT THÚC

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong một trăm Pháp chúng học. Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

PHỤ:

Phần thứ tư8 nói:

Trong lỗ mũi có lông dài thì cho phép dùng nhíp mà nhổ. Móng tay dài bằng hột lúa, phải cắt. Không được dùng màu sắc nhuộm móng tay. Không nên dùng kéo mà hớt râu tóc. Râu tóc phải cạo cho hết. Tóc dài nhất là bằng hai chỉ tay. Hai tháng một lần cạo. Không nên chải râu tóc. Không nên thoa dầu vào tóc. Không nên vạch khóe con mắt, con mắt bệnh cho phép nhỏ thuốc. Không nên soi kiếng kể cả soi trên nước. Nếu mặt có ghẻ, thoa thuốc, cho phép ở trong phòng riêng dùng nước hoặc kiếng soi mặt. Không nên đeo vòng ngọc, vòng tai, kiềng, vòng, xuyến... Không nên làm dây lưng bằng kim tuyến. Không nên dùng tơ ngũ sắc làm dây, cột nơi cổ tay.

Luật Thập tụng nói:

Cho phép chở bằng xe trâu mạnh, nên sai người cầm cương, không nên tự mình cầm cương. Dùng lược chải đầu, phạm Đột-kiết-la. Trên đầu để lại một ít tóc, Đột-kiết-la. Để tóc dài, Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ở A-lan-nhã, tóc dài nhất là hai tấc, không có tội. Nếu đầu có ghẻ, nên dùng kéo hớt. Xoa vuốt râu tóc, phạm Đột-kiết-la. Khi rửa chân không được cùng người nói chuyện.

Căn bản tạp sự nói:

Phật bảo Bí-sô: "Đôi khi có những việc, từ trước tới nay Ta chẳng cấm ngăn, cũng chẳng hứa cho. Song nếu thấy những việc ấy, nếu chúng trái với không thanh tịnh mà thuận với thanh tịnh, như vậy chúng là tịnh, cần phải làm. Còn trái với thanh tịnh, mà thuận với không thanh tịnh, như vậy chúng laø không tịnh, không nên làm.

---o0o---

VIII. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH

Chia làm ba: Nêu chung, kê riêng và hỏi để kết thúc.

A. NÊU CHUNG

Bảy món pháp Đại thừa này, Tỳ-kheo đều đồng học, khéo giải hòa các đấu tranh vậy. Mỗi mỗi duyên khởi của nó đều ở nơi phần thứ ba, trong Kiền-độ diệt tránh9.

Thưa các Đại đức, đây là bảy pháp diệt tránh, xuất từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần. Nếu có tránh sự khởi lên giữa các Tỳ-kheo, tức thì cần phải trừ diệt.

GIẢI THÍCH:

Có 4 tránh sự:

- Một là ngôn tránh: Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo tranh cãi nhau, dẫn đến 18 tránh sư: Pháp, phi pháp, cho đến thuyết, bất thuyết10. Hoặc dùng ngôn ngữ như vậy cùng tranh nhau hai bên cùng đấu tranh.

- Hai là mích tránh: Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo tìm tội, dùng ba việc cử tội: Phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hay kiến, văn, nghi, khởi lên hình thức tìm tội như vậy.

- Ba là phạm tránh: Phạm bảy loại tội: Ba-la-di, Tăng tàn, Đọa, Hối quá, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la, Ác thuyết.

- Bốn là sự tránh: Tức là vấn đề hành sự đối với ba tránh trước.

Trong đây, ngôn tránh dùng hai Tỳ-ni để diệt, tức là hiện tiền (hiện tiền Tỳ-ni), và đa nhơn ngữ (căn cứ ý kiến đa số). Hoặc chỉ dùng một Tỳ-ni để diệt, tức là hiện tiền. Mích tránh, dùng bốn Tỳ-ni để diệt, tức là hiện tiền, ức niệm (nhớ nghĩ); hoặc hiện tiền, Bất si (không mê mờ); hoặc hiện tiền, tội xứ sở. Phạm tránh, dùng ba Tỳ-ni để diệt, tức hiện tiền, tự ngôn trị (tự nói lên

những lời sửa trị), hoặc hiện tiền, thảo phú địa (cỏ che đất). Sự tránh dùng tất cả Tỳ-ni để diệt, tùy theo chỗ phạm.

Luật Thập tụng nói:

Có 6 nguồn gốc đưa đến tranh cãi: sân hận không nói, ác tánh muốn hại, tham tật, siểm khúc, vô tàm quý, ác dục, tà kiến.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Luật Thập tụng nói:

Tự ngôn diệt tránh có 10 loại phi pháp: Nếu phạm tội của 5 thiên, tự nói không phạm. Không phạm 5 thiên, lại tự nói là phạm.

Có 10 loại như pháp: Nếu phạm tội của 5 thiên tự nói phạm; nếu không phạm tội của 5 thiên, tự nói không phạm.

Hiện tiền dieät tránh có 2 loại phi pháp:

- Nếu người phi pháp mà chiết phục người phi pháp.

- Nếu người phi pháp mà chiết phục người như pháp.

Có 2 loại như pháp:

- Nếu người như pháp mà chiết phục người như pháp.

- Nếu người như pháp mà chiết phục người phi pháp.

Ức niệm Tỳ-ni có 3 phi pháp:

- Có Tỳ-kheo phạm tội không thể sám hối mà tự nói phạm tội có thể sám hối, đến Taêng xin phép ức niệm Tỳ-ni mà Tăng cho tức là phi pháp, trường hợp này cần phải diệt tẫn.

- Có Tỳ-kheo cuồng si đã trở lại bình phục, đến Tăng xin pháp ức niệm Tỳ-ni, nếu cho là phi pháp, nên cho pháp bất si Tỳ-ni.

- Có Tỳ-kheo có kiến, văn, nghi tội, mà tự nói: "Tôi có tội như vậy." Sau lại nói: "Tôi không có tội như vậy." Người ấy đến Tăng xin pháp ức niệm Tỳ-ni, nếu cho là phi pháp, nên cho pháp thật mích Tỳ-ni (tức tìm tướng thật của tội).

Có 3 như pháp:

- Có Tỳ-kheo bị vu khống không căn cứ, nếu có người thường nói điều này, thì nên cho ức niệm Tỳ-ni.

- Có Tỳ-kheo phạm tội đã sám hối tiêu trừ mà có người còn nói đến việc ấy, thì nên cho phép ức niệm Tỳ-ni.

- Nếu có Tỳ-kheo chưa phạm tội như vậy, mà đoán quyết sẽ phạm; nếu có người nói phạm tội như vậy, thì nên cho ức niệm Tỳ-ni.

Bất si Tỳ-ni (luật không mê mờ) có 4 loại phi pháp:

- Có Tỳ-kheo không si cuồng, mà hiện tướng si cuồng. Khi hỏi, đáp rằng: Tôi nhớ nghĩ si mê cho nên làm; người khác dạy tôi làm; nhớ làm trong giấc mộng; nhớ lõa hình chạy lung tung, đứng đại tiểu tiện. Người như vậy, xin bất si Tỳ-ni, nếu cho là phi pháp.

Có 4 như pháp:

- Có Tỳ-kheo thật ở trong tâm si cuồng điên. Khi hỏi, đáp rằng: Không nhớ; người khác không dạy; tôi không nhớ trong mộng làm; không nhớ lõa hình chạy lung tung, đứng đại tiểu tiện. Người như vậy xin bất si Tỳ-ni, nếu cho là như pháp.

Thật mích diệt tránh (cãi) có 5 phi pháp:

- Có Tỳ-kheo phạm tội của 5 thiên, trước nói không phạm, sau nói phạm. Nếu cho thật mích Tỳ-ni là phi pháp, nên tùy theo chỗ phạm mà trị vậy.

Có 5 như pháp:

- Có Tỳ-kheo phạm tội của 5 thiên, trước nói phạm, sau nói không phạm. Người như vậy nên cho thật mích Tỳ-ni.

Căn bản mục-đắc-ca nói:

Có hai Bí-sô vì sự hiềm khích nên bươi móc tội lỗi nhau, nói nhiều lời khác lạ, hủy báng nhau thậm tệ. Đối với hai người này nên tin người trì giới. Nếu cả hai người đều trì giới nên tin người đa văn. Nếu hai người đều đa văn, nên tin người thiểu dục. Nếu hai người đều thiểu dục, nên tin người nhiều thiểu dục. Nếu hai người đều rất nhiều thiểu dục mà có sự hiềm khích thì không có điều đó (vô hữu thị xứ).

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu có vị đức lớn lỗi lạc muốn nghe chúng Tăng đoán sự, thì được phép nghe đoán sự, và nên sai một người ở trong chúng có tài ăn nói trình bày để cho sự việc được rõ ràng. Nếu ở trước người tầm thường kém cõi mà đoán sự, phạm tội Việt tỳ-ni.

BIỆN MINH:

Hỏi: - Phàm đoán sự chỉ có trong bốn tránh sự. Bốn tránh sự này đều là lỗi lầm của Tỳ-kheo. Ai nói với người ngoài đều bị trọng cấm. Nay đã không cho phép đến trước người tầm thường kém cõi mà đoán sự; tại sao riêng đối với vị có đức lớn lỗi lạc cho phép được nghe, dầu người kia có trí tuệ, biết đâu vẫn là người chưa thọ Cụ túc giới? Có mặt họ không trái luật sao?

Đáp: - Đoán sự tuy là thông suốt tứ tránh, nhưng đại ước trong vấn đề ngôn tránh chiếm đa số. Trong đó, vấn đề pháp, phi pháp v.v... phân tích chiết phục, có thể khiến cho người có đức lớn lỗi lạc nghe để tăng trưởng lòng tin, cho nên cho phép sự có mặt của họ. Ở đây, chẳng phải chỉ cho những vấn đề Yết-ma trị tội cùng các việc khác. Nói người có đức lớn lỗi lạc là như vua Ba-tư-nặc, Trưởng giả Cấp Cô Độc; hạng người như vậy, trí tuệ của họ sâu sắc, chánh tín không hủy báng, nên gọi là người có đức lớn. Do phước của họ trọng có khả năng hộ Chánh pháp, cho nên gọi là lỗi lạc (thắng nhơn). Đâu phải chỉ hạng tầm thường giàu sang mà thôi.

PHỤ:

Tỳ-kheo có 10 pháp sau đây mới sai làm người xử kiện (đoán sự) công bình:

1) Trì giới đầy đủ.

2) Đa văn.

3) Tụng 2 bộ Tỳ-ni nhuần nhuyễn.

4) Rộng giải nghĩa của Luật.

5) Lời lẽ khéo léo, nói năng luận biện rõ ràng, đủ khả năng vấn đáp, khiến cho đương sự hoan hỷ.

6) Sự tranh chấp phát sinh, có thể trừ diệt.

7) Không ái.

8) Không sân.

9) Không sợ.

10) Không si mê.

Phần thứ tứ (luật Tứ phần) nói: Phật bảo Tỳ-kheo: Dùng 22 chủng hành, biết là người đoán sự (xử kiện) công bình:

1) Giữ đủ 250 giới.

2) và 3) Học nhiều hiểu rõ A-tỳ-đàm, Tỳ-ni.

4) Không cùng người tranh cãi.

5) Không kiên trụ (chấp chặt) nơi việc này.

6) Nên ngăn thì ngăn, sau đó mới trụ.

7) Nên dạy thì dạy, sau đó mới trụ.

8) Nên diệt tẫn thì diệt tẫn, sau đó mới trụ.

9) Không có ái.

10) Không có sân.

11) Không sợ sệt.

12) Không si mê.

13) Không nhận thức ăn của bên này.

14) Không nhận thức ăn của bên kia.

15) Không nhận y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của bên này.

16) Không nhận y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của bên kia.

17) Không cung cấp bên này.

18) Không cung cấp bên kia.

19) Không cùng với bên này vào thôn.

20) Không cùng với bên kia vào thôn.

21) Không cùng nhau hẹn hò.

22) Cũng không đến nơi kia, đến sau ngồi sau.

Luật Tăng kỳ nói:

Tỳ-kheo thành tựu 5 pháp, có thể diệt mọi tránh sự.

- Biết là thật, chứ không phải không thật.

- Là lợi ích chứ không phải không lợi ích.

- Được bạn chứ không phải không được bạn.

- Được bạn bình đẳng chứ không phải không được bạn bình đẳng.

- Đúng lúc chứ không phải không đúng lúc.

Người thành tựu 14 pháp, gọi đó là trì luật tối đệ nhất, trừ Như Lai, Ứng Cúng, Chaùnh Biến Tri. Những gì là 14: Biết tội, biết không tội, biết nặng, biết nhẹ, biết che giấu, biết không che giấu, biết có thể trị, biết không có thể trị, biết được thanh tịnh, biết không được thanh tịnh, được bốn phước công đức, trụ nơi pháp lạc hiện tại, gọi là Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Túc mạng thông, hết hữu lậu, được vô lậu. Đó gọi là 14 pháp.

Có 7 pháp chẳng phải Tha-la-thá, in tuồng Tha-la-thá (cũng gọi là Thát-lại-tra. Luận Tát-bà-đa nói: Thát-lại hay Địa-tra-lợi, gọi là trụ. Trí thắng tự tại, đối với Chánh pháp không lay động. Như người đứng nơi đất không bị nghiêng úp vậy). Những gì là bảy?

- Hoặc có kẻ cuồng, không đứng về chúng bên này, không đứng về chúng bên kia, tức là Tha-la-thá, là tối sơ chẳng phải Tha-la-thá, in tuồng Tha-la-thá, đó là người bị tâm loạn cuồng si. Vì bệnh cho nên không đứng về bên này, không đứng về bên kia.

- Lại nữa, hoặc có người vì lợi nên nghĩ: Nếu ta đứng về chúng bên này thì thất lợi bên kia; đứng về chúng bên kia, thất lợi bên này. Cho nên ta không đứng về bên nào.

- Lại nữa, hoặc có người được cái lợi của hai chúng, nên nghĩ: Ta vì được lợi cả hai bên, nên không đứng về chúng bên này, không đứng về chúng bên kia. Cho nên gọi là chẳng phải Tha-la-thá, in tuồng Tha-la-thá.

- Có hai Tha-la-thá: Một là tự hộ tâm, thấy việc phải quấy của kẻ khác, nghĩ rằng: Hành động người ấy làm họ tự biết. Thí như bị lửa cháy, chỉ tự cứu mình, đâu biết việc của người khác. Hai là đợi thời, thấy người khác cùng nhau tranh tụng, nghĩ rằng: Vấn đề cùng nhau tranh tụng này, thời đến tự họ sẽ phán đoán. Ấy là hai hạng Tha-la-thá.

- Cùng với chúng này thọ pháp thực, vị thực, cũng cùng chúng kia thọ pháp thực, vị thực. Hoặc được thỉnh mà đoán sự việc, hoặc không thỉnh mà đoán sự việc.

Luật Thập tụng nói:

Dùng sân hận không thể diệt sân hận, chỉ có sức nhẫn nhục mới có thể diệt được.

Có 5 việc tranh cãi khó chấm dứt:

- Không cầu Tăng xử.

- Không thuận lời Phật dạy.

- Không thưa đúng pháp.

- Hai bên, tâm tranh không dứt.

- Can phạm không cầu thanh tịnh.

Ngược lại 5 điều trên thì dễ trừ diệt.

- Tỳ-kheo Thát-lợi-tra, khi tranh cãi, dùng 5 điều suy nghĩ: Trong đây, trước hết ai là người trì giới thanh tịnh – Ai đa văn trí tuệ, khéo tụng A-hàm – Ai đối với thầy như pháp – Ai tin Phật, Pháp, Tăng – Ai không khinh giới (luật) Phật.

Tỳ-kheo Ô-huýnh-cưu-la, có 10 việc Tăng nên sai (Luật Tát-bà-đa nói: Ô-huýnh gọi là hai. Cưu-la gọi là bình đẳng. Tâm bình đẳng không hai, giống như cái cân):

- Biết việc tranh cãi từ đâu đưa đến – Khéo biết việc tranh cãi – Có thể phân biệt việc tranh cãi – Biết nhân duyên của việc tranh cãi khởi lên – Biết ý nghĩa việc tranh cãi – Khéo chấm dứt việc tranh cãi – Dứt việc tranh cãi rồi, không cho khởi lên lại – Trì giới thanh tịnh – Đa văn – Đa trí.

Tỳ-kheo Thát-lợi-tra hành 22 pháp, phải biết đó là pháp lợi căn đa văn :

1) Khéo biết cội gốc của sự việc khởi lên.

2) Khéo phân biệt tướng trạng của sự việc.

3) Khéo biết sai khác của sự việc.

4) Khéo biết đầu đuôi của sự việc.

5) Khéo biết sự việc nặng nhẹ.

6) Khéo biết trừ diệt sự việc.

7) Khéo biết cách diệt sự việc, không để xảy ra lại.

8) Khéo biết người tác sự và người hữu sự.

9) Có khả năng giáo dục người khác.

10) Có thể khiến người thọ giáo.

11) Có phương tiện ngôn ngữ uyển chuyển,lôi cuốn.

12) Cũng có thể khiến người thọ nhận.

13) Có sức tự chiết phục.

14) Cũng có sức khiến người chấp nhận.

15) Biết tàm quý.

16) Tâm không kiêu mạn.

17) Không có lời kiêu mạn.

18) Hành động của thân, khẩu, ý không thiên lệch.

19) Không làm theo ái.

20) Không làm theo sân.

21) Không làm theo sự sợ sệt.

22) Không làm theo si mê.

---o0o---

B. NÊU RIÊNG

Có 7, thứ nhất từ pháp Hiện tiền diệt tránh, đến thứ bảy là pháp Thảo phú địa diệt tránh.

1. Pháp Hiện tiền diệt tránh

GIỚI BỔN:

Cần giải quyết bằng hiện tiền Tỳ-ni, phải giải quyết bằng hiện tiền Tỳ-ni.

GIẢI THÍCH:

Không được tác pháp Yết-ma vắng mặt đương sự.

- Thế nào là hiện tiền? Hiện tiền gồm có: Pháp, Tỳ-ni, nhơn, Tăng, giới.

- Thế nào gọi là pháp hiện tiền?

Đem Chánh pháp để chấm dứt sự tranh cãi vậy.

- Thế nào gọi là hiện tiền Tỳ-ni?

Đem Luật để chấm dứt sự tranh cãi vậy.

- Thế nào gọi là nhơn hiện tiền?

Bị can tự biện hộ vậy.

- Thế nào gọi là Tăng hiện tiền?

Đồng Yết-ma, hòa hợp một chỗ, người không đến có dữ dục. Người có mặt được quyền ngăn chặn, không ngăn chặn.

- Thế nào gọi là giới hiện tiền?

Tác pháp Yết-ma trong phạm vi cương giới đã quy định.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu sự tranh cãi đã chấm dứt, làm khởi lại, Ba-dật-đề. Dữ dục rồi sau hối hận, Ba-dật-đề. Sáu pháp Tỳ-ni sau cũng như vậy.

PHỤ:

Tát-bà-đa ma-đắc-lặc-già nói:

Mười loại tác Yết-ma mà đương sự không hiện tiền: Phú bát, xả phú bát, học gia, xả học gia, làm phòng, Sa-di, cuồng, không lễ bái, không cộng ngữ, không cúng dường.

1) Phú bát: Trị phạt người thế tục, chỉ từ đằng xa tác pháp Yết-ma.

2) Xả phú bát: Họ đã 3 lần xin, bảo họ ở chỗ mắt thấy mà tai không nghe, vì họ xả.

3) Học gia : Bảo vệ sự sa sút của Đàn-việt, cũng từ đằng xa tác pháp.

4) Xả học gia: Nếu họ 3 phen xin, cũng bảo họ ở chỗ mắt thaáy, tai không nghe, vì họ xả.

5) Làm phòng: Tức là nhà cũ hư trong đất của Tăng, Yết-ma cho bạch y, tùy họ vì Tăng làm lại phòng ốc, cũng 3 lần xin rồi, bảo họ ở chỗ mắt thấy tai không nghe mà tác pháp cho.

6) Sa-di: Diệt tẫn Sa-di ác kiến, cũng bảo họ ở chỗ mắt thấy tai không nghe tác pháp diệt tẫn.

8) Không lễ bái.

9) Không cộng ngữ.

10) Không cúng dường: Tức là Tỳ-kheo làm các điều phi pháp, xúc não Chúng Tỳ-kheo-ni. Ni chúng làm pháp Yết-ma này, chỉ có thể từ đàng xa làm, không cần đợi Tỳ-kheo có mặt, mà trị phạt.

Chỉ có 10 cách Yết-ma này là không cần hiện tiền, ngoài ra đều phải hiện tiền minh bạch vậy.

---o0o---

2. Pháp ức niệm diệt tránh

GIỚI BỔN:

Cần giải quyết bằng ức niệm Tỳ-ni, phải giải quyết bằng ức niệm Tỳ-ni.

NGUYÊN DO11:

Đạp-bà-ma-la-tử không phạm thô tội, người kia cố hỏi không thôi, nên cho Ức niệm Tỳ-ni. Đương sự nên ở giữa Tăng ba lần xin:

"Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi ... không phạm trọng tội. Các Tỳ-kheo nói tôi phạm trọng tội Ba-la-di, Tăng tàn, Thâu-lan-giá, hỏi tôi rằng: Thầy nhớ phạm trọng tội chăng? Tôi không nhớ phạm trọng tội, nên trả lời: Tôi không nhớ phạm trọng tội như vậy. Các Trưởng lão, đáng lý không nên nạn vấn tôi mãi, nhưng các Trưởng lão lại cố nạn vấn không thôi. Tôi nay không nhớ được, đến Tăng xin ức niệm Tỳ-ni. Xin Tăng cho tôi ức niệm Tỳ-ni, thương xót cho".

Tăng nên vì đương sự Bạch tứ yết-ma cho.

GIẢI THÍCH:

Thế nào gọi là ức niệm Tỳ-ni?

Tỳ-kheo kia với tội này, không nên cử, không nên tác ức niệm. (Nhân bởi chúng Tỳ-kheo cứ bảo họ nhớ nghĩ. Nay tác ức niệm Tỳ-ni này khiến cho chúng không hỏi nữa vậy).

---o0o---

3. Pháp Bất si diệt tránh

GIỚI BỔN:

Cần giải quyết bằng bất si Tỳ-ni, phải giải quyết bằng bất si Tỳ-ni.

NGUYÊN DO12:

Nan-đề điên cuồng tâm loạn phạm các tội nhiều. Sau bình phục trở lại, các Tỳ-kheo cật vấn không thôi, nên cho bất si Tỳ-ni. Đương sự nên ba lần xin. Tăng Bạch tứ yết-ma cho.

GIẢI THÍCH:

Thế nào gọi là bất si Tỳ-ni? Tỳ-kheo kia với tội này, không nên cử, không nên tác ức niệm vậy.

---o0o---

4. Pháp tự ngôn diệt tránh

GIỚI BỔN:

Cần giải quyết bằng Tự ngôn trị, phải giải quyết bằng Tự ngôn trị.

NGUYÊN DO13:

Khi Thế Tôn nói giới, có người phạm giới ngồi gần đức Phật. Đức Phật mặc nhiên không nói (giới), Tôn giả Mục-liên biết, nắm tay kéo ra. Phật dạy: Không nên như vậy. Phải khiến người kia nhận tội, vậy sau mới cử tội.

Luật Ngũ phần nói:

Tỳ-kheo-ni tên là Từ, dùng pháp vô căn Ba-la-di hủy báng Tỳ-kheo Đà-bà. Tự nói: Đà-bà làm nhớp mình. Liền trao cho pháp Tự ngôn diệt tránh.

GIẢI THÍCH:

- Thế nào là Tự ngôn?

Nói tên tội, chủng loại của tội, sám hối vậy.

- Thế nào gọi là trị?

Nói lời: tự trách lòng mình, sanh tâm nhàm chán.

---o0o---

5. Pháp mích tội tướng diệt tránh

GIỚI BỔN:

Cần phải giải quyết bằng mích tội tướng, phải giải quyết bằng mích tội tướng. (Thập tụng gọi là thật mích. Ngũ phần gọi là Bổn ngôn trị. Căn bản gọi là cầu tội tự tánh).

NGUYÊN DO:

Luật Tăng kỳ14 nói:

Tỳ-kheo Thi-lợi-da-ta, đối trước Tăng nói: Thấy tội, lại nói không thấy tội. Không thấy tội lại nói thấy, rồi lại nói không nhớ. Nên trao cho pháp Yết-ma mích tướng.

GIẢI THÍCH:

Tức là kết tội xứ sở. Thế nào gọi là tội xứ sở? Tỳ-kheo kia với tội này, trao việc cử tội, tác ức niệm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Luật Tăng kỳ nói:

Người này trọn đời không nên làm 8 việc:

- Không được độ người.

- Không được cho người thọ Cụ túc.

- Không được cho người Y chỉ.

- Không được nhận Tỳ-kheo hầu hạ cung cấp.

- Không được làm sứ giả cho Tỳ-kheo.

- Không được nhận phó hội theo thứ tự.

- Khoâng được vì Tăng làm người thuyết pháp, và người thuyết Tỳ-ni.

- Trọn đời không nên cho xả (Yết-ma này).

Luật Ngũ phần nói:

Có hai loại: Một có thể sám hối, hai không thể sám hối. Nếu phạm trọng tội mà che giấu, nên Bạch tứ yết-ma không cho sám hối.

---o0o---

6. Pháp đa nhơn ngữ diệt tránh

GIỚI BỔN:

Cần giải quyết bằng Đa nhơn mích tội tướng, phải giải quyết bằng Đa nhơn mích tội tướng.

GIẢI THÍCH:

Dùng lời nói của nhiều người biết pháp. Cho phép hành trù, sai người hành trù, Bạch nhị yết-ma.

Có 5 pháp không nên sai: Ái, sân, sợ, si, không biết đã hành hay chưa hành. Ngược với 5 pháp trên thì nên sai. Có 3 loại hành trù: Một là bỏ phiếu công khai, hai là bỏ phiếu kín, ba là bỏ phiếu rỉ tai.

- Nếu trong chúng tuy Tỳ-kheo phi pháp nhiều, song hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) của họ, hoặc bậc Thượng tọa nhiều hiểu biết đều như pháp, nên bỏ phiếu công khai.

- Làm hai loại thẻ: Một là chẻ hai, hai là nguyên. Bạch rằng: "Người nào đồng ý thế này thì bốc thẻ nguyên. Người nào đồng ý thế này thì bốc thẻ chẻ hai." Hành trù xong nên đến chỗ riêng để kiểm phiếu. Nếu thẻ như pháp nhiều, nên công bố: Nói như thế là việc tranh cãi đã chấm dứt. Nếu thẻ như pháp ít, nên tác lễ giải tán, sai người đủ tin cậy đến trú xứ Tỳ-kheo khác bạch rằng: Trú xứ kia Tỳ-kheo phi pháp nhiều. Lành thay, Trưởng lão có thể đến trú xứ kia, làm thế nào để cho Tỳ-kheo như pháp nhiều, để việc tranh cãi được chấm dứt, công đức Trưởng lão nhiều. Tỳ-kheo này khi nghe như vậy, nên đến, nếu không đến, như pháp trị.

- Nếu trong chúng tuy như pháp nhiều mà hai thầy của họ và Thượng tọa... không như pháp. Sợ bỏ phiếu công khai, các Tỳ-kheo bỏ theo hai thầy của họ... nên phải bỏ phiếu kín.

- Nếu trong chúng tuy như pháp nhiều mà hai Thầy của họ... nói phi pháp, nên bỏ phiếu bằng phương thức rỉ tai. Khi hành trù nên bố trí chỗ ngồi, cách nhau độ một người nghiêng mình đi. Tỳ-kheo kia rỉ tai nói: Hòa thượng của thầy... đã bốc thẻ như vậy. Lành thay! Thầy cũng bốc thẻ như vậy. Từ mẫn cố! Nếu Tỳ-kheo như pháp nhiều, việc tranh cãi được chấm dứt, công đức của thầy nhiều. Hành trù xong, đến một bên để kiểm phiếu.

Luật Thập tụng nói:

Dùng thẻ dài cho như pháp, thẻ ngắn cho phi pháp. Thẻ trắng cho như pháp, thẻ đen cho phi pháp. Như pháp dùng tay tả bốc, phi pháp dùng tay hữu bốc. Như pháp bốc một cách thong thả, phi pháp bốc một cách gấp gáp. Thẻ như pháp bốc trước, thẻ phi pháp bốc sau. Tất cả nên hòa hợp nhóm họp lại một chỗ, không được nhận dục.

Luật Tăng kỳ nói:

Hành trù xong, nếu thẻ phi pháp nhiều hơn chỉ một thẻ, không nên xướng là người phi pháp nhiều, như pháp ít, nên tác phương tiện giải tán. Nếu bữa ăn trước đã đến, nên xướng tiền thực đến. Nếu giờ hậu thực đến, hay giờ tắm, giờ thuyết pháp, thuyết Tỳ-ni, tùy theo đó mà xướng. Nếu người phi pháp biết, nói rằng: "Vì chúng tôi đắc thắng cho nên giải tán, chúng tôi không đứng dậy, cứ ngồi nơi tòa này, để quyết đoán việc này". Khi ấy bên tịnh xá nếu có cái phòng nhỏ nào không trùng, nên sai tịnh nhơn phóng hỏa xướng rằng: "Lửa cháy! Lửa cháy!" Liền giải tán để chữa lửa. Sau đó đến tìm bạn như pháp.

---o0o---

7. Pháp NHƯ cỏ che đất diệt tránh

GIỚI BỔN:

Cần giải quyết bằng như Thảo phú địa, phải giải quyết bằng như Thảo phú địa.

NGUYÊN DO15:

Nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo cùng nhau tranh cãi, phạm các giới nhiều, chẳng phải pháp của Sa-môn; nói, làm lung tung, ra vào không phép tắc hạn định. Sau đó, họ tự nghĩ rằng: Chúng ta nếu trở lại, cùng nhau tìm hiểu việc này, hoặc khiến cho vấn đề tranh cãi trở nên sâu đậm, trải nhiều năm tháng không chấm dứt được, khiến cho Tăng không được an lạc. Do vậy, bạch Phật. Phaät dạy: "Nên chấm dứt vấn đề tranh cãi này như lấy cỏ che đất."

Một trong hai chúng kia, Tỳ-kheo có khả năng về trí tuệ, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, chắp tay, bạch thế này: "Thưa các Trưởng lão, việc tranh cãi của chúng ta đây, phạm các tội nhiều, chẳng phải pháp của Sa-môn, nói năng không chừng mực, ra vào, tới lui không thuộc oai nghi. Nếu chúng ta tìm hiểu việc này sợ khiến tội càng sâu nặng, không được như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy, khiến các Tỳ-kheo không được yên ổn an lạc. Để chấm dứt sự tranh cãi, nếu Trưởng lão đồng ý, tôi nay vì các Trưởng lão, tác pháp như lấy cỏ che đất để sám hối tội này."

Trong chúng thứ hai, cũng có một người nói như vậy. Vị ấy bạch: "Đại đức Tăng, xin lắng nghe ! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay, việc tranh cãi này, Tăng tác pháp lấy cỏ che đất sám hối. Đây là lời tác bạch." Bạch rồi, tác pháp như lấy cỏ che đất sám hối. Vị có trí huệ kham năng, hồ quỳ, hiệp chưởng bạch: "Thưa các Trưởng lão, tôi nay trong vấn đề tranh cãi này, những tội đã phạm, trừ trọng tội, Yết-ma ngăn không đến nhà bạch y. Nếu các Trưởng lão cho phép, sẽ vì các Trưởng lão và tôi, tác pháp sám hối như lấy cỏ che đất." Chúng thứ hai cũng nói và làm như vậy. (Trừ những tội nặng nghĩa là pháp như thảo phú địa này, tất cả nhân việc tranh cãi khởi lên, những tội thuộc Ba-dật-đề, Đột-kiết-la... tất cả đều được sám hối trừ diệt. Chỉ trừ tội nặng Ba-la-di, phải diệt tẫn. Còn tội nặng Tăng tàn và Thâu-lan-giá vẫn phải thi hành sám hối riêng, ở nơi đây chẳng diệt được. Lại nữa, trừ Yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, cũng không nhân đây mà giải vậy).

GIẢI THÍCH:

Thế nào gọi là cỏ che đất?

- Không phải nói rõ tên tội, chủng loại của tội để sám hối.

Luật Thập tụng nói:

Cỏ che đất có hai nghĩa: Một là đấu tranh thường khởi, người tranh cãi cũng nhiều, việc ấy chuyển đến chúng, suy cứu để tìm nguồn gốc khó có thể được. Phật cho phép trải cỏ trừ diệt, như cỏ rối đến mức độ không thể chỉnh lý, rối quá cần phải bỏ đi. Hai là có bậc Thượng tọa đức độ, khuyến dụ người tranh cãi, khiến đến hai bên, như lấy da dê trải bốn phía sám hối. (Theo Ngũ phần nói thì duỗi tay duỗi chân sát đất, như trải da dê vậy). Hai chúng đều có người yểm trợ, cho nên khiến đều ở một chỗ.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu các Tỳ-kheo đấu tranh mắng nhiếc nhau, khởi ác nghiệp, thân, khẩu, ý, sau muốn đối giữa Tăng trừ tội, tác pháp cỏ che đất sám hối. Đương sự nên ba lần xin rồi, duỗi tay chân sát đất, hướng về vị Yết-ma, một lòng nghe nhận lấy lời Yết-ma. Vị Yết-ma vì đương sự bạch tứ Yết-ma, gọi là hiện tiền Tỳ-ni thảo bố địa, diệt phạm tội tránh. Tại sao gọi là cỏ trải đất? Các Tỳ-kheo kia không tìm hiểu căn nguyên của tội. Tăng cũng không tra hỏi cội gốc của vấn đề.

C. Hỏi ĐỂ KẾT THÚC

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong bảy pháp diệt tránh. Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Bảy pháp diệt tránh đã xong

· Phần hai liệt kê tướng của giới rồi.

· Phần ba kết khuyến hồi hướng, chia làm 3:

- Trước hết kết phần trước, chỉ rõ các việc.

- Thứ hai, thuật lại Giới kinh bảy đức Phật.

- Thứ ba, kệ khen hồi hướng.

· Trong phần đầu chia làm hai:

Trước hết kết phần trước. Hai là chỉ rõ các việc.

---o0o---

A. PHẦN ĐẦU

1) Kết phần trước

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng tựa của Giới kinh, đã tụng bốn pháp Ba-la-di, đã tụng mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, đã tụng hai pháp Bất định, đã tụng ba mươi pháp Ni-tát-kỳ ba-dật-đề, đã tụng chín mươi pháp Ba-dật-đề, đã tụng bốn pháp Ba-la-đề đề-xá-ni, đã tụng một trăm pháp Chúng học, đã tụng bảy pháp Diệt tránh. Đó là những điều Phật đã thuyết, xuất từ Giới kinh mỗi nửa tháng tụng một lần.

2) Chỉ rõ các việc

Và còn có các Phật pháp khác nữa trong đây cần phải cùng hòa hợp học tập.

Các Phật pháp khác, chỉ cho các tùy luật oai nghi và tất cả Tu-đa-la (kinh), A-tỳ-đàm (luận).

Huệ mạng của chư Phật gởi gắm trong ba tạng, không học thì con mắt của thế gian bị tiêu diệt. Không hòa hợp để học thì cũng như chỉ nói ăn, làm sao no? Cho nên cần phải như pháp đồng ở, mai chiều nghiên cứu, khiến cho chánh nghĩa sáng rực. Đạo sáng láng, đức đầy đủ, mới không nhục đối với Tăng bảo; mới có thể nối thạnh giống Thánh. Chẳng vậy thì không những chỉ chuốc lấy lời chê trách là loại nhụ dương (dê câm) còn phải đọa vào vô gián. (Tai hại như vậy sao không tránh ư? Kết phần trước và chỉ rõ các việc xong).

---o0o---

B. PHẦN HAI

Thuật lại Giới kinh của bảy đức Phật. Chia làm bảy. Trước hết đức Phật Tỳ-bà-thi nói, cho đến thứ bảy đức Bổn Sư Thích-ca Phật nói.

1) Đức Phật Tỳ-Bà-Thi nói

Nhẫn: khổ hạnh bậc nhất,

Niết-bàn: đạo tối thượng,

Xuất gia não hại người,

Không xứng danh Sa-môn.

Đây là lời Giới kinh mà đức Tỳ-bà-thi Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng Chánh giác đã giảng dạy.

Lược nói Giới kinh, khen riêng hạnh nhẫn nhục, vì trì giới chưa chắc có thể nhẫn nhục, mà nhẫn nhục thì quyết chắc chắn do trì giới mà được. Cho nên kinh Di giáo nói: Nhẫn là Đức, trì giới khổ hạnh không thể bì kịp, nếu gặp nhục mà có thể nhẫn được, thì trường hợp thân khẩu không làm việc trả thù lại, nhưng trong tâm cũng quyết khó thoát qua vậy. Chỉ một niệm chưa thoát qua cùng với danh nghĩa "cần tức" của Sa-môn đã không được tương ưng. Chỉ cần quán sâu vào pháp tánh vô vi hoặc sanh (ngã), hoặc pháp đều không có chỗ đặng (vô sở đắc). Nhục đã không có thì ai là người chịu nhục?! Cho nên gọi: nhẫn nhục là đệ nhất nghĩa, tức đệ nhất đạo vậy. Tiếng Phạn gọi là Đa-đà-a-già-độ (Tathāgata), Hán dịch là Như Lai. Tiếng Phạn gọi là A-la-ha (arhat), Hán dịch là Ứng Cúng, cũng dịch là Vô sở trước. Tiếng Phạn gọi Tam-miệu-tam-phật-đà (samyak-saṃbuddha), Hán dịch là Chánh biến tri, cũng dịch là Đẳng chánh giác, tức là được cử ba trong 10 hiệu vậy.

2. Đức Phật Thi Khí nói

Cũng như người mắt sáng,

Tránh khỏi lối hiểm nghèo,

Bậc có trí trong đời,

Tránh xa các xấu ác.

Đây là Giới kinh mà đức Thi Khí Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác đã giảng dạy.

Trong ba cõi không chỗ nào là không nguy hiểm, không độc ác. Người ngu vô trí không nghĩ cách vượt ra, cho nên nhiều kiếp luân hồi.

Thông là có khả năng nghe đạo, minh là có khả năng thấy đạo. Tin pháp nhiệm mầu của Phật, hiểu tận tường khổ nhân, xa lìa cái ác, nên không có quả ác. Các ác là chỉ cho ba hoặc: Kiến tư hoặc, Trần sa hoặc, Vô minh hoặc; tất cả hiện hành và chủng tử của nó.

3) Đức Phật Tỳ-Diếp-La nói

Không báng bổ, tật đố,

Vâng hành các học giới,

Ăn uống vừa biết đủ,

Thường ưa chỗ nhàn tịnh,

Tâm định vui tinh tấn,

Là lời chư Phật dạy.

Đây là Giới kinh mà đức Tỳ-diếp-la Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác đã giảng dạy.

Báng là khẩu nói lời ác. Tật: tâm nghĩ điều ác. Không có hai điều này, phụng hành giới, ba nghiệp đều tịnh. Biết đủ, xa lìa là thắng pháp của đầu-đà. Chấm dứt chạy theo thế gian cho nên tâm định. Siêng năng đạo nghiệp xuất thế, nên gọi là tinh tấn. Pháp yếu của ba đời các đức Phật đều không ra khỏi điều này.

4) Đức Phật Câu-Lưu-Tôn nói

Như ong đến tìm hoa,

Không hại sắc và hương,

Chỉ hút nhụy rồi đi,

Vậy Tỳ-kheo vào xóm16,

Không chống trái việc người,

Không xét làm, không làm,

Chỉ xét hành vi mình,

Đoan chánh, không đoan chánh.

Đây là Giới kinh mà đức Câu-lưu-tôn Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy.

Tụ là làng xóm. Nhiên là chỉ cho pháp khất thực, điều dĩ nhiên. Lại nữa, tụ là đại chúng. Nhiên là con đường cầu pháp, cũng là điều dĩ nhiên. Không chống trái việc người tức là không phá hư sắc hương. Câu "không xét ...", tức là không để ý việc làm của người khác thiện hay không thiện.

Hỏi: Không chống trái việc người, là điều nên. Còn không để ý việc người làm hay không làm, như
vậy đâu không thiên lệch vấn đề tự lơii mà thiếu lòng từ bi vậy?

Đáp: Bản thân mình đoan chánh, không khiến họ làm mà họ tự làm. Bản thân mình không đoan chánh, tuy khiến mà họ không làm theo. Cho nên muốn lợi người, trước hết cần tự lợi. Tuy tự lợi, thật ra bao trùm cả lợi người. Sao gọi là thiên lệch? Nếu bỏ quên bản thân không tự quán sát mà muốn quán sát người làm hay không làm thì người ta chưa chắc đã lợi, chính mình có hại trước. Mình đã có hại, cũng có thể hại người. Như người bệnh hủi lại bán thuốc trị bệnh nhọt. Hoặc như người muốn bắt quỉ thì phải dùng phù chú hay mới không bị chê cười, đó là người giỏi vậy! Cho nên trong kinh Đại thừa lý thú nói: "Nếu các phàm phu chính mình không thanh tịnh, hủy báng giới cấm, tuy nói Chánh pháp, khuyên người trì giới, rốt cuộc không ai tin theo, lại bị họ khinh chê. Vì vậy nên biết, trước phải kiểm điểm thân mình, lìa các phóng dật, kiên trì tịnh giới Ba-la-mật-đa, sau đó mới vì người nói chỗ cốt yếu của Chánh pháp. Nhờ vậy loài hữu tình nghe rồi mới có thể chịu tin".

Lại nói: Biết mình đã trái với lời răn, thì nên phản tỉnh xét tự tâm vậy. Không thấy người khác trái với lời răn là bảo vệ ý của người kia. Đó chính là đồng với ý nghĩa của bài kệ này.

Than ôi! Mạt vận đạo pháp bị suy vi, kẻ trì luật vấn đề khinh, trọng không biết, khai giá chẳng rõ thông. Người học tập giáo pháp, mãi chạy theo bề ngoài, buông lỏng thân tâm. Người tham thiền thì tiếp hướng thừa hư, như

cuồng như say, đầy dẫy khắp nơi, nguy ngập như thế ai hay sửa chữa. Vừa mở maét nhìn, huyết lệ liền tuôn!

Cho nên Kinh tạng Phật nói: Chính lúc này, không nên nhập chúng, dù chỉ một đêm. Nên cần ở nơi núi rừng xa vắng, suốt đời. Chết như con dã thú. Nên sanh tâm nhàm chán như vầy: Ta đâu có thể để thấy Chánh pháp bị phá loạn, nhìn thấy hạnh Sa-môn thế này! Trong đời ác nguy hiểm, ta cần phải siêng năng tinh tấn, sớm đặng đạo quả. Luận rằng: Phật tạng là kinh luật Đại thừa, trình bày như vậy. Đó chính là hoằng pháp độ sanh, vốn không phải ở chỗ phô trương thanh thế. Chỉ còn trong thâm sơn cùng cốc, ở Nam Diêm-phù-đề, có 5 Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, thì chủng tánh ngôi Tăng bảo không đoạn. Có một Tỳ-kheo thanh tịnh chánh kiến, tức là Chánh pháp nhãn tạng không dứt. Xin các bạn đồng chí hướng của tôi luôn luôn nghĩ Chánh pháp gần bị lấp mất, thương chúng sanh chìm đắm, kính trọng lời dạy của đấng Từ Tôn, hết lòng bảo vệ Chánh pháp cho được lâu dài. Đóng cửa hai đường danh, lợi, thống thiết một điểm tâm thành. Cầu mong nói lên lời thiết yếu, dành dụm tư lương. Giới châu xán lạn, nước định lóng trong, nêu cao mặt trời huệ để được chuyển xoay. Chỉ mong trên hợp với tâm Phật, dưới lo gì bỏ sót chúng sanh. Đôi khi muốn vội thấy điều nhỏ, chưa khỏi cái nạn đi vòng quanh, vừa xa vừa lâu. Kẻ cao minh không coi rẻ lời của người. Người dị kiến ắt vì lời nói mà tự tạo tội cho mình. Cảnh giới của bậc đại nhơn khác với cảnh giới của hạng tầm thường (Điển tích).

5) Đức Phật Câu-Na-Hàm-Mâu-Ni dạy

Chớ để tâm buông lung,
Hãy cần học Thánh pháp,
Như thế dứt ưu sầu,
Tâm định nhập Niết-bàn.

Đây là Giới kinh mà đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy.

Không buông lung cho nên không hoạn nạn, ưu sầu. Học pháp của Thánh cho nên không sầu lo. Không ưu sầu cho nên tâm định. Ưu sầu thuộc về khổ, phóng dật là tập, Thánh pháp là đạo, nhập Niết-bàn là diệt. Nếu dùng tứ chủng, Tứ đế để giải thích thì mênh mông không bờ bến, cần suy nghĩ đó.

6) Đức Phật Ca-Diếp dạy

Hết thảy ác chớ làm,
Hãy vâng hành các thiện.
Tự lóng sạch tâm trí,
Là lời chư Phật dạy.

Đây là Giới kinh mà đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy.

Ngũ trụ phiền não đều gọi là ác. Tất cả chớ làm, tức là viên phục (điều phục hoàn toàn), viên đoạn (diệt trừ hoàn toàn). Thể tánh vốn đủ các công đức, nên gọi là thiện. Tất cả nên phụng hành tức là viên tu (tu tập tròn đầy), viên chứng (chứng ngộ hoàn thành) vậy. Trọn ngày đình chỉ các điều ác mà không có cái tướng năng chỉ. Trọn ngày thực hành các điều thiện mà không có cái tướng năng hành. Cho nên gọi là tự lóng sạch tâm trí.

7) Đức Phật Bổn Sư Thích-Ca dạy

Khéo phòng hộ lời nói,

Tự lắng đọng tâm chí,

Thân không làm các ác,

Thực hành được như thế.

Ba tịnh nghiệp đạo này,

Là đạo đấng Đại tiên.

Đây là Giới kinh mà đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác đã giảng cho các Tỳ-kheo vô sự trong khoảng mười hai năm đầu. Từ đó về sau được phân biệt rộng rãi. Các Tỳ-kheo tự mình hâm mộ Chánh pháp, hâm mộ Sa-môn hạnh, có tàm có quý, hâm mộ học giới, hãy tự học ở trong này.

Ba nghiệp đạo thanh tịnh, tức là pháp Thập thiện đạo. Thiên, nhơn, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, và chư Phật, đều nương vào đó. Như trong kinh Hoa nghiêm, phẩm Thập địa thuyết minh một cách đầy đủ. Vô sự Tăng, là Tăng không phạm giới. Bảy Giới kinh này đều nhằm thời cơ mà nói, nên

“chỉ thú” (nghĩa lý) của nó đều có chỗ trọng yếu riêng. Đây là theo bệnh cho thuốc. Đến khi vào Niết-bàn, chỉ có một mà thôi.

Trong các bộ, chỉ có bộ căn bổn trình bày phần duyên khởi rõ ràng nhưng phần văn tự cú pháp của nó có phần khác ở đây, cho nên không lục ra. Quảng phân biệt thuyết (phân biệt rộng rãi) là khi pháp hữu lậu phát sanh, mới kết 250 giới để chận đứng pháp hữu lậu vậy. Trong mỗi giới lại có căn bổn, tùng sanh, phương tiện, đẳng lưu không đồng. Là Tỳ-kheo, đều nên phải học. Trừ phi không tự cho mình là Sa-môn, không ưa Chánh pháp, ưa làm phi Sa-môn, phi Thích tử, không xấu không hổ, không ưa học giới, mới không học vậy.

Hỏi: Trước 12 năm học cái gì?

Đáp: Tăng vô sự tức là vô học. Vị nào chưa đạt được quả vị vô học, thì học cái đạo tịnh ba nghiệp.

Hỏi: Nay, ta cũng học cái đạo tịnh ba nghiệp, tại sao phải học các giới tướng vụn vặt này?

Đáp: Nay, ông ở trong thời gian sau 12 năm mà muốn làm cái việc của trước 12 năm sao?

Lại nữa, không luận thời gian trước, thời gian sau, xin được phép hỏi ông: Ba nghiệp của ông hiện nay, đồng với các ngài Tăng vô sự hay là không đồng với các ngài Vô sự Tăng? Đã không đồng với Vô sự Tăng, nếu không học giới này, làm sao biết trì, biết phạm? Nếu nói là: Giới không cần phải học, tức phạm khinh giới Ba-dật-đề; chỉ một niệm khinh giới này, laø tịnh hay bất tịnh? Nếu bảo: trì, thủ, phạm, giới đều không thể có được (bất khả đắc). Tại sao riêng ông, nay chẳng đạt được việc trì giới mà chỉ có việc phạm giới? Nếu nói phạm tức là không phạm, thì cũng có thể trì tức là không trì, nhưng tại sao laïi bỏ cái trì lấy cái phạm? Nếu nói tịnh không thủ xả, tức là không nên thủ cái hẹp, xả cái rộng. Hoặc nói tịnh uế bình đẳng, thì địa ngục thiên đường cũng bình đẳng, mắng chửi, khen ngợi cùng bình đẳng, Chiên-đàn xạ hương cùng với phân uế cũng bình đẳng, cam lồ máu mủ cũng bình đẳng, thiên y đao trượng cũng bình đẳng. Sao ông không thường ở nơi địa ngục? Sao ông không có tên là heo, chó, súc sanh, ngốc nô, ngốc tặc? Sao ông không thường ngửi đồ hôi thúi? Sao ông không ăn nuốt máu mủ? Sao ông không tự lấy đao trượng đánh đập thân mình? Nếu ông đã thật sự chứng được bình đẳng pháp tánh, thì tự nhiên không phá hoại Tục đế, chắc

chắn thọ nhận pháp lạc hiện tiền, khéo léo giáo hóa hữu tình. Nếu ông miễn cưỡng nhận lấy việc cao thượng ấy tức là ma đã nhập vào tâm ông, cũng chẳng phải là Chánh đạo. Nếu ông chưa chứng được bình đẳng pháp tánh, cũng chưa nhận được việc cao thượng như vậy, mà tùy tiện làm theo ý thường tình của mình, biếng nhác giải đãi, không chịu học giới pháp này, tức là tặc trụ, tức là phi Sa-môn, tức là kẻ không biết xấu hổ, tức là loài trùng trong thân con sư tử, tức là hơn bọn đại tặc, tức là quyến thuộc của ác ma, tức là chủng tử của địa ngục. Sao ông không biết, đức Như Lai chứng được Sắc bình đẳng có thể khiến địa ngục, thiên cung đều là Tịnh độ. Như Lai chứng được Thanh bình đẳng có thể khiến tiếng xấu ác của thiên ma thành tiếng khen ngợi. Như Lai chứng được Hương bình đẳng có thể khiến nơi nhơ nhớp hóa thành hương điện. Như Lai chứng được Vị bình đẳng có thể khiến thuốc độc trong thức ăn biến thành cam lồ. Như Lai chứng được Xúc bình đẳng có thể khiến đao cung của quân ma hóa thành thiên hoa. Như Lai chứng được Pháp bình đẳng, không bị vật chuyển, hằng có thể chuyển vật, đầy đủ vô lượng thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn. Như Lai chứng được Trì, Phạm bình đẳng ba nghiệp đều hành động theo trí tuệ, hay khiến chúng sanh phá giới trở lại được thanh tịnh. Ông đã vọng xưng Trì, Phạm bình đẳng, tại sao ba nghiệp vẫn nhiều bừa bãi nhơ nhớp, đối với giới pháp khởi lên khó khăn trở ngại ư? Tâm khinh thường này chỉ làm hại cho chính mình mà thôi. Than ôi! Đau đớn thay!

Thuật Giới kinh của bảy đức Phật đã xong

---o0o---

C. PHẦN BA

Kệ khen hồi hướng, chia làm bảy. Thứ nhất là từ khéo hộ giới để được lợi ích hơn hết, cho đến thứ bảy là hồi hướng Phật đạo.

1) Khéo hộ giới

Kẻ trí khéo hộ giới,

Sẽ được ba điều vui:

Danh thơm và lợi dưỡng,

Sau khi chết sanh Thiên.

Hãy quán sát điều này,

Bậc trí siêng hộ giới,

Giới tịnh sanh trí huệ,

Thành tựu đạo Tối thượng.

Kẻ trí là người hộ trì giới, chẳng phải kẻ ngu si có thể làm được.

Ba điều vui: Trước hết nêu "hoa báo" ở hiện tại và vị lai để khuyến dụ, chẳng phải bổn ý hộ giới thật sự như vậy. Điều này (như thị xứ) là chỉ cho học xứ. Nhân trí khiến cho giới thanh tịnh. Nhân giới cho nên tánh trí tuệ hiển bày. Lại nữa, tướng do dựa vào đó mà trở thành phước huệ nhị nghiêm, thẳng đến thành Phật, là thật quả của hộ giới vậy. Chữ "Trí" trước, là văn tư Chánh kiến. Chữ "Trí" sau, là Vô lậu Thỉ giác17 Thỉ giác hợp với Bản giác18, gọi là Cứu Cánh giác19 Cho nên thành tựu đạo Tối thượng.

2) Thuyết minh chư Phật đạo đồng

Như chư Phật quá khứ,

Và chư Phật vị lai,

Các Thế Tôn hiện tại,

Đấng chiến thắng khổ đau,

Thảy đều tôn kính giới,

Đây là pháp chư Phật.

Tất cả khổ đau do phiền não và sở tri. Hai chướng này làm nhân; phân đoạn và biến dịch, hai món sanh tử này làm quả. Chỉ cần tôn kính giới này là có thể thắng được. Vì mỗi một giới có khả năng đối trị phiền não. Nếu thông đạt được tánh của giới, thì có thể lìa cái ngu sở tri.

3) Khuyên tuân theo lời dạy của Đức Phật

Nếu ai vì tự thân,

Mong cầu nơi Phật đạo,

Hãy tôn trọng Chánh pháp,

Đây lời chư Phật dạy.

Vì tự thân tức không phải vì danh vì lợi. Cầu Phật đạo tức không phải là cầu Thanh văn, Duyên giác. Chánh pháp tức chỉ cho Ba-la-đề-mộc-xoa, nhờ Phật ra đời mới có. Không đồng với Định cộng giới, Đạo cộng giới, và Ngũ thường trị thế, hay Thập thiện, cho nên gọi là Chánh pháp.

Lại nữa, có giới này là có Tăng bảo. Có Tăng bảo là khiến cho Phật pháp không dứt, cho nên gọi là Chánh pháp. Muốn cầu Phật đạo, ắt phải tôn trọng giới này. Đâu nên vội cho là khuôn phép nhỏ nhặt, mà hủy báng lời dạy sáng suốt của đức Phật.

4) Chứng minh lợi ích CỦA Giới Kinh

Bảy đấng Thế Tôn Phật,

Diệt trừ mọi kiết sử,

Thuyết bảy Giới kinh này,

Giải thoát các hệ phược,

Các Ngài đã Niết-bàn.

Các hý luận vắng bặt.

Các đệ tử tuân hành,

Lời dạy đấng Đại tiên,

Giới Thánh Hiền khen ngợi,

Thảy đều nhập Niết-bàn.

Bảy đức Thế Tôn Phật, vì muốn diệt trừ các kiết sử của chúng sanh, cho nên nói các Giới kinh này, khiến tất cả chúng sanh giải thoát các trói buộc, đồng nhập vào Niết-bàn, diệt các hý luận trong ba cõi. Cho nên biết giới của vị Đại tiên này nói, là giới mà Thánh Hiền khen ngợi. Phàm là đệ tử của Phật, đâu không phụng hành theo đây, mà nhập vào Niết-bàn được.

5) Thuật lại lời di chúc của Thế Tôn Phật

Thế Tôn khi Niết-bàn,

Vận khởi tâm Đại bi,

Hợp các Tỳ-kheo chúng,

Ban giáo giới như vầy:

Chớ nghĩ Ta Niết-bàn,

Không còn ai dìu dắt.

Giới kinh và Tỳ-ni,

Những điều Ta dạy rõ,

Hãy xem đó như Phật,

Dù Ta nhập Niết-bàn,

Giới kinh này còn mãi.

Phật pháp còn sáng rõ,

Do sự sáng rõ ấy,

Niết-bàn được chứng nhập.

Nếu không trì Giới này,

Không Bố-tát như Pháp,

Khác gì mặt trời lặn,

Thế giới thành tối tăm.

Gần Niết-bàn mà trao cho lời răn dạy, chính là như di chúc của cha mẹ đối với con, so sánh với nỗi khổ tâm cứu khổ độ lạc lúc bình thường thì thống thiết hơn nhiều.

Giới kinh là chỉ cho 5 thiên học xứ. Tỳ-ni là phương pháp diệt tội. Đây tức là Pháp thân của Như Lai thường trụ nơi thế gian, cho nên phải xem như Thế Tôn. Có như pháp thực hiện Yết-ma, có làm theo như lời nói, gọi là kinh này ở đời, gọi là Chánh pháp ở đời. Giáo, Hạnh, Quả cả ba đều đầy đủ. Chẳng vậy thì bánh xe pháp bị sa lầy, đường ác dẫy đầy. Cho nên dụ như mặt trời lặn, mờ mịt không thấy đường đi vậy.

6) Hộ trì lời răn dạy

Hãy hộ trì Giới này,

Như trâu Mao tiếc đuôi.

Hòa hợp ngồi một chỗ,

Như lời Phật đã dạy.

Mao 氂I: âm là mao 茅, tên của loài trâu vậy. Con trâu Mao tiếc cái đuôi của nó đến nỗi quên cả cái thân. Dụ người trì giới vì hộ trì giới mà không kể gì thân mạng. Như lời Phật dạy nửa tháng tụng một lần như pháp nói, không phạm phi pháp, biệt chúng cùng các lỗi.

7) Hồi hướng Phật đạo

Tôi đã thuyết Giới kinh,

Chúng Tăng Bố-tát xong

Tôi nay thuyết Giới kinh,

Công đức thuyết Giới này,

Nguyện ban khắp chúng sanh,

Cùng trọn thành Phật đạo.

Hỏi: Giới này vốn vì Thanh văn kiến lập, tại sao hồi hướng Phật đạo? Nếu pháp của Thanh văn, quả thật đồng Phật đạo, tại sao trong kinh có nói: Thanh văn trì giới gọi là Bồ-tát phá giới. Thanh văn phá giơùi, gọi là Bồ-tát trì giới?

Đáp: Trong tất cả kinh, chỉ trách tâm của Thanh văn, không trách luật của Thanh văn. Do vì, chỉ muốn tự độ, không nghĩ đến việc độ người, rơi vào hầm vô vi, thiếu cái dụng Đại bi cho nên bị trách. Vả lại, Thanh văn lấy thú tịch diệt làm chí hướng, cho nên tâm sân phạm khinh tội, tâm tham phạm trọng tội. Bồ-tát lấy độ sanh làm gốc, cho nên tâm sân phạm trọng tội, tâm tham phạm khinh tội. Đến như tên gọi Tỳ-kheo, vốn thông cả đại lẫn tiểu. Có Tỳ-kheo Thanh văn, có Tỳ-kheo Bồ-tát. Nơi đến tuy có khác mà thể của Tỳ-kheo thì đồng. Thể đồng thì giới cũng đồng. Nếu không có giới này, thì giống như tại gia Bồ-tát, đâu phải đợi bỏ nhà đời đến nhà đạo (phi gia). Cho nên biết giới pháp của Tỳ-kheo đại tiểu đều phụng hành. Ví như cùng một phương thang mà hai lương y sử dụng đem lại kết quả khác nhau (điển tích).

Hồi hướng Phật đạo, làm sao trái với kinh đã dạy.

Kệ khen hồi hướng xong.

Toàn văn chia làm ba. Đây là mục ba, kế khuyến hồi hướng. Luật này toàn văn chia làm hai.

Phần hai nhập văn hoàn tất

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI

---o0o---

1 Hán: Kỵ thừa (thặng) 騎T乘. Pāli. yānam nāma vayhaṃ ratho sakaṭaṃ sandamānikā sivikā pāṭaṅkỵ, xe cộ: cộ (cáng), xe ngựa kéo, xe chở hàng, chiến xa, kiệu, ghế khiêng. (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

2 Phú-la 富羅: Dịch âm của Pula tiếng Phạn, có nghĩa là đôi giày dệt bằng cỏ có mũi ngắn.

3 Tứ phần luật 52, phần thứ tư Kiền-độ Tạp, tr. 958a24, Đại 22n1428.

4 Thiện kiến luật tỳ-bà-sa 16, tr. 787b14, Đại 24n1462.

5 Tứ phần luật 21, tr. 713a09, Đại 22n1428.

6 Tứ phần luật 37, phần thứ hai Kiền-độ An cư, tr. 832b24, Đại 22n1428.

7 Tứ phần luật 52, phần thứ tư Kiền-độ Tạp, tr. 956b19, Đại 22n1428.

8 Tứ phần luật 51, phần thứ tư Kiền-độ Tạp, tr. 945b15, Đại 22n1428.

9 Tứ phần luật 47, phần thứ ba Kiền-độ diệt tránh, tr. 913c, Đại 22n1428.

10 18 tránh sự: Pháp, phi pháp, luật, phi luật, phạm, bất phạm, khinh, trọng, hữu tàng, vô tàng, thô ác, phi thô ác, thường sở hành, phi thường sở hành, chế, phi chế, thuyết, phi thuyết. Đó là 18 tránh sự.

11 Tứ phần luật 47, phần thứ ba Kiền-độ diệt tránh, tr. 714a04, Đại 22n1428.

12 Tứ phần luật 47, tr. 914b15, Đại 22n1428.

13 Tứ phần luật 47, tr. 914b29, Đại 22n1428.

14 Ma-ha Tăng kỳ luật 26, tr. 441c07, Đại 22n1425.

15 Tứ phần luật 47, phần thứ ba Kiền-độ diệt tránh, tr. 915c11, Đại 22n1428.

16 Hán: Tụ nhiên 聚然.

17 Thỉ giác: có được do sự nội huân của Bản giác bên trong cùng với những duyên bên ngoài của thầy dạy, khi tiếp xúc bắt đầu khởi lên tâm tìm cầu, nếu thuận với Bản giác thì trí tuệ dần dần phát sanh ra trí tuệ giác ngộ, trí tuệ này gọi là Thỉ giác.

18 Bản giác: là tự tánh tâm thanh tịnh của Bản giác, tất cả chúng sanh, mà cái đức (gồm 4 đức: thường, lạc, ngã, tịnh) của nó từ xưa tới nay vẫn chiếu sáng đầy đủ.

19 Cứu cánh giác: chỉ cho cái giác cùng cực của các vị Bồ-tát khi đại hạnh đã hoàn thành viên mãn, chỉ cho địa vị của Phật ở đây đồng với Bản giác và Thỉ giác.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 11

I. BÀN CHUNG VỀ VẤN ĐỀ YẾT-MA

Yết-ma có nghĩa là bàn thảo và chung quyết thông qua những vấn đề của Tăng. Thuật ngữ của Luật tạng gọi là "Tác pháp biện sự".

Như vậy, tất cả việc làm của Tăng đều do Yết-ma mà thành tựu. Do đó, Cổ đức nói: "Có tác pháp Yết-ma, có làm đúng như lời thuyết minh, mới gọi là Chánh pháp trụ thế". Có chỗ lại nói: "Người nào không biết tác bạch Yết-ma, trọn đời không được lìa y chỉ". Nên biết: Việc làm chính và hàng đầu của Tỳ-kheo là đây vậy. Nhưng người thế tục cho rằng chỉ có đối thú để nói lên tội lỗi của mình mới là Yết-ma, là điều sai lầm không phải nhỏ. Do vậy, nay đặc biệt trước hết trình bày rõ đại cương của vấn đề, phần chi tiết của 101 Tăng sự tản mác các khoa mục, ở đây không bàn đến.

Phần thứ tư (luật Tứ phần) thuyết minh:

Có 3 pháp Yết-ma tóm thâu tất cả các pháp Yeát-ma. Ba pháp Yết-ma đó là:

1. Bạch yết-ma.

2. Bạch nhị yết-ma.

3. Bạch tứ yết-ma.

Đó là pháp Yết-ma, tóm thâu tất cả mọi pháp Yết-ma khác.

- Bạch yết-ma cũng gọi là đơn bạch.

- Bạch nhị yết-ma, luật Tăng kỳ gọi là Bạch nhất yết-ma, nghĩa là một lần bạch, một lần Yết-ma.

- Bạch tứ yết-ma, luật Tăng kỳ gọi là Bạch tam yết-ma, nghĩa là một lần bạch, ba lần Yết-ma.

Tát-bà-đa ma-đắc-lặc-già thuyết minh:

Có 101 pháp Yết-ma:

- Bạch yết-ma có 24 pháp.

- Bạch nhị yết-ma có 47 pháp.

- Bạch tứ yết-ma có 30 pháp.

Căn bản bách nhất yết-ma lại thuyết minh:

Sở dĩ gọi 101 pháp Yết-ma là nêu con số tổng quát, chứ đối với Đại luật thì nhiều hay ít không đồng.

Nếu xếp thành từng loại thì:

- Đơn bạch có 22 pháp.

- Bạch nhị có 47 pháp.

- Bạch tứ có 32 pháp.

Tùy cơ yết-ma thuyết minh:

Có đến 134 pháp.

- Đơn bạch có 39 pháp.

- Bạch nhị có 57 pháp.

- Bạch tứ có 38 pháp.

Cộng thêm đối thủ có 33 pháp, tâm niệm có 14 pháp, thành ra 181 pháp.

Tuy chia thành khoa, mục, điều, số tác pháp một cách tường tận như thế, nhưng chưa khỏi phạm vào tội "chẳng chế mà chế". Do vậy, mỗi lần Luật sư Hoài Tố bàn đến vấn đề đó đều nói: "Tốt hơn hết, là chỉ nên tuân theo nguồn gốc của Luật."

Phần thứ ba (luật Tứ phần) thuyết minh:

Có 4 loại Tăng: Tăng 4 người, Tăng 5 người, Tăng 10 người, Tăng 20 người.

- Tăng 4 người, làm được tất cả Tăng sự thông thường, trừ Tự tứ, , thọ Cụ, xuất tội và Tăng sai.

- Tăng 5 người, trừ thọ Cụ nơi Trung quốc (địa phương) có nhiều Tăng và xuất tội, ngoài ra các Tăng sự khác đều làm được.

- Tăng 10 người, làm được tất cả Tăng sự, trừ xuất tội.

- Tăng 20 người, tất cả các pháp Yết-ma đều làm được. Nhiều hơn 20 người càng tốt.

- Nếu vì việc của Tăng mà tác pháp Yết-ma thì Tỳ-kheo-ni v.v... không được tính vào túc số. Những người bị cử tội, bị diệt tẫn, và người bị Tăng tác pháp Yết-ma không được tính vào túc số của Tăng.

- Không được tác pháp Yết-ma phi pháp, phi Tỳ-ni, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hiệp, pháp biệt chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hiệp, ha bất chỉ (Người được quyền ngăn chặn, ngăn chặn mà không đình chỉ, tức là đồng với biệt chúng).

Thế nào gọi là Yết-ma phi pháp phi Tỳ-ni?

Tăng sự chỉ cần một lần bạch, một lần Yết-ma, mà tác pháp một lần bạch, ba lần Yết-ma; hoặc tác bạch mà không tác Yết-ma; hoặc tác Yết-ma, không tác bạch; hoặc tác bạch nhiều lần, hay tác Yết-ma nhiều lần (tức thuộc về phi pháp). Vấn đề không nên đem ra bàn, lại đem ra bàn (tức thuộc về phi Tỳ-ni).

Thế nào gọi là Yết-ma như pháp như Tỳ-ni?

Như pháp tác bạch mà tác bạch, như pháp tác Yết-ma mà tác Yết-ma (tức thuộc về như pháp). Như pháp cử tội mà cử tội (tức thuộc về như Tỳ-ni).

Thế nào gọi là Yết-ma phi pháp biệt chúng?

Người không đến, không dữ dục; người có mặt đủ tư cách ngăn chặn, đã ngăn chặn (tức thuộc về biệt chúng). Khi làm các Yết-ma, bạch việc này, đem tác Yết-ma việc khác (tức thuộc về phi pháp).

Thế nào gọi là Yết-ma phi pháp hòa hiệp?

Người không đến, thì dữ dục; người đủ tư cách ngăn chặn, không ngăn chặn (tức thuộc về hòa hiệp). Khi làm các Yết-ma, bạch việc này, đem tác Yết-ma việc khác (tức thuộc về phi pháp).

Thế nào gọi là Yết-ma như pháp biệt chúng?

Người không đến, không dữ dục; người đủ tư cách ngăn chặn, đã ngăn chặn (tức thuộc về biệt chúng). Như pháp tác Yết-ma (tức thuộc về như pháp).

Thế nào gọi là Yết-ma pháp tương tợ biệt chúng?

Người không đến, không dữ dục; người ngăn chặn được, đã ngăn chặn (tức thuộc về biệt chúng). Khi làm các pháp Yết-ma, lại tác Yết-ma trước, rồi sau mới tác bạch (tức thuộc về pháp tương tợ).

Thế nào gọi là Yết-ma pháp tương tợ hòa hiệp?

Người không đến, thì dữ dục; người đủ quyền ngăn chặn, không ngăn chặn (tức thuộc về hòa hiệp). Trước tác Yết-ma sau tác bạch (tức thuộc về pháp tương tợ).

Những người nào ngăn chặn không thành ngăn chặn?

Vì Tỳ-kheo tác Yết-ma thì Tỳ-kheo-ni cho đến người nên diệt tẫn, hoặc người ở trên giới (戒) trường, Pháp kiết giới (界): Trước hết kiết giới (戒) trường sau đó mới kiết đại giới (界). Khi kiết đại giới cần phải trừ nội địa của giới (戒) trường. Bởi khi làm Tăng sự, có việc chỉ cần 4 người, có việc cần 5 người, có việc cần 10 người, có việc cần đến 20 người để giải quyết Tăng sự ấy. Mỗi trường hợp như vậy, số Tăng cần thiết thì ở trong giới (戒) trường để hành Tăng sự, chứ khỏi phiền phải tập trung cả đại chúng lại. Nay, người ở trên giới (戒) trường tức là ra ngoài đại giới (界) cho nên dù có ngăn chặn nhưng không thành ngăn chặn (bất thành ha). Người đang hành pháp biệt trụ (mình phạm thô tội, đang hành pháp phú tàng, không nên ngăn chặn Yết-ma của Tăng). Người dùng thần túc trụ trên không (cách đất 4 ngón tay tức thành ly giới 界). Người ẩn một (tức đồng với người không hiện tiền). Người ở chỗ không nghe không thấy (tiểu giới 小界) thì phải duỗi cánh tay đụng nhau, đại giới (大i界) cũng phải ở trong tầm nghe mà thấy. Người bị Tăng tác pháp Yết-ma (chỉ trừ thọ Cụ và thọ Tăng sai). Những người như vậy, ngăn chặn không thành ngăn chặn (ha bất thành ha).

Thế nào gọi là ngăn chặn thành ngăn chặn?

Hàng thiện Tỳ-kheo (không đồng với Tỳ-kheo-ni, cho đến người nên diệt tẫn), đồng ở trên một giới
(界) (đồng với ở trên giới '戒' trường, và không hành pháp biệt trụ). Không ở trong không, không ẩn một, không cách xa chỗ nghe thấy. Những hạng người như vậy thì ngăn chặn thành ngăn chặn (ha thành ha).

Căn bản mục-đắc-ca thuyết minh:

Có 12 hạng người không thuộc về loại được ngăn chặn, lời nói của họ không được lưu ý:

- Một là hạng người ngu, tức là người nghĩ điều ác, nói lời ác, làm việc ác.

- Hai là hạng người si, tức là người không trì Tô-đát-la (kinh), không trì Tỳ-nại-da (luật), không trì Ma-thất-lý-ca (luận).

- Ba là hạng người không phân minh, tức là người không thấu rõ giáo văn của ba Tạng.

- Bốn là hạng người không thiện xảo, tức là không rành giáo lý ba Tạng.

- Năm là hạng người vô tàm, tức là trong 4 tha thắng, phạm một giới.

- Sáu là hạng người có tỳ vết oán thù, tức là người mới làm việc đấu tranh hoặc là trước đó đã có sự oán hiềm.

- Bảy là hạng người ở ngoài giới (界).

- Tám là hạng người bị xả khí (tức là bị vất bỏ).

- Chín là hạng người nói không thứ tự, tức là người nói vọng, nói ly gián, nói thô ác, nói lời tạp loạn.

- Mười là hạng người xả oai nghi, tức là lìa chỗ đang ngồi.

- Mười một là hạng người mất bổn tánh, tức người làm điều không nên làm, đối với các học xứ không biết tu tập.

- Mười hai là hạng người thọ học.

Có 3 hạng người nên ngăn chặn:

- Một là hạng người trụ nơi bổn tánh.

- Hai là hạng người nói lời có thứ tự.

- Ba là hạng người không xả oai nghi.

Nếu người mất bổn tánh, sau trở lại trụ bổn tánh cũng được quyền ha (được ngăn chặn), cần phải lưu ý lời nói của họ.

Nếu đại chúng sai 12 hạng người nói trên, mà họ nói: "Đại đức không nên sai tôi", người nào nói như vậy, cần phải lưu ý.

Luật Tăng kỳ nói:

Tăng sự cần chúng 20 người tác Yết-ma mà dùng chúng 10 người thì không thành tựu, cần chúng 10 người mà dùng chúng 5 người, cần chúng 5 người mà dùng chúng 4 người, cần tác Bạch tam yết-ma, mà Bạch nhất, cần tác Bạch nhất yết-ma mà đơn bạch, đều không thành tựu.

Cần tác bạch, mà tác Bạch nhất yết-ma, cần Bạch nhất yết-ma mà tác Bạch tam yết-ma, cần chúng 4 người mà dùng chúng 5 người, cần chúng 5 người mà dùng chúng 10 người, cần chúng 10 người mà dùng chúng 20 người thì đều thành tựu.

Bộ Yết-ma của luật Đàm-vô-đức thuyết minh:

"Khi tác pháp các Yết-ma, trước hết nên bảo:

Người chưa thọ Cụ túc phải ra.

Tỳ-kheo không đến phải thuyết dục và thanh tịnh.

Tăng nay hòa hợp để làm gì?

Một vị (Duy-na) tùy theo sự việc mà trả lời, như Yết-ma để Bố-tát hay Yết-ma để Tự tứ...

Trường hợp Yết-ma để kiết giới, không có phép thọ dục (nhận sự vắng mặt).

Luật Thập tụng thuyết minh:

Tỳ-kheo không nên cùng với Ni Yết-ma, trừ thọ Cụ, Ma-na-đỏa, xuất tội. Các Ni không được tác Yết-ma đối với Tỳ-kheo, trừ Yết-ma không lễ bái, không cùng nói, không cúng dường.

---o0o---

II. VẤN ĐỀ KIẾT GIỚI

Tất cả Tăng sự như pháp đều do thực hành trong cương giới được Tăng ấn định mà thành tựu, cho nên trước hết phải thuyết minh.

Hỏi: Thời nay, nơi nhà tụng luật, hoặc không được kiết giới hoặc chỉ dùng pháp kiết giới trong đại bi sám, thử xét những Tăng sự đó có thành tựu hay không?

Đáp: Nếu không kiết giới thì khi hành Tăng sự,
trong Thiệm-bộ một Thanh văn đệ tử của Như Lai không đến tham dự tức thành biệt chúng, tất cả các pháp đều không thành tựu. Đây là việc làm chính yếu của Tăng đâu có thể thiếu sót được. Vấn đề lễ sám trì chú kiết đàn, thuộc về pháp dụng của Mật tông, dứt khoát không nên nhầm lẫn.

Vấn đề kiết giới tóm lược có 5:

1. Kiết giới (戒) trường.

2. Kiết đại giới (界).

3. Kiết giới không mất y.

4. Kiết giới tịnh trù.

5. Phương tiện kiết tiểu giới.

---o0o---

1. Kiết giới trường

Phần thứ hai1 thuyết minh:

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo có việc cần Yết-ma với chúng 4 người, chúng 5 người, chúng 10 người, chúng 20 người, mà phải tập hợp cả đại chúng nhọc nhằn, đức Phật dạy cho phép kiết giới (戒) trường để Yết-ma.

Phương thức kiết giới trường:

Trước hết công bố ranh giới được quy định của 4 phương giới trường. Hoặc dùng trụ cột, hoặc dùng đá, hoặc dùng bờ đê làm giới hạn...

Bạch nhị yết-ma để kiết. (Trước hết hỏi: Tăng hợp chưa? – Hòa hợp không? – Người chưa thọ Cụ túc giới ra chưa?

- Tăng nay hòa hợp để làm gì? Một người 'Duy-na' trả lời các câu hỏi. Câu cuối cùng trả lời là: Kiết giới Yết-ma. Như vậy rồi, mới thực hiện pháp tác bạch):

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe: Tỳ-kheo nơi trú xứ này vừa công bố tướng bốn phương của tiểu giới (小界). Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sử dụng bên trong tướng bốn phương của tiểu giới này kết làm giới trường. Đây là lời tác bạch".

Vị Yết-ma hỏi để chung quyết:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe: Tỳ-kheo nơi trú xứ này vừa công bố tướng tứ phương của tiểu giới. Tăng nay sử dụng bên trong bốn phương của tiểu giới này, kiết làm giới trường. Trưởng lão nào đồng ý Tăng nay sử dụng bên trong tướng bốn phương của tiểu giới này, kiết làm giới trường thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói. Tăng đã đồng ý sử dụng bên trong tướng bốn phương của tiểu giới này, kiết làm giới trường rồi, nên im lặng. Việc ấy, tôi ghi nhận như vậy."

Trường hợp các Tỳ-kheo muốn thu hẹp hay nới rộng cương giới, đức Phật dạy: "Muốn vậy, trước hết phải giải giới cũ, mới kiết lại giới mới theo ý muốn. Kiết giới hay giải giới đều phải Bạch nhị yết-ma để tác pháp."

---o0o---

2) Kiết đại giới

Theo luật Ngũ phần thuyết minh:

Kiết giới trường trước, kiết giới Tăng phường sau. Khi kiết giới Tăng phường xướng bốn phương giới tướng, trừ nội địa.

Luật nhiếp thì thuyết minh:

Khi kiết thì kiết tiểu giới trước, khi giải thì giải tiểu giới sau.

Ngài Tuyên Công (Đạo Tuyên) cũng áp dụng thuyết này. Ngài Hoài Tố tuy liệt kê đại giới trước mà nghiên cứu về chú văn thì ngài cũng dùng ý đây. Nay nên y cứ theo đó mà kiết.

Phần thứ hai thuyết minh:

Trước hết trải tòa, đánh kiền chùy, tập họp tất cả Tăng lại một chỗ, không cho phép thọ dục. Trong đó, hoặc là vị Tỳ-kheo cựu trú, hoặc là vị biết rõ giới tướng, xướng tướng bốn phương của đại giới. Ví như phương Đông lấy núi làm mốc giouùi, lấy thành làm mốc giới... các phương kia cũng xướng như vậy. Xướng rồi, vị nào coù khả năng Yết-ma tác pháp:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe: Tỳ-kheo cựu trú nơi trú xứ này vừa công bố tướng bốn phương của đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, sử dụng bên trong tướng bốn phương của cương giới này, trừ địa phận của giới trường, kiết làm đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Đây là lời tác bạch."

Vị Yết-ma hỏi để chung quyết:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo cựu trú nơi trú xứ này vừa công bố tướng bốn phương của đại giới. Nay Tăng sử dụng bên trong tướng bốn phương của cương giới này, trừ địa phận của giới trường, kiết làm đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Trưởng lão nào đồng ý nay Tăng sử dụng bên trong tướng bốn phương của cương giới này, trừ địa phận của giới trường, kiết làm đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói. Tăng đã đồng ý sử dụng bên trong tướng bốn phương của cương giới này, trừ địa phận của giới trường, kiết làm đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới rồi, nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy".

Không nên hai giới tiếp giáp nhau, nên làm tiêu tướng để biết. Không nên hai giới chồng lên nhau, phải có khoảng cách ở giữa hai giới (giới trường và đại giới).

Trường hợp hai trú xứ lợi dưỡng khác nhau, thuyết giới khác nhau, nay muốn chung lại cùng lợi dưỡng cùng thuyết giới thì hai bên giải giới cũ rồi cùng kiết lại giới mới.

Nếu muốn thuyết giới riêng mà lợi dưỡng chung, vì bảo vệ trú xứ, thì cũng như vậy.

Nếu muốn đồng thuyết giới, riêng lợi dưỡng cũng như vậy.

Trường hợp hai trú xứ, đồng thuyết giới, đồng lợi dưỡng, muốn thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng cũng như vậy.

Không được hai trú xứ cách nhau quá xa mà cùng một thuyết giới, cùng một lợi dưỡng.

Luật Ngũ phần thuyết minh:

Không nên cùng ở, cùng được lợi dưỡng mà Bố-tát riêng, kiết giới riêng. Nếu vi phạm, mắc tội Thâu-lan-giá. (Theo luật Tứ phần thì - vì bảo vệ trú xứ nên cho phép. Bởi lẽ dù thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, nhưng có sự chia bùi xẻ ngọt cho nhau; nên hợp chung lại hay chia riêng đều như nhau. Do vấn đề đi lại, hoặc có hoạn nạn thì thuyết giới vẫn như cũ. Ở đây, nói rằng không cho là vì đồng ở với nhau mà Bố-tát riêng, đó chính là hiện tượng phá Tăng vậy).

Luật nhiếp thuyết minh:

Sông hay suối có cầu đò thì được kiết giới thông qua. Trường hợp cầu đò bị hư hỏng, có ý sửa chữa lại thì được trải qua bảy đêm, đến đêm thứ tám thì cương giới bị mất. Nếu không có ý sửa sang laïi thì khi hư liền mất giới.

Căn bản ni-đà-na thuyết minh:

Đại giới có thể kiết trong hai du-thiện-na rưỡi, quá tức là phi giới (một du-thiện-na bằng 30 dặm, hai du-thiện-na rưỡi tức là 75 dặm) Tỳ-kheo khách đến một trú xứ khác không có người, trải qua bảy, tám ngày mà vẫn không có ai đến, nên phải cùng nhau kiết giới.

Luật Thập tụng nói:

Nếu không xả giới cũ trước thì không được kiết giới mới.

3) Kiết giới không mất y

Phần thứ hai2 thuyết minh:

Lúc bấy giờ có một Tỳ-kheo tu hạnh nhàm chán, thấy nơi A-lan-nhã có một cái hang đuùng theo lý tưởng, nghĩ rằng: Nếu được phép lìa y mà ngủ thì ta liền ở nơi hang này để tu.

Đức Phật dạy: "Nên kiết giới không mất y, bằng pháp Bạch nhị yết-ma."

Khi ấy, các Tỳ-kheo cởi y để trong nhà thế tục, khi thay y lộ hình. Phật dạy: "Trừ xóm làng và ranh giới ngoài xóm làng".

(Đại giới của Tăng-già bao trùm đến 70 dặm, trong đó dĩ nhiên có xóm làng của người thế tục. Xóm làng không nhất định, hoặc trước không sau có, hoặc nay có sau lại không, cho nên chỉ nói: Trừ thôn xóm và ranh giới của thôn xóm, ngoài ra thuộc về giới không mất y.)

Tác pháp Yết-ma bạch như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trừ xóm làng và ranh giới của xóm làng, kiết làm giới không mất y. Đây là lời tác bạch."

Vị Yết-ma hỏi để biểu quyết:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, trừ xóm làng và ranh giới của xóm làng, kiết làm giới không mất y. Trưởng lão nào đồng ý Tăng sử dụng trụ xứ này, trừ xóm làng và ranh giới của xóm làng, kiết làm giới không mất y thì im lặng. Ai không đồng ý thì xin nói. Tăng đã đồng ý sử dụng trụ xứ này, trừ xóm làng và ranh giới của xóm làng, kiết làm giới không mất y, nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy."

Giải giới không mất y trước, rồi sau giải đại giới.

Không được cách dòng nước chảy mạnh mà kiết giới không mất y, trừ có cầu qua lại.

Luật Thập tụng thuyết minh:

Nếu xả đại giới thì giới không mất y tự nó xả. Nếu xả giới không mất y thì đại giới còn nguyên.

---o0o---

4) Kiết giới tịnh trù

Cũng gọi là tịnh địa. Bởi vì nếp sống của Tỳ-kheo không được phép ăn đồ ăn cách đêm, hay ngủ chung với thức ăn. Nếu trong phạm vi phòng của Tăng có để thức ăn thì gọi là túc thực, tức là ngủ với thức ăn; Tỳ-kheo ăn thức ăn ấy thì gọi là bất tịnh thực. Nay kiết giới tịnh địa để tránh khỏi hai tội nói trên.

Phần thứ ba3 thuyết minh:

Cho phép trong phạm vi của Già-lam kiết làm tịnh địa. Quy định phòng nào hay nơi ôn thất4... dùng làm tịnh địa, rồi bạch nhị Yết-ma để kiết.

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay chấp thuận sử dụng địa điểm... kiết làm tịnh địa. Đây là lời tác bạch".

Vị Yết-ma hỏi để biểu quyết:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng nay sử dụng địa điểm... kiết làm tịnh địa. Trưởng lão nào đồng ý Tăng sử dụng địa điểm... kiết làm tịnh địa thì im lặng. Ai không đồng ý thì xin nói – Tăng đã đồng ý sử dụng địa điểm... kiết làm tịnh địa rồi, nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy".

Có 4 loại tịnh địa:

a) Đàn-việt hay người chức sự phụ trách, khi làm Tăng phòng, tức là cất chùa hay cất tịnh xá... minh định như sau: "Chỗ này làm tịnh địa cho Tăng".

b) Trường hợp có người vì Tăng xây cất chùa nhưng chưa dâng cúng cho Tăng.

c) Trường hợp nơi địa điểm đó, phân nửa có rào ngăn hay phaàn nhiều không có rào ngăn: Tường, vách, mương, rãnh cũng như vậy.

d) Tăng Bạch nhị yết-ma để kiết.

Phòng của Tỳ-kheo cho đến nơi miếu thờ thần đều có thể kiết làm tịnh địa. Không nên dùng căn phòng tốt kiết làm tịnh địa mà nên sử dụng căn phòng xấu nhất để kiết làm tịnh địa.

---o0o---

5) Phương tiện kiết tiểu giới

Phần thứ hai5 thuyết minh:

Trường hợp gặp ngày Bố-tát mà đang đi giữa đồng vắng; chư Tăng hòa hợp thì tập trung lại một chỗ để thuyết giới. Nếu không được hòa hợp thì những vị cùng hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) hay thiện hữu trí thức, dừng chân bên lề đường, tập trung lại một chỗ kiết tiểu giới để thuyết giới. Bạch nhị yeát-ma để kiết như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nay có... Tỳ-kheo tập hợp, đối với Tăng, Tăng chấp thuận kiết tiểu giới. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nay có... Tỳ-kheo tập hợp, kiết tiểu giới. Trưởng lão nào đồng ý Tăng kiết tiểu giới thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý, phạm vi ngang bằng với số... vị Tỳ-kheo tập hợp này kiết làm tiểu giới rồi, nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy."

(Bao nhiêu Tỳ-kheo cần nói rõ số lượng. Tất cả đều phải ngồi, vị này đưa tay ra vừa đụng vị kia là đúng luật).

Thuyết giới rồi, nên xả giới mới đi. Tự tứ cũng vậy.

Trường hợp có người muốn thọ giới mà trong khi người không đồng ý chưa ra ngoài giới, thì số người đồng ý nên gấp ra ngoài giới, tập họp lại một chỗ, kiết tiểu giới để truyền trao giới cho giới tử ấy. Trao giới xong nên giải giới liền.

(Phương pháp giải cùng với phương pháp kiết như nhau, chỉ mỗi chữ "kiết 結" thành chữ "giải 解" mà thôi).

---o0o---

III. VẤN ĐỀ THỌ GIỚI

Luận rằng: Giới Tỳ-kheo là quy củ rộng rãi của nếp sống người xuất thế; ngôi Tăng bảo được kiến lập từ đây. Quan trọng ở chỗ sau khi thọ giới phải nghiêm túc hành trì, chứ không phải chỉ "làm gọi là" trong khi đăng đàn thọ giới mà thôi.

Vấn đề thiết yếu trong đàn giới là tác pháp Yết-ma. Bậc thầy kiệt xuất đời sau đem vấn đề khai đạo xếp vào nghi thức của giới đàn là một điều nhầm lẫn; văn tự dài dòng, kéo dài thì giờ sanh phiền phức và mỏi mệt.

Do văn tự dài dòng mỏi mệt nên xếp cho giới tử đồng loạt thọ giới. Văn tự dài là trái với quy củ của Phật, thọ giới đồng loạt trở thành phi pháp, nên giới tử không đắc giới. Hơn nữa, khi thọ giới in tuồng ân cần, nhưng thọ rồi lại buông trôi; thật là điên đảo sai lầm!

Nay dựa vào luật Tứ phần, nêu lên những điều Phật chế để tiện việc tuân hành.

Đối với Hòa thượng và Giới sư phải như thế nào?

Tùy theo thời gian cần, và thích hợp. Nếu nạn duyên thì cho phép nhiều lắm là 3 người mỗi lần thọ, chứ tuyệt đối không được nhiều hơn.

Để khỏi trở thành phi pháp, lược thuyết minh bốn vấn đề:

a) Phương pháp xuất gia thọ 10 giới.

b) Phương pháp thỉnh Hòa thượng và cật vấn trọng nạn đối với giới tử.

c) Phương pháp đăng đàn thọ Cụ.

d) Phương pháp đắc giới và không đắc giới.

A. Nói rõ về phương pháp xuất gia và thọ 10 giới

Không được độ người ngoại đạo phá hoại Chánh pháp.

Căn bản bách nhất yết-ma thuyết minh:

Người ngoại đạo xin xuất gia, cho họ Tam quy và Ngũ giới. Rồi hướng dẫn họ đối diện trước Tăng cầu xin bốn tháng sống chung. Văn xin như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Con tên là... là người ngoại đạo, xin Tăng cho con bốn tháng sống chung. Cúi xin Tăng thương xót cho con được sống chung bốn tháng". (Thưa xin 3 lần).

Chư Tăng bảo họ đứng chỗ mắt thấy tai không nghe. Thảo bàn xong, Bạch tứ yết-ma cho phép họ bốn tháng sống chung. Thời gian bốn tháng đó, bằng mọi cách thử thách, tư tưởng họ như thế nào, để sau bốn tháng quyết định cho hay không cho họ xuất gia.

Đối với đạo "Búi tóc" và "Thờ lửa" khỏi phải bốn tháng sống thử thách đó.

Không được độ đày tớ của người.

Không được độ bọn người làm giặc.

Luật Ngũ phần nói:

Người làm giặc mà nhàm chán nghiệp ác, cầu xin xuất gia, thì đem họ đến địa phương không ai biết họ, cho họ xuất gia thọ Cụ.

Không được độ người mắc nợ.

Luật Thiện kiến nói:

Có người vì họ trả số nợ đó thì được độ họ xuất gia.

Không được độ người có 5 chứng bệnh như sau: bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh hủi trắng, bệnh càn tiêu6, bệnh điên cuồng (bệnh nan y).

- Không được độ người mà cha mẹ họ không

đồng ý.

Luật Thiện kiến nói:

Có các địa phương, quốc độ, độ người xuất gia khỏi phải hỏi cha mẹ họ.

Không được độ người tại chức của nhà quan.

Họ hết ăn lương rồi thì được độ. Hoặc họ xin phép vua mà vua đồng ý thì được độ.

Người phạm tịnh hạnh Tỳ-kheo-ni, vào đạo với tâm giặc, huỳnh môn, súc sanh, người phạm tội ngũ nghịch... chưa xuất gia thì không được độ cho xuất gia, xuất gia rồi thì phải diệt tẫn.

Vấn đề phạm tịnh hạnh Tỳ-kheo-ni, luật Thiện kiến thuyết minh: Phạm tịnh hạnh với Tỳ-kheo-ni, người phạm lần đầu khiến ni mất trinh thì người đó không được xuất gia, người phạm lần thứ hai đối với người ni đó thì không trở ngại đối với việc xuất gia.

Vấn đề vào đạo với tâm giặc, luật Tăng kỳ thuyết minh: Nếu người tự nguyện xuất gia mà chưa từng dự lễ Bố-tát, Tự tứ, rồi hoàn tục, sau đó tâm tốt phát sanh xin xuất gia lại thì được độ xuất gia thọ giới Cụ túc. Nếu người ấy đã từng dự lễ Bố-tát, Tự tứ tức gọi là đạo trụ (sống để trộm pháp), không cho phép xuất gia. Nếu con của vua hay con của đại thần tự nạn tự mặc áo cà-sa cũng vậy.

Nếu muốn cạo đầu để độ xuất gia trong phạm vi Tăng-già-lam thì phải thưa với tất cả Tăng được biết. Nếu không tập họp được thì dẫn đương sự đến từng phòng để thưa cho biết rồi mới cạo đầu. Trường hợp tập họp được thì tác bạch rồi sau mới cạo đầu. Văn tác bạch như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là... muốn cầu tôi tên là... cạo tóc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người này tên là... cạo tóc. Đây là lời cáo tri.

Luật Tăng kỳ thuyết minh: Không cho phép, không bạch Tăng mà độ người xuất gia, bạch việc cạo đầu mà không bạch việc xuất gia phạm tội Việt tỳ-ni. Cả hai đều khoâng bạch, phạm hai tội Việt tỳ-ni. Nếu độ ngoài cương giới thì không phạm.

Vị A-xà-lê nên tác bạch:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là... cầu Tỳ-kheo tên là... xuất gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người này tên là... xuất gia. Đây là lời tác bạch.

(Nếu không đủ bốn Tỳ-kheo trở lên thì không nên tác bạch).

Xuất gia có nghĩa là thọ 10 giới. Nếu không thọ 10 giới, chỉ cạo đầu, không được gọi là xuất gia. Thọ 10 giới rồi gọi là pháp đồng Sa-di vậy.

Bạch rồi, bảo họ mặc áo hoại sắc, trống vai mặt, quỳ gối chắp tay thưa rằng:

“Con tên là... quay về nương với Phật, quay về nương với Pháp, quay về nương với Tăng. Theo đức Như Lai xuất gia. Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc chí nhơn, Đẳng chánh giác, là đấng Thế Tôn của con. (nói 3 lần).

“Con tên là... quay về nương với Phật, quay về nương với Pháp, quay về nương với Tăng. Theo Đức Như Lai xuất gia rồi. Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Như Lai bậc chí chơn, Đẳng chánh giác, là đấng Thế Tôn của con”. (nói 3 lần)

“Như chư Phật, trọn đời không sát sanh, con tên là... cũng trọn đời không sát sanh.”

“Như chư Phật, trọn đời không trộm cắp, con tên là... cũng trọn đời không trộm cắp.”

“Như chư Phật, trọn đời không dâm dục, con tên là... cũng trọn đời không dâm dục”.

“Như chư Phật, trọn đời không nói dối, con tên là... cũng trọn đời không nói dối”.

“Như chư Phật, trọn đời không uống rượu, con tên là... cũng trọn đời không uống rượu”.

“Như chư Phật, trọn đời không đeo tràng hoa thơm, không thoa đồ thơm vào mình, con tên là... cũng trọn đời không đeo tràng hoa thơm, không thoa đồ thơm vào mình.”

“Như chư Phật, trọn đời không ca múa xướng hát, khoâng đến xem nghe, con tên là... cũng trọn đời không ca múa xướng hát, không đến xem nghe”.

“Như chư Phật, trọn đời không ngồi giường cao rộng lớn, con tên là... cũng trọn đời không ngồi giường cao rộng lớn”.

“Như chư Phật, trọn đời khoâng ăn phi thời, con tên là... cũng trọn đời không ăn phi thời”.

“Như chư Phật, trọn đời không cầm nắm sanh tượng vàng bạc, vật báu, con tên là... cũng trọn đời không cầm nắm sanh tượng7, vàng bạc, vật báu”.

Ba pháp Quy y và Mười giới trên đều do Thầy A-xà-lê hướng dẫn nói. Kế tiếp ngài A-xà-lê dạy:

“Ông nay đã thọ 10 giới Sa-di rồi, nên trọn đời vâng giữ đừng để trái phạm. Nên cúng dường Tam Bảo. Tất cả những điều như pháp Hòa thượng và A-xà-lê dạy bảo không được trái nghịch. Tâm thường cung kính bậc thượng, trung, hạ tọa. Siêng năng cầu học tọa thiền, tụng kinh. Yểm trợ việc làm phước. Đóng cửa ba đường dữ, mỡ ngỏ Niết-bàn. Đối với các pháp của Tỳ-kheo nên tăng trưởng Chánh nghiệp để đạt đến bốn đạo quả”.

(Thọ giới Sa-di phải đủ 2 thầy ‘Hòa thượng và A-xà-lê’. Như ngài Xá-lợi-phất làm Hòa thượng, ngài Mục-kiền-liên làm Xà-lê truyền giới trong giới đàn La-hầu-la thọ giới Sa-di vậy. La-hầu-la còn thế, các trường hợp khác nên biết).

Hỏi: Dựa vào pháp Sa-di thập giới thì trước hết thọ Tam quy, Ngũ giới rồi thuyết 10 giới xuất gia, là quy củ chánh yếu của Phật. Giả như có kẻ bạch y, muốn cầu xuất gia, không thọ 5 giới, vội thọ 10 giới, như vậy có đúng pháp không?

Đáp: Nếu đã thọ 5 giới thì nên cho cạo đầu rồi thọ 10 giới. Nếu chưa thọ 5 giới thì trước hết cho thọ 5 giới rồi cạo tóc, thuyết 10 giới. Trường hợp không thọ 5 giới, vội nói 10 giới đồng như không thọ 10 giới mà thọ Cụ túc

giới thì người này tuy đắc giới, nhưng hai thầy Hòa thượng và Xà-lê mắc tội vậy.

Phần thứ hai8 thuyết minh:

Phòng xá, ngọa cụ phân phối cho Sa-di, theo thứ tự sau Tỳ-kheo hạ tọa. Không được khiến Sa-di ngồi nằm trên giường dây. Nếu họ có thể giữ gìn không nhơ nhớp thì cho họ nằm ngồi.

Phần thứ tư9 thuyết minh:

Sa-di nên lấy tuổi đời làm thứ tự. Nếu tuổi đời bằng nhau thì lấy tuổi đạo tức tuổi xuất gia làm thứ tự.

Luật Tăng kỳ thuyết minh:

Sa-di nhỏ nhất là 7 tuổi. Nếu 7 tuổi mà không biết tốt xấu đều không nên cho xuất gia. Già nhất là quá 70 tuổi mà có thể làm được công việc. Nếu dưới 70 tuổi mà không làm được việc gì, nằm ngồi phải nhờ người, đều không nên cho xuất gia. Nếu tuổi 70 mà mạnh khoẻ, có thể tu tập và làm các việc thì nên cho xuất gia. Khi xuất gia nên cạo râu trước rồi cạo tóc sau.

Đối với người cầu xuất gia không nên nói xuất gia sướng, nên nói xuất gia khổ. Từ việc ăn đến việc ngủ đều thiếu thốn. Thức nhiều, ông có chịu được không? Nếu họ nói được, thì cho cạo tóc.

Từ 7 tuổi đến 13 tuổi gọi là Khu ô Sa-di.

Từ 14 tuổi đến 19 tuổi gọi là Ứng pháp Sa-di.

Từ 20 tuổi đến 70 tuổi gọi là Danh tự Sa-di.

Vật thực và y phục phi thời thì cung cấp như nhau. Y an cư thì cho nhận 1/2 hay 1/3 so với Tỳ-kheo.

Căn bản ni-đà-na thuyết minh:

Mới 6 tuổi tuy có thể đuổi quạ được cũng không cho xuất gia. Dù 7 tuổi mà không thể đuổi quạ được thì cũng không cho xuất gia.

Hỏi: Kinh Xuất gia công đức nói: "Trong cõi Diêm-phù-đề, nếu có người xuất gia trì giới, một ngày
một đêm cho đến giây lát thanh tịnh thì lợi ích không xiết kể. Nếu ai gây trở ngại ngăn chặn việc xuất gia ấy, tức là cướp đoạt vô lượng thiện tài, phải nhận lấy ác quả". Nay luật Tăng kỳ lại nói: "Đối với người cầu xin xuất gia, không nên nói xuất gia sướng, nên nói xuất gia khổ v.v..." như vậy có phải là cản trở ngaên chặn việc xuất gia không?

Đáp: Đối với người tín tâm xuất gia thì không trở ngại. Kẻ tà tâm nhập đạo, cần phải gạn lọc. Đối với người thiện tâm mà trở ngại thì làm cho họ thối mất thiện căn, mà nếu không gạn lọc thì sẽ làm cho Phật pháp bị bại hoại. Hơn nữa, trong kinh chỉ khuyên thân hữu quyến thuộc không nên cản trở họ; trong luật lại dạy Hòa thượng và A-xà-lê không được nhiếp thọ một cách bừa bãi.

Luật Thiện kiến nói rõ:

Sa-di phạm phải 10 điều ác sau đây cần phải diệt tẫn: Sát, đạo, dâm, khi (lừa dối), uống rượu, huỷ báng Phật, Pháp, Tăng, tà kiến, ố ni. Chín điều trước cải quá không làm lại còn có thể cho thọ Cụ. Điều chót nhất quyết không thể được.

Dựa vào luận Tát-bà-đa thì người nào phạm trọng giới trong 5 giới hay 8 giới còn không thể thẳng tiến trên vấn đề tu hành được, huống chi là Sa-di. Nay nói rằng "có thể cho thọ Cụ" là đặt nặng ở chỗ sám hối, không làm lại. Cũng như Tỳ-kheo, tuyệt nhiên không che giấu, sau khi phạm giới, được cho học giới vậy. Trong chức năng Hòa thượng, đặc biệt giữ kín điều này, đừng để cho Sa-di trộm biết vậy.

Hỏi: Khi chính thức thọ giới tại sao Hòa thượng lại không thuyết giới? Đoạn sau lại nói: Hòa thượng không có mặt cũng đắc giới. Giả như vị A-xà-lê không có mặt, Hòa thượng có thể thay thế truyền trao được không?

Đáp: Thọ giới tuy nương nơi Hòa thượng nhưng thực hiện bạch Yết-ma ắt phải nương vị A-xà-lê. Điểm chính yếu trong giới pháp xuất gia, quan hệ nơi Tăng luân, chứ không cho phép truyền thọ một cách riêng tư vậy. Nếu hứa khả cho vị Hòa thượng tự nói thì vị Yết-ma trở thành vô quyền. Như thế ắt có cái lỗi lộn xộn trong vấn đề độ người xuất gia.

---o0o---

B. Thuyết minh pháp thỉnh hoà thượng và vấn trọng nạn

Kiền-độ thọ giới10 nói rằng:

Lúc bấy giờ có những người xuất gia học đạo, không được dạy dỗ, đánh mất oai nghi, mặt y không ngay ngắn, khất thực không như pháp, khắp nơi thọ đồ ăn bất tịnh. Hoặc nhận bát bất tịnh ăn, trong bữa ăn kêu nói ồn ào như Bà-la-môn nhóm họp. Có Tỳ-kheo bệnh, không người chăm sóc cho đến mạng chung, các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy: "Từ nay cho phép có Hòa thượng. Hòa thượng đối với đệ tử có ý niệm như con thơ. Đệ tử thờ Hòa thượng với ý niệm như thờ cha; cùng nhau kính nể, cùng nhau săn sóc. Có vậy Chánh pháp mới được lâu bền, điều lợi ích thêm rộng lớn."

Nghi lễ thỉnh Hòa thượng: Đắp y trống vai mặt, quỳ gối, chắp tay, tác bạch:

"Con tên là... nay thỉnh Đại đức làm Hòa thượng. Xin Đại đức vì con làm Hòa thượng. Con nương nơi Đại đức được thọ giới Cụ túc". (thưa 3 lần)

Hòa thượng nên trả lời:

"Chấp thuận (khả dĩ)!" Hoặc nói: "Tôi sẽ dạy bảo ông!" Hoặc nói: "Thanh tịnh chớ buông lung!"

Khi mới cạo tóc xuất gia, cũng nên thỉnh Hòa thượng như vậy. Chỉ đổi lời: "Con nương nơi Đại đức để được xuất gia thọ giới".

Nếu vị Hòa thượng khi thọ 10 giới còn sống, thì không nên thỉnh Hòa thượng khác.

Nếu thọ giới Cụ túc mà vị Hòa thượng tuyền 10 giới hoặc đi xa, hoặc mạng chung, hoặc xả giới, hoặc bị diệt tẫn, không còn để nương tựa nữa thì phải chọn lựa một đại Tỳ-kheo để thỉnh làm Hòa thượng cho mình.

Luật định: phải hỏi 13 nạn sự, trước khi Bạch tứ yết-ma truyền trao giới Cụ túc (phải giải thích cho giới tử hiểu rõ từng vấn đề một, trước khi họ trả lời).

13 nạn sự:

1) OÂng có phạm biên tội không? (biên tội là cái tội bị loại qua một bên). Ngoài từng thọ Phật giới, phạm tứ trọng cấm, bị loại ra ngoài biển của Phật

pháp. (Nếu phá trọng giới trong 10 giới, 8 giới hay 5 giới, thành tâm sám hối, có thể tha thứ, chứ phá trọng giới trong Cụ túc giới (dành cho vị tu xuất muốn tu lại thì vĩnh viễn không cho phép thọ cụ vậy).

2) Ông có phá phạm hạnh của người không? (chính mình chưa thọ giới của Phật mà phá tịnh hạnh của người đệ tử Phật trì giới thì gọi là phá phạm hạnh. Trường hợp nếu phá phạm hạnh của 5 chúng thì cho phép sám hối. Nhưng nếu phá hoại phạm hạnh của Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni thì không thể sám hối được).

3) Ông có phải là người vào đạo với tâm làm giặc không? (khi làm cư sĩ hay Sa-di lén nghe Yết-ma thuyết giới, đồng dự vào Tăng sự thì gọi là vào đạo với tâm làm giặc 'người ăn cắp Chánh pháp').

(Luật Tăng kỳ nói: Nếu lén nghe mà không hiểu rõ đầu đuôi thì được thọ Cụ túc).

4) Ông có phá nội ngoại đạo không? (tức chỉ cho người từ ngoại đạo vào xin thọ Cụ túc giới, rồi trở lại ngoại đạo, nay xin thọ Cụ túc giới lại. Kẻ ấy tức là kẻ phá nội ngoại đạo).

5) Ông có phải là huỳnh môn không? (tức là hạng người không phải đàn ông, cũng không phải đàn bà).

6) Ông không phải là kẻ giết cha chứ? (Trường hợp giết cha ghẻ, cha nuôi còn có thể cho sám hối, chứ giết cha đẻ của mình thì không dung cho sám hối được).

7) Ông không phải là người giết mẹ chứ? (Như trường hợp đối với cha nói trên, giết mẹ đẻ không cho sám hối).

8) Ông không phải là người giết A-la-hán chứ? (Nếu giết người chứng ba quả dưới còn có thể cho sám hối, chứ giết người vô học chứng quả thứ tư thì không cho sám hối vậy).

9) Ông không phải là người phá Tăng chứ? (Nếu phá Pháp luân Tăng vai chủ vai phụ và phá Yết-ma Tăng vai chủ, hoàn tục rồi trở lại thì không cho thọ Cụ. Nếu phá Yết-ma Tăng vai phụ, rồi trở lại thì cho thọ Cụ được).

10) Ông không phải là kẻ ác tâm làm thân Phật ra máu chứ? (Nạn này sau khi Phật diệt độ, y theo văn cũ mà nói. Nay ta có thể hỏi: Ông không phải là kẻ ác tâm huũy báng hình tượng Phật chứ? Nếu có cũng thành trọng nạn).

11) Ông khoâng phải là kẻ phi nhơn chứ? (Trường hợp Trời, Tu-la, quỷ thần, biến làm hình người cầu thọ Cụ túc giới thì không đắc giới).

12) Ông không phaûi là súc sanh chứ? (Trường hợp rồng v.v... biến làm hình người cầu thọ Cụ túc giới, cũng không đắc giới).

13) Ông không phaûi là người có hai hình chứ? (Chỉ cho người một thân mà đủ cả hai căn nam và nữ).

C. Phương pháp đăng Đàn thọ cụ

Phần thứ hai11 nói rõ:

Có 3 hạng người không được thọ Cụ:

1) Hạng người không chịu xưng tên mình.

2) Hạng người không xưng tên Hòa thượng.

3) Hạng người không chịu cầu xin giới.

Khi thọ giới Cụ túc không mặc áo của cư sĩ, áo của ngoại đạo và trang sức những đồ trang nghiêm thân.

Không được cho người say ngủ, say rượu, điên cuồng, loã hình, sân nhuế thọ giới Cụ túc.

Không được cưỡng bức người ta thọ giới Cụ túc.

Không được trao giới Cụ túc cho người: tứ chi, sáu căn không đủ, hình tướng xấu xí, nhiều bệnh hoạn, làm nhơ nhớp chúng Tăng, những người như thế đều không được thọ Cụ.

Thầy và đệ tử phải là người hợp pháp (mãn số hay túc số). Ở trong không trung, không hiện hình, ở ngoài tầm nghe thấy, ở ngoài cương giới, đều không gọi là thọ Cụ.

Trường hợp không thọ giới Sa-di trước mà thọ giới Cụ túc thì đương sự đắc giới nhưng chúng Tăng phạm tội.

Sau khi vị Hòa thượng xét biết ông Sa-di không có 13 nạn sự rồi thì chuẩn bị y, bát, chọn thỉnh hai thầy Yết-ma và Giáo thọ với các Tôn chứng, nhiên hậu mới đăng đàn.

Hướng dẫn người cầu thọ giới đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Vị Yết-ma phải tác bạch sai vị Giáo thoï. Văn tác bạch:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Sa-di pháp danh là... theo Hòa thượng hiệu là... cầu thọ giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận Tỳ-kheo hiệu là... làm thầy Giáo thọ. Đây là lời tác bạch".

Thầy Giáo thọ được sai, đến chỗ người cầu thọ Cụ túc giới nói: "Đây là y An-đà-hội, Uaát-đa-la-tăng, Tăng-già-lê, và đây là bát-đa-la12, ông có đủ không?"

Vị cầu thọ giới thưa: "Dạ, có đủ".

Vị Giáo thọ tiếp tục nói: "Thiện nam tử lắng nghe! Bây giờ là lúc chí thành, lúc cần nói thật. Nay tôi sẽ hỏi ông; ông tùy theo câu hỏi của tôi mà đáp. Nếu không thì cứ nói là không. Neáu có thì cứ nói là có:

- Ông tên gì?

- Con pháp danh là...

- Hòa thượng ông là ai ?

- ...

- Tuổi ông đủ 20 chưa?

- ...

- Y, bát đủ không?

- ...

- Cha mẹ ông có cho phép không?

- ...

(Nếu cha mẹ qua đời cũng nói rõ).

- Ông có thiếu nợ ai không ?

- ...

- Ông có phải là đầy tớ không?

- ...

(Nếu là đầy tớ mà chủ cho phép cũng nói rõ).

- Ông có phải là người tại chức không ?

- ...

(Còn tại chức được cấp trên đồng ý cũng nói rõ).

- Ông có phải là bậc trượng phu không?

- ...

(Trượng phu có nghĩa là người nam tử).

- Trượng phu có những bệnh nan y không?

- ...

(Kể rõ 5 thứ bệnh nan y).”

Ngài Giáo thọ nói tiếp: “Như tôi vừa hỏi ông. Lát nữa, giữa Tăng cũng sẽ hỏi như vậy. Ông trả lời với tôi như thế nào, giữa Tăng ông cũng trả lời như vậy.”

Vị Giáo thọ nói như vậy rồi, trở lại vào giữa Tăng, oai nghi như thường lệ, đứng nơi vị trí vói tay đến Tăng, tác bạch như thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Sa-di pháp danh là... theo Hòa thượng hiệu là... cầu thọ giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi đã hỏi nạn sự xong. Xin phép cho Sa-di vào. Đây là lời tác bạch".

Bạch xong, quay ra, ra hiệu cho người cầu thọ giới vào giữa Tăng. Vì họ bưng y bát, bảo họ đảnh lễ Tăng; dạy họ đến trước vị Yết-ma, quỳ gối chắp tay. Hươùng dẫn họ tác bạch như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Con pháp danh là... Hòa thượng hiệu là... cầu thọ giới Cụ túc. Con pháp danh là... nay theo chúng Tăng cầu xin thọ giới Cụ túc. Ngài Tỳ-kheo hiệu là... làm Hòa thượng. Nguyện Tăng thương xót cứu vớt con". (Cầu xin giới 3 lần như vậy).

Vị Yết-ma tác bạch:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Sa-di pháp danh là... theo Tỳ-kheo hiệu là... cầu thọ Cụ túc giới; Sa-di pháp danh là... nay theo chúng Tăng xin thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi sẽ hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch".

Rồi vị Yết-ma hỏi giới tử: "Thiện nam tử lắng nghe! Bây giờ là lúc chí thành, lúc cần nói thật. Tôi nay hỏi ông. Ông tùy theo câu hỏi của tôi mà đáp. Nếu không thì cứ nói là không. Nếu có thì nói là có:

- Pháp danh ông là gì? - Hòa thượng ông laø ai? -Ông đủ 20 tuổi chưa? - Y, bát ông đủ không? - Cha mẹ ông có cho phép không? - Ông có thiếu nợ ai không? - Ông có phải là đầy tớ không? - Ông có phaûi là người tại chức không? - Ông có phải là bậc trượng phu không? - Trượng phu có những bệnh: hủi, ung thư, hủi trắng, càn tiêu, điên cuồng không? (Hỏi và đáp như trước đã trình bày).

Nhiên hậu Bạch tứ Yết-ma như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Sa-di pháp danh là... theo Tỳ-kheo hiệu là... cầu thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo hiệu là... làm Hòa thượng. Sa-di pháp danh là... tự nói thanh tịnh không có các nạn sự, tuổi đủ 20, ba y, bình bát có đủ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Tăng nay truyền trao giới

Cụ túc cho Sa-di pháp danh là... Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch".

Vị Yết-ma hỏi và chung quyết:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Sa-di pháp danh là... theo Tỳ-kheo hiệu là... cầu thọ Cụ túc giới. Sa-di pháp danh là... nay theo chúng Tăng xin thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Sa-di pháp danh là... tự nói thanh tịnh không có nạn sự, tuổi đủ 20, ba y, bình bát có đủ. Tăng nay truyền trao giới Cụ túc cho Sa-di pháp danh là... Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Sa-di pháp danh là... thọ giới Cụ túc, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất" (Yết-ma lần thứ nhì, lần thứ ba cũng nói như vậy).

"Tăng đã đồng ý cho Sa-di pháp danh là... thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng rồi, nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy".

Luật Ngũ phần nói rõ:

Thọ giới rồi, nên nói rằng: "Ông nay thọ giới năm nào, tháng nào, ngày nào, giờ nào, vấn đề ấy ông phải nhớ trọn đời".

Phần thứ hai13 nói rõ:

Lúc bấy giờ có một Tỳ-kheo thọ giới rồi, cả chúng đều về (trú xứ). Riêng ông gặp vợ cũ hành bất tịnh. Khi trở về trong chúng, chúng hỏi ông tại sao đi về sau. Ông kể lại việc đã làm. Chúng bảo ông mau mau đi chỗ khác. Ông nói rằng: Tại sao không nói trước việc ấy để ông đừng làm?! Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy: "Từ nay tác Yết-ma rồi, phải nói 4 trọng giới trước, để tránh tệ nạn đó".

Luận Tát-bà-đa nói rõ:

Bạch tứ yết-ma xong là đắc giới. Còn vấn đề nói tứ y v.v... là chỉ để trao cho sự hiểu biết vậy.

Truyền trao 4 trọng giới:

“Thiện nam tử lắng nghe! Đức Như Lai là bậc chí chơn Đẳng chánh giác, nói 4 pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo nào phạm mỗi một pháp tức không phải là Sa-môn, không phải chủng tử họ Thích .

1) Không được phạm dâm dục, làm hạnh bất tịnh. Nếu Tỳ-kheo phạm hạnh bất tịnh, thọ pháp dâm dục, cho đến cùng với súc sanh thì cũng không phải Sa-môn, không phải Thích tử. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lời ví dụ: Như người bị chặt đầu không thể sống lại được. Ty-kheo cũng như vậy, phạm pháp Ba-la-di rồi không thể trở lại thành hạnh Tỳ-kheo được. Vấn đề này, trọn đời ông không được phạm. Ông có thể giữ được hay không? Đáp: Có thể.

2) Không được ăn trộm cho đến một cọng cỏ. Nếu Tỳ-kheo ăn trộm của người 5 tiền hay hơn 5 tiền, hoặc mình lấy, hoặc dạy người lấy, hoặc tự phá, hoặc dạy người phá, hoặc tự chặt, hoặc bảo người khác chặt, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc thay đổi màu sắc, như vậy không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử. Ví như cây Đa-la bị chặt lõi, không thể sống trở lại. Tỳ-kheo phạm Ba-la-di cũng như vậy, trọn đời không thể trở lại thành hạnh của Tỳ-kheo. Vấn đề này, trọn đời ông không được phạm. Ông có thể giữ được hay không? Đáp: Có thể.

3) Không được cố đoạn mạng chúng sanh, cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo cố tự tay đoạn mạng người, cầm dao trao cho người, bảo chết, khen chết, khuyên chết, hoặc cho uống thuốc độc, hoặc làm đọa thai, hoặc trù ếm cho chết. Tự mình tạo phương tiện, hoặc dạy người khác làm thì không phải hạnh Sa-môn, không phải là Thích tử. Lời ví dụ nói rằng: Cũng như cây kim bị sứt lỗ không thể sử dụng được. Tỳ-kheo cũng như vậy, phạm pháp Ba-la-di, không thể trở lại thành hạnh Tỳ-kheo được. Vấn đề này, trọn đời ông không được phạm. Ông có thể giữ được hay không? Đáp: Có thể.

4) Không được nói dối, kể cả nói đùa. Nếu Tỳ-kheo không thật, chẳng phải mình có, tự nói rằng tôi đắc pháp thượng nhơn, đắc thiền, đắc giải thoát, đắc định, đắc bốn không định, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, trời, rồng, quỷ, thần đến hầu. Như thế không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử. Trong ví dụ nói: Thí như hòn đá lớn bị vỡ làm hai, không thể liền lại được. Tỳ-kheo cũng như vậy, phạm pháp Ba-la-di, không thể trở lại thành hạnh Tỳ-kheo được. Vấn đề này, trọn đời ông không được phạm. Ông có thể giuõ được hay không? Đáp: Có thể.

(Trên đây là bốn trọng giới).

Bây giờ đến Tứ y:

“Thiện nam tử lắng nghe! Đức Như Lai là bậc chí chơn Đẳng chánh giác nói pháp Tứ y. Tỳ-kheo nương theo đây mà đặng xuất gia thọ giới Cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo.

1) Tỳ-kheo nương theo y phấn tảo. Nương nơi đây đặng xuất gia thọ giới Cụ túc, thành pháp của Tỳ-kheo. Việc này trọn đời ông có thể giữ được không? Đáp: Có thể.

Trường hợp được của dư, Đàn-việt cho y, y bị cắt hư thì được nhận.

2) Tỳ-kheo nương theo nếp sống khất thực. Tỳ-kheo nương nơi đây đặng xuất gia thọ giới Cụ túc, thành pháp của Tỳ-kheo. Việc này trọn đời ông có thể giữ được không? Đáp: Có thể.

Trường hợp được của dư, hoặc Tăng sai thọ thực, hoặc Đàn-việt dâng cúng những ngày chay, hoặc là Tăng thường thỉnh hay Đàn-việt thỉnh thì được thọ.

3) Nương nơi dưới gốc cây, Tỳ-kheo nương nơi đây đặng xuất gia thọ giới Cụ túc, thành pháp của Tỳ-kheo. Việc này trọn đời ông có thể giữ được không? Đáp: Có thể.

Trường hợp được của dư, hoặc phòng riêng, nơi nghỉ tạm phòng nhỏ, hai phòng một cửa thì được thọ.

4) Nương nơi các loại thuốc hủ lạn14, Tỳ-kheo nương nơi đây đặng xuất gia, thọ giới Cụ túc, thành pháp của Tỳ-kheo. Việc này trọn đời ông có thể giữ được không? Đáp: Có thể.

Trường hợp được của lợi, sữa, dầu, sữa sống, đường hay đường phèn thì được thọ.

Lời giáo huấn kết thúc:

“Ông đã thọ giới rồi, Bạch tứ yết-ma thành tựu đúng pháp. Thực hành đúng cách. Hòa thượng như pháp. A-xà-lê như pháp. Chúng Tăng đầy đủ đúng pháp. Ông nên khéo thọ học giáo pháp. Nên khuyến hóa việc làm phước, tu

bổ Tháp, cúng dường Phật pháp chúng Tăng. Hòa thượng, A-xà-lê, những gì quý vị dạy đúng như phaùp, không được trái nghịch. Cần học hỏi, tụng kinh, siêng năng cầu phương tiện. Trong giáo pháp của Phật cầu chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Có như vậy, sơ tâm xuất gia của ông mới không luống uổng, quả báo không tuyệt. Những gì ông chưa biết nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê.

(Kết thúc hồi hướng xong, bảo giới tử ra trước, Thập sư tuần tự ra. Hán văn gọi là "mạt vị tiên hành").

D. PhƯơng pháp đắc giới và không đắc giới

Phần thứ hai15 nói rõ:

Trường hợp gặp tám nạn và các nhân duyên khác thì cho phép mỗi lần tác pháp Yết-ma hai, hoặc ba người giới tử chứ không được nhiều hơn.

(Tám nạn là: Vương, tặc, thủy, hỏa, bệnh, nhơn, phi nhơn, có trùng. Các nhân duyên khác là: Chúng đông mà tọa cụ ít, hoặc phòng xá ít mà trời mưa lũ dột).

Luật Thập tụng nói:

Không được cho bốn người thọ đại giới một lần.

Căn bản tạp sự nói:

Không được bốn người đồng thoï Tỳ-kheo (cận viên). Vì sao? Chúng này tác Yết-ma cho chúng kia, lý trái vậy.

Luật Ngũ phần nói rõ:

Cho phép khi Bố-tát, Tự tứ, Tăng tập hợp, thọ giới Cụ túc. Không nên vì một việc nhỏ làm trở ngại người thọ giới. Người nào đến trước nơi địa điểm thọ giới thì cho thọ giới trước. Trường hợp hai người cùng một tuổi thì cho vị nào đệ tử của Hòa thượng cao hạ hơn thọ trước.

(Trong đàn giới, bố trí một mình vị tác pháp Yết-ma ngồi giữa. Hoặc có hai Tỳ-kheo, mỗi người dẫn một Sa-di đến cầu thọ giới thì cho vị đệ tử của Hòa thượng giới lạp lớn hơn thọ trước. Điều nên biết là khi truyền giới Cụ túc

cho ông Sa-di này thì vị Hòa thượng kia đóng vai Tôn chứng. Ngược lại, khi truyền giới Cụ túc cho ông Sa-di kia thì vị Hòa thượng này đóng vai Tôn chứng).

Nếu Hòa thượng laïi đồng. (Câu này có hai ý:

- Hai vị Hòa thượng giới lạp đồng nhau.

- Có vị đức độ và hiểu biết hơn.

Trường hợp như Ngài Ưu-ba-ly, Xá-lợi-phất v.v... thì hứa cho một năm được độ hai hay ba người đệ tử).

Mỗi lần Yết-ma, người nào gọi tên trước thì cho thọ trước. (Như hai người sinh đôi, đứa ra ngoài bào thai trước đóng vai anh vậy). Trường hợp ba người cũng như vậy. Bao nhiêu sự việc khác cũng có thể Yết-ma mỗi lần chỉ ba người. Tất cả không được Yết-ma mỗi lần bốn người.

Phần thứ hai16 nói rõ:

Không có Hòa thượng, không được thọ giới.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu không có Hòa thượng mà cho thọ giới thì người chủ động phạm tội Đột-kiết-la, giới tử không đắc giới.

Luận Tát-bà-đa nói rõ:

Nếu trước có thỉnh Hòa thượnng để thọ 10 giới pháp, Hòa thượng không hiện tiền cũng đắc thập giới. Trường hợp Hòa thượng viên tịch, giới tử biết thì không đắc giới. Nếu giới tử không biết thì đắc giới.

Trường hợp Bạch tứ yết-ma thọ Cụ túc giới, Hòa thượng không hiện tiền, không được thọ giới, vì Tăng số không đủ vậy. Nếu Tăng số đủ, dầu không có Hòa thượng, cũng đaéc giới.

Phần thứ hai17 nói rõ:

Hai Hòa thượng cho đến nhiều Hòa thượng cũng không được thọ giới. (Một người chỉ có một Thân giáo sư. Ví như cha đẻ không thể có nhiều ông được. Trường hợp đối với vị giới tử này trong chức năng Hòa thượng, nhưng đối với vị giới tử kia lại là Tôn chứng, đều không phải trường hợp này vậy).

Hòa thượng 9 tuổi hạ, được gọi là đắc giơùi, nhưng chúng Tăng có tội.

Bộ Nam hải ký quy nói rằng:

Vị Thân giáo sư, đủ 10 hạ mới đúng lý. còn vị Yết-ma, vị Giáo thọ và các vị khác thì đều không nhất định vậy.

Luật nhiếp nói rõ:

Nơi biên địa có thể có mười vị mà sử dụng 5 vị để thọ giới Cụ túc thì chúng Tăng mắc tội Việt pháp. Nếu chỉ có thể có 5 vị mà dùng 5 vị thì được gọi là thiện thọ.

Trường hợp chúng Tăng không đủ thì không được dùng Phật tính vào cho đủ số. Vì Phật-đà, Tăng-già, Bảo thể (thể báu) có khác. Nếu là người cuồng, người điếc và Thiên Thọ bộ v.v... đem tính cho đủ số thì không thành cận viên. (Thiên Thọ bộ tức là bọn bè bạn của Điều-đạt18 phá Tăng).

Luật Tát-bà-đa nói rõ:

Trường hợp bà Đại Ái Đạo, chấp nhận tám pháp thọ giới, đức Phật không cho người làm Hòa thượng, A-kỳ-lợi, nhưng có thể gọi ngài A-Nan là A-kỳ-lợi, tức là A-xà-lê".

Căn bản ni-đà-na nói rõ:

Người không có nạn sự mà tự nói là tôi có nạn sự. Người ấy thọ cận viên, các Bí-sô mắc tội Việt pháp. Người thật có nạn sự mà tự nói là tôi không có nạn sự thì không gọi là thọ cận viên, các Bí-sô không phạm. Nếu họ nói: "Đừng trao giới cận viên", các Bí-sô mắc tội Việt pháp. Chưa thọ 10 giới mà thọ cận viên, người ấy đắc giơùi, các Bí-sô mắc tội Việt pháp. (Đồng với quan điểm của Tứ phần).

Phần thứ hai (luật Tứ phần) nói rõ:

Giới tử nào biết vị Hòa thượng đó không trì giới mà theo cầu thọ giới Cụ túc thì không đắc giới, nếu không biết thì đắc giới.

Luật Ngũ phần nói rõ:

Trường hợp Hòa thượng, A-xà-lê thôi tu, sau đến đệ tử của mình để xin xuất gia, thọ giới Cụ túc lại, vị đệ tử nên cho y bát và giúp đỡ cho công việc được thành tựu. Trường hợp ấy cũng cho phép vị đệ tử làm thầy truyền giới. Người kia thọ giới lại, kính thầy đúng như pháp, tuy trước đây là đệ tử của mình.

Phần thứ hai (luật Tứ phần) nói:

Trường hợp người bị chúng cử tội rồi bỏ đạo, sau trở lại xuất gia, nếu tự thấy tội, nên cho thọ cụ. Thành taâm sám hối nên giải Yết-ma.

Luận Tát-bà-đa nói:

Người 60 tuổi không được cho thọ đại giới, chỉ nên cho thọ Sa-di.

Có bảy cách thọ giới:

1) Kiến đế thọ giới (trường hợp ông Kiều Trần Như vừa hiểu rõ Thánh đế tức gọi đắc giới).

2) Thiện lai đắc giới (trường hợp những vị túc căn đầy đủ, vừa gặp Phật, Phật gọi là Thiện lai Tỳ-kheo, liền đắc giới).

3) Tam ngữ đắc giới (Phật thành đạo chưa bao lâu, có người gaëp Phật, tự xướng lên rằng: "Tôi nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng", liền gọi là đắc giới).

4) Tam quy thọ giới (Tăng đoàn đầu tiên 1.250 vị Tỳ-kheo, Phật dạy đi giáo hóa các phương, có người phát tâm xuất gia, nói Tam quy 3 lần, liền đắc giới).

5) Tự thệ thọ giới (Như ngài Ma-ha Ca-diếp ban đầu xuất gia chưa từng gặp Phật, ngài tự thề rằng: "Trong thế gian này ai là bậc tối Chánh giác là Thầy của tôi, tôi là đệ tử." Tức gọi là đắc giới. Đắc giới rồi sau mới gặp đức Thế Tôn).

6) Bát pháp thọ giới (bà Đại Ái Đạo cùng 500
thể nữ chấp nhận 8 pháp "không được vượt qua", liền đắc giới).

7) Bạch tứ yết-ma đắc giới (tức là sau khi tác pháp Yết-ma 4 lần liền đắc giới).

(Hoặc khai cho Ni 8 lần bạch Yết-ma để thọ giới là cách đắc giới thứ 8. Tỳ-kheo-ni Pháp Dữ19 nhờ người tín cẩn thay mình đến đại Tăng thọ Chánh pháp Yết-ma, gọi là cách đắc giới thứ 9, và nơi biên địa cho 5 người truyền giới Cụ túc, gọi là cách thứ 10, không đồng nhau).

Phật pháp xưa nay đều dùng cách đắc giới Bạch tứ yết-ma làm tông bổn. Nó có khả năng kế tục ngôi Tam bảo, tạo ra vô biên việc phước lợi. Cho nên trong bảy cách đắc giới nó là tối thắng, tối diệu, quá ư tôn quí.

(Thiện lai, chỉ hạn cuộc nơi kim khẩu. Tam ngữ, Tam quy, chỉ hạn cuộc trước khi chưa Bạch tứ yết-ma. Tám pháp, chỉ trường hợp 500 Tỳ-kheo-ni đầu tiên và bà Đại Ái Đạo. Tự thệ, chỉ mình ngài Đại Ca Diếp, Kiến đế, chỉ có 5 vị Tỳ-kheo đầu tiên. Riêng cách Bạch tứ yết-ma đắc giới là cương lãnh giáo hóa của Phật, khiến cho Chánh pháp cửu trụ, đạo quả Ba thừa không chấm dứt vậy).

Luật Thập tụng nói rằng:

Người nào thọ đại giới trước dù chỉ trong một chớp nhoáng (tu-du) cũng nên mời ngồi trước, thọ nước và thức ăn trước.

Luật Thiện kiến nói:

Tỳ-kheo nào thật sự chỉ mới một hạ, man khai là hai hạ, dựa theo cấp bậc của vị hai hạ nhận lợi dưỡng thì tính thành tiền mà phạm trọng tội, neáu đúng như số luật đã định.

Bộ Nam hải ký quy nói:

Từ 16 tháng Chín đến Rằm tháng Giêng là mùa Đông (xưa gọi 16 tháng Tám đến rằm tháng 12), từ 16 tháng Giêng đến 15 tháng Năm là mùa Xuân (xưa gọi là 16 tháng 12 đến 15 tháng Tư), từ 16 tháng Năm đến 15 tháng Chín là mùa mưa (xưa gọi là 16 tháng Tư đến 15 tháng Tám là mùa Hạ), từ

16 tháng Sáu, trong vòng một ngày đêm thời gian chót của hậu an cư (xưa gọi là 16 tháng Năm, trong vòng một ngày một đêm đó mà thọ Cụ túc giới thì cũng được thọ hậu an cư, cho đến mãn 3 tháng, được tính là một hạ. Ví như người đời ngày chót tháng 12 sanh cũng tính một tuổi. Đây là thời gian cuối cùng vậy. Nếu 17 tháng Năm thọ Cụ túc giới thì không được thọ hậu an cư, chỉ gọi là Tỳ-kheo chưa có hạ nào. Đợi cho đến sang năm mới thọ hoặc tiền an cư hoặc hậu an cư, sau ba tháng mới gọi là Tỳ-kheo một hạ. Ví như người đời, sáng mồng một tháng Giêng sanh 'giờ Tý năm mới' cho đến cuối năm cũng chỉ gọi là một tuổi).

Từ 17 tháng Sáu đến 15 tháng Chín là trưởng thời (thời gian tu tập), xưa gọi là 17 tháng Năm đến 15 tháng Tám.

Người xuất gia khi mới gặp nhau cần hỏi: "Đại đức bao nhiêu hạ?" Đáp: "Tôi được ... hạ".

Neáu đồng hạ với nhau thì hỏi: "Thọ giới vào lúc nào?" Nếu thời gian đồng thì hỏi: "Ngày nào?" Nếu đồng ngày thì hỏi: "Trước bữa ăn hay sau bữa ăn?"

Nếu đồng là trước bữa ăn thì hỏi: "Con bóng ngã bao nhiêu?"

Con bóng nếu có khác, tức là con bóng người dài hơn, người ngắn hơn: ai lớn ai nhỏ tùy theo đó phân định. Con bóng nếu đồng thì tức là bằng nhau, không ai lớn hơn ai. Thứ lớp ngồi thì người đến trước ngồi trước. công việc tùy đó mà giao phó.

Nếu 17 tháng sáu, tướng mặt trời vừa xuất hiện, người nào thọ Cụ túc vào giờ ấy, trong số người cùng hạ, họ là kẻ lớn nhất, do không được thọ hậu an cư vậy (xưa gọi là 17 tháng năm). Nếu tối 16 tháng sáu vừa hết, người nào thọ Cụ túc vào giờ ấy, trong số người đồng hạ, họ là người nhỏ nhất, do thọ hậu an cư vậy (xưa gọi là 16 tháng năm).

Hỏi: Luật Thập tụng nói rõ: "Thọ đại giới trước, dù chỉ trong một tu-du, cũng phải ngồi trước." Kinh Phạm võng cũng có quy tắc ngồi theo tuổi thọ giới như vậy. Nay Tỳ-kheo cùng với Bồ-tát giới, hoặc thọ giới có trước có sau, vậy nên y theo thứ tự bên nào để sắp xếp chỗ ngồi.

Đáp: Bộ Thích thiêm20 nói rõ: Đại thừa Tiểu thừa đều thông dụng luật nghi, thuộc về phạm vi luật nghi nào, thì dựa vào luật nghi đó để quyết định vị

thứ. Vậy nên Bồ-tát ở nơi Đại thừa thì thành đại, ở nơi Tiểu thừa thì thành tiểu. Nên biết ở vào chúng Tiểu thừa thì y vào Tiểu thừa mà phân định cấp bực nơi ngồi". Hơn nữa bộ Phụ hành nói: Nếu trước thọ Tiểu thừa sau thọ Đại thừa giới thì tất cả chuyển làm vô tận giới thể. Nếu trước thọ Đại thừa giới sau mới xuất gia, muốn ở vào số mục của đại Tỳ-kheo mà không mất pháp của Bồ-tát thì phải thọ lại luật nghi. Nhưng đối với tất cả phát được thân khẩu thanh tịnh phòng phi luật nghi thì Vô tác giới thể không phát khởi trở lại. Nên trong kinh Niết-bàn nói: Ngũ thiên thất tụ đều là Bồ-tát xuất gia luật nghi. Hơn nữa, nếu trước thọ Tiểu thừa giới sau thọ Đại thừa giới thì khai tiểu hạ trở thành đại hạ. Nếu trước thọ Đại thừa giới sau thọ luật nghi ở tiểu thì y nơi tiểu, ở theo đại thì y nơi đại. Vấn đề này không đơn giản để luận bàn vậy.

Phần thứ hai21 nói rõ: Tỳ-kheo biến thành hình nữ thì lấy năm tháng đã thọ giới trước đây22 tính vào trong Ni chúng, khi chuyển qua Tỳ-kheo-ni trong Ni bộ. Ni biến thành hình nam23, cho nhập vào chúng Tỳ-kheo. Nếu biến làm thành hai căn thì diệt tẫn.

Luật Ngũ phần nói rõ:

Tỳ-kheo biến thành hình nữ, nếu trước đã phạm cùng giới với ni thì nên sám hối với Ni chúng, Nếu trước phạm không cùng giới thì không nên sám hối. Tỳ-kheo-ni căn thay đổi cũng vậy. Nếu Thức-xoa-ma-na căn biến, tuổi đủ 20, nên cho thọ giới Tỳ-kheo, chưa đủ 20 tuổi thì là Sa-di. Sa-di căn biến thì cũng như vậy. Nếu Sa-di căn biến hoặc nên cho 2 năm học giới, tức ở trong Ni chúng thọ 2 năm học giới. Nếu tuổi chưa đủ để cho 2 năm học giới, tức là Sa-di-ni.

Bộ Căn bản tạp sự nói:

Nếu chuyển biến đến 3 lần tức không phải Tăng không phải Ni thì cần phải diệt tẫn.

Phần thứ hai24 nói rõ:

Trường hợp bị giặc cắt nam căn hay là tự rụng25 thì không nên diệt tẫn. Nếu tự cắt thì nên diệt tẫn.

Luật Ngũ Phần nói rõ:

Chỉ cắt đến ½ âm (tức dương vật) phạm Đột-kiết-la, cắt hết phạm Thâu-lan-giá. Nếu thiến một trứng thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu thiến hết hai trứng thì phải diệt tẫn.

Luật nhiếp nói rõ:

Trường hợp trên bước đường tu hành của một Bí-sô có hai món phiền não sanh khởi: hoặc do quên mất chánh niệm, nhớ lại những cảnh xưa từng gặp, khởi lên tâm ái nhiễm, tạo các tội lỗi. Hay là do đối cảnh hiện tiền khởi lên tâm nhiễm ái, phạm các tội lỗi. Khi biết rõ duyên khởi phạm tội rồi, cần phải kịp thời sanh tâm đối trị khiến cho tội lỗi kia sớm trừ diệt. Trường hợp nhiễm duyên quá mạnh không thể trừ được, cần đến các bậc Tôn túc, làu thông Tam tạng, có đức hạnh, cầu xin sự dạy bảo, cố gắng diệt trừ. Trường hợp không chấm dứt được, nên ngày đêm siêng năng đọc tụng, nghiên cứu, suy nghĩ, tuyển trạch thâm nghĩa, đến trước Tam bảo chí thành cúng dường, hoặc gần gũi bậc trưởng thượng Tôn túc, quên hẳn nhọc nhằn hết lòng phục vụ hầu hạ. Hoặc đi đến nơi khác hay là bớt sự ăn uống. Hoặc đến bãi tha ma, hoặc ở nơi A-lan-nhã, tu tập pháp quán bất tịnh... Hoặc trụ tâm nơi Tứ niệm xứ. Hoặc tác vô thường, nghĩ đến cái chết, hy vọng khiến cho phiền não trừ diệt. Trường hợp vẫn không trừ được, nên sanh tâm hổ thẹn, nghĩ như thế này: Ta làm việc phi pháp, không thanh tịnh giới luật mà lại nhận tứ sự cúng dường của thí chủ có lòng tin. Hơn nữa, chư Phật và những vị đồng phạm hạnh có thiên nhãn, cũng như các vị Thiên thần đều nhìn thấy việc làm của ta. Vì vậy, ta không nên tạo các việc tội lỗi, phải tự khắc trách mình, như cứu lửa cháy đầu. Đối trước cảnh thanh tịnh nói lên vấn đề trừ bỏ tội lỗi, ngõ hầu về sau khỏi phải ân hận. Nếu trong khi thực hành những việc đối trị như trước mà tánh lắm phiền não không thể dứt sạch, nên tự quán sát, hoặc nên xả giới, làm người bạch y, chớ để tạo tội, thọ của tín thí. Do khi thọ dụng, lại tạo nghiệp ác nhiều hơn, nhất định cảm lấy cái quả khổ dị thục ngày mai, như trong kinh đã trình bày rõ ràng, nên phải tu trì.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI MỘT

---o0o---

1 Tứ phần luật 35, phần thứ hai Kiền-độ thuyết giới, tr. 819c01, Đại 22n1428.

2 Tứ phần luật 35, phần thứ hai Kiền-độ thuyết giới, tr. 819c24, Đại 22n1428.

3 Tứ phần luật 43, phần thứ ba Kiền-độ thuốc, tr. 874c, Đại 22n1428.

4 Ôn thất: Xem cht. 25, tập I, Trùng trị q. 8 (bản Việt).

5 Tứ phần luật 35, phần thứ hai Kiền-độ thuyết giới, tr. 820c17, Đại 22n1428.

6 Bệnh càn tiêu 乾痟病: chứng gầy còm, hay nhức đầu kinh niên? Từ điển Khang Hy: Tiêu 痟, chứng bịnh nhức đầu. Từ nguyên: Tiêu, bệnh đầu thống. Có lẽ bệnh lao. (cht. Tứ phần luật HT Thích Đỗng Minh dịch).

7 Sanh tượng 生像d: Pāli. jātarūpa, chỉ vàng nguyên, chưa chế biến.

8 Tứ phần luật 34, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 809c25, Đại 22n1428.

9 Tứ phần luật 50, phần thứ tư Kiền-độ phòng xá, tr. 940b18, Đại 22n1428.

10 Tứ phần luật 33, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 799b25, Đại 22n1428.

11 Tứ phần luật 35, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 813c07, Đại 22n1428.

12 Bát-đa-la 钵多羅: Skt. Pātra, chỉ chung các thứ chén bát, tất cả những thứ dùng để đựng các thức ăn và uống (Yết-ma yếu chỉ, HT Thích Đỗng Minh biên tập).

13 Tứ phần luật 35, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 815b06, Đại 22n1428.

14 Hủ lạn dược 腐爛藥: được hiểu theo nghĩa đen là "thuốc mụt nát"... loại thuốc được rút ra từ tinh dầu hoặc tinh cốt của các loại thảo mộc. (trích cht. Yết-ma yếu chỉ, HT Thích Đỗng Minh biên soạn).

15 Tứ phần luật 34, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 805b03, Đại 22n1428.

16 Tứ phần luật 34, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 811b07, Đại 22n1428.

17 Tứ phần luật 34, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 811b10, Đại 22n1428.

18 Điều-đạt: tức Đề-bà-đạt-đa (Skt. Devadatta), dịch là Thiên Thọ, Thiên Nhiệt...

19 Tỳ-kheo-ni Pháp Dữ là người đẹp nổi tiếng trong xứ. Khi hay tin nàng sẽ xuất gia thọ giới làm Tỳ-kheo-ni, nhiều thanh niên tổ chức đón đường bắt cóc, do đó Phật cho phép nàng gởi người đại diện đến giữa Tăng mà thọ, sau đó về truyền lại. (Yết-ma yếu chỉ, HT Thích Đỗng Minh biên soạn).

20 Thích thiêm: là Pháp hoa huyền nghĩa thích thiêm, 20 quyển, Đường – Trạm Nhiên thuật, tr. 815, Đại 33n1717.

21 Tứ phần luật 35, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 813b15, Đại 22n1428.

22 Tứ phần luật 35: ".....cho phép đem luôn cả năm và tuổi thọ giới cụ túc trước đây của Hoà thượng, A-xà-lê chuyển sang cho ở bên chúng Tỳ-kheo-ni."

23 Cũng tính tuổi thọ giới Cụ túc của Hoà thượng, A-xà-lê.

24 Tứ phần luật 35, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 813b24, Đại 22n1428.

25 Tứ phần luật 35, tr. 813b24: "Có Tỳ-kheo bị giặc chặt đứt nam căn và luôn cả hai trứng. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nên diệt tẫn chăng? Đức Phật dạy: Không nên diệt tẫn." Tứ phần luật 35, tr. 813c01: "Có Tỳ-kheo vì nghiệp báo nhân duyên nam căn tự rụng. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nên diệt tẫn chăng? Đức Phật dạy: Không được diệt tẫn."

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 12

I. PHÁP Y CHỈ

Phần thứ hai1 thuyết minh:

Lúc bấy giờ, có các vị Tỳ-kheo mới thọ giới, Hòa thượng viên tịch, không người dạy bảo, cho nên không biết giữ gìn oai nghi... cho đến giống như Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật cho phép trường hợp như vậy nên thỉnh A-xà-lê, như trong vấn đề "Hòa thượng" đã trình bày. Thưa thỉnh như sau:

"Xin Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Con Tỳ-kheo tên là... nay cần cầu Đại đức làm người y chỉ. Xin Đại đức cho con được y chỉ. Con y chỉ nơi Đại đức để sống." (thưa 3 lần).

Vị được thỉnh cầu nói:

"Được, tôi cho ông nương tựa, ông chớ buông lung."

Trường hợp vị Tỳ-kheo mới thọ giới muốn ở chỗ nhàn tịnh, cho phép y chỉ nơi chỗ khác, nếu trong ngày trở về kịp.

Không nên sai người nhận y chỉ hay trao y chỉ người khác.

Không nên không lựa chọn người thọ y chỉ, hay (lựa chọn) người cho y chỉ.

Bệnh hay là trông nom bệnh không y chỉ, được ở riêng.

Luật Tăng kỳ nói rõ:

Thỉnh y chỉ có 5 pháp:

1) Quí mến.

2) Cung kính.

3) Biết xấu.

4) Biết hổ thẹn.

5) Ưa sống với nhau.

A-xà-lê có 4 hạng:

1) Không cung cấp lương thực mà cũng không dạy dỗ Chánh pháp. Hạng người này không phiền thưa, cứ bỏ đi.

2) Có cung cấp lương thực mà không dạy dỗ Chánh pháp. Hạng người này nên thưa mà đi.

3) Không cung cấp lương thực mà có dạy dỗ giáo lý. Hạng này tuy khổ, trọn đời không nên đi.

4) Có cung cấp lương thực mà cũng có dạy dỗ giáo lý. Hạng này tuy xua đuổi, trọn đời không nên đi.

Nếu đệ tử không nghe lời dạy bảo nên nói với người trông coi về giường mền, đừng cung cấp giường mền, nói với người trị nhật, không phân phối phần ăn. Nếu người đó hung ác có thế lực, có thể tạo việc bất lợi, Hòa thượng nên tránh đi. Thầy y chỉ nên xếp y bát ra ngoài cương giới một đêm, tức là cắt đứt sự y chỉ với người không nghe lời dạy bảo ấy.

Nếu Hòa thượng, A-xà-lê có lỗi, đệ tử nên can gián không nên dùng lời thô mà khuyên can. Y như pháp giáo giới, nên nói lời nhã nhặn để thầy đừng làm việc ấy. Thầy thuận nghe thì tốt, nếu ngược lại thầy tạo thêm tội lỗi chê trách bác bỏ lời khuyên can thì nên tránh xa. Nếu là bậc A-xà-lê thì mình ôm y bát ra ngoài giới ở một đêm rồi trở lại y chỉ nơi vị khác... Nếu người ấy có thế lực thì nên tránh xa họ đi.

Trường hợp y chỉ với người có đức hạnh mà vị Hòa thượng ấy mạng chung hay thôi tu, hay bị cử tội, hay ra ngoài cương giới ngủ, hoặc đệ tử tự ra ngoài cương giới ngủ, như vậy gọi là không y chỉ.

Nếu A-xà-lê mạng chung, thôi tu, bị cử tội, ra ngoài cương giới ngủ, hoặc đệ tử ra ngoài giới ngủ, cũng vậy.

Nếu đủ 5 hạ, biết rõ pháp, biết rõ luật thì được phép lìa y chỉ, gọi là xả y chỉ.

Nếu Tỳ-kheo không biết rõ pháp, không biết luật, không thể tự lập, không thể hướng dẫn kẻ khác thì trọn đời không được ly y chỉ để sống.

Nếu đủ 10 hạ, biết rõ pháp, biết rõ luật, có khả năng tự lập, có khả năng dựng lập cho kẻ khác, Tỳ-kheo như vậy được nhận người khác y chỉ.

Luật Ngũ phần nói rõ:

Cho phép không nhận y chỉ cho đến sáu đêm.

Đệ tử muốn đến chỗ khác, việc cần yếu là phải thưa với thầy trước khi đi hai đến ba ngày. Vị thầy nên trù tính nơi chỗ đệ tử mình xin dơi đến đó có người để họ y chỉ thì mới cho đi.

Mỗi khi đến trú xứ nào, trước hết phải lễ Tháp, lễ Thượng toạ. Kế đó xin phòng ở, vậy sau mới cầu y chỉ. Vị được cầu làm y chỉ nên hỏi: "Nhị sư (Hòa thượng, A-xà-lê) của ông là ai? Trước đây ông ở đâu? Ông thường tụng kinh gì?" Nếu người cầu y chỉ trả lời đúng pháp thì nhận cho y chỉ. Nếu trả lời không đúng pháp thì nên nói rằng: "Ông không biết tôi, tôi không biết ông, ông nên đến người có sự quen biết để cầu y chỉ." Trường hợp có sự nghi ngờ, nên nói chờ thời gian. Thời gian người ấy chờ cho đến 6 đêm, xem xét họ, nếu hợp ý thì nên cho y chỉ. Nếu không hợp ý thì nên trả lời như trên đã trình bày.

Không nên y chỉ Tăng hay Tháp mà nên y chỉ với bậc Thượng tọa, Tỳ-kheo như pháp, người có khả năng giáo giới.

Luật Thập tụng nói rõ:

Phải thành tựu 5 pháp, cùng 5 hạ đầy đủ thì khỏi cần cầu y chỉ. Năm pháp ấy là:

1) Biết phạm.

2) Biết không phạm.

3) Biết tội nhẹ.

4) Biết tội nặng.

5) Tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, học rộng, khéo nói.

Trường hợp thọ Tỳ-kheo giới lâu năm mà không biết 5 pháp trên thì trọn đời nên y chỉ với người khác.

Đại Tỳ-kheo cũng nên theo tiểu Tỳ-kheo cầu thọ y chỉ, nếu mình chưa đủ 5 pháp trên. Trường hợp này vẫn phải thừa sự cúng dường tiểu Tỳ-kheo, trừ vấn đề lễ lạy.

Cho phép năm, sáu đêm không y chỉ thì không phạm. Nếu có vị Y chỉ sư tốt mà không y chỉ dù chỉ một đêm vẫn phạm Đột-kiết-la, thậm chí cũng không được lấy nước rửa chân của Tăng để dùng.

Trường hợp gặp lúc đói khát, có thể được thì hằng ngày đến thăm Hòa thượng và cho phép ở lại đó, nếu không thể được thì năm ngày đến một lần. Trường hợp mỗi năm ngày không đến được thì lúc Bố-tát cần đến. Nếu Bố-tát không theả đến được cho đến xa hai do-tuần rưỡi, đến ngày Tự tứ cũng nên đến thăm Hòa thượng.

Bộ Căn bản ni-đà-na nói rõ:

Chưa đủ 5 hạ, tuy thành tựu 5 pháp, cho đến khéo biết rõ Tam tạng, Tam minh chứng đủ, trừ hết 3 cấu, nhưng cũng phải y chỉ. Nếu đủ 5 hạ, cho lìa y chỉ để du hóa, nhưng đến bất cứ chỗ nào cũng phải y chỉ.

Nếu có tâm cầu Y chỉ sư thì được ly y chỉ năm đêm. Nếu không có tâm cầu Y chỉ sư thì lìa y chỉ một đêm cũng không được.

Trường hợp không có y chỉ mà ở trong chúng Tăng thọ dụng ẩm thực... đều chẳng hợp lệ. Cho đến trong vòng 10 hạ đều như vậy.

Bộ Bách nhất yết-ma nói rõ:

Cho dù đã thọ Tỳ-kheo, đến 60 tuổi hạ, và 80 tuổi đời, mà đối với kinh Biệt giải thoát chưa từng đọc tụng, không rõ nghĩa nó, thì cũng phải y chỉ nơi bậc Trưởng lão. Trường hợp không có vị Trưởng lão thì y chỉ nơi vị niên thiếu Tỳ-kheo cũng được. Trường hợp như vậy chỉ trừ lễ bái, còn bao nhiêu việc khác cần phải phục vụ như trò đối với thầy. Hạng người này cần được gọi là Tỳ-kheo già mà là trẻ vậy.

Bộ Tạp sự nói rằng:

Có duyên sự cần phải tạm đi xa nhưng chắc chắn sẽ trở về lại, nên tâm niệm nương theo cựu sư (thầy cũ) khỏi phiền phải thọ y chỉ lại.

Người y chỉ, người dạy dỗ đọc tụng đều phải cung phụng hầu hạ. Trường hợp hai vị đều lâm bệnh, nếu có khả năng thì chăm sóc cả hai. Nếu không có khả năng thì cung phụng vị y chỉ. Nếu không có thầy dạy dỗ đọc tụng thì tùy đó có thể tạm ở được. Nhưng nếu không có vị y chỉ sư mà tạm ở là không hợp lệ. Có một vị Bí-sô, ở một trú xứ, làm y chỉ cho nhiều môn nhơn. Nhưng khi vị Bí-sô ấy mạng chung, không có người để y chỉ. Phật dạy: "Tìm một vị có đức, nên cung cấp phòng ở tốt, miễn các công tác, cung phụng hầu hạ, ngọa cụ vật dụng không thiếu thốn cái chi, tất cả đều đầy đủ. Nếu không có vị ấy thì không được ở nơi đó đến kỳ Bố-tát thứ hai".

Lại có trường hợp tiền an cư, vị y chỉ viên tịch, Phật bảo phải cầu y chỉ sư giống như trường hợp trên. Nếu không có vị nào thì nên đến trú xứ khác cầu vị Y chỉ sư, rồi thọ hậu an cư.

Có trường hợp hậu an cư, thầy qua đời, Phật bảo trong thời gian tháng mưa kiểm tra lẫn nhau, nhắc nhở lẫn nhau, cẩn thận cùng nhau sống. Qua tháng mưa rồi, có người y chỉ, và cung cấp đầy đủ tất cả như trước đã trình bày. Trường hợp không có thì không được quá lần Trưởng tịnh thứ hai.

Có thể đến các trú xứ khác cần cầu Y chỉ sư. Nếu Bổn sư viên tịch v.v... đều cũng như trước mà giải quyết.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói rõ:

Thọ y chỉ rồi, xin phép ra ngoài giới bảy ngày, đủ bảy ngày trở lại chùa, không mất y chỉ.

---o0o---

II. TƯ CÁCH ÔNG THẦY

Phần thứ hai2 nói rõ:

Tôn giả Hòa-tiên mới vừa 2 tuổi hạ, dẫn một người đệ tử 1 tuổi hạ, đến chỗ đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn tuy biết mà vẫn chỉ nơi người đệ tử hỏi:

- Đây là vị Tỳ-kheo nào?

Tôn giả Hòa-tiên thưa:

- Đệ tử của con.

Đức phật hỏi Tôn giả Hòa-tiên:

- Hiện ông bao nhiêu tuổi (hạ)?

Tôn giả Hòa Tiên thưa:

- Con 2 tuổi.

Đức Phật lại hỏi:

- Đệ tử ông bao nhiêu tuổi?

Tôn giả Hòa-tiên thưa:

- Đệ tử con 1 tuổi.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bằng mọi cách quở trách:

- Việc làm của ông là quấy, không phải oai nghi, không phải pháp của Sa-môn, không phải tịnh hạnh, không phải hạnh tùy thuận. Ông làm việc không nên làm. Này ông Hòa-tiên! Ông chưa hết bú sữa mà nhận dạy dỗ cho người khác, làm sao ông dạy được.

Từ nay cho phép Tỳ-kheo nào đủ 10 hạ, có trí tuệ mới trao truyền giới Cụ túc cho người, cho người y chỉ. Cần thi hành pháp Hòa thươïng, A-xà-lê như sau:

Nếu chúng Tăng vì người đệ tử mình tác Yết-ma, tác ha trách, tác tẫn, tác y chỉ, tác Yết-ma không cho đến nhà bạch y, tác bất kiến tội cử, bất sám hối cử, bất xả ác kiến cử thì Hòa thượng như pháp liệu lý, hoặc giả bằng cách nào để cho chúng Tăng đừng tác pháp Yết-ma cho đệ tử. Trường hợp chúng Tăng tác pháp, bằng cách làm sao khiến cho hợp pháp và như pháp mà liệu lý, dạy bảo đệ tử mình thuận tùng đối với Tăng, không trái nghịch, cầu mong trừ tội lỗi để Tăng sớm giải pháp Yết-ma.

Nếu đệ tử phạm Tăng tàn, Hòa thượng nên như pháp liệu lý, hoặc nên áp dụng Ba-lợi-bà-sa, hoặc nên áp dụng Bổn nhật trị, hoặc nên áp dụng Ma-na-đỏa, hoặc nên xuất tội đều tùy theo đó mà áp dụng.

Lại nữa, nếu đệ tử lâm bệnh, Hòa thượng nên chăm sóc hoặc sai bảo người chăm sóc, cho đến lành bệnh hay mạng chung.

Nếu đệ tử không vui ở chỗ này tu hành, thì hoặc tự đưa đi chỗ khác, hoặc bảo người khác đưa đi.

Nếu đệ tử có chỗ nghi ngờ nên dùng pháp, dùng luật, như lời Phật dạy, như pháp giải trừ.

Bộ Yết-ma ngài Đàm-đế soạn tập3 nói rõ:

- PHÁP: Chỉ có 5 món viễn ly hành:

1) Xuất ly phi thế pháp.

2) Việc độ phi thọ pháp.

3) Vô dục phi hữu dục.

4) Vô kết phi hữu kết.

5) Bất thân cận sanh tử phi thân cận.

- LUẬT: Tức là 5 món xuất yếu hành:

1) Thiểu dục phi đa dục.

2) Tri túc phi vô yểm.

3) Dị hộ phi nan hộ.

4) Dị dưỡng phi nan dưỡng.

5) Trí tuệ phi ngu si.

- PHẬT SỞ GIÁO: Tuùc là 5 món giáo giới hành:

1) Hữu tội giả chế.

2) Vô tội giả thính.

3) Nhược chế, nhược thính, pháp hữu giảm khuyết giả như pháp cử chi.

4) Số số vi phạm chiết phục dữ niệm.

5) Chơn thật công đức, ái niệm xưng tán.

(Tạm dịch:

Pháp là những gì hướng dẫn chúng ta ra khỏi đời đau khổ, vượt lên trên vấn đề chấp thọ, không ái dục, không bị buộc ràng.

Luật là phương pháp để ra khỏi luân hồi: phải thiểu dục, tri túc, yểm ly, phòng hộ, phương tiện sống hết sức đơn giản và dễ dàng, cần có trí tuệ để tuyển trạch.

Những điều Phật dạy: Việc sai quấy thì cấm, việc có ích không tổn hại thì cho làm. Cấm làm mà làm thì phạm, cho làm mà không làm là phạm, 'chỉ mà tác là phạm, tác mà chỉ là phạm'. Kẻ phạm thường xuyên phải bắt buộc nhiếp niệm. Công đức thật sự thì khen ngợi)4.

Trường hợp đệ tử mình sanh ác kiến, phải dạy bảo họ bỏ ác kiến, trụ nơi thiệân kiến, phải dùng pháp và y thực nhiếp hộ họ, dạy họ tăng giới, tăng tâm, tăng huệ. Dạy họ học hỏi tụng kinh. Phải giải quyết vấn đề y thực, ngoạ cụ, y dược cho họ theo khả năng của mình.

Có 5 phương pháp để khiển trách đệ tử:

1) Bảo họ đi đi (đi đâu thì đi).

2) Ông đừng vào phòng tôi.

3) Ông đừng hầu hạ tôi nữa.

4) Ông đừng đến chỗ tôi.

5) Tôi không nói với ông nữa đâu.

(Nếu là bậc A-xà-lê thì điều 4 đổi lại là: Ông đừng y chỉ nơi tôi nữa).

Đệ tử có 5 việc nên quở trách:

1) Không biết xấu.
2) Không biết hổ thẹn.
3) Không thọ giáo.
4) Mất oai nghi.
5) Không cung kính.

Laïi có 5 việc cần quở trách:

1) Không biết xấu.
2) Không biết hổ thẹn.
3) Nói không nghe tức không nghe lời dạy.
4) Ưa làm bạn với kẻ dữ.
5) Ưa đến nhà dâm nữ.

Lại ưa đến nhà phụ nữ, nhà con gái chưa có chồng, nhà huỳnh môn, tịnh xá Tỳ-kheo-ni, tịnh xá Thức-xoa, Sa-di-ni, ưa đến những chỗ mại dâm. Những việc như vậy cần quở trách.

- Không nên quở trách luôn luôn.

- Không nên an cư xong quở trách.

- Khi bệnh không nên quở trách.

- Không nên quở trách khi vắng mặt.

- Không nên không nói rõ tội mà quở trách.

- Quở trách rồi không nên liền nhận sự cung cấp hay sai khiến. Không nên cho y chỉ.

- Cho phép người khác hướng dẫn họ, vì hai thầy, như pháp sám hối để đem lại sự hòa hợp.

- Không nên dẫn dụ đệ tử người khác về nuôi.

- Trường hợp hai thầy của họ phá giới v.v... làm như vậy với ý nghĩ: Dẫn đệ tử họ đi để đem lại pháp Sa-môn được tăng ích, tức là kỉnh giác hai thầy của họ... thì được.

- Đệ tử sám hối đúng pháp, thầy nên chấp nhận.

- Đệ tử xin phép hai thầy đi xa, nên hỏi đi có việc gì? Ai là bạn, đến chỗ nào? Có vấn đề nào xét thấy không tốt thì nên ngăn ngừa đừng cho đi.

Phần thứ tư 5nói rằng:

Không được nuôi hai Sa-di. Trường hợp nếu có khả năng dạy dỗ, giữ giới, tăng tâm, tăng huệ, tăng học vấn, phúng tụng thì cho phép nuôi.

Luật Tăng kỳ nói rằng:

Không được nghĩ rằng nuôi Điệu để nó phục vụ cho mình. Nên nghĩ rằng mình độ họ để họ nhờ mình mà tu các thieän pháp, đắc thành đạo quả.

Không thể hàng phục được mình, mà đòi hàng phục người là điều không có được.

Không thể điều phục được mình mà đòi điều phục người; không thể tự độ mà đòi độ tha, mình chưa giải thoát mà muốn giải thoát cho người khác. Tất cả những việc này đều không có được.

Phải thành tựu 10 pháp sau đây mới cho độ người xuất gia thọ Cụ túc giới:

1) Giữ giới.

2) Học nhiều Luận (thông suốt luận).

3) Học nhiều Luật (thông suốt luật).

4) Học giới điều.

5) Học thiền định.

6) Học trí tuệ.

7) Có thể xuất tội, có khả năng dạy người xuất tội.

8) Có khả năng chăm sóc bệnh, có khả năng dạy người chăm sóc bệnh.

9) Đệ tử gặp khó khăn, có khả năng giải quyết vấn đề khó khăn đó mau chóng, và có khả năng khiến người giải thoát mau chóng.

10) Đủ 10 hạ. Vừa đủ 10 hạ mà biết 2 bộ luật cũng được độ người. Nhận cho người y chỉ cũng vậy.

Không nên nuôi nhiều Sa-di. Chỉ nên nuôi nhiều lắm là ba Sa-di mà thôi. Trường hợp vị Tỳ-kheo có đức lớn, nhiều người tôn trọng xin tu, thì nên nói với một vị Tôn túc khác rằng: "Tôi biết có người chỉ muốn sống gần bên thầy để tập kinh pháp, hầu tăng trưởng đạo nghiệp". Rồi mới tự mình dạy dỗ họ.

Bộ Luật nhiếp nói:

Đủ 10 hạ, ở vào vị trí bậc thầy, nhưng phải thành tựu 5 pháp:

1) Biết có phạm tội.

2) Biết không phạm tội.

3) Biết phạm nhẹ.

4) Biết phạm nặng.

5) Đối với kinh Biệt giải thoát phải thấu hiểu thâm nghĩa, đối với các học xứ nên hiểu rõ duyên khởi kiết giới, tùy khai như thế nào? Nếu gặp nạn duyên khác biết vận dụng. Thường tụng Giới bổn, có thể giải quyết lòng nghi của người khác. Hiểu nhiều về giới luật; mình, người đều được lợi. Oai nghi, hành pháp không hề trái phạm. Đầy đủ đức độ như vậy, gọi là Thân giáo sư, chỉ nhờ vị Thân giáo sư mới có khả năng dạy pháp xuất ly. Tuy là Tỳ-kheo, nhưng đối với các học xứ không biết giới nào trọng, giới nào khinh, thì dầu 60 tuổi hạ, vẫn phải y chỉ nơi vị minh đức mà sống. Nếu vị minh đức đó còn nhỏ, chỉ trừ lễ bái, còn bao nhiêu việc khác đều phải phục dịch, trường hợp này gọi là Lão thiểu Tỳ-kheo không được cho người khác xuất gia, và thọ giới Cụ túc vậy.

Thà là làm tên đồ tể tạo nghiệp sát hại, chứ đừng cho người xuất gia thọ Tỳ-kheo rồi buông trôi không dạy dỗ, khiến Chánh pháp của Ta sớm hoại diệt.

Trường hợp đáng quở trách lại không quở trách, không đáng quở trách lại quở trách. Trường hợp nên tha thứ lại không tha thứ, không nên tha thứ lại tha thứ đều mắc tội ác.

Nếu người đã thọ giới cận viên (Tỳ-kheo) không hành pháp cung kính, không nghe lời dạy dỗ, nên cho họ sáu vật (ba y, bát, ngọa cụ, đãy lọc nước) rồi đuổi, bảo họ đi chỗ khác. Nếu là cầu tịch (Sa-di) cho họ hai y (nội y và y vai trái) cũng đuổi, bảo họ đi đâu thì đi.

Trường hợp cha mẹ có lòng tin, đem đứa con nhỏ đến cho Bí-sô thì Bí-sô nên nhận. Sau đó, nếu họ đòi thì trả lại cho họ. Trường hợp họ lấy tiền, nhiều ít, tùy theo đó mà đưa cho họ, không phạm. Đứa trẻ này ở bên Bí-sô, Bí-sô dùng mảnh cà-sa quấn nơi cổ nó, tùy thời nuôi dạy nó. Sau khi nó lớn khôn, cha mẹ nó nghĩ việc trả ơn đem phẩm vật cúng dường, tùy ý nên nhận.

Luật Ngũ phần nói rằng :

Khi độ người nên hỏi: "Ông vì cái gì xin xuất gia?" Nếu họ nói là: Vì cơm áo, thì không nên độ. Nếu họ nói: Vì cầu pháp lành, nhàm chán sanh, tử, lão, bệnh, ưu bi khổ não, thì nên độ.

Bộ Căn bản tạp sự nói:

Muốn cho người xuất gia, trước phải sắm sửa 6 vật, ba y, phu cụ, bát và đãy lọc nước.

Bộ Ni-đà-na nói:

Muốn độ Sa-di cũng cho bình bát và bát nhỏ, chén đầy đủ, không được thiếu thốn.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói rằng:

Truyền giao giới Cụ túc rồi, thời gian một năm, dạy dỗ tất cả những việc làm của vị Tỳ-kheo. Sau đó, có người cầu xin thọ giới Cụ túc thì nên trao truyền. Chưa đủ năm thì không nên chấp thuận trao truyền. Sau khi ông Sa-di thọ

Đại giới rồi được nhận độ một Sa-di khác. Pháp y chỉ, cũng sau một năm lại được nhận người khác y chỉ. Không được thọ một lúc hai người y chỉ.

Luật Thiện kiến nói:

Danh từ Hòa thượng theo đời Hán dịch nghĩa là: Biết có tội, biết không có tội thì gọi là Hòa thượng.

Luận Tát-bà-đa nói rằng:

Khi truyền trao giới pháp, trước đó phải thuyết pháp, hướng dẫn tâm họ lãnh hội rõ ràng, khiến cho họ đối với tất cả chúng sanh, khởi tâm bi mẫn. Khi họ đã được tâm tăng thượng thì được giới tăng thượng.

(Việc làm này 'việc khai đạo giới tử' nên thực hiện trước khi đăng đàn, khéo léo khai thị, chủ yếu là cho họ lãnh hội rõ ràng. Đâu được phép sau khi chư Tăng 'Thập sư' tập hợp, sắp tác pháp Yết-ma, khi đó mới đem ra tuyên đọc dài dòng văn tự? Đại chúng ngồi lâu thì mỏi mệt, giới tử mọp lạy thì mờ mịt không hiểu gì, trở thành vô nghĩa).

Bộ Nam hải ký qui nói:

Người cư sĩ đến chỗ ở của Bí-sô, chuyên tụng kinh Phật, cạo bỏ râu tóc, mặc áo nâu sồng, gọi là đồng tử. Hoặc tìm cầu ngoại điển, không có tâm xuất ly, gọi là học sinh. Hai hạng người này đều phải tự túc, nếu thọ dụng của thường trụ, Thánh giáo hoàn toàn cấm ngăn. Nếu có công lao với chúng Tăng thì theo công lao có thể thọ dụng vậy. Hoặc bữa cơm thường hay là thí chủ có tâm dự định trước thì thọ dụng không can gì. Chùa Tăng bên Tây quốc, phần nhiều học sinh đến chư Tăng học tập ngoại điển; một là để chư Tăng sai bảo lặt vặt, hai là dạy họ phát khởi lòng tốt, có lợi mình, lợi người thì nuôi dưỡng không sao. Một bát cơm khất thực, theo lý thì chẳng nhọc nhằn, nếu họ có phục vụ chút ít thì cũng là điều cần thiết. Bảo họ đưa một cây tăm xỉa răng mà cho họ ăn uống, trong lúc đúng thời, thì không làm hại đến đạo từ bi vậy.

Kinh Bồ-tát thiện giới nói rằng:

Từ những kẻ Chiên-đà-la cho đến hạng đồ tể, tuy làm nghiệp ác, nhưng không phá hoại Chánh pháp Như Lai, thì không hẳn sẽ đọa vào trong đường

ác. Nhưng làm thầy mà không thể dạy bảo la rầy đệ tử, thì đó là phá pháp của Phật, chắc chắn đọa vào địa ngục.

Kinh Ưu-bà-tắc giới nói rằng:

Thà thọ ác giới, trong một ngày mà đoạn vô lượng mạng căn, chứ nhất quyết không nuôi dưỡng đệ tử tệ ác, không thể điều phục. Vì sao vậy? Bởi ác luật nghi chỉ đem lại sự tác hại cho thân mình thôi, còn nuôi đệ tử tệ ác, không thể dạy dỗ thì làm cho vô lượng chúng sanh tạo ác. Chúng có thể hủy báng vô lượng pháp tốt đẹp huyền diệu, và phá hòa hợp Tăng, khiến cho nhiều chúng sanh tác ngũ vô gián tội. Cho nên tai hại hơn ác luật nghi là vậy.

---o0o---

III. PHÁP ĐỆ TỬ THỜ THẦY

Phần thứ ba (luật Tứ phần) nói rằng:

Hòa thượng: Là vị thầy từ nơi ngài mà chúng ta nhận được giới.

Đồng đẳng Hòa thượng: Là những vị thầy, phần lớn đã đủ 10 tuổi hạ.

A-xà-lê có 5 hạng6:

1) Xuất gia A-xà-lê, là vị thầy chúng ta nương vào để được xuất gia.

2) Thọ giới (Yết-ma) A-xà-lê, là vị thầy tác pháp Yết-ma. khi thọ giới.

3) Giáo thọ A-xà-lê, là vị thầy dạy dỗ oai nghi giới hạnh.

4) Thọ kinh A-xà-lê, là vị Thầy từ nơi ngài ta học kinh, thuyết nghĩa.

5) Y chỉ A-xà-lê, là vị thầy từ nơi ngài chúng ta nương vào để sống đời đạo hạnh, cho đến một đêm.

Những vị A-xà-lê như vậy phần nhiều đã trên 5 tuổi hạ.

Phần thứ hai7 thuyết minh:

Trường hợp Tăng vì thầy mình tác pháp Yết-ma... đệ tử nên như pháp liệu lý, khiến cho Thầy thuận tùng đối với Tăng, mong cầu trừ hết tội, mau giải pháp Yết-ma.

Trường hợp thầy phạm Tăng tàn, hoặc bệnh, hoặc không muốn ở nơi trú xứ này, hoặc có việc nghi ngờ, tất cả đều như trong pháp làmtThầy đã nói. Trường hợp Thầy sanh ác kiến, nên khuyên từ bỏ. Nên dùng hai việc (pháp và thực) để nhiếp hộ, cũng như trong pháp làm thầy đã nói.

Đệ tử không thưa với thầy, không được vào xóm, không được vào nhà người khác, không được theo các Tỳ-kheo khác, hoặc làm bạn với các Tỳ-kheo khác, không được cho, không được nhận, không được giúp đỡ các việc, không được nhận sự giúp đỡ mọi việc của người khác. Không được cùng người khác cạo tóc, không được nhờ người khác cạo tóc. Không được vào trong nhà tắm, không được lau chùi xoa thân cho người, không được nhận sự lau chùi xoa thân của người khác. Không được ban ngày đến nơi phòng khác của trú xứ, không được đến nơi gò mả, không được ra ngoài cương giới, không được đi phương khác.

Mỗi sáng sớm nên vào phòng thầy thưa hỏi nghĩa kinh, đổ bỏ đồ tiểu tiện. Đến giờ rửa tay phải thưa thầy và đưa bột đậu, tro... để thầy rửa. Nếu có khẩu phần của thầy nên nhận. Tăng có lợi dưỡng gì về phần thầy, nên nhận.

Nên thưa thầy: - Cần vào thôn (khất thực) không? Nếu thầy nói: - Không cần. Nên thưa thầy: - Nhận đồ ăn ở đâu? Nếu thầy cho biết nhận chỗ nào thì đến nơi đó nhận.

Nếu thầy cần vào thôn, nên rửa tay sạch lấy y An-đà-hội, giây lưng, Tăng-kỳ-chi, y Uất-đa-la-tăng, từ trên sào tre giũ sạch, trao cho thầy, nên vắt Tăng-già-lê nơi vai. Kế đến lấy bình bát, lấy đãy đựng bát, lấy áo choàng (phú kiên) trao cho thầy. Lại lấy vật rửa chân, áo lông dùng để nằm, trao cho thầy. Khi thầy xuất hành nên xách guốc dép đi đường đến cho thầy. Khi ra khỏi phòng phải ngó lại xem cửa đóng chưa, nên vặn thử, có chắc không. Nếu không chắc phải đóng lại, nên cất chìa khóa nơi kín đáo.

Khi đi, thầy đi trước. Trên đường gặp người quen, nên khéo nói, khéo nhiếp niệm. Khi đi nên tránh đường người đi, nếu muốn vào thôn, nên đứng bên đường để bát xuống một bên, lấy Tăng-già-lê trao cho thầy. Nếu ngoài thôn có quán khách, quán bán, nơi chế tạo sản xuất... nên cầm guốc dép đi đường gởi vào trong đó. Nên thưa thầy: - Con được phép cùng đi với thầy không?

Nếu thầy nói: - Được. Mình nên đi theo. Nếu Thầy nói: - Không cần đi theo... đợi nơi nào... thì đợi nơi chỗ thầy chỉ định. Khi ra khỏi thôn nên lấy lại guốc dép, để bát nơi bên đường nhận lại Tăng-già-lê, vắt nơi vai. Khi đến chỗ thầy dùng cơm, nên quét sạch nơi đó, trải tọa cụ, sửa soạn bình tịnh thủy, đồ để tắm, đồ đựng vật thực. Lại an trí ghế ngồi tắm, đá rửa chân, khăn lau chân... Nếu thấy thầy đến liền đứng dậy nghinh đón, rước bình bát nơi tay thầy để chỗ cẩn thận, xếp Tăng-già-lê, đừng để dơ nhớp, nếu có dơ nhớp phải giặt tẩy. Thầy rửa chân rồi, phải đổ bỏ nước dơ nơi chậu, đem đá rửa chân, lấy khăn lau chân để lại chỗ cũ. Kế đó mình rửa tay cho sạch rồi trao nước sạch cho thầy rửa tay. Mình có thức ăn gì đem dâng lên thầy. Thưa rằng: - Đây là thức ăn phần của con, mời thầy dùng. Thầy cần gì nên đáp ứng. Thầy dùng cơm nên đứng hầu, cung cấp những gì thầy cần. Nếu giờ ngọ gần qua, nên cùng thầy dùng một lượt. Thầy dùng xong nên rước bát nơi tay thầy, dâng nước súc miệng cho thầy, mình ăn xong, đồ ăn còn dư nên cho người hay cho phi nhơn, hoặc đổ trên đất chỗ không có cỏ, hoặc đổ trong nước, chỗ không có trùng. Rửa sạch những đồ đựng thức ăn, để lại chỗ cũ, xếp tọa cụ, dẹp đồ rửa chân, bình nước sạch, bình súc miệng để lại chỗ cũ, quét sạch đất chỗ vừa ăn. Kế đó vào phòng thầy, nếu thấy dơ thì quét, giường dây, đồ trải đất, để y lại chỗ cũ. Sau khi lau quét xong, đất bụi quét phòng thầy... khi đổ, cần để ý xem nếu có kim, chỉ, dao nhỏ, cho đến một, hai viên thuốc cũng lượm để chỗ dễ trông thấy, cho người chủ của vật ấy thấy, nhận lại. Lại phải nhìn lên trên cái giá y, cái móc áo, hay là nơi phòng có chỗ nào hư hoại hang ổ, ổ chuột, chỗ nào cần trét thì trét, chỗ nào cần nện thì nện, chỗ nào cần làm cho bằng thì làm cho bằng, làm thế nào cho hết sức sạch sẽ. Nếu cái ghế ngồi không tề chỉnh, phải sửa lại cho tề chỉnh, nếu vốn đã tề chỉnh thì nên như cũ mà sắp xếp vật nào chỗ ấy đâu đó đàng hoàng. Trước sân đất bụi liền nên quét dọn. Bình nước rửa hết rồi nên múc bình nước sạch khác để lại chỗ cũ. Nước uống, nước nhà tắm đều như vậy. Thầy cần tắm nên đến nhà tắm xem coi, cần lau thì lau, cần quét thì quét, cần thay nước thì thay, cần chẻ củi thì chẻ, cần nấu nước tắm thì nấu. Những gì cần khi tắm nên sửa soạn đầy đủ. Nên thưa thầy trước khi nấu nước, nấu xong nên thưa để thầy biết. Nếu thầy ốm yếu, cần đỡ vào nhà tắm thì đỡ. Thầy cần xoa, kỳ, chà lưng, thì xoa kỳ, chà lưng, nhưng phải đứng sau lưng thầy. Nếu cần nhờ người chà lưng hay chà lưng cho người khác, cần phải thưa với thầy. Thầy tắm xong mình rửa sạch sẽ. Nếu thầy ốm yếu vì già cần dìu ra khỏi nhà tắm, về lại phòng xong, mình nên trở lại nhà tắm, xem khắp mọi chỗ, cái gì cần xếp lại chỗ cũ thì xếp. Mỗi ngày nên ba lần, mai, trưa, chiều đến thăm hỏi thầy. Nên vì thầy phục vụ hai việc nhọc cho thầy. Không neân từ chối. Hai việc đó là: Sửa chữa phòng ốc và giặt vá y áo.

Những gì thầy dạy như pháp đều phải phụng hành không được từ chối những điều sai bảo, nếu có. Khi bị la rầy, quở trách rồi nên đến thầy xin sám hối.

Phương thức sám hối: mặc y trống vai bên hữu, không mang guốc, quỳ gối, chắp tay thưa rằng:

- Thưa thầy! Nay con xin sám hối, con không dám tái phạm.

Trường hợp thầy cho sám hối thì tốt; nếu không cho sám hối, cần phải nhỏ nhẹ, tùy thuận khéo léo tìm cách trình bày vấn đề phạm tội.

Có 5 việc phi pháp của thầy, đệ tử nên sám hối mà đi8. Nên trình bày 5 việc ấy với thầy là:

1) Con sống như pháp, thầy không biết.

2) Con sống không như pháp, thầy cũng không biết.

3) Con phạm tội, thầy không quở trách dạy dỗ.

4) Con phạm tội, thầy cũng không biết.

5) Con phạm tội mà sám hối, thầy cũng không biết.

Bộ Căn bản tạp sự thuyết minh:

Có người nương tựa nơi thầy, xuất gia trong giáo pháp của Phật, cạo bỏ râu tóc, mặc áo pháp của Phật, tâm hồn trong trắng đầy đủ lòng tin, gọi là xuất gia như pháp. Người ấy đối với thầy, cho đến trọn đời tứ sự cúng dường, cũng chưa có thể trả ơn hết được.

Bộ Luật nhiếp nói rằng:

Trường hợp cha mẹ và hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê), bốn hạng người này có phá giới, vẫn nên cúng dường, không nên khinh mạn.

Luật Thiện kiến thuyết minh:

Người có trí tuệ, khi đến nơi vị Túc đức (đức cao vọng trọng), cần tránh sáu pháp không nên phạm, sau đó mới ngồi:

1) Quá cách xa.

2) Quá áp gần.

3) Trên đầu gió.

4) Chỗ cao hơn.

5) Sát trước mặt.

6) Ở sau lưng.

Trường hợp đệ tử đi theo hầu thầy, giữa đường gặp thuyết pháp, vì ham nghe pháp suốt đêm, đến tướng ban ngày hôm sau xuất hiện, thì không phạm tội lìa thầy. Vì không quyết tâm xa lìa thầy vậy.

GIẢI THÍCH:

Hỏi: Trong 5 hạng A-xà-lê, 4 hạng quyết định là bậc Thượng tọa, chỉ có hạng dạy bảo đọc tụng, hoặc có thể là bậc Hạ tọa. Như vậy vấn đề hầu hạ, cung phụng nên như thế nào?

Đáp: Chỉ trừ vấn đề lễ bái, còn tất cả đều như pháp phụng sự thầy.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn dư, nên cho người hay phi nhơn,
hoặc đổ nơi đất sạch, cho các chim chóc, hoặc là đổ trong nước thí cho loài cá trạch. Nay tại sao nói nên đổ trong nước không có trùng?

Đáp: Trong luật Tăng kỳ nói: "Trùng không phải là loài cá trạch mà là một loại ở dưới nước rất là nhỏ. Vì loài ấy quá nhỏ nên sợ trong đồ ăn có chất muối và nhơ bẩn, khiến cho tổn đến sinh mạng của chúng nó."

---o0o---

IV. PHÁP THƯỢNG TỌA

Luận Tỳ-bà-sa thuyết minh:

Có 3 hạng Thượng tọa:

1) Sanh niên Thượng tọa, giới lạp tối cao.

2) Thế tục Thượng tọa, bậc đại phước đại huệ, tuy tuổi chỉ 20, nên cùng nhau suy tôn lên bậc Thượng tọa.

3) Pháp tánh Thượng tọa, tức bậc A-la-hán.

Âm tiếng Phạn gọi là Tất-thế-na, Hoa dịch là Thượng tọa, cũng gọi là Thượng sĩ. Còn hạng người không tự lợi mà cũng không lợi tha gọi là Hạ sĩ. Chỉ có tự lợi gọi là Trung sĩ. Cả hai đều lợi gọi là Thượng sĩ.

GIẢI THÍCH:

Hỏi: Kẻ Tỳ-kheo mới học, dầu thông kinh, luận, chưa thuộc luật pháp, cần phải y chỉ 5 hạ. Dầu là
bậc đại phước, đại huệ, tại sao suy tôn lên bậc Thượng tọa, mà không y chỉ 5 hạ ư?

Đáp: Suy tôn lên bậc Thượng tọa trong vấn đề giảng kinh, giảng luận, mở mang phước nghiệp, chứ
chẳng phải lìa y chỉ.

Kinh Tỳ-ni mẫu thuyết minh:

Từ không hạ đến 9 hạ gọi là Hạ tọa. Từ 10 đến 19 hạ gọi là Trung tọa. Từ 20 đến 49 hạ gọi là Thượng tọa. Từ 50 trở lên gọi là kỳ cựu Trưởng túc.

Phần thứ tư (luật Tứ phần) nói:

Phật dạy các Thầy Tỳ-kheo: Trường hợp có những vị Thượng tọa đã không học giới, cũng không khen ngợi giới, mà có các Tỳ-kheo vui học giới, ưa khen ngợi giới, cũng không lúc nào Thượng tọa đó khuyên lơn khen ngợi các Tỳ-kheo ấy. Hạng Thượng tọa như vậy không nên gần gũi, không nên học theo nếp sống của Thượng tọa đó. Nếu học theo nếp sống như vậy thì thọ khổ nhiều đời.

Luật Thập tụng thuyết minh:

Có 5 pháp làm cho Chánh pháp diệt vong, mai một:

1) Không ưa thích cảnh niết-bàn (Vô dục).

2) Độn căn.

3) Đọc tụng mà không lãnh thọ một cách chơn chánh, cũng không khiến người khác hiểu rõ.

4) Không có khả năng khiến cho người lãnh thọ không có oai nghi cung kính, không có thuyết pháp, không có khả năng dạy dỗ như pháp.

5) Đấu tranh với nhau, không ở nơi A-lan-nhã, cũng không ái kính người ở A-lan-nhã.

Trái với 5 pháp trên thì Chánh pháp không diệt vong, không mai một.

Lại có 5 pháp làm cho Chánh pháp diệt vong, mai một:

1) Không dạy theo Chánh pháp mà dạy theo phi pháp.

2) Không theo pháp nhẫn mà theo pháp không nhẫn.

3) Không cung kính Thượng tọa, không có oai nghi.

4) Thượng tọa không dùng Chánh pháp dạy dỗ.

5) Khi Thượng tọa nói pháp thì sầu não, làm cho hậu sanh không được thọ học Tam tạng. Sau khi mạng chung Tỳ-kheo phóng dật, học tập phi pháp, mất các pháp lành.

Trái với 5 pháp trên thì Chánh pháp không diệt vong, không mai một.

Lại có 7 pháp làm cho Chánh pháp diệt vong, mai một:

1) Không chánh tín.

2) Lười biếng.

3) Không biết xấu.

4) Không biết hổ thẹn.

5) Dễ quên.

6) Không định.

7) Ít trí tuệ.

Thời kỳ Chánh pháp diệt rồi, thời kỳ Tượng pháp xuất hiện 5 phi pháp:

1) Có hạng Tỳ-kheo, tâm hồn có được một chút định, bèn nói rằng mình được Thánh pháp.

2) Hàng cư sĩ thì được sanh lên cõi trời, còn hàng xuất gia lại đọa vào trong đường dữ.

3) Có người từ bỏ đời sống thế tục để xuất gia mà lại phá giới.

4) Có trường hợp người phá giới lại có nhiều người ủng hộ, kẻ trì giới lại không ai giúp đỡ.

5) Người tu hành bị mạ nhục, cho đến bậc A-la-hán cũng bị mạ nhục.

Phật bảo ngài Ưu-ba-ly: Sau này có 5 việc đáng sợ, nhưng hiện tại thì chưa xảy ra, ông nên biết để tìm cách tiêu diệt:

1) Có hàng Tỳ-kheo không tu thân, không tu giới không tu tâm, không tu trí, mà độ người xuất gia thọ giới. Họ không có khả năng dạy chúng tu thân, giới, tâm, trí. Đó là hạng người đáng sợ thứ nhất.

2) và 3) Có hàng Tỳ-kheo không tu thân, giới, tâm, trí mà cho người khác y chỉ. Họ nuôi Sa-di không có khả năng dạy chúng tu thân, giới, tâm, trí. Đó là hạng người đáng sợ thứ hai, thứ ba.

4) Có hàng Tỳ-kheo không tu thân, giới, tâm, trí mà cho người tịnh nhơn, Sa-di, cùng ở gần, không biết ba tướng: Cuốc đất, đốn cây, dùng nước có trùng để tưới rửa. Đó là hạng người đáng sợ thứ tư.

5) Có hàng Tỳ-kheo không tu thân, giới, tâm, trí cùng nhau tụng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, đem trước sau vô giữa, đem giữa làm trước sau, trước mắt không thấy được bạch pháp, phạm hay là không phạm. Đó là hạng người đáng sợ thứ năm.

Lại có 5 việc đáng sợ, hiện tại chưa có, đời sau mới có, nên biết để khéo léo tìm cách tiêu diệt:

1) Tỳ-kheo đời tương lai không tu thân, giới, tâm, trí, không ưa thích cảnh niết-bàn (vô dục), căn độn, tuy tụng cú nghĩa mà không lãnh thọ một cách chơn chánh. Đó là điều thứ nhất đáng sợ.

2) Có hạng Tỳ-kheo không tu thân, giới, tâm, trí, cho Ni cùng ở gần, hoặc phạm việc "tày trời", xả giới hoàn tục. Đó là điều đáng sợ thứ hai.

3) Có hạng Tỳ-kheo không tu thân, giới, tâm, trí những gì đức Như Lai dạy, như Tu-đa-la thậm thâm, Không, Vô tướng, Vô nguyện, 12 nhân duyên, các pháp thâm yếu, không khả năng tin ưa thọ trì, dù có thọ trì nhưng không có khả năng thông lợi. Khi cần nói hay dạy dỗ thì không có tâm lân mẫn, không có tâm ái lạc, ưa sáng tác văn tụng, làm đẹp chương cú, ưa pháp thế tục, muốn cái muốn của đời, khi nói pháp thế tục, có lòng tin ưa, có lòng thích muốn. Cho nên những pháp đức Như Lai đã nói ra như Tu-đa-la thậm thâm, Không, Vô tướng, Vô nguyện, 12 nhân duyên, các pháp thâm yếu, đều bị tiêu diệt. Đó là điều đáng sợ thứ ba.

4 và 5) Có hàng Tỳ-kheo không tu thân, giới, tâm, trí, vì vấn đề ăn mặc bỏ chốn A-lan-nhã, bỏ đời sống dưới gốc cây trong rừng vào xóm làng. Vì vấn đề ăn mặc, mà tìm cầu khắp nơi, khi đã tìm cầu thì nhiễu loạn. Đó là hạng đáng sợ thứ tư và thứ năm.

(Pháp môn đáng sợ này là trách nhiệm của người lớn tuổi, nên ghi chép ra đây để nhắc nhở cảnh giác vậy).

---o0o---

V. PHÁP ĐỒNG HỌC

Phần thứ tư9 thuyết minh:

Tỳ-kheo có 5 pháp, không nên kết làm bạn thân.

1) Người ưa đấu tranh.

2) Người ưa tác nghiệp.

3) Ưa cãi lộn cho hơn người.

4) Ưa ngao du đây đó.

5) Không vì người nói pháp, không dạy điều hay lẽ phải.

Lại có 5 pháp không nên làm bạn cùng đi10:

1) Ưa đi trước quá xa.

2) Ưa đi sau quá xa.

3) Ưa nhại theo lời nói của đoán nhơn.

4) Không phân biệt lời lành lời dữ, không khen lời lành, lại khen lời dữ.

5) Được lợi dưỡng như pháp, không vì người kia thọ đúng thời.

Bộ Căn bản tạp sự nói:

Ngài A-nan bạch Phật: - Người Thiện tri thức chỉ có nửa phạm hạnh phải không? Phật dạy ngài A-nan: - Bậc Thiện tri thức là toàn phạm hạnh chưù không phải nửa phạm hạnh.

Luật Tăng kỳ thuyết minh:

Tỳ-kheo có 10 việc làm cho người không ưa thích:

1) Không cùng nhau gần gũi.

2) Coi nhẹ việc gần gũi.

3) Vì lợi mà gần gũi.

4) Người đáng ưa lại không ưa.

5) Người không đáng ưa lại ưa.

6) Nói thật lại không ưa tin.

7) Ưa dự vào việc người.

8) Thật không oai đức, lại muốn thụ hưởng.

9) Ưa giấu việc riêng.

10) Nhiều ham muốn.

Vị Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã không nên khinh vị Tỳ-kheo ở nơi tụ lạc, nói: "Ngài ở đây nếm đủ mùi vị, đâu thiếu thứ gì" Mà nên khen rằng: "Ngài ở tụ lạc để thuyết pháp giáo hóa, bảo vệ Chánh pháp, thay thế cho chúng tôi".

Vị Tỳ-kheo ở nơi tụ lạc không nên khinh chê vị Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã, nói: "Ngài ở nơi A-lan-nhã này, hy vọng danh lợi, các loài cầm thú cũng ở nơi A-lan-nhã này. Ngài chỉ sống cho qua ngày đoạn tháng mà thôi!" Mà nên khen rằng: "Ngài tránh xa tụ lạc, nhàn tịnh tư duy, tôn sùng thượng nghiệp. Đây là việc khó làm. Ngài ở nơi đây để chấm dứt vọng tâm. Không có tranh luận cùng nhau giành phần hơn".

---o0o---

VI. PHÁP LỄ KÍNH

Luật Nhiếp thuyết minh:

Có 4 hạng người nên lễ:

1) Đức Như Lai, tất cả người, trời, đều nên hết

lòng kính lễ.

2) Người xuất gia không lễ người thế tục. Người này đáng được kính lễ.

3) Nên kính lễ vị thọ cận viên trước, trừ cận viên Ni.

4) Người chưa thọ cận viên nên lễ người cận viên.

Có 10 hạng người không nên lễ: 4 hạng người hành biệt trụ – Người thọ học pháp – 3 hạng người bị xả trí (bị gạt sang một bên) – Các cư sĩ – Người chưa cận viên.

Nghi lễ kính có 2 cách khác nhau:

1) Năm vóc gieo sát đất.

2) Đầu mặt sát chân.

Miệng nói: - Bạn-đệ 畔睇 (Bạn-đệ là danh từ chí kính bên Tây Trúc, chưa thấy phiên dịch. Có thể là "Bàn-na-mị" hoặc là "Bàn-đàm" nói sai ra là "Hòa nam", dịch là: Tôi lễ lạy).

Nếu biết thân người khác có uế trược mà lễ kính, hoặc thân mình có uế trược mà lễ kính người đều mắc tội ác tác.

Có hai thứ uế trược:

1) Ăn xong chưa súc miệng.

2) Đại tiểu tiện xong chưa rửa sạch.

Lễ bái nơi chỗ tối, không nên lễ sát đất. Miệng nói: - Bạn-đệ. Nghĩa là hết lòng cung kính.

Phần thứ tư (luật Tứ phần) thuyết minh:

Có 10 oai nghi của Tỳ-kheo không nên lễ: - Đại tiện – Tiểu tiện – Chưa mặc đồ – Đang cạo tóc – Khi nói pháp – Lúc xỉa răng – Lúc súc miệng – Lúc uống – Lúc ăn cơm – Lúc nhai trái cây.

Bộ Căn bản tạp sự nói:

Không nên mặc một y mà lễ người, cũng không nên mặc một y mà nhận người lễ.

---o0o---

VII. PHÁP HIẾU KÍNH CHA MẸ

Luật Ngũ phần thuyết minh:

Ngài Tất-lăng-già-bà-ta, cha mẹ bần cùng, muốn lấy tấm y để cúng dường cha mẹ mà không dám. Ngài đem vấn đề aáy bạch với Phật. Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Nếu có người tròn 100 năm, vai mặt cõng cha, vai trái cõng mẹ. Cha mẹ cả đại lẫn tiểu tiện luôn ở trên vai, dùng tất cả món ăn mặc cao đẹp nhất để cúng dường. Hiếu đễ như thế cũng vẫn không thể trả ơn cha mẹ được, dù chỉ nói đến công ơn trong chốc lát. Từ nay cho phép các thầy Tỳ-kheo, hết lòng suốt đời cúng dường cha mẹ. Nếu không cúng dường thì mắc tội rất nặng.

Bộ Căn bản ni-đà-na nói rằng:

Cha mẹ đối với con, hay làm những việc khó nhọc, gánh vác việc khổ. Giả như xuất gia, đối với cha mẹ, nên phải cung cấp. Chỉ trừ y và bát, còn bao nhiêu vật khác có thể cung phụng. Nếu không có vật khác, có thể đến nhà thí chủ, tùy theo đó mà cầu xin. Nếu trường hợp xin mà khó được, nên dùng những vật thường nhận lãnh được nơi Tăng, nên dùng phần ăn mà Tăng chia cho mình, giảm lấy phân nửa để mà cứu giúp cung phụng cha mẹ. Hoặc là phần ăn do khất thực mà được, truất lấy một nửa của mình để mà cung phụng cha mẹ.

---o0o---

VIII. PHÁP AN CƯ11

Không nên suốt năm đi du hóa trong nhân gian. Cho phép 3 tháng mùa hạ phải an cư. Thưa với vị y chỉ của ta, nơi an cư như sau:

- Trưởng lão một lòng nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... nương nơi tụ lạc tên là... hoặc Già-lam tên là... hoặc phòng nhà số... ba tháng trước mùa hạ an cư. Phòng xá nếu có hư xin được sửa chữa. (Thưa như vậy 3 lần thì thành lễ an cư).

Pháp hậu an cư cũng như vậy, chỉ đổi chữ "trước" thành chữ "sau" mà thôi. Nếu không có người Y chỉ thì tâm niệm an cư. Vì vấn đề an cư mà đến, liền thành an cư.

Đã vào an cư rồi, khách Tỳ-kheo đến, không nên dời chỗ, cũng không nên bỏ đi.

Nếu muốn an cư, trước hết tự mình đến, xem phòng xá, ngọa cụ, sau đó mới thọ an cư.

Nên Bạch nhị yết-ma để sai người phân phối phòng xá, ngọa cụ. Vị được sai, nên tính bao nhiêu Tỳ-kheo, bao nhiêu phòng, bao nhiêu ngọa cụ, cho đến có bao nhiêu vị có phước đức nhiều, ít v.v... đâu đó xong. Đến trước bậc Thượng tọa thưa:

"Thưa Đại đức Thượng tọa, hiện có bao nhiêu phòng xá, bao nhiêu ngọa cụ như vậy, Thượng tọa cần nhận phòng nào, ngọa cụ nào, xin tùy ý nhận." (Phân phối Thượng tọa xong, thứ đến Trung tọa, lần lượt đến Hạ tọa).

Nhận phòng rồi, tùy theo khả năng mà sửa chữa, bài trí, trang hoàng.

Không nên phân chia bằng cách tập trung Tăng vào mộ chỗ.

Muốn an cư chỗ nào thì trước tiên phải làm dấu, sau khi đi phải xóa mà đi.

Không nên dời giường, nệm, ngọa cụ của phòng này sang phòng khác. Nếu cần, phải báo cáo với vị cựu trú Tỳ-kheo, sau đó mới dời. Trước khi đi phải hoàn lại chỗ cũ. Nếu phòng xá bị hư hoại, nên dời đến phòng khác, sửa chữa xong hoàn lại như cũ. Đối với các chùa khác cũng vậy. Nếu có loại ngọa cụ không cố định, cho đến gậy, quạt... trong phòng nào không có thì phân phối. Trường hợp dư thì phân phối lại từ Thượng tọa lần xuống.

An cư có tiền an cư, hậu an cư. Dù tiền hay hậu, cũng phải đủ 3 tháng mới được. Hậu an cư cũng cho phép thọ Tự tứ. Cho phép nhận phẩm vật cúng dường, cho phép nhận ngọa cụ... tín thí cúng trong mùa an cư. Không nên chưa đủ 3 tháng mà tính một tuổi, phải đợi đủ 3 tháng mới được.

Không được an cư nơi đất trống, cho phép an cư dưới gốc cây. An cư trong một căn phòng nhỏ, an cư trong hang núi, an cư trong tàng bóng mát của cây.

Trong khi an cư, nếu có việc cần như pháp, cho phép xin đi bảy ngày. Đủ bảy ngày phải trở về. Trường hợp bảy ngày mà công việc chưa xong thì phải Bạch nhị yết-ma, xin phép đi quá bảy ngày, hoặc nửa tháng, hay một tháng rồi về lại.

Trường hợp có mạng nạn, phạm hạnh nạn thì tránh đi. Nếu có trường hợp bị phá Tăng thì nên tránh đi. Nếu vì ngăn chặn việc phá Tăng thì nên đi. Nếu vì vấn đề hòa hợp Tăng của trú xứ thì nên đi.

Thọ pháp bảy ngày ra khỏi giới, có nạn lưu lại, không trở về kịp, không mất hạ.

Tiền an cư ở trú xứ này, nghe trú xứ kia được nhiều lợi dưỡng, liền đến trú xứ kia thì không được dựa vào trú xứ trước mà tính tuổi hạ, trái với vấn đề cơ bản thì mắc tội. Hoặc không có việc như pháp mà đi, hoặc thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới mà quá bảy ngày trái với vấn đề cơ bản thì mắc tội. Trong vòng bảy ngày về kịp thì vô tội. Cuối hạ, thọ pháp ra ngoài giới bảy ngày, trở lại, hay không trở lại thì không có tội. Hậu an cư cũng như vậy.

Nhận sự mời an cư của người khác, có mạng nạn, phạm hạnh nạn, nên đến nói cho Đàn-việt biết để dời đi. Đàn-việt đồng ý thì tốt, nếu không đồng ý cũng đi.

Phần thứ tư (luật Tứ phần) thuyết minh:

Nếu an cư ở trú xứ này, nghe Tăng ở trú xứ kia được nhiều y vật, bèn bỏ trú xứ này đến trú xứ kia, liền mất pháp an cư nơi trú xứ này. Ở nơi trú xứ kia một thời gian ngắn rồi trở lại trú xứ này, lại mất pháp an cư nơi trú xứ kia.

Luật Tăng kỳ thuyết minh:

Nếu trên đường hành đạo, ngày an cư đến mà chưa đến trú xứ, nên ở bên đường, hoặc nơi gốc cây, hoặc nơi xe, nên thọ an cư. Đến khi minh tướng xuất hiện mới đến trú xứ. Đến ngày hậu an cư, mặc áo trống vai, quỳ gối, chắp tay, thưa:

- Trưởng lão ức niệm, tôi Tỳ-kheo tên... tại Tăng-già-lam này, xin vũ an cư 3 tháng sau (nói 3 lần). (Tháng mùa Hạ cũng gọi là thời kỳ mưa, nên gọi là vũ an cư vậy).

Nếu Tỳ-kheo hành đạo, mà không thọ tiền an cư, thì mắc tội Việt tỳ-ni. Khi đến trú xứ, mà không thọ hậu an cư mắc hai tội Việt tỳ-ni. Người như vậy là người phá an cư, không được nhận y dâng cúng trong kỳ an cư của Tăng.

Mùa Xuân và mùa Đông, sau khi phân phối phòng xá, có Thượng tọa đến, theo thứ tự mà sắp xếp lại để ở. Nhưng sau khi đã vào an cư, phân phối phòng xá xong rồi, có Thượng tọa đến, không nên thay đổi những vị đã phân phối, có nghĩa là nếu cần, vẫn không theo thứ tự mà sắp xếp. Nếu khi an cư mà đuổi người khác ra khỏi phòng là phạm tội Việt tỳ-ni.

Không cho phép, không cùng nhau nói chuyện (cùng im lặng). Muốn tạo phương tiện để bớt mất thì giờ và nhiều chuyện có thể xảy ra thì trong vòng nửa tháng cho phép không nói chuyện với nhau. Nhưng đến ngày Bố-tát phải nói chuyện với nhau, trao đổi lẫn nhau, cầu nguyện chúc tụng cho nhau. Qua ngày Bố-tát rồi, trở lại như trước.

Luật Ngũ phần nói:

Cho phép an cư chỗ vừa đủ ngồi kiết già và đủ chỗ để y bát mà mưa không dột tới.

Không có việc gì thì nên tiền an cư. Có việc thì cho phép hậu an cư.

Muốn an cư, trước hết phải tính toán, nơi đó có nạn hay không nạn.

Có một thầy Tỳ-kheo an cư, cho đến đồ ăn tồi (thô thực) cũng không đủ no. Phật cho phép gặp trường hợp này, phá an cư không có tội. Trường hợp gặp phạm hạnh nạn, mạng nạn, cuõng như vậy.

Luật Thập tụng nói:

Vị Thượng tọa hậu an cư không nên dùng phòng xá, ngọa cụ của vị Thượng tọa tiền an cư. Nếu vị Thượng tọa tiền an cư có hai phần ngọa cụ thì nên phân phối cho vị Thượng tọa hậu an cư một phần.

Pháp xin ra ngoài đại giới trong vòng bảy ngày thì đối với vị trong 5 chúng mà xin (thọ) không được tâm niệm xin (thọ), trừ trường hợp Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã một mình.

Thuyền neo trên dòng nước, trôi lên, trôi xuống, không được an cư trên đó, nếu cột chặt không di chuyển thì được.

Nếu muốn an cư, trước hết phải tìm xem trú xứ đó có an ổn hay không, có bạn đồng hành tốt hay không? Vấn đề tọa thiền, thuyết pháp, ăn uống, thuốc men v.v... có đáp ứng không? Sau đó mới an cư. Nếu không có nhân duyên như Phật đã cho phép thì không được phép ra ngoài giới ngủ, cho đến một đêm.

Thọ Á pháp (tức pháp câm)12, phạm Thâu-lan-giá. Không nói chuyện với nhau là pháp của ngoại đạo vậy.

Bộ Căn bản yết-ma thuyết minh:

Có duyên sự xin đi một ngày cho đến bảy ngày, có thể thưa một người, nếu quá bảy ngày, cho đến 40 ngày, nên xin giữa Tăng, quá 40 ngày thì mất hạ. Nếu có nạn duyên thì không gọi là mất hạ.

GIẢI THÍCH:

Hỏi: Hậu an cư chưa đủ ba tháng, không được tính tuổi hạ. Thọ pháp ra ngoài giới bảy ngày, lưu nạn, không trở lại mới gọi là không mất hạ. Nay có người không thọ an cư, hoặc chú tâm phá hạ như vậy có thể tính tuổi hạ không? Nếu không tính tuổi hạ thì người thọ giới trước, người thọ giới sau, tránh được sự bất ổn không? Hơn nữa, luật Tăng kỳ nói: "Đến ngày tiền an cư mà không thọ an cư thì phạm một tội Việt tỳ-ni". Các bộ khác thì không đề cập đến (tức là không kết tội này). Nay dựa vào bộ nào?

Đáp: Kiết hạ an cư là vấn đề chính yếu của Tỳ-kheo, nếu trái luật chế thì mất lợi ích rất nhiều.
Trường hợp có duyên sự thì cho phép kiết hậu an cư. Không có duyên sự thì phải thọ tiền an cư. Luật Tăng kỳ kiết tội là để trừng trị các tội mạt pháp,

thật ra cùng với các bộ khác, không mâu thuẫn nhau mấy. Song, nói là mất hạ là chỉ không được nhận y dâng cúng trong mùa an cư, và không làm người giữ y công đức. Hơn nữa, không đủ 10 hạ thì không được làm Hòa thượng v.v... chứ không phải người thọ giới trước, theo trật tự, nay lại phải thối lui khiến thành người nhỏ vậy. Trong truyện ký quy nơi mục đầu đã nói rõ vấn đề này.

---o0o---

IX. PHÁP TỰ TỨ13

Có chúng Tỳ-kheo ở nơi cư trú khác, cùng nhau kiết hạ an cư, lập quy chế với nhau không nói chuyện, không lễ bái, không hỏi han nhau. Ai ưng khất thực lúc nào tùy ý mình, hoặc trước hoặc sau. Cần việc gì thì dùng tay làm dấu chứ không nói. Không nói chuyện với nhau như vậy cho nên trong 3 tháng an cư được an ổn. An cư xong, họ đến chỗ Phật, Phật hỏi thăm và an ủi xong. Họ trình với Phật về vấn đề nội quy mà họ đã cùng nhau thực hiện. Phật dạy:

- Các ông là bọn người ngu si, tự cho đó là điều hay mà thật sự là vô cùng dở. Các ông là bọn người ngu si ở với nhau, giống như oan gia, giống như những con dê trắng. Bằng nhiều caùch Ta đã dạy các ông rằng: "Các vị Tỳ-kheo nên cùng dạy dỗ nhau, cùng chuyện trò với nhau, giúp nhau giác ngộ." Các ông là bọn người ngu si, đồng như ngoại đạo, chấp nhận phụng hành pháp câm (không nói với nhau).

Lúc bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo nghe vậy, bèn cử tội các vị Tỳ-kheo thanh tịnh. Phật dạy: "Nếu muốn cử tội một Tỳ-kheo nào trước hết phải cầu thính (xin ý kiến, xin phép trước)". Lục quần Tỳ-kheo cơ hiềm các Tỳ-kheo thanh tịnh, thường đến cầu thính hàng thanh tịnh Tỳ-kheo để cử tội.

Phật dạy: phải đuû 5 pháp mới được cầu thính:

1) Cử tội đúng thời chứ không phải phi thời.

2) Đúng sự thật chứ không phải ngụy.

3) Đem lại lợi ích chứ không phải vô ích.

4) Nói lời nhã nhặn chứ không thô lỗ.

5) Với tất cả từ tâm chứ không vì sân hận.

Hàng Lục quần Tỳ-kheo bản chất không có đủ 5 pháp trên, các vị Tỳ-kheo khác thì đủ. Tỳ-kheo đủ 5 pháp đến cầu thính thì Lục quần không cho (bất thính – không đồng ý cử).

Phật dạy:

- Từ nay, an cư xong nên Tự tứ. Lễ Tự tứ khỏi phải cầu thính. Tại sao vậy? Tự tứ tức là thính.

Không nên Tự tứ tập thể đồng loạt, mà là từng người một Tự tứ. Không nên Tự tứ theo ý của mình, nên Tự tứ theo thứ tự, bắt đầu từ Thượng tọa trở xuống. Cho phép sai người nhận Tự tứ. Người nhận Tự tứ phải đủ 5 đức: không ái, không sân, không sợ, không si, biết người Tự tứ hay chưa Tự tứ.

Bạch nhị yết-ma để sai người nhận Tự tứ như
sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng sai Tỳ-kheo tên... làm người nhận Tự tứ. Đây là lời tác bạch".

Vị Yết-ma, theo nghi thức mà tác pháp Yết-ma.

Không nên ngồi trên tòa mà Tự tứ. Bậc Thượng tọa lìa khỏi tòa, cùng quỳ, tất cả Tăng phải lìa khỏi tòa cùng quỳ để Tự tứ. Tự tứ rồi ngồi lại vị trí cũ. Nên Tự tứ một cách rõ ràng, Tự tứ một cách thong thả, nói 3 lần Tự tứ. Mặc áo trống vai bên mặt, quỳ gối, chắp tay, thưa rằng:

"Đại đức, hôm nay chúng Tăng Tự tứ. Tôi Tỳ-kheo tên là... cũng Tự tứ. Nếu có tội được thấy, được nghe hay được nghi, Đại đức (Trưởng lão), thương xót chỉ bảo tôi. Nếu tôi thấy có tội, sẽ như pháp sám hối". (nói 3 lần).

Vị được sai làm người nhận Tự tứ nên tác bạch như sau, rồi mới nhận người Tự tứ:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng Tự tứ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, hòa hợp Tự tứ. Đây là lời tác bạch."

Không nên phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp, pháp biệt chúng Tự tứ, nên như pháp hòa hợp mà Tự tứ.

Cho phép Tự tứ tại nhà thuyết giới.

Trường hợp trên đường đi, gặp ngày Tự tứ, tất cả chúng nên hòa hợp để cùng nhau Tự tứ thì tốt, bằng không hòa hợp được toàn chúng, thì những người thân hậu (bạn) đồng ý với nhau, nên di chuyển đến một chỗ khác, kiết tiểu giới để Tự tứ. Tự tứ xong nên giải giới rồi mới đi.

Trường hợp Tỳ-kheo ở một mình, đến ngày Tự tứ đến nơi chỗ thuyết giới, lau quét, cho đến sửa soạn đầy đủ hành Xá-la 舍羅 (kiểm Tăng số bằng cách phát thẻ để đếm số người) rồi đợi khách Tỳ-kheo đến. Nếu số lượng năm người trở lên thì sai người nhận Tự tứ. Nếu bốn người trở xuống, cùng nhau đối thú Tự tứ. Văn bạch đối thú Tự tưù như sau:

"Hôm nay, chúng Tăng Tự tứ, tôi Tỳ-kheo tên... cũng thanh tịnh Tự tứ." (nói như vậy 3 lần. Nếu không có người đến thì nên tâm niệm, miệng cũng nói như trên 3 lần.)

Có việc dặn dò người khác, người nhận sự dặn dò nếu có việc thì chuyển sự dặn dò đó cho người khác. Việc rồi nên tự trở lại.

Trường hợp có 8 nạn hay các duyên sự khác đột khởi, nên Tự tứ lược. Tự tứ lược bằng cách nói 2 lần hay một lần thay vì nói 3 lần. Hoặc cùng nhau (tập thể đồng loạt) nói 3 lần, nói 2 lần, hay nói một lần. Hoặc giả vừa nói vừa giải tán, tùy theo nạn sự đến gần hay xa.

Trường hợp gặp ngày Tự tứ, mà có việc gây tụng xảy ra, hoặc có thể bị phá Tăng, không nên Tự tứ liền mà nên hoãn lại thời gian, chờ sự ổn định.

Nếu người ngăn cản sự Tự tứ mà ba nghiệp không thanh tịnh v.v... thì áp dụng như trong mục Bố-tát đã trình bày. Trường hợp bịnh cũng vậy.

Trường hợp chúng Tỳ-kheo cảm thấy sự tu hành được thoải mái, có chiều hướng tăng thượng chứng quả, sợ Tự tứ hôm nay (Rằm tháng Bảy Âm lịch) thì không được hưởng niềm vui ấy, nên tác bạch Tăng thêm thời gian Tự tứ, để đến đúng 4 tháng (Rằm tháng Tám Âm lịch) sẽ Tự tứ.

Hoặc có Tỳ-kheo ở trú xứ khác, không hòa hợp, muốn đến Tự tứ nơi trú xứ này, đều như trong mục Bố-tát đã nói. Theo tinh thần của luật Thập tụng thì đến tháng Tám mà khách Tỳ-kheo vẫn không chịu đi, thì không nên Tự tứ mà phải bỏ đi, chứ đừng nên dùng lời đấu tranh lẫn nhau.

Không nên ở trước Tỳ-kheo-ni và trước người chưa thọ Đại giới tác Yết-ma Tự tứ.

Không nên Tự tứ rồi lại thuyết giới. Tự tứ tức là thuyết giới vậy.

Luật Thập tụng thuyết minh:

Tự tứ rồi nên đến trước Thượng tọa xướng rằng:

"Tăng chúng một lòng Tự tứ xong."

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu trong chúng an cư có một người tiền an cư, đến Rằm tháng Bảy, cả chúng nên đồng với vị tiền an cư mà Tự tứ. Tự tứ rồi phải ở cho đến Rằm tháng Tám mới ra hạ. Nếu tất cả đều hậu an cư thì tất cả nên để Rằm tháng Tám mới Tự tứ. Trường hợp có các Tỳ-kheo an cư nơi xóm làng, nghe ngày Tự tứ trong thành phố, có nhiều vật phẩm cúng dường, ban đêm lại có thuyết pháp, chúng muốn đến đó, thì nên Tự tứ ngày 14 rồi (mới) được đi.

Vấn đề người nhận Tự tứ thì nên sai một hay hai người chứ không được sai nhiều. Nếu sai hai người nhận Tự tứ thì một người đến nhận Tự tứ nơi Thượng tọa, một người đến trước vị thứ tọa. Thượng tọa nói rồi, thứ tọa mới nói (Tự tứ), như vậy lần lượt cho đến hết. Hễ đến phiên mình thì phải Tự tứ, không nên đợi Taêng xong, sau đó mới Tự tứ.

Luật Ngũ phần thuyết minh:

Cho phép tám vị Thượng tọa, Tự tứ từng vị một. Còn các vị dưới đồng tuổi hạ thì cùng Tự tứ một lần 3 người.

Kinh Tỳ-ni mẫu thuyết minh:

Trong chúng nếu có người không thanh tịnh thì nên đình chỉ, không nên Tự tứ. Nên tác pháp đình chỉ Yết-ma Tự tứ. Nên xét vấn đề không thanh tịnh đó, nếu thuộc về trọng tội thì đuổi ra, nếu nhẹ thì khiến cho sám hối, sau đó mới Tự tứ. Nếu người không thanh tịnh ấy ỷ mình thông minh, đa trí, hay ỷ có nhiều đồ chúng, hoặc sức mạnh của quốc vương đại thần, không thể đuổi ra được, nên chờ đến hậu Tự tứ (Rằm tháng Tám Âm lịch). Hậu Tự tứ đến mà người ấy vẫn không chịu đi, chúng Tăng có thể ra ngoài giới mà Tự tứ, được gọi là thanh tịnh vậy.

Bộ Nam hải ký quy nói:

Âm tiếng Phạn là Bát-thích-bà-thích-noa, dịch là tùy ý. Tức là tùy theo ý của người khác, ở trong ba việc thấy, nghe, nghi, dựa vào nhận xét của mình nêu lên. Có nghĩa là nói lên điều lầm lỗi để trừ tội khiên của mình. Cựu dịch là Tự tứ, theo nghĩa mà phiên dịch vậy.

Nghi lễ diễn tiến như sau:

Tối 14 phải thỉnh một vị kinh sư, lên pháp tòa tụng Kinh, đồng thời Tăng ni thiện tín vân tập, đốt đèn sáng luôn đêm, hương hoa cúng dường, sáng hôm sau, đi vòng quanh trong thành ấp, mỗi người đều hết lòng thành, lễ bái các bảo tháp, xe kiệu hình tượng, trống nhạc trổi lên, tràng phan bảo cái bao quanh, rợp mát cả vùng trời, nhiễu quanh khắp vùng, mới trở về chùa. Đến giờ ngọ thiết lễ đại trai đàn (thọ trai), sau giờ ngọ mới tập hợp lại làm lễ tùy ý (Tự tứ). Trước hết Bí-sô làm lễ Tự tứ, kế theo là Bí-sô-ni, rồi đến ba chúng dưới. Trường hợp chúng đông, sợ kéo dài thời gian, nên sai nhiều người nhận Tự tứ. Bị người khác cử tội thì như pháp mà trình bày để diệt trừ tội lỗi. Trong khi Tự tứ có tín thí cúng dường, hoặc chúng Tăng cần phân chia phẩm vật, thì đem ra giữa chúng, người đủ năm đức, đến trươùc bậc Thượng tọa thưa rằng:

- Những phẩm vật này được làm vật trong lễ Tự tứ để chia cho chúng Tăng không?

Thượng tọa đáp:

- Được.

Những thứ như y phục, dao nhỏ, kim chỉ, bút mực, nhận rồi đem chia đều. Lễ Tự tứ xong rồi, ai về chùa nấy. Người nói lên tội lỗi của mình, ý muốn

trình bày tội lỗi của mình, nói những lỗi lầm về trước đã sám hối và dặn lòng về sau không tái phạm. Với tất cả lòng thành khẩn nhận lấy trách nhiệm như vậy, mỗi nửa tháng trong ngày Bố-tát, nhớ lại trong mỗi ngày, những điều tội lỗi của mình phạm. Nếu phạm ở thiên đầu thì không thể sám hối để trị. Phạm vào thiên thứ hai phải đủ 20 vị mới xả tội. Nếu phạm phải những tội nhẹ hơn, tùy theo đó mà sám hối để được thanh tịnh. Vấn đề xử tội phải rành rõ từng thiên một thì tội phạm mới hy vọng diệt trừ. Nếu nói chung vấn đề không rành mạch rõ ràng thì đó là điều không phải luật định vậy.

GHI CHÚ:

Hỏi: Luật Tăng kỳ nói: Sai Tự tứ nhơn (người nhận Tự tứ) không được quá hai người. Ký quy truyện thì cho phép sai nhiều người. Tứ phần và Tăng kỳ, hai bộ luật này đều nói: Từng người một Tự tứ. Luật Ngũ phần thì nói: Trừ tám vị Thượng tọa, còn bao nhiêu thì đồng một tuổi hạ, được phép Tự tứ tập thể. Như vậy nên theo bên nào?

Đáp: Nếu sai người nhận Tự tứ nhiều quá thì khó
tránh khỏi vấn đề ồn ào náo loạn. Do đó, nên theo luật Tăng kỳ. Còn từng người một Tự tứ thì chúng đông phải kéo dài thời gian. Do đó, nên theo luật Ngũ phần vậy.

X. Y CA-THI-NA14

Có chúng Tỳ-kheo an cư, Tự tứ xong, đến yết kiến đức Thế Tôn, giữa đường bị mưa, y phục đều bị ướt. Chúng Tỳ-kheo bị mệt nhọc, vì y Tăng-già-lê quá nặng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo raèng:

- An cư xong có 4 việc cần phải làm:

1) Tự tứ.

2) Giải giới.

3) Kiết giới.

4) Thọ y công đức.

GHI CHÚ:

Nếu muốn kiết giới lại, hoặc lớn hơn hay nhỏ hơn, thì phải giải giới cũ rồi mới kiết lại giới mới. Nếu không cần kiết lại thời khỏi phải giải giới cũ vậy, tức là còn hai việc phải làm mà thôi. Hai việc đó là: Tự tứ và thọ y công đức (y Ca-thi-na).

Thọ công đức y rồi, được hưởng năm công đức:

1) Được phép chứa y dư – ngoài ba y.

2) Được lìa y ngủ.

3) Ăn riêng chúng.

4) Ăn nhiều lần – trong giờ hợp pháp.

5) Trước hay sau bữa ăn, cần vào xóm, khỏi dặn Tỳ-kheo khác.

Thế nào gọi là công đức y được thành tựu?

Nếu được y mới, y Đàn-việt cúng, y phấn tảo (y do vải lượm may lại thành y).

Hoặc là y mới, hoặc là y cũ. Vật mới thì phải điểm tịnh. Hoặc đã giặt, giặt rồi may là tác tịnh. Y đó không phải do tà mạng mà được, không phải do quanh co mà được, không phải do xem tướng mà được, không phải do gợi ý mà được, y đó không được để cách đêm, không phải y do xả đọa rồi tác tịnh, y đó đem đến cùng ngày là đúng pháp, y đó may viền bốn bên, năm điều thì 10 khoảng cách. Điều số nhiều hơn cũng được. Phải tự mình giặt nhuộm, trương ra để may, làm thành pháp y. Thọ trước mặt chúng Tăng. Bạch như thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng thọ y công đức. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Chúng Tăng hòa hợp thọ y công đức. Đây là lời tác bạch."

Sau đó nên hỏi: "Vị nào có thể giữ y công đức?". Nếu người nào trả lời: "Tôi có thể trì". Nên Bạch nhị yết-ma để sai. Văn bạch như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng sai Tỳ-kheo hiệu.... vì Tăng trì y công đức. Đây là lời tác bạch”.

Vị Yết-ma như pháp tác Yết-ma. Kế tiếp Bạch nhị yết-ma giao y để vị được sai trì (gìn giữ). Văn bạch Yết-ma:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nơi trú xứ này, được y vật có thể chia, nên chia cho hiện tiền Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo hiệu.... Tỳ-kheo này nên giữ y này vì Tăng nhận làm y công đức, trì nơi trú xứ này. Đây là lời tác bạch”.

Vị Yết-ma như pháp tác Yết-ma. Vị Tỳ-kheo trì y nên đứng dậy cầm y, đến nơi vị trí mà các vị Tỳ-kheo vừa đưa tay đụng y, trình bày rõ điều tướng của y, rồi bạch như sau:

“Y này chúng Tăng sẽ thọ y công đức, y này chúng Tăng nay thọ y công đức, y này chúng Tăng đã thọ y công đức rồi”.

Nói như vậy 3 lần. Các thầy Tỳ-kheo nên nói như vầy:

“Người thọ đã khéo thọ. Trong đây được những công đức gì đều có phần của tôi.”

Vị trì y nên trả lời là: “Được!”

Như vậy tuần tự cho đến vị Hạ tọa.

Trường hợp được vải chưa thành y, nên giữa Tăng Yết-ma sai một Tỳ-kheo may, may xong, nên như pháp thọ.

Mùa Đông hết, Tăng nên làm lễ xuất y công đức:

Phương thức xuất y công đức:

Tập Tăng hỏi: - Hòa hợp không? Người chưa thọ đại giới ra khỏi giới trường chưa? Tỳ-kheo không đến phải thuyết dục không? Tăng nay hòa hợp để làm gì?

Vị Duy-na trả lời: - Xuất y công đức.

Văn bạch như vầy:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng xuất y công đức. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng nay hòa hợp xuất y công đức. Đây là lời tác bạch.”

Nếu không xuất, quá hạng của y công đức (đến ngày Rằm tháng 12, thì phạm tội Đột-kiết-la).

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu một người đơn độc thực hiện thì khi nhận vải nên nói: “Đây là y Ca-thi-na sẽ cắt, nay thọ.” Nói như vậy 3 lần. Khi cắt may nên nói: “Đây là y Ca-thi-na tôi sẽ thọ.” Khi may, khi giặt (nhuộm), khi điểm, khi đao tịnh15 cũng nói như trên. Khi tác thành rồi, nên tâm nghĩ miệng nói: “Tôi Tỳ-kheo tên là... thọ y công đức này.” Nói 3 lần.

Có 10 trường hợp xả y Ca-thi-na:

1) Y xong, xả - Khi thoï y nói rằng: “Tôi thọ y xong rồi!” Như thế y Ca-thi-na liền mất hiệu lực đối với người ấy.

2) Khi thọ, xả - Khi thọ y người nào nghĩ rằng thọ y, thì y liền xả.

3) Thời xong, xả - Vị nào nghĩ thời gian cho phép tôi xả, thì y liền xả.

4) Nghe xả - Vị nào nghĩ rằng: nghe hai thầy xả, thì y liền xả.

5) Tống xả - Vị nào nghĩ: y tôi cho người khác rồi, thì y liền xả.

6) Hoại xả - Thọ y Ca-thi-na rồi, thời gian nào
đó nói: Tôi nay xả y, thì y liền xả.

7) Mất xả - Vị nào nghĩ: y đã hư mất không còn nữa, thì y liền xả.

8) Ra khỏi, xả - Vị nào nghĩ: Tôi sẽ ra khỏi chỗ này, thì y liền xả.

9) Thời quá, xả - Rằm tháng 12 chưa xả, 16 tháng 12, y liền xả. Phạm tội Việt tỳ-ni.

10) Hết hạn, xả - Rằm tháng 12 một vị ở trong Tăng xướng để xả16.

Luật Ngũ phần thuyết minh:

Nếu giặt, nhuộm, ủi may không như pháp, hoặc y bằng gấm vóc, hoặc chưa Tự tứ mà thọ, hoặc tham lợi dưỡng, hay cố ý muốn xả 5 việc đều không thành thọ.

Có 30 ngày để thọ y công đức, cũng có 30 ngày để xả y công đức. Nếu tiền an cư, ngày 16 tháng Bảy thọ, thì đến Rằm tháng Mười Một xả. Nếu 17 tháng Bảy thọ, thì đến 16 tháng Mười Một xả. Cho đến 16 tháng Tám thọ, thì đến Rằm tháng Chạp xả.

Luật Thập tụng nói:

Có 5 hạng Tỳ-kheo không đươïc làm người giữ y Ca-thi-na:

- Người không có tuổi hạ.

- Người phá hạ.

- Người hậu an cư.

- Người bị tẫn.

- Người biệt trụ.

GIẢI THÍCH:

Hỏi: Sau khi Tự tứ, đức Phật cho phép thọ y công đức, cho đến Rằm tháng Chạp thì xả. Thời nay, tạo y công đức, ngày thường đắp mặc, không có thời tiết kỳ hạn chi cả. Lại có chủ thuyết: Một lần dâng luôn cả ba y. Như vậy là đúng hay sai?

Đáp: Duyên khởi của vấn đề này là nhân sau khi Tăng Tự tứ rồi, mang y đến yết kiến đức Phật, gặp mưa, y bị ướt vất vả, Phật mới cho phép thọ y công đức. Kèm theo có năm điều lợi ích. Thời hạn chót cho phép là hết mùa Đông, vượt qua thời hạn ấy thì chuốc lấy tội lỗi. Hơn nữa, giữa Tăng xướng thọ, rồi cất kỹ trong rương, vốn không phải là đồ để đắp mặc. Y năm điều,

10 khoảng cách, giống y An-đà-hội, đâu nên dùng để dâng. Kẻ Tăng, người tục lưu truyền thật là lầm lỗi quá đáng!

Hỏi: Luật Ngũ phần cho kẻ hậu an cư đến 16 tháng Tám được thọ y công đức. Còn luật Thập tụng lại không cho Tỳ-kheo hậu an cư làm người giữ y công đức. Như vậy nên theo Bộ luật nào?

Đáp: Theo luật Tăng kỳ, cho đến chỉ có một người thọ tiền an cư thì cả chúng đều cùng người ấy thọ tiền Tự tứ, nhiên hậu chờ đủ 3 tháng mới ra hạ, nên biết người hậu an cư, tuy đồng tiền an cư Tự tứ, nhưng còn chưa đủ tuổi. Sỡ dĩ không cho làm người giữ y công đức là vậy. Nếu cả chúng đều hậu an cư, thời Rằm tháng Tám, mãn hạ Tự tứ, ngày 16 thọ y Ca-thi-na, thì làm gì có điều lỗi!

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI HAI

---o0o---

1 Tứ phần luật 34, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 803a, Đại 22n1428.

2 Tứ phần luật 33, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 800a12, Đại 22n1428.

3 Yết-ma (1 quyển), tr. 1064a07, Đại 22n1433.

4 Đoạn trong ngoặc là của Dịch giả giải thích.

5 Không phải phần thứ tư, ngài Trí Húc dẫn nhầm (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 12, tr. 441a15, Vạn 40n719). Tứ phần luật 34, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 811a07, Đại 22n1428.

6 Ngũ phần luật 16, tr. 113a07, Đại 22n1421.

7 Tứ phần luật 33, phần thứ hai Kiền-độ thọ giới, tr. 801b11, Đại 22n1428.

8 Tứ phần luật 59, phần thứ tư Tỳ-ni tăng nhất, tr. 1004b10, Đại 22n1428.

9 Tứ phần luật 59, phần thứ tư Tỳ-ni tăng nhất, tr. 1006b17, Đại 22n1428.

10 Tứ phần luật 59, tr. 1006c14, Đại 22n1428.

11 Tứ phần luật 27, phần thứ hai Kiền-độ an cư, tr. 830c05, Đại 22n1428.

12 Thập tụng 23, tr. 165b11, Đại 23n1435. Tăng kỳ 27, tr. 451a26, Đại 22n1425: "...Bấy giờ, A-na-luật, Kim-tì-lô, Bạt-đề an cư tại Tháp sơn. An cư xong trở về thành Xá-vệ thăm đức Phật. Đức Phật hỏi, biết họ sống im lặng an lạc ba tháng không nói chuyện với nhau. Đức Phật quở trách: Đó là việc xấu, giống như oan gia sống với nhau.

13 Tứ phần luật 37, phần thứ hai Kiền-độ tự tứ, tr. 835c, Đại 22n1428.

14 Tứ phần luật 43, phần thứ ba Kiền-độ y ca-thi-na, tr. 877c, Đại 22n1428.

15 Tăng kỳ 27, tr. 452a29, Đại 22n1425: Điểm tịnh là chấm ở góc để tác tịnh. Đao tịnh là dùng dao cắt ba nhát, đứt ba sợi, cách đầu góc tấm vải chừng bốn ngón tay. Đó gọi là đao tịnh.

16 Tứ phần luật 43, phần thứ ba Kiền-độ y ca-thi-na 878c28, Đại 22n1428: có tám nhân duyên xả y công đức, ra đi (khứ), y thành (cánh), y chưa thành (bất cánh), mất y (thất), mất hi vọng (đoạn vọng), nghe xả (văn), ra khỏi đại giới (xuất giới), đồng xả (cộng xuất).

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 13

THUYẾT MINH PHÁP TRỊ TỘI

Tội từ nhân duyên phát khởi. Vì từ nhân duyên phát khởi cho nên không có tự tánh. Do đó, khi đạo đối trị sanh khởi, thì chủng tử của tội liền tiêu diệt. Đó gọi là tánh của tội vốn không. Ở đây, không bác bỏ sự tướng để tìm cầu tự tánh. Thế nhưng có hạng người không biết tàm quý, luôn luôn rêu rao quán thật tướng của tâm, không hề nghĩ đến việc tác pháp để trừ tội lỗi. Thật đáng buồn thay! Tướng của tội còn không tự biết, huống là hiểu được thật tướng của tâm. Tội tuy từ tâm sanh ra nhưng phải nhân nơi sự việc mà thành nghiệp. Tội tuy từ tâm tiêu diệt, nhưng đâu lìa sự tướng mà giữ lấy không. Huống là sự có công năng dựa vào lý, lý thì không có công năng riêng rẽ thành lập. Cho nên nói ăn năn mà không quán sát tâm, còn có thể quyết định

chuyển đổi ngọn của tội, chứ nếu như chỉ nói lý mà không phát lồ, thì chắc chắn nguồn gốc tội khó được trừ diệt. Mong rằng mọi người đều hết lòng thâm tín, chớ nên do dự. Mọi người cần phải nhìn thẳng vào lòng mình, chớ nên phóng dật. Từ nơi lý mà lập sự, rồi trở lại nhân nơi sự mà hiệp lý. Có như vậy "giới châu" cùng với "huệ nhật" mới đều sáng chói. Ba luân cùng với bảy chi đồng thanh tịnh. Kế thừa giòng họ Thích, rực rỡ Tăng đoàn, đóng cửa các đường ác vĩnh viễn, nhanh chóng khai mở con đường giác.

Hỏi: Người xưa nói: Trong ba pháp sám hối1 "thà thiếu điều trước, không thể thiếu điều sau" (ninh khả khuyết ư tiền tiền, bất khả khuyết ư hậu hậu). Bởi vì tội ví như sương mốc, mặt trời huệ có khả năng tiêu trừ. Cho nên phải lấy lý quán làm vai chủ động. Nay chỉ dùng pháp sám tác pháp như vậy có phải là câu nệ nơi Tiểu thừa không đạt được cái bí yếu thật tướng của Đại thừa hay không?

Đáp: Nói rằng "thà thiếu hai điều trước, không nên thiếu hai điều sau", tức là nói trong trường hợp không đủ mà buộc phải thiếu. Như nói, muốn xuất tội Tăng tàn mà không đủ 20 vị Tăng thanh tịnh có thể được. Hơn nữa, nhằm mục đích nói lên điều trước không thể bao gồm điều sau, mà điều sau có thể bao gồm đủ cả điều trước. Nếu nghĩ rằng: Tác pháp sám hối là điều xấu hổ không chịu phụng hành, vì vấn đề thể diện mà che giấu tội lỗi, thì hoàn toàn chưa rõ biết tánh của tội vốn không, đâu gọi là mặt trời huệ được! Do vậy, nay chỉ dùng phép tác pháp sám hối chính là cái gốc cho vấn đề lý quán. Người trí cố đạt được vấn đề toàn sự tức lý. Kẻ ngu cũng có thể nhân sự mà nhập vào lý.

Ngài Kinh Khê nói: "Người phạm trọng tội không chỉ quán tâm mà được. Nói quán tâm tức là khi hành sự sám cần phải nhờ nơi quán tâm. Nếu không có quán tâm, thì tội trọng không thể tiêu trừ được. Sự lý phối hợp thi hành mới có thể giải quyết vấn đề ấy vậy."

Có chỗ nói: Sự giới là cái gốc của Ba quán2

Cho nên nói rằng: Thi-la (giới) thanh tịnh thì Tam-muội (định) hiện tiền. Nếu không có giới thì vấn đề định lực của thế gian không có, huống là Ba đế3. Nói rằng Đại thừa không cần đến giới là một đều nhầm vậy. Nói không chấp tức là trì mà không chấp. Nếu bảo rằng không trì mà gọi là không chấp tức là chấp vào sự phá hoại. Sao gọi là không chấp? Chấp lấy sự thọ trì còn không có, quên mất sự thọ trì lấy đâu mà an lập?

Nguyên văn nói: Nay muốn bác bỏ phương pháp tác pháp sám hối thì đó không phải là trì giới. Nhưng đứng về mặt sự tướng của giới, nếu đã khiếm khuyết thì lý quán sẽ dựa vào đâu? Lợi dụng thật tướng của Đại thừa, để rồi giữ lấy không kiến thuộc về ác. Mình đã nhầm còn làm cho người nhầm nữa, đó là điều mất mát không phải nhỏ. Điều đó cần suy nghĩ! Điều đó cần suy nghĩ vậy!

Nguyên văn vấn đề trị tội chia làm 6 phần:

1) Minh định cách trị tội tứ khí.

2) Minh định cách trị tội Tăng tàn.

3) Minh định cách trị tội Thâu-lan-giá.

4) Minh định cách trị tội nhẹ.

5) Minh địch các pháp Yết-ma.

6) Minh định cách phú bát (úp chén).

---o0o---

I. MINH ĐỊNH CÁCH TRỊ TỘI TỨ KHÍ

Phần thứ hai4 ghi:

Tỳ-kheo Nan-đề bị ma cám dỗ đến bên thây của con ngựa chết rồi phạm hạnh bất tịnh, nhưng hoàn toàn không có tâm che giấu. Tỳ-kheo Nan-đề thưa với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Ngài cho phép chư Tăng trao cho đương sự giới Ba-la-di.

(Nghĩa là người này đã phạm trọng tội, tức là đã phá hủy giới Ba-la-di. Nhưng hoàn toàn không có tâm che giấu tội lỗi, khóc loùc, không muốn xa lìa áo cà-sa. Cho nên đức Phật cho phép chúng Tăng hòa hợp, Bạch tứ yết-ma, trao lại cho đương sự giới Ba-la-di. Được cùng ở với chư Tăng, nhưng 35 quyền làm thầy bị tước đoạt trọn đời).

Đương sự phải ba phen thành khẩn cầu xin. Chư Tăng vì đương sự Bạch tứ yết-ma trao giới Ba-la-di cho đương sự. Sau khi trao lại giới Ba-la-di, đương sự phải tùy thuận phụng hành như sau:

1) Không được truyền giới Cụ túc cho người.

2) Không được cho người y chỉ.

3) Không được nuôi Sa-di.

4) Không được giáo giới Tỳ-kheo-ni.

5) Dù đã sai đi, không được đến dạy.

6) Không đươïc thuyết giới cho Tăng nghe.

7) Không được vấn đáp Tỳ-ni trong chúng Tăng.

8) Không được nhận làm chức tri sự do Tăng sai.

9) Không được nhận làm người xử đoán việc của Tăng.

10) Không được nhận làm vị đại diện cho Tăng.

11) Không được sớm mai vào tụ lạc tối mới về.

12) Phải gần gũi các Tỳ-kheo.

13) Không được lân la với ngoại đạo và bạch y.

14) Phải thuận theo pháp của Tỳ-kheo.

15) Không được nói chuyện thế tục.

16) Không được tụng luật giữa chúng, nếu không có người có khả năng thì cho phép.

17) Không được phạm tội này lại.

18) Không được phạm tội tương tự hay từ tội này sanh.

19) Không được ngăn chúng Tăng tác Yết-ma.

20) Không được ngăn vị làm pháp Yết-ma.

21) Không được nhận tòa ngồi do Tỳ-kheo thanh tịnh trải.

22) Không được nhận nước rửa do Tỳ-kheo thanh tịnh múc.

23) Không được nhận nước uống do Tỳ-kheo thanh tịnh đưa.

24) Không được nhận sự lau giày, guốc của Tỳ-kheo khác.

25) Không được nhận sưï xoa chà thân do Tỳ-kheo khác.

26) Không được nhận sự lễ bái của Tỳ-kheo thanh tịnh.

27) Không được nhận sự đưa rước của Tỳ-kheo thanh tịnh.

28) Không được nhận sự chào hỏi do Tỳ-kheo thanh tịnh.

29) Không được nhận bát do Tỳ-kheo thanh tịnh đưa.

30) Không được nhận y do Tỳ-kheo thanh tịnh trao.

31) Không được cử tội Tỳ-kheo thanh tịnh hoặc ức niệm, tự ngôn trị.

32) Không được làm nhân chứng việc của người.

33) Không được ngăn Tỳ-kheo thanh tịnh tụnggiới.

34) Không được ngăn Tỳ-kheo thanh tịnh Tự tứ.

35) Không được tranh luận cùng Tỳ-kheo thanh tịnh.

Khi thuyết giới và Yết-ma, người này đến hay không đến, chúng Tăng không phạm tội. Đương sự tái phạm giới Ba-la-di thì phải diệt tẫn. (không cho phép thọ học giới Ba-la-di lần thứ hai).

Căn bản tạp sự ghi:

Đến khi nào chưa đoạn hết phiền não vẫn còn phải tùy thuận phụng hành. Không thi hành thì mắc tội. Sau khi chứng quả A-la-hán thì khỏi phải thi hành.

Luật Tăng kỳ ghi:

Người được trao học giới Ba-la-di này phải ngồi sau tất cả vị Tỳ-kheo và trước tất cả Sa-di. Người này không được cùng với Tỳ-kheo ở chung phòng quá ba đêm, và họ đối với Sa-di cũng vậy. Bất tịnh thực đối với Tỳ-kheo, người này cũng vậy. Bất tịnh thực đối với người này thì Tỳ-kheo cũng thế.

Luật Thập tụng nói:

Người được trao cho học pháp này, tất cả giới pháp do Phật chế đều phải thọ hành. Người này được dự hai pháp Yết-ma là Bố-tát và Tự tứ, nhưng không được tính vào túc số của Tăng. (Nghĩa là khi Yết-ma Bố-tát, cần bốn vị Tỳ-kheo thanh tịnh mà chỉ có ba vị và một vị học pháp này thì không được tác pháp Yết-ma Bố-tát mà chỉ đối thú Bố-tát mà thôi. Vấn đề Yết-ma Tự tứ cần năm người cũng vậy).

Ngoài ra tất cả các pháp Yết-ma của Tăng người naøy đều không được phép dự.

Kinh Tỳ-ni mẫu thuyết minh:

Vị Tỳ-kheo này sau khi được phép Yết-ma thì gọi là người thanh tịnh trì giới. Nhưng thân này không được liễu sanh thoát tử cũng không được công đức vô lậu; Song ngăn chặn không đọa vào địa ngục. Ví dụ như lá cây khi đã rời khỏi thân cây rồi thì dứt khoát không thể dính lại được.

Hỏi: Người học pháp này theo như trong Căn bản tạp sự thì bảo họ có thể chứng quả; khi chứng quả A-la-hán rồi thì khỏi phải hành pháp. Còn trong Tỳ-ni mẫu thì nói không thể chứng quả. Như vậy luận cứ nào đúng?

Đáp: Căn bản tạp sự thì dựa vào sự thị hiện của Tỳ-kheo Nan-đề nên bảo có thể chứng quả. Còn Tỳ-ni mẫu thì dựa vào Phật pháp nên nói vấn đề chứng quả tuyệt nhiên không có phần. Chiếc lá rụng rồi mà dính lại là điều vô lý. Người tạo tội đâu không rợn lòng với điều này? "Tác pháp" sám, phải thông với "Vô sanh" sám. Người sám hối phải hết sức nỗ lực mới được.

Luật Thiện kiến nói:

Dâm dục và vọng ngữ, tướng trạng của nó rõ ràng dễ thấy, còn hai giới sát và đạo tướng trạng của nó khó thấy. Vấn đề vi tế phải giải quyết một cách tế nhị mới được, không nên dựa vào sự hồ nghi của người đời mà quyết đoán rằng ông mắc tội Ba-la-di. Nên bảo họ đến hỏi bậc thầy hay bạn đồng học, hoặc đệ tử... Trường hợp khả nghi người ấy có tội thì bảo họ tĩnh tọa trong phòng, hướng dẫn họ tự quán tưởng. Nếu giới thể của họ không bệnh hoạn (không ô nhiễm) thì tâm của họ liền vào định được. Nếu người ấy giới thể bị phá thì không thể có được định tâm. Nhiên hậu dựa vào đó mà quyết đoán vậy.

Hỏi: Người phạm hạnh bất tịnh hoàn toàn không
che giấu, đặc biệt được hưởng "chế độ học pháp Ba-la-di", còn ba giới trọng kia nếu phạm mà không che giấu, có được hưởng như vậy không?

Đáp: Đây là điều khó nói. Tuy nhiên thử bàn như sau: Như giới ăn trộm, luật định đủ năm duyên thì thành phạm:

1) Vật của người khác.

2) Tưởng là vật của người khác.

3) Với tâm trộm cắp mà lấy.

4) Tối thiểu là 5 tiền.

5) Di chuyển khỏi chỗ cũ.

Giá như có một Tỳ-kheo tình cờ thấy một đồ vật của người, móng tâm tham ái, muốn trộm lấy, vừa dời khỏi chỗ cũ thì thành trọng tội. Thế rồi với ý niệm sau ăn năn hối hận, đem để lại chỗ cũ, không lấy. Người ấy không hề có tâm che giấu, khẩn trương cần cầu "học pháp Ba-la-di" thì vì sao không trao cho họ? Còn trường hợp đã lấy vật rồi, sau mới phát lồ mà vội lạm dụng trao cho "học pháp Ba-la-di" thì làm sao không chiêu lấy tội lỗi?!

Như giới sát sanh, nếu muốn giết người này mà nhầm giết người khác. Trường hợp như vậy, tuy giới chưa mất nhưng luật pháp của đời còn không dung tha, huống là thỏa mãn lòng sát thì dù không che giấu, cũng đâu có thể

trao cho "học pháp Ba-la-di" được. Tuy nhiên, dựa theo kinh Duy-ma và kinh Tịnh nghiệp chướng cũng chưa từng có một đường lối nào khai thông?

Kế đến là giới đại vọng ngữ, nếu vì lợi dưỡng cố đại vọng ngữ thì làm sao mà nói là không có tâm che giấu? Lý ra không cho phép điều này. Trường hợp vì mạng nạn hay phạm hạnh nạn mà tạo tác đại vọng ngữ để thoát nạn, theo sau đó đều phát lồ cầu ai sám hối thì làm sao đưa họ đến con đường bế tắc được?

Nên biết cần phải khéo léo lắm mới giải quyết được vấn đề này. Người không có ái, không sân, không sợ, không si, mới có thể đảm nhiệm việc ấy.

Kinh Đại niết-bàn thuyết minh:

Có vị Tỳ-kheo trì giới, oai nghi đầy đủ, hộ trì Chánh pháp, thấy người phá hoại Chánh pháp liền xua đuổi, khiển trách, trị phạt. Nên biết, vị Tỳ-kheo ấy được phước vô lượng không thể kể xiết. Nếu có vị Tỳ-kheo gọi là tốt mà thấy người phá hoại Chánh pháp không xua đuổi, khiển trách, cử tội thì nên biết đó là kẻ oán cừu trong Phật pháp.

Nếu phạm tứ trọng, tạo tội ngũ nghịch, chính mình biết đó là tội trọng mà không hề sợ sệt, xấu hổ, không chịu phát lồ; đối với Chánh pháp của Phật không bao giờ có tâm hộ trì hay xây dựng, chê bai khinh rẽ, nói năng phần nhiều là tội lỗi. Những hạng người như vậy, cũng gọi là hạng người đang đi đến đạo xiển đề. Hoặc có hạng người nói rằng không có hạt giống Phật pháp, thì họ cũng được gọi như trên vậy.

(AÂm tiếng Phạn là Xiển-đề-ca, Hoa dịch là nhiều tham vui thích trong sanh tử. Có chỗ phiên âm là A-xiển-đề-ca, Hoa dịch là vô dục, tức là không ưa thích cảnh Niết-bàn, có chỗ phiên âm là A-điên-đề-ca, Hoa dịch là cực ác, tức là đoạn hết căn lành vậy).

Hỏi: Theo luật định, Tỳ-kheo phạm khí, như cây Đa-la bị chặt gốc không thể sống lại được. Phạm vào thiên thứ hai cũng phải biệt giam, Ý hỷ, rồi giữa 20 vị Tăng xuất tội. Cho đến phạm Ác tác còn phải đối thú sám hối mới được trong sạch. Tại sao trong kinh Đại Phật đảnh nói rằng: Nếu tạo ngũ nghịch vô gián trọng tội, và phạm tứ khí, bát khí, tụng chú này tất cả tội phạm đều được trừ sạch không coøn một mảy may nào sót lại? Các đức Phật, Bồ-tát không những không coi kẻ đó là người có tội mà còn ban công đức cho họ nữa; họ sẽ chứng Vô sanh nhẫn. Cứ theo đó mà xét thì không luận tội ấy lớn

hay nhỏ, chỉ cần tụng chú chứ không hề có vấn đề đối với người khác phát lồ chi cả. Kinh và luật có sự mẫu thuẫn nhau như thế, làm sao giải thích cho thông?

Đáp: Hào quang tập trung tại nhục kế của đức Phật, từ đó tuyên nói những âm thanh vi diệu, gọi đó là chú tâm, cũng gọi là tâm chú. Tức là tuyên thuyết tam-muội Thủ lăng nghiêm vương một cách kín đáo. Theo Hiển giáo mà nhận xét những lời dạy dỗ của Phật lúc ban đầu, trực tiếp trả lời những câu hỏi, lời nói thẳng của đáy lòng, không hề có tướng ủy khúc (gượng theo). Đôi khi nói tội thì không có lớn nhỏ, không cần phát lồ đối với người khác, nếu không thế thì đã trái với đường hướng của Như Lai làm sao hợp với vô thượng chú tâm được? Trong kinh nhằm hiển bày công năng thần lực của mật ấn, cho nên nói rằng: không tội nào không tiêu diệt5. Không những kinh này nói như vậy mà cả kinh Tôn thắng, Đại bi, Phương đẳng, các thần chú, cho đến Tam thập ngũ Phật, Ngũ thập tam Phật, Ngũ thiên ngũ bách Phật danh, các kinh cũng đều có nói nghĩa này. Mục đích chính là vì chúng sanh hoặc nghiệp chướng ngại sâu dày, không biết vấn đề tạo tội là khó điều, khó phục, khó diệt, khó trừ, cho nên luật bị bế tắc trong cách nghiêm trị. Ở đây, kinh, chú mở ra một con đường mới để cứu vãn. Một bên loại bỏ, một bên thu dụng, đều có chức năng của nó. Làm cho người chưa tạo tội không dám tạo, người đã tạo tội lại được diệt trừ. Ta có thể gọi đây là vì một lòng từ bi tột đỉnh, một phương tiện nhiệm mầu. Giả như không có luật chế thì ngôi trụ trì Tăng bảo không được tôn trọng. Vì giả như không có kinh, chú thì chúng sanh sẽ bị sa đọa vĩnh viễn vì tội chướng. "Tứ tất" khéo bao dung từ nơi kim khẩu tuyên thuyết ra, đâu cho phép ta vọng sanh sự nhận xét lệch lạc ư?

---o0o---

II. MINH ĐỊNH PHÁP TRỊ TỘI TĂNG TÀN

Phần thứ ba6 thuyết minh:

Phạm tội Tăng tàn mà che giấu, thì tùy theo thời gian che giấu trị tội phú tàng (che giấu). Đương sự phải đến trước Tăng, mặc y trống vai mặt, cởi guốc dép, đảnh lễ dưới chân chư Tăng, chắp tay, quỳ gối tác bạch:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo... phạm tội Tăng taøn mà che giấu. Tôi Tỳ-kheo... phạm tội Tăng tàn, tùy theo thời gian che giấu, nay đến trước Tăng cầu xin Yết-ma tội che giấu, bằng thời gian đã che giấu. Cúi xin Tăng ban cho tôi Yết-ma tội phú tàng như thời gian đã che giấu. Cúi xin

Tăng thương xót tôi, thương xót tôi!" (Cầu xin như vậy 3 lần. Tăng nên Bạch tứ yết-ma ban cho).

(Nếu che giấu một ngày thì hành pháp "biệt trú" một ngày. Nếu che giấu hai ngày thì hành pháp "biệt trú" hai ngày. Cho đến năm ngày, mười ngày, nửa tháng, một tháng, nửa năm, một năm v.v... cũng vậy).

Trong thời gian hành pháp phú tàng (biệt trú) phạm trọng tội trở lại, thì phải cầu xin pháp Bạch tứ yết-ma tác pháp trị tội che giấu theo ngày đã phạm trước.

(Nghĩa là khi chính thức hành pháp "biệt trú" lại phạm tội Tăng tàn thì trước đó đã hành pháp biệt trú được bao nhiêu ngày đều bị hủy bỏ, phải xin Tăng hủy bỏ, phải xin Tăng hành pháp biệt trú lại như số ngày đã phạm trước kia).

Hành pháp biệt trú rồi cần phải xin sáu đêm Ma-na-đỏa (ý hỷ) Bạch tứ yết-ma. Hành sáu đêm ý hỷ rồi, kế đến Bạch tứ yết-ma xin xuất tội.

Trường hợp phạm tội Tăng tàn mà không che giấu thì chỉ xin sáu đêm Ma-na-đỏa (ý hỷ). Hành sáu đêm ý hỷ xong xin xuất tội. Trong thời gian hành Ma-na-đỏa lại phạm trọng tội phải xin pháp Ma-na-đỏa bổn nhật trị (đồng nghĩa như pháp phú tàng bổn nhật trị đã giải thích). Hành pháp xong cầu xin pháp xuất tội.

Trường hợp phạm nhiều tội Tăng tàn, hoặc che giấu một đêm, hoặc che giấu mười đêm, cho phép chung lại tác pháp cầu xin nhiều tội Tăng tàn, che giấu mười đêm Bạch tứ yết-ma. Kế đến cho hành sáu đeâm Ma-na-đỏa, rồi xuất tội.

Trường hợp phạm hai tội Tăng tàn đều che giấu cả hai tội. Hoặc nhớ một tội, không nhớ một tội. Hoặc nghi ngờ một tội, một tội không nghi. Hoặc biết một tội, một tội không biết. Hoặc nói một tội, một tội không nói... Nên tùy theo chỗ nhớ, chỗ biết (biết tức là không nghi), chỗ nói mà cho tác pháp Yết-ma tội che giấu. Sau đó nhớ lại, biết lại, nói lại, thì cũng nên tùy theo chỗ phạm mà cho tác pháp Yết-ma tội che giấu. Che giấu hai tháng nhớ một tháng, không nhớ một tháng v.v... cũng như vậy.

Trường hợp phạm hai tội Tăng tàn rồi thôi tu, sau đó tu lại và thọ Đại giới (Ni không có trường hợp này), hoặc trước sau đều che giấu, hoặc trước che giấu, sau không che giấu, hoặc trước phát lồ sau lại che giấu. Tùy theo thời

gian che giấu mà tác pháp Yết-ma phú tàng. Hoặc trước sau đều không che giấu (phát lồ) thì chỉ cho pháp Ma-na-đỏa. Hành pháp xong, cho pháp xuất tội.

Trường hợp che giấu một tội, không che giấu một tội, v.v... cũng gồm đủ như bốn câu trên. Nhớ một, không nhớ một v.v... cũng đều gồm đủ bốn câu như vậy. Khi xin pháp phú tàng (nói một tội, không nói một tội) cũng gồm đủ bốn câu như vậy.

Khi thi hành pháp phú tàng, cho đến hành pháp Ma-na-đỏa rồi, đều gồm đủ 20 câu như vậy.

Làm Sa-di rồi trở lại thọ Đại giới, 100 câu cũng như vậy.

Điên cuồng loạn tâm, đau não, đều gồm đủ 100 câu cũng như vậy. Tăng tác pháp trao cho các tội: không nhận thấy, không chịu sám hối, không bỏ ác kiến, đều cũng gồm đủ 100 câu như vậy.

Hình đồ mỗi 4 câu, 20 câu, cho đến 100 câu sau:

1) Hình đồ 4 câu: Giấu một tội, không giấu một tội.

Trước phạm hai tội, giấu một tội, không giấu một tội.

Thôi tu, lại thọ Cụ túc.

- Trước giấu một ,không giấu một.
- Cả hai đều không giấu

- Cả hai đều giấu.

- Trước giấu sau không,

- Trước không sau giấu.

2) Hình đồ 4 câu: Nhớ một tội, không nhớ một tội.

Trước phạm hai tội, nhớ một tội, không nhớ một tội.

Thôi tu, lại thọ Cụ túc.

- Trước nhớ một, không nhớ một.
- Cả hai đều không nhớ.

- Cả hai đều nhớ.

- Trước nhớ sau không

- Trước không sau nhớ.

3) Hình đồ 4 câu: Nghi một tội, không nghi một tội.

Trước phạm hai tội, nghi một tội, không nghi một tội.

Thôi tu, lại thọ Cụ túc.

- Trước nghi một, không nghi một.
- Cả hai đều không nghi.

- Cả hai đều nghi.

- Trước nghi sau không,

- Trước không sau nghi.

4) Hình đồ 4 câu: Biết một tội, không biết một tội.

Trước phạm hai tội, biết một tội,
không biết một tội.

Thôi tu, lại thọ Cụ túc.

- Trước biết một, không biết một.
- Cả hai đều biết.

- Cả hai đều không biết.

- Trước không biết sau biết,

- Trước biết sau không.

5) Hình đồ 4 câu: Khi xin phú tàng nói một không nói một.

Phạm hai tội, đến trước Tăng,
xin pháp phú tàng, nói một không nói một.

Thôi tu, trở lại thọ Cụ túc

- Trước nói một, không nói một.

- Cả hai đều nói.

- Cả hai đều không nói.

- Trước không nói sau nói.

- Trước nói sau không nói.

Năm hình đồ trước, mỗi hình đồ có 4 câu, cộng lại thành 20 câu. Đây là ước định từ khi phạm tội cho đến khi xin tội phú tàng, thôi tu để trình bày. Lại có trường hợp khi thi hành pháp phú tàng, thôi tu. Hành pháp phú tàng rồi, thôi tu. Khi hành Ma-na-đỏa, thôi tu. Hành Ma-na-đỏa rồi, thôi tu, cũng đều đủ 20 câu, gồm cả trước, cộng thành 100 câu, thôi tu. Để liệt kê bảy việc của Sa-di cũng đều có 100 câu. Dùng hình đồ trình bày sau đây:

Khi xin tội phú tàng Giấu một, không giấu một, bốn câu.

Khi hành tội phú tàng Xả giới, Nhớ 1, không nhớ một, bốn câu.

Hành tội phú tàng rồi hoàn tục, Nghi 1, không nghi một, bốn câu.

Khi hành pháp ý hỷ thọ giới Biết 1, không biết một, bốn câu.

Hành pháp ý hỷ rồi lại. Nói 1, không nói một, bốn câu.

Hình đồ 700 câu :

- Phạm tội, đến xin tội phú tàng. Giấu một, không giấu một, bốn câu Xả Cụ làm Sa-di
- Khi hành tội phú tàng. Điên cuồng Nhớ một, không nhớ một, bốn câu Tâm loạn
- Hành tội phú tàng rồi. Đau não bức bách Không nhận tội Nghi một, không nghi một, bốn câu
- Khi hành pháp hủy hỷ. Không sám hối Không bỏ ác kiến Biết một, không biết một, bốn câu
- Hành pháp ý hỷ rồi Nói một, không nói một, bốn câu

Trong một câu: "Xả Cụ làm Sa-di" ở trước bao gồm năm thời kỳ. Trong mỗi thời, ở sau gồm giấu một không giấu một v.v... mỗi mỗi có bốn câu. Trong một thời gồm năm lần bốn câu thành 20 câu. Trong năm thời, mỗi thời có 20 câu thành 100 câu. Tức là xả Cụ giới làm Sa-di, trở lại thọ Cụ túc. Trong 100 câu đây sai khác không đồng. Cần phải tùy từng trường hợp một giải quyết, tác pháp Yết-ma vậy. Trường hợp điên cuồng ba chứng bệnh, sau khi hết bệnh đều có 100 câu. Không nhận tội v.v... ba trường hợp, sau khi xin giải tẫn được rồi cũng đều có 100 câu, cộng thành 700 câu.

Trường hợp khi hành pháp phú tàng thôi tu. Hoặc lúc tác pháp bổn nhật trị thôi tu. Hoặc là hành pháp phú tàng rồi thôi tu. Hoặc khi hành pháp Ma-na-đỏa rồi thôi tu. Hoặc hành pháp rồi thôi tu, sau trở lại thọ Cụ túc giới đều tùy theo mỗi trường hợp mà tác pháp. Làm Sa-di v.v... đều có 5 câu cũng vậy.

Hình đồ câu 5:

Thôi tu rồi trở lại thọ giới Cụ túc.

Khi hành phú tàng.Thôi tu làm - Cho tiếp tục hành phú tàng.

Tác pháp bổn nhật trị người đời, - Làm pháp bổn nhật trị.

Hành phú tàng rồi.Thọ giới- Làm pháp Ma-na-đỏa.

Khi hành ý hỷ Cụ túc lại - Tiếp tục hành ý hỷ.

Hành ý hỷ rồi - Cho xuất tội.

Làm Sa-di thọ giới Cụ túc lại cũng đồng như 5 câu này. Điên cuồng, tâm loạn, đau não, bức bách, tâm thần ổn định lại cũng đều đồng như 5 câu này. Không nhận tội, không sám hối, không bỏ ác kiến, được giải Yết-ma rồi cũng đều đồng như 5 câu này. Công thành 40 câu.

Trường hợp phạm tội Tăng tàn mà tưởng là phạm tội khí rồi che giấu, hay gọi là phạm tội Ba-dật-đề cho đến tội ác thuyết rồi che giấu. Đương sự nên làm pháp sám Đột-kiết-la, rồi xin Tăng trao cho pháp Ma-na-đỏa. Trường hợp phạm Ba-dật-đề mà gọi là phạm tội khí v.v... che giấu. Trước hết nên tác pháp sám Đột-kiết-la, sau đó như pháp mà sám. Trường hợp phạm Tăng tàn, có ý nghĩ là tội Tăng tàn rồi che giấu, nên tác pháp sám Đột-kiết-la rồi trao cho pháp Yết-ma che giấu.

Trường hợp phạm Tăng tàn, không nhớ phạm bao nhiêu lần và bao nhiêu ngày. Hoặc nhớ phạm bao nhiêu lần mà không nhớ số lượng ngày đã phạm thì đều trao cho tội Tăng tàn phú tàng kể từ khi không còn thanh tịnh về sau. Nếu nhớ số ngày, không nhớ phạm bao nhiêu lần nên dựa theo số ngày nhớ đó mà trao cho pháp phú tàng. Nếu nghi hay không nghi v.v... cũng như vậy.

Trường hợp trong khi hành pháp Ma-na-đỏa phạm tội lại mà che giấu, nên trao cho pháp Ma-na-đỏa, tiếp theo cho pháp bổn nhật trị, sau đó mới xuất tội.

Trong thời gian đang hành pháp phú tàng cho đến khi xuất tội v.v... không nên chen vào tác pháp Yết-ma phú tàng, bổn nhật trị, Ma-na-đỏa, hay tính đủ 20 vị để xuất tội.

Tỳ-kheo đang hành pháp che giấu có tám trường hợp không được tính (thất dạ) maø lại mắc tội Đột-kiết-la.

(Trường hợp nào, văn sau sẽ nói rõ. Trong tám trường hợp này cần phải tác bạch, nếu không tác bạch thì ngày ấy không được gọi là ngày hành biệt trụ, phải sám tội Đột-kiết-la rồi hành pháp biệt trụ, bổ túc lại ngày đó).

Tám trường hợp không được tính (thất dạ) như sau:

1) Đến chùa khác mà không bạch.

2) Khách Tỳ-kheo đến mà không bạch.

3) Có việc cần ra ngoài giới mà không bạch.

4) Trong chùa có người đi tản bộ mà không bạch.

5) Lâm bệnh không nhờ người bạch để nghỉ.

6) Hai, ba người cùng ngủ một phòng.

7) Ở nơi trú xứ không có Tỳ-kheo.

8) Ngày thuyết giới không bạch.

Đương sự đầy đủ oai nghi, bạch như vầy:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe cho! Tôi Tỳ-kheo ... phạm tội Tăng tàn maø che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên... theo như thời gian che giấu, đến trước Tăng xin pháp Yết-ma số ngày che giấu. Tăng đã trao cho tôi Yết-ma theo số ngày che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên.... đã hành pháp bao nhiêu ngày, còn bao nhiêu ngày chưa hành pháp. Kính trình Đại đức biết cho: Tôi là người đang hành pháp tội che giấu."

Trường hợp hành Ma-na-đỏa phải ngủ cùng Tăng hàng ngày thưa như vậy.

Trường hợp ngày Bố-tát mà người hành sám yếu đuối, nhiều xấu hổ, nên đến trước vị Tỳ-kheo thanh tịnh thưa raèng:

- Đại đức Thượng tọa biết cho, hôm nay tôi xin tạm ngưng hành pháp sám, như chư Tăng đã dạy bảo. Nếu khi nào muốn hành pháp lại, nên đến trước vị Tỳ-kheo thanh tịnh thưa rằng:

“Hôm nay tôi vâng theo sự dạy bảo của chư Tăng xin phụng hành lại pháp sám.”

Trong Căn bản bách nhất yết-ma nói:

Như khi hành pháp biến trụ (tức biệt trụ), hay khi hành pháp Ma-na-đỏa, nghe có Tỳ-kheo là người tánh thích gây gổ, ưa bình phẩm, hoặc hạng người không biết xấu hổ, lười biếng muốn đến nơi trú xứ ấy, nên đối với một Tỳ-kheo xin xả vấn đề hành pháp đó. Khi người đó đi rồi, trở lại đến vị Tỳ-kheo thiện tịnh xin thọ pháp ấy lại.

Luật Ngũ phần nói:

Tỳ-kheo hành pháp biệt trụ, muốn đi xa nên xả rồi mới đi. Đương sự đến nơi một vị Tỳ-kheo như pháp thưa:

“Đại đức nghe cho! Tôi nay xả pháp biệt trụ, sau sẽ thi hành lại...” (nói như vậy 3 lần).

Trường hợp không xả mà đi, trên đường đi thấy Tỳ-kheo nên tự nói:

“Đại đức, tôi Tỳ-kheo.... hành pháp biệt trụ đã được bao nhiêu ngày, còn bao nhiêu ngày, xin Đại đức ghi nhận cho.”

Nếu xả biệt trụ đến chỗ khác nên cầu xin Tăng nơi đó hành biệt trụ lại. Tăng nơi đó nên chấp thuận.

Trường hợp có Tỳ-kheo khi đang hành pháp biệt trụ hoặc pháp Ma-na-đỏa hoặc pháp A-phù-a-na (xuất tội) bị mạng chung. Các Tỳ-kheo hỏi Phật: Các Tỳ-kheo đó khi mạng chung có đủ giới hay bị phá giới? Phật dạy: Các Tỳ-kheo đó đều là Tỳ-kheo đủ giới.

Luật nhiếp thuyết minh:

Có sáu hạng người phạm các lời giáo huấn, thì nên đối với vị Tỳ-kheo nói lên lời nói xin trừ tội thì được gọi là thanh tịnh:

1) Người thọ trì tạng Tô-đát-la (Kinh).

2) Người thọ trì hết tạng Tỳ-nại-da (Luật)

3) Người thọ trì hết tạng Ma-điệt-lý-ca (Luận).

4) Người có tánh xấu hổ tột độ, nếu nói đến tội họ phạm, họ ôm lòng hổ thẹn có thể chết.

5) Vị Thượng tọa cao tuổi nhất trong chúng.

6) Vị có phước đức lớn.

Sáu hạng người này khi bị trị phạt có ảnh hưởng không tốt. Trường hợp họ có phạm tội thì họ quyết tâm chấm dứt tội, thề không tái diễn. Họ xấu hổ hết sức, không bao giờ xem thường, cho nên trừ được tội. Trường hợp phạm các lời giáo huấn về tội mà thuộc "bất cộng" thì khi căn chuyeản, tội ấy cũng diệt luôn.

(Bất cộng là trong 13 điều của Tỳ-kheo: 1. Lộng âm, 2. Xúc nữ, 3. Thô ngữ, 4. Thán thân, 5. Không chủ làm phòng ở, 6. Có chủ làm phòng ở. Tất cả những điều ấy Ni không giống với Tỳ-kheo, nên gọi là bất cộng).

Trong Thập tụng tỳ-ni tựa thuyết minh:

Vị Thượng tọa phạm tội Tăng tàn, khi đã hành pháp Ma-na-đỏa, làm cho người sanh tâm bất tín. Vị ấy nên khởi ý nghĩ: Từ nay không bao giờ để phạm lại, thì liền được thanh tịnh. Vị Đại đức nhiều người biết cũng vậy. Người nào coù ý nghĩ: Thà thôi tu chứ không hành pháp Ma-na-đỏa, cũng vậy. Vị Tỳ-kheo bệnh sức yếu không thể hành pháp Ma-na-đỏa, cũng vậy. Có một vị Tỳ-kheo phạm tội Tăng tàn, không đủ chúng 20 người, muốn đến trú xứ khác sám hối, trên đường đi gặp giặc đoạt mạng. Lại có một Tỳ-kheo phạm tội Tăng tàn, chúng không thanh tịnh, muốn đến trú xứ kia sám hối, trên đường đi gặp giặc đoạt mạng. Những người như vậy mà khởi ý niệm "như pháp sám hối" liền được thanh tịnh, không đọa ác đạo.

(Có sáu hạng người 'trường hợp' được áp dụng cách sám hối đó: 1. Bậc Thượng tọa, 2. Bậc Đại đức, 3. Người hổ thẹn, 4. Người bệnh yếu, 5. Không đủ chúng, 6. Chúng không thanh tịnh).

Không nên áp dụng một cách sai quấy và có sự kiêu hãnh. Trường hợp mạo nhận tự dối gạt mình thì tội trạng không thể trừ được. Cốt yếu là phải tham vấn sâu rộng những vị hiểu rõ về luật mơùi có thể quyết đoán được.

Hỏi: Luật nhiếp gọi sáu hạng người ấy là con mắt của người, trời, là thủ lãnh trong chúng cho nên xem tội Đột-kiết-la cùng với tội tứ khí (Ba-la-di) bằng nhau. Nay phạm thô tội mà thể tất như đây thì đối với các học xứ khác có gì trở ngại không?

Đáp: Đó là bậc thủ lãnh trong Tăng, tự nhiên vấn đề khinh trọng không thể thiếu sót. Chỉ vì tập khí phiền não quá mạnh, hoặc ngẫu nhiên vi phạm pháp tịnh, một khi tự nói lên sự ăn năn tức là lật ngược lại được tất cả sự nghi ngờ. Tự thệ vĩnh viễn không khi dối. Các pháp sám này, vốn nó không cho phép kiêu hãnh tự khi, đâu có thể vội cho rằng không có ngại ư?

---o0o---

III. MINH ĐỊNH PHÁP TRỊ TỘI THÂU LAN GIÁ

Luật Thập tụng thuyết minh:

Từ tội Ba-la-di sanh ra, ở mức độ quan trọng gọi là trọng Thâu-lan-giá. Tội này phải đối trước tất cả Tăng mà sám hối để trừ diệt.

(Như giới dâm: hai thân đã chạm nhau mà nam căn chưa vào trong nữ căn. Giới trộm: đã quyết định lấy 5 tiền mà chưa di chuyển khỏi chỗ cũ. Giới sát: giết đúng đối tượng mà người ấy chưa chết. Giới vọng: dối nói là chứng quả mà nói không rõ ràng).

Từ tội Ba-la-di sanh ra, ở mức độ không quan trọng gọi là khinh Thâu-lan-giá.

(Như giới dâm: hướng vào nhau mà chưa xúc chạm. Giới trộm: đã rờ đến vật đáng giá mà chưa định lấy, hay là định lấy vật thường mà chưa dời khỏi chỗ cũ. Giới sát: vừa chuẩn bị mà chưa làm thương tổn kẻ khác. Giới vọng ngữ: chưa nói ra thành lời mà chấm dứt ý nghĩ đó).

Từ tội Tăng tàn sanh ra, ở mức độ quan trọng gọi là trọng Thâu-lan-giá.

(Giới lộng âm: tinh chưa xuất mà đình chỉ. Giới xúc chạm thân nữ: một bên có y một bên không có y. Giới thô ngữ và giới đòi hỏi cung phụng sự dâm dật: nói không rõ ràng. Giới làm mai: không nhận lời, nhưng đến nói rồi trở lại trả lời. Giới cất phòng lớn, phòng nhỏ: làm mà chưa xong. Giới sân giận

phỉ báng: nói mà không rõ ràng. Giới phá Tăng chủ, phá Tăng bạn, mắng Tăng, bất thọ gián 'không nhận lỗi can gián' cho đến lúc Tăng tác pháp Yết-ma mới bỏ, đều gọi là trọng phương tiện).

Những tội này phải ra ngoài giới, đối trước bốn vị Tỳ-kheo sám hối để trừ diệt.

Từ tội Tăng tàn sanh ra, với mức độ không quan trọng, gọi là khinh Thâu-lan-giá. Tội này đối trước một vị Tỳ-kheo sám hối để trừ diệt.

(Lấy tay cầm nam căn mà chưa lộng. Xúc chạm nhau mà hai bên đều có y. Nói thô và đòi cung phụng mà nói chưa thành lời liền chấm dứt. Môi giá, đến nói mà không trở lại trả lời. Đại phòng, tiểu phòng đã quy định mà chưa làm. Sân giận phỉ báng, chưa nói ra lời liền thôi. Phá Tăng cho đến ác tánh, mới vừa bạch Tăng liền bỏ đều gọi là tội khinh phương tiện).

Tội từ đây sanh cũng gọi là phương tiện lan, cũng gọi là nhơn lan.

Tứ phần yết-ma thuyết minh:

Độc đầu Thâu-lan-giá có ba loại khác nhau:

- Như phá pháp luân Tăng vai chủ động, trộm 4 tiền, giết loài trời v.v... gọi là thượng phẩm.

- Phá Yết-ma Tăng vai chủ động, phá pháp luân Tăng vai phụ, trộm 2, 3 tiền v.v... gọi là trung phẩm.

- Phá Yết-ma Tăng vai phụ, cạo lông, lõa hình, chứa da người, bát đá, ăn huyết nhục sống, mặc áo ngoại đạo, trộm 1 đồng v.v... gọi là hạ phẩm. Chuẩn theo tội từ đây sanh Thâu-lan-giá, 3 món pháp sám, nên biết.

Tội Độc đầu này cũng gọi là tự tánh lan, cũng gọi là quả lan, thuộc về tội đẳng lưu7.

Hỏi: Phá Tăng là tội nghịch trọng nạn. Tại sao có thể tác pháp sám hối theo tội Thâu-lan-giá?

Đáp: Phá pháp luân Tăng với vai chủ động là tội nghịch, còn vai phụ không phải là nghịch tội. Phá Yết-ma Tăng vai chủ, vai phụ đều không gọi là tội

nghịch. Hơn nữa, phá pháp luân Tăng vai chủ động tuy là nghịch tội, nhưng không mất giới Tỳ-kheo, nên cũng chỉ gọi là tội Thâu-lan-giá, không gọi là Ba-la-di. Nếu Tăng luân chưa bị phá còn có thể sám hối, nếu Tăng đã bị phá thành nghịch tội. Trường hợp này không thể chỉ sám hối bằng "Tác pháp" mà cần phải sám hối bằng "Vô sanh" mới được.

Cho đến đối với kẻ phá pháp luân Tăng vai phụ, phá Yết-ma Tăng vai chủ đều có thể sám hối. Nhưng nếu xả giới rồi trở lại thọ giới Cụ túc thì trở thành trọng nạn. (Khi hỏi già nạn).

---o0o---

IV. MINH ĐỊNH PHÁP TRỊ TỘI NHẸ

Phương pháp sám hối tội Ni-tát-kỳ, như đã nói trong mục 30 giới Xả đọa, nay chỉ thuyết minh chung về pháp sám các tội Ba-dật-đề, Đột-kiết-la v.v...

Phần thứ ba8 thuyết minh:

Tỳ-kheo phạm tội, nếu muốn đến một Tỳ-kheo để sám hối, thì (đây là trường hợp tội Ba-dật-đề tầm thường, hay Đột-kiết-la tiểu tội v.v...) phải đến trước một Tỳ-kheo thanh tịnh mặc y trống vai mặt. Nếu vị ấy là bậc Thượng tọa thì phải lễ lạy (còn bậc Hạ tọa thì khỏi lễ), quỳ gối, chắp tay, nói lên tên của tội và chủng loại của tội, bạch như vầy:

"Đại đức một lòng thương xót! Tôi Tỳ-kheo tên.... phạm tội.... thuộc loại.... nay đến Trưởng lão xin sám hối, không dám che giấu, sám hối thì an vui, không sám hối thì không an vui. Tôi ghi nhớ tội phạm phát lồ như sự hiểu biết, không dám che giấu, xin Trưởng lão ghi nhớ cho tôi thanh tịnh, giới thân Cụ túc thanh tịnh Bố-tát". (Thưa như vậy 3 lần).

Vị thọ sám nên nói: "Thầy tự trách lòng thầy nên sanh taâm nhàm chán." Đương sự thưa: "Dạ vâng" (nhĩ).

Nếu muốn đến trước hai vị Tỳ-kheo xin sám hối (đây là thuộc tội Ba-dật-đề bậc trung, tương đối nặng, nên đến trước hai người để nói lên sự ăn năn thì tâm mới yên. Hoặc trú xứ đó chỉ có ba vị Tỳ-kheo), trường hợp ấy nên đến trước hai vị Tỳ-kheo thanh tịnh, mặc y trống vai mặt, nói rõ tội v.v... như trước. Vị thọ sám nên hỏi vị Tỳ-kheo thứ hai rằng: "Nếu Trưởng lão cho tôi

nhận sự sám hối của vị Tỳ-kheo... thì tôi sẽ nhận". Vị kia nên nói: "Được, đồng ý". (Khả nhĩ).

Nếu muốn đến trước ba vị Tỳ-kheo sám hối, cũng như vậy (Đây là trường hợp tội Ba-dật-đề bậc trung, tánh tội nặng, đương sự phải đến trước ba vị Tỳ-kheo sám hối thì lòng mới yên. Hoặc trú xứ kia chỉ có bốn vị Tỳ-kheo vị thọ sám nên hỏi hai vị kia mới nhận sự sám hối ấy).

Nếu muốn đến trước Tăng sám hối (tức là từ bốn vị Tỳ-kheo cho đến vô số gọi là Tăng. Đây thuộc về tội thượng và trung, hai phẩm của Thâu-lan-giá, và xả trước Tăng, sám hối trước Tăng) thì đương sự nên đến trước Tăng, mặc y trống vai mặt, cởi giày dép, lễ dưới chân Tăng, quyø gối, chắp tay, thưa như sau:

"Xin Đại đức Tăng nghe cho! Tôi Tỳ-kheo... đã phạm tội... nay đến trước Tăng cầu xin sám hối..." (Thưa như vậy 3 lần).

Vị thọ sám phải tác bạch. Sau đó mới nhận sự sám hối của đương sự. Văn bạch như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo kia tên... đã phạm tội... nay đến trước Tăng xin sám hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi sẽ nhận sự sám hối của vị Tỳ-kheo kia. Đây là lời tác bạch".

Bạch như vậy rồi mới nhận sự sám hối. Vị Tỳ-kheo kia nên nói như trước 3 lần để sám hối. Vị thọ sám hối nói: "Thầy nên tự trách lấy tâm thầy, sanh lòng nhàm chán và xa lìa". Đương sự đáp: "Xin vâng".

Kinh Tỳ-ni mẫu thuyết minh:

Thượng tọa đối với Hạ tọa, có tội cần sám hối, có bốn việc cần phaûi làm trong khi phát lồ:

1) Mặc y trống vai mặt.

2) Cởi bỏ giày, guốc, dép.

3) Chắp tay.

4) Nói lên tội đã phạm.

Còn Hạ tọa hướng đến Thượng tọa xin sám hối những tội mình đã phạm, có năm việc cần phải làm (như bốn việc trên, chỉ thêm cái thứ năm là quỳ gối).

(Vấn đề Thượng, Hạ tọa ở đây không dựa vào việc tuổi hạ; 9 hạ... để luận định, mà chỉ dựa vào thời gian thọ giới Cụ túc. Người thọ giới Tỳ-kheo trước chỉ trong 1 khoảnh khắc cũng tức là Thượng tọa. Lại nữa, y vào luật Tứ phần thì Thượng tọa hướng đến Hạ tọa sám hối chỉ trừ lễ bái, nhưng cũng phải quỳ gối).

Căn bản tạp sự nói:

Phải đủ năm pháp mới tác pháp sám hối:

1) Có tín tâm.

2) Khởi lòng tinh tấn.

3) Sanh tâm cung kính.

4) Miệng nói ra lời hay, đẹp.

5) Gần gũi bạn lành.

Thập tụng tỳ-ni tựa nói:

Trường hợp bị giặc bắt, hoặc là người bệnh, tuy đối với người có tội "tương ưng" nhưng cho phép tâm niệm miệng nói lên lời sám hối. Sau đó đến nơi vị Tỳ-kheo thanh tịnh mà sám hối. Sau khi họ sám hối rồi mới nhận sự sám hối của họ.

(Tội "tương ưng" tức là đồng phạm một tội với nhau. Khi bình thường không được hướng đến người đồng tội mà sám hối. Người đồng tội không được nhận sự sám hối của người khác. Nay trong trường hợp có tai nạn hoặc bệnh, hoặc bị giặc bắt, trước heát người ấy nên nghĩ rằng: "Tội này của tôi hôm nay, sau này sẽ phải đến vị Tỳ-kheo thanh tịnh sám hối". Khởi ý nghĩ như vậy rồi liền được nhận sự sám hối của người bệnh nặng hoặc kẻ bị giặc bắt kia để họ khỏi sa đọa sau khi chết).

---o0o---

V. MINH ĐỊNH CÁC PHÁP YẾT-MA

Phần thứ ba (luật Tứ phần) nói:

Có hai Tỳ-kheo tánh ưa gây tụng, cùng nhau mắng nhiếc, nói lời ác độc, tranh hơn thua với nhau, lại cũng khuyến khích người khác tranh tụng. Phật cho phép chư Tăng tác pháp quở trách, Bạch tứ yết-ma để thực hiện, sau khi Tăng họp xong, nêu tội phạm, khi nêu tội phạm rồi, vì họ tác pháp nhớ nghĩ. Khi tác pháp nhớ nghĩ xong, mới định tội trạng. Văn bạch tác pháp Yết-ma như sau:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo đây tên là... ưa đấu tranh nhau, cùng nhau mạ nhục, nói lời hung dữ, tranh nhau hơn thua. Các Tỳ-kheo kia cùng nhau đấu tranh rồi, nếu có Tỳ-kheo nào khác đấu tranh lại đến khuyến khích rằng: "Các bạn có khả năng, không như bọn họ, các bạn học nhiều, trí tuệ, sự nghiệp hơn họ nhiều, bạn bè tri thức cũng vậy. Chúng tôi sẽ làm bạn với các bạn". Họ chủ trương như vậy nên trong Tăng chưa có sự tranh cãi thì sanh ra sự tranh cãi, đã có sự tranh cãi thì không chấm dứt được. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, vì các Tỳ-kheo ấy tác pháp Yết-ma quở trách. Sau này họ đấu tranh lại, mạ nhục với nhau lại, chư Tăng sẽ phải tăng thêm tội mà trị họ. Đây là lời tác bạch."

Văn Yết-ma theo đây mà thành lập. Nếu họ tùy thuận chúng Tăng không điều nào chống trái, cần cầu giải pháp Yết-ma thì nên giải. Họ phải đến trước Tăng 3 lần cầu xin giải tội. Chư Tăng Baïch tứ yết-ma để giải vậy.

Tỳ-kheo bị tẫn nếu không được gọi thì không nên vào bên trong nội giới. Cho phép, nhờ người tin cậy vào trong chúng cầu xin sám hối. (Đây là chỉ cho người làm hạnh xấu, làm nhơ nhớp nhà người).

Tỳ-kheo y chỉ, học pháp Tỳ-ni, đắc trí tuệ, tùy thuận chúng Tăng, không dám trái nghịch, cầu xin giải Yết-ma thì nên giải.

Tỳ-kheo có 10 pháp nên tác bạch Yết-ma ngăn cản không đến nhà bạch y:

1) Nói xấu, mắng nhà bạch y.

2, 3, 4) Làm cho nhà bạch y bị thiệt thòi, mất mát lợi lộc, không có nơi nương ở.

5) Đấu tranh não loạn bạch y.

6, 7, 8) Trước bạch y hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

9) Trước người bạch y nói lời hạ tiện, mạ nhục.

10) Hứa như pháp mà không thực hành.

Có năm hạng Tỳ-kheo không nên vì họ mà làm pháp Yết-ma này: không cung kính cha, mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, việc nên gìn giữ mà không kiên tâm gìn giữ (chỉ nên tác pháp quở trách chiết phục....). Nếu họ cung kính cha, mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, việc nên gìn giữ kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo nào phạm 10 pháp như trên tác pháp Yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Tác pháp rồi sai một Tỳ-kheo đến nhà bạch y vì Tỳ-kheo này mà xin lỗi. Có tám pháp nên sai:

1) Có nghe biết vấn đề.

2) Khéo nói.

3) Tự mình hiểu rõ.

4) Có khả năng hiểu ý của người.

5) Khéo thu nhận lời nói của người.

6) Khéo ghi nhớ.

7) Không khuyết điểm.

8) Khéo giải thích lời nói đúng sai.

Người nào có tám pháp như vậy nên Bạch nhị yết-ma sai đến nhà bạch y nói lời xin lỗi với cư sĩ như sau: "Tăng đã vì Tỳ-kheo này tác pháp trách phạt rồi". Nếu cư sĩ nhận lời sám hối như vậy thì tốt. Bằng không, nên bảo Tỳ-kheo đó đến đứng chỗ cư sĩ thấy mà không nghe, bảo vị tỳ-kheo ấy nói lời như pháp sám hối. Vị Tỳ-kheo được sai trở lại nói với người cư sĩ ấy rằng: "Vị Tỳ-kheo ấy trước phạm tội, nay đã sám hối, tội đã tiêu trừ." Nếu cư sĩ nhận sự sám hối thì tốt, bằng không thì Tỳ-kheo phạm tội phải trực tiếp đến

sám hối với cư sĩ. Sám hối rồi, phải tùy thuộc vào Tăng, không được tái phạm. Khi họ xin giải Yết-ma, thì nên giải cho.

Phạm tội mà nói không thấy phạm, có tội mà không sám hối, không bỏ ác kiến, đều nên làm pháp tác cử (cử tội).

Nếu đã tác Yết-ma quở trách, tẫn xuất, y chỉ, ngăn không cho đến nhà bạch y, không thấy tội đã cử, không sám hối tội đã phạm, không bỏ ác kiến đã cử, tuỳ theo số ngày che giấu, phạt lại từ ngày đầu, sáu đến ý hỷ. Khi đã làm những Yết-ma ấy rồi, có năm việc không nên làm:

1) Không được trao giới Cụ túc cho người.

2) Không được nhận cho người y chỉ.

3) Không được nuôi Sa-di.

4) Không được nhận Tăng sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni.

5) Nếu Tăng đã sai thì không nên đến giáo thọ.

Lại có năm việc không nên làm:

1) Không được thuyết giới.

2) Tăng hỏi nghĩa Tỳ-ni không được trả lời.

3) Không được làm vị Yết-ma.

4) Không được tham dự vào việc tuyển chọn người trí tuệ để cùng bình đoán luận nghị việc của Tăng.

5) Không được làm người đại diện cho Tăng.

Ngoài ra, không được sớm vào trong tụ lạc tối mới về. Không được gần gũi ngoại đạo. Không được nói xà quần (dị ngữ), không được phạm tội lại. Không được cơ hiềm Yết-ma và người làm Yết-ma. Không được nhận vị thiện Tỳ-kheo cúng dường lễ bái. Không được cử tội thiện Tỳ-kheo. Không được ngăn Bố-tát, Tự tứ. Không được cùng với thiện Tỳ-kheo tranh luận. Nên ngồi và đi sau Tỳ-kheo. Nên vì thanh tịnh Tỳ-kheo lau quét, trải tòa,

cho đến bưng y bát, xoa thân v.v... như pháp thờ thầy. Nên mỗi ngày 3 lần diện kiến thanh tịnh Tỳ-kheo. Đến ngày Bố-tát phải lau quét cho đến sửa soạn thẻ hành trù. Bố-tát rồi nên dọn dẹp.

Luật Tăng kỳ thuyết minh:

Có năm việc phải tác pháp mà chiết phục (tức là Yết-ma quở trách):

1) Quen gần tám việc, nghĩa là thân quen gần để ở, miệng quen gần để ở, thân và miệng quen gần để sống (ở). Thân quen gần tức là cùng ngồi một giường, cùng ngủ một giường, cùng ăn một mâm, cùng mặc quần áo với nhau, cùng đi ra, cùng đi vào. Miệng quen gần tức là cùng nhau hưởng ứng qua lại, nói những lời ô nhiễm. Thân và miệng quen gần tức là cùng ngồi một giường cho đến khi nói cùng nhau hưởng ứng qua lại, lần lượt nói lời ô nhiễm (thân có sáu, miệng có hai, cộng thành tám việc ấy).

2) Thường thường phạm tội, 3 lần can ngăn không bỏ.

3) Vào tụ lạc quá sớm, ra khỏi tụ lạc quá tối. Bạn bè xấu ác, đi đến chỗ không nên đến.

4) Cùng nhau tranh tụng, 3 lần can ngăn không bỏ.

(Năm pháp thaønh tựu, tranh tụng trở lại: 1. Tự cao, 2. Tánh thô cộc hung ác, 3. Nói lời vô nghĩa, 4. Nói không đúng lúc, 5. Không gần bạn lành).

5) Ưa gần tuổi trẻ, 3 lần can ngăn không bỏ.

Trường hợp khi tác pháp Yết-ma chiết phục, mà không tùy thuận phụng hành, hoặc thường phạm tội nhỏ, miệng tuy nhận lời can ngăn, nhưng vẫn cứ phạm. Tất cả nên tác pháp Yết-ma không cùng nói chuyện (tức là Yết-ma y chỉ vậy).

Hạnh xấu làm nhơ nhớp nhà người Yết-ma tẫn. Nhiễu loạn người đời, sanh chuyện không vui, tác pháp Yết-ma phát hỷ (tức là Yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y).

Không nhận tội, không như pháp làm (tức không sám hối), không bỏ ác kiến thì tác pháp Yết-ma cử tội.

Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa phải tùy thuận thi hành bảy việc:

1) Việc của Tỳ-kheo.

2) Việc của Tỳ-kheo-ni.

3) Việc của quyến thuộc.

4) Việc vào tụ lạc.

5) Chấp hành các việc cực nhọc.

6) Nhận việc Tăng sai.

7) Việc của vua.

Thế nào là việc của Tỳ-kheo?

Không được nhận sự lễ bái của Tỳ-kheo. Không được nói lỗi của Tỳ-kheo. Không được cùng Tỳ-kheo luận bàn. Không được nói tội của Sa-di. Không được phước phạt Sa-di (tức thưởng, phạt). Không được cùng Sa-di luận bàn. Không được làm sứ giả cho Tỳ-kheo. Khi chúng họp không được vì chúng làm người nói pháp, trừ trường hợp đặc biệt. Đó là việc Tỳ-kheo.

Thế nào gọi là việc của Tỳ-kheo-ni?

Không được nhận Tỳ-kheo-ni lễ lạy. Không được nói tội của Ni, không được cùng với Ni luận nghị, không được nói tội của Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni. Không được phước phạt họ, không được cùng họ nghị luận. Không được ngăn Ni Bố-tát, Tự tứ. Không được cản ngăn Ni đứng ngang cửa ngõ của trú xứ Tăng.

(Nhân các Tỳ-kheo-ni đánh Tôn giả Ca-tỳ-lê, Phật bảo các Tỳ-kheo thấy Ni vào chùa nên bảo họ đứng ngang cửa. Đó là điều chánh đáng. Sau khi thưa, mới cho họ vào. Nay các vị Tỳ-kheo đang hành biệt trụ không được cản ngăn họ).

Không được đến giáo giới Ni, nếu đã nhận cũng không được đến. (Nghĩa là trước khi chưa phạt, tuy đã từng thọ Tăng sai, nhưng hiện tại đang bị tội chưa trừ, không được đến dạy). Đó là việc của Tỳ-kheo-ni.

Thế naøo là việc của quyến thuộc?

Không được cho phép người thọ Cụ. Không được nhận người y chỉ. Không được nuôi Sa-di. Không được nhận sự cung cấp của Tỳ-kheo. Không được trao kinh cho người. Không được nhận kinh nơi người khác. Nếu thường tụng kinh nên tụng nhỏ giọng. Nếu trước đó đã cho đệ tử y chỉ thì nên bảo họ y chỉ vị khác, nên chấm dứt quyến thuộc. Đây là việc của quyến thuộc.

Thế naøo gọi là việc của thôn xóm (tụ lạc)?

Không được vào xóm sớm quá, ra tối quá. Không được vào tụ lạc riêng một mình. Không được đi vào trước hay sau Sa-môn.

(Tỳ-kheo biệt trụ 'biệt giam' phải đi sau tất cả Tỳ-kheo thanh tịnh, ngồi cũng vậy. Nếu đi vào thôn xóm riêng một mình hoặc trước hay sau Sa-môn, tức laø không chịu tùy thuận hành pháp vậy). Không được đến nhà Đàn-việt trí thức. Không được ở nơi trú xứ không có Tỳ-kheo Tăng ở. Khi ngồi, khi ăn phải sau Tỳ-kheo, không được sai người nhận đồ ăn, không được cho người đưa đồ ăn, trừ đến phiên mình (luân phiên trị nhật cho người nhận hay đưa đồ ăn không phạm). Đó gọi là việc của thôn xóm.

Thế nào gọi là chấp hành các việc khó nhọc?

Sáng dậy quét chùa, tháp, phòng của Tăng. Rửa chùi đồ đại tiểu tiện của Tăng. Tất cả việc có thể làm như vậy, theo khả năng mình phải làm không được tránh né. Không được nhận dục của người khác, trừ phiên của mình (luân phiên vì người truyền dục thì không phạm). Đó gọi là chấp hành các việc khó nhọc.

Thế nào gọi là nhận việc của Tăng sai?

Không được nhận tất cả sự lễ bái, Bạch nhất yết-ma, Bạch tam yết-ma đều không nên nhận. Đó là nhận việc Tăng sai.

Thế nào gọi là việc của vua?

Không được ỷ vào thế lực của vua, đại thần, cư sĩ, người hung dữ. Không được chê Phật, chê Pháp, chê Tăng, chê người Yết-ma, chỉ trách mình không được trách người. Đó là việc của vua.

Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa và Ma-na-đỏa, khi thi hành có bảy việc này, nếu phụng hành thì gọi là hạnh tùy thuận, còn không thi hành thì gọi là hạnh không tùy thuận.

Người bị tác pháp Yết-ma chiết phục phải tùy thuận thực hành năm việc:

1) Việc Tỳ-kheo.

2) Việc Tỳ-kheo-ni.

3) Việc quyến thuộc.

4) Việc Yết-ma (thọ bái sư).

5) Việc vua.

(Chỉ trừ việc vào thôn xóm 'tụ lạc' và việc làm khó nhọc của Tăng). Khi taùc Yết-ma rồi nên nói rằng:

- Trưởng lão, ông chớ nên tái phạm. Nếu tái phạm Tăng trị tội ông nặng hơn. Năm việc này phải tùy thuận thực hành đầy đủ.

Phụng hành xong, chiết phục hạ ý, Tăng nên trao cho pháp Yết-ma xả (giải Yết-ma). Người được trao pháp Yết-ma không được nói chuyện, cũng không được không tùy thuận thực hành Năm việc như trên. Tác Yết-ma rồi lại phải tùy thuận thực hành năm việc:

1) Tuy 100 tuổi cũng phải đến y chỉ với vị Tỳ-kheo giữ giới mới 10 tuổi, cho đến chỉ biết hai bộ luật mà thôi.

2) Sáng dậy phải chào hỏi, bưng đổ đồ đại tiểu tiện, ống súc, để lại chỗ cũ. Trao tăm xỉa răng, quét dọn, bưng đồ ăn, giặt áo, nhuộm bát... tất cả phải cung cấp chỉ trừ lễ bái và xoa thân, trường hợp có bệnh thì được thoa (xoa).

3) Phải học hai bộ luật, nếu không thể cho đến phải học năm thiên giới.

4) Phải khéo biết Ấm, Nhập, Giới, 12 nhân duyên.

5) Phải khéo biết tướng của tội, không phải tướng của tội, oai nghi nên dạy, phi oai nghi nên tránh.

Nếu học xong tức là tác pháp xả.

Người bị Yết-ma tẫn xuất cũng phải tùy thuận thực hành năm việc trên. Yết-ma xong, nên an trí người ấy bên già-lam của Tăng. Tùy thuận thực hành năm việc, tất cả đều như pháp rồi, nên trao cho pháp Yết-ma xả.

Người bị tác pháp hỷ Yết-ma cũng phải tùy thuận thực hành 5 việc trên. Yết-ma xong nên bảo họ đến nơi nhà người thế tục xin lỗi, khiến cho người cư sĩ ấy vui lòng. Nếu người đó vui lòng tức gọi là xả.

Người bị tác Yết-ma cử tội cũng phải tùy thuận thực hành 5 việc trên. Yết ma xong nên để họ ở bên ngoài Tăng-già-lam, cửa hướng về A-lan-nhã. Trường hợp họ đến quét đất trong chùa tháp, Tăng viện, Tỳ-kheo nên quét xóa giấu chân họ. Trường hợp họ đến chỗ rửa chân, đại tiểu tiện nên dội rửa cho sạch. Trượng hợp họ cùng đi với đệ tử, đệ tử y chỉ không được gọi họ là Hòa thượng, A-xà-lê; không được nói chuyện với họ, nhưng người khác nên nói. Muốn khiến họ thực hành tùy thuận, bỏ ác tà, ác tà Tỳ-kheo, thì không nên cùng nói chuyện, cùng đứng, chung pháp thực, không cùng lạy một đức Phật, không cùng tụng kinh, không cùng một Tăng đoàn, không cùng Bố-tát, Tự tứ, không cùng Yết-ma với họ. Được nói chuyện với ngoại đạo và mời họ ngồi. Nếu họ bệnh không nên chăm sóc, nhưng được bảo người Đàn-việt hay bà con của họ rằng: "Người bị cử ấy bệnh nên đến chăm sóc". Nếu họ từ trần không nên dùng hương hoa cúng dường thây chết của họ, không nên làm đồ ăn thức uống vì họ mà cúng dường Tăng. Không được chia y bát, không được thiêu hóa tử thi. Nên lấy cái giường họ nằm để tử thi lên, y bát cột nơi cổ, đưa cả giường ra ngoài. Nói như thế này: "Việc của chúng Tăng đã sạch! Việc của chúng Tăng đã sạch!" Đối với Tỳ-kheo ác tà, chúng ta không nên khởi ác tâm. Cho đến khi thiêu đốt cũng không khởi ác, nên nghĩ thế này: "Đừng để người sau quen theo tà kiến này". Nếu người chăn bò hay kẻ đốn củi đem y bát đến cho, thì được phép nhận vì xem họ là người thí chủ. Nếu người bị cử tùy thuận thực hành năm việc, tâm đặng chánh kiến rồi, điều hòa nhã nhặn thì giải pháp Yết-ma, tức là xả vậy.

Có ba việc phải cử tội:

1) Giới không thanh tịnh.

2) Kiến giải không tịnh (như gọi dâm không trở ngại đạo, hay gọi sát sanh không có quả báo, hoặc chấp đoạn, thường, hay chấp thế giới có cùng tận, không cùng tận v.v...).

3) Mạng không thanh tịnh.

Coù 3 nhân duyên đặng cử tội: Kiến, văn, nghi.

Lại nữa, Tỳ-kheo thành tựu năm pháp sau đây được cử tội người khác:

1) Sự thật, không phải hư vọng.

2) Đúng lúc, không phải phi thời.

3) Vì lợi ích, không phải vô ích.

4) Nói lời hòa nhã, không thô lỗ.

5) Với lòng từ, không phải vì giận dữ.

Hay thành tựu năm pháp này thì được cử tội người khác:

1) Hành động của thân sạch.

2) Hành động của miệng sạch.

3) Sự sống trong sạch.

4) Học nhiều kinh.

5) Học nhiều luật.

Lại nữa có năm loại cử tội người khác:

1) Trước mạ nhục mà sau cử tội.

2) Trước cử tội mà sau mạ nhục.

3) Trường hợp vừa cử tội vừa mạ nhục.

4) Có mạ nhục mà không cử tội.

5) Có cử tội mà không mạ nhục.

Trong năm điều này trước mạ nhục sau cử tội, đã cử tội rồi sau mạ nhục, vừa cử tội vừa mạ nhục, Tăng không nên chấp nhận. Cử tội mà không mạ nhục, Tăng nên cứu xét.

Có năm pháp sau đây không nên cử tội người khác: có ái, sân, sợ, si, vì lợi. Ai vì năm pháp này mà cử tội người khác thì thân hoại mạng chung đọa vào đường ác, vào địa ngục.

Người nào có năm pháp sau đây mới cử tội người khác: không sân, không ái, không sợ, không si, không vì lợi riêng. Ai thành tựu năm pháp này mà cử tội người khác thì thân hoại mạng chung sanh vào đường lành, được người phạm hạnh khen ngợi.

Trường hợp Tỳ-kheo bị cử đến trú xứ khác của Tăng nên thưa như vầy: "Trưởng lão, tôi bị cử thực hành pháp tùy thuận, tâm tôi nhu nhuyến, vì tôi mà xả". Tăng nên hỏi: "Lý do nào thầy bị cử!" Nếu đáp: "Tôi không có gì việc gì bị cử." Thì nên nói: "Tôi và thầy cùng hưởng chung pháp thực, vị thực." Nếu nói: "Vì tôi có việc nên bị cử." thì nên nói: "Thầy trở về chỗ cũ, Tăng nơi đó sẽ xả cho". Nếu đương sự nói trú xứ kia không có Tăng cư trú, hoặc vô thường đến, hoặc thôi tu, hoặc đi đến trú xứ khác đều không có Tăng ở, thì nên hỏi: "Thầy bị cử vì việc gì?" Họ đáp: "Tôi vì việc như vậy nên bị cử, tâm nhu nhuyến, thấy lỗi, đã thực hành pháp tùy thuận rồi". Nếu vậy thì nên xả.

Bộ Căn bản ni-đà-na thuyết minh:

Bí-sô cùng nhau đấu tranh, nếu hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) còn hiện tiền nên bảo họ sám hối hay can gián họ. Nếu đủ 10 hạ, ly y chỉ rồi, các Bí-sô nên can ngăn (tức là Yết-ma quở trách), nếu họ không chịu nghe thì nên tác pháp Yết-ma xả trí (tức là Y chỉ yết-ma, bảo họ đến y chỉ với người trì luật. Bao nhiêu vị khác không được giao tiếp nói chuyện với họ).

Luật Thập tụng nói:

Tác pháp Yết-ma hạ ý rồi (tức là pháp hỷ Yết-ma) bảo một Tỳ-kheo đến chỗ cư sĩ nói lời xin lỗi. Đến 3 lần mà cư sĩ không chấp nhận, muốn gây việc

không hay thì nên bảo Tỳ-kheo ấy đi xa. Nếu Tỳ-kheo ấy không chịu đi thì chúng Tăng không có lỗi. Trường hợp Tỳ-kheo cùng với Ni nói chuyện cười giỡn, não loạn các Tỳ-kheo khác, nên tác pháp Yết-ma không thanh tịnh. (Tức thuộc loại Yết-ma quở trách).

Trong tựa của Tỳ-ni nói:

Tỳ-kheo bị tẫn ở trú xứ này không được đến trú xứ khác sám hối, trừ tịnh xá ấy không có Tăng thì cho phép đến trú xứ khác sám hối.

---o0o---

VI. MINH ĐỊNH PHÁP PHÚ BÁT (úp bát)

Phần thứ tư9 thuyết minh:

Nhà bạch y có 10 pháp neân tác pháp Yết-ma phú bát:

1) Mắng nhiếc, hủy báng Tỳ-kheo.

2) Làm cho Tỳ-kheo bị tổn hại.

3) Làm việc không lợi ích.

4) Làm cho Tỳ-kheo không có nơi nương tựa.

5) Đấu tranh tạo loạn cho Tỳ-kheo.

6. 7. 8) Trước mặt Tỳ-kheo nói xấu Phật, Pháp, Tăng.

9) Vu khống Tỳ-kheo phạm hạnh bất tịnh.

10) Phạm đến Tỳ-kheo-ni.

Phạm một trong mười pháp này phải tác Yết-ma phú bát. Tác pháp Yết-ma rồi nên sai một vị Tỳ-kheo đủ tám pháp (như trong đề mục ngăn không cho đến nhà bạch y đã nói) đến nhà bạch y đó nói: "Nay vì.... tác Yết-ma phú bát, không tới lui nhà.... nữa, vì sự việc như vậy". Nếu người ấy như pháp sám hối, tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, cầu xin giải pháp Yết-ma phú bát, tới lui trở lại, thì Tăng nên giải cho họ.

Vấn đề này trong luật Tăng kỳ ghi rằng:

Tại thành Xá-vệ, Ưu-bà-tắc Pháp Dự thường chỉnh chư Tăng thọ trai. Mỗi khi chư Tăng đến nơi, thường cật vấn nghĩa lý, vị Tỳ-kheo nào trả lời được thì vui mừng, tự tay sớt các món đồ ăn. Vị nào không trả lời được liền hủy báng chê bai, sai người dưới quyền mình đem đồ ăn không ngon đến. Vì lý do ấy nên các Tỳ-kheo đều không chịu đi đến nhà ông bà Phật tử ấy thọ trai. Phật bảo chư Tăng tác pháp Yết-ma phú bát.

Ưu-bà-tắc có tám việc chư Tăng phải tác háp Yết-ma phú bát:

1) Hiện tiền phỉ báng Tỳ-kheo.

2) Hiện tiền quở trách Tỳ-kheo.

3) Hiện tiền giận mắng Tỳ-kheo.

4) Dứt lợi dưỡng của Tỳ-kheo.

5) Không ưa cộng sự với Tỳ-kheo.

6. 7. 8) Mắng Phật, Pháp, Tăng.

Thường thường Pháp Dự cúng dường các Tỳ-kheo rồi mới ăn cơm sau. Ngày hôm ấy chờ mãi quá ngọ không thấy Tỳ-kheo đến. Ông đến baïch Phật.... Phật dạy: "Ông khinh mạn Tỳ-kheo Tăng, Tăng muốn lợi ích cho người nên tác pháp Yết-ma phú bát rồi". Lúc bấy giờ, cách Phật không xa có một vị La-hán, Phật bảo Pháp Dự: "Ngươi đến hỏi vị ấy thế nào gọi là muối, muối có bao nhiêu loại?" Pháp Dự liền đến hỏi. Vị La-hán trả lời: "Tôi biết ông là Ưu-bà-tắc Pháp Dự, khinh mạn Tỳ-kheo, Tăng đã tác pháp Yết-ma phú bát cho ngươi, như thế, chưa đủ sao? Ở đây, tôi cần sự yên tĩnh, ông lại đến quấy rầy tôi nữa! Muối là muối chứ gì". Pháp Dự nghe xong không vừa ý, trở lại chỗ Phật. Phật hỏi: "Ngươi hỏi nghĩa của muối thế nào? Có vừa ý không?" Pháp Dự thưa: "Tỳ-kheo ấy kém cõi, ít học nên hỏi muối chỉ nói muối là muối". Lúc đó cách Phật không xa lại có một vị Tỳ-kheo Pháp sư tên là Phất-hy-lô. Phật bảo Pháp Dự đến hỏi vị Tỳ-kheo kia. Pháp Dự đến hỏi, Pháp sư trả lời: "Theo nghĩa thì muối có 2 loại: Vị của muối và tánh của muối. Vị tức là nước biển cùng một vị mặn. Tánh thì gồm có: muối đen, muối đỏ, muối Tân-đầu, muối Vị-bạt-già, muối Tỳ-lãm, muối Ca-già, muối

Tư-đa, muối Tỷ-ca. Nói tóm lược thì có hai loại: muối sống và muối nấu; đó gọi là muối". Pháp Dự nghe rồi rất vui mừng đến bạch với Thế Tôn: "Vị Tỳ-kheo ấy rất khéo giải thích, phân biệt, trình bày tóm lược đầy đủ về nghĩa của muối. Hỏi thuận hỏi nghịch đeàu trả lời được". Phật dạy: "Đó là vị Tỳ-kheo phàm phu, ở trong giáo pháp của ta chưa nếm được mùi vị của pháp. Vị Tỳ-kheo trước kia lại là vị A-la-hán mà ngươi kiêu ngạo không biết thực hư, suốt đời toàn làm những việc vô ích". Trước sự việc như thế Pháp Dự lo sợ cầu xin sám hối. Phật bảo: "Phải thành tâm mặc áo chỉnh tề cùng với bà con đến trước Tăng ba phen cầu xin pháp Yết-ma xả phú bát." Tăng bảo họ vào trong giới, đứng chỗ mắt thấy tai không nghe, Bạch tứ yết-ma xả.

Trường hợp Tăng đã tác pháp Yết-ma phú bát rồi, từ Tỳ-kheo cho đến Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều không được tới lui, nên đem một miếng cà-sa cột treo nơi cửa ngõ người ấy, vào trong đường hẻm rao rằng: "Nhà... là nhà bị Yết-ma phú bát." Nếu có khách Tỳ-kheo đến phải nói cho họ biết.

Vấn đề Yết-ma phú bát không được thực hiện một cách vội vàng, cần phải caản thận. Trường hợp họ nói: "Sa-môn không đến nhà là một điều may mắn cho nhà tôi". Hạng người như thế không nên tác pháp Yết-ma phú bát. Nếu gia đình biết tàm quý thì nên thực hiện. Trường hợp thấy lỗi rồi, có tâm thực hành tùy thuận một cách uyển chuyển thì nên xả pháp Yết-ma đó.

Luật Ngũ phần nói:

Tỳ-kheo không nên vì một vài việc nhỏ mọn, mà tác pháp Yết-ma phú bát đối với bạch y. Ưu-bà-tắc, cũng không nên vì việc nhỏ mọn mà không kính tín Tỳ-kheo. Tỳ-kheo có tám việc như sau thì Ưu-bà-tắc mới không tín kính:

1, 2, 3, 4) Hủy báng Phật, Pháp, Tăng và Giới.

5) Muốn gây việc không lợi cho Ưu-bà-tắc.

6) Tạo cho Ưu-bà-tắc tiếng xấu đồn đãi.

7) Muốn đoạt chỗ của Ưu-bà-tắc.

8) Dùng phi pháp làm chánh, khinh khi Ưu-bà-tắc.

Trường hợp Ưu-bà-tắc giận dữ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không nên đến nhà họ. Cả thôn xóm (tụ lạc) đều giận dữ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không nên đến tụ lạc ấy.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI BA

---o0o---

1 Ba pháp sám hối: gồm Vô sanh sám hối, Thủ tướng sám hối và Tác pháp sám hối.

2 Ba quán: Các nhà Thiên Thai chủ trương, gồm Không quán, Giả quán và Trung quán.

3 Ba đế: Các nhà Thiên Thai lập ra gồm Không đế, Giả đế và Trung đế, là đối tượng của Ba quán.

4 Không phải phần hai, ngài Trí Húc dẫn nhầm (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 13, tr. 447c18, Vạn 40n719). Tứ phần luật 55, phần thứ tư Điều bộ, tr. 972b11, Đại 22n1428.

5 Nên xem Yết-ma chỉ nam, chương thứ 14, nơi đề mục "Sám hối lục tụ" để soi sáng vấn đề Hiển giáo và Mật giáo này.

6 Tứ phần luật 45, phần thứ ba Kiền-độ người, tr. 898c07, Đại 22n1428.

7 Tội đẳng lưu: là tội từ tội nhân sanh ra tội quả, nghĩa là quả tương tợ nhân.

8 Phần thứ ba, ngài Trí Húc dẫn trong bản Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 30, tr. 451b13, Vạn 40n719. Theo Đại chánh 22n1428, Tứ phần luật 36, phần thứ hai Kiền-độ thuyết giới, tr. 825c23.

9 Tứ phần luật 53, phần thứ tư Kiền-độ Tạp, tr. 959b03, Đại 22n1428.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 14

I. PHÁP VỀ Y1

Cho phép dùng 10 loại y phấn tảo sau đây2:

1) Y trâu nhơi.

2) Y chuột gặm.

3) Y bị cháy.

4) Y nguyệt thủy.

5) Y sản phụ.

6) Y trong miểu thần.

7) Y nơi gò mả, do chim tha, gió thổi bay các nơi.

8) Y cầu nguyện3.

9) Y nhận vương chức.

10) Y vãng hoàn.

- Không nên dùng y của người chết nơi huyệt mả.

- Không nên dùng y phấn tảo phơi trên tường trên rào (vì có thể là cư sĩ giặt phơi).

- Không nên dùng y nơi chỗ người bị xử tử. (đao phủ hành sự rồi, cởi áo của tử thi bỏ đó rồi lấy).

- Không nên lấy y của người chết chưa mục hư. Người chết chưa mục hư không nên đạp cho hoại để lấy y.

- Không nên lấy y của người ta chất đống4 (tức y của cư sĩ cởi ra).

- Y phấn tảo không có chủ thì thuộc người nào lấy trước. Nếu cùng lấy thì cùng chia.

- Không nên lấy y trang nghiêm cúng dường nơi tháp.

- Cho phép dùng y cắt rọc may thành. Y ấy chưa giặt cho phép tự giặt, hay nhờ người giặt. Cho phép sắm đồ để giặt, tấm ván để giặt, dao để cắt rọc.

- Nên dùng y 5 điều, không nên dùng y 6 điều. Nên dùng 7 điều, không nên dùng 8 điều. Cho đến 19 điều không nên dùng 20 điều. Nếu quá số lượng điều số này thì không nên chứa.

- Cho phép dùng chiều dài 4 khuỷu tay, rộng 2 khuỷu tay làm y An-đà-hội. Rộng 3 khuỷu tay, dài 5 khuỷu tay làm y Uất-đa-la-tăng và Tăng-già-lê. (Rộng là bề đứng, dài là bề ngang).

HỎI: - Ba y của Tỳ-kheo, các bộ đều dùng mức lượng đứng 3 khuỷu tay, ngang 5 khuỷu tay. Nay may pháp y mức lượng đâu phải không vượt quá, vậy có tội hay không? Hơn nữa, luật Tứ phần nói y Tăng-già-lê không quá 19 điều, luật Tăng kỳ nói không quá 15 điều. Chỉ có luật Căn bản cho phép đến 25 điều. Nay đều gọi y 25 điều là thượng thượng y. Đó là định lượng chăng?

ĐÁP: - Ba khuỷu tay, năm khuỷu tay, quyết không thể vượt qua định mức ấy. Cho nên Luật nhiếp nói rằng: "Quá mức lượng này đều mắc tội ác tác". Thời nay, may pháp y bề đứng tuy chưa chắc đã quá 3 khuỷu tay, nhưng bề ngang thì đâu không hơn 5 khuỷu tay. Lại ngụy biện rằng: "Tùy theo phong tục địa phương". Nên biết thọ trì như vậy, đắp mặc thì mỗi bước phạm một Đột-kiết-la. Hơn nữa, y bên Tây quốc, hoặc là y phấn tảo, hoặc là do Đàn-việt dâng, có trường hợp nhận được dài và rộng mà điều cách có thể ít. Có trường hợp nhận được y tạp toái5 thì điều cách lại nhiều. Không những luật Tăng kyø, luật Tứ phần không quý trọng nhiều điều cách, mà luật Căn bản cũng chỉ nói ba cấp đầu, ba cấp kế, ba cấp sau, chứ chưa từng gọi là thượng trung hạ vậy. Huống nữa, kinh Phạm võng chỉ nói: Cà-sa6 9 điều, 7 điều, 5 điều. Đức Phật phú cho Tổ Ca-diếp truyền đến ngài Di-lặc, cũng chỉ là cà-sa bằng tơ vàng 13 điều mà thôi. Nay dùng 25 điều thì tốn công phí của biết chừng nào. Thật đáng buồn cười!

- May y mới, An-đà-hội và Uất-đa-la-tăng thì may một lớp, Tăng-già-lê thì hai lớp. Nếu vải cũ thì An-đà-hội và Uất-đa-la-tăng hai lớp, còn Tăng-già-lê thì bốn lớp. Nếu là y phấn tảo thì nhiều hay ít lớp tùy ý.

- Trường hợp nhận được man y7, dài rộng vừa đủ, cắt rọc ra thì thiếu, cho phép may ép lá vào làm điều số.

- Không nên không mặc y cắt rọc vào xóm làng. Không nên mặc y lật ngược vào xóm làng. Ngoài xóm làng cho phép mặc lật ngược.

- Không được mặc một y, trừ đến chỗ đại tiểu tiện.

- Không nên mặc y 5 màu, y bằng cỏ, y bằng da, y bằng vỏ cây, y bằng lá cây, y bằng châu anh lạc, y bằng lông chim Thứu, y bằng tóc người, y bằng lông đuôi ngựa, y bằng lông đuôi trâu Mao.

- Y rách cho phép may vá lại, cho phép mặc y chằm vá nhiều lớp, tùy theo chỗ rách lớn nhỏ vuông tròn mà vá lại.

- Có cư sĩ đem y đến nói: "Y này cho Tỳ-kheo tên là..." Tỳ-kheo nói: "Tôi không cần dùng". Cư sĩ nên đem y đến đặt trước mặt Tỳ-kheo rồi đi. Trường hợp như vậy cho phép vì thí chủ nên dùng tay xếp lấy. Đến khi cần dùng cho phép thọ trì.

- Y quý giá trải dưới đất, không nên bước lên trên đó mà đi. Không nên dùng y quý giá trải phủ trên mặt đất. Cho phép dùng làm mền nằm, tòa ngồi, gối đầu, đắp lên trên y.

- Không nên làm trướng (dùng treo bốn bên trong phòng). Không nên làm hiên (treo quanh nhà).

Cho phép sắm đại cà-sa có màu sắc, rộng ba ngón tay, quấn quanh lưng ba vòng. Nếu dây quá nhỏ, thường cột dễ đứt nên làm cái khuy để cột, không nên dùng vật quý báu để làm.

- Lạnh cho phép mặc áo ấm (may hai lớp vải bên trong độn bông vào), quốc độ có sương giá lạnh cho phép mang bít tất, cho phép đội mũ ấm.

- Thân thể có ghẻ hôi thúi cho phép sắm khăn lau thân, mặt nhớp cho phép sắm khăn lau mặt. Bệnh chảy nước mắt cho phép sắm khăn lau nước mắt.

Luật Tăng kỳ nói:

Y phi thời mà dư nên biếu cho Tăng. Y đúng thời nhiều quá, nên lấy phân nửa biếu cho Tăng.

Trì ba y, bình bát tức là thiểu dục thiểu sự.

May đường viền đường nẹp rộng nhất bằng 4 ngón tay, hẹp nhất như bề ngang của hột lúa lớn. Y
5 điều phải 1 dài 1 ngắn, 7 điều đến 13 điều 2 dài 1 ngắn, 15 điều 3 dài 1 ngắn.

Luật Căn bản nói:

Bảo vệ pháp y, như bảo vệ da của mình. Cần nên giặt nhuộm chằm vá tùy từng việc mà sử dụng.

Tăng-già-chi (Tăng-già-lê) có 9 loại. Từ 9 đến 25 điều. Ba loại thứ nhất 2 dài 1 ngắn, ba loại thứ hai 3 dài 1 ngắn, ba loại thứ ba 4 dài 1 ngắn, nên may nên mặc. Quá số ấy trở lên tức thành phá nạp.

Loại thượng (cao nhất) bề đứng 3 khuỷu tay, bề ngang 5 khuỷu tay. Loại hạ (thấp nhất) bề đứng 2 khuỷu rưỡi, bề ngang 4 khuỷu rưỡi. Khoảng giữa 2 loại ấy là thuộc loại trung. Ốt-đát-la-tăng-già (Uất-đa-la-tăng) và An-đát-bà-ta (An-đà-hội) mức lượng cũng như Tăng-già-chi (Tăng-già-lê). Lại có 2 loại An-đát-bà-ta:

1) Đứng 2 khuỷu tay, ngang 5 khuỷu tay.

2) Đứng 2 khuỷu tay, ngang 4 khuỷu tay.

Trong bộ Tạp sự nói:

Trên vai may một cái khâu, trước ngực may một cái khâu. Tướng của lá có ba cỡ: lớn nhất bề rộng bốn ngón tay, hoặc như cái chân con chim sòe ra. Cỡ nhỏ bằng 2 ngón tay, hoặc như móng tay cái, khoảng giữa của hai cỡ này là bậc trung.

Không nên mặc ba y mà cạo tóc, nên sắm cái y riêng để cạo tóc. Hay là dùng Tăng-cước-kỳ8 để che thân mà cạo.

Nên dùng một cái đồ đựng y, cái y nào thường dùng thì để trên, cái ít dùng thì để dưới.

Cái mùng che muỗi để ngồi thiền giáp vòng 12 khuỷu tay, bên trên may một cái trần mùng. Bề dài bốn khuỷu tay, bề rộng hai khuỷu tay. Tùy theo thân người cao thấp mà xổ xuống cho vừa. Treo trên một sợi dây để nó rũ xuống. Làm một cái cửa giáp lại, nóng thì dùng quạt để quạt. Bên dưới lấy biên của chiếc chiếu đè lên trên để muỗi khỏi chui vào.

Y Tăng-già-chi đóng vai chủ trong các y, không nên đắp mặc bừa bãi mà nên dùng vào các việc như: khi vào tụ lạc, khi khất thực, khi thọ trai, lúc nhập chúng, lễ bái tháp, lễ bái Phật, Pháp, lễ bái hai thầy và đồng phạm hạnh có thể mặc đại y. Y Ốt-đát-la-tăng-già nên mặc nơi sạch sẽ và khi ăn v.v.. y An-đát-bà-ta có thể đắp mặc lúc nào cũng được.

Bộ Mục-đắc-ca nói:

Bọn giặc cướp đoạt của cải (vải v.v...) của đoàn con buôn, bỏ sót lại, không được lấy. Nếu người chủ của đoàn buôn tùy ý cho thì được nhận. Trường hợp người chủ của bãi tha ma và thần miếu cũng vậy.

Luật cho phép các Tỳ-kheo chứa cất 13 vật dụng như sau:

1) Y Tăng-già-chi (Tăng-già-lê).

2) Y Ốt-đát--la-tăng-già (Uất-đa-la-tăng).

3) Y An-đát-bà-ta (An-đà-hội).

4) Ni-sư-đãn-na (Ni-sư-đàn).

5) Quần (y tắm).

6) Quần cụt (Niết-bàn-tăng).

7) Tăng-cước-kỳ (áo lót).

8) Tăng-cước-kỳ phụ (áo lót cụt tay).

9) Khăn lau mặt.

10) Khăn lau thân.

11) Y che ghẻ.

12) Y cạo tóc.

13) Y uống thuốc.

Tùy theo mỗi món đều có tên riêng để gọi mà thọ trì. Đối trươùc một Tỳ-kheo nói thế này: "Cụ thọ ghi nhận cho, đây là y Tăng-già-chi, nay tôi thọ trì. Đã may thành y, thành đồ thọ dụng". Nói như vậy 3 lần. Bao nhiêu y khác, căn cứ theo đây mà thưa để thọ trì. Chỉ có y uống thuốc thì nên thêm "vì bệnh duyên". Ngoài ra, nếu thêm loại y nào nên đối trước hai thầy mà thưa gởi, phân biệt để thọ trì. Đối trước một Bí-sô thưa như thế này: "Cụ thọ ghi nhận cho. Tôi Tỳ-kheo... Có cái y dư này, chưa vì nó mà phân biệt, nay để hợp thức hóa vấn đề phân biệt. Tôi nay đối trước Cụ thọ vì nó phân biệt, dùng để ký gởi cho Tỳ-kheo... Tôi nay thọ trì". Nói như vậy 3 lần (đây là vấn đề tịnh thí).

Trường hợp y bị rách nên dùng chỉ chằm vá lại. Nếu lủng lỗ nên vá lại. Nếu bên trong bị hư mục nên dùng hai miếng vải vá ép lại. Nếu hư mục quá không thể vá được, nên xé ra làm tim đèn. Hoặc có thể bằm nhỏ trộn với hồ để trét, trám vào những lỗ trống, hay là trét vào vách tường. Sử dụng như vậy làm cho người thí chủ phước đức được tăng thêm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Ba y bị rách không kể lỗ lủng lớn hay nhỏ, nhưng đường viền không bị đứt đoạn vẫn phải thọ trì. Nếu y lâu bị phai màu, vẫn cứ thọ trì. Sau nhuộm lại màu cuõng không mất việc thọ trì.

Hỏi: - Hiện nay, tương truyền rằng: Nếu ba y bị rách không cho phép tự chằm vá, và việc Tỳ-kheo viên tịch, đem y treo trên cây là thế nào?

Đáp: - Những gì luật cho phép thì y theo mà làm, những gì không phải luật chế thì không nên tự chế. Nếu tự chế thành phi pháp. Vấn đề y rách không cho phép tự vá rút từ Ngũ bách vấn kinh9. Bộ sách này đa phần là nhầm, như trong quyển đầu của bộ Luật này đã nói rõ: Tỳ-kheo viên tịch ba y của đương sự cho người nuôi bệnh. Như văn trong Luật đã nói rõ ràng, làm sao

có thể làm khác đi được? Giả như muốn tránh khỏi nạn kim-sí điểu10, thì ắt cần Long vương đến cầu xin. Hoặc muốn cột sau cổ trẻ nhỏ cũng phải cần cha mẹ nó đến cầu xin. Trường hợp đem treo cao trên cây, thật sự không lợi ích gì; không thấy luật nào ghi chép như vậy. Thật là buồn cười! Tổn hao của tín thí làm sao tránh khỏi tội?

Bộ Ma-đắc-lặc-già nói:

Không được cất chứa y phấn tảo nhơ nhớp, không sạch. Trường hợp nhận được y phấn tảo nên giặt nhuộm sửa sang cho sạch sẽ tử tế rồi mới thọ trì.

Luật Thập tụng nói:

Ba y không nên thiếu, không nên dư, thiếu thì mắc tội Đột-kiết-la, chứa nhiều thì mắc tội Xả đọa.

Nếu là y phấn tảo, hay y cư sĩ khéo cắt rọc tu bổ, chằm vá cho tử tế, dùng làm nhân duyên riêng biệt để bố thí. Nếu vải (may y) thiếu, không nên cắt rọc, nên may trên mặt vải đươơng viền làm điều số của y: 5 điều, 7 điều, 9 điều cho đến 15 điều.

Luật Ngũ phần nói:

Mặc y ngoại đạo mắc tội Thâu-lan-giá. Nếu không biết đó là y ngoại đạo mà là thứ y không phải Phật cho phép đắp mặc thì nên phá hủy đi. Nếu biết là y ngoại đạo nên xé và trải dưới đất bảo người đạp lên trên khiến cho mau hư hoại.

Cách may: Điều số phía bên trái thì phủ qua phía bên trái, điều số bên mặt thì phủ qua phía bên mặt, điều chính giữa thì phủ qua hai bên.

Mùng che muỗi nên tùy theo cái giường lớn hay nhỏ mà may.

Giây lưng ngồi thiền không nên rộng quá 8 ngón tay, hẹp không dưới năm ngón tay.

Ba y nên thọ trì. Áo lót, áo ngủ, áo tắm mưa, áo che ghẻ, mùng, vải trải chỗ đi kinh hành, y ngăn rận, y trải giường nhỏ, tọa cụ, y bảo vệ tay, y bảo vệ chân, y bảo vệ đầu, y lau thân, y lau mặt, đãy đựng kim chỉ, đãy đựng bát,

đãy đựng guốc dép, đãy lọc nước. Các loại y như vậy, hình thể giống y, tất cả đều nên thọ trì.

Sợ đầu lạnh mắc bệnh, cho phép dùng y trùm lên, cũng cho phép may mão. Khi ấm rồi thì thôi.

Khăn Phú-la không nên may quá dài, cho phép may đến trên mắc cá thôi.

Nhận được vải mới, trước hết nên giặt, rồi căng ra đo, sau mới cắt, may, nhuộm, như pháp mà thọ trì. Không được dùng để gói đồ vật, chỉ nên dùng để hộ lớp da mỏng nơi thân hình mà thôi.

Luật Thiện kiến nói:

Thọ trì ba y khỏi phải thuyết tịnh. Áo mưa thọ trì 4 tháng, quá 4 tháng thì thuyết tịnh. Thọ trì Ni-sư-đàn khỏi phải thuyết tịnh. Y che ghẻ khỏi phải thuyết tịnh, ghẻ lành rồi thuyết tịnh. Thọ trì phu cụ khỏi phải thuyết tịnh. Thọ trì y tạp toái khỏi phải thuyết tịnh. Thọ trì ba y, xả rồi, khi thọ trì y mới phải dùng thân khẩu đối trước Tỳ-kheo nói thuyết tịnh. Nếu không có Tỳ-kheo thì tự lấy tay cầm y tự nói để thuyết tịnh. Nếu tay không cầm y mà nói thuyết tịnh thì không thành. Nên nói tên gọi của mỗi y để thuyết tịnh. Ba y đã xả, làm y tạp toái nên thuyết tịnh. Ni-sư-đàn thọ trì một cái; không được thọ trì hai cái. Phu cụ thì chứa nhiều ít tùy ý, y che ghẻ thì chứa một cái không nên chứa nhiều. Khăn lau tay thì chứa hai cái. Y tạp toái tùy theo có nhiều ít nói để thọ trì thì không phạm. Mền chiếu v.v.. đều thuộc về vật của phòng khỏi phải thuyết tịnh.

Luật nhiếp nói:

Phàm đắp mặc y phục nên bỏ ba loại tâm:

1) Tâm ưa thích xem ngắm làm đẹp.

2) Tâm thọ dụng một cách khinh thường.

3) Mặc với tâm tìm cầu danh vọng. Trá hiện mặc y xấu rách, muốn cho người khác gọi mình có đức có hạnh.

Ấy là ba tâm không nên khởi niệm, chỉ nên mong cầu hoại sắc, đủ bảo hộ thân thể, thuận theo lời dạy của vị Đại sư, tấn tu thiện phẩm. Nên phát sanh năm loại tâm:

1) Biết cân nhắc, sử dụng có độ lượng, không để thương tổn.

2) Biết thay đổi, không nên mặc luôn một y để nhớp, mau hư mục.

3) Biết suy nghĩ quán sát, nhờ khó khăn mới có được. Nghĩ trả ơn khi thọ dụng, chớ làm điều phi pháp.

4) Biết đúng thời, nóng lạnh sử dụng đúng lúc.

5) Biết số lượng, trong 13 món tư cụ, đủ dùng để
giúp thân; nếu cất chứa nhiều y sẽ nuôi lớn lòng tham, phế bỏ đạo nghiệp.

---o0o---

II. PHÁP VỀ BÌNH BÁT

Phần thứ tư11 nói:

Nếu có vị Tỳ-kheo nào vào trong Tăng thọ trai mà không có bình bát thì vị ngồi gần cho mượn, hay là Tăng trong trú xứ đó cho mượn.

Không nên bát không rửa mà dùng để ăn.

Bát bằng cây là bát của ngoại đạo không nên chứa. Bát bằng đá là bát của Như Lai không nên dùng. Bát bằng vàng, bạc, lưu ly, bảy báu là bát của bạch y, không nên dùng.

Cho phép Tỳ-kheo làm bát bằng thiếc, cho phép chứa tất cả vật dụng để làm bát, cho phép xông bát.

Không nên dùng bát chứa vật gì khác, ngoài vật thực.

Không nên không rửa bát mà đem cất.

Cho phép làm đãy đựng bát, làm dây để đeo bát nơi vai, để bát thòng dưới nách, miệng của bát hướng ra phía trước.

Luật Tăng kỳ nói:

Không cho phép ngăn từng ô trong bát. Nếu dùng bánh hay cơm ngăn không tội.

Luật Căn bản nói:

Bảo vệ bình bát như bảo vệ tròng con mắt, nên trét thì trét, nên xông thì xông.

Luật Thập tụng nói:

Bình bát là tiêu biểu cho hằng sa các đức Phật, không nên đựng đồ bất tịnh.

Luật Ngũ phần nói:

Quá ngọ không nên dùng bình bát để uống, cho phép làm đồ đựng uống, hoặc bằng đồng, bằng thiếc, bằng đất. Cho phép làm riêng một cái để dùng cháo.

---o0o---

III. PHÁP VỀ ĂN VÀ UỐNG THUỐC

Kiền-độ dược (thuốc)12 nói:

Trường hợp thời dược13 hòa với thời dược hay là phi thời dược14, thì nên dùng như thời dược. Trường hợp phi thời dược hòa với thất nhãït dược15, nên thọ dụng như phi thời dược. Trường hợp thất nhãït dược hòa với tận hình thọ dược16, nên dùng như thất nhãït dược. Trường hợp tận hình thọ dược được hòa với tận hình thọ dược thì nên dùng như tận hình thọ dược.

Không nên tự nấu tự uống. Không được trong giới cùng ngủ với đồ ăn, cùng nấu đồ để ăn. Nên ở bên phòng hoặc chỗ vắng kiết nhà tịnh trù để nấu.

Cư sĩ nhà vườn, chở mọi thứ đồ ăn, thức uống, trên đường đi cúng Phật và Tăng. Trường hợp qua đồng hoang mông quạnh, đồ ăn cũ, bảo người đem cúng hết cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo bạch Phật, Phật cho phép khởi niệm Đàn-

việt rồi thọ nhận, sai tịnh nhơn lấy chớ không nên tự lấy. Khi cần tùy ý sử dụng.

- Có tám loại nước trái cây:

1) Nước trái lê.

2) Nước diêm-phù.

3) Nước trái táo.

4) Nước mía.

5) Nước trái thị.

6) Nước xá-lâu-già17.

7) Nước trái bà-lâu-sư18.

8) Nước trái nho.

Nếu không làm say người thì uống khi phi thời, nếu làm say người thì không nên uống. Cũng không nên ngày nay nhận nước trái cây để đến ngày mai mới uống.

Không nên ăn loại quả bất tịnh, nên áp dụng năm thứ tịnh pháp (pháp làm cho sạch)19:

1) Tác tịnh bởi lửa (Hỏa tịnh).

2) Tác tịnh bởi dao (Đao tịnh).

3) Tác tịnh bởi mụt nhọt (Sang tịnh20).

4) Tác tịnh bởi chim mổ ăn (Điểu trác phá tịnh).

5) Tác tịnh bởi một loại hột trỉa mà không mọc (Bất trung chủng tịnh).

Tác tịnh bởi dao, mụt nhọt, chim mổ ăn nên bỏ hột mà ăn; tác tịnh bởi lửa, hột trỉa không mọc thì ăn hết.

Có người cúng vườn cây ăn trái thì Tăng nên nhận rồi giao cho dân trong Tăng-già-lam hay Ưu-bà-tắc liệu lý (trông coi). Họ muốn chia phần thì tính theo giá thuê mà chia cho họ. Sa-di lo liệu cũng được.

Khi ăn, nuốt luôn hột, sau khi đại tiện, hột ấy mọc cây, không phạm.

Tỳ-kheo trồng rau quả, gieo vãi, bứng trồng chỗ này sang chỗ khác, sau đó đều cho phép dùng để ăn.

Bình đựng tô, bình đựng dầu cho phép đậy. Nếu ai không có tịnh nhơn thì cầm cái dây cột trên nắp, không nên dùng tay chạm vào (đây là loại tô, du 'dầu' trong Tăng chứ không phải loại thuốc uống bảy ngày vậy).

Không nên ăn thứ rau bất tịnh, không nên tự tác tịnh. Không nên tự tay cầm bảo người tác tịnh, nên để dưới đất khiến tịnh nhơn tác tịnh. Tác tịnh rồi nên nhận để dùng.

Không nên cố ý xúc chạm đồ ăn tịnh kia để trở thành bất tịnh. Xúc chạm phạm Đột-kiết-la. Người kia không xúc chạm thì không phạm.

Trường hợp Cư sĩ đem đồ ăn đến gởi cho Tỳ-kheo, sau đoù nếu tự họ ăn, hay đem về; hoặc cho Tỳ-kheo thì cho phép nhận. Tỳ-kheo bệnh cần cháo, bảo tịnh nhơn lấy nước, lấy gạo vo sạch, rửa tay sạch nhận lấy, sau đó tự đun nấu cho chín.

Không được cùng ngủ với cháo trong giới, trong cùng giới nấu cháo, hoặc tự mình nấu. Trường hợp cháo nguội hâm lại thì cho phép. (Kiết giới tịnh trù thì tránh được 2 cái tội: cùng ngủ, cùng nấu).

Muốn nhận tô (váng sữa) mà nhận nhầm dầu, muốn nhận dầu nhận nhầm tô v.v.. đều không thành thọ nhận.

Lúc lúa gạo khan hiếm, cho phép Tỳ-kheo được làm tám việc:

1) Trong giới cùng ngủ với đồ ăn.

2) Nấu đồ ăn trong giới.

3) Tự tay mình nấu đồ ăn.

4) Tự tay nhận đồ ăn.

5) Sớm mai nhận đồ ăn, ăn no rồi, không làm pháp dư thực được ăn thêm.

6) Từ chỗ nhận thức ăn, bưng bao nhiêu thức ăn đến cũng được.

7) Ăn trái nho v.v.. cũng được.

8) Trong nước có vật thực có thể ăn được, cũng được ăn21.

Nếu lúa gạo dễ dàng trở lại thì không cho phép.

Không thể ăn theo sở thích, theo ý muốn. Tỳ-kheo có bệnh, thuốc tận hình thọ nên uống.

Kiền-độ Ni22 nói:

Ni được phép nhận thức ăn của Tỳ-kheo. Thức ăn cách đêm (túc thực) của Ni trao cho Tỳ-kheo trở thành tịnh. Tỳ-kheo cũng được phép nhận thức ăn từ Ni. Thức ăn cách đêm của Tỳ-kheo trao cho Ni cũng trở thành tịnh .

Phần thứ tư nói:

Đồ ăn thức uống dành cúng dường Tháp, thì Sa-di, Ưu-bà-tắc, hay là người xây dựng nên dùng23. (Đồ ăn thức uống dành cúng Tháp phải đủ tam đức lục vị24; nếu rau trái còn tươi thì phải tác tịnh. Thời nay dùng đậu nành nấu cả trái lẫn xác, không dùng rau để cúng là điều rất lạ. Đồ vật cúng Tháp, tất cả không cho phép Tỳ-kheo dùng. Vấn đề này không những chỉ trong Mật bộ mà thôi).

Luật Tăng kỳ nói:

Tỏi củ, tỏi lá, tỏi tép, tỏi sống, tỏi chín đều không được ăn. Trường hợp dùng để trị ghẻ thì cho phép dùng để trị. Thời gian trị bệnh ghẻ phải ở nơi vắng, không nên ở trong chúng. Khi bệnh ghẻ lành, tắm rửa sạch sẽ, mới trở vào phòng Tăng. Khi bệnh, không nên dùng tỏi, nếu bệnh không lành thì cho phép dùng. Dùng rồi, bảy ngày không được nằm trên nệm giường của Tăng, đi tiêu nơi nhà xí của Tăng. Vào trong nhà tắm của Tăng, nhà sưởi, nhà giảng, nhà ăn, không được nhận sự thỉnh mời theo thứ tự của Tăng, cho đến

thuyết pháp Bố-tát, tất cả đều không được có mặt. Không được nhiễu Tháp, nếu Tháp ở nơi đất trống thì được phép ở dưới đuôi gió hướng về Tháp để lễ bái. Đến ngày thứ tám tắm rửa, quần áo xông ướp rồi mới được vào trong chúng.

Luật Căn bản nói:

Không vì việc gì mà đoạn thực (nhịn ăn) thì mắc tội Việt pháp.

(HỎI: - Như Phó Đại Sĩ, người đời xưng là Di-lặc hóa thân, mỗi lần tuyệt thực làm các khổ hạnh. Ngài Trí Tích Bồ-tát lại uống nước không. Người đời sau bắt chước theo lại có tội hay chăng?

ĐÁP: - Phó Đại Sĩ khổ hạnh tuyệt thực vì muốn thay thế cái khổ cho chúng sanh. Ngài Trí Tích Bồ-tát giảm ăn chỉ uống nước là muốn điều phục thói quen của phiền não. Cho đến y vào Mật tông, lại có bao nhiêu phương pháp đều không phải là vô cớ mà đoạn thực cho nên không có tội vậy. Song hoặc mượn vấn đề uống nước không, tuyệt thực v.v... để mong cầu danh lợi thì thuộc về loại tà mạng, mắc tội hết sức nặng vậy).

Bộ Ni-đà-na nói:

Nên bảo tịnh nhơn chia trái cho Tăng. Nếu không có tịnh nhơn nên sai Sa-di. Sa-di không có, thì trước hết phải tác tịnh rồi Bí-sô thọ lấy, tức là được phép tự chia.

Luật Thập tụng nói:

Đồ ăn uống chưa chín nên nấu lại, nếu đồ ăn còn sống thì cho phép hỏa tịnh rồi mới được nấu. Thế nào gọi là hỏa tịnh? Nghĩa là cho nó chạm với lửa.

Tỳ-ni tựa nói:

Có 5 trường hợp cho phép ăn thạch mật25:

1) Đi xa về.

2) Bệnh.

3) Ăn ít.

4) Ăn không được.

5) Chỗ chỉ thí nước lã.

Nếu không uống nước thì không cho phép ăn.

Luật Ngũ phần nói:

Không nên leo lên trên cây rờ hái trái cây.

Trường hợp ghe hay xe chở đồ ăn uống, nếu không có tịnh nhơn cầm cương điều khiển (hay lái) thì cho phép Tỳ-kheo tự cầm cương (hay lái).

Trường hợp Tăng dùng xe chở lúa, có một Bà-la-môn lấy một nắm lúa chưa tác tịnh của Tăng liệng vào trong xe, Phật bảo: "Nếu được, nên lựa riêng ra mà bỏ đi, nếu không thể lựa riêng thì cho hốt một nắm mà bỏ đi."

Đồ ăn bằng gốc (căn 根) có năm caùch làm cho sạch (tịnh pháp):

1) Bát tịnh (gọt).

2) Tiệt tịnh (chặt).

3) Phá tịnh (làm cho bể).

4) Tẩy tịnh (rửa).

5) Hỏa tịnh (hơ lửa).

Đồ ăn bằng cọng, lá (hành, diệp 莖葉) có ba cách làm cho sạch:

1) Đao tịnh (dao)

2) Tẩy tịnh (rửa).

3) Hỏa tịnh (hơ lửa).

Đựng trong một cái gì hay nhóm thành một đống, trong đó một đơn vị tịnh thì gọi là tổng tịnh (một đơn vị sạch tức là tất cả đều sạch).

Trong gạo có thóc, cho phép sắm cối chày, bảo tịnh nhơn giã giùm.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu dùng thời dược v.v... trợ giúp để thành thất nhật dược, dùng như thất nhật dược thì không lỗi. Hoặc dùng thất nhật dược v.v... trợ giúp để thành chung thân dược, dùng như chung thân dược thì không có lỗi. Hay là dùng thất nhật dược v.v... trợ giúp để thành thời dược, dùng như thời dược. Theo số lượng nhiều, cùng nhau trợ giúp mà thành vậy.

---o0o---

IV. PHÁP NHẬN THỨC ĂN

Kiền-độ pháp26 nói:

Nếu muốn thọ thỉnh nên đến trong Tăng, vào bữa cơm sáng hay bữa ngọ, Đàn-vieät đứng chỗ thấy được bạch: "Thời đáo". Thượng tọa đầy đủ oai nghi đi trước dẫn đầu. Nếu có việc Tam bảo hay là nuôi bệnh, nên bạch Thượng tọa rồi đi trước. Hoặc vì mạng nạn, phạm hạnh nạn, cho phép không thưa hỏi cứ đi. Đến chỗ thọ trai, không nên ngồi lẫn lộn, phải ngồi theo thứ tự thượng, trung, hạ tọa. Phải xem xét oai nghi cho nhau. Nếu có người ngồi không như pháp, không khéo che thân, nên búng móng tay cảnh giác họ. Hoặc nhờ người nói cho họ biết. Không nên tham cầu sự cung kính mà có ý đến sau, để các Tỳ-kheo khác phải đứng dậy.

Nếu có Đàn-việt đem trái đến dâng cho Thượng tọa, nên hoûi trái đó đã tác tịnh chưa? Nếu chưa tác tịnh, nên bảo họ tác tịnh, nếu họ tác tịnh rồi nên hỏi: "Đưa đến cho vị nào?" Nếu nói: "Xin dâng cho Thượng tọa", thì được phép tùy ý nhận. Nếu nói: "Vì Tăng mà dâng." thì bảo trao khắp trong chúng. Đem canh đến cũng vậy.

Trường hợp có Tỳ-kheo không nhận được đồ ăn, cho phép vị ngồi gần nhắc tín chủ. Nếu không có vị ngồi gần thì sớt bớt phân nửa phần ăn của mình cho vị ấy.

Không được nhận thức ăn rồi ăn liền mà phải đợi khi công bố rằng: "Tất cả đều đã nhận rồi". Sau đó mới ăn.

Không nên co khuỷu tay mà ăn, đề phòng trở ngại người ngồi gần.

Không nên khạc nhổ lớn tiếng, phải khạc nhổ nhè nhẹ, nếu cần.

Trong thức ăn có vật gì cần loại bỏ, nên tập trung bỏ gần bên gót chân, khi đi đem ra bỏ bên ngoài.

Thọ trai xong, nên vì Đàn-việt nói pháp cầu nguyện, cho đến chỉ một bài kệ. Các vị Tỳ-kheo khác không nên đi trước, nếu vì việc Tam bảo hay nuôi bệnh, nên thưa rồi sau mới đi.

Đàn-việt muốn nghe bài pháp nào nên tùy nghi mà trình bày.

Phần thứ tư27 nói:

Không nên hai người ăn chung một bát.

Không nên nằm dựa trên bàn mà ăn (thân dựa vào bàn như trâu nằm ăn vậy). Tỳ-kheo nào già bệnh cho phép để bát góc đầu giường hay để trên cái bình mà ăn.

Luật Tăng kỳ nói:

Không cho phép cùng ăn trong một bát. Nếu không có bát thì nên dùng đồ sứ, sành hay bằng đất để ăn. Nếu lại không có nữa, thì nên để trong lá mà ăn với nhau. Không được cùng một lúc đưa tay xuống bốc đồ ăn, trừ năm món thức ăn chính, năm món thức ăn tạp, còn bao nhiêu thứ bánh, trái rau ... cùng ăn không có tội.

Không bệnh không nên dựa ghế để ăn.

Thượng tọa nên từ từ ăn, không nên ăn mau, ăn rồi ngồi ngó làm cho hàng thiếu niên vội vã không no.

Bộ Căn bản tạp sự nói:

Không được mặc một quần (An-đà-hội) mà ăn. Tỳ-kheo già bệnh khi ăn nên mặc Tăng-cước-kỳ mỏng nhẹ. Trường hợp bệnh nặng, lúc ăn, nếu ở chỗ vắng vẻ thì chỉ cần mặc một cái quần, cũng được.

Khi lưu thực phổ thí quần sanh, không nên giới hạn vào một loài nào. Cơm thì nên dùng nước rưới lên, bánh bún thì xé nhỏ ra, rải dưới đất, tùy ý chúng dùng không nên ngăn chặn.

Ăn xong, nên vì họ mà nói pháp. Hoặc Thượng tọa hay thứ tọa nói, hay là tùy vị nào có khả năng thì nên mời trước.

Khi đang nói pháp ban kệ tụng, không nên ăn, đợi nói kệ tụng rồi, sau đó mới ăn không lỗi.

Luật Ngũ phần nói:

Cư sĩ thỉnh Tăng thọ trai, không thỉnh không nên đến. Nếu có duyên sự, không vì vấn đề thọ trai mà đến thì không sao. Có khách Tỳ-kheo đến nên hỏi thí chủ, mời vào được không. Nếu họ không bằng lòng, thì nên nói với họ rằng: "Phần ăn của chúng tôi, chúng tôi sẽ chia nhau mà dùng." Nếu thí chủ vẫn không chịu, thì mỗi người dùng bát nhận lấy phần ăn của mình rồi bưng ra ngoài chia cho nhau cùng dùng. Trường hợp này nếu không được nữa thì trong kho của Tăng có vật thực gì đem ra trao cho Tỳ-kheo khách ấy.

Không nên cùng với bạch y ăn chung một bát. Trường hợp về nhà bà con, họ nói: "Chúng ta không phải ai xa lạ, cũng không phải bất tịnh, tại sao không cùng ăn với nhau một mâm một bát?" Trường hợp như vậy thì cho phép buộc niệm tại tiền cùng ăn, chỉ đừng để đụng tay với nhau mà thôi.

---o0o---

V. PHƯƠNG PHÁP NUÔI BỆNH

Phần thứ ba28 ghi rằng:

Một hôm, Phật đi thăm các phòng, thấy một Tỳ-kheo bệnh, không có người chăm sóc, nằm trong vũng nước tiểu và phân. Đức Phật hỏi:

- Taïi sao không có ai chăm sóc?

Vị Tỳ-kheo bệnh thưa:

- Khi con không có bệnh, con không chăm sóc bệnh những vị khác, nên nay con bệnh, không có ai chăm sóc.

Phật dạy:

- Ông không chăm sóc cúng dường người bị bệnh đó là một điều không lợi ích, là một điều mất mát. Các ông không chăm sóc cho nhau, lỡ khi bệnh ai sẽ chăm sóc cho?

Đức Phật liền đỡ Tỳ-kheo bệnh ngồi dậy, lau đồ bất tịnh nơi người của vị ấy. Sau khi lau rồi rửa sạch, Phật vì ông ta mà giặt y phơi khô, vất bỏ những lá lót hư mục, quét sạch chỗ ở, lau nước sạch sẽ. Phật lót lại lá mới, và trải lên trên bằng một cái y. Để vị Tỳ-kheo nằm lại chỗ cũ, rồi lấy một cái y phủ lên trên vị Tỳ-kheo bệnh ấy, mới ra khỏi phòng. Sau bữa ăn, vì nhân duyên này, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Cho người thăm bệnh, không nên không cho người thăm bệnh. Phải cử người chăm sóc bệnh, không nên không cử. Nếu có người muốn cúng dường Tôi (Như Lai) thì nên cúng dường người bệnh. Cho phép Hòa thượng và đệ tử chăm sóc lẫn nhau, nếu không có người chăm sóc thì Tăng nên cho người chăm sóc. Trường hợp không ai chịu chăm sóc thì theo thứ tự sai, nếu theo thứ tự sai mà không ai chịu nhận, thì y như pháp mà trị. Trường hợp không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni, cho đến Ưu-bà-tắc v.v... nên chăm sóc. Trong khi chăm sóc nếu là Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, Ưu-bà-di không nên xúc chạm thân thể của Tỳ-kheo.

Người bệnh có năm việc khó chăm sóc:

1) Những thức ăn không nên ăn, lại muốn ăn.

2) Không chịu uống thuốc.

3) Người muôi bệnh coù chí tâm, mà không nói như sự thật.

4) Trường hợp nên đi mà không đi, nên đứng mà không đứng.

5) Cơ thể có sự đau nhức, không thể cam chịu. Việc nhỏ có thể làm được, mà không chịu làm, lại nhờ người.

Hơn nữa không thể ngồi im, nín thinh trong lòng. Ngược lại năm điều nói trên thì gọi là dễ nuôi.

Người có năm pháp sau đây mới nuôi bệnh được:

1) Biết người có bệnh có thể ăn thứ gì, không thể ăn thứ gì, thứ có thể ăn thì nên cho ăn.

2) Không nhờm gớm đoøm, dãi, đại tiểu tiện của người bệnh.

3) Có lòng từ mẫn chứ không vì y thực.

4) Có khả năng chu toàn thuốc thang cho đến bệnh lành hay qua đời.

5) Có khả năng vì bệnh nhơn mà nói pháp khiến cho họ vui mừng.

Cho phép người nuôi bệnh nhận sự thỉnh mời hay không nhận sự thỉnh mời, và ăn những thức ăn của người bệnh không dùng.

Phần thứ tư (luật Tứ phần) nói:

Cho phép cùng người bệnh tùy ý ăn, tùy bệnh uống thuốc, và chăm sóc tốt người bệnh.

Tỳ-kheo bệnh không nên để ở ngay phòng lớn trên tầng lầu.

Luật Tăng kỳ nói:

Lúc Phật còn tại thế, ở phương Nam có hai vị Tỳ-kheo, trên đường cùng nhau đến yết kiến đức Phật. Một vị Tỳ-kheo bệnh, sau hai, ba ngày chờ đợi, vị Tỳ-kheo kia nói:

Tôi muốn đi trước để yết kiến đức Phật. Thầy mạnh rồi đến sau. Thầy Tỳ-kheo bệnh nói:

- Chờ tôi mạnh rồi cùng đi.

Tỳ-kheo kia nói:

- Đã lâu tôi không thấy đức Thế Tôn, lòng tôi rất khao khát, không cho phép tôi đợi thầy mạnh rồi cùng đi. Vị Tỳ-kheo ấy nói như vậy rồi liền đến chỗ đức Phật, Phật biết mà vẫn hỏi:

- Thầy ở đâu đến?

Thầy Tỳ-kheo kia thưa rõ đầy đủ nhân duyên như trên với đức Phật. Phật dạy:

- Đó là một việc làm ác. Tỳ-kheo nào buông lung, giải đãi, không tinh tấn, không hộ trì các căn, chạy theo sáu món dục, vị ấy tuy gần Ta mà không thấy ta, Ta không thấy vị ấy. Tỳ-kheo nào hộ trì các căn tâm không buông lung, chuyên niệm cầu giải thoát, tuy cách xa Ta mà lại thấy Ta, Ta cuõng thấy vị ấy. Tại sao vậy? Vì vị ấy đã tùy thuận Pháp thân của Như Lai, phá hoại các điều ác, xa lìa sự tham dục, tu pháp tịch tịnh vậy. Các thầy đồng xuất gia tu phạm hạnh, mà các thầy không chăm sóc cho nhau thì ai chăm sóc cho? Thầy nên trở lại chăm sóc và nuôi dưỡng vị Tỳ-kheo bệnh ấy đi.

Trường hợp Tỳ-kheo cùng đi với người lái buôn đến nơi khoáng dã (đồng không mông quạnh) bị bệnh. Đồng bạn nên thay thế mang y bát cho họ, gần gũi dìu dắt họ đi, không nên đi cách xa. Trường hợp vị ấy không thể đi được nên nhờ đến phương tiện chuyên chở của người lái buôn, hoặc lương thực để giúp đỡ họ. Không được chuyên chở bằng xe do súc vật loại cái kéo. Nên trở bằng xe do súc vật loại đực kéo. Trường hợp bệnh nặng trầm trọng không còn sự phân biệt thì chở không sao (tức là không mắc tội). Nếu không thể thực hiện được bằng phương tiện chuyên chở, thì nên để lại một, hai, ba người có khả năng chăm sóc bệnh, rồi vào trong xóm làng tìm phương tiện chuyên chở để rước về. Nên để lương thực cho những người ở lại đủ dùng. Nếu không có vị nào chịu ở lại trong khoáng dã thì không được bỏ đi liền, phải làm một cái nhà tranh, trải cỏ làm nệm, nhúm lửa, để củi nước, thức ăn, thuốc men, thuốc ngày, đêm, thuốc bảy ngày, thuốc suốt đời (tận hình dược), tất cả đầy đủ, và nói với người bệnh rằng: "Trưởng lão an tâm ở lại đây, tôi đến xóm trước để tìm phương tiện ra đón ngài vào". Khi đến tụ lạc không cần nhiễu Tháp, hay chào hỏi hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) theo nghi thức, mà nên nói liền với Tỳ-kheo trong tụ lạc rằng:

- Trong khoáng dã có vị Tỳ-kheo bệnh nặng, chúng ta nên tìm cách đến đón vị ấy về.

Nếu trong tụ lạc họ nói:

- Chỗ khoáng dã ấy có nhiều hổ lang thú dữ, sợ rằng chúng đã ăn thịt rồi.

Tuy nghe nói như vậy, nhưng chúng ta cần phải đến xem. Nếu đã chết thì cúng dường tử thi. Nếu còn sống thì đem về làng xóm, và nói với vị cựu Tỳ-kheo nơi tụ lạc rằng:

- Vị Tỳ-kheo bệnh này, ở trú xứ... tôi đã chăm sóc cúng dường trong khoáng dã, nay đem về đây, đến phiên Trưởng lão chăm sóc.

Nếu không chăm sóc thì mắc tội vượt qua luật định (Việt tỳ-ni).

Trường hợp không có Tỳ-kheo, nên nói với vị Ưu-bà-tắc: "Trường thọ! Nơi khoáng dã có Tỳ-kheo bệnh, chúng ta nên tìm phương tiện chở về." Đưa đến nhà Đàn-việt, và để nằm nơi riêng biệt, kín đáo.

Nếu có nhiều người, nên nhờ hai, ba người có khả năng để chăm sóc người bệnh. Trường hợp bệnh nhơn cần nhiều người cùng ở cho vui thì nên ở. Cùng nhau khuyến hóa cung cấp đầy đủ bữa ăn trước, bữa ăn sau cho đến tận hình thọ dược.

Trường hợp có khách Tỳ-kheo đến, không được bảo họ chăm sóc người bệnh liền, phải rước y bát họ để đúng chỗ, chờ đến khi ăn uống nghỉ ngơi xong rồi mới nói: "Trưởng lão thay tôi tiếp tục chăm sóc giùm cho, nếu vô thường đến thì nên cúng dường xá-lợi."

Trường hợp Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni cùng đi với người lái buôn. Tỳ-kheo-ni bị bệnh, Tỳ-kheo không được bỏ đi. Nên bảo chị em họ cùng đi chung, cùng thay nhau dắt dìu ngươơi bệnh. Như trong Tỳ-ni nói: "Chỉ trừ ôm choàng. Nếu cần xoa dầu trong thân thì bảo người nữ làm việc đó."

Trường hợp vô thường đến, Tỳ-kheo-ni bệnh ấy có y bát, nên nghĩ đến người hỏa thiêu. Nếu không hỏa táng được, nên bỏ đi. Nếu người đời hiềm trách, nên khởi niệm như đất rồi khiêng để chỗ xa.

Trường hợp Đại đức Tỳ-kheo bệnh, nên để nằm nơi phòng thoáng rộng, đệ tử thường hầu hai bên, quét lau phòng khô sạch, đốt hương, trải tòa ngồi. Nếu có Tỳ-kheo đến thăm bệnh nên lo đủ bữa ăn chính, bữa ăn phụ, cho đến nước uống phi thời. Nếu có hỏi điều gì, bệnh nhơn nên trả lời. Nếu bệnh nhơn yếu sức thì người hầu thay lời. Trường hợp Ưu-bà-tắc đến thăm hỏi

nên nói: “Quý hóa thay Phật tử đến thăm!” Bảo họ ngoài rồi nói bài pháp như sau: “Phật tử công đức rất lớn, như Đức Thế Tôn dạy: Chăm sóc nuôi dưỡng Tỳ-kheo trì giới bệnh, như chăm sóc nuôi dưỡng Ta (Phật) không khác.” Nếu họ có cúng dường thì nên chú nguyện rồi thọ nhận.

Trường hợp người bệnh phiền lo, người đến thăm hỏi bệnh nhơn, không được cho họ đứng lâu, nên bảo họ ra về.

Trường hợp người bệnh không đi ra ngoài được thì nên dùng ba cái bô:

- Một cái đem vào thay cho người bệnh dùng.

- Một cái mang ra ngoài.

- Một cái rửa sạch bôi dầu phơi khô. Phải có sẵn như vậy để bệnh nhơn tuần tự dùng.

Phải có người đứng một bên cửa, đừng cho người vào đột ngột. Một người luôn luôn ở bên bệnh nhơn, tùy thuận nói pháp.

Trường hợp Tỳ-kheo nhỏ tuổi bệnh, không nên để chỗ trống trải, mùi hôi thối có thể bay ra ngoài. Cũng không nên để chỗ chật hẹp vắng vẻ, khi chết không ai biết, mà nên để ở chỗ có người.

Trường hợp người bệnh có thầy và đệ tử, thì họ cùng nhau chăm nuôi. Nếu không có, thì Tăng phải sai một, hai, ba người chăm nuôi.

Trường hợp người bệnh có thuốc thì nên lấy sử dụng cho họ, nếu không có thì Tăng nên lo liệu. Trường hợp Tăng không có, thì bệnh nhơn có y bát quý giá nên đổi lấy y bát thường, và lấy số tiền thừa ra đó dùng vào việc thuốc thang. Nếu bệnh nhơn tiếc y bát không chịu đổi thì nên bạch với Tăng, Tỳ-kheo bệnh không nghĩ vô thường nên tiếc y bát quý không chịu trao đổi. Bạch Tăng rồi nên khéo léo giảng nói để bệnh nhơn khai giải (cởi mở). Sau đó mới trao đổi. Nếu không được nữa thì nên xin tiền mà lo liệu thuốc men cho bệnh nhơn.

Trường hợp đồ ăn thức uống xin không được, thì trong bữa ăn của Tăng nên lấy thức ăn ngon để cung phụng bệnh nhơn. Nếu phương thức đó không được, thì người nuôi bệnh nên dùng hai cái bát đi khất thực, chọn lấy thức ăn ngon phụng sự bệnh nhơn.

Luật Căn bản nói:

Không nên sai người vô trí chăm sóc bệnh nhơn. Đối với người không rành nuôi bệnh cần phải dạy bảo hướng dẫn họ. Đừng để bệnh nhơn bị tai hại một cách phi lý; hoặc bị ngã nơi nước, nơi lửa, ăn phải các thức ăn độc; hoặc nắm lấy đồ bén nhọn; hoặc bị té nơi hầm hố hay trèo lên cây cao, ăn phải thức ăn cấm kỵ v.v... những tổn hại như vậy cần phải ngăn chặn tránh đi.

Chưa hỏi thầy thuốc, không nên vội cho bệnh nhơn uống thuốc.

Người bệnh và người nuôi bệnh nằm chung một giường có đèn sáng thì không phaïm.

Luật Thập tụng nói:

Người nhỏ tuổi nuôi Tỳ-kheo bệnh được cùng bệnh nhơn ngồi.

Luật Nhiếp thuyết minh:

Trường hợp người bệnh nghèo không có thuốc để dùng, thì thầy bạn quen biết v.v... nên vì họ mà lo liệu, hoặc thí chủ quen thân lo liệu; hoặc dùng vật của Tăng-già; hoặc vật của Tháp; hoặc dụng cụ trang trí đem bán để mua thuốc. Sau khi bệnh lành nên trả lại. Nếu không có khả năng để trả lại, thì không tội; vì con của vị Đại sư là cha đẻ ra của cải vậy.

Nếu vì lý do chăm sóc bệnh cho Bí-sô, cung cấp người bệnh, thì trừ việc của tánh tội, ngoaøi ra đều có thể làm được.

Hỏi: - Các bộ luật vì vấn đề bệnh quyền khai và quy định pháp nuôi bệnh, để có định mức. Duy chỉ có Luật nhiếp nói: Trừ tánh tội, ngoài ra đều có thể làm được. Như vậy, tất cả giá tội, đều không phạm hay chăng?

Đáp: - Khi cần bảo vệ mà không nghiêm túc bảo vệ thì cái tội do khinh giới vẫn thành. Khi nạn duyên mà thiếu quyền biến thì người mắc bệnh đau khoả e phải lâm nguy. Nên biết: Trừ tánh tội, ngoài ra đều có thể làm được là một cách nói cùng tột chứ không phải là một lời nói để tha hồ buông xuôi.

---o0o---

VI. PHÒNG XÁ

Phần thứ tư29 nói:

Tùy theo nhu cầu làm phòng đúng như pháp, tất cả đều cho phép.

Cho phép làm nhà lớn để Bố-tát, cho phép làm giường lớn.

Cho phép làm nhà đi kinh hành. Tỳ-kheo già bệnh suy nhược ốm yếu quá cho phép dùng dây bện thành cái giường cột hai đầu khiêng đi. Nắm tay khiêng đi, nếu tay bị đau, cho phép làm thành cái cuốn, hoặc bằng ống tre, hoặc lấy dây xâu qua ống tre, dùng tay khiêng đi. Khi đi kinh hành mỏi mệt, cho phép để giường hai đầu lối đi kinh hành để ngồi nghỉ.

Không nên làm hình con rồng, con rắn hai bên cánh cửa. Cho phép làm hình dây nho hay hình bông sen. Cho phép trên cửa làm hình cành lá, không cho phép làm hình binh mã.

Không nên suốt đời chỉ lo sửa sang một phòng, nếu muốn làm một cái lầu to lớn sang trọng, thì cho phép xây cất trong vòng 12 năm. Trong vòng 6 năm phải lợp hết. Còn bao nhiêu cỡ khác, tùy theo đó mà lượng nghi.

Không nên lúc nào cũng nhận lấy phòng của Tăng rồi sửa sang. Cho phép ba tháng hạ xong, tùy Thượng tọa chia phần cho.

Không nên chỗ nào cũng nhận phòng của Tăng sửa sang để nghỉ ngơi, mà phải 90 ngày trở lên mới nhận lấy một chỗ ở.

Người lo liệu công việc không nên ở nơi trú xứ đông người.

Không nên vì việc làm nhỏ mà lấy một cái phòng sửa sang để ở.

Tỳ-kheo lo liệu công việc qua đời, phòng này tùy ý Tăng giải quyết. Tỳ-kheo lo liệu công việc nhờ người bạch Tăng để nhận phòng rồi qua đời, phòng ấy cũng tùy Tăng giải quyết. Kẻ sứ giả kia qua đời, phòng đó giao cho người lo liệu công việc,

Tỳ-kheo lo liệu công việc, khi chưa chia phòng đã đi vắng, nhờ người nhận, nên chỉ rõ nơi chốn phòng ấy.

Cho phép làm nhà tắm, phòng tắm.

Một Tỳ-kheo làm phòng, cho phép thay nhau ở, nhưng Thượng tọa ở trước.

Hạ an cư, nhận phòng sửa sang xong, không nên nhận lại phòng khác.

Phòng của Tăng cũ hư, có người cư sĩ nói: "Xin giao cho tôi, tôi sẽ tu bổ lại". Cho phép Bạch nhị yết-ma giao cho họ.

Ông La-hầu-la, thời gian ở trong rừng Na-lê, một cư sĩ phát tâm làm một cái phòng cúng cho ông ta. Khi La-hầu-la đi du hành trong nhân gian, cư sĩ ấy lại lấy cái phòng cúng cho Tăng. La-hầu-la trở về đem vấn đề ấy bạch Phật. Phật bảo La-hầu-la đến chỗ cư sĩ hỏi rằng: "Ông có thấy tôi đây không? Tôi có điều gì đáng trách không? Có điều gì không phải pháp Sa-môn không? Hoặc (có lỗi) do miệng nói, hoặc bằng haønh động của thân hay chăng?". Cư sĩ đáp: "Không". La-hầu-la về bạch lại Phật. Phật bảo Tỳ-kheo: "Trường hợp có người tự tâm vui mừng làm phòng thí cho một người, hoặc thí cho nhiều người, hoặc thí cho Tăng rồi, lại thí cho người khác hay thí cho nhiều người, hay thí cho Tăng, hoặc thí cho đồng bộ, hoặc thí cho khác bộ, đều gọi là thí phi pháp, nhận phi pháp, ở phi pháp. Trường hợp có người vui mừng làm phòng thí cho một người, hoặc thí cho nhiều người hay thí cho Tăng, thí cho hai bộ Tăng, đều gọi là thí như pháp, nhận như pháp, ở như pháp."

Trường hợp có Sa-di nhỏ, cho phép ngăn trong phòng cho Sa-di ấy ở.

Cho phép làm cái phòng sau ở bên trong, làm cửa, làm tường vách hay ½ tường vách.

Cho phép dùng đá, gạch, cây, làm đường đi. Cho phép đóng cừ, làm ao, dùng đá, gạch, cây, ngăn hai bên.

Luật Tăng kỳ nói:

Khi khởi công xây cất Tăng-già-lam, trước hết quy hoạch chỗ đất nào tốt nhất để làm Tháp. Tháp nên làm nơi hướng Đông, hướng Bắc. Đất dành cho Phật, đất dành cho Tăng ở phải có giới hạn rõ ràng; không được để nước chảy từ đất Tăng vào đất Phật, nước nơi đất Phật được chảy qua đất Tăng. Tháp nên cất chỗ cao ráo. Không được ở trong Tháp viện giặt, nhuộm, hong phơi y, mang giày dép, trùm đầu, trùm vai, khạc nhổ trên đất. Bông hoa trong vườn của Tháp nên cúng dươøng Tháp. Nếu Đàn-việt nói: "Hoa thì

cúng Phật, trái thì cúng Tăng", thì theo ý kiến của Đàn-việt. Trường hợp hoa nhiều, được phép đưa cho nhà làm tràng hoa, bảo họ: "Làm tràng hoa cho tôi, còn bao nhiêu nên cho tôi biết giá." Số tiền thu được mua nhang đèn cúng Phật, hoặc tu bổ Tháp. Nếu thu hoạch được nhiều thì bỏ vào quỹ phẩm vật vô tận của Phật. Hoa trong ao của Tháp cũng vậy. Trong ao của Tháp không được giặt y, tắm, rửa tay, rửa mặt, rửa bát. Chỗ cuối dòng nước thoát ra thì được sử dụng
tùy ý.

Nhà xí không được xây cất nơi hướng Đông, hướng Bắc, ở giữa phải có vật ngăn cách để hai bên không cùng trông thấy nhau.

Bộ Căn bản tạp sự nói:

Làm nhà xí nên làm góc Tây-Bắc, phía sau chùa.

Dưới cây trụ nơi 4 góc chùa nên để ống nhổ, nhổ đàm dãi.

Luật Thập tụng nói:

Nếu có nước hoa (dung dịch bằng nước hoa) nên rảy trong nhà, nơi giường, nơi vách, trên đất. Bố thí tràng hoa cho Tăng dùng đinh đóng trên vách, phòng xá có mùi hoa, người thí được phước.

Luật Ngũ phần nói:

Trong các phòng cho phép trong ngoài và trên đều trét bùn. Tăng nên sắm đầy đủ các thứ búa, đục, dao, cưa, thang v.v... các dụng cụ để làm phòng ốc.

---o0o---

VII. PHÁP VỀ NGỌA CỤ

Phần thứ tư30 nói:

Cho phép làm cái nệm, hoặc bằng lông mịn, hay bằng kiếp bối, làm cái nệm có độn bên trong nếu sợ nhớp nên dùng dạ bọc bên ngoài.

Cho phép làm cái gối, hoặc vuông, hoặc tròn hay ba góc.

Không được đem ngọa cụ của Tăng mà dùng riêng, cho phép làm cái dấu hiệu để nhớ. Không được vật riêng của mình làm dấu hiệu của Tăng. Cho phép vật riêng nhuộm làm dấu hiệu, như làm một đường nước chảy trên đất hay làm một bánh xe để phân biệt31.

Không được dời ngọa cụ đã để nhất định trong phòng qua một phòng khác, chỗ khác.

Không được hai người nằm ngủ chung trên một giường trừ người bệnh. Không được hai người nằm chung và đắp một cái mền, nếu chỉ có một cái mền, cho pheùp cả hai phải mặc áo lót.

Căn bản tạp sự nói:

Cái giường nằm hay cái ghế dựa tốt nhất được cúng, Tăng-già nên thọ nhận, cá nhân không được phép.

Luật Ngũ phần nói:

Cho phép trong 10 cái y dùng một cái làm mền đắp. Dùng lông dê, lông ngựa, bông gòn cho đến các loại cỏ mềm mại độn vào bên trong để làm nệm bông, nệm dày nhất là 8 ngón tay mà thôi.

---o0o---

VIII. PHÁP VỀ ĐỒ VẬT

Phần thứ ba32 nói:

Cho phép chứa nồi bằng đồng, nồi bằng thiếc, nồi bằng đất, bình bằng đồng, bằng thiếc, bằng sành, cái ngao nấu bánh, cái ấu bằng đồng, cái mác. – Cho phép làm cái giá móc áo.

Cho phép đốt đèn, cho phép làm đèn bằng thiếc.

Tỳ-kheo già bệnh, cho phép để đồ đại tiện và đồ nhổ đàm trong phòng.

Ở chỗ đông người, không được bắt rận bỏ dưới đất. Cho phép làm cái ống bằng đồng bỏ nó trong đó.

Cho phép sắm dao cạo tóc, chứa đồ hứng tóc33.

Nhiếp nhổ lông mũi, dao cắt móng tay. Cho phép làm ống đồng để đựng, làm nút (nắp) để đậy. Không nên làm bằng đồ quý.

Không nên cầm dù tròn lớn đẹp. Không nên nắm loại quạt tròn lớn của vua. Trường hợp nhận được vật đã hoàn thành thì cho phép thọ, nhưng nên chuyển cho tháp.

Không nên cất giữ cây quạt dệt bằng lông đuôi chim.

Cho phép sắm cái phất trần.

Cho phép nhận những đồ làm do thợ lò gốm sản xuất. Coù ba thứ không nên cất giữ: Giường ngồi bằng sành, hộc bằng sành, ghế bằng sành.

- Cho phép sắm đồ cạo lưỡi, cây xỉa răng, cái móc lỗ tai.

Luật Tăng kỳ nói:

Không nên cất giữ riêng bát bằng đồng, cho tịnh nhơn rồi mượn dùng thì không có lỗi.

Luật Căn bản tạp sự nói:

Cho phép dùng ba cái đãy: Một cái đựng bát, một cái đựng thuốc, một cái đựng đồ vật. Để đồ vào đãy phải theo thứ tự, dài ngắn tương xứng, cần để cho rộng rãi ngăn nắp. Bên trong lót đồ mềm mại, dùng dây cột lại, đừng để cho nó cong.

Cư sĩ tịnh tín đem cúng chén bát, Phật cho phép vì đại chúng nhận, nhận rồi cất trong kho, nhưng vẫn ăn bằng bình bát. Thí chủ thắc mắc, chỉ được phước thí cúng, chứ không được phước thọ dụng. Phật bảo: “Cho phép vì họ mà đem dùng”.

Quạt có hai loại: Một loại làm bằng tre, một loại làm bằng lá. Loại quạt có vẽ vời rực rỡ, Tăng-già được phép nhận.

Phủ phất (Phất trần: phủi bụi) có năm loại:

1) Làm bằng lông dê sòe ra.

2) Làm bằng dây gai.

3) Làm bằng vải mịn xé ra.

4) Làm bằng vật cũ phá ra.

5) Làm bằng nhánh cây.

Nếu dùng vật quý báu mà làm, mắc tội ác tác.

Có hai trường hợp cho phép đi xe:

1) Già yếu suy nhược.

2) Bệnh tật mất sức.

Cần xách nước giếng, thì dùng dây dài nhất là 150 khuỷu tay, ngắn nhất là 10 khuỷu tay. Giữa hai cỡ này là bậc trung.

Hứa khả vì Tăng sắm và cất giữ dao cạo tóc, kể cả những vật cần dùng vụn vặt.

Luật Ngũ phần nói:

Mùa lạnh cho phép làm lò sưởi. Nhen lửa ngoài nhà, chờ hết khói mới đem vào trong. Dùng đồng, thiếc, đất, đá làm lò.

Cho phép cất giữ ba cây kim may.

Cho phép cất giữ cái cân, cái đấu. Không cho phép giữ lấy ruộng đất, quán hàng buôn bán. Nếu có thí chủ cúng, cho phép Tăng thọ nhận rồi giao cho tịnh nhơn coi ngó. Không cho phép cất chứa nhiều cái âu nhỏ bằng đồng. Không cho phép cất chứa cái âu lớn bằng đồng. Nếu cất chứa trên một thăng mắc tội Đột-kiết-la.

Luật nhiếp nói:

Dao con, ấn nhỏ Bí-sô được cất giữ. Dao có ba loại: Loại lớn dài 6 ngón tay, rộng một ngón tay. Loại nhỏ dài 4 ngón tay. Giữa hai cỡ đó là loại trung; hình dáng của chúng như cánh gà hay cánh chim. Ấn có bốn loại: Đồng trắng, đồng đỏ, đá và cây. Tất cả không nên dùng vật quý giá để làm.

---o0o---

IX. PHÁP VỀ TÍCH TRƯỢNG

Căn bản tạp sự nói:

Nên làm cây tích trượng, trên đầu tích trượng treo cái vòng tròn bằng miệng chén. Treo cái vòng nhỏ, mỗi khi di động tạo thành tiếng, dùng để cảnh giác. Không nên dùng tích trượng để đánh chó, chỉ nên đưa lên khủng bố nó mà thôi. Nếu chó nổi giận xông tới, nên lấy một vài hột cơm bỏ dưới đất cho nó ăn. Hai ba lần khua động, mà không coù người ra hỏi, cần phải đi.

Luật Thập tụng nói:

Nên khua động tiếng gậy để xua đuổi độc trùng.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói:

Chỗ đáng sợ ban đêm, cho phép khua động tích trượng thành tiếng, khiến cho ác độc trùng tránh xa.

Hỏi: - Nay y cứ theo kinh Đắc đạo đăng thê34, thì vấn đề làm tích trượng là chú trọng oai nghi nhưng rất khó hộ trì. Vấn đề này tại sao lại mâu thuẫn với ý của luật?

Đáp: - Tích trượng ở trong luật, đặt nặng vấn đề dùng để qua sông, còn trong kinh thì đặt nặng chỗ tiêu biểu cho Chánh pháp. Biểu pháp thì có một dụng ý, một đường hướng riêng nào đó. Còn qua sông thì nhằm vào việc lợi ích. Còn việc người thời nay lại dùng tích, tịnh bình, việc này vốn là của Mật bộ không quan hệ gì đến Luật tông. Nhưng trong bộ kinh kia cũng nói rằng: Vì lão bệnh nên chứa giữ trượng. Vấn đề này tuy phù hợp với luật, nhưng không khỏi trước sau tự mâu thuẫn nhau. Nên biết bộ kinh đó đã mất tên người dịch, có thể xếp vào loại khuyết nghi.

---o0o---

X. PHÁP VỀ TÒNG LÂM

Luật Tăng kỳ nói:

Ngài Đạt-nị-già tức là Đàn-ni-ca nghĩ rằng: "Ta làm một cái phòng, Thượng tọa bảo ta để cho Ngài, buộc ta phải ra khỏi. Đến cái thứ hai, thứ ba cũng thế, ta cũng phải ra khỏi thất của ta. Kế đến ta làm nhà bằng gạch ngói, đức Thế Tôn lại sai các Tỳ-kheo phá mất. Sau đó ta lấy gỗ của vua cất nhà, lại bị Thế Tôn quở trách. Ta luôn luôn chịu sự khổ sở, hết việc này đến việc nọ! Từ nay, ta muốn chấm dứt vấn đề khổ sở này, bằng cách tùy theo chúng Tăng sống thế nào ta sống thế ấy, qua ngày mà thôi." Khi ấy, Đạt-nị-già bèn tập nếp sống vô sự, ngày đêm tinh thành, chuyên tu đạo nghiệp, đặng các thiền định, thành tựu đạo quả, khởi sáu thần thông, tự tri tác chứng (tự biết mình đã chứng), hết sức vui mừng. Ngài nói kệ rằng:

- Muốn được vui vô ngã
Phải theo pháp Bí-sô
Thân nương nơi tịnh xá
Như rắn trọ hang cua.

- Muốn được vui vô ngã
Phải theo pháp Bí-sô
Áo cơm cho tứ đại
Đẹp xấu dở ngon tùy ... (tùy chúng).

- Muốn được vui vô ngã
Phải theo pháp Bí-sô
Trọn đời đều biết đủ
Chuyên luyện đạo vô vi.

Luật Thập tụng nói:

Tỳ-kheo coi ngó công việc của Tăng, nên thực hành nguyện thế này: Các Tỳ-kheo chưa đến sẽ đến, các vị đã đến được cung cấp y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc thang, không để thiếu thứ gì. Vị nào có khả năng thực hành được ý nguyện như vậy, Tăng tùy theo ý nguyện của họ mà giao công việc. Nếu cần thức ăn thì cung cấp theo ý muốn cùng đồ ăn ngon, nếu cần phòng xá, ngọa cụ thì cũng nên theo ý muốn của họ mà cung cấp.

Người có phận sự trong một trú xứ, được phép dùng 19 tiền cung cấp khách Tăng, khỏi phải bạch Tăng. Nếu cần dùng hơn nữa thì phải bạch Tăng mới được phép sử dụng.

Trong chức năng Duy-na, nên biết thời hạn, nên biết giờ nào cho việc gì, nên biết đánh kiền chùy, biết lau quét tu bổ nhà giảng, nhà ăn, biết thứ lớp tiếp tục trải giường, chõng, biết dạy cách tác tịnh rau trái, biết xem xét côn trùng trong thức ăn chua và đắng; biết lúc nào ăn lúc nào uống, để phân phối nước, và lúc chúng ồn ào náo loạn biết búng móng tay để họ im lặng.

Phần thứ ba35 nói:

Hiện tiền tăng thu nhận được nhiều y vật, cho phép Bạch nhị yết-ma kiết giới kho tàng, bạch nhị Yết-ma sai người giữ. Trường hợp có Tỳ-kheo không chịu nhận làm người giữ vật của Tăng, nên dành phần bồi dưỡng cho họ, như thêm phần cháo v.v... Nếu họ cố ý không nhận thì tất cả những vật thu nhận được chia cho họ hai phần. Nếu họ vẫn không chịu giữ thì nên như pháp trị họ.

Luật Thiện kiến nói:

Lợi dưỡng từ bên ngoài thu nhận được, Tỳ-kheo tri khố nhận được hai phần. Nếu là Tỳ-kheo đầu-đà, tuy ở trong chùa, nhưng không ở phòng của Tăng, không ăn thức ăn của chúng. Đàn-việt tự xây cất phòng cho ông ta, Tăng không được sai ông ta làm Duy-na hay tri sự. Đối với Tỳ-kheo trong bộ môn đọc tụng, giáo hóa thuyết pháp thường thu nhận được lợi dưỡng có lợi cho chúng Tăng, Tăng không được sai họ làm tri sự Tăng. Có phòng xá y bát nên trước dùng vật trao cho các vị ấy, thức ăn cây trái nên cấp thêm phần cho họ.

Trường hợp có người đến chùa, không luận sang hèn tốt xấu nên hỏi han sức khỏe họ, nếu họ cần gì, mình có, thì cung ứng cho họ. Nếu là vật của Tăng thì phải thưa Tăng trước mới trao cho họ, nếu Tăng đồng ý. Trường hợp có người ác dùng sức mạnh đến xin, người giữ vật của Tăng, vì bảo vệ trú xứ, được quyền tùy ý trao cho họ. Trao cho họ rồi sau đó Tăng không được quở trách.

Phần thứ tư36 nói:

Có bốn hạng người đoán sự:

1) Hạng ít học mà không tàm quý.

2) Hạng học nhiều mà không tàm quý.

3) Hạng ít học mà có tàm quý.

4) Hạng học nhiều mà có tàm quý.

Trong số này hạng ít học mà không tàm quý và hạng học nhiều mà không tàm quý, ở trong Tăng nói việc đoán sự, Tăng nên dùng mọi cách để khiển trách họ một cách tích cực để cho hạng người không tàm quý đó không làm việc ấy nữa.

Nếu hạng người có tàm quý mà ít học, trong Tăng nói chuyện xử đoán, Tăng nên yểm trợ cho họ để sáng tỏ vấn đề, cho hạng người có tàm quý này tiếp tục làm việc đoán sự cho Tăng. Đối với hạng người có tàm quý mà học nhiều, trong Tăng làm việc xử đoán, Tăng cho phép họ nói rồi nên khen ngợi họ, khiến hạng người có tàm quý này sau này vẫn ở trong Tăng nói việc đoán sự.

Phần thứ ba37 nói:

Khách Tỳ-kheo muốn vào trong chùa. Khi đến cửa ngõ, tay đẩy cửa ra, nếu cửa có then khóa thì nên mở. Nếu mở không được thì nên gõ thong thả để người bên trong nghe. Nếu không có ai nghe thì nên gõ mạnh. Nếu không có ai mở, thì đến dưới bờ tường hay rào, tìm cách vào để mở, không nên đi quanh phía bên tả của Tháp. Nên hỏi: Tôi bao nhiêu tuổi đó, có phòng cung cấp cho tôi không? Lại nên hỏi: Phòng này có ai ở không? Có đầy đủ tiện nghi như mền, đoà dùng, ngọa cụ và y không? Nếu nói có, mà cần nhaän thì nên nói: Tôi sẽ nhận phòng này. Nhận xong nên đến chỗ phòng, mở cửa. Nếu có trùng hay rắn, đuổi ra, lau quét, rửa sạch, khô ráo, trải lại giường nằm, ghế ngồi, và phải đầy đủ bình nước sạch, nước rửa, đồ đựng nước uống. Nên hỏi: Chỗ đại tiểu tiện ở đâu? Chỗ nào là tịnh địa, chỗ nào là bất tịnh địa? Tháp Phật chỗ nào? Tháp Thanh văn ở đâu? Phòng Thượng tọa thứ nhất chỗ nào? Cho đến phòng Thượng tọa thứ tư ở đâu? Phải theo thứ tự lễ chào. Nên hỏi chỗ nào là chỗ ăn trưa, chỗ nào là chỗ ăn sáng, chỗ nào tập hợp buổi tối, chỗ nào thuyết giới, người nào được Tăng sai nhận vật thực do Đàn-việt dâng đồ aên mồng tám, rằm, mồng một? Đàn-việt mời ăn ngày kế đến chỗ nào? Có Đàn-việt nào Tăng vì họ tác phú bát không? Ai là kẻ học gia? Chỗ nào có chó dữ, chỗ nào người tốt? Kẻ xấu ở đâu?

Cựu Tỳ-kheo nghe có khách Tỳ-kheo đến nên ra ngoài để đón rước vào, vì họ cầm y, mang bát, mời ngồi; trao đồ múc nước rửa chân, cùng nước nóng. Nên hỏi: "Đại đức bao nhiêu tuổi?" Nếu họ nói bao nhiêu tuổi rồi, nên nói: Đây là phòng, đây là giường dây, giường cây, mền, gối, khăn trải đất, ống nhổ, đồ tiểu tiện, đây là chỗ đại tiểu tiện, đây là tịnh địa, cho đến đây là chỗ người tốt, đây là chỗ người xấu.

Luật Thập tụng nói:

Khách Tỳ-kheo đến, nên lễ bốn vị Thượng tọa. Nếu thời gian có thể gặp thì lễ, còn khoâng gặp (Ngài bận) thì thôi.

Luật Ngũ phần nói:

Đánh chuông trống thổi ốc và 3 lần xướng, "thời đến". Nên bảo Sa-di và người coi vườn làm, đánh kiền chùy, nếu không có Sa-di thì Tỳ-kheo cũng đánh được.

Nếu có Tỳ-kheo gởi y, sau 12 năm không trở lại lấy, họp Tăng bình phẩm giá trị dùng làm vật của bốn phương Tăng. Sau đó Tỳ-kheo kia trở lại đòi, dùng vật của bốn phương Tăng trả lại. Nếu họ không nhận thì tốt.

Nếu có lúa gạo cúng dường cho bốn phương Tăng, khi tứ phương Tăng làm, cho phép họ tùy ý dùng.

Trừ tháp của Phật và Bích-chi Phật, còn bao nhiêu vật dư của Tháp khác, cho phép dùng làm vật bốn phương Tăng. Nếu Tháp ấy thời gian sau, cần dùng thì lấy vật của bốn phương Tăng trả lại.

Luật Căn bản nói:

Bí-sô nên trợ giúp trong công việc tạo tác của chùa, nhưng không nên làm trọn ngày. Mùa lạnh nên làm sau giờ ngọ. Mùa nóng nên làm trước giờ ngọ. Tùy theo thời gian của ngày, nên nghỉ sớm. Người có trách nhiệm coi ngó công việc, biết sáng ngày ấy có người làm công tác thì nên lo liệu bữa ăn sáng cho họ. Nếu sau giờ ngọ làm thì nên tìm nước buổi chiều (phi thời tương) và dầu thoa tay chân. Không vậy thì mắc tội Việt pháp.

Trọng lượng người đời gánh một gánh thì Bí-sô nên chia làm hai gánh.

Tạp sự nói:

Tăng-già không nên lập phi pháp chế. (không phải Phật chế thì gọi là phi pháp chế. Như triều Nguyên phụ hội Bách Trượng thanh quy v.v...).

Người lo liệu công việc nên cho thọ dụng vật chùa.

Ny-đà-na nói:

Tịnh địa của Tăng-già mà bỏ tóc, móng tay... mắc tội ác tác.

Làm tượng Bồ-tát chỉ trừ xuyến và bông tai còn bao nhiêu đồ trang sức khác đều cho phép làm.

Luật nhiếp nói:

Tháp của đức Như Lai nên làm tròn trịa đầy đủ. Nếu là Tháp của Độc giác thì trên không có bảo bình. Nếu là Tháp của A-la-hán thì đặc tứ tướng luân38. Còn ba quả kia, mỗi quả giảm bớt một luân. Nếu là vị Tỳ-kheo thuần thiện trên không có luân nào gọi là "bình đầu chế-để" (Tháp đầu bằng).

Bộ Mục-đắc-ca nói:

Trường hợp tạo Tháp nếu nhỏ có thể tăng thêm cho lớn, nếu lớn không nên giảm cho nhỏ. Nếu có người thế tục có khả năng làm lớn thì càng tốt. Bằng không thể làm được thì Bí-sô nên khuyến hóa trợ giúp cho họ làm. Nếu lâu năm bị hư hao nên tu bổ. Nếu tượng Phật bằng đất, bằng tơ trắng... hư hoại, hoặc muốn cho lớn hơn, hoặc tương tợ tùy ý làm. Các tượng vẽ không được sáng sủa trang nghiêm, nên xóa đi làm lại tượng mới. Các bộ kinh Phật bằng lá hay bằng giấy bị mòn hư cũ kỹ nên xóa cái cũ in lại cái mới. Vị nào thông suốt Kinh bộ, Luật bộ, Luận bộ, không nên sai họ làm người tri sự của Tăng.

Vì Tăng-già nên có thể nhận ruộng, hoa lợi thu hoạch được nên thọ dụng. Phải y vào luật của nhà nước mà trả công cho người cày cấy ruộng đất ấy.

Tỳ-kheo có trách nhiệm coi ngó lo liệu công việc, trước nên báo trình với vị Kỳ túc trong chùa, sau mới cho người vay mượn, hay lập bằng khoán bảo chứng phân minh.

Luật Tăng kỳ nói:

Ruộng đất của chúng Tăng không được cho mướn hay bán đứt, không được thọ dụng riêng. Nếu ruộng đất vườn tốt, có kẻ ác muốn xâm chiếm, thì được phép nói với Đàn-việt nên biết đất này. Nếu Đàn-việt nói: Đây là ruoäng vườn tốt, Sao phải biết? Nên nói với Đàn-việt rằng: Ruộng vườn này tuy tốt, nhưng có người ác muốn xâm chiếm, tùy ý Đàn-việt chuyển đổi.

Tăng có đất trống, có người đến xin Tăng để cất Tăng phòng, nên nói trước khi làm những điều cần yếu như: Thời gian làm bao lâu? Nếu họ nói bao lâu đó là làm xong, thì nói họ là: Nếu thời gian ấy mà không làm xong, hay không làm thì sẽ giao cho người khác.

Trường hợp có hai người xin làm. Một người nói: "Tôi vì Tăng làm một tầng lầu". Một người nói: "Tôi làm hai tầng lầu". Tăng nên giao cho người làm hai tầng lầu. Như vậy cho đến bảy tầng. Nếu cả hai đều nói xây bảy tầng, thì nên giao cho người có khả năng làm thành. Nếu cả hai đều có khả năng làm thành thì nên giao cho người có quyến thuộc đông hơn. Nếu không nói những đều cần yếu, trước khi giao cho họ thì mắc tội Việt tỳ-ni.

Pháp (tư cách) của cựu Tỳ-kheo, không được tự mình ở phòng tốt, giường, nệm, gối tốt, còn để đồ xấu, hư, nhơ nhớp đãi khách.

Bộ Nam hải ký quy nói:

Y phục của Bí-sô, phần nhiều do thường trụ Tăng, hoặc là do của ruộng vườn thừa ra, hoặc là do huê lợi nơi cây trái, hằng năm dùng một phần vào việc y phục. Bởi vì bổn tâm của thí chủ, khi dâng cúng đất đai là để cung cấp tế độ cho chúng Tăng, đâu phải chỉ dùng cho việc ẩm thực, mà không dùng vào việc y phục hay sao? Ngoài việc ăn uống, dùng vào y phục có gì tổn hại đâu?

Đây là một vấn đề mà chúng Tăng bên Tây quốc bàn luận rộng rãi, sôi nổi. Hơn nữa nơi đạo tràng Thần Châu39 hoặc có chỗ vừa cung cấp y phục, vừa nhận được vật thực, kể cả kẻ đạo lẫn tục, đây là căn cứ theo tâm phát nguyện của thí chủ. Giả như, kể cả vấn đề ăn uống cho chúng Tăng, thật sự không có gì là điều đáng lo ngại. Trường hợp ban đầu có ý nghĩa vô tận vô chướng, thì tuy bố thí cho nhà chùa mà sự thật trong đó gồm tất cả. Chỉ dùng vào việc ăn chứ không dùng vào việc gì là do thí chủ, ban đầu có phân định vậy.

Nhà chùa làm ruộng, phải cùng làm "ăn chia" với tịnh nhơn. Tăng cung cấp trâu và đất, ngoài ra không biết các việc khác. Nếu vì lòng tham, không cùng với cư sĩ làm, tự mình thuê người, coi ngó việc cấy cày thì Bí-sô hộ trì giới không nên ăn nuốt miếng ăn như vậy. Tăng tự làm lụng, nuôi thân bằng tà mạng, sai khiến người làm thuê, nóng giận là điều không tránh khỏi. Phá hoại hột giống, cày phá đất đai, tổn hại trùng kiến. Mỗi ngày ăn không quá một thăng, ai là người phải chịu trăm lỗi. Kẻ sĩ có khí tiết phải tránh những phiền phức như vậy. Người cầm trượng mang bát, xa tránh đường đời, riêng ở nơi rừng sâu vắng vẻ, sống cùng chim thú hươu nai, cắt đứt vấn đề ồn ào danh lợi, tu tịch diệt Niết-bàn. Nếu vì chúng Tăng, kinh doanh cầu lợi, điều đó thì luật cho phép, còn cày đất hại mạng, giáo môn đâu hứa khả, tổn hại loài trùng, thì trở ngại đạo nghiệp, nhận lấy điều sai lầm tội lỗi vậy.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI BỐN

---o0o---

1 Y ở đây nên hiểu là vải.

2 Tứ phần luật 39, phần thứ ba Kiền-độ y, tr. 850a24, Đại 22n1428.

3 Y cầu nguyện: Vải lượm từ bãi tha ma đem về chia giữa các Tỳ-kheo, do có giao ước trước. (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

4 Tứ phần luật 39: Có số đông cư sĩ tụ họp nơi gò mả, cởi y bỏ một đống, để chôn người chết. Tỳ-kheo trì phấn tảo thấy, tưởng y phấn tảo, nên lấy đi.

5 Y tạp toái 雜碎衣Â: Do số mảnh cắt ra để may nhiều nhất, nên gọi tên như thế. Nhưng cách giải thích này chưa thoả đáng; phải có nghĩa là nhặt nhiều mảnh vải rách khâu lại thành y mới, tức là y phấn tảo.

6 Cà-sa 袈裟履: Pāli. kāsāya, y màu vàng nâu, y hoại sắc.

7 Man y 縵衣Â: Skt. Patta, y trơn, không cắt rọc.

8 Tăng-cước-kỳ: Xem cht. 40, Trùng trị q.9 (bản Việt).

9 Ngũ bách vấn kinh: 1. Phật thuyết Mục-liên vấn giới luật trung ngũ bách khinh trọng sự (1 quyển), mất tên người dịch, tr. 972, Đại 24n1483; 2. Phật thuyết Mục-liên vấn giới luật trung ngũ bách khinh trọng kinh (2 quyển, biệt bản), mất tên người dịch, tr. 983, Đại 24n1483.

10 Kim-sí điểu 金翅鳥: là loài chim thù thắng nhất trong loài chim Kim-sí. Chim này do nghiệp báo nên ăn được các loài rồng.

11 Tứ phần luật 51, 52, phần thứ tư Kiền-độ Tạp, tr. 945a21, 951c21, Đại 22n1428.

12 Tứ phần luật 42, phần thứ ba Kiền-độ thuốc, tr. 870b25, Đại 22n1428.

13 Thời dược 時藥: chỉ thực phẩm chính, ngũ cốc và cá, thịt, không được trữ dùng sau đứng bóng.

14 Phi thời dược 非時藥: được trữ dùng sau ngọ.

15 Thất nhật dược 七日藥ß: thuốc chỉ được phép trữ dùng trong vòng bảy ngày.

16 Tận hình thọ dược 盡形?壽藥: thuốc trữ dùng cho đến hết đời.

17 Nước Xá-lâu-già 舍樓伽: Pāli. Sālūkapāna, Thiện kiến luật 17, Kiền-độ thuốc, tr. 795b17, Đại 24n1462: Xá-lâu-già, là dùng ngó sen xanh (Uppala), ngó sen trắng (Kumuda) giã nát lọc lấy nước trong, gọi là Xá-lâu-già (nước ngó sen).

18 Bà-lâu-sư 婆樓師Å: Pāli. Phārusaka. Thiện kiến luật 17, Ba-lâu-sư giống như trái Am-la (Pāli. Amba – quả xoài).

19 Tứ phần luật 43, phần thứ ba Kiền-độ thuốc, tr. 875a18, Đại 22n1428.

20 Sang tịnh 瘡淨.

21 Tứ phần luật 43, tr. 876b12: Bấy giờ, các Tỳ-kheo ăn xong, nhận được thức uống, trong đó có ngó sen, gốc sen... có thể ăn được, đến các Tỳ-kheo làm pháp dư thực. Vị kia ăn một phần hoặc ăn hết. Các Tỳ-kheo nghĩ: "Lúc lúa gạo quí, mong đức Thế Tôn cho chúng ta ăn rồi nhận được nước, trong đó có thức ăn như vậy, không tác pháp dư thực mà được ăn". Bạch Phật, Phật dạy: "Khi lúa gạo quí, ăn xong nhận được nước, trong đó có thức ăn như vậy, không làm pháp dư thực vẫn được ăn."

22 Tứ phần luật 49, phần thứ ba Kiền-độ Tỳ-kheo-ni, tr. 928a, Đại 22n1428.

23 Đoạn này ngài Trí Húc trích dẫn thiếu (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 14, tr. 456c14, Vạn 40n719). Tứ phần luật 52, phần thứ tư Kiền-độ tạp, tr. 957a1, Đại 22n1428: ...Có vị không biết thức ăn cúng dường nơi Tháp rồi, ai thọ nhận dụng. Phật dạy: "Tỳ-kheo, Sa-di, Ưu-bà-tắc, hay người xây dựng ăn thức ăn cúng dường ấy."

24 Tam đức lục vị: Tam đức, là mền gọn, thanh tịnh, như pháp. Lục vị là đắng, chua, cay, ngọt, mặn, nhạt.

25 Thạch mật: Skt. Phāṇita, đường mía hay mật mía.

26 Tứ phần luật 49, phần thứ ba Kiền-độ pháp, tr. 934c24, Đại 22n1428.

27 Tứ phần luật 52, phần thứ tư Kiền-độ Tạp, tr. 594c03, Đại 22n1428.

28 Tứ phần luật 41, phần thứ ba Kiền-độ y, tr. 861b21, Đại 22n1428.

29 Tứ phần luật 50, phần thứ tư Kiền-độ phòng xá, tr. 937a28, Đại 22n1428.

30 Tứ phần luật 50, phần thứ tư Kiền-độ phòng xá, tr. 937b06, Đại 22n1428.

31 Ý đoạn văn này ngài Trí Húc trích dẫn thiếu chữ nên Dịch giả chuyển ngữ chưa rõ nghĩa, Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 14, tr. 459b14, Vạn 40n719:作幖幟作如水灑地標識(幖幟),作輪幖幟. Tứ phần luật 50, tr. 938a01: ... cho phép làm như giọt nước rơi trên mặt đất, hay làm như viên phân trâu, hoặc làm cái bánh xe... 聽作如水涕灑地幖幟,作牛屎摶幖幟,作輪幖幟.

32 Tứ phần luật 41, phần thứ ba Kiền-độ y, tr. 859b, Đại 22n1428.

33 Từ đoạn này là Phần thứ tư Kiền-độ Tạp, Tứ phần luật 51, tr. 945a27, Đại 22n1428.

34 Bản Trùng trì in nhầm tên kinh này (Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 14, tr. 460a08, Vạn 40n719). Đính chính: Kinh Đắc đạo thê đẳng tích trượng 得道梯橙錫杖經, 1 quyển, mất tên người dịch, tr. 724a22, Đại 17n785.

35 Tứ phần luật 41, phần thứ ba Kiền-độ y, tr. 864a06, Đại 22n1428.

36 Tứ phần luật 58, phần thứ tư Tỳ-ni tăng nhất, tr. 999b06, Đại 22n1428.

37 Tứ phần luật 49, phần thứ tư Kiền-độ pháp, tr. 930c19, Đại 22n1428.

38 Tướng luân 相輪: còn gọi là luân tướng, chỉ cửu luân (chín vòng) ở trên đỉnh tháp. Tướng là biểu tướng, biểu tướng cao vượt hẳn ra gọi là tướng.

39 Thần Châu 神d州Ý: Trâu Diễn (鄒衍 – khoảng 305-240 trước CN), tư tưởng gia thời Chiến Quốc đề xuất thuyết "Đại cửu châu" (chín vùng đất lớn), cho rằng Trung Quốc chia ra 9 châu, 9 châu ấy hợp lại gọi là "Xích Huyện Thần Châu" (赤縣神d州Ý), đây là cách suy đoán địa lý thế giới lúc ấy. Nhân đó hậu thế gọi Trung Quốc là Thần Châu.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 15

I. PHÁP A-LAN-NHÃ

Phần thứ ba1 nói:

Sáng sớm rửa tay, lấy y giũ bụi, mặc y đại vào, trùm đầu hoặc phủ vai. Rửa bát, bỏ bát vào đãy. Lấy guốc dép, cầm gậy. Đem chìa khóa ra khỏi phòng, đóng cửa, xô thử cửa xem khóa có chắc không. Nếu chưa chắc khóa lại cho chắc, chắc rồi nên lấy dây cột vào trong. Xem bốn phía nếu không có ai thấy

thì giấu cái chìa khoá cửa vào chỗ nào đó. Nếu có người thấy thì giấu chỗ khác hay là cầm đi theo. Trên đường đi nên thường tư duy pháp lành. Nếu gặp người nào nên hỏi chào trước và chúc phúc lành cho họ. Muốn vào xóm làng phải để bình bát xuống đất, mặc đại y vào, cởi guốc dép, cầm gậy gởi bên xóm. Khi vào xóm làng nên để ý chỗ đường hẻm hay chỗ đất trống, hoặc chợ, hoặc cửa ngõ, tướng đống rác... để khi đi ra khỏi lộn đường. Khi vào nhà bạch y nên để ý cửa thứ nhất cho đến cửa thứ bảy. Nếu muốn sửa y thì nên xoay vào vách. Tay bên tả cầm bát, tay bên hữu cầm gậy. Không nên đứng giữa đường, không nên đứng chỗ vắng, không nên đón lấy vật thực. Trường hợp có người kêu thì nên đến. Nhận đồ ăn khô đồ ăn ướt không nên để chung một chỗ. Nếu chỉ có một bát thì nên dùng vật gì để ngăn cách, hoặc lá cây hay vỏ cây, hoặc một ngăn trong bát, hoặc bát lỡ hay bát nhỏ. Bánh bún nên dùng khăn tay trùm lại. Không nên chọn nhà giàu mà xin, không nên nài nỉ xin cho được. Nếu biết sẽ nhận được thì nên đợi. Khất thực xong ra khỏi thôn xóm, đứng bên đường để bát xuống đất, xếp đại y, trùm trên đầu, phủ trên vai. Khi đi đường tư duy thiện pháp. Thấy người nên hỏi chào trước và chúc phúc cho họ. Đến chỗ thuận tiện thì ăn, quét đất cho sạch. Đồ đựng nước, đồ đựng thức ăn, ghế ngồi, đá rửa chân, gáo múc nước, khăn lau chân... chuẩn bị đầy đủ. Nếu có vị Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã khác đến nên ra ngoài ngõ nghinh đón, rước bình bát, mời ngồi, trao đồ đựng nước v.v... cho đến bột đậu để rửa tay. Đồ ăn còn, nếu có bọn giặc đến nên cho họ ăn, tiếp đến trao nước cho họ uống. Kế đến Tỳ-kheo A-lan-nhã trao thức ăn cho vị kia. Khi ăn nên xem xét, cung cấp những vật cần dùng: Muối, đậu, rau, nước, quạt. Nếu gần quá ngọ nên cùng ăn. Ăn xong rửa bát, rửa tay. Nếu thức ăn còn nên để chỗ riêng sạch sẽ, hoặc cho người khác hay là phi nhơn v.v... Rửa đồ đựng thức ăn dư nếu có, sắp xếp ghế ngồi các thứ để lại chỗ cũ, quét sạch chỗ đất vừa ăn đó. Nếu có bọn giặc đến nên nói: "Đây là nước, đây là nước rửa chân, đây là thức ăn, vì các ông nên để riêng sạch sẽ đó, cần dùng thì các ông cứ dùng". Tỳ-kheo A-lan-nhã nên biết thời tiết ban đêm, phương hướng tinh tú. Không nên trải ngọa cụ tốt để ngủ. Đầu đêm và sau đêm nên cảnh tâm tư duy.

Khi Tỳ-kheo ăn, nếu có người hay phi nhơn nên cho họ ăn, cho đến chỉ một nắm, một vắt.

Luật Căn bản nói:

Thích tử xuất gia, đam mê nơi tài lợi, của cải, tạp vật, không thể thấy được sự thật của sự vật. Phaät bảo các Tỳ-kheo: "Tôi muốn an cư nơi đây ba tháng. Trong ba tháng đó an tịnh, đừng cho Tỳ-kheo nào gặp tôi, trừ vị thị

giả đem cơm và ngày trưởng tịnh". Khi ấy, các Tỳ-kheo kính cẩn thọ lời của Phật dạy. Trong chúng cùng nhau lập quy chế: "Không ai tự tiện diện kiến đức Thế Tôn. Nếu trái phạm thì phạm tội đọa phải sám hối". Khi ấy, có Tỳ-kheo tên là Tiểu Quân tiền an cư nơi thành Vương Xá, đức Thế Tôn thì hậu an cư. Do vậy Tiểu Quân an cư ba tháng xong, tự tứ rồi, may y xong, chấp trì y bát, thuận theo hạnh đầu-đà, cùng các môn đệ, đoan nghiêm chỉnh túc, đi thẳng đến chỗ Phật ở, gõ cửa nhẹ nhàng. Phật cho phép mở cửa, Tiểu Quân vào lễ Phật rồi ngồi. Đức Phật an ủi hỏi:

- Với ý nghĩ nào Tiểu Quân tự trang nghiêm, đoan nghiêm nhiễu quanh?

Tiểu Quân thưa:

- Bạch Đại đức, nếu có người đến, muốn cầu xuất gia, con liền nói rằng: Ông là người trai lành nên ở nơi A-lan-nhã nên khất thực, chỉ thọ ba y, y phấn tảo, ngồi dưới gốc cây. Con khen ngợi những việc như vậy. Nếu người ấy nói: Có thể thực hành được, con độ họ xuất gia. Nếu họ nói: Không thể thực hành được, con bảo họ tùy ý đi. Nếu họ muốn thọ giới Cụ túc, hoặc cầu y chỉ, hoặc cầu đọc tụng, hoặc học như lý, tác ý cầu sự, yên lặng tư duy; họ đến cần cầu con, con đều bảo họ như vậy. Do nhân duyên ấy mà thân con đoan nghiêm, môn đồ của con cũng vậy.

Đức Phật nói:

- Như vậy hay lắm, Tiểu Quân! Ông có thể độ vô lượng nhơn thiên, lợi lạc vô biên. Các loại hữu tình đến cầu Chánh pháp làm cho họ được sự an lạc. Tiểu Quân nên biết: Khen ngợi công đức của hạnh đầu-đà tức laø khen ngợi thân của Như Lai. Chê bai công đức đầu-đà tức là chê bai thân của Như Lai. Tại sao vậy? Như Lai suốt trong sanh tử xưng dương vấn đề then chốt để xuất thế này đây. Song ông không nên làm trái với mệnh lệnh của Tăng.

Tiểu Quân bạch Phật :

- Con thật sự không biết Tăng-già ở nơi đaây đã ra mệnh lệnh thế nào?

Đức Phật nói điều đó. Tuy nhiên Ngài dạy:

- Không luận khách hay chủ, Tăng lập quy chế đều phải tuân theo. Song Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã đem lại sự nhiêu ích nên khỏi phải y theo Tăng chế.

Họ muốn yết kiến tôi (Như Lai) không luận lúc nào, tùy ý họ cứ đến. Tiểu Quân nghe xong hoan hỷ phụng hành, lễ Phật lui ra.

Sáu chúng Bí-sô (lục quần Tỳ-kheo) liền đến chỗ của Tiểu Quân gạn hỏi vấn đề đã phạm. Tiểu Quân trình bày đầy đủ những lời Phật đã dạy. Lúc bấy giờ những người giòng họ Thích xuất gia đều nghĩ rằng: Tiểu Quân đến yết kiến liền được chấp thuận, trực tiếp thưa hỏi đức Như Lai. Chúng ta ở nơi đây lại không thể được điều ấy. Do ta nhiều tham, Phật loại bỏ ta ra. Chúng ta nên xem tất cả y bát dư v.v... như bệnh hoạn, như ung thư, như thiêu đốt, nên đem nó bỏ hết mới được. Liền đem các vật ấy đến chỗ ông
A-nan. Tôn giả A-nan bạch Phật, Phật bảo Tôn giả A-nan nhận hết, đem để trong một phòng lớn và bảo các Tỳ-kheo nếu có thiếu thốn tùy ý lấy dùng. Các Bí-sô giòng họ Thích bỏ y vật xong, liền đến chỗ đức Phật. Phật vì họ nói pháp khiến cho 500 vị giòng họ Thích ngay nơi chỗ ngồi tự chứng viên mãn, phá vỡ lưới vô minh, dứt lậu hoặc của ba cõi, thành quả vị A-la-hán, Tam minh Lục thông, thành tựu tám giải
thoát2. Biết được cái biết đúng sự thật : Sanh của ngã đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập xong, việc cần làm đã làm, không còn tái sanh. Lòng không chướng ngại, giống như lấy tay nắm rờ hư không, như lấy dao cắt mùi thơm, thương ghét không khởi nữa. Xem vàng và đất như nhau không hề sai khác. Đối với các danh lợi đâu không vất bỏ. Các cõi trời Đế Thích, Phạm Thiên, thảy đều cung kính.

Luật nhiếp nói:

Không phải người ngu si kham ở nơi A-lan-nhã. Dù không phải bậc đa văn, chỉ hiểu rõ giới tướng, cũng được ở nơi A-lan-nhã.

Luật Thập tụng nói:

Tỳ-kheo A-lan-nhã, có người đến, trước hết nên cùng nói chuyện với tâm hồn chánh trực, nhan sắc vui tươi, không nên xụ mặt xuống, nên nói: “Thiện lai”. Nên chứa lửa và dụng cụ lấy lửa; thức ăn, đồ đựng thức ăn, nước và đồ đựng nước, nước rửa chân và đồ đựng nước rửa chân, bình chứa nước sạch, bình nước thường dùng, lúc nào cũng có nước đầy. Nên biết mọi việc, biết ngày tháng, biết giờ giấc, biết tinh tú. Nên tụng kinh, luật, luận, nên lý giải, nên biết tứ thiền, tứ quả. Nếu chưa chứng được nên biết đọc tụng. Không nên chứa nhật châu, nguyệt châu (ngọc quý). Chỗ rừng sâu không có người, đáng sợ không nên ở.

Tỳ-ni tựa nói:

Tỳ-kheo ở một mình cho phép tâm niệm thuyết giới, tự tứ, thọ y, thọ thất nhựt, pháp thất nhựt dược, nhận sự thỉnh riêng một người và tịnh thí y, vật.

Luật Tăng kỳ ghi bài kệ:

Đức Thế Tôn trong trường hợp Ngài không ở với chúng mà ở một mình như sau:

"Nếu ta gặp bạn lành
Vui sống, ở, đồng hành
Đi khắp cùng đây đó
Lòng ta trọn đạo tình.
Không gặp bạn hiền lương
Một mình chẳng vấn vương
Lánh xa thôn xóm ấp
Vô sự tợ voi rừng."

Luật Căn bản ghi bài kệ của Tôn giả Đại Ca-diếp như sau:

"Ngày ăn một bát đủ no,
Đêm nằm giường chõng khỏi lo điều gì.
Ấm thân tri túc ba y,
Giũ tâm thanh tịnh ngu si dứt trừ."

Luật tứ phần ghi bài kệ của Tỳ-kheo Bạt-đà-tử cảnh giác ngài A-Nan như sau:

"Lặng mình dưới gốc cây
Suy nghĩ đạo vô vi
Thiền định chớ buông lung
Nói nhiều có ích gì?"

---o0o---

II. PHÁP ĐẠI CHÚNG HỘI HỌP

Phần thứ ba3 nói:

Chúng Tăng bị phá vỡ, hòa hợp phi pháp, ngồi sao cho không phát sanh sự dữ của thân và khẩu. Sự việc giải quyết xong, như pháp hòa hợp, nên ngồi chỗ ngồi cách khoảng một người4.

Phần thứ tư5 nói:

Khi bàn luận về pháp luật, cách nhau 3 tuổi hạ, cho phép cùng ngồi trên giường cây, cách nhau 2 tuổi cho phép cùng ngồi trên giường dây.

Tỳ-kheo đến trong Tăng có năm pháp:

1) Nên dùng từ tâm.

2) Nên tự khiêm tốn, coi mình như khăn lau.

3) Ngồi đứng đúng lúc, thấy Thượng tọa không nên ngồi yên, thấy Hạ tọa không nên đứng dậy.

4) Không nên bàn tạp về thế sự. Nên tự nói pháp hay mời người khác nói pháp.

5) Nếu thấy trong Taêng có việc không hay, lòng mình không thể nhẫn, nên mặc nhiên. Tại sao vậy? Sợ Tăng chia rẽ vậy.

Luật Ngũ phần nói:

Vào trong Tăng nên áp dụng năm pháp:

1) Khiêm tốn.

2) Từ tâm.

3) Cung kính.

4) Theo thứ lớp ngồi.

5) Không luận bàn việc khác.

Căn bản tạp sự nói:

Bí-sô tuổi nhỏ nên gọi vị lớn tuổi là Đại đức. Vị lớn tuổi gọi vị nhỏ tuổi là Cụ thọ.

---o0o---

III. PHÁP CHIA VẬT

Phần thứ ba6 nói:

Hiện tiền Tăng được nhiều y vật có thể chia, nên bạch nhị Yết-ma sai một người phân chia.

Một Tỳ-kheo ở riêng, được y vật có thể chia, hoặc có khách Tỳ-kheo đến, bốn người trở lên, nên đem y ấy cho một Tỳ-kheo bảo họ Bạch nhị yết-ma mà phân. Nếu hai người, ba người nên đối thú, cùng nói tam ngữ trao cho. Nếu một người thì tâm niệm miệng nói: "Đây là phần của tôi".

Trú xứ có Tỳ-kheo hay là tưởng có Tỳ-kheo, muốn chia riêng rẽ, thì không thành chia, mắc tội Đột-kiết-la. Tưởng là không Tỳ-kheo, thì không thành chia, không phạm.

Không Tỳ-kheo, tưởng có Tỳ-kheo và nghi đều thành chia, mắc tội Đột-kiết-la. Tưởng là không Tỳ-kheo thì thành chia, không phạm ...

Vấn đề thọ y: thành, không thành, phạm, không phạm cũng vậy...

Có nhiều Tỳ-kheo tri thức viên tịch, có nhiều Tăng-già-lam, vườn, ruộng, cây trái, phòng riêng và đồ vật, bình đồng, chậu đồng, búa, đục, đèn, vật quý trọng, giường, nệm, gối v.v... có nhiều người dân ở trong già-lam để trông coi, xe cộ, vò chum tắm, tích trượng, quạt, đồ làm việc, y bát, ngọa cụ, ống đựng kim bằng tre, không biết giải quyết cách nào. Phật dạy: Dù nhiều tri thức hay không tri thức, tất cả đều thuộc về Tăng. Y, bát, ngọa cụ, ống đựng kim, nên chia cho hiện tiền Tăng. Ngoài ra, đều thuộc về tứ phương Tăng, không nên chia.

Hai bộ Tăng, nhận được nhiều y vật có thể chia, cho đến chỉ có Sa-di-ni, cũng nên chia làm hai phần. Nếu không có Sa-di-ni, Tỳ-kheo Tăng nên chia. Nếu không có Sa-di, Tỳ-kheo-ni Chúng nên chia.

Nếu Tỳ-kheo mạng chung nơi không có Tỳ-kheo, thì Ưu-bà-tắc nơi đó, hoặc người giữ vườn nên cất giữ, đợi người của năm chúng xuất gia đến trao cho họ. Nếu không có ai đến thì nên đem đến Tăng-già-lam nào gần nhất giao.

Các Tỳ-kheo xả y dư, nên thí cho Tăng, hoặc thí cho Phật, Tháp, không nên cho bạch y và ngoại đạo.

Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa cũng nên chia phần. Trường hợp bị Yết-ma ha trách v.v... có thể để dưới đất cho, hay sai người cho.

Nếu có nhờ cậy người bạch y giúp việc nên tính công ít nhiều cho họ bằng cách cho họ ăn hay tiền bạc.

Tỳ-kheo bệnh viên tịch, dùng y bát, ngọa cụ, ống đựng kim, Bạch nhị yết-ma, cho người chăm sóc bệnh. Nếu người có ba y nhiều nên cho người thiếu thốn để họ dùng. Nên nhận xét nếu vị chăm sóc bệnh tốt thì cho ba y tốt. Nếu chăm sóc bệnh vừa thì cho ba y vừa. Nếu chăm sóc bệnh thường thì cho ba y thường.

Tỳ-kheo mạng chung nếu mắc nợ người, cho phép đem y dư bán để trả nợ. Nếu không có y dư thì bán ba y để trả. Số tiền ấy có dư thì cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh nên hỏi Tỳ-kheo bệnh: y nào thuộc về ba y, y nào thuộc về y dư. Ngài có mắc nợ ai không? Có ai mắc nợ ngài không? Ngài nên cho ai? Nếu không hỏi thì như pháp trị.

Có Tỳ-kheo đã kiết hạ an cư ở chỗ này rồi lại đến chỗ khác an cư. Ở trú xứ nào nhiều ngày thì nhận vật an cư ở trú xứ đó (đây là nói trường hợp có nhân duyên thọ pháp quá bảy ngày rồi trở về lại chỗ cũ vậy). Nếu ở hai trú xứ thời gian bằng nhau, cho phép nhận mỗi trú xứ phân nửa (đây là nói trường hợp có nhân duyên, 40 ngày mà không trở lại nơi thọ an cư trước, không gọi là phá hạ vậy...).

Không nên thọ y phần an cư nơi trú xứ này rồi lại thọ y phần an cư nơi trú xứ khác nữa.

Hạ an cư chưa chia y vật, có việc cần đi, nên dặn người nhận phần của mình, Tăng nên trao cho người đó. Nếu không dặn hoặc dặn không rõ, hay người được dặn lại quên đều không phải lỗi của Tăng.

Trong khi an cư Tỳ-kheo viên tịch, có nhiều y vật, nên chia cho hiện tiền Tăng, không nên để qua mùa an cư.

Đàn-việt muốn cúng tháp, cho đến mở hội v.v... hiện tiền Tăng nhận được nhiều y vật phân chia, không nên giữ lại. Đây là y phi thời nên chia.

Tỳ-kheo ở một mình một trú xứ, hạ an cư nhận được nhiều y vật, Tỳ-kheo kia nên tâm niệm: "Đây là vật của tôi". Thọ hoặc không thọ, Tỳ-kheo khác đến không nên chia phần.

Trường hợp nhận được nhiều y vật, sau đó Tăng bị phá, nên hỏi Đàn-việt, tùy theo lời yêu cầu của họ mà chia. Nếu Đàn-việt nói: "Không biết", hoặc nói "cho đều" thì nên chia làm hai phần.

Các Tỳ-kheo nhận được nhiều y vật, hoặc có Tỳ-kheo từ bộ này đến bộ kia, không nên chia phần.

Có Tỳ-kheo đến bộ kia, trên đường đi chưa đến mà viên tịch, thì y bát nên giao cho trú xứ họ muốn đến.

Tỳ-kheo bị cử qua đời, y bát giao cho cộng đồng Yết-ma Tăng cử .

Hỏi: Luật Tăng kỳ, trong pháp trị tội, nói: Vô thường đến với người bị cử, y bát không nên chia, nên vất bỏ. Nay nói Tỳ-kheo bị cử qua đời, y bát giao cho cộng đồng Yết-ma Tăng cử. Trường hợp này nên theo bên nào?

Đáp: Ý luật Tăng kỳ chỉ cho hạng người không bỏ các ác kiến còn nơi đây thì chỉ chung cho tất cả các tội được cử. Hai bên không trái nhau, đều có thể theo vậy.

Trường hợp Tăng bị phá thành hai bộ, Đàn-việt thỉnh đến một địa điểm cúng dường cơm, y và tơ lụa, nên tùy theo ý kiến của Đàn-việt mà phân phối.

Trường hợp Tăng nhận được y an cư rồi bị phá làm hai bộ, nên đếm số người nhiều ít mà phân. Nếu chưa nhận được y an cư mà Tăng bị phá cũng nên đếm số người nhiều ít mà chia. Nếu được y mùa hạ hay chưa được y mùa hạ, mà đi đến các bộ khác đều nên chia phần.

Có tám cách thí y:

1) Thí cho Tỳ-kheo Tăng.

2) Thí cho Tỳ-kkeo-ni Chúng.

3) Thí cho hai bộ Tăng.

4) Thí cho tứ phương Tăng.

5) Thí cho Tăng cùng một giới.

6) Thí cho Tăng cùng một Yết-ma.

7) Thí riêng từng vị có tên.

8) Thí một người.

Tùy theo sự bố thí mà phân bố.

Phần thứ tư7 nói:

Vật của tứ phương Tăng không nên chia, không nên đem về cho mình, không nên mua bán, cũng không phải vật để Tăng được bán, nhiều người hay ít người đều không nên bán. Nếu ai đem làm của riêng hoặc chia, hoặc bán, đều không thành của riêng, không thành chia, không thành mua bán, phạm tội Thâu-lan-giá.

Thế nào gọi là vật của tứ phương Tăng? – Hoặc Tăng-già-lam, vật của Tăng-già-lam, phòng xá, vật của phòng xá, bồn, âu, búa, lu, đèn tạ, các tạp vật quan trọng: giường dây, giường cây, ngọa cụ, tre
cây... đều không nên chia. Cho phép chia bông và trái, hoặc bông hoa dâng cúng Phật.

Đất của Tăng mà làm phòng riêng, nếu có khách Tỳ-kheo Thượng tọa đến nên nhường cho khách, đất của Tăng đem làm của riêng mình là điều vô lý.

Vì Tăng chia cháo, theo năm cách sau đây thì vào địa ngục như tên bắn: có ái, có sân, có sợ, có si và không biết ai đã chia, ai chưa chia. Có 5 cách chia cháo được sanh lên cõi trời nhanh cũng như tên bắn: không ái, không sân, không sợ, không si và biết người đã chia, người chưa chia. Cho đến sai Sa-di làm sứ giả cũng như vậy.

Luật Tăng kỳ nói:

An cư nơi trú xứ khác không được nhận y phần nơi chỗ này. Trọng tâm an cư nơi trú xứ nào thì nhận y phần nơi trú xứ đó, trừ mạng nạn, phạm hạnh nạn.

Có năm trường hợp không nên chia y an cư:

1) Người bị cử. Tức là trong ba kiến, mỗi một kiến nào không chịu bỏ, bị cử tội tác Yết-ma (chỉ trừ trường hợp không bỏ ác kiến, còn bất kiến tội, bất sám hối hay Yết-ma quở trách v.v... đều có thể để dưới đất cho họ hay sai người cho vậy).

2) Kẻ thôi tu. Nếu họ dựa vào quyền lực của vua, đại thần hay dùng thế lực của bọn cướp đến đòi, không đưa họ gây tai hại thì nên đưa cho họ.

3) Người mạng chung. Nếu y an cư đã tập trung tuy chưa chia, vị ấy sắp mạng chung, có dặn vị nào đó nhận thì sau khi họ mạng chung nên giao cho người được nhờ nhận giùm.

4) Người phá an cư. Không tiền an cư, không hậu an cư.

5) Đi vắng. Đi vắng mà không dặn nhờ người nhận giùm phần của mình.

Nếu Tỳ-kheo tuy không an cư nơi trú xứ này, nhưng mà Đàn-việt vì họ lập trai nghi cúng dường thì nên chia phần cho vị ấy. Nếu nhà thí chủ muốn cúng chung cho các Tỳ-kheo thì tùy theo ý của Đàn-việt mà chia.

Có bốn loại vật tùy theo lời nói của Đàn-việt, thuộc về hiện tiền Tăng:

1) Tôi bố thí y.

2) Tôi bố thí theo giá trị của y.

3) Tôi bố thí vật.

4) Tôi bố thí theo giá trị của vật.

Lại có 10 loại thu nhận, thuộc về hiện tiền Tăng:

1) Thời dược (bữa cơm chính).

2) Dạ phần dược (nước uống bữa chiều).

3) Thất nhật dược (vật thực dùng bảy ngày).

4) Tận thọ dược (thuốc uống trọn đời).

5) Vật của Tỳ-kheo viên tịch.

6) Cúng cho trú xứ (chùa).

7) Đại hội.

8) Y phi thời.

9) Vật lặt vặt (tạp vật).

10) Mời ăn.

Sa-di qua đời, vật thuộc về Hòa thượng của họ.

Luật Ngũ phần nói:

Sa-di qua đời, vật của họ hiện tiền Tăng chia.

Hỏi: - Vật của Sa-di qua đời, theo luật Tăng kỳ và Ngũ phần, hai thuyết trái nhau, nay nên theo bên nào?

Đáp: - Nếu Sa-di qua đời, do Hòa thượng nuôi dạy thì nên theo Luật Tăng kyø. Còn Sa-di đã sống lâu với Tăng, lợi dưỡng cùng Tăng thì nên theo luật Ngũ phần, mỗi bên có một ý nghĩa của nó.

Luật Thập tụng nói:

Sa-di dữ học (Tỳ-kheo thọ pháp học hối Ba-la-di) nên chia phần ngang với đại Tỳ-kheo.

Tỳ-ni tựa nói:

Tỳ-kheo mượn vật của Tháp, của tứ phương Tăng dùng, sau khi qua đời dùng vật y bát của vị đó, tính theo giá tương xứng trả lại, còn thừa ra thì Tăng nên chia. Vật y bát của Tỳ-kheo, mượn dùng cho Tháp, dùng cho tứ phương Tăng, sau khi vị ấy qua đời, dùng vật của Tháp, Tăng tính theo giá hoàn trả lại. Hiện tiền Tăng nên chia của ấy.

Căn bản tạp sự nói:

Nếu Tăng nhận được một cái bánh nhỏ chỉ bằng cái lá cây, cũng cùng nhau chia đều cho chúng. Nếu nhận được y (vải) chỉ đủ làm tim đèn, chúng cũng cùng nhau chia. Nếu được bạch điệp quý giá thì bán lấy tiền rồi cùng nhau chia.

Ny-đà-na nói:

Bí-sô viên tịch nơi trú xứ Ni, y bát nên trả lại cho Bí-sô. Bí-sô-ni viên tịch nơi chùa Tăng, y bát nên hoàn lại cho Ni. Nếu địa phương không có Bí-sô thì Ni nên nhận. Nếu địa phương không có Ni chúng thì Bí-sô nên lấy.

Có boán loại vật không được chia:

1) Vật của tứ phương Tăng.

2) Vật của Tốt-đổ-ba (Tháp).

3) Thuốc chữa bệnh.

4) Tài sản của chùa (trú xứ).

Ngày đại hội nhận được nhiều tài vật quý báu, dựa vào tổng số nhận được, chuẩn theo pháp bình đẳng mà phân chia. Nếu chúng nhiều thì cứ mỗi ngàn người một phần. Trong mỗi ngàn người đó tự chia với nhau. Hoặc là 100 người, 30 người, 10 người làm một phần, bảo họ tự chia cho nhau. Trong 10 người, có một người qua đời, sau khi vừa chia xong thì phần của vị ấy nên nhập vào Tăng-già. Trường hợp chưa chia mà một vị qua đời thì nên chia làm 9 phần cho chín vị mà thôi. Số lượng nhiều cũng chuẩn theo như vậy giải quyết.

Mục-đắc-ca nói:

Không nên đem vật ở trú xứ này cho trú xứ khác. Vật ở đâu thì dùng ở đó. Nếu mình cho riêng thì tính đúng giá hoàn trả lại. Nếu không trả lại thì mình mắc tội trọng Việt pháp.

Tăng không nên nhận ba y của Tỳ-kheo bệnh. Giả sử nhận không nên phân tán, nếu thấy thiếu phải tìm lại cho đủ.

Có người bố thí tài vật cho Tăng, Ni hai chúng, nên hỏi người thí chủ tùy theo đó mà phân chia.

Lợi vật của hai chúng nên chia bình đẳng. Sa-di, Sa-di-ni ba phần cho một (1/3). Thức-xoa và người muốn thọ giới thì hai phần cho một (1/2).

Mời Bí-sô và Ni ăn cơm và cúng đồ vật, tính theo số người chia, không nên chia hai.

Khi lập pháp hội, nhận được đồ vật cúng dường, cũng nên chia cho Ni chúng.

Nếu bổn ý của thí chủ, chỉ cúng cho người ở trong chùa này, không gồm những người ở nơi khác, nhưng nếu khách Tăng có đến thọ trai, thì phải tính theo giá trị của vật mà đưa cho họ.

Luật nhiếp nói:

Người an cư có duyên sự đi ra ngoài, có dặn nhờ người nhận phần rồi đi thì nên chia phần cho vị ấy. Nếu không dặn thì không nên chia. Nếu mình nhận lời nhận giùm mà không nhận thì nên lấy phần của mình mà bồi thường cho vị ấy. Bí-sô nào viên tịch, nếu có Bí-sô đến kịp trong năm giai đoaïn sau đây thì nên chia phần:

1) Khi đánh kiền chùy.

2) Khi tụng Tam khải vô thường kinh8.

3) Khi lễ Chế-để (Tháp).

4) Khi hành trù (kiểm Tăng số).

5) Khi tác bạch.

Nếu chúng không tập hợp, hoặc không có người bỉnh pháp9 thì nên làm pháp sơ hậu. Pháp sơ hậu tức là lấy một vật nhỏ của vị viên tịch, hoặc 2 tiền v.v... đem đến đối trước vị Thượng tọa lớn nhất và vị Hạ tọa thấp nhất (nhỏ nhất) trao cho hai vị ấy, dùng làm định ký. Sau đó, Tăng hiện tiền như thường pháp cùng nhau phân chia, khỏi phải tác pháp. Nếu làm pháp sơ hậu rồi, có người đến, không nên chia phần. Nếu bốn giai đoạn trước có mặt, giai đoạn thứ năm không có cũng nên chia phần. Nếu tác bạch rồi, mà hiện có mặt ở trong cương giới cũng nên chia phần, cùng nhau thọ lợi. Nếu không tác bạch, không làm pháp sơ hậu thì tất cả hàng Thanh văn đệ tử của đức Thế Tôn hiện có trong cõi Nam Thiệm-bộ châu, hoặc ở các nơi khác, thảy đều có phần. Kinh điển thì không nên chia, nên để nơi thư viện, cho tứ phương Tăng cùng đọc tụng. Ngoài ra, sách vở thường thì nên bán, hiện tiền Tăng nên chia. Nếu có vật gì ghi chép nơi sổ sách (bằng khoán) có thể đòi được liền chia cho Tăng. Nếu chưa đòi được liền, thì cất bằng khoán đó nơi kho của Tăng. Sau khi đòi được sung vào tứ phương Tăng thọ dụng. Trong khi Bí-sô đang bệnh, nói như vầy: "Sau khi tôi qua đời, đem vật này cho người kia". Đó là pháp của thế tục, không thành lời di chúc. Vật ấy nên đem chia. Đối diện mà trao là đúng pháp. Tử thi của họ nên hỏa thiêu cúng dường, mọi việc tụng kinh xong xuôi, sau đó mới chia đồ vật. Trường hợp vật do người qua đời gởi ở đâu thì chuùng ở đó phân chia với nhau.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói:

Tỳ-kheo lúc sanh tiền có Kinh, Luật nên trao cho người có thể đọc tụng. Nếu không kịp trao thì hiện tiền Tăng nên trao cho người có khả năng đọc tụng chứ không nên chia để bán.

Hỏi: - Kinh, Luật, Luận của Tỳ-kheo qua đời, Luật nhiếp và Mẫu luận chủ trương không đồng, nay nên theo bên nào?

Đáp: - Kinh, Luận quý ở chỗ lưu thông đọc tụng, chỉ trừ vấn đề chia rồi bán là điều không nên. Ngoài ra tùy theo đó mà châm chước.

---o0o---

IV. PHÁP NÓI PHÁP

Phần thứ hai10 nói:

Cho phép nói nghĩa, khỏi phải nói đủ văn cú. Không nên hai Tỳ-kheo cùng ở trên một tòa cao nói pháp. Không nên trải tòa cao gần nhau nói pháp nghĩa, cùng nhau tìm tòi chỗ hay dỡ (trường, đoản). Không nên nói pháp bằng cách ngâm nga ca vịnh một cách quá đáng.

Thuyết pháp baèng ca vịnh có năm điều lỗi:

1) Tự sanh tâm tham đắm ái dục nơi âm thanh.

2) Người nghe sanh tâm tham.

3) Người nghe bắt chước theo.

4) Trưởng giả cơ hiềm sanh khinh mạn.

5) Tạo duyên ồn ào ở nơi tịch tịnh, làm rối loạn thiền định.

Phần thứ tư (luật Tứ phần) nói:

Nếu Tỳ-kheo nói pháp tương tợ văn cú, thì trái với pháp Tỳ-ni. Tỳ-kheo này làm cho nhiều người không được lợi ích, và tạo các nghiệp khổ, khiến Chánh pháp bị tiêu diệt. Nếu tùy thuận văn cú, không trái với pháp Tỳ-ni, Tỳ-kheo này làm cho nhiều người lợi ích, và không tạo các nghiệp khổ, khiến Chánh pháp lâu bền. Cho đến, nếu Tỳ-kheo, không phải Phật chế mà tự chế, còn Phật chế lại không áp dụng, như vậy lần lần khiến cho giới luật bị hủy báng, bị phá hoại, làm cho nhiều người không được lợi ích, và tạo nhiều nghiệp khổ, khiến Chánh pháp bị diệt. Nếu Tỳ-kheo không phải Phật chế thì không nên chế, còn Phật chế thì áp dụng, như vậy lần lần làm cho giới luật thành tựu, lợi ích nhiều người, và không tạo các nghiệp khổ, khiến Chánh pháp lâu bền. Vậy cho nên các ông, những gì không phải Phật chế thì không nên tự chế, những gì do Phật chế thì nên áp dụng, nên học tập và tùy thuận những giới do đức Phật chế.

Hỏi: - Nay căn cứ vào kinh Ngũ bách vấn cùng với các bộ luật, phần nhiều có sự trái nhau. Lại nữa, trong Bách Trượng thanh quy cũng rất trái với luật. Người đời sau làm theo, tránh khỏi tội phá hoại Chánh pháp không?

Đáp: - Chánh pháp bị hoại diệt, hoàn toàn do người học luật không thông suốt. Kinh Ngũ bách vấn chắc chắn do người đời sau phụ hội thêm vào, rõ

ràng có thể biết được. Còn Bách Trượng thanh quy, vì lâu ngày nên đã mất hết bổn ý của ngài Hoài Hải Thiền sư, đều là do hàng lưu tục Tăng quan trụ trì triều Nguyên thêm vào một cách sai lạc, vô căn cứ, lý lại không thông. Nay hạng người phụng hành đều do chưa am hiểu về Luật học vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Có bốn cách cần phổ biến rộng rãi:

1) Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy: Các Trưởng lão, tôi lúc..., nơi thành... nghe Phật dạy và thọ trì: "Đây là Pháp, đây là Tỳ-ni, đây là Phật dạy". Khi nghe vị ấy nói như vậy không nên hiềm nghi hay quở trách liền. Nên xét định văn cú rồi tìm hiểu, nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, so sánh và suy nghiệm pháp luật, nếu không tương ứng, sai trái đối với Chánh pháp thì nên bảo vị Tỳ-kheo kia rằng: "Những điều thầy nói không đúng như lời Phật dạy, Trưởng lão không nghiệm xét được lời Phật dạy. Tại sao vậy? Vì tôi đã tìm hiểu, đã nghiên cứu pháp luật thì không tương ứng với những gì Ngài đã nói. Trưởng lão không nên đọc tụng, cũng đừng dạy cho các Tỳ-kheo khác, ngài nên bỏ đi!" Nếu tìm hiểu nghiên cứu pháp luật thấy tương ứng thì nên nói: "Những gì Trưởng lão đã nói chính là lời Phật nói. Ngài đã nghiệm xét được lời Phật dạy. Tại sao vậy? Vì tôi đã tìm hiểu đã nghiên cứu pháp luật, thấy chúng tương ứng, không chống trái. Trưởng lão nên khéo thọ trì đọc tụng, và giáo hóa các Tỳ-kheo khác, đừng để cho vong thất". Đây là điều ban đầu cần phổ biến rộng rãi.

2) Lại nữa, nếu nói: Tôi ở nơi thôn thành... nghe bậc Thượng tọa ở trong Tăng hòa hợp nói: Đây là pháp v.v. cũng lại phải tìm hiểu, nghiên cứu, so sánh và nghiệm xét, nếu không tương ứng thì nói: "Đây không phải là lời Phật dạy. Tăng nơi đó và vị Thượng tọa không thẩm xét được lời Phật dạy, Trưởng lão cũng vậy..." cho đến câu: "Ngài nên bỏ đi". Nếu tương ứng thì nên nói: "Đây là lời Phật dạy. Tăng và Thượng tọa ở nơi kia cũng như Trưởng lão đã thẩm xét được lời Phật dạy..." cho đến câu: "Đừng để cho vong thất". Đây là điều thứ hai cần phổ biến rộng rãi.

3) Nếu nói: Từ nơi vị hiểu biết Kinh, Luật, Luận tạng, nghe nhiều Tỳ-kheo nói..." cũng như vậy.

4) Nếu nói: Nghe từ một Tỳ-kheo am hiểu Kinh, Luật, Luận tạng, nói ... cũng như vậy.

Luật Căn bản nói:

Chỗ để tòa sư tử của Thượng tọa nếu là nhất định thì nên làm chân bằng gạch, nếu chỗ để không nhất định, thì nên làm chân bằng gỗ. Pháp sư nhổ nước miếng nên để cái ống nhổ.

Xan lẫn giáo pháp mắc lấy năm điều tội lỗi thiệt hại:

1) Sanh ra đã bị mù.

2) Không có trí tuệ.

3) Xa lìa Phật pháp.

4) Có oan gia trong nhà.

5) Không vào được chánh vị, mạng chung đọa vào
địa ngục.

Tạp sự nói:

Dưới tòa sư tử nên làm cái bục bằng gỗ, hoặc dùng đá kê bốn chân tòa.

Luật nhiếp nói:

Có năm hạng người không nên vì họ nói tạng Tỳ-nại-da (Luật).

1) Tánh tình không có sưï hiểu biết, cố ý hỏi một cách khác lạ.

2) Không vì trừ nghi hoặc mà hỏi.

3) Hoặc hỏi thử để trêu lộng chơi.

4) Hoặc vì muốn làm phiền bận mà hỏi.

5) Hoặc vì xoi bói lỗi lầm mà hỏi.

Tuyên thuyết Thánh ngôn không vì cầu lợi dùng để nuôi sống. Nếu nói phi pháp, Thượng tọa phải ngăn chặn. Người nói pháp không nên lãnh nhiều đồ chúng để làm người tùy tùng. Họ tự đi theo thì không phạm. Bậc thầy thuyết pháp, nếu người kia không thỉnh, vội vã vì họ mà nói, mắc tội Việt pháp.

Luật Thập tụng nói:

Khi nghe pháp, Thượng tọa đến không nên khiến hạ tọa đứng dậy. Nếu hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) đến vì sự chí kính cho nên tự đứng dậy, người khác không được.

Có năm hạng người không nên vì họ nói Tỳ-ni: họ hỏi thử, không nghi mà hỏi, không vì để ăn năn sự lỗi lầm mà hỏi, cật vấn, không chấp nhận câu trả lời.

Sáu ngày chay trong tháng, Tỳ-kheo không bệnh, nên hòa hợp một chỗ để thuyết pháp. Nếu ngoại đạo luận nghị sự, đến với tâm tật đố, muốn phá vấn đề nói pháp, thì nên như pháp vấn nạn, cật vấn để hàng phục họ, không nên vì sân tâm dùng ác khẩu để giải quyết.

Người nói pháp nên nhất tâm trình bày Chánh pháp, sanh tâm từ bi lợi ích, nên nói năng trang nghiêm, trong sáng, thanh nhã, thứ lớp nối tiếp nhau, biện tài không cùng tận, tùy thuận thật tướng của các pháp. Vì pháp chứ không vì lợi dưỡng mà nói.

Tỳ-ni tựa nói:

Khi nói pháp, khi nghe pháp, vị Thượng tọa đến không nên đứng dậy. Thượng tọa cũng không nên buộc hạ tọa đứng dậy.

Luật Ngũ phần nói:

Mồng 8 và 14 trong tháng nói pháp, Rằm Bố-tát...

Không nên nói pháp bằng giọng ca vịnh...

Bạch y rải hoa, nếu rớt trên đầu và trên y của Tỳ-kheo nên phủi xuống. Nếu rớt trên tòa cao không lấy đó làm khó chịu.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói:

Tỳ-kheo nói pháp phải xem xét đại chúng, nên nói pháp gì để họ có thể lãnh hội và thọ trì được. Cần nói pháp thậm thâm thì nói pháp thậm thâm. Nên nói pháp phổ thông thì nói pháp phổ thông. Nếu nói không lợi ích cho người nghe, gọi đó là ác thuyết, hơn nữa, nên trừ tâm tham, tâm nhiễm, tâm ác, tâm

ngu si, tâm tự khinh, tâm khinh đại chúng. Cần có tâm từ bi, tâm hoan hỷ, tâm lợi ích, tâm kham nhẫn, tâm bất động, tâm không hoặc nhiễm. Khởi lập các tâm như vậy mới được nói pháp. Lại nữa, không nên nhân các duyên khác mà nói pháp, vì pháp rất quan trọng, rất khó được nghe. Pháp đây là vật báu, là thuốc, có khả năng lợi ích mọi người, cho nên mới nói. Cho đến bài kệ bốn câu cũng khiến cho người nghe hiểu rõ lý như thật, đối với đường sanh tử được lợi ích, an lạc.

Cho phép viện dẫn trong kinh lời lẽ cốt yếu nhiệm mầu để nói lên nghĩa của chúng.

---o0o---

V. PHÁP ĐỌC TỤNG

Luật Căn bản nói:

Đa văn có 5 món lợi ích:

1) Năm uẩn thiện xảo.

2) Mười hai xứ thiện xảo.

3) Mười tám giới thiện xảo.

4) Duyên khởi thiện xảo.

5) Đối với những việc cần giáo giới, giáo thọ khỏi cầu nơi người khác.

Tạp sự nói:

Hứa khả (đồng ý) cho hai trường hợp dùng âm thanh ngâm vịnh:

1) Khen ngợi đức độ của bậc Đại sư.

2) Tụng Tam khải kinh11.

Không biết cách ngâm vịnh (tức tán tụng) thì nên học nơi chỗ vắng.

Không nên kéo dài giọng ca vịnh mà tụng kinh nói pháp. Ban đêm có thể thắp đèn để tụng kinh, Mùa hạ, sợ tổn hại loài trùng nên làm cái chụp đèn che lại.

Người trí tuệ thông minh, học rộng nhớ nhiều, có khả năng chế phục ngoại đạo, mới có thể học tập ngoại điển. Trong mỗi ngày, phần đầu ngày cho đến phần giữa ngày và sau đó, đọc tụng kinh Phật, đợi cho đến chiều mới xem qua ngoại điển. Ba phần của đêm cũng vậy.

Luật Tứ Phần nói:

Không nên dùng ngôn ngữ của ngoại đạo xen lộn vào kinh Phật. Cho phép tùy theo văn hóa, văn học thế tục ở trong nước để giải thích về tụng tập kinh Phật.

Hỏi: - Nơi đây (Trung Hoa) sách vở của Lão, Trang và Tuyên Ni (Khổng Tử) được dẫn vào trong kinh luận để giải thích yếu chỉ, như vậy có tội không?

Đáp: - Nhãn quan về giáo lý chưa khai thông, muốn trang nghiêm văn cú ngôn từ mà đem từ ngoài vào gọi là ngoại đạo xen lộn. Nếu đạt được thật tướng của Pháp ấn, có thể gạn lọc, có thể tóm gọn, đâu đó rành rẽ phân minh, không quanh co, không lộn xộn. Thâu gọn lại thì thô ngôn tế ngữ đều là đệ nhất nghĩa. Hoặc như có dẫn kinh kia sách nọ khiến cho người hiểu được, đều thuận theo Tứ tất-đàn12, không có gì chống trái vậy.

Luật Thập tụng nói:

Hạ tọa muốn dạy pháp cho Thượng tọa nên ngồi nơi chỗ cao vì tôn trọng pháp vậy. Thượng tọa muốn theo Hạ tọa thọ pháp nên ngồi chỗ thấp vì tôn trọng pháp vậy. Cũng cho phép Hạ tọa dạy pháp cho Thượng tọa, ngồi chung một giường vì trọng Thượng tọa vậy.

Tụng kinh có năm điều lợi:

1) Thân thể không mỏi mệt, không quên những gì đã nhớ.

2) Tâm không biếng nhác mệt mỏi.

3) Tiếng tăm (âm thanh) không bị hư hoại.

4) Ngôn ngữ dễ hiểu.

5) Chư thiên nghe tụng tâm liền hoan hỷ.

Dùng âm thanh ngoại đạo tụng kinh Phật mắc tội Đột-kiết-la.

Luận Tát-bà-đa nói:

Nếu Tỳ-kheo không có chỗ học tụng kinh có thể đến nơi Sa-di-ni thọ pháp. Chỉ cầu người trì giới tốt, trọng đức làm bạn để chứng minh vậy. Cũng được phép theo cư sĩ để thọ pháp, không được xưng là A-xà-lê. Như vậy lần lượt sẽ được thọ pháp. Chỉ cần thận đương để mất oai nghi là được.

Hỏi: - Tương truyền rằng: Bạch y nói pháp, Tỳ-kheo nghe là triệu chứng Phật pháp suy đồi. Sao được theo bạch y thọ pháp ư?

Đáp: - Cấp Cô Độc trưởng giả mỗi lần đến Kỳ-viên dạy kinh cho tân Tỳ-kheo, trước hết đảnh lễ các Tỳ-kheo rồi sau mới nói Pháp. Duy-Ma cư sĩ có lúc bài xích mạnh mẽ đối với kẻ chú trọng về Tiểu thừa, khiến cho các Thanh văn Bồ-tát thảy đều khiếp vía, nhưng chưa từng dám xem mình là bậc thầy để họ đảnh lễ. Đây là một hình thức đẹp lúc Phật còn tại thế, đâu thể gọi đó là triệu chứng suy đồi? Nếu xưng Bạch y là thầy, Tỳ-kheo lại hành lễ cung kính, hoặc là thọ cầu học ngoại điển đều là phi pháp vậy.

Luật Ngũ phần nói:

Cho phép học ngoại điển, không cho phép vì ưa thích mà bỏ đạo nghiệp. Nhằm mục đích hàng phục ngoại đạo cho phép đọc sách ngoài, nhưng không được dựa theo sách vở đó mà sanh kiến giải.

Cho phép tùy theo ngôn ngữ của nước mình mà đọc tụng kinh điển, nhưng không được nghịch với ý của Phật. Không được dùng Phật ngữ làm ngôn ngữ để viết sách ngoài. Nếu phạm thì mắc tội Thâu-lan- giá.

Luật nhiếp nói:

Trong bốn oai nghi đều có thể truyền trao giáo pháp. Người thọ nhận giáo pháp phải đủ ba oai nghi mới kính pháp, và khi thọ giáo không nên ngủ. Pháp của đệ tử, cho dù già hay trẻ, khi đến chỗ thầy chắp tay cúi đầu rồi mới

hỏi thăm bốn đại của thầy có yên không. Nên sanh tâm kính ngưỡng, lòng ngay thẳng, không quanh co, cầu giải quyết chỗ nghi vấn, chú tâm lãnh hội tốt, đừng cho quên mất. Nếu không có nghi ngờ, thọ pháp như thường lệ, đảnh lễ lui ra. Bậc thầy cũng nên kính học trò, đừng có tâm khinh miệt, tâm dối trá trong khi truyền trao. Đối với pháp không bỏn sẻn, lãnh hội tốt giải đáp tốt, có lòng kiên nhẫn, có lòng thương xót, khiến cho kẻ thọ giáo không biết mỏi mệt, bực dọc. Nên thường dạy bảo người hầu hạ; nếu người tánh ngu độn nên dạy thường xuyên. Dùng giọng ngâm vịnh truyền trao giáo pháp, mắc tội ác tác. Không nên khen ngợi sách vở ngoại điển. Vì hàng phục đạo khác, tự biết mình có khả năng thì một ngày chia ba thời: hai thời thuận tiện nên học Phật pháp (tức là đầu ngày và giữa ngày), một phần cuối ngày nên học ngoại điển (tức xế chiều). Không nên dùng năm, tháng chia làm ba thời.

---o0o---

VI. PHÁP TỌA THIỀN

Phần thứ ba (luật Tứ phần) nói:

Tỳ-kheo ngủ gục, vị ngồi gần nên đánh thức vị đó bằng thiền trượng. Nếu cố ngủ trở lại, nên rờ nơi mí mắt, hoặc dùng nước rửa mặt, hoặc dùng tay véo lỗ tai, mũi, hay rờ trên trán, hay vén áo lấy tay rờ trong thân. Hoặc là đứng dậy đi ra ngoài cửa, nhìn ngó bốn phương, nhìn lên tinh tú, hay là đến chỗ kinh hành đi kinh hành, thu nhiếp các căn, khiến cho tâm không tán loạn.

Luật Thập tụng nói:

Khi lấy thiền trượng nên sanh tâm cung kính. Người ngồi gục lên gục xuống không thể tin được. Người ngồi vững vàng có thể tin được. Có năm pháp (trường hợp) dùng thiền trượng áp nhẹ nơi người khác:

1) Vì lòng lân mẫn.

2) Không làm phiền não người khác.

3) Người ngủ gục.

4) Ngồi mà đầu dựa nơi vách.

5) Ngồi mà chân duỗi ra.

Cho phép đeo cái thiền trấn13. Làm một cái lỗ, dùng sợi dây xâu qua cái lỗ. Đầu sợi dây cột thành cái khuy, móc vào lỗ tai. Đeo cái thiền trấn cách trán bốn ngón tay. Thiền trấn một lần rớt xuống là một lần duỗi chân, hai lần rớt xuống là hai lần duỗi chân, ba lần rớt xuống là phải đứng dậy đi.

Cho phép lập thời khóa biểu: ngày và đêm, trong vòng bảy ngày hay thường nhật.

Tỳ-ni tựa nói:

Khi ngồi thiền không nên tính lớn hay nhỏ, không được đuổi ra.

Căn bản tạp sự nói:

Phương Bắc có một vị quốc vương hiến hai đồng tưû cho vua Thắng Quang (Ba-tư-nặc), một người tên Đà-xách-ca, một người tên Ba-lạc-ca, một người đoạn kiến, một người tà kiến, xa gần đều biết. Sau nhờ trưởng giả Cấp Cô Độc khéo léo nhiếp thọ, khiến họ quét đất chùa. Ban đêm thấy A-la-hán thần biến, và thấy chư thiên nói pháp sanh tâm chánh kiến, đến nơi đức Phật nghe pháp, xuất gia chứng quả, vua Thắng Quang xấu hổ cơ hiềm. Phật bảo hai người ấy ở nơi nhà trưởng giả khi ăn thì lo việc nước uống, để nói lên cái đức hơn người, vua bèn thán phục. Bí-sô hỏi nguyên nhân dĩ vãng của họ, Phật dạy: Thuở Phật Ca-diếp, hai người ấy xuất gia làm bạn, đến ở nơi biên quốc (hẻo lánh), không có thầy giáo thọ, tự tu thiền định, thật sự chưa chứng quả gì mà lầm tưởng là chứng quả. Khi lâm chung lại phỉ báng Chánh pháp, sanh tâm tà kiến, phát ngôn như sau: “Phật Ca-diếp-ba dối hoặc thế gian là đoạn hết phiền não, chứng A-la-hán quả. Đối với các hoặc ta còn không thể đoạn hết, vậy thì người nào khác lại có thể chứng quả A-la-hán?” Do hủy báng Chánh pháp, sanh tà kiến như vậy, nên trải qua nhiều kiếp đọa nơi ác thú, lại trong nhiều đời thường ở biên địa sống với tâm tà kiến. Nhưng cũng nhờ có đọc tụng thọ trì uẩn, xứ, giới, nhân duyên, đạo lý và xứ, phi xứ, thảy đều thiện xảo, do nghiệp lực này mà được ở trong Chánh pháp Ta, xuất gia tu đạo. Không có thầy mà tu tập theo thiền định, có cái lỗi lầm như vậy. Cho nên không nên không có thầy mà tự mình tu theo thiền định”.

Luật Thiện kiến nói:

Nếu có khả năng khéo léo trì Xa-ma-tha, chẳng phải chỉ trong vòng 20 năm, 30 năm cho đến 80 năm, 100 năm phiền não không khởi lên. Từ đó sanh tâm thượng mạn.

(Xa-ma-tha, Hoa dịch là "chỉ". Nếu đạt được bản thể của chỉ thì đó là cái định có tuệ, nhưng không lỗi khởi lên tăng thượng mạn. Nếu chỉ tu định, thì chỉ dừng được loạn tưởng thô phù, dù khiến cho lần lượt phục trừ nhiễm hết, đạt được đến Phi tưởng, Phi phi tưởng định, tỏ rõ Niết-bàn, vẫn là tăng thượng mạn mà thôi).

VII. PHÁP TẠP

Luật Tăng kỳ nói:

"Lục niệm" là:

1) Nghĩ biết ngày tháng.

2) Nghĩ biết chỗ thọ thực.

3) Nghĩ biết lúc thọ giới và số hạ lạp.

4) Nghĩ biết y bát thọ trì và tịnh thí.

5) Nghĩ ăn đồng hay biệt chúng.

6) Nghĩ thân thể mạnh hay yếu.

Phần thứ tư14 nói:

Không xỉa răng có năm điều bất lợi:

1) Miệng có mùi hôi.

2) Không phân biệt mùi vị.

3) Tăng thêm nhiệt ấm.

4) Không dẫn thực.

5) Mắt không sáng tỏ.

Xỉa răng có năm điều thuận lợi: Ngược lại năm điều trên. Tăm xỉa răng dài nhất là một gang tay, ngắn nhất là bốn ngón tay. Không nên xỉa loại cây khác lạ, hay là sóng của lá tạp. Không nên xỉa bằng loại voû cây. Nên xỉa nơi chỗ vắng.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu cây xỉa răng khó có, thì nên ngắt bỏ khúc xỉa rồi, rửa sạch, khúc còn lại lần sau dùng. Cây xỉa răng dài nhất là 16 ngón tay, ngắn nhất là 4 ngón tay trở lên.

Bộ Nam hải ký quy nói:

Mỗi buổi sáng xỉa răng (đánh răng) súc miệng sạch sẽ rồi mới kính lễ.

Không xỉa răng, tiện lợi không rửa sạch, ăn đồ ăn tay không sạch chạm phải, là những việc bỉ ổi.

Luật Tứ phần nói:

Nên thuận gió mà quét. Có năm cách quét đất không được phước đức lớn:

1) Quét mà không quét thuận gió.

2) Nghịch gió mà quét.

3) Quét không hết dấu chổi.

4) Quét không sạch đồ nhớp.

5) Không để cây chổi lại chỗ cũ.

Có năm cách quét đất được phước đức lớn là ngược lại năm điều trên. Nếu khi quét mà Thượng tọa ở đuôi gió, nên nói: “Ngài tránh qua một chút, con muốn quét chỗ này”.

Căn bản tạp sự nói:

Cấp Cô Độc trưởng giả mỗi sáng đến quét vườn chùa. Một hôm, vì bận việc không đến quét kịp Thế Tôn thấy đất không sạch, liền tự tay lấy chổi quét. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... các đại Thanh văn, đều cùng Phật quét xong, vào trong nhaø trai ngồi. Phật bảo Bí-sô: Quét đất có năm điều thắng lợi:

1) Tâm mình thanh tịnh.

2) Khiến tâm người khác cũng tịnh.

3) Chư Thiên hoan hỷ.

4) Trồng các nghiệp đoan chánh.

5) Mạng chung sanh thiên.

Sau khi Cấp Cô Độc trưởng giả vào rừng, nghe Phật cùng hàng đệ tử quét xong, không dám bước đi, thẹn và sợ vô cùng. Phật bảo: Miệng tụng kinh pháp thì cứ bước vào. Do Phật trọng kinh pháp, cho nên các A-la-hán đều tôn kính pháp.

Phần thứ tư15 nói:

Kinh hành có năm việc tốt:

1) Có thể đi xa.

2) Có thể tư duy.

3) Ít bệnh.

4) Ăn dễ tiêu.

5) Định lực lâu bền.

Không nên ngủ ban ngày. Nếu già bệnh từ đường xa đến, cho phép vào trong phòng đóng cửa rồi ngủ.

Luật Ngũ phần nói:

Đến trước nhà xí nên tằng hắng, hay búng móng tay khiến cho người trong nhà xí và phi nhơn biết. Người trong nhà xí cũng nên tằng hắng, hay búng móng tay trả lời.

Căn bản tạp sự nói:

Nếu không tẩy tịnh, không nên nhiễu tháp, hành đạo, lễ Phật, tụng kinh, lễ người, nhận người lễ, ăn uống, nhập chúng, ngồi giường ghế của chúng. Do thân không sạch, không như pháp vậy, cho nên chư thiên không hoan hỷ, và thọ trì kinh chú đều không hiệu nghiệm. Nếu lập trai nghi cúng dường, chép kinh, tạo tượng, chỉ được phước mỏng manh.

Bách nhất yết-ma nói:

Khi cần đi đại tiện, nên xách bình nước, đến cầu tiêu, để y một bên, lấy 15 viên đất sắp ngoài nhà cầu (sắp ngay hàng trên gạch hay trên miếng ván, gần bên chỗ nước chảy, để đất dài độ một khuỷu tay, rộng độ một gang tay), cầm ba viên đất và đồ chùi, xách bình nước vào nhà xí, khép cánh cửa lại. Đại tiện xong, dùng đồ chùi, chùi sạch. Kế đó lấy ba viên đất để rửa ba lần tay bên tả cho sạch, rồi kẹp bình nước dưới nách, tay bên hữu xô cánh cửa, rồi dùng tay bên hữu xách bình nước đến chỗ rửa tay, ngồi xổm, để bình nơi bắp vế bên tả, dùng khuỷu tay đè lên. Còn năm viên đất, bốn viên rửa cả hai tay, một viên còn lại rửa cái bình. Sau đó mới rửa chân và lấy y mà đi. Khi về trong phòng dùng nước sạch súc miệng.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu "hạ bộ" bị bệnh trĩ không thể rửa được, nên dùng vật mềm lau sạch, hoặc vải hay lá cây. Không được xỉa răng nơi nhà xí, che đầu, trùm vai, nên ở trần.

Luật Thiện kiến nói:

Khi gần ngủ nên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên, niệm Vô thường. Trong lục nieäm này tùy theo đó mà niệm.

Hỏi: - Đọc qua Tỳ-ni tập yếu và Luật tạng Tứ phần, cho đến luật Tăng kỳ, Căn bản, Ngũ phần, Thập tụng, Thiện kiến, Tỳ-ni mẫu v.v... chỉ thấy thuyết minh rộng rãi về giới pháp, chứ không thấy nói về kệ chú. Thời nay học luật, lấy kệ chú làm hành sự (trì). Nghĩa này thế nào?

Đáp: - Pháp môn vô lượng, tuy mỗi môn đều có công dụng riêng của nó. Bắt đầu vào đạo, phải đi sâu vào một môn nào mới được. Đã dự vào hàng Tỳ-kheo, nên biết Luật học là trước hết. Muốn hiểu rõ cương tôn của luật, có hai việc rất cần kíp:

1) Học thuộc giới pháp, hiểu rõ trì, phạm, khai,
giá.

2) Nhiếp trì oai nghi, chuyên tu theo pháp quán Tứ niệm xứ16.

Như vậy, 12 thời, trong một ngày đêm thường được nhất tâm, không có niệm nào bị rối loạn, mới có khả năng tạo thành một phiến đoạn trừ mê hoặc chứng được chơn như. Nếu ban đầu học nhiều môn thì rốt cuộc khó vào đạo. Ngay đây, những bài kệ, rút ra từ kinh Hoa nghiêm, những chơn ngôn đó, đều thuộc về Mật bộ. Luận về pháp môn, tuy không thể nghĩ bàn, nhưng vấn đề tu chứng thì mỗi bên đều có tôn chỉ riêng của mình. Tùy theo tông của mình, chuyên tu không gián đoạn thì tam-muội dễ thành tựu. Như hái nhiều hoa mà không dùng chỉ xâu lại, gió thổi chắc chắn hoa phải bay tứ tán. Gồm thâu chúng lại là hoàn toàn đúng, vì một câu, một kệ, một chữ đều là hạt giống của đạo. Nếu chọn lựa riêng ra thì hoàn toàn sai lầm, vì rằng Luật không thành luật, Hiển không thành hiển, Mật không thành mật, chỉ đánh mất thiện căn mà thôi. Vì vậy cho nên Chánh pháp dần dần suy đồi, mạt vận không thể chấn hưng được. Kẻ sĩ có chí hướng, không gì bằng chuyên tinh giới luật, rành rẽ bản chức của Tỳ-kheo. Kẻ lợi căn có khả năng từ nơi giới mà đạt được cứu cánh, tóm thâu hết thần công của hiển mật. Người độn căn cũng có thể từ giới mà làm cái nấc thang lần lần bước lên tòa nhà hiển mật. Có vậy vấn đề học mới có nguồn gốc, khỏi phải bị chê trách, vì lắm nẻo nên mất dê vậy!

Phần thứ ba (luật Tứ phần) nói:

Phật bảo Tỳ-kheo thuận theo tâm niệm của ông, nhiếp trì oai nghi đây là lời dạy của Ta. Thế nào gọi là thuận theo tâm niệm của ông?

- Quán nội thân, thân ý chỉ (tức thân niệm xứ) tinh cần nhiếp trì, niệm không tán loạn, điều phục tham, si, tật đố, ưu não của thế gian.

- Quán ngoại thân, nội ngoại của thân, thọ, ý (tức tâm niệm xứ), Pháp (niệm xứ) cũng như vậy. Tỳ-kheo như vậy, đặng chánh tâm niệm. Nhiếp trì oai

nghi tức là ra, vào, cúi, ngửa, cầm nắm y bát, uống, ăn, uống thuốc, đại tiểu tiện, ngủ, thức, đi đứng, ngồi nằm, noùi, nín... tâm luôn luôn trụ nơi những hành động đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo nhiếp trì oai nghi. (Ngày đêm trong 4 oai nghi, một lòng tu tập quán Tứ niệm xứ. Đây là cương tôn của Luật học vậy).

Luật Căn bản nói:

Xuất gia có năm điều lợi:

1) Ta tự nhận được điều lợi nơi ta, người khác không có.

2) Tự biết ta là hạng người ti tiện bị người khác xua đuổi, sai khiến. Sau khi xuất gia nhận sự cung kính của người, được khen ngợi lễ bái.

3) Sẽ được an ổn Vô thượng Niết-bàn.

4) Mạng chung sanh lên cõi trời.

5) Thường được chư Phật và chúng Thanh văn, các bậc hiền thiện khen ngợi.

---o0o---

PHẬT NÓI KINH TỘI PHẠM GIỚI NHẸ NẶNG17

(Hậu Hán, An Tức, Tam Tạng Sa-môn An Thế Cao dịch)

Tôi nghe như vầy: Thuở nọ Đức Phật ở nơi thành Vương Xá, vườn trúc Ca-lan-đà. Lúc bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vào buổi xế, từ thiền định đứng dậy, đến chỗ đức Phật, đảnh lễ Phật, lui ngồi một bên, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Cúi xin đức Thế Tôn, con có chút nghi, nay muốn cầu hỏi, xin Ngài hứa cho?

Đức Phật bảo ngài Mục-liên:

- Ý ông hỏi gì, Ta sẽ vì ông giải đáp.

Ngaøi Mục-liên liền bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không có tâm xấu hổ, khinh maïn lời Phật dạy, phạm giới: Chúng học, Ba-la-đề đề-xá-ni, Ba-dật-đề, Thâu-lan-giá, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-la-di, mắc bao nhiêu tội không lợi ích? Cúi xin Thế Tôn trình bày.

Phật bảo ngài Mục-liên:

- Lắng nghe, lắng nghe! Nay Như Lai vì ông nói: Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không tự hổ, không thẹn, khinh mạn lời Phật, phạm giới "chúng học" thì như 500 năm sống nơi cõi trời Tứ Thiên vương, đọa vào địa ngục (Nê-lê), theo cõi nhơn gian thì 900.000 năm.

Lại nữa, Mục-liên, nếu không hổ thẹn, khinh mạn lời Phật, phạm Ba-la-đề đề-xá-ni, thì như 1000 năm sống nơi cõi trời Tam thập tam thiên, đọa vào địa ngục, theo cõi nhơn gian thì ba ức sáu mươi ngàn năm.

Lại nữa, Mục-liên, nếu không tự hổ, không thẹn, khinh mạn lời Phật, phạm Ba-dật-đề thì như 2000 năm sống nơi cung trời Dạ-ma, đọa vào địa ngục. Tính theo cõi nhơn gian tức là một vạn bốn ngàn bốn trăm vạn năm.

Lại nữa, Mục-liên, nếu không hổ thẹn, khinh mạn lời Phật, phạm Thâu-lan-giá, thì như 4000 năm sống nơi cung trời Đâu-suất, đọa vào địa ngục. Tính theo cõi trần này là năm vạn sáu ngàn sáu trăm vạn năm.

Lại nữa, Mục-liên, nếu không hổ thẹn, khinh mạn lời Phật, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, thì như 8000 năm sống nơi cõi trời Hóa Lạc (tức trời Bất Kiều Lạc), đọa vào địa ngục. Tính theo nhơn gian tức là hai mươi ba vạn linh bốn trăm vạn năm.

Lại nữa, Mục-liên, nếu không hổ thẹn, khinh mạn lời Phật dạy, phạm Ba-la-di thì như 16.000 năm sống nơi cung trời Tha Hóa Tự Tại, đọa vào địa ngục. Tính theo nhơn gian tức là chín mươi hai vạn một ngàn sáu trăm vạn năm.

Tôn giả Mục-liên nghe Phật nói xong hoan hỷ phụng hành.

Hỏi: - Câu hỏi này được gọi là chánh chơn, ngoài ra thì 500 câu hỏi kia đâu được gọi là ngụy?

Đáp: - Y theo chơn chánh là được, phụ họa theo mà sai quấy thì sai. Cho nên bao năm qua lựa chọn và quyết đoán lấy phần chánh chơn, loại phần tạp nhạp vậy.

Bản đồ 250 giới của Tỳ-kheo và 348 giới của Tỳ-kheo-ni phối hợp với ngũ hình (trang sau):

- Năm thiên phối với năm hình.

- Thứ lớp của bảy tụ.

- Quả báo của sáu tội.

Khí tức là bỏ hay kẻ chiến bại. Tử, tức là tội tử hình. Lưu, tức là tội đày đi phương xa. Đồ, tức là tội khổ sai. Trượng, tức là tội đánh bằng gậy. Xuy, tức là tội đánh bằng roi, bằng vả.

---o0o---

BÀI TỤNG CỦA GIỚI TƯỚNG

Xét rằng luật Tăng kỳ, khi kiết tập, trước hết có bài tụng, sau đó là văn của Luật. Trong luật Căn bản cũng có bài tụng. Do vậy sơ cơ dễ nhớ và dễ tụng. Nay luật Tứ phần không có bài tụng. Lấy bài tụng của các bộ khác qua thì thứ tự không giống nhau. Muốn giữ lại cách cũ thì sợ kẻ sơ cơ khó bề nhớ tụng. Nay dựa vào lý, do đó, tôi làm bài tụng này khiến cho kẻ sơ cơ khi học bài tụng này thì giới tướng của năm thiên được nêu lên xứng hợp với cương lĩnh vậy.

Sa-môn Trí Húc kính thuật

---o0o---

KỆ TỤNG 250 GIỚI

THIÊN THỨ NHẤT:

Dâm dục, trộm năm tiền.

Cố dứt mạng loài người
Không chứng, dối nói chứng
Trừ người tăng thượng mạn
Bốn tội Ba-la-di
Phạm phải không cứu được.

THIÊN THỨ HAI:

Lộng âm, rờ nữ nhơn
Nói tục, đòi dâm dục

Mai mối, cất phòng lớn
Phòng Tăng, Tăng không chỉ

Vô cớ, hủy báng người
Phá Tăng và bè đảng
Bị đuổi lại hiềm Tăng
Ác tánh không nhận khuyên
Chín trước làm liền phạm
Bốn sau ba phen can
Là mười ba Tăng tàn
Hai mươi Tăng mới xả.

THIÊN THỨ BA:

Bất định phaùp có hai
Ba, hai tùy đó trị.

THIÊN THỨ TƯ:

Xả đọa có ba mươi:
Y dư, lìa y ngủ.
Chờ đủ, mà quá tháng.
Nhận y Ni phi thân.
Ni phi thân giặt nhuộm.
Xin y không bà con.
Nhận quá thỉnh tùy ý.
Đòi thêm giá, hiệp may.
Hỏi y hơn sáu lần.
Đây là mười pháp đầu.

Tơ tằm làm ngọa cụ.
Toàn đen, không sắc tạp.
Thọ trì dưới sáu năm.
Tọa cụ không tác tịnh.
Cầm lông dê đi xa.
Sai Ni giặt, nhuộm, đập.
Nhận vàng, bạc mua bán,
Đổi chác là hai mươi.
Bát dư; lại cầu tốt.
Sai thợ dệt phi thân
Cho thêm giá dệt đẹp.
Cho y, sau giận đòi.
Thuốc uống quá bảy ngày.
Áo mưa dùng trước hạn.
Nhận sớm cấp thí y.
Ca-đề lìa sáu đêm.
Của Tăng xoay về mình.
Đó là ba chục pháp.
Vật ấy xả giữa Tăng.
Ba-dật-đề sám hối.

THIÊN THƯỜ NĂM:

Đơn đề chín mươi việc:
Vọng ngữ. Nói chê bai.
Hai lưỡi. Đồng nữ thất.
Chưa thọ giới ba đêm.
Tụng chung. Nói tội người.
Đem nói pháp hơn người.
Cùng nữ nói quá sáu.
Đào đất. Đó là mười.
Phá hư mầm cây sống.
Nói quanh. Và hiềm mắng.
Trải cụ Tăng chỗ trống.
Và trong phòng không dẹp.
Cưỡng đoạt nơi ngủ nghỉ.
Kéo người khỏi phòng Tăng.
Trên gác giường sút chân.
Nước trùng trộn hồ tưới.
Lợp nhà quá ba lớp.

Đây là thứ hai mươi.
Tự tiện giáo thọ Ni.
Tăng sai dạy đến xẩm.
Nói xấu người dạy Ni.
Cho y Ni phi thân.
May y, ngồi chỗ vắng.
Hẹn đi, và đồng thuyền.
Ni khen ngợi được ăn.
Ba chục: nữ đồng hành.
Nhận quá một bữa ăn.
Ăn mãi, và ăn riêng.
Thọ thỉnh quá ba bát.
Không làm phép dư thực.
Cố làm cho người phạm.
Phi thời, và cách đêm.
Không mời, đòi ăn ngon.
Bốn mươi pháp xong rồi.
Trao tay ngoại đạo ăn.
Đến nhà khác không nói.
Nhà ăn cố ngồi lâu,
Và ngồi chỗ vắng vẻ.
Cùng nữ ngồi chỗ trống.
Gạt người khác mất ăn.
Quá hạn thỉnh cho thuốc.
Xem lính, quá ba đêm.
Coi trận lúc ban đêm.
Đó là giới năm mươi.
Uống rượu, giỡn trong nước.
Tát tai, không nghe khuyên.
Dọa người, tắm quá lâu.
Nhen lửa nơi đất trống.
Vui giấu y kẻ khác.
Lấy y không hỏi chủ.
Y mới không nhuộm, mặc.
Sáu mươi pháp xong rồi.
Cố sát hại súc sanh.
Uống, dùng nước có trùng.
Phiền ai, che tội người.
Truyền giới không đúng pháp.
Khơi lại việc đã xong.

Cùng bọn giặc đồng đi.
Ác kiến khuyên không bỏ.
Cung cấp cùng đồng sự.
Nuôi Sa-di bị đuổi.
Bảy mươi Ba-dật-đề.
Chống khuyên, khinh chê giới.
Giả vờ, trái Yết-ma.
Không dữ dục, sau hối.
Lén nghe trộm, giận đánh.

Dọa đánh, báng Tăng tàn.
Tám mươi Ba-dật-đề.
Vào cung vua, cầm báu.
Phi thời vào xóm làng.
Giường cao, nệm đâu-la.
Ống kim bằng xương sừng.
Tọa cụ, y che ghẻ.
May áo mưa quá lượng.
Và may y bằng Phật.
Chín mươi đơn-đề rồi.
Như pháp sám thanh tịnh.
Không sám là phải đọa.

THIÊN THỨ SÁU:

Thọ phi thân Ni thực.
Không ngăn Ni đòi hỏi.
Thọ học gia, chỗ ngại.
Đây là bốn Hối quá.

THIÊN THỨ BẢY:

Chúng học mặc y đầu.
Pháp vào nhà bạch y.
Thọ thực, đại tiểu tiện.
Nói pháp cung kính tháp.
Nắm tay đi, leo cây.
Đãy, gậy, thảy nên học.

THIÊN THỨ TÁM:

Có mặt và nhớ nghĩ.
Không sai và tự nói.
Tìm tội, ý nhiều người.
Cỏ che, bảy dứt tội.

-

Các thiên tụ như vậy.
Tỳ-kheo đều nên biết.
Người như thuyết tu hành.
Chư Phật đều khen tốt.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI LĂM
---o0o---

1 Tứ phần luật 49, phần thứ ba Kiền-độ pháp, tr. 933c06, Đại 22n1428.

2 Tám giải thoát: còn gọi là Bát bối xả, là nghịch lại phiền não của ba cõi mà xa lìa, dùng tám thứ thiền định giải thoát tất cả mọi triền phược của phiền não trong ba cõi, tám thứ thiền định này được gọi là Bát giải thoát (Tứ thiền định của cõi sắc cùng không định của cõi Vô sắc).

3 Tứ phần luật 43, phần thứ ba Kiền-độ Câu-thiểm-di, tr. 883a26, Đại 22n1428.

4 Không ngồi gần nhau quá, không vói tay đến nhau để tránh đấu khẩu hay đánh lộn.

5 Tứ phần luật 52, phần thứ tư Kiền-độ Tạp, tr. 956c03, Đại 22n1428.

6 Tứ phần luật 40, phần thứ ba Kiền-độ y, tr. 859a01, Đại 22n1428.

7 Tứ phần luật 50, phần thứ tư Kiền-độ phòng xá, tr. 943c10, Đại 22n1428.

8 Tam khải vô thường kinh: Phật thuyết vô thường kinh (Tam khải kinh) 1 quyển, Đường – Nghĩa Tịnh dịch, tr. 745, Đại 17n801.

9 Bỉnh pháp 秉法: là một trong 4 pháp Yết-ma (pháp, sự, nhơn và giới) phải hội đủ: 1) Tác pháp cử hành để Yết-ma gọi là bỉnh pháp; 2) Sự thuộc những việc như phạm tội, sám hối... Yết-ma để làm sáng tỏ những việc làm đó là sự; 3) Nhơn là định ra số người cần thiết để Yết-ma; 4) Giới là kiết giới chỗ hành Yết-ma.

10 Tứ phần luật 35, phần thứ hai Kiền-độ thuyết giới, tr. 817a09, Đại 22n1428.

11 Xem cht. 8, trước.

12 Tứ tất-đàn 四悉檀: Skt. catvāraḥ siddhāntāḥ, tất-đàn dịch là thành tựu. Những lời dạy của đức Phật không ra ngoài 4 pháp này, nghĩa là đức Phật dùng 4 pháp này để thành tựu được Phật đạo độ khắp chúng sanh: 1) Thế giơi tất-đàn; 2) Vị nhơn tất-đàn; 3) Đối trị tất-đàn; 4) Đệ nhất nghĩa tất-đàn.

1) Thế giới tất-đàn: Trước tiên đức Phật thuận tình dụng giả danh nhơn ngã mà tùy thuận theo các việc của chúng sanh mà nói về pháp của thế giới khiến cho mọi người nghe sanh hoan hỷ thích thú.

2) Vị nhơn tất-đàn: Đức Phật nói pháp tùy theo căn cơ lớn nhỏ của chúng sanh đã trồng vào kiếp trước cạn hay sâu, theo đó mà nói pháp, khiến cho họ tăng chánh tín, tăng lớn thiện căn.

3) Đối trị tất-đàn: Chúng sanh tham dục nhiều thì đức Phật dùng từ tâm mà dạy dỗ, ngu si, tật đố nhiều thì dùng pháp quán nhân duyên mà dạy dỗ.

4) Đệ nhất nghĩa tất-đàn: Phật thấy các duyên của chúng sanh đã thuần thục nên nói thật tướng của các pháp khiến họ vào được chơn thật.

13 Thiền trấn 禪鎮 : làm bằng gỗ, hình dáng giống như cái hốt.

14 Tứ phần luật 53, phần thứ tư Kiền-độ Tạp, tr. 960c15, Đại 22n1428.

15 Tứ phần luật 59, phần thứ tư Tỳ-ni tăng nhất, tr. 1005c28, Đại 22n1428.

16 Tứ niệm xứ: 1. Quán thân bất tịnh (nội ngoại), 2. Quán thọ thị khổ (nội ngoại), 3. Quán tâm vô thường (nội ngoại), 4. Quán pháp vô ngã (nội ngoại).

17 Đại chánh 24n1467, tr. 910: Phật thuyết phạm giới tội báo khinh trọng kinh (Phật nói kinh tội báo phạm giới nặng nhẹ).

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 16

I. GIỚI CỦA TỲ-KHEO-NI

Pháp Bố-tát của Ni cùng với Tỳ-kheo đồng. Những giới chung của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni như trước đã nói. Ở đây, chỉ những giới không chung mới lục ra. Chủ ý là giản lược chỗ cốt yếu, chứ không giải thích rộng.

I. TÁM PHÁP BA-LA-DI

1. Giới dâm.

2. Giới trộm.

3. Giới sát.

4. Giới đại vọng ngữ.

Bốn giới này đều đồng với Tỳ-kheo.

5. Cùng với thân người nam xúc chạm.

GIỚI BỐN:

Tỳ-kheo-ni nào, với tâm nhiễm ô cùng người nam có tâm nhiễm ô, trên thân từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên; hoặc nắm, hoặc rờ, hoặc kéo, hoặc đẩy, hoặc rờ lên, hoặc rờ xuống, hoặc nâng lên, hoặc để xuống. Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di không được sống chung. Đây là giới thân xúc chạm.

NGUYÊN DO1:

Trưởng giả Lộc Lạc cùng với Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà để ý lẫn nhau. Một hôm nọ trưởng giả mời chư Ni thời cơm. Thâu-la-nan-đà biết trưởng giả vì mình mà mời chư Ni, nên ở chùa không đi. Trưởng giả nhìn khắp Ni chúng không thấy Thâu-la-nan-đà, bèn hỏi:

- Thâu-la-nan-đà ở đâu mà không thấy đến?

- Ở chùa, không đến.

Trưởng giả vội sớt thức ăn xong, liền đến chùa. Thâu-la-nan-đà từ xa thấy trưởng giả đến liền nằm trên giường, Trưởng giả hỏi:

- Cô có bệnh hay sao?

- Không bệnh chi cả. Điều tôi muốn trưởng giả không thỏa mãn cho.

Trưởng giả nói:

- Tôi cũng muốn chứ không phải không.

Trưởng giả liền ôm choàng đằng trước nằm xuống, tay sờ, miệng hôn. Sa-di-ni nhỏ giữ phòng thấy vậy, đến báo cáo với chư Ni. Chư Ni hiềm trách, bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật. Thế Tôn họp Tăng, quở trách, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nam tử, tưởng nam tử, tay rờ thân, thân xúc chạm nhau, nhận sự thích thú, phạm Ba-la-di. Nghi là nam tử, Thâu-lan-giá. Cho đến nắm cái đãy cũng như vậy. Ni dùng thân xúc chạm y người nam, đồ anh lạc; và ngược lại nam dùng y, đồ anh lạc chạm xúc thân Ni với dục tâm đắm nhiễm, thì phạm Thâu-lan-giá. Dùng áo nơi thân hay đồ anh lạc, xúc chạm y nơi thân, hay đồ anh lạc của đối tượng với dục tâm đắm nhiễm, thì phạm Đột-kiết-la. Với dục tâm đắm nhiễm, thân xúc chạm nhau, dù không thích thú, phạm Thâu-lan-giá. Cho đến nắm, kéo cũng vậy. Nếu nam của loài trời, nam của A-tu-la, cho đến súc sanh giống đực, có thể biến hình, thân xúc chạm nhau, thì phạm Thâu-lan-giá. Loại không thể biến hình, thì phạm Đột-kiết-la. Thân của người nữ xúc chạm nhau, thì Đột-kiết-la. Thân của kẻ hai hình xúc chạm

nhau, thì Thâu-lan-giá. Với dục tâm chạm y, bát v.v... cho đến tự xúc chạm thân mình, tất cả đều Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu khi trao nhận nhầm xúc chạm, hoặc khi cứu giải mà xúc chạm, tất cả không dục tâm và ban đầu khi chưa kiết giới, si cuồng, tâm loạn, thống não, ràng buộc.

6. Phạm tám việc.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo-ni nào, với tâm nhiễm ô, biết người nam có tâm nhiễm ô, chấp nhận sự nắm tay, nắm áo, vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói, cùng đi, thân dựa kề nhau, hẹn nhau. Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di không được sống chung. Đây là phạm tám việc.

NGUYÊN DO2:

Cũng do Thâu-la-nan-đà, cho nên chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Từ nắm tay cho đến thân dựa kề nhau, mỗi mỗi đều phạm Thâu-lan-giá. Phạm đến việc thứ tám, Ba-la-di. Trời, rồng, cho đến súc sanh có thể biến hóa được phạm bảy việc, mỗi mỗi Đột-kiết-la. Phạm đến việc thứ tám, Thâu-lan-giá. Súc sanh không biến hình được và người nữ có tâm nhiễm ô, phạm đến việc thứ tám Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu vì sự trao nhận nên tay chạm nhau, hoặc có sự cứu giải nên nắm áo. Hoặc có chỗ dâng cúng, hoặc lễ bái hoặc sám hối, hoặc thọ pháp, vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói, cùng đi. Hoặc bị người đánh, hoặc có giặc đến, voi đến, ác thú đến, kẻ thích khách đến, nghiêng mình để tránh nhằm dựa nhau. Trường hợp đến cầu giáo thọ, hoặc thỉnh pháp, hoặc thọ thỉnh, hoặc đến chùa, hoặc cùng hẹn nơi chỗ không thể làm việc xấu (bậy).

7. Che giấu trọng tội của người.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo-ni nào, biết Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di, không tự phát lồ, không nói với người trong chúng, không bạch với đại chúng. Thời gian khác Tỳ-kheo-ni kia, hoặc mạng chung, hoặc bị chúng cử tội, hoặc thôi tu, hoặc theo ngoại đạo. Khi đó lại nói rằng: "Tôi, trước đây đã biết cô ấy có tội như vậy, như vậy." Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ Ba-la-di không được sống chung. đây là giới che giấu trọng tội của người.

NGUYÊN DO3:

Em của Thâu-la-nan-đà là Đề-xá-nan-đà, phạm Ba-la-di. Thâu-la-nan-đà sợ em mình bị tiếng xấu, nên làm thinh không nói. Thời gian sau, Đề-xá thôi tu, chư Ni hỏi:

- Em của cô thôi tu phải không?

Thâu-la-nan-đà nói:

- Trước đây tôi đã biết nó có tội như vậy, như vậy.

Chư Ni trách rằng:

- Tại sao cô che giấu trọng tội của kẻ khác.

Chư Ni bạch với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo bạch Thế Tôn kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Biết bữa ăn trước đến bữa ăn sau mới nói, cho đến biết nửa đêm, sau đêm mới nói, phạm Thâu-lan-giá. Biết sau đêm mà không nói, đến khi tướng mặt trời xuất hiện là phạm Ba-la-di. Trừ tám tội Ba-la-di, còn che giấu tội khác, tùy theo chỗ phạm, tự che giấu trọng tội, phạm Thâu-lan-giá, che giấu tội của người khác, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu không biết, nếu không có người để có thể nói, nếu nói sẽ có mạng nạn, phạm hạnh nạn.

Luật Thập tụng nói:

Nếu Tăng cùng với Ni cô này tác pháp "bất kiến" các tội tẫn xuất. Hoặc cuồng tâm, loạn tâm, bịnh hoại tâm. Khi ấy không nói tội của người khác,

không phạm. Nếu Tăng cùng với Ni cô này đã giải tẫn4, hoặc bịnh thống khổ đã chấm dứt, bình phục rồi. Lúc bấy giờ che tội của người khác cho đến khi thấy rõ đất (tức minh tướng xuất hiện) phạm Ba-la-di.

8. Theo kẻ bị cử tội, ba phen can gián không bỏ.

GIỚI BỔN:

Tỳ-kheo-ni nào, biết Tỳ-kheo bị Tăng cử tội, như pháp như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận theo, không sám hối, Tăng chưa cho tác pháp ở chung. Cô Ni kia lại thuận theo. Các Tỳ-kheo-ni nói rằng: "Đại tỷ, Tỳ-kheo này bị Tăng cử tội, như pháp như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận theo, không sám hối, Tăng chưa cho tác pháp ở chung. Cô đừng thuận theo."

Khi Tỳ-kheo-ni can gián Tỳ-kheo-ni kia như vậy mà kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo-ni nên can gián hai ba lần cho bỏ việc ấy. Nếu ba lần can gián bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni kia là kẻ Ba-la-di không được sống chung. Đây là tội theo kẻ bị cử.

NGUYÊN DO5:

Tôn giả Xiển-đà bị Tăng cử tội, Tỳ-kheo-ni Úy-thứ, tới lui phục vụ, các Ni can gián ngăn chặn. Cô ta trả lời: - Đây là anh của tôi, nay không cúng dường đợi đến khi nào.

Cho nên vẫn tùy thuận phục vụ không thôi. Các Ni hiềm trách nói với các Tỳ-kheo để bạch Phật. Phật bảo Chúng Tỳ-khèo-ni Bạch tứ yết-ma can gián (quở trách) mà kiết giới này.

Tùy thuận có 2 loại: một là pháp, hai là y thực.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Yết-ma lần thứ ba xong, phạm Ba-la-di. Hai lần Yết-ma xong, mà bỏ phạm ba Thâu-lan-giá. Một lần Yết-ma xong mà bỏ, phạm hai Thâu-lan-giá. Bạch xong mà bỏ, phaïn một Thâu-lan-giá. Ai bảo: đừng bỏ, người ấy phạm Thâu-lan-giá. Nếu không quở trách phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Phi pháp, biệt chúng Yết-ma v.v...

Luật Thập tụng nói:

Chư Ni nên nói với vị Tỳ-kheo bị tẫn: "Thầy nên chiết phục hạ ý, đến đại Tăng. Nếu không chiếc phục hạ ý, thì Ni Chúng sẽ tác Yết-ma không lễ bái, không nói chuyện, không cúng dường. Trường hợp khi Chúng Tỳ-khèo-ni chưa tác pháp Yết-ma không lễ bái, mà dạy pháp thọ pháp, cho vật, nhận vật, mỗi mỗi Đột-kiết-la. Nếu sau khi đã tác pháp Yết-ma, thì mỗi mỗi phạm Thâu-lan-giá. Chư Ni trước nên nhỏ nhẹ khuyên bảo, nếu chịu bỏ thì tác nhiều Đột-kiết-la, nhiều Thâu-lan-giá sám hối, nếu không chịu bỏ thì mới Bạch tứ yết-ma.

---o0o---

II. MƯỜI BẢY PHÁP TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA

Luật Tăng kỳ thì có 19 pháp, Luật Căn bản thì lại có 20 pháp.

1. Giới mai mối.

2. Giới hủy báng vô căn cứ.

3. Giới hủy báng phiến diện.

Ba giới này đồng với Tỳ-kheo.

GIỚI THỨ 4 (Tố tụng):

Tỳ-kheo-ni nào, đến thưa kiện cư sĩ, con cư sĩ, kẻ tôi tớ, người làm thuê, hoặc ngày, hoặc đêm, hay trong khoảnh khắc khảy móng tay, hay trong chốc lát. Tỳ-kheo-ni này, vừa làm nên bỏ, bằng không, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

(Phạm sơ pháp, ưng xả: sơ pháp giả, sơ tác, tiện phạm dã. Ưng xả giả, ưng xả nhi bất phạm dã).

NGUYÊN DO6:

Có cư sĩ nước Xá-vệ làm một tinh xá cúng cho Ni. Sau đó một thời gian, chư Ni bỏ tinh xá đi nơi khác. Cư sĩ đó qua đời, con của cư sĩ bèn cày đất nơi tinh xá đó. Chư Ni nói: "Đây là đất của Tăng đừng cày".

Con của cư sĩ trả lời:

- Thật vậy, cha tôi lúc sanh tiền, làm tinh xá này cúng cho Ni Chúng, Ni Chúng bỏ đi, cha tôi qua đời. Nay tôi tự do, trong khi cả hai đều không sử dụng, tại sao lại bỏ trống đất này? Chư Ni liền đến quan đoán sự thưa kiện, quan kêu con của cư sĩ đến, y pháp luật để quyết đoán: Tịch thu tài sản nhập vào kho của nhà nước. Đức Phật nghe nên chế cấm.

Cũng khi ấy vợ nhỏ của vua Ba-tư-nặc làm một tinh xá cúng cho Ni. Ni đã nhận ở rồi, sau đó du hành trong nhơn gian. Vợ nhỏ vua liền chuyển cúng cho nữ Phạm chí. Khi Ni trở lại tinh xá, bảo nữ Phạm chí đi. Được trả lời: - Đây thật là tinh xá của cô, thí chủ vì cô làm. Nhưng cô đi du hành, thí chủ lại cúng cho tôi, nay tôi không thể đi. Ni giận xô đuổi, kéo ra khỏi tinh xá. Người đó liền đến quan đoán sự thưa. Quan mời Ni đến, vị Ni không dám đến.

Phật dạy: - Có mời thì nên đến.

Ni liền đến chỗ quan nói: - Tất cả đất đây đều thuộc nhà vua. Mọi việc thuộc cư sĩ, phòng xá thuộc thí chủ, giường tòa ngọa cụ cũng vậy. Sửa chữa phòng ốc, khiến cho Tăng có chỗ nghỉ ngơi, đươïc phước nhiều. Tại sao vậy? Vì người ấy cho tôi, nên tôi được ở yên. Quan đoán sự liền lấy tinh xá giao cho nữ Phạm chí.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Cô Ni này không khéo nói, quan cũng không khéo xử. Tại sao vậy? Thí lần trước là đúng pháp (xứng với bổn tâm vậy), thí lần sau là phi pháp (trái với bổn tâm vậy).

GIẢI THÍCH:

Tương ngôn7: là đến chỗ quan cùng tranh nhau cãi ngay, gian.

Tôi tớ: là người làm thuê, được trả bằng tiền.

Nữ Phạm chí: là người nữ xuất gia trong pháp ngoại đạo.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Quan đoán sự ghi chép thành văn bản, Tăng tàn. Miệng nói chứ không ghi tên họ, Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo v.v... Đột-kiết-la.

Không phạm: Hoặc bị kêu, hoặc muốn thưa trình điều gì, hoặc bị cường lực kéo đi, hoặc bị trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; tuy miệng nói mà không kiện cáo với quan.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu Tỳ-kheo-ni bị người khinh mạn lăng nhục, nên nói với cha mẹ họ. Nếu không có cha mẹ nên nói với thân tộc, nếu không thân tộc nên nói với Tỳ-kheo, hay là Ưu-bà-di. Nếu Tỳ-kheo và Ni có thế lực mà không giúp đỡ, Đột-kiết-la. Khi nói, nên nói thế này:

- Người kia khinh mạn lăng nhục tôi, vì tôi quở trách can gián để họ khỏi nói những điều đó.

GIỚI THỨ 5 (Độ nữ tặc):

Tỳ-kheo-ni nào, trước có biết cô gái gian tặc, tội đáng chết, có người biết, mà không hỏi đại thần của vua, không hỏi họ hàng, liền độ cho xuất gia, thọ Cụ túc. Tỳ-kheo-ni này vừa làm liền bỏ, bằng không bỏ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO8:

Có người nữ gian tặc, ăn trộm của cải của Ly-xa9 trốn đi. Các Ly-xa bảo người tìm giết. Tặc nữ liền vào trong thành Vương Xá, đến trong vườn của Ni xin xuất gia. Ly-xa báo cáo với vua Bình-sa để truy tầm. Vua nghe đã xuất gia, bảo người tin cho Ly-xa, Ly-xa cơ hiềm cho nên Phật chế cấm. Khi ấy, các Ni hoặc không biết là tặc, hay chẳng phải tặc, đáng chết hay không đáng chết. Phật dạy: - Không biết, không phạm.

GIẢI THÍCH:

Giặc (cướp): là người lấy 5 tiền hay hơn 5 tiền.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ba lần Yết-ma xong, Hòa thượng Ni, Tăng tàn.

Không phạm: Nếu không biết, hoặc hỏi đại thần của vua, họ hàng, rồi cho xuất gia. Hoặc bị bắt giam, phóng thích cho xuất gia. Hoặc cứu khiến cho được thoát.

Luật Thập tụng nói:

Hòa thượng Ni biết, thì phạm Tăng tàn. A-xà-lê Ni biết, thì phạm Thâu-lan-giá. Tăng biết thì phạm Đột-kiết-la.

GIỚI THỨ 6 (Tự ý giải tội):

Tỳ-kheo-ni nào, biết Tỳ-kheo-ni kia bị Tăng cử tội (xả trí), như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận theo, chưa sám hối, Tăng chưa cho tác pháp Yết-ma ở chung. Vì thương nhau không hỏi Tăng, Tăng không sai bảo, ra ngoài giới, tác Yết-ma cho giải tội. Tỳ-kheo-ni này vừa làm nên bỏ, bằng không bỏ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO10:

Tỳ-kheo-ni Úy-thứ, bị Tăng cử tội, Thâu-la-nan-đà không bạch Ni Chúng. Tăng không sai bảo, vội tự ý ra ngoài giới, cùng tác Yết-ma giải tội, cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ba phen Yết-ma xong, Tăng tàn; Hai phen Yết-ma xong ba Thâu-lan-giá. Một lần Yết-ma xong, hai Thâu-lan-giá. Bạch xong, một Thâu-lan-giá. Phương tiện họp Tăng, Đột-kiết-la. Tỳ-kheo, Đột-kiết-la.

Không phạm: Bạch Tăng, Tăng dạy bảo, nếu có thể hạ ý ăn năn tội lỗi. Nếu Tăng có sân, không cho giải tội, người kia giải, không phạm. Nếu được trao pháp tác Yết-ma rồi Tăng dời chỗ hoặc chết, hoặc đi xa, thôi tu v.v... nên vị kia giải, không phạm.

GIỚI THỨ 7 (Độc hành):

Tỳ-kheo-ni nào, lội nước một mình, vào xóm một mình, ngủ một mình, đi sau một mình. Vừa làm nên bỏ, bằng không bỏ phạm Tăng-già-bà-thi-sa

(Bộ khác hoặc chia làm bốn giới).

NGUYÊN DO11:

Có cô Ni một mình vén cao y lội nước, kẻ gian tặc thấy để ý, bèn nắm xúc phạm quấy nhiễu. Cư sĩ hiềm chê như dâm nữ. Lại, (Tỳ-kheo-ni) Sai-ma có nhiều đệ tử, cách Tăng-già-lam không xa, trong thôn có bà con, vì có chút duyên sự, nên một mình vào thôn, và ngủ một mình trong thôn. Có cư sĩ nói:
- Ni kia muốn được nam tử.

Lại nữa, Lục quần Ni, cùng với Ni Chúng đi, thường đi một bên đường và đằng sau. Chư Ni hiềm trách, bạch Tỳ-kheo để bạch lên Thế Tôn kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nên tìm một Ni để cùng lội, nên từ từ vén y để lội, đợi bạn. Ni đi trước lội mau, khiến bạn lội không kịp, phạm Tăng tàn. Khi vào nước, tùy nước sâu cạn, vén y, đợi bạn, nếu lội vào nước mau, không đợi bạn đi sau, phạm Thâu-lan-giá. Nếu đến bờ bên kia, thì từ từ hạ y, đợi bạn, nếu không từ từ hạ y, lên bờ, không đợi bạn, phạm Thâu-lan-giá. Nếu một mình đến thôn, tùy theo thôn đã đến, phạm Tăng tàn. Nếu một mình đi đến chỗ khoảng trống tầm xa khoảng nghe tiếng trống, phạm Tăng tàn. Chưa đến thôn dưới độ nghe của tiếng trống, phạm Thâu-lan-giá. Một mình đi một giới hạn nào đó của thôn, phạm Đột-kiết-la. Phương tiện muốn đi mà không đi, phạm Đột-kiết-la. Nếu cùng ngủ ở trong thôn, thì khi nằm duỗi tay phải đụng nhau, nếu không đụng phạm Tăng tàn. Trường hợp không thấy nhau, nhưng nghe tiếng nói nhau, hoặc không nghe tiếng nhau nhưng thấy nhau thì phạm Thâu-lan-giá.

Không phạm: Hoặc lội bằng thần túc, qua bằng thuyền bè, bằng cầu, bằng đò, bằng đá qua sông. Nếu bạn Ni qua đời, thôi tu v.v... hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, ác thú nạn, hoặc cường lực đem đi, hoặc bị nước trôi. Vào thôn cũng vậy. Hai Ni ngủ chỗ duỗi tay đụng nhau, một Ni ra ngoài đại tiểu tiện, hoặc thọ kinh, tụng kinh, hoặc vì Ni bệnh nấu cháo, cơm, canh và mạng nạn v.v... Cùng đi cũng vậy.

GIỚI THỨ 8 (Nhận của nam nhiễm tâm):

Tỳ-kheo-ni nào, với tâm nhiễm ô, biết người nam tử có tâm nhiễm ô, theo họ nhận thức ăn và ăn, cùng các vật khác, Tỳ-kheo-ni ấy, vừa làm nên bỏ, bằng không bỏ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO12:

Lúc bấy giờ, mất mùa, khất thực khó được. Đề-xá Nan-đà đến một nhà buôn khất thực. Người chủ nhà buôn để ý cô, bèn cho cơm canh đầy bát. Đề-xá sau đó thường đến nhà buôn này khất thực. Một hôm nọ, người kia từ xa thấy cô Ni đến, bèn tự tính nhẩm: Số vật thực trước sau cho cô này ăn, trị giá có thể năm trăm kim tiền, đủ để mua một người đàn bà, liền đến trước ôm cô Ni, muốn hành dâm, cô Ni la to:

- Đừng làm vậy, đừng làm vậy.

Người lân cận hỏi, biết sự việc và hỏi cô Ni:

- Cô có biết ý của người kia cho cô ăn vì việc gì không?

Trả lời: - Biết.

Người lân cận nói: - Đã biết, tại sao lại la lớn?

Khi ấy, các Ni hiềm trách, bạch Tỳ-kheo thưa lại Thế Tôn kiết giới.

GIẢI THÍCH:

Thứ có thể ăn: là chỉ cho căn, cành, lá, hoa, quả, dầu, hồ ma, hắc thạch mật, thức ăn nhỏ mịn vậy.

Thức ăn: là chỉ cho cơm, bún, cơm khô...

Các vật khác: là chỉ cho vàng, bạc, trân bảo v.v...

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Với tâm nhiễm ô, biết người nam tử có tâm nhiễm, theo nhận vật thực, phạm Tăng tàn. Thiên tử, A-tu-la tử, cho đến súc sanh có thể biến hình, phạm Thâu-lan-giá. Không biến hình được, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo, phạm Đột-kiết-la. Ba chúng dưới, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Không biết họ có tâm nhiễm ô.

Luật Căn bản nói:

Ni có nhiễm tâm, nam tử không có nhiễm tâm, mắc tội thổ-la (Thâu-lan-giá); Ni không có nhiễm tâm, mắc tội ác tác.

GIỚI THỨ 9 (Tán trợ ni khất thực bất chính):

Tỳ-kheo-ni nào, dạy Tỳ-kheo-ni nói như vầy: "Đại ty,û dầu người kia có tâm nhiễm ô, hay không có tâm nhiễm ô, can hệ gì đến cô? Miễn sao nơi cô không có tâm nhiễm ô. Nếu được thức ăn nơi họ, hợp thời thanh tịnh thì nhận." Tỳ-kheo-ni này, vừa làm nên bỏ, bằng không bỏ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO13:

Đề-xá vào thành khất thực, mang bát không trở về, Lục quần Ni và mẹ của Đề-xá nói với Đề-xá những lời như vậy14, nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng kia, Đột-kiết-la.

Không phạm: nói vui giỡn v.v...

GIỚI THỨ 10: Không bỏ pháp phá hoại Tăng.

GIỚI THỨ 11: Không bỏ bè đảng phá Tăng.

GIỚI THỨ 12: Bị tẫn không phục tùng.

GIỚI THỨ 13 : Không bỏ ác tánh.

Bốn giới này đồng với Tỳ-kheo.

GIỚI THỨ 14 (Tương thân tương trợ ác hành):

Tỳ-kheo-ni nào, gần gũi ở chung, cùng làm hạnh ác, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt che tội cho nhau. Tỳ-kheo-ni này nên can gián Tỳ-kheo-ni kia rằng: "Đại tỷ, các chị chớ gần gũi ở chung, cùng làm hạnh ác, tiếng xấu đồn khắp, cùng nhau che tội. Nếu các chị không gần gũi ở chung, đối với trong Phật

pháp được tăng ích an vui mà sống". Khi Tỳ-kheo-ni này can gián, Tỳ-kheo-ni kia kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo-ni này ba phen can gián để bỏ việc vày. Cho đến ba phen can gián, bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia, phạm pháp ba phen không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa. (Tam pháp giả, Tam gián bất xả, phương hoạch Tăng tàn tội dã. Ưng xả giả, diệc ưng xả nhi bất phạm dã).

NGUYÊN DO15:

Có hai Tỳ-kheo-ni, thường gần gũi ở chung, cho đến cùng che tội cho nhau, chư Ni can gián mà không chịu thay đổi. Phật khiến Ni Chúng tác Yết-ma can gián mà kiết giới này.

GIẢI THÍCH:

Gần gũi: là thường cười giỡn với nhau, thường cợt ghẹo qua lại, thường chuyện trò với nhau.

Hạnh ác: là tự trồng cây bông, dạy người trồng, tưới nước, xâu hoa. Cho đến cùng với người lớn, trẻ con nằm một giường một ghế, ăn chung một đồ đựng, ca múa, hát xướng v.v...

Tiếng ác: là tiếng ác lưu khắp bốn phương, đâu đâu cũng nghe.

Tội: là che giấu các tội, trừ pháp bát khí (tám pháp Ba-la-di).

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ba phen Yết-ma xong, phạm Tăng tàn. Các việc khác như giới trước.

Luật Thập tụng nói:

Nếu tạo nhân duyên không tốt, phạm Thâu-lan-giá. Có tiếng xấu ác, làm phiền Ni Chúng, che tội cho nhau, đều phạm Thâu-lan-giá. Trước hết nên dùng lời nhoû nhẹ khuyên bảo, như trước.

GIỚI THỨ 15 (Tán trợ hạnh ác):

Tỳ-kheo-ni nào, khi Tỳ-kheo-ni Chúng vì họ tác pháp ha trách, mà Tỳ-kheo-ni khác dạy họ như thế này: "Các chị đừng ở riêng, nên ở với nhau. Tôi cũng thấy các Tỳ-kheo-ni khác không ở riêng, cùng ở với nhau làm các hạnh xấu,

tiếng ác đồn khắp, che giấu tội cho nhau. Tăng vì không bằng lòng chị, nên bảo chị ở riêng.” Tỳ-kheo-ni này nên can gián Tỳ-kheo-ni kia rằng: “Đại tỷ, đừng daïy các Tỳ-kheo-ni khác rằng: ‘Các chị đừng ở riêng, tôi cũng thấy các Tỳ-kheo-ni khác, ở với nhau, làm các hạnh ác, tiếng xấu đồn vang, che tội cho nhau. Tăng vì không bằng lòng chị nên bảo chị ở riêng.’ Nay chỉ có hai Tỳ-kheo-ni này, cùng ở với nhau làm các hạnh ác, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau, chứ không có cô nào nữa. Nếu Tỳ-kheo-ni này ở riêng thì mới có nếp sống tăng ích an lạc trong Phật pháp.” Tỳ-kheo-ni này khi can gián Tỳ-kheo-ni kia, kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo-ni này nên can ba lần, khiến cho bỏ việc ấy. cho đến ba lần can, bỏ thì tốt, không bỏ Tỳ-kheo-ni kia phạm pháp ba lần can không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO16:

Lục quần Ni dạy hai Tỳ-kheo-ni kia như vậy, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng đồng như giới trước.

Luật Thập tụng nói:

Nếu nói rằng: “Các chị đừng nên làm riêng rẽ, mà nên đồng tâm. Vì người làm riêng rẽ không tăng trưởng được, mà người đồng tâm làm thì được tăng trưởng”; tất cả đều phạm Thâu-lan-giá. Hoặc nói rằng: “Tăng giận nên bảo chị làm riêng”, thì phạm Ba-dật-đề. Trước không dùng lời nhỏ nhẹ khuyeân bảo, đồng như giới trước.

GIỚI THỨ 16 (Dọa bỏ đạo):

Tỳ-kheo-ni nào, chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn không vui, bèn nói: “Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. không phải riêng trong Thích tử mới có Sa-môn; Bà-la-môn cũng có các Sa-môn, tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến nơi đó tu phạm hạnh”. Tỳ-kheo-ni này nên can Tỳ-kheo-ni kia rằng: “Đại tỷ, đừng chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn không vui, bèn nói: Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải riêng chỉ Thích tử mới có Sa-môn; Bà-la-môn cũng có Sa-môn tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến nơi đó tu phạm hạnh.” Tỳ-kheo-ni này khi can Tỳ-kheo-ni kia kiên trì không bỏ, Tỳ-kheo-ni này nên can ba lần, cho bỏ việc ấy, cho đến ba lần can, bỏ thì tốt, không bỏ Tỳ-kheo-ni kia phạm pháp ba lần can không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO17:

Cũng do Lục quần Ni, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng đều đồng như giới trước.

Luật Thập tụng nói:

Nếu nói rằng: Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ Giới, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói rằng: Chẳng phải chỉ có Sa-môn, Thích tử biết đạo, vì chê trách Tăng, nên phạm Ba-dật-đề. Trước phải dùng lời nhỏ nhẹ khuyên bảo.

GIỚI THỨ 17 (Vu tăng thiên vị):

Tỳ-kheo-ni nào, ưa đấu tranh, không nhớ những điều đấu tranh, sau đó giận hờn nói: "Tăng có ái, có giận hờn, có bất minh, có sợ hãi". Tỳ-kheo-ni này nên can gián Tỳ-kheo-ni kia rằng: Này em, đừng ưa đấu tranh, mà không nhớ những điều đấu tranh, sau đó giận hờn nói: Tăng có ái, có giận hờn, có bất minh, có sợ hãi'. Mà thật ra Tăng không có ái, không có giận hờn, không có bất minh, không có sợ hãi. Cô tự có ái, có giận hờn, có bất minh, có sợ hãi." Tỳ-kheo-ni này, khi can gián Tỳ-kheo-ni kia, kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo-ni này nên can ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can, bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni kia phạm pháp ba phen can gián không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

NGUYÊN DO18:

Do Tỳ-kheo-ni tên Hắc, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ, nặng đều đồng như giới trước.

---o0o---

III. BA MƯƠI PHÁP NI-TÁT-KỲ BA-DẬT-ĐỀ

(Luật Căn bản lại có tới 33 pháp).

GIỚI THỨ 1: Chứa y dư. (Luật Tăng kỳ nói: "Cho phép Ni chứa 20 y: 5 y thọ trì, 15 y tịnh thí rồi thọ dụng. Nếu chứa quá số đó, phạm Xả đọa. Tỳ-kheo không hạn định vấn đề tịnh thí, thọ dụng không phạm).

GIỚI THỨ 2: Lìa y ngủ.

GIỚI THỨ 3: Chứa y quá một tháng.

GIỚI THỨ 4: Đến xin nơi người không phải thân quyến.

GIỚI THỨ 5: Thọ y quá số.

GIỚI THỨ 6: Yêu cầu tăng thêm tiền sắm y.

GIỚI THỨ 7: Yêu cầu chung tiền sắm y.

GIỚI THỨ 8: Đòi y quá sáu lần.

GIỚI THỨ 9: Nhận kim ngân.

GIỚI THỨ 10: Mua bán bảo vật.

GIỚI THỨ 11: Buôn bán.

GIỚI THỨ 12: Chứa bát đẹp.

GIỚI THỨ 13: Nhờ thợ may y không phải bà con.

GIỚI THỨ 14: Cầu dệt y tốt.

GIỚI THỨ 15: Cho y rồi giận đòi lại.

GIỚI THỨ 16: Thuốc quá bảy ngày.

GIỚI THỨ 17: Chứa y cấp thí quá thời hạn.

GIỚI THỨ 18: Xoay vật của Tăng về cho mình.

Đều đồng với Tỳ-kheo.

Giới thứ 19:

Tỳ-kheo-ni nào, cần vật này lại đòi vật kia, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO19:

Thâu-la-nan-đà đến nhà Đàn-việt nói cần váng sữa (tô). Họ mua váng sữa trao cho, lại nói: - Không cần váng sữa, cần dầu (du). Đàn-việt cơ hiềm, cho nên chế. Cầu các vật khác cũng như vậy.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nên xả cho Ni Chúng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả riêng chúng, nếu xả không thành xả, thì phạm Đột-kiết-la. Xả rồi nên sám hối. Người nhận sám hối, bạch chúng rồi sau đó nhận sám hối. Nói với phạm nhơn rằng: - Hãy tự trách tâm mình. Đương sự đáp: - Dạ. Ni Chúng liền nên Bạch nhị yết-ma hoàn vật xả này trả lại cho chủ. Không trả lại phạm Đột-kiết-la. Ai bảo đừng trả cũng phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng kia, Đột-kiết-la.

Không phạm: Cần váng sữa đòi váng sữa, cần dầu đòi dầu. Cần vật gì đòi vật ấy.

Giới thứ 20:

Tỳ-kheo-ni nào, biết Đàn-việt vì Tăng cúng để làm việc này, đem làm việc khác, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO20:

Ni Chúng thuyết giới nơi đất trống. Cư sĩ cúng vật tư để làm nhà thuyết giới. Ni lại nghĩ: Chúng ta thấy chỗ nào tiện, thì ngồi thuyết giới. Y phục khoù có đủ 5 y nên chúng tôi đem vật liệu đổi lấy y, chia cho nhau, vì vậy vẫn thuyết giới chỗ đất trống. Cư sĩ cơ hiềm, nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Cúng để may y đem làm phòng. Cúng chỗ này đem làm chỗ khác, tất cả cùng phạm. Bốn chúng khác, Đột-kiết-la.

Không phạm: Hỏi chủ rồi sử dụng, theo chỗ đã phân dụng. Khi họ cúng, có nói tùy ý sử dụng.

Giới thứ 21:

Tỳ-kheo-ni nào, vì Tăng tìm cầu vật để làm việc này, rồi lại đem làm việc khác, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO21:

Cựu trú của Ni ở nước Xá-vệ, nghe Ni An Ẩn muốn đến, liền đến từng nhà xin thức ăn được nhiều tài vật y thực. Nhưng sau đó Ni An Ẩn không đến, họ bèn đem tài vật đó đổi chác chia nhau. Thời gian sau đó, cô Ni An Ẩn đến và vào thành khất thực. Cư sĩ hỏi biết cô không nhận tài vật đó nơi Tăng, bèn đến nơi cựu trú hỏi, biết việc ấy, mọi người cơ hiềm cho nên Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Cầu để làm y đem làm thức ăn, cầu để làm việc này đem làm việc khác. Tất cả cùng phạm. Bốn chúng kia Đột-kiết-la.

Không phạm: Nói với cư sĩ tùy ý sử dụng. Hoặc cư sĩ cúng vật rồi nói: tùy ý sử dụng. Sau đây đều đồng.

Giới thứ 22:

Tỳ-kheo-ni nào, người Đàn-việt cúng vật để làm việc này, đem làm việc kia, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề

NGUYÊN DO22:

Có cư sĩ hỏi cô An Ẩn rằng:

- Nếp sống có an vui không?

Được trả lời:

- Chỗ ở ồn ào không vui.

Lại hỏi:

- Cô không có phòng riêng hay không?

Được đáp:

- Không có.

Người ấy liền cúng đủ số tiền đeả cất phòng. Cô Ni lại nghĩ: Nếu làm phòng sẽ sanh ra đa sự phiền bận, còn y phục khó được. Nên dùng nó đổi lấy y phục. Cư sĩ cơ hiềm, nên chế.

Giới thứ 23:

Tỳ-kheo-ni nào, Đàn-việt vì Tăng cúng vật để làm việc này, đem làm các việc khác, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO23:

Ni Chúng vì làm phòng, đi khắp nơi tìm cầu tài vật rồi đem đổi y chia nhau, nên chế.

Giới thứ 24:

Tỳ-kheo-ni nào, chứa bát dư, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO24:

Do bởi Lục quần Ni, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ngày này được bát, ngày này nên thọ trì một bát, còn dư nên tịnh thí.

Luật Căn bản nói:

Được phép trải qua một đêm.

Luật Tăng kỳ nói:

Ni được phép chứa 16 cái bát. Một cái thọ trì, ba cái tác tịnh thí, bốn cái quá bát, bốn cái giảm bát, bốn cái tùy bát. Nếu chứa quá số, phạm Xả đọa.

Giới thứ 25:

Tỳ-kheo-ni nào, sắm nhiều đồ có màu sắc đẹp, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO25:

Cũng do bởi Lục quần Ni, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ngày này được đồ nên thọ. Vật cần dùng có thể là 16 cái, dư nên tịnh thí. 16 cái là: cái chõ lớn, cái vung chõ, cái bồn lớn, cái thìa, chõ nhỏ, vung chõ nhỏ, bồn nhỏ, cái thìa, bình nước, nắp bình, bồn vừa, thìa vừa, bình rửa, nắp bình, bồn thìa nhỏ.

Giới thứ 26:

Tỳ-kheo-ni nào, hứa cho Tỳ-kheo-ni khác Tỳ-kheo-ni bệnh, sau không cho, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO26:

Chiên-đàn-thâu-na thường tự bảo không dục tưởng, nói với một cô Ni rằng: "Nếu nguyệt thủy (kinh nguyệt) của cô có thì đến tôi lấy cái y bệnh ấy". Sau đó, Thâu-na nguyệt kỳ ra, cô Ni kia cũng ra. Cô Ni kia bảo người đến lấy y bệnh. Thâu-na không đưa. Cô Ni kia hiềm trách, cho nên chế.

GIẢI THÍCH:

Y bệnh: là cái y che thân khi nguyệt thủy ra, bên trong mặc Niết-bàn tăng.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trừ y bệnh, hứa cho y khác, và các vật cần dùng khác mà không cho, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu không có bệnh, hoặc may y bệnh, hay cô Ni kia phá giới, cho đến mạng nạn v.v...

Giới thứ 27:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng y phi thời, sử dụng làm y đúng thời, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO27:

Bởi lục quần Ni, cho nên chế.

GIẢI THÍCH:

Thời y (y đúng thời): là an cư rồi, không thọ y Ca-thi-na, một tháng; có thọ, Ca-thi-na, năm tháng.

Phi thời y: là ngoài thời gian đó, bất cứ lúc nào nhận được là y dư vậy.

Không phạm: Phi thời y sử dụng làm phi thời y. Thời y sử dụng làm thời y.

Luật Thập tụng nói:

Thời y làm phi thời y để chia, phi thời y làm thời y để chia, đều phạm Xả đọa. Thời y, "an cư Tăng" nên chia. Phi thời y "hiện tiền Tăng" nên chia.

Giới thứ 28:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng với Tỳ-kheo-ni khác trao đổi y. Sau giận hờn, tự đoạt lấy lại, hoặc bảo người đoạt lấy, nói: "Em trả y tôi lại, tôi không đổi cho em. Y em thuộc của em, y tôi trả lại tôi". Phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO28:

Bởi Thâu-la-nan-đà cho, nên chế.

GIẢI THÍCH :

Đổi chác: là dùng y đổi y; hoặc dùng y đổi phi y, hoặc dùng phi y đổi y; hoặc dùng phi y đổi phi y, kim may, dao chỉ, vật nhỏ... cho đến một viên thuốc.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đoạt rồi lấy cất phạm Xả đọa; không cất giấu, phạm Đột-kiết-la. Lấy khỏi chỗ, phạm Xả đọa, không khỏi chỗ phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Dùng lời ôn hòa khuyên dụ nói: "Em! Tôi hối hận, trả y tôi lại." Người kia biết có ý hối hận trả lại. Hoặc các Ni khác bảo họ trả lại. Hoặc người kia mượn mặc trái phép, nên lấy lại, hoặc đoán biết sẽ mất, hoặc sợ hư, hoặc người kia phá giới v.v... cho đến mạng nạn, đoạt mà không cất giấu.

Giới thứ 29:

Tỳ-kheo-ni nào, xin y nặng, tối đa là bằng giá bốn lớp trương điệp29. Nếu quá, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Y nhiều lớp: là y ngăn lạnh. Tìm cầu y nhiều lớp, tối đa là 16 điều.

Không phạm: Tìm cầu bốn lớp, hoặc ít hơn, hoặc không đòi mà được.

Giới thứ 30:

Tỳ-kheo-ni nào, muốn xin y mỏng (ít lớp) ít nhất cũng hai trương điệp rưỡi. Nếu quá, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Y nhẹ mỏng: là y chống nóng.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Xin y mỏng, ít nhất là 10 điều.

Không phạm: Đồng như giới trước.

---o0o---

VI. MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM PHÁP BA-DẬT-ĐỀ

Luật Tăng kỳ chỉ có 141 pháp.

Luật Ngũ phần có tới 210 pháp.

Luật Căn bản có 180 pháp.

1) Vọng ngữ.

2) Hủy báng.

3) Hai lưỡi.

4) Cùng nam tử đồng nhà ngủ đêm.

5) Ngủ quá ba đêm với người nữ chưa thọ giới.

6) Cùng người chưa thọ giới, tụng pháp.

7) Đến người ngoài nói tội thô của người khác.

8) Nói pháp đã chứng với người ngoài.

9) Cùng nam tử nói pháp quá lời.

10) Đào đất.

11) Phá hoại mầm sống cây cỏ (Quỷ thần thôn).

12) Nói quanh não người.

13) Hiềm mắng.

14) Trải tọa cụ của Tăng không dọn.

15) Trong phòng Tăng không dọn ngọa cụ.

16) Cưỡng đoạt chỗ ngủ.

17) Kéo người khác ra khỏi phòng.

18) Ngồi giường sút chân trên lầu.

19) Nước có trùng nhồi đất, tưới cây.

20) Lợp phòng quá ba lớp tranh.

21) Thọ quá một bữa ăn.

22) Ăn riêng chúng.

23) Thọ quá ba bát.

24) Phi thời ăn.

25) Ăn đồ cách đêm.

26) Tự thọ đồ ăn.

27) Đến nhà khác không dặn người.

28) Cưỡng ngồi nhà ăn.

29) Ngồi nơi chỗ vắng nơi nhà ăn.

30) Ngồi riêng với người nam tử.

31) Cố ý không cho người khác ăn.

32) Thọ thuốc quá.

33) Xem quân trận.

34) Ngủ quá ba đêm nơi quân trận.

35) Xem quân sự.

36) Uống rượu.

37) Giỡn trong nước.

38) Thọt lét.

39) Không nhận lời can.

40) Khủng bố người.

41) Tắm quá mức.

42) Nhen lửa nơi đất trống.

43) Giỡn giấu của người.

44) Vội bận y tịnh thí.

45) Y không nhuộm.

46) Giết súc sanh.

47) Uống nước có trùng.

48) Cố ý não người.

49) Che tội thô của người.

50) Phát khởi tránh sự.

51) Đồng giặc cùng đi.

52) Không bỏ ác kiến.

53) Người bạn ác kiến.

54) Nuôi Sa-di-ni bị đuổi.

55) Chống cự lời can, lại cật vấn.

56) Coi thường nói giới.

57) Vô tri thức.

58) Vi phạm Yết-ma.

59) Không dữ dục.

60) Dữ dục rồi lại hối hận.

61) Nghe lén.

62) Giận đánh Tỳ-kheo-ni.

63) Giận dọa Tỳ-kheo-ni.

64) Vô căn cứ hủy báng, Tăng tàn.

65) Vội vào cửa cung.

66) Cầm vật báu.

67) Vào xóm phi thời.

68) Làm giường cao.

69) Làm nệm bông.

Đều đồng với Tỳ-kheo.

Giới thứ 70:

Tỳ-kheo-ni nào ăn tỏi, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO30:

Thâu-la-nan-đà lấy hết tỏi trong vườn. Chủ vườn cơ hiềm cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng khác, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Bịnh không ăn tỏi không lành, cho phép dùng hoặc để thoa ghẻ.

Giới thứ 71:

Tỳ-kheo-ni nào cạo lông ba chỗ, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO31:

Như dâm nữ, tặc nữ cho nên chế.

GIẢI THÍCH:

Lông ba chỗ: là đại, tiểu tiện và dưới nách.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Một lần động dao là một Ba-dật-đề. Nếu nhổ, hớt, đốt đều mắc tội Đột-kiết-la. Tỳ-kheo Thâu-lan-giá, ba chúng dưới Đột-kiết-la.

Không phạm: Có ghẻ cần cạo để xức thuốc.

Giới thứ 72:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng nước tác tịnh32, nên dùng hai ngón tay, mỗi ngón một lóng. Nếu quá, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Hai chúng kia phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu trong đó có cỏ, có trùng cần móc ra.

Giới thứ 73:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng hồ giao làm nam căn, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Dùng các vật khác làm và sử dụng đều phạm Ba-dật-đề. Không sử dụng, Đột-kiết-la. Hai chúng nữ khác, Đột-kiết-la.

Không phạm: Hoặc có bệnh cần xức thuốc, hoặc bệnh y làm nghẹt nguyệt thủy33.

Giới thứ 74:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng vỗ với nhau, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu dùng bàn tay hoặc bàn chân vỗ. Người vỗ, Đột-kiết-la. Người nhận vỗ, Ba-dật-đề, nếu hai nữ căn cùng nhau vỗ, cả hai đều phạm Ba-dật-đề. Hai chúng nữ khác Đột-kiết-la.

Giới thứ 75:

Tỳ-kheo-ni nào, Tỳ-kheo không bệnh, khi ăn cung cấp nước, đứng phía trước, dùng quạt, quạt, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO34:

Có một trưởng giả cùng với vợ đều xuất gia. Khi đang ăn, người vợ cũ bưng nước đứng phía trước, lấy quạt, quạt. Tỳ-kheo nói rằng:

- Đứng tránh một chút, tôi mắc cỡ với người ta.

Cô Ni nói:

- Tôi đứng thế này nói mắc cỡ, trước kia làm việc như vậy như vậy, sao không mắc cỡ?

Cô ta liền dùng cán quạt đánh, rót nước trên đầu, rồi bỏ vào phòng. Vì vậy nên Phật chế.

Khi ấy, các Ni không dám nuôi bệnh Tỳ-kheo, không có người rót nước, không dám hỏi. Phật dạy: "Cho phép các Ni nuôi Tỳ-kheo bệnh, nếu không có ai rót nước, được phép thưa hỏi".

Giới thứ 76:

Tỳ-kheo-ni nào, xin ngũ cốc sống, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Xin ngũ cốc sống như hồ ma (mè), gạo, đậu, đại tiểu mạch, tất cả đều Ba-dật-đề. Bốn chúng khác Đột-kiết-la.

Không phạm: Đến bà con xin, đến người xuất gia xin, không xin mà họ tự cho.

Giới thứ 77:

Tỳ-kheo-ni nào, đại tiểu tiện trên cỏ tươi, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO35:

Cách tinh xá của Ni không xa, có một vùng cỏ tươi tốt các cư sĩ thường đến đó nằm ngồi đùa giỡn, làm động chư Ni ngồi thiền. Các Ni coi đó là một hoạn nạn, nên dùng phẩn quét lên trên cỏ, các cư sĩ đến giờ thường lệ, trở lại ngồi chơi, bị nhớp thân và y, cùng nhau cơ hiềm, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng kia, Đột-kiết-la.

Không phạm: Đại tiểu tiện nơi không có cỏ tươi rồi nước chảy đến trên cỏ tươi v.v...

Giới thứ 78:

Tỳ-kheo-ni nào, sau đêm đại tiểu trong bô, sáng ngày đem đổ ngoài tường mà không xem trước, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO36:

Lục quần Ni, ban đêm đại tiện trong bô, sáng sớm không xem trước mà đem đổ ngoài tường. Sáng sớm có một đại thần cỡi xe, muốn đến yết kiến Bình-sa vương. Trên lộ trình phải đi ngang qua bên tinh xá, nên bị đổ đại tiểu tiện rớt trên đầu. Đại thần muốn đến kiện quan đoán sự. Có vị quan Bà-la-môn giàu lòng tin, can gián không cho kiện, rồi đến tinh xá Ni nói: Về sau đừng làm như vậy. Cho nên Tỳ-kheo bạch Phật, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu ban đêm không tằng hắng, hay khảy móng tay mà đổ, phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng khác, Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu chỗ đoù đã có gạch đá... nhơ nhớp v.v...

Giới thứ 79:

Tỳ-kheo-ni nào, đến xem nghe kỹ nhạc, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đến mà thấy, Ba-dật-đề, không thấy Đột-kiết-la. Muốn đi rồi trở lại, đều Đột-kiết-la. Bốn chúng khác, Đột-kiết-la.

Không phạm: Hoặc có việc cần tìm đến trình, hoặc bị gọi đến, trên lộ trình đi qua, hoặc chỗ họ ngủ lại đêm, hoặc bị cường lực bắt đi, hoặc mạng nạn v.v...

Giới thứ 80:

Tỳ-kheo-ni nào, vào trong xóm, cùng người nam tử đứng chỗ vắng nói chuyện, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Với đồng bạn đui không điếc, điếc không đui, phạm Đột-kiết-la. Đứng mà không nói, Đột-kiết-la.

Không phạm: Hai Ni làm bạn nhau, có người tri thức làm bạn, có nhiều người nữ cùng đứng. Hoặc không đui, không điếc hoặc đi chứ không đứng lại, hoặc bị bệnh té xỉu cho đến mạng nạn v.v...

Giới thứ 81:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng nam tử vào chỗ khuất kín, phạm Ba-dật-đề.

Giới thứ 82:

Tỳ-kheo-ni nào, vào trong đường hẻm, bảo bạn đi cách xa, ở chỗ vắng cùng nam tử đứng, nói nhỏ, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bảo bạn rời chỗ thấy, không rời chỗ nghe, rời chỗ nghe không rời chỗ thấy, đều phạm Đột-kiết-la.

Giới thứ 83:

Tỳ-kheo-ni nào, vào nhà bạch y ngồi, không nói với chủ nhà mà bỏ đi, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO37:

Có cô Ni đến nhà cư sĩ, vợ cư sĩ trải giường riêng mời ngồi, rồi vào trong nhà trong. Người Ni không nói với chủ mà đi. Lúc đó lại có một Ma-nạp38 vào nhà đó, nhìn bốn phía không thấy ai, bèn xách giường đi cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Một chân trong cửa v.v... đều phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng khác, Đột-kiết-la.

Không phạm: Trên chỗ ngồi có người khác cùng ngồi. Hoặc dặn người ngồi gần, họ nói cứ đi. Hoặc ngồi trên đá, trên gỗ, trên tường, trên cỏ, trên đất cứng. Hoặc nhà sắp sập, hoặc lửa cháy, hoặc có rắn độc, ác thú, đạo tặc, cho đến mạng nạn...

Giới thứ 84:

Tỳ-kheo-ni nào, vào trong nhà bạch y, không hỏi chủ vội ngồi trên giường, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO39:

Nơi thành La-duyệt có một vị đại thần, không tin Phật pháp, có một giường riêng, không ai dám ngồi. Thâu-la-nan-đà không hỏi mà ngồi, nguyệt thủy nhớp nệm giường ông ta. Đại thần hiềm giận, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng khác, Đột-kiết-la.

Không phạm: Hoặc chỗ thường ngồi, hoặc là bà con, hoặc có bà con bảo ngồi, hoặc ngồi trên cây trên đá v.v...

Giới thứ 85:

Tỳ-kheo-ni nào, vào trong nhà của bạch y, mà không hỏi chủ, vội tự trải tòa ngủ, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng khác, Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu nhà không, nhà phước (nhà từ thiện), hoặc tri thức.

Giới thứ 86:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng nam tử vào trong nhà tối, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng khác, Đột-kiết-la.

Không phạm: Có đèn, lửa, cửa mở có ánh sáng, cho đến mạng nạn v.v...

Giới thứ 87:

Tỳ-kheo-ni nào, không xét kỹ lời nói, mà đến nói người khác, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO:

Tỳ-kheo-ni Sám-ma bảo đệ tử lấy y, bát, tọa cụ, ống kim, đệ tử nghe không kỹ, nói với các Ni rằng: Thaày tôi bảo tôi trộm y, bát... Chư Ni hỏi, biết rõ vấn đề, hiềm trách, cho nên bạch Phật chế giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Sự thật là vậy. Hoặc nói giỡn chơi, cho đến nói nhầm.

Giới thứ 88:

Tỳ-kheo-ni nào, chỉ vì chút việc nhỏ, liền thề thốt sẽ đọa ba đường ác, không sanh trong Phật pháp. Hoặc nói tôi có việc như vậy, cũng sẽ đọa ba đường ác, không sanh trong Phật pháp. Hoặc bảo cô có việc như vậy cũng sẽ đọa ba đường ác, không sanh trong Phật pháp, tất cả đều phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phật dạy: Từ nay về sau cho phép xưng "Nam mô Phật" nếu tôi có việc như vậy, "Nam mô Phật". Nếu cô có việc như vậy cũng "Nam mô Phật". Nếu thốt ra lời thề phạm Ba-dật-đề. Bốn chúng kia, Đột-kiết-la.

Giới thứ 89:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng nhau đấu tranh, không khéo ghi nhớ việc đấu tranh, đấm ngực khóc la, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Một lần đấm ngực, phạm một Ba-dật-đề. Rớt một giọt nước mắt, phạm một Ba-dật-đề. Bốn chúng kia Đột-kiết-la.

Không phạm: Hoặc ăn bị nghẹn tự đấm, hoặc nhân đại tiểu tiện, hoặc nhân gió nóng lạnh, hoặc bị khói xông, hoặc nghe pháp tâm sanh nhàm chán thân, hoặc mắt bị bệnh nhỏ thuốc, nước mắt chảy.

Giới thứ 90:

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh mà hai người cùng nằm một giường, phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Có bệnh, hoặc bị trói...

Giới thứ 91:

Tỳ-kheo-ni nào, nằm chung một nệm, đắp một mền, trừ dư thời (trường hợp đặc biệt), phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Một nệm khác mền, một mền khác nệm, Đột-kiết-la. Bốn chúng kia, Đột-kiết-la.

Không phạm: Trời lạnh mà chỉ có một cái mền, cho phép mỗi người đều mặt áo lót.

Giới thứ 92:

Tỳ-kheo-ni nào, biết cô kia ở trước, mình đến sau, hoặc biết cô kia ở sau, mình đến trước. Vì muốn gây phiền não, nên ở trước mặt tụng kinh, hỏi nghĩa, dạy bảo, phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Nếu không biết, nếu cho phép trước, hoặc là thân hậu (bằng hữu), hoặc người thân hậu nói, cứ dạy bảo. Nếu người ở trước đến người ở sau thọ kinh. Hoặc người đến sau, tới người ở trước thọ tụng. Hoặc là hai người đến người khác thọ. Hay là hai người này hỏi, người kia đáp. Hay cùng nhau tụng v.v...

Giới thứ 93:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng sống mà Tỳ-kheo-ni kia bệnh, không săn sóc, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Trừ người đồng bệnh nếu hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) cho đến người thân hậu, tri thức mà không săn sóc, đều phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng kia phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu mình cũng bệnh, hoặc mạng nạn v.v...

Giới thứ 94:

Tỳ-kheo-ni nào, khi mới an cư đã cho phép Tỳ-kheo-ni khác để giường trong phòng, sau đó vì giận đuổi ra, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tùy theo nhiều người, nhiều cửa, mỗi mỗi phạm một Ba-dật-đề40. Bỏ các y vật khác ra ngoài, hoặc đóng cửa khiến họ không vô được đều phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng kia, Đột-kiết-la.

Không phạm: Không vì giận hờn, tùy theo thứ tự bảo hạ tọa ra. Người chưa thọ giới, cùng ngủ đủ hai đêm, đêm thứ ba bảo ra. Nếu người kia phá giới, cho đến nên diệt tẫn. Hoặc do những việc này mà có mạng nạn, phạm hạnh nạn.

Giới thứ 95:

Tỳ-kheo-ni nào, xuân, hạ, thu, đông tất cả thời đều du hành trong nhơn gian, trừ nhân duyên khác, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

(Sự không phạm): Nếu vì việc của Tam bảo, việc nuôi bệnh, cho phép thọ phép bảy ngày, đi ra ngoài.

Giới thứ 96:

Tỳ-kheo-ni nào, an cư mùa hạ rồi, không đi, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

An cư rồi nên xuất hành. Cho đến một đêm không xuất hành, phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Cư sĩ kia mời ở lại, hoặc nhà nhà mời cơm, hoặc bà con nam nữ mời. Hoặc gặp bệnh nhơn không có bạn chăm sóc, hoặc nạn nước, cho đến bị trói, mạng nạn.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu chưa ngang mức thời gian đã thỉnh, hoặc chẳng phải chỗ thỉnh an cư, không đi, không phạm.

Giới thứ 97:

Tỳ-kheo-ni nào, nơi biên giới có chỗ nghi là khủng bố mà vẫn dạo trong nhơn gian, phạm Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Biên giới là nơi cách thành thị.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Vào trong thôn, cứ mỗi giới hạn của thôn, phạm Ba-dật-đề. Đi nơi khoảng đất trống (A-lan-nhã) mười dặm, phạm một Ba-dật-đề. Dưới một thôn hay dưới mười dặm, Đột-kiết-la.

Không phạm: Bị kêu, hoặc có việc cần nói, hoặc bị bắt... Hay đến trước rồi, sau mới nghi có việc khủng bố phát khởi.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu phi hành (đi trên không) thì không phạm.

Giouì thứ 98:

Tỳ-kheo-ni nào, trong phạm vi của cương giới, nghi có khủng bố, mà đi du hành, phạm Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Cương giới là trong phạm vi bốn cửa thành.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm, không phạm đồng như giới trước.

Giới thứ 99:

Tỳ-kheo-ni nào, gần gũi với cư sĩ, con cư sĩ, cùng ở, làm hạnh không tùy thuận. Các Tỳ-kheo-ni khác, can Tỳ-kheo-ni này rằng: "Cô đừng gần gũi cư sĩ, cùng ở với con cư sĩ, làm hạnh không tùy thuận. Cô, có thể ở riêng, nếu ở riêng thì có sự tăng ích sống an lạc trong Phật pháp." Tỳ-kheo-ni kia, khi can Tỳ-kheo-ni này kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo-ni kia nên can ba lần để bỏ việc này. Cho đến ba lần can, bỏ thì tốt, không bỏ, phạm Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Gần gũi: là thường thường nói cười giỡn cợt.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ba phen Yết-ma xong, Ba-dật-đề. Hai lần Yết-ma xong mà bỏ, ba Đột-kiết-la. Một phen Yết-ma xong mà bỏ, hai Đột-kiết-la. Bạch rồi mà bỏ, một Đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch làm hạnh không tùy thuận, tất cả đều phạm Đột-kiết-la. Bốn chúng kia Đột-kiết-la.

Không phạm: Khi vừa nói liền bỏ, hoặc quở trách phi pháp biệt chúng.

Giới thứ 100:

Tỳ-kheo-ni nào, đến cung vua, xem coi nhà vẽ41, vườn, rừng, hồ tắm, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Đến mà thấy, Ba-dật-đề, không thấy, Đột-kiết-la, phương tiện muốn đi... đều Đột-kiết-la. Bốn chúng kia, Đột-kiết-la.

Không phạm: Có việc cần trình, hoặc bị kêu thỉnh, hoặc lộ trình phải đi qua, hoặc nghỉ đêm hay bị bắt... Hay vì việc Tăng, việc Tháp, xem để vẽ mô hình.

Giới thứ 101:

Tỳ-kheo-ni nào, lõa hình tắm trong nước sông, nước suối, nước rạch, nước ao, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn chúng kia, Đột-kiết-la

Không phạm: Bị cường lực bắt buộc.

Giới thứ 102:

Tỳ-kheo-ni nào, may y tắm, cần may đúng lượng. Đúng lượng là bề dài sáu gang tay, bề rộng hai gang rưỡi tay Phật. Nếu quá, phạm Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Y tắm: là y dùng để che thân khi tắm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bề dài thì quá lượng, rộng thì đủ; bề dài đủ, bề rộng quá. Hay hai bề đều quá, tự mình làm hay bảo người làm mà thành đều phạm Ba-dật-đề; không thành, đều phạm Đột-kiết-la. Vì người làm thành, không thành đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo, Ba-dật-đề. Ba chúng kia, Đột-kiết-la.

Không phạm: Làm đúng lượng, làm giảm lại. Hay nhận được vật đã thành rồi, cắt bỏ đúng pháp mà dùng, hoặc may chồng lên.

Giới thứ 103:

Tỳ-kheo-ni nào, may Tăng-già-lê quá năm ngày, trừ còn tìm cầu Tăng-già-lê, xuất y công đức, sáu nạn khởi, phạm Ba-dật-đề.

(Tám nạn trừ 2: phi nhơn và ác thú, còn sáu: vì Ni không ở nơi A-lan-nhã vậy).

NGUYÊN DO42:

Thâu-la-nan-đà vì một cô Ni cắt y, muốn cho cô Ni kia phải cúng dường nên để lâu, y không may liền. Khi ấy, tinh xá bị cháy, vải may y bị cháy, nên chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo, ... Đột-kiết-la

Không phạm: Không có dao, kim, chỉ hay vì thiếu vải. Hoặc mạng nạn...

Giới thứ 104:

Tỳ-kheo-ni nào, quá năm ngày không xem Tăng-già-lê, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO43:

Có một cô Ni để Tăng-già-lê trong phòng, không coi lại để phơi hong, bị trùng cắn hư hoại, nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Các y khác và các vật khác, mỗi năm ngày, không xem phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Cất chỗ bảo đảm. Hoặc nhờ người khác coi sóc. Hoặc xem sợ mất.

Giới thứ 105:

Tỳ-kheo-ni nào, cản trở người cúng y cho Tăng, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO44:

Thâu-la-nan-đà có người quen biết tri thức muốn cúng cơm vaø y cho Tăng. Cô ta đến nói:

- Đại Tăng oai đức, nhiều Đàn-việt cúng dường. Ông còn nhiều chỗ để cúng dường, chỉ nên cúng cơm, khỏi phải cúng y.

Người quen kia nghe lời, không cúng y. Sáng ngày Ni Chúng đến, thấy oai nghi nghiêm chỉnh. Gia chủ mới nói lớn lời ăn năn không được cúng y đó. Chư Ni hỏi, biết rõ vấn đề... đến bạch Phật chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Làm cản trở vật khác, phạm Đột-kiết-la. Làm trở ngại (lưu nạn) việc cho người khác, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Giới thứ 106:

Tỳ-kheo-ni nào, không hỏi chủ mà mặc y của họ, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo, ... Đột-kiết-la.

Không phạm: Người thân quen nói, "Cô cứ bận đi!".

Giới thứ 107:

Tỳ-kheo-ni nào, đem y của Sa-môn cho người ngoại đạo, người bạch y, phạm Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Bạch y là người tại gia.

Ngoại đạo là người xuất gia ngoài Phật pháp.

Y Sa-môn là y hoại sắc.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Người kia nhận, phạm Ba-dật-đề. Người kia không nhận, phạm Đột-kiết-la. Phương tiện muốn cho... Đột-kiết-la. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Cho cha mẹ, cho người coi tháp, coi giảng đường, làm việc, tính theo thức ăn mà cho. Hoặc bị cường lực cưỡng đoạt.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu đổi y của Ni, hoặc trả nợ, đều không phạm.

Luật Tăng kỳ nói:

Cô Ni có đức, tín đồ xin một miếng cà-sa để trừ tai ương, nên khiến tịnh nhơn cho.

Giới thứ 108:

Tỳ-kheo-ni nào, chúng Tăng chia y đúng pháp, mà nghĩ đến việc cản ngăn không cho chia, vì sợ đệ tử của mình không có phần, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Vì phi thời, phi pháp, biệt chúng...

Giới thứ 109:

Tỳ-kheo-ni nào, có ý nghĩ như vầy: Nay muốn chúng Tăng đừng xả công đức y, sau sẽ xả, muốn cho năm điều phóng xả được lâu, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo, Đột-kiết-la.

Không phạm: Xả phi thời, phi pháp biệt chúng v.v...

Giới thứ 110:

Tỳ-kheo-ni nào, có ý nghĩ ngăn Tỳ-kheo-ni Chúng, không xả y Ca-thi-na, vì muốn được hưởng năm việc phóng xả lâu hơn, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nói mà rõ ràng, Ba-dật-đề, không rõ ràng, Đột-kiết-la.

Giới thứ 111:

Tỳ-kheo-ni nào, được Tỳ-kheo-ni khác yêu cầu rằng: "Cô vì tôi dập tắt tránh sự này", mà không tìm cách để dập tắt, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Những việc tranh cãi nhỏ khác, không dùng phương tiện để diệt, Đột-kiết-la. Nếu việc tranh cãi của bản thân, không dùng phương tiện diệt, hoặc việc tranh cãi của người khác, không dùng phương tiện diệt, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu bệnh, hoặc nói mà không làm, hay người đó phá giới v.v... Hoặc do việc ấy mà có mạng nạn.

Giouì thứ 112:

Tỳ-kheo-ni nào, tự tay đem thức ăn cho người bạch y và ngoại đạo ăn, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm, không phạm đồng như giới "cho y" trước.

Không phạm: Hoặc để dưới đất cho hay bảo người khác cho.

Giới thứ 113:

Tỳ-kheo-ni nào, làm sứ giả cho bạch y, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO45:

Lục quần Ni trông coi quản lý nhà người như: Xay lúa giã gạo, nấu cơm, cháo, thức ăn, hoặc trải giường chiếu, ngọa cụ, quét nhà, xách nước, hoặc nhận cho người sai khiến. Vì vậy cư sĩ chê cười, không cung kính, cho nên chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo tùy theo chỗ làm mà phạm. Ba chúng kia, Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu cha mẹ bệnh, hoặc bị trói buộc, vì họ trải giường, ngọa cụ, quét đất, xách nước, cung cấp những việc cần, nhận làm sứ giả. Hoặc kẻ Ưu-bà-tắc có lòng tin bị bệnh... cũng vậy, hoặc bị cường lực bắt buộc.

Giới thứ 114:

Tỳ-kheo-ni nào, tự tay quay chỉ, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Một sợi chỉ kéo ra là một Ba-dật-đề. Tỳ-kheo v.v... Đột-kiết-la.

Không phạm: Tự mình tách sợi tơ, se sợi tơ, hoặc bị sức mạnh bắt buộc.

Giới thứ 115:

Tỳ-kheo-ni nào, vào nhà bạch y, ngồi, nằm nơi giường lớn, giường nhỏ, phạm Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO46:

Thâu-la-nan-đà đến một nhà cư sĩ, vợ cư sĩ cởi áo, anh lạc, vào trong nhà tắm, Thâu-la-nan-đà bèn vội lấy áo, anh lạc, mặc vào, nằm trên giường của cư sĩ. Chồng của cư sĩ trở về nhà, thấy nằm, tưởng là vợ mình, liền đến nằm, rờ mò, hôn miệng, khi rờ gặp đầu trọc hỏi ra mới biết, hiềm trách, nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Lưng dính chiếu, Ba-dật-đề. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Giường riêng, ghế riêng. Nếu vì Ni Chúng, trải cho nhiều người ngồi, bệnh té xuống, hay dùng sức mạnh bắt v.v...

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU

---o0o---

1 Tứ phần luật 22, phần thứ hai giới pháp Tỳ-kheo-ni, tr. 715a, Đại 22n1428.

2 Tứ phần luật 22, tr. 716a, Đại 22n1428.

3 Tứ phần luật 22, tr. 716b, Đại 22n1428.

4 Giải tẫn: Tăng và Ni đã xả pháp "Bất kiến tội" về tội diệt tẫn.

5 Tứ phần luật 22, tr. 717a, Đại 22n1428.

6 Tứ phần luật 22, tr. 718b, Đại 22n1428.

7 Tương ngôn 相言O, bản Trùng trị 16 tr. 470c05, Vạn 40n719, in nhầm chữ. Tứ phần luật 22, tr. 719a20, Đại 22n1428: Quan ngôn 官言O.

8 Tứ phần luật 22, tr. 719b, Đại 22n1428.

9 Ly-xa 離奢: Tên của giòng họ thuộc giai cấp Sát-đế-lị thành Tỳ-xá-ly. Tiên tổ của giòng họ này sanh từ một bao thịt nên nó có nghĩa là bạc bì (da mỏng) hay có nghĩa là quý tộc. Luật Thiện kiến chép rằng: "Thuở xưa phu nhân của vua nước Ba-la-nại mang thai sanh ra một cục thịt đỏ như hoa mộc cận (hoa cây râm bụt), bèn làm một cái hộp bằng vàng mỏng đựng vào trong đó liệng xuống sông, có một đạo sĩ nhặt được mang về, nửa tháng sau cục thịt đó phân ra làm hai. Sau đó nửa tháng nữa hai mảnh đó mỗi mảnh sanh ra nhiều cái bọc. Trải qua nửa tháng kế tiếp nữa, một mảnh hiện ra là nam và mảnh kia là nữ. Nam có màu vàng kim còn nữ trắng bạch. Đạo sĩ thấy vậy vì lòng từ nên dùng ngón tay chỉ thì tự nhiên ra sữa và sữa

vào bụng (bao tử) hai trẻ. Từ đó ông đặt đạo hiệu cho hai trẻ là Ly-xa tử. Năm lên 16 tuổi hai trẻ làm nghề chăn trâu, cùng nhau lập gia thất; sau đó sanh ra nhiều vương tử. Ba năm về sau bắt đầu mở rộng nhà cửa nhiều thêm, và từ đó được gọi là Tỳ-xá-ly.

10 Tứ phần luật 22, tr. 720a, Đại 22n1428.

11 Tứ phần luật 22, tr. 720b, Đại 22n1428.

12 Tứ phần luật 23, tr. 721b, Đại 22n1428.

13 Tứ phần luật 23, tr. 722a, Đại 22n1428.

14 Nói lời như trong giới bổn: "Dầu người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, can hệ gì đến cô....".

15 Tứ phần luật 23, tr. 723b, Đại 22n1428.

16 Tứ phần luật 23, tr. 724b, Đại 22n1428.

17 Tứ phần luật 23, tr. 725c, Đại 22n1428.

18 Tứ phần luật 23, tr. 726c, Đại 22n1428.

19 Tứ phần luật 24, tr. 728b, Đại 22n1428.

20 Tứ phần luật 24, tr. 729a, Đại 22n1428.

21 Tứ phần luật 24, tr. 730a, Đại 22n1428.

22 Tứ phần luật 24, tr. 730b, Đại 22n1428.

23 Tứ phần luật 24, tr. 731a, Đại 22n1428.

24 Tứ phần luật 24, tr. 731b, Đại 22n1428.

25 Tứ phần luật 24, tr. 731c, Đại 22n1428.

26 Tứ phần luật 24, tr. 732a, Đại 22n1428.

27 Tứ phần luật 24, tr. 732c, Đại 22n1428.

28 Tứ phần luật 24, tr. 733a, Đại 22n1428.

29 Trương điệp 張疊: Ngũ phần (điều 23): «... y nặng với giá tiền lớn (tứ đại tiền 四大i錢). Tăng kỳ (điều 19): «...mua y nặng quá 4 yết-lị-sa-bàn 羯利沙槃É...» Thập tụng (điều 29): «...xin y nặng, nên xin y với giá 4 tiền, khơng được quá...» Pali, ibid., catukaṃsaparamaṃ, 4 tiền đồng. Kaṃsa, tiền đúc bằng đồng thau hay đồng la. 1 kaṃsa bằng 4 kahāpaṇa. Khơng cĩ ý kiến thống nhất về giá trị các đơn vị tiền tệ này. (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

30 Tứ phần luật 25, tr. 736c, Đại 22n1428.

31 Tứ phần luật 25, tr. 737b, Đại 22n1428.

32 Tứ phần luật 25, tr. 738a09, Đại 22n1428: Tác tịnh, dùng nước rửa bên trong (nữ căn).

33 Tứ phần luật 25, tr. 738b14, Đại 22n1428: Sự không phạm: hoặc mắc phải căn bệnh thế nào đó, phải dùng cục thuốc hình tròn, hay viên thuốc đặt vào để chữa, hoặc y ngăn chận nguyệt thuỷ, hoặc bị cưỡng lực bắt ép làm; thảy đều không phạm.

34 Tứ phần luật 25, tr. 738c, Đại 22n1428.

35 Tứ phần luật 25, tr. 739b, Đại 22n1428.

36 Tứ phần luật 25, tr. 739c, Đại 22n1428.

37 Tứ phần luật 25, tr. 741c, Đại 22n1428.

38 Ma nạp 摩纳: Skt=Pāli. māṇava, thiếu niên, thanh niên hay học sinh Bà-la-môn.

39 Tứ phần luật 25, tr. 742a, Đại 22n1428.

40 Tứ phần luật 26, tr. 746a29: Nếu phương tiện đuổi nhiều người ra nhiều cửa thì phạm nhiều Ba-dật-đề. Nếu phương tiện đuổi một ngươøi ra một cửa cũng phạm nhiều Ba-dật-đề.

41 Nhà vẽ: Văn sức họa đường 文飾畫堂Ä. Pāli. cittāgāraṃ, nhà được trang trí vẽ vời (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

42 Tứ phần luật 26, tr. 749b, Đại 22n1428.

43 Tứ phần luật 26, tr. 749c, Đại 22n1428.

44 Tứ phần luật 27, tr. 750a, Đại 22n1428.

45 Tứ phần luật 27, tr. 752c, Đại 22n1428.

46 Tứ phần luật 27, 753b, Đại 22n1428.

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 17

Giới thứ 116:

Tỳ-kheo-ni nào, đến nhà bạch y, bảo chủ nhà trải tòa để ngủ nghỉ, sáng ngày không nói với chủ mà đi, Ba-dật-đề

NGUYÊN DO1:

Có các Ni đến thôn không có trú xứ, bảo chủ nhà cho ngủ trọ một đêm, sáng hôm sau không cáo từ mà đi. Nhà trong thôn bị phát hỏa. Chủ nhà đó nghĩ: Trong nhà có người nên không đến chữa, lửa cháy hết cả. Người ấy hỏi: "Ni ở đâu?" Được trả lời: "Ni đi rồi". Mọi người đều cơ hiềm cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ra khỏi cửa, phạm Ba-dật-đề. Một chân ở trong v.v... Đột-kiết-la. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu đã có người ở trong nhà trước. Nếu nhà trước đó bỏ không, hoặc trước đó là nhà phước, hay người thân hậu bảo đi, sẽ vì mình nói với chủ. Hoặc nhà sập hư, hay bị lửa cháy, hoặc trong nhà có rắn độc, ác thú, hoặc có giặc vào, hoặc dùng sức mạnh bắt v.v...

Giới thứ 117:

Tỳ-kheo-ni nào, học tập chú thuật của thế tục, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Học bằng miệng hay bằng văn bản, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Tụng chú để trừ bệnh trùng trong bụng, trị bệnh ăn không tiêu, trừ độc, hộ thân vậy.

Giới thứ 118:

Tỳ-kheo-ni nào, dạy người tụng tập chú thuật, Ba-dật-đề.

Giới thứ 119:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người nữ có thai, mà độ cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ba lần Yết-ma xong, Hòa thượng Ni, Ba-dật-đề. Ngoài ra, nên biết.

Không phạm: Nếu không biết, hoặc tin người kia nói, hoặc tin người đáng tin nói, hoặc tin cha mẹ nói. Trao giới Cụ túc rồi, sau sanh con, nghi không dám bồng ẵm. Phật dạy: Nếu đứa bé chưa có thể lìa mẹ, cho phép neân làm việc làm của bà mẹ: cho bú, nuôi dưỡng, khi chưa bỏ bú cho phép cùng ngủ.

Giới thứ 120:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người nữ, con còn bú, mà cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO2:

Có cô Ni độ người đàn bà con còn bú, họ để con ở nhà, sau đó người trong nhà đến giao, người kia bồng con, vào xóm khất thực, cư sĩ cơ hiềm cho nên chế.

Giới thứ 121:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người chưa đủ tuổi 20, mà cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ, nặng như giới trước.

Không phạm: Nếu không biết, hoặc họ tự nói là đủ... Thọ giới rồi sau nghi, nên tính luôn số tháng trong thai, tháng nhuần, tính mỗi lần thuyết giới là 14 ngày, đủ thì không phạm.

Giới thứ 122:

Tỳ-kheo-ni nào, gái chưa chồng tuổi 18, không cho hai năm học giới. Tuổi đủ 20 liền cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

Giới thứ 123:

Tỳ-kheo-ni nào, gái chưa chồng tuổi 18 cho hai năm học giới mà không cho học sáu pháp. Tuổi đủ 20 liền cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu Thức-xoa-ma-na phạm dâm, nên diệt tẫn. Nếu với tâm nhiễm ô nam tử, thân xúc chạm nhau, giới khuyết, nên cho thọ giới lại. Nếu trộm năm tiền, hay hơn năm tiền, dứt mạng người, tự nói được pháp thượng nhơn, thì nên diệt tẫn. Nếu trộm dưới năm tiền, dứt mạng súc sanh, cố nói láo trong chúng, phi thời thực, uống rượu, giới khuyết, nên cho thọ giới lại.

Phạm nhẹ nặng, đồng như giới trước.

Giới thứ 124:

Tỳ-kheo-ni nào, gái chưa chồng tuổi 18, cho hai năm học giới, cho học sáu pháp, đủ 20 tuổi, chúng Tăng không cho, mà cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO3:

Các Ni độ người mù, lòa, gù, què, điếc, câm, ngọng... làm hủy nhục chúng Tăng, cho nên chế.

Giới thứ 125:

Tỳ-kheo-ni nào, độ người có chồng 10 tuổi4, cho hai năm học giới5, đủ 12 tuổi mới cho thọ Cụ túc giới6. Nếu tuổi dưới 12 cho thọ Cụ túc giới, Ba-dật-đề.

(Nghĩa là sau khi có chồng 10 năm mới có thể thọ Thức-xoa-ma-na. Lại hai năm mới có thể thọ Tỳ-kheo-ni giới, chứ không phải tuổi đời chỉ 12 tuổi vậy).

NGUYÊN DO7:

Chư Ni độ người nữ có chồng tuổi nhỏ, thọ giới rồi, cùng nam tử đứng, nói, cười, nên chế.

Giới thứ 126:

Tỳ-kheo-ni nào, độ người có chồng tuổi còn nhỏ, cho hai năm học giới, tuổi đủ 12 không bạch chúng Tăng, mà cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

Giới thứ 127:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người như vậy, mà cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH :

Người như vậy: tức là dâm nữ.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu độ, nên đem đến chỗ cách xa năm, sáu do-tuần cho ở, chỗ không ai biết. Nếu không vậy, phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Không biết trước.

Giới thứ 128:

Tỳ-kheo-ni nào, độ nhiều đệ tử, không dạy hai năm học giới, không dùng hai pháp nhiếp thủ, Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Hai pháp: là giáo lý và y thực.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo, Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu thọ Cụ túc rồi bỏ đi, hay phá giới...

Giới thứ 129:

Tỳ-kheo-ni nào, không có hai năm theo Hòa thượng Ni, Ba-dật-đề.

Luật Ngũ phần nói:

Không theo Hòa thượng sáu năm, phạm Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Hòa thượng cho phép đi. Hòa thượng phá giới...

Giới thứ 130:

Tỳ-kheo-ni nào, Tăng không cho phép mà trao giới Cụ túc cho người, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO8:

Chư Ni kém cỏi, độ người không biết dạy dỗ cho nên chế. Vị nào muốn độ người phải đến giữa Tăng cầu xin, đầy đủ oai nghi, tác bạch:

"Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo-ni... đến Tăng xin phép được độ người, thọ Cụ túc giới". (thưa như vậy 3 lần).

Ni Chúng nên quán sát vị ấy có đủ khả năng giáo thọ, hai năm học giới, hai pháp nhiếp thủ hay không. Nếu không có thể thì nên nói: "Em chưa nên độ người". Nếu có trí tuệ, có thể độ được, Bạch nhị yết-ma cho phép độ.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu Tăng không cho phép mà trao giới Cụ túc cho người, phạm Ba-dật-đề. Cho y chỉ, nuôi hai chúng kia, Đột-kiết-la.

Giới thứ 131:

Tỳ-kheo-ni nào, tuổi (hạ) chưa đủ 12, mà trao giới Cụ túc cho người, Ba-dật-đề. (Trao giới Cụ túc phải đủ 12 hạ).

Giới thứ 132:

Tỳ-kheo-ni nào, đủ 12 tuổi hạ, chúng Tăng chưa cho, mà trao giới Cụ túc cho người, Ba-dật-đề.

Giới thứ 133:

Tỳ-kheo-ni nào, Tăng không cho trao giới Cụ túc cho người, bèn nói: Tăng có ái (thiên vị), có sân, có sợ hãi, có bất minh, muốn cho ai thì cho, không muốn thì thôi", phạm Ba-dật-đề.

Giới thứ 134:

Tỳ-kheo-ni nào, cha mẹ, phu chủ không đồng ý, mà cho họ thọ Cụ túc giới, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng, đồng như giới trước.

Tỳ-kheo, Đột-kiết-la.

Không phạm: Không có cha mẹ, phu chủ.

Giới thứ 135:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người nữ cùng với đàn ông, con trai, có sự luyến ái, có sự ưu sầu, giận hờn mà độ cho xuất gia, trao cho giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng, đồng như giới trước.

Không phạm: Trước không biết, hoặc thọ Cụ rồi bệnh đó mới sanh.

Giới thứ 136:

Tỳ-kheo-ni nào, nói với Thức-xoa-ma-na rằng: "Cô bỏ cái này, học cái kia, tôi sẽ cho cô thọ giới Cụ túc". Nếu không tạo phương tiện cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO9:

Thâu-la-nan-đà nói với Thức-xoa-ma-na: "Cô bỏ cái này học cái kia, tôi sẽ cho cô thọ giới Cụ túc." Hứa như vậy, vì Thức-xoa-ma-na kia thông minh khéo khuyến hóa. Thâu-la-nan-đà muốn được để khuyến hóa cúng dường cho cô được lâu, nên không tạo phương tiện cho thọ Cụ túc giới. Thức-xoa-ma-na hiềm trách, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo, Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu người kia bệnh, hoặc lại không cùng sống chung, hoặc không có 5 y, không đủ 10 vị Tăng, hoặc khuyết giới, phá giới v.v...

Giới thứ 137:

Tỳ-kheo-ni nào, nói với Thức-xoa-ma-na: "Đem y đến cho tôi, tôi sẽ cho cô thọ giới Cụ túc". Nhưng không tạo phương tiện cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

Giới thứ 138:

Tỳ-kheo-ni nào, không đủ 12 tuổi10, mà trao giới Cụ túc cho người nữa11, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO12:

Cô Ni An Ẩn nhiều đệ tử, không thể dạy dỗ chu đáo cho nên chế (giới này cùng với giới 131 hình như trùng, theo như ý của duyên khởi, hoặc là độ một đệ tử, đợi họ đủ 12 tuổi13 mới cho độ người khác, hoặc như Tỳ-kheo mỗi năm độ một đệ tử mới không trùng với giới trước).

Giới thứ 139:

Tỳ-kheo-ni nào, trao giới Cụ túc cho người rồi, để qua một đêm mới đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu thọ Cụ túc, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO14:

Chư Ni trao giới Cụ túc rồi, qua cách đêm mới đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu thọ cụ. Hoặc vì họ maéc các bệnh đui, điếc, què... cho nên chế.

Không phạm: Trao Cụ túc xong, trong ngày đến cầu thọ Cụ giới bên Tăng. Hoặc muốn đến mà bị bệnh, hoặc đường thủy, đường bộ bị trở ngại, hay nạn ác thú cho đến phạm hạnh nạn v.v...

Giới thứ 140:

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh, không đến cầu giáo thọ, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không phạm: Bận việc Phật, Pháp, Tăng, săn sóc người bệnh hay nhờ người xin phép, không phạm.

Giới thứ 141:

Tỳ-kheo-ni, nửa tháng nên đến trong Tăng cầu giáo thọ, nếu không cầu, Ba-dật-đề.

- Bạch nhị yết-ma sai một cô Ni đến cầu giáo thọ, nên sai vài ba Ni cùng đi. Đến trong Tăng, lễ dưới chân Tăng, cúi đầu đảnh lễ, chắp tay tác bạch: "Tỳ-kheo-ni Chúng hòa hợp, lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ". Nói như vậy 3 lần. Ni đợi Tăng thuyết giới rồi, đứng lâu mệt nhọc, Phật cho phép nhờ một thầy Tỳ-kheo thỉnh giùm rồi về. Không nên nhờ khách Tỳ-kheo, người đi xa, người bệnh, người không có trí tuệ. Nhờ rồi, sáng hôm sau đến hỏi xem thỉnh được hay không. Nếu được, Tỳ-kheo nên nói rõ thời gian đến, Ni nên chuẩn bị đón.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không đến, không đón, đều phạm Đột-kiết-la. Nếu nghe thầy giáo thoï đến, nên đón cách nửa do-tuần, cung cấp đồ cần dùng. Không làm như vậy, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo Tăng tất cả đều bệnh, nên sai người đến lễ bái hỏi chào. Nếu biệt chúng, chúng không hòa hợp, hoặc không đủ chúng, nên sai người đến lễ bái hỏi chào. Nếu Ni chúng đều bệnh, cho đến không đủ chúng, cũng nên sai người đến lễ bái chào. Nếu không đến, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Đường thủy, đường bộ trở ngại và các nạn...

Giới thứ 142:

Tỳ-kheo-ni Tăng, hạ an cư xong, phải đến trong Tỳ-kheo Tăng nói ba việc tự tứ: thấy, nghe, nghi. Nếu không vậy, Ba-dật-đề.

- Cách đến chùa Tăng đồng như giới trước. Tỳ-kheo Tăng ngày 14 tự tứ thì Ni Chúng tự tứ ngày 15.

Giới thứ 143:

Tỳ-kheo-ni nào, an cư nơi không có Tỳ-kheo Tăng, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO15:

Ngày giáo thọ không có chỗ để cầu giáo thọ. Có chỗ nghi vấn không người để quyết nghi, cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Ba chúng kia, Đột-kiết-la.

Không phạm: Nương nơi Tỳ-kheo Tăng an cư, thời gian ấy (Tỳ-kheo) qua đời, đi xa, cho đến bị nạn v.v...

Giới thứ 144:

Tỳ-kheo-ni nào, biết trong Tăng-già-lam có Tỳ-kheo không xin phép mà vào, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO16:

Có một cô Ni nhiều hiểu biết qua đời, các Ni xây Tháp trong chùa của Tỳ-kheo. Các Ni thường tới lui, đứng ngồi, nói cười, hoặc tụng kinh, hoặc khóc kể, làm loạn động việc ngồi thiền các Tỳ-kheo. Trưởng lão Ca-tỳ-la phá cái Tháp đó, không còn dấu tích gì. Các Ni đồng cầm dao, gậy, gạch, đá... đến muốn hành hung, Ca-tỳ-la bay trên hư không. Các Ni quở trách, bạch Phật, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Vào trong cửa, Ba-dật-đề; một chân trong cửa v.v... Đột-kiết-la.

Không phạm: Trước không biết, hoặc không có Tỳ-kheo hoặc lễ Tháp Phật, Tháp Thanh văn, hoặc được mời, hay lộ trình phải đi qua, xin ngủ ở trong đó, cho đến mạng nạn v. v...

Giới thứ 145:

Tỳ-kheo-ni nào, mắng Tỳ-kheo, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nói rõ ràng, Ba-dật-đề, không rõ ràng, Đột-kiết-la. Các giới sau cũng đồng như vậy.

Giới thứ 146:

Tỳ-kheo-ni nào, ưa đấu tranh, không khéo ghi nhớ việc đấu tranh đó. Sau đó giận hờn không vui, mắng Tỳ-kheo-ni Chúng, Ba-dật-đề.

Giới thứ 147:

Tỳ-kheo-ni nào, thân có mụt nhọt và các loại ghẻ, không bạch với chúng và người khác, vội bảo nam tử mổ, nặn và băng bó, Ba-dật-đề.

Không phạm: Bị cường lực bắt.

Luật Ngũ phần nói:

Nếu muốn nam tử trị bệnh, nên đánh kiền chùy họp Ni Tăng (Ni Chúng) đến chỗ người bệnh. Sau đó mới cởi áo để mổ, và chỉ cởi chỗ mổ mà thôi.

Giới thứ 148:

Tỳ-kheo-ni nào, trước đó đã nhận lời mời, hoặc đã ăn no rồi. Sau đó lại ăn cơm, bún, cơm khô, cá và thịt, phạm Ba-dật-đề.

(Nghĩa là trước đã nhận người mời ăn chính thì không được ăn năm thứ chính này, đợi đến nhà họ mới ăn).

NGUYÊN DO17:

Một cư sĩ sắm thức ăn, thỉnh Ni Chúng, khi ấy nhằm ngày hội, các cư sĩ đều đem thức ăn đến chùa cúng cho chư Ni, chư Ni ăn rồi đến nhà cư sĩ đó, nên ăn không được nhiều. Cư sĩ cơ hiềm. Cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Một miếng là Ba-dật-đề. Tỳ-kheo, Ba-dật-đề.

Không phạm: Thọ thỉnh không phải chánh thực, hoặc thỉnh ăn chưa no, hoặc trước đó không được mời. Hoặc ngay lúc ăn nhận được thức ăn. Hoặc cùng một nhà, nhưng nhận hai lần ăn trước và sau.

Luật Thập tụng nói:

Cho Ni được phép thỉnh thoảng ăn. Nếu nhận lời mời mà không ăn, phạm Ba-dật-đề.

Giới thứ 149:

Tỳ-kheo-ni nào, đối với Đàn-việt sanh tâm tật đố về gia đình, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO18:

Cô Đề-xá là đệ tử của cô An Ẩn, hai thầy trò cùng đến nhà Đàn-việt quen biết lâu năm. Cô An Ẩn mặc y phục tề chỉnh không mất oai nghi. Đàn-việt sanh tâm hoan hỷ, bèn cúng dường cho cô. Cô An Ẩn veà chùa nói với Đề-xá rằng: "Đàn-việt ấy giàu lòng tin cúng thí tốt". Khi ấy, Đề-xá coù tâm tật đố, nói thế này: "Đàn-việt ấy giàu lòng tin, cúng tốt đối với thầy". Chư Ni hiềm trách cho nên chế cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nói rõ ràng, Ba-dật-đề, không rõ ràng, Đột-kiết-la. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Giới thứ 150:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng hương thơm thoa vào thân, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Hoặc có bệnh, hoặc bị cường lực bắt.

Giới thứ 151:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng cặn dầu mè thoa chà vào thân, Ba-dật-đề.

Giới thứ 152:

Tỳ-kheo-ni nào, bảo Tỳ-kheo-ni khác thoa chà vào thân, Ba-dật-đề.

Giới thứ 153:

Tỳ-kheo-ni nào, bảo Thức-xoa-ma-na, thoa chà vào thân, Ba-dật-đề.

Giới thứ 154:

Tỳ-kheo-ni nào, bảo Sa-di-ni, thoa chà vào thân, Ba-dật-đề.

Giới thứ 155:

Tỳ-kheo-ni nào, bảo bạch y, phụ nữ xoa chà vào thân, Ba-dật-đề.

Giới thứ 156:

Tỳ-kheo-ni nào, mặc váy lót19, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO20:

Làm cho thân thô kệch, cư sĩ cơ hiềm cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu dùng lông mịn hay kiếp-bối, tơ tằm... Ba-dật-đề.

Không phạm: Nếu có bệnh, bên trong có mặc y bệnh, ngoài mặc Niết-bàn-tăng, kế mặc cà-sa, hay bị cường lực bắt buộc.

Giới thứ 157:

Tỳ-kheo-ni nào, cất giữ đồ trang sức của phụ nữ, trừ trường hợp đặc biệt, Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Có mạng nạn, phạm hạnh nạn, cho mặc đồ phụ nữ ngụy trang để chạy, cho nên gọi là trường hợp đặc biệt.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Giới thứ 158:

Tỳ-kheo-ni nào, mang giày guốc, cầm dù đi, trừ trường hợp đặc biệt, Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Khi trời mưa, ở trong chùa cho phép làm dù bằng lá cây, tre, mang giày guốc.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Mang giày guốc, cầm dù đi, mỗi thôn là một Ba-dật-đề. Nơi không có xóm làng, mỗi 10 dặm là một Ba-dật-đề. Dưới một thôn hay dưới 10 dặm, Đột-kiết-la. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Cường lực bắt, cho đến mạng nạn...

Giới thứ 159:

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh mà đi xe, trừ trường hợp đặc biệt, Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Già, bệnh, cho phép đi bằng xe kéo, bởi ngựa cái kéo. Mạng nạn, phạm hạnh nạn... cho phép đi xe voi, xe ngựa v.v...

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Phạm nhẹ nặng, đồng như giới trước.

Giới thứ 160:

Tỳ-kheo-ni nào, không mặc Tăng-kỳ-chi vào thôn, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO21:

Trống ngực, nách, vú, dây lưng... cư sĩ cơ hiềm cho nên chế.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Vào cửa của thôn, Ba-dật-đề. Một chân ở ngoài v.v... Đột-kiết-la. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Hoặc dưới nách có ghẻ, hoặc cường lực bắt, mạng nạn, phạm hạnh nạn.

Giới thứ 161:

Tỳ-kheo-ni nào, chiều mặt trời sắp lặn đến nhà bạch y mà không được mời trước, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không được mời mà vào trong cửa, Ba-dật-đề. Một chân ngoài cửa v.v... Đột-kiết-la. Nếu đến nhà bạch y, không nói với chủ nhân mà đi. Ra khỏi cửa, Ba-dật-đề. Phương tiện muốn đi ... Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ... Đột-kiết-la.

Không phạm: Bị cường lực bắt... không kêu mà vào22, nhà kia bị cháy, sắp sập, có rắn độc... hoặc cường lực bắt, không nói mà ra đi.

Giới thứ 162:

Tỳ-kheo-ni nào, mặt trời sắp lặn mở cửa chùa, không dặn Tỳ-kheo-ni khác mà ra đi, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Việc của Tam bảo, việc nuôi bệnh cho phép dặn người khác rồi đi. Không dặn mà ra khỏi cửa, Ba-dật-đề. Một chân ở trong... Đột-kiết-la. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Bị phá hoại, bị cháy v.v...

Giới thứ 163:

Tỳ-kheo-ni nào, mặt trời đã lặn mở cửa chùa không dặn mà ra đi, Ba-dật-đề.

(Giới trước ‘162’ nhân giặc vào cướp đồ mà chế. Giới này nhân người tù chạy vào trốn mà chế. Cứu xét vốn không hai pháp, chia làm hai giới, người kiết tập không kiểm tra).

Giới thứ 164:

Tỳ-kheo-ni nào, không tiền an cư, không hậu an cư, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Vì Tam bảo, hoặc nuôi bệnh, không tiền an cư, cho phép hậu an cư. Nếu không tiền an cư, Đột-kiết-la. Không hậu an cư, Ba-dật-đề. (Luật Tăng kỳ nói: Tỳ-kheo cũng vậy. Ba chúng dưới, Đột-kiết-la).

Giới thứ 165:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người nữ có đường đại tiểu tiện thường rỉ chảy, mũi dãi thường ra, mà trao cho giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

Không phạm: Trước không biết. Hoặc tin người đáng tin nói. Hoặc sau khi thọ rồi các bệnh đó mới sanh.

Giới thứ 166:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người hai hình mà cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Hai hình: là hình nam, hình nữ23.

Giới thứ 167:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người hai đường hiệp một, cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

GIẢI THÍCH:

Hai đường hiệp một: là đại tiểu tiện không riêng biệt.

Giới thứ 168:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người có nợ không thể trả được, có bệnh hiểm nghèo khó chữa, cho thọ giới Cụ túc, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO24:

Chủ nợ đến kéo lôi về, bệnh, thường phải có người săn sóc, không thể xa lìa, cho nên chế.

GIẢI THÍCH:

Mắc nợ ít nhất là một tiền, một phần trong 16 phần. Bệnh là như thường đau đầu.

Giới thứ 169:

Tỳ-kheo-ni nào, học kỹ thuật của thế tục để tự nuôi sống, Ba-dật-đề.

Giới thứ 170:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng chú thuật thế tục dạy người bạch y, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO25:

Lục quần Ni dùng kỹ thuật theá tục dạy bạch y, nói rằng: Các người chớ hướng về mặt trời, mặt trăng, thần kỳ miếu xá mà đại tiểu tiện... đổ rác rưới và nước bẩn rửa đồ đạc... duỗi chân. Nếu muốn cất phòng, gieo trồng nên hướng về mặt trời, maët trăng, thần kỳ nói rằng: Hôm nay sao đó tốt, nên gieo trồng, nên cất phòng, nên bảo người làm, nên cạo đầu cho con nít, nên để tóc, nên cất tài vật, nên đi xa. Do đó người thiểu dục hiềm trách, đến bạch Phật, kiết giới.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Nếu muốn nói, nên nói rằng: Chớ hướng về Tháp Phật, Tháp Thanh văn đại tiểu tiện, cho đến duỗi chân. Muốn cất phòng, gieo giống... nên hướng về Tháp Phật, Tháp Thanh văn, mồng 8, 14, 15, các ngày hiện biến hóa đó nên vào Chùa, Tháp cúng dường Tăng thọ trai. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Giới thứ 171:

Tỳ-kheo-ni nào, bị tẫn (đuổi) mà không đi, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu tùy thuận không chống trái, hạ ý sám hối, cầu giải Yết-ma. Hoặc mắc bệnh, hoặc không có bạn để cùng đi, hoặc đường nước, đường bộ bị gián đoạn, các nạn...

Giới thứ 172:

Tỳ-kheo-ni nào, muốn hỏi nghĩa Tỳ-kheo, trước đó không xin phép trước mà hỏi, Ba-dật-đề.

NGUYÊN DO26:

Cô An Ẩn nhiều trí tuệ, hỏi nghĩa các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không thể trả lời, do đó, tất cả hổ thẹn, cho nên cấm.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Muốn hỏi nghĩa, trước phải cầu thính (xin phép), không cho phép thì không được hỏi, nếu hỏi, Ba-dật-đề. Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phaïm: Nếu trước đó thường đã cho phép hỏi, hoặc trước đó là thân hậu, hoặc thân hậu đồng ý cứ hỏi sẽ trả lời. Hoặc người kia đến người này học hỏi, hoặc hai người đều đến học hỏi nơi người khác. Hoặc người kia hỏi, người này trả lời. Hoặc hai người cùng tụng, cho đến nói nhầm.

Giới thứ 173:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người kia ở trước, mình đến sau hay người kia đến sau, mình ở trước, vì muốn gây phiền người kia, nên ở trước mặt kinh hành, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, Ba-dật-đề.

(Ý của giới này cũng đồng với giới thứ 92).

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Nếu không biết. Hoặc hỏi, hoặc trước đó cho phép kinh hành, hoặc cùng nhau kinh hành. Hoặc là thân hậu hoặc thân hậu đồng ý cứ đi kinh hành, tôi sẽ nói cho. Hoặc bị bệnh té xuống, hoặc bị dùng sức mạnh bắt, cho đến mạng nạn...

Giới thứ 174:

Tỳ-kheo-ni nào, biết trong Tăng-già-lam có Tỳ-kheo mà xây tháp, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tùy theo việc lấy đá rửa chân gom lại, hoặc là bùn, hoặc lấy cỏ gom lại, mỗi mỗi Ba-dật-đề.

Không phạm: Trước đó không biết, hoặc Tăng-già-lam cũ hư. Hoặc xây Tháp trước, sau mới làm Tăng-già-lam.

Giới thứ 175:

Tỳ-kheo-ni nào, thấy Tỳ-kheo mới thọ giới, nên đứng dậy đón chào, cung kính, lễ bái, hỏi thăm, mời ngồi. Nếu không làm vậy, trừ nhân duyên, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Không phạm: Hoặc đang ăn hay đang tác pháp dư thực, hoặc đang bệnh thì cho phép nói: "Thưa Đại đức, con có nhân duyên như vậy... không đón chào được." Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Giới thứ 176:

Tỳ-kheo-ni nào, vì muốn làm duyên, uốn éo thân mình mà đi, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Hoặc có bệnh như vậy, hoặc phải traùnh né gậy, voi, cho đến gai... Hoặc lội qua nước, hoặc bị bùn lầy nghiêng mình để xem y áo có tề chỉnh không.

Giới thứ 177:

Tỳ-kheo-ni nào, trang điểm, thoa hương thơm như phụ nữ, Ba-dật-đề.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Tỳ-kheo... Đột-kiết-la.

Không phạm: Hoặc có chứng bệnh như thế nào đó, hoặc vì cha mẹ và người Ưu-bà-di giàu lòng tin bệnh. Bị trói buộc, vì tắm gội chải tóc. Hoặc bị sức mạnh bắt buộc.

Giới thứ 178:

Tỳ-kheo-ni nào, sai nữ ngoại đạo thoa hương thơm vào thân, Ba-dật-đề.

Luật Ngũ phần nói:

Để tóc dài, Ba-dật-đề. Nửa tháng cạo tóc một lần, quá thời gian đó gọi là dài. Nếu không có người cạo hay cường lực bắt không được cạo đều không phạm.

VII. TÁM PHÁP BA-LA-ĐỀ ĐỀ-XÁ-NI27

Theo luật Căn bản thì có 11: 1. Sữa, 2. Lạc, 3. Sanh tô, 4. Thục tô, 5. Dầu, 6. Đường, 7. Mật, 8. Cá, 9. Thịt, 10. Thịt khô, 11. Học gia.

(Sữa, lạc, cá, thịt khô, Tỳ-kheo, Ba-dật-đề. Sanh tô, thục tô, dầu, đường, mật, Tỳ-kheo, Đột-kiết-la. Học gia, Tỳ-kheo đồng).

Giới thứ 1: Xin váng sữa (tô).

Giới bổn:

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh, xin váng sữa ăn, phạm pháp đáng quở trách, phải sám hối. Nên đến các Tỳ-kheo-ni khác nói: "Đại tỷ, tôi phạm pháp đáng

quở trách. Đã làm việc không nên làm, tôi nay đến trước Đại tỷ sám hối". Gọi là pháp hối quá.

Giới thứ 2: Xin dầu.

Giới thứ 3 : Xin mật.

Giới thứ 4 : Xin đường mía (hắc thạch mật).

Giới thứ 5 : Xin sữa.

Giới thứ 6 : Xin sữa đặc (lạc).

Giới thứ 7 : Xin cá.

Giới thứ 8 : Xin thịt

Cũng như vậy.

Cho phép vì người bệnh xin. Chính mình bệnh cũng cho phép xin.

TƯỚNG TRẠNG CỦA TỘI

Bốn giới trên, Tỳ-kheo đồng, đều phạm Đột-kiết-la. Bốn giới sau, Tỳ-kheo, Ba-dật-đề. Ba chúng sau Đột-kiết-la.

Không phạm: Không xin mà được.

Luật Tăng kỳ nói:

Nếu biết mình đến thời gian đó thường phát bệnh như vậy; lúc ấy thuốc khó kiếm, xin trước, không có tội. Nếu không bệnh xin, khi có bệnh dùng tội Việt tỳ-ni. Khi bệnh xin, khi không bệnh dùng không tội. Khi bệnh xin, khi bệnh dùng không tội. Khi không bệnh xin, khi không bệnh dùng, hối quá.

VIII. PHÁP CHÚNG HỌC

Cùng với Tỳ-kheo đồng, (Chỉ có uốn éo thân mình mà đi, và đại tiểu tiện trên cỏ, rau tươi, là phạm tội Ba-dật-đề).

IX. BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH

Cùng đồng với Tỳ-kheo.

PHÁP XUẤT GIA THỌ GIỚI CỦA NI

(Pháp xuaát gia thọ giới của Ni có 3: Một là Sa-di-ni; hai là Thức-xoa-ma-na; ba là Tỳ-kheo-ni giới).

A) PHÁP XUẤT GIA THỌ GIỚI SA-DI-NI

Trong Kiền-độ của Tyø-kheo-ni có ghi rằng28:

Nếu muốn cạo tóc trong phạm vi chùa Ni thì phải bạch Tăng hoặc là nói cho từng vị biết, sau đó mới cạo đầu. Văn bạch như sau:

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người này tên... muốn theo Tỳ-kheo-ni hiệu... cầu xin xuống tóc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho phép tín nữ cạo tóc. Đây là lời tác bạch.

Trường hợp muốn ở trong phạm vi chùa, xuất gia thọ giới Sa-di-ni, vị A-xà-lê Ni bạch như sau:

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người này tên... muốn theo Tỳ-kheo-ni hiệu... cầu xin xuất gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người tên... xuất gia. Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi bảo họ đắp Man y29 cà-sa, quỳ gối, chắp tay, bảo họ nói theo như sau:

- Con tên là... quay về nương với Phật, quay về nương với Pháp, quay về nương với Tăng, theo đức Như Lai xuất gia. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc chí chơn, đẳng Chánh giác, là đấng Thế Tôn của con. (nói 3 lần).

Hướng dẫn tiếp:

- Con tên là... quay về nương với Phật, quay về nương với Pháp, quay về nương với Tăng, theo Đức Như Lai xuất gia rồi. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc chí chơn, đẳng Chánh giác, là đấng Thế Tôn của con. (nói 3 lần).

Hướng dẫn thọ 10 giới Sa-di-ni như sau:

- Như chư Phật trọn đời không sát sanh, con tên là... cũng trọn đời không sát sanh.

- Như chư Phật trọn đời không trộm cắp, con tên là... cũng trọn đời không trộm cắp.

- Như chư Phật trọn đời không dâm dục, con tên là... cũng trọn đời không dâm dục.

- Như chư Phật trọn đời không nói dối, con tên là... cũng trọn đời không nói dối.

- Như chư Phật trọn đời không uống rượu, con tên là... cũng trọn đời không uống rượu.

- Như chư Phật trọn đời không đeo tràng hoa thơm, không thoa hương thơm vào mình, con tên là... cũng trọn đời không đeo tràng hoa thơm, không thoa hương thơm vào mình.

- Như chư Phật trọn đời không ca múa hát xướng, không cố ý xem nghe, con tên là... cũng trọn đời không ca múa hát xướng, không cố ý xem nghe.

- Như chư Phật trọn đời không nằm giường cao rộng lớn, con tên là... cũng trọn đời không nằm giường cao rộng lớn.

- Như chư Phật trọn đời khoâng ăn phi thời, con tên là... cũng trọn đời không ăn phi thời.

- Như chư Phật trọn đời không cầm nắm vật báu, vàng bạc, con tên là... cũng trọn đời không cầm nắm vàng bạc vật báu.

(Tam quy và Thập giới trên đều do vị A-xà-lê Ni truyền trao giới pháp hướng dẫn cho đương sự nói theo).

Sau đó, A-xà-lê Ni nên giáo giới:

- Nay cô đã thọ 10 giới của Sa-di-ni rồi. Cô nên trọn đời vâng giữ phụng hành, không nên sai phạm. Cô nên cúng giường Tam bảo, Hòa thượng, A-xà-lê. Những gì ngài dạy như pháp, cô không được chống trái. Cô nên hết lòng cung kính bậc Thượng, Trung, Hạ tọa. Cô nên cần cầu phương tiện, thiền định, tụng kinh, học hỏi, siêng năng làm việc phước đức. Cô phải đóng kín ba đường dữ, mở rộng cửa Niết-bàn. Đối với trong giới Tỳ-kheo-ni, cô phải tăng trưởng chánh nghiệp để được chứng bốn đạo quả.

(Phàm Hòa thượng và A-xà-lê của Sa-di-ni phải đều là Tỳ-kheo-ni. Dứt khoát không thể mời Tỳ-kheo, đóng vai hai vị thầy đó được).

Căn bản tạp sự chép rằng:

Các vị Ni hoàn tục không được xuất gia lại, nếu cho xuất gia thì vị thầy chủ trì mắc tội.

B) THUYẾT MINH VỀ PHÁP THỌ GIỚI THỨC-XOA-MA-NA30

Cho phép đồng nữ 18 tuổi học giới trong hai năm, đủ 20 tuổi, trước Ni Chúng thọ giới Cụ túc. Trường hợp 10 tuổi đã từng có chồng, cho phép học giới hai năm, đủ 12 năm cho thọ giới Cụ túc. Khi cần cho học giới hai năm, Sa-di-ni đến trong Ni Chúng, lễ chân, chắp tay, quỳ gối bạch:

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Con, Sa-di-ni tên là... theo Tăng xin hai năm hoïc giới. Hòa thượng Ni hiệu... xin Tăng thương xót cho con hai năm học giới. (thưa như vậy 3 lần).

Nên bảo Sa-di-ni ấy đứng chỗ thấy mà khoâng nghe, vị A-xà-lê-ni bạch:

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Sa-di-ni này tên là... nay đến trước Tăng xin hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni hiệu là... làm Hòa thượng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho Sa-di-ni tên... hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Sa-di-ni này tên là... nay đến trước Tăng xin hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Nay Tăng cho Sa-di-ni này hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Các Đại tỷ ai bằng

lòng cho Sa-di-ni này tên... hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng thì im lặng. Vị nào không bằng lòng thì nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (Yết-ma lần thứ hai, Yết-ma lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã chấp thuận cho Sa-di-ni tên... hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng rồi, cho nên Tăng im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Kế tiếp kêu đương sự vào, bảo họ quỳ thẳng gối trước vị A-xà-lê Ni, trao sáu pháp cho họ, như sau:

- Đức Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, nói sáu pháp như sau, cô phải lắng nghe:

1) Không được làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục. Nếu Thức-xoa-ma-na làm việc dâm dục thì không phải là Thức-xoa-ma-na, không phải con gái giòng họ Thích. Nếu cùng với người nam có tâm nhiễm ô, rờ rẫm lẫn nhau, tức là phạm giới, phải thọ hai năm học giới lại. Đây là điều mà trọn đời không được phạm. Có thể giữ được không?

(Trả lời là có thể)

2) Không được trộm cắp, cho đến một cọng cỏ. Nếu Thức-xoa-ma-na lấy của người năm tiền, hoặc hơn năm tiền. Tự mình lấy hay dạy người khác lấy. Tự mình dứt hay bảo người khác dứt. Tự mình phá hay dạy người khác phá, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm cho hoại sắc, không phải là Thức-xoa-ma-na, không phải là con gái giòng họ Thích. Nếu lấy dưới năm tiền thì phạm giới, phải thọ hai năm học giới lại. Đây là điều mà trọn đời không được phạm. Có thể giữ được không?

(Trả lời là có thể)

3) Không được cố ý dứt mạng của chúng sanh, cho đến loài kiến bọ. Nếu Thức-xoa-ma-na cố ý tự tay mình dứt mạng người, hoặc tìm dao trao cho người khác dứt, dạy bảo họ chết, khuyến khích họ chết, khen ngợi sự chết. Hoặc cho người phi dược (thuốc độc). Hoặc làm cho đọa thai, hay ếm, rủa, chú bùa, tự làm, dạy người làm, thì không phải Thức-xoa-ma-na, không phải con gái giòng họ Thích. Nếu dứt mạng chúng sanh, loài không thể biến hóa thì phạm giới, phải thọ hai năm học giới lại. Đây là điều mà trọn đời không được phạm. Có thể giữ được không?

(Trả lời là có thể)

4) Không được nói láo, kể cả nói giỡn. Nếu Thức-xoa-ma-na không chơn thật, không hề có mà tự mình nói được pháp thượng nhơn, nói đắc thiền, đắc giải thoát, đắc tịnh, đắc chánh thọ, đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán. Trời đến, quỷ thần đến cúng dường tôi. Đây không phải Thức-xoa-ma-na, không phải con gái giòng họ Thích. Nếu đối với trong chúng cố ý nói láo thì phạm giới, phải thọ hai năm học giới lại. Đây là điều mà trọn đời không được phạm. Có thể giữ được không?

(Trả lời là có thể)

5) Không được ăn phi thời. Nếu Thức-xoa-ma-na ăn phi thời thì phạm giới, phải thọ hai năm học giới lại. Đây là điều mà trọn đời không được phạm. Có theả giữ được không?

(Trả lời là có thể)

6) Không được uống rượu. Nếu Thức-xoa-ma-na uống rượu thì phạm giới, phải thọ hai năm học giới lại. Đây là điều mà trọn đời không được phạm. Có thể giữ được không?

(Trả lời là có thể)

- Đối với tất cả các giới Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa phải học. Trừ vấn đề đồ ăn cách đêm, đối với Tỳ-kheo-ni và tự tay lấy đồ ăn để ăn. (Nói xong cũng có thể tùy ý lược pháp như thường lệ, rồi kết thúc hồi hướng).

Luật Tăng kỳ nói:

Thức-xoa-ma-na ngồi dưới tất cả Đại Ni và trên tất cả Sa-di-ni. Đối với Thức-xoa-ma-na bất tịnh, thì đối với Tỳ-kheo-ni tịnh. Ngược lại, đối với Tỳ-kheo-ni bất tịnh, thì đối với thức-xoa-ma-na cũng bất tịnh. Tỳ-kheo-ni được cùng Thức-xoa-ma-na ngủ ba đêm. Thức-xoa-ma-na được cùng với Sa-di-ni ngủ ba đêm. Thức-xoa-ma-na được cùng Tỳ-kheo-ni trao đồ ăn, trừ đồ sống hỏa tịnh, lấy cầm vàng bạc, tiền, tự nhận đồ ăn từ Sa-di-ni v.v... Tỳ-kheo-ni không được nói tên tội từ Ba-la-di cho đến Việt tỳ-ni với Thức-xoa-ma-na, mà chỉ được nói: không được dâm, không được trộm cắp... Đến ngày Bố-tát, tự tứ của Ni Chúng, Thức-xoa-ma-na đến trước Tăng, quỳ gối chắp tay, bạch như sau:

- Bạch A-lê-da Tăng31! Con... thanh tịnh, xin Tăng ghi nhận cho con. (bạch y như vậy 3 lần rồi đi).

Bốn Ba-la-di sau, nếu phạm mới theo học lại. Từ 19 Tăng tàn32 về sau, nếu phạm giới nào, tùy theo chỗ phạm mà sám hối Đột-kiết-la. Nếu phá: phi thời thực, ăn đồ ăn cách đêm, cầm tiền, vàng bạc, uống rượu, đeo tràng hoa thơm, năm giới, tùy theo số ngày phạm học lại hai năm học giới. Học giới mãn rồi, muốn thọ Cụ túc, Hòa thượng Ni nên bạch Tăng, xin Yết-ma nuôi chúng. Sau đó, ở trong hai bộ Tăng thọ Cụ túc.

Kiền-độ Tỳ-kheo-ni (luật Tứ phần) ghi:

Nên cầu Hòa thượng bằng văn bạch như sau:

- A-di một lòng nghĩ ! Con tên là... nay cầu A-di làm Hòa thượng, xin A-di vì con làm Hòa thượng. Con nương nơi A-di được thọ đại giới. (Nói như vậy 3 lần).

Hòa thượng trả lời:

- Khả nhĩ (được).

C) THUYẾT MINH VỀ PHÁP THỌ GIỚI TỲ-KHEO-NI33

Thức-xoa-ma-na học giới rồi, tuổi đủ 20, hoặc 12 nên Bạch tứ yết-ma cho thọ đại giới. Hòa thượng Ni liệu lý năm y, bình bát, ngọa cụ, thỉnh Yết ma A-xà-lê Ni, Giáo thọ A-xà-lê-ni, và bảy vị Tôn chứng Tỳ-kheo-ni rồi (nơi biên địa hai vị cũng được). Đâu đó xong, bảo người thọ giới đến trong giới tràng, đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Thầy Yết-ma nên tác bạch sai vị Giáo thọ, văn bạch như sau:

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người kia tên là... theo Hòa thượng Ni hiệu... cầu thọ giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận Tỳ-kheo-ni hiệu... làm giáo thọ. Đây là lời tác bạch.

Thầy giáo thọ nên đến chỗ người muốn thọ giới nói:

- Này cô, đây là y An-đà-hội; đây là y Uất-đa-la-tăng; đây là y Tăng-già-lê; đây là y Tăng-kỳ-chi; đây là y Phú kiên; đây là bình bát. Y và bát này em có đủ không?

Người kia trả lời là "coù đủ". Vị giáo thọ nên nói:

- Cô lắng nghe! Bây giờ là lúc chí thành, là lúc nói thật. Nay tôi hỏi cô, thật thì nói là thật, không thật thì nói là không thật. Cô tên gì?

- Con tên là...

- Hòa thượng cô là ai?

- Hòa thượng con tên là thượng... hạ...

- Cô đủ 20 tuổi chưa?

- Dạ, đủ 20 tuổi rồi.

- Y bát đầy đủ không?

- Dạ, đủ.

- Cha mẹ cô có cho phép cô đi tu không?

- Dạ, có cho.

(Nếu đã có chồng thì hỏi: Chồng cô có cho phép cô đi tu không?) Nếu trả lời là có thì hỏi tiếp:

- Cô có thiếu nợ ai không?

Nếu trả lời là "không", lại hỏi:

- Coâ có phải là đầy tớ không?

- Con không phải là đầy tớ.

- Cô có phải là người nữ không?

- Dạ phải.

- Người nữ có các chứng bệnh: ung thư, hủi, truyền nhiễm, điên cuồng, hai hình, hai đường hiệp lại, đại tiểu tiện thường chảy ra không? Cô có caùc chứng bệnh như vậy không?

- Dạ, không.

- Như những việc tôi hỏi cô, trước chúng Tăng cũng sẽ hỏi như vậy. Cô đã trả lời với tôi như thế nào thì trước chúng Tăng cũng trả lời như vậy.

Thầy Giáo thọ trở lại trong Tăng, đứng chỗ vừa đưa cánh tay tới (đụng các Tỳ-kheo-ni), tác bạch như sau:

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người kia tên là... theo Hòa thượng Ni hiệu... cầu thọ Cụ túc giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận cho. Tôi đã hỏi xong, xin phép được gọi họ vào. Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi xoay lại phía người thọ giới, ra dấu bảo họ đến trước Tăng, cầm y bát cho họ, bảo họ lễ Tăng rồi, quỳ gối, chắp tay trước vị Yết-ma sư, bảo họ cầu xin thọ giới như sau:

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Con tên là... theo Hòa thượng Ni hiệu... cầu thọ giới Cụ túc. Con tên là... nay đến trước Tăng xin thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Cúi xin Tăng thương xót cứu vớt con.

Ba lần đương sự cầu xin rồi, vị Yết-ma nên tác bạch:

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... theo Hòa thượng Ni hiệu... cầu thọ giới Cụ túc. Người này tên là... nay đến trước Tăng cầu xin trao cho giới Cụ túc. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận cho tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch.

- Coâ em lắng nghe! Nay là lúc chí thành v.v... (cho đến câu: cô có caùc chứng bệnh như vậy không?)

Mỗi vấn đề hỏi và trả lời như trước xong, kế đến Bạch tứ yết-ma:

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Thức-xoa-ma-na này tên... theo Hòa thượng Ni hiệu... cầu thọ giới Cụ túc. Thức-xoa-ma-na này tên... nay đến trước Tăng

cầu xin trao cho giới Cụ túc. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Thức-xoa-ma-na này tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đủ 20, hoặc 12, y bát đầy đủ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trao cho Thức-xoa-ma-na có tên... này giới Cụ túc. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

- Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Thức-xoa-ma-na tên... nay theo Hòa thượng Ni hiệu... cầu trao giới Cụ túc. Thức-xoa-ma-na tên... này nay đến trước Tăng cầu xin trao giới Cụ túc. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Thức-xoa-ma-na này tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đủ 20, y bát đầy đủ. Nay Tăng trao giới Cụ túc cho Thức-xoa-ma-na có
tên... này. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Trong các Đại tỷ, vị nào đồng ý Tăng trao giới Cụ túc cho Thức-xoa-ma-na có tên... này, Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng thì im lặng, vị nào không đồng ý xin
nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (Yết-ma lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy). Tăng đã chấp thuận trao giới Cụ túc cho Thức-xoa-ma-na có tên..., Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng rồi. Tăng chấp thuận bằng cách im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

(Trước hết Hòa thượng Ni nên thỉnh một vị Tỳ-kheo làm Yết-ma sư và chín vị Tỳ-kheo làm tôn chứng. Nơi biên địa thì có thể bốn Tỳ-kheo làm tôn chứng cũng được).

Các Ni phải dẫn người thọ giới kia đến chỗ Tỳ-kheo Tăng đảnh lễ, quỳ gối chaép tay. Vị giáo thọ A-xà-lê Ni dạy họ bạch xin thọ giới như sau:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Con tên là... theo Hòa thượng Ni hiệu... cầu thọ giới Cụ túc. Con tên là... nay đến trước Tăng xin thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Cúi xin Tăng thương xót cứu vớt con.

Cầu xin giới 3 lần như vậy rồi, trong Tỳ-kheo vị Yết-ma sư nên hỏi:

- Cô tên gì?... (cho đến câu: Cô có caùc chứng bệnh như vậy không? Mỗi mỗi hỏi đáp đều như trước).

Lại hỏi: "Cô học giới thanh tịnh không?" Nếu đương sự nói: "Học giới thanh tịnh", lại phải hỏi chư Ni: "Người này học giới có thanh tịnh không?" Nếu các Ni trả lời: "Học giới thanh tịnh", vị Yết-ma nên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... theo Hòa thượng Ni hiệu... cầu thọ giới Cụ túc. Người này tên là... nay đến trước Tăng xin thọ giới Cụ túc. Hòa thượng Ni hiệu..., người này tên là... đã học giới thanh tịnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Tăng nay trao giới Cụ túc cho... Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... theo Hòa thượng Ni hiệu... cầu thọ giới Cụ túc. Người này tên là... đã học giới thanh tịnh. Nay Tăng trao giouùi Cụ túc cho người tên là... Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng. Trưởng lão nào bằng lòng Tăng trao giới Cụ túc cho tên... Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng thì im lặng, vị nào không bằng lòng xin nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất (Yết-ma lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã bằng lòng trao giới Cụ túc cho tên... Tỳ-kheo-ni hiệu... làm Hòa thượng rồi. Tăng đã bằng lòng bằng cách im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Yết-ma rồi nên nói: "Cô thọ giới năm nào, tháng nào, ngày nào, giờ nào trọn đời nên nhoù". Kế đó thuyết giới điều:

- Người gái lành (thiện nữ nhơn) lắng nghe! Đây là tám Ba-la-di do đức Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng Chánh giác nói ra; nếu trái phạm không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là con gái giòng họ Thích:

1) Không được làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục. Nếu Tỳ-kheo-ni, ưa thích làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục cho đến cùng với súc sanh thì không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là con gái giòng họ Thích. Đây là một trong những điều mà trọn đời cô không được làm. Cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

2) Không được trộm cắp cho đến cọng cỏ, lá cây. Nếu Tỳ-kheo-ni trộm của người năm tiền, hoặc quá năm tiền. Hoặc mình lấy hay dạy người lấy. Hoặc tự mình bẻ gãy hay bảo người khác bẻ gãy. Hoặc tự chặt hay bảo người khác chặt. Hoặc tự hủy hay dạy người khác hủy, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm cho hoại sắc... Kẻ đó không phải Tỳ-kheo-ni, không phải là con gái giòng họ Thích. Đây là một trong những điều mà trọn đời cô không được phạm. Cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

3) Không được cố ý dứt mạng sống của chúng sanh, cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý tự tay mình dứt mạng sống của người, hoặc cầm dao trao cho người. Dạy sự chết, khen sự chết, khuyên sự chết. Hoặc cho uống thuốc độc, hoặc làm cho đọa thai, yểm, trù, chú, thư cho chết. Hoặc tự làm hay bảo người khác làm, không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là con gái giòng họ Thích. Đây là một trong những điều mà trọn đời cô không được phạm. Cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

4) Không được nói dối, cho đến giỡn. Nếu Tỳ-kheo-ni không thật sự có, khoâng phải mình có mà tự nói: Tôi đạt được pháp của thượng nhơn, tôi đạt được thiền, tôi đạt được giải thoát, đạt được tam-muội chánh định, đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Nói rằng: trời đến, rồng đến, quỷ thần đến cúng dường cho tôi... Đây không phải Tỳ-kheo-ni, không phải con gái giòng họ Thích. Đây là một trong những điều mà trọn đời cô không được phạm. Cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

5) Không được rờ rẫm nhau, cho đến cùng với súc sanh. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô, cùng với người nam có tâm nhiễm ô, rờ rẫm nhau, từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, hai thân chạm nhau. Hoặc nắm, hoặc xoa, hoặc kéo, hoặc rờ ngược hay rờ xuôi. Hoặc nâng lên hay hạ xuống. Hoặc xô hay đẩy... Đây không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là con gái giòng họ Thích. Đây là một trong những điều mà trọn đời cô không được phạm. Cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

6) Không được phạm tám việc, cho đến cùng với súc sanh. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô, chấp nhận người nam có tâm nhiễm ô, nắm tay, nắm y, vào chỗ vắng cùng đứng, cùng nói, cùng đi, hai thân gần kề nhau, cùng hẹn. Phạm tám việc này thì không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là con gái giòng họ Thích. Tám việc này là một trong những điều mà trọn đời cô không được phạm. Cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

7) Không được che giấu tội của người, cho đến Đột-kiết-la, ác thuyết. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác phạm tội Ba-la-di mà không tự cử tội họ. Không trình với Tăng, không cho nhiều người biết. Thời gian sau, vị Tỳ-kheo-ni ấy thôi tu, hoặc bị diệt tẫn, hoặc không được sinh hoạt cùng Tăng, hoặc vào trong ngoại đạo. Khi ấy, mới nói trước đây tôi đã biết việc như vậy... Như thế không phải là Tỳ-kheo- ni, không phải là con gái giòng họ Thích. Che giấu là tội nặng. Đây là một trong những điều mà trọn đời cô không được phạm. Cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

8) Không được tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội, cho đến người giữ vườn hay là Sa-di. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà không tùy thuận, không sám hối. Tăng chưa tác pháp cộng trụ mà tùy thuận. Tỳ-kheo-ni này can gián Tỳ-kheo-ni kia rằng: Cô em biết chăng, nay Tăng cử tội Tỳ-kheo này như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà họ không tùy thuận, không chịu sám hối. Tăng chưa tác pháp cộng trụ. Cô em đừng tùy thuận. Khi Tỳ-kheo-ni này can gián Tỳ-kheo-ni kia ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt không bỏ thì Tỳ-kheo-ni kia không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là con gái giòng họ Thích. Do vì tùy thuận, đây là một trong những điều mà trọn đời cô không được phạm. Cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

- Người gái lành lắng nghe! Đức Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng Chánh giác, nói pháp bốn y. Tỳ-kheo-ni nương vào bốn pháp này thì được xuất gia thọ giới Cụ túc thành Tỳ-kheo-ni:

1)Nương y phấn tảo được xuất gia thọ Cụ túc giới thành pháp Tỳ-kheo-ni. Đây là điều trọn đời cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

Nếu được của lợi Đàn-việt cúng y cắt rọc may thành nên thọ nhận.

2) Nương nơi thức ăn xin được, đặng xuất gia thọ giới Cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo-ni. Vấn đề này trọn đời cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

Nếu được của lợi hoặc Tăng sai thọ thực, Đàn-việt dâng đồ ăn, thức ăn cúng ngày mùng 8, 14, 15, hay mùng 1, hoặc nơi thường thỉnh chúng Tăng, hay Đàn-việt mời thì được thọ nhận.

3) Nương dưới gốc cây để ngồi, đặng xuất gia thọ giới Cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo-ni. Vấn đề này trọn đời cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

Nếu được của lợi người cho phòng riêng, nhà có nóc nhọn, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng một cửa thông thì nên nhận. (theo Kiền-độ Ni 'luật Tứ phần' nói: Ni không nên ở A-lan-nhã, trừ trong vườn của nhà vua. Căn bản tạp sự nói: Không nên xây cất chùa Ni ngoài thành ấp, cho nên luật Căn bản nói: Ni chỉ nương vào ba y mà thôi).

4) Nương nơi thuốc đã bào chế (hủ lạn dược), đặng xuất gia thọ giới Cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo-ni. Vấn đề này trọn đời cô có thể giữ được không?

(Trả lời: Có thể)

Nếu được của lợi như sữa dầu, sữa sống, mật, thạch mật... thì được nhận.

- Cô đã thọ giới Cụ túc rồi, Bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu, A-xà-lê như pháp, hai bộ Tăng như pháp, đầy đủ hoàn toàn. Cô nên khéo nhận lời dạy như pháp, cô nên giáo hóa làm việc phước đức, tu bổ chùa tháp, cúng dường chúng Tăng. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê dạy dỗ những gì như pháp thì không nên trái chống. Cô nên học vấn, tụng kinh, cần cầu phương tiện. Có như vậy ở trong giáo pháp của Phật mới đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Công hạnh xuất gia của cô mới khỏi bị uổng phí, quả báo không chấm dứt. Những gì cô chưa biết nên hỏi Hòa thượng A-xà-lê.

(Tùy ý kiết yếu hồi hướng).

Bảo người mới thọ giới sắp hàng đi trước, chư Ni đi sau (mạt vị tiên hành). Trường hợp khi muốn đến trú xứ Tăng để thọ đại giới mà trên đường đi có nạn giặc thì cho phép nhờ người thay mình để thọ giới. Ni Chúng Bạch nhị yết-ma sai một vị Tỳ-kheo-ni thanh tịnh vô nạn và sai hai, ba vị Ni cùng đi. Vị Ni được sai đến đảnh lễ Tăng, quỳ gối chắp tay, thay thế vị kia 3 lần cầu giới. Tăng nên hỏi vị kia tên gì... Hòa thượng là ai? Đã học giới thanh tịnh

không? Nếu trả lời là đã học giới thanh tịnh thì nên hỏi người bạn của Ni là người này đã học giới thanh tịnh hay không? Nếu trả lời là đã học giới thanh tịnh thì nên Bạch tứ yết-ma trao giới. vị Tỳ-kheo-ni được sai kia trở về chùa Ni, nói: "Đại tỷ, tôi đã vì Đại tỷ thọ đại giới rồi". Không nên vì chút nhan sắc mà lại sai người thay mình đến Tăng thọ giới.

Luật Thập tụng nói:

Tỳ-kheo-ni một phen hoàn tục không cho phép xuất gia thọ Cụ túc lại. Nếu xả giới rồi mà chuyển căn làm nam tử, cho thọ giới Tỳ-kheo thì không phạm.

Tát-bà-đa ma-đắc-laàu7841?c-già nói:

Phạm giới bất cộng Ba-la-di, chuyển căn thành nam tưû, được cho xuất gia thọ Cụ.

D) VẤN ĐỀ LẶT VẶT (TẠP PHÁP)

Kiền-độ Tỳ-kheo-ni34 chép:

Ca-lưu-đà-di mắng đánh Tỳ-kheo-ni, cho đến dùng lời quỷ quyệt khuyến dụ, Phật cho phép Ni Chúng Bạch nhị yết-ma, tác pháp bất lễ kính. Ca-lưu-đà-di tùy thuận Ni không dám trái nghịch cầu giải Yết-ma lễ kính nên được giải...

Lục quần Tỳ-kheo đến trú xứ của Ni cùng với Lục quần Ni đùa giỡn làm ồn các vị tọa thiền. Phật bảo nên tùy theo mức độ ồn ào rối loạn mà ngăn chặn. Ni đeán trú xứ Tỳ-kheo cũng vậy.

Lục quần Tỳ-kheo có Sa-di đến nơi trú xứ của Ni, cùng với Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na ở đó đùa giỡn làm ồn các vị tọa thiền. Phật bảo kêu đến khiển trách và trị phạt. Nếu hoï không thay đổi nên tác Yết-ma bất lễ kính đối hai thầy (Hòa thượng, A-xà-lê) của Sa-di kia.

Lục quần Ni có Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na đến trú xứ của Tỳ-kheo cùng Sa-di ở đó, đùa giỡn làm ồn các vị tọa thiền, Phật bảo kêu đến khiển trách và trị phạt. Nếu họ không thay đổi nên tác pháp Yết-ma xả giáo thọ đối với hai thầy của Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na kia.

Ni không nên ngồi kiết già, cho phép ngồi bán già.

Luật Tăng kỳ nói:

Khi Tỳ-kheo giáo giới Ni, nên tưởng như con đẻ. Ni đối với ngươi giáo giới tưởng như Phật.

Căn bản tạp sự nói:

Khuyên người khác hoàn tục mắc tội Thổ-la.

Mức lượng bình bát nhỏ của Tỳ-kheo, là mức lượng bát lớn của Ni.

Các Ni không nên rờ rẫm con nít của người ta.

Ni-đà-na nói:

Lúc mất mùa, khất thực khó khăn cho phép Ni đến trước chúng Bạch tứ yết-ma xin phép tới lui nhà cha mẹ. Vị Ni này được phép đi một mình, không phạm. Đến nhà bà con tùy ý thọ thực. Qua cơn khan hiếm rồi, không được đến.

Mục-đắc-ca nói:

Phàm nơi bàn ăn của Ni, nơi chỗ ngồi cao nhất nên chừa một chỗ trống. Giả sử có một vị Sa-di sau đó đến, mời ngồi nơi chỗ để trống đó, mời cơm, là ở trên Ni chúng vậy.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI BẢY

---o0o---

1 Tứ phần luật 27, tr. 753c, Đại 22n1428.

2 Tứ phần luật 27, tr. 754c, Đại 22n1428.

3 Tứ phần luật 27, tr. 756c, Đại 22n1428.

4 Thập tuế tằng giá 十歲曾嫁ø: Theo nghĩa đen, rõ ràng là nói "mười tuổi đã có chồng". Nhưng một số Luật sư nước ta (Việt Nam) căn cứ theo phong tục hôn nhân, cho rằng không thể có trường hợp con gái 10 tuổi đã có chồng. Cho nên câu văn dịch của Tứ phần được hiểu là người nữ đã có chồng, nhưng đã thôi chồng 10 năm, sau khi đủ 10 năm như vậy mới được phép thọ hai năm học giới. (Yết-ma yếu chỉ, HT Thích Đỗng Minh, Tỳ-kheo Thích Nguyên Chứng biên tập).

5 Thập tụng luật 45, tr. 326b17: Cho phép Sa-di-ni hai năm học sáu pháp (thọ Thức-xoa-ma-na), để có thể biết có thai hay không.

6 Tăng kỳ luật 39: Phật trú ở Xá-vệ, lúc bấy giờ có những người nữ thuộc dòng họ Thích, dòng họ Câu-lê, dòng họ Ma-la, trước đó đã có chồng, đã từng kham nhẫn các sự khổ nhọc. Đại Ái Đạo Cù-đàm-di bạch Phật: "Người nữ đã có chồng chưa đủ hai mươi tuổi, có thể thọ Cụ túc được không?" Phật cho phép được. (Yết-ma yếu chỉ).

7 Tứ phần luật 28, tr. 758c29, Đại 22n1428.

8 Tứ phần luật 28, tr. 760c, Đại 22n1428.

9 Tứ phần luật 28, tr. 763a, Đại 22n1428.

10 Tứ phần luật 28, tr. 764b02, Đại 22n1428: "thập nhị tuế 十二歲", phần chú thích có đính chính chữ "tuế 歲" đồng chữ "nguyệt 月Â"; tức là không đủ 12 tháng.

11 Pāli. ekaṃ vassaṃ dve vuṭṭhāpeyya, trong một năm truyền Cụ túc cho hai người. (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

12 Tứ phần luật 28, tr. 764a, Đại 22n1428.

13 Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu 17, tr. 478a05, Vạn 40n719: Đoạn văn trong ngoặc của ngài Trí Húc dẫn giải thêm, có thể ngài Trí Húc cũng nhầm chữ "tuế" với chữ "nguyệt" như Tứ phần luật.

14 Tứ phần luật 28, tr. 764b, Đại 22n1428.

15 Tứ phần luật 29, tr. 766b, Đại 22n1428.

16 Tứ phần luật 29, tr. 766c, Đại 22n1428.

17 Tứ phần luật 29, tr. 768a, Đại 22n1428.

18 Tứ phần luật 29, tr. 768b, Đại 22n1428.

19 Trữ khỏa y [袖-由É+宁]髁衣Â, quần chẽn bĩ đùi. Pāli: saṅghāṇi, váy hay quần đùi. (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

20 Tứ phần luật 29, tr. 770a, Đại 22n1428.

21 Tứ phần luật 30, tr. 771c, Đại 22n1428.

22 Tứ phần luật 30, tr. 772b09: Sự không phạm, là vì việc Phật, Pháp, Tăng, hay việc nuôi bệnh, hoặc được mời đi, hoặc bị cường lực bắt, hay bị trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, trước không được kêu mà đi...

23 Người có cả nam căn và nữ căn.

24 Tứ phần luật 30, tr. 774b, Đại 22n1428.

25 Tứ phần luật 30, tr. 775a, Đại 22n1428.

26 Tứ phần luật 30, tr. 775c, Đại 22n1428.

27 Tứ phần luật 30, tr. 778a, Đại 22n1428.

28 Tứ phần luật 48, phần thứ ba Kiền-độ Tỳ-kheo-ni, tr. 923c12, Đại 22n1428.

29 Xem cht. 7, Trùng trị q. 14 (bản Việt).

30 Tứ phần luật 48, tr. 924a16, Đại 22n1428.

31 A-lê-da Tăng 阿梨耶僧®: A-lê-da còn gọi là A-di (Skt. ārya), dịch là Tôn giả, Thánh giả. Ở đây chỉ sự xưng hô của người nữ, người nhỏ thưa trình với người lớn.

32 19 Tăng tàn: Đây là theo luật Tăng kỳ, nhưng Tứ phần thì 17.

33 Tứ phần luật 46, tr. 924c07, Đại 22n1428.

34 Tứ phần luật 49, phần thứ ba Kiền-độ Tỳ-kheo-ni, tr. 929a19, Đại 22n1428

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 18

GIỚI PHÁP CỦA SA-DI

(Trích lục điểm cốt yếu trong 10 giới và oai nghi của Sa-di).

Người xuất gia thọ 10 giới gọi là Sa-di, Trung Hoa dịch là Tức từ, nghĩa là dứt tình nhiễm của đời, dùng lòng từ để cứu giúp quần sanh. Còn có nghĩa là người mới vào trong Phật pháp phần nhiều cái nếp sống của người thế tục hãy còn, cho nên cần phải dứt việc ác, làm việc lành. Đời nhà Đường, ngài Tam Tạng gọi là: Thất-la-ma-noa-lạc-ca, là phiên âm của tiếng Phạn (Śrāmaṇera), Trung Hoa dịch là Cần sách nam, tức là người con trai siêng năng đầy cảnh giác.

Trong bộ truyện Ký quy ghi:

Người thọ 10 giới rồi, gọi là Thất-la-mạt-ni, Trung Hoa dịch là Cầu tịch, tức là mong cầu được tịch tịnh. Xưa kia gọi tắc bằng hai chữ Sa-di xét thấy không ổn, nay phiên dịch thành ba nghĩa:

1. Tức từ

Nghĩa là dứt cái ác do Kiến và Tư hoặc, tu hạnh từ lấy chúng sanh làm duyên, đó là Sa-di thuộc về Tạng giáo. Dứt cái ác do Kiến, Tư, tu hạnh từ, quán pháp vô tánh làm duyên, đó là Sa-di của Thông giáo. Tuần tự dứt ba hoặc, tu ba hạnh từ, đó là Sa-di thuộc Biệt giáo. Quyết tâm dứt hết ba hoặc, tu trọn vẹn ba hạnh từ, đó là Sa-di thuộc Viên giáo.

2. Cần sách

Tức là ròng chuyên cố gắng tỉnh giác để ra khỏi Phần đoạn sanh tử1, là Sa-di của Tạng và Thông; ròng chuyên cố gắng tỉnh giác để ra khỏi Biến dịch sanh tử2 là Sa-di của Biệt và Viên.

3. Cầu tịch

Nghĩa là mong cầu vào Niết-bàn có tính cách nghiêng về chơn, đó là Sa-di thuộc Tạng và Thông; cầu mong vào Đại Niết-bàn, đó là Sa-di thuộc Biệt và Viên.

Lô-xá-na, phiên dịch là Tịnh mãn, không có điều ác nào không dứt cho nên gọi là tịnh, không có hạnh từ nào không làm cho nên gọi là mãn. Giới luật của Sa-di là cái nhân chơn chánh của Lô-xá-na.

Niết-bàn lấy không phóng dật làm thức ăn. Cần sách có nghĩa là không phóng dật. Giới luật của Sa-di là pháp thực của đại Niết-bàn.

Tịch, là cái lý của bản giác. Cầu, là cái trí của Thỉ giác. Thỉ giác, Bổn giác hiệp lại làm một gọi là Cứu cánh giác. Giới luật của Sa-di là con đường thông cả bốn hướng của Cứu cánh giác.

Lại nữa, bản tánh của ác vốn là không, bản tánh của từ vốn đầy đủ. Tánh của tâm vốn không có biếng nhác và bỏ phế, vốn chỉ có không tịch, đó là lý tức Sa-di. Đạt được lý, thọ giới là Danh tự Sa-di. Điều phục hoàn toàn Ngũ trụ3, đó là Quán hạnh Sa-di. Sáu căn trong sạch đó là Tương tợ Sa-di. Mê hoặc bị phá trừ, chơn lý hiển hiện, đó là Phần chứng Sa-di. Lô-xá-na gọi là tịnh mãn. Đại bát Niết-bàn vĩnh ly phóng dật. Thỉ giác, Bản giác hiệp lại không phải là hai, đó là Cứu cánh Sa-di. Như đời đức Phật Đại Thông có 16 vị vương tử thật là bậc Sa-di đáng xưng trọng. Nên trong bộ "Sa-di oai nghi" nói: Sa-di có năm đức.

1) Phát tâm lìa thế tục, hết lòng mến mộ đạo.

2) Hủy bỏ hình sắc đẹp, ăn mặc đúng pháp phục.

3) Cắt dứt thân ái, không còn thân sơ.

4) Xem rẻ thân mạng, tôn sùng Chánh pháp.

5) Chí nguyện cầu Đại thừa, cứu độ chúng sanh.

Trong bộ Truy môn cảnh huấn nói rằng:

Năm đức này rất quan trọng đối với người xuất gia. Năm chúng đều phải phụng hành chứ chẳng phải chỉ chúng nhỏ mà thôi. Trọn đời tuân theo, chứ không phải lúc mới thọ giới đâu. Do vậy nên biết, giới pháp Sa-di thông nhiếp cả tánh tu, bao trùm hết nhân quả, đâu có thể coi đó chỉ là pháp của Tiểu thừa. Người thọ giới này cần phải chú tâm, cần phải nỗ lực, không nên tự khinh mà thối thất, không nên bỏ cái này để riêng tìm cái khác.

Trong tạng, 10 giới pháp cùng oai nghi đều mất tên người dịch. Văn của nó, phần nhiều phiền phức và nhầm lẫn. Ba nghìn oai nghi của đại Tỳ-kheo cũng mất tên người dịch. Nam Sơn hành bộ oai nghi, phần nhiều thuộc về việc của đại Tỳ-kheo. Gần đây, bộ Sa-di thành phạm thì đặt bày (đỗ soạn) sai trái với luật, không thể y theo đó được. Bộ Bách Trượng thanh quy thì, đời Nguyên, Thế Đế trị vì xuyên tạc, rất lấy làm hổ thẹn! Chỉ có bộ Luật nghi của ngài Vân Thê mới có sự châm chước, có thể thích hợp với thời cơ, nhưng các pháp khai, giá, khinh, trọng, sám hối còn chưa được rõ. Nay bất đắc dĩ, tôi ghi chép ra tập hợp lại; Song vẫn chia ra làm hai môn, là 10 giới và oai nghi. Đối với pháp thọ giới là việc thuộc về đại Tăng nên ở đây không chép ra.

---o0o---

MÔN THỨ NHẤT: 10 GIỚI

1) KHÔNG SÁT SANH:

Phàm có mạng sống, không được cố ý giết. Hoặc tự mình giết, bảo người khác giết, tạo phương tiện để giết, nguyền rủa cho chết, làm hư thai, phá vỡ trứng, bỏ thuốc độc, khiến cho mạng sống bị chấm dứt, đều mắc tội sát sanh cả. Nếu giết cha mẹ, La-hán, Thánh nhơn, phạm tội nghịch, đọa ngục a-tỳ. Nếu giết người thì phạm trọng tội, mất giới Sa-di, không cho sám hối. Nếu giết chết loài trời, rồng, quỷ thần, phạm tội bậc trung, cho phép sám hối để dứt tội phạm giới, nhưng tánh tội không diệt được. Cuối cùng phải đền bồi thường trả. Nếu giết súc sanh, trùng, kiến, muỗi mòng v.v... phạm tội nhỏ,

cho sám hối để tiêu tội, nhưng tánh tội vẫn phải thường bồi đền trả. Nếu giết người mà họ chưa chết thì phạm tội bậc trung phương tiện có thể sám hối. Giết trời, thần, súc sanh, côn trùng... mà chưa chết đều phạm tội bậc hạ phương tiện, có thể sám hối. Giúp người khiến cho họ giết đều mắc bổn tội (giết người tội nặng; giết trời, rồng tội vừa, giết súc sanh... tội nhẹ). Thấy giết mà hoan hỷ, mắc tội phương tiện. Nếu thấy người khác giết mà mình có khả năng thì nên cứu, không có khả năng thì phát khởi lòng từ, niệm Phật, trì chú cầu nguyện cho họ thoát khỏi oan kiết, vĩnh đoạn ác duyên.

2) KHÔNG TRỘM CẮP:

Vật có chủ, không được với tâm trộm cắp cố ý lấy. Hoặc tự mình lấy, sai người khác lấy, tạo phương tiện để lấy, lấy bằng chú thuật, nhận của người ta gởi mà lấy, mê hoặc để lấy, dối gạt để lấy, mắc nợ mà không trả, trốn thuế, dối đò... làm cho người khác bị mất của, đều gọi là trộm cắp. Lấy vật trị giá đủ năm tiền (tức 8 phân bạc) phạm trọng tội, mất giới Sa-di, không cho sám hối. Dưới bốn tiền phạm tội bậc trung. Hai tiền, một tiền phạm tội nhẹ, cho sám hối để diệt tội phạm giới, nhưng tánh tội không diệt được; không những thế, mà phải cộng thêm lời. Nếu không chịu bồi thường, đời sau chuyển thành tội nặng, không có lý gì để chạy tội được. Nếu trộm cắp, nhưng lấy chưa được thì phạm tội phương tiện, cần phải khẩn trương tha thiết sám hối mới khỏi bị đọa lạc.

3) KHÔNG DAÂM DỤC:

Tất cả thế gian, bất luận nam hay nữ, người hay quỷ hoặc súc sanh... đều không được giao cấu với tâm nhiễm ô, cũng không được cho người dâm mình. Hễ có trái phạm đều thuộc về trọng tội, mất giới Sa-di, không cho sám hối. Nếu muốn dâm, chưa hòa hợp mà đình chỉ tức phạm tội bậc trung phương tiện, phải khẩn trương tha thiết sám hối. Nếu vừa khởi tâm dâm, phải tức tốc tự trách mình một cách thống thiết mới được.

4) KHÔNG NÓI LÁO:

Chưa chứng Tứ quả, nói dối đã chứng; chưa đặng Tứ thiền, nói dối đã đặng; chưa ngộ đạo, nói dối đã ngộ. Và dối nói trời đến, rồng đến, quỷ thần đến... hư dối không thật, gạt gẫm người đời, gọi là đại vọng ngữ, phạm trọng tội, mất giới Sa-di, không cho sám hối. Nếu do công phu tu tập nên có được một nếp sống thoải mái nào đó, vì không biết pháp tướng, gọi là đã chứng quả v.v... tức là tăng thượng mạn. Vốn không có tâm khinh dối nên không mất

giới, song cần phải thỉnh vấn Sư trưởng, bậc liễu đạt để quyết trạch phải quấy. Cần phải khẩn trương tha thiết sám hối tội lỗi. Bỏ tâm sở đắc kia, tinh tấn cần cầu pháp xuất yếu chơn chánh mới khỏi chìm đắm sa đọa. Nếu bổn tâm muốn nói láo, mà nói không rõ ràng, người nghe chưa hiểu được, hoặc nói nửa chừng rồi thôi, đều phạm tội phương tiện bậc trung, có thể sám hối, phải khẩn trương sám trưø. Tội lỗi do miệng có bốn: 1. Nói láo, 2) Nói thêu dệt, 3. Nói hai lưỡi, 4. Nói hung dữ.

Nói láo: Là thấy nói không thấy, không thấy nói thấy. Nghe, biết, hiểu cũng như vậy. Lại nữa, thật có mà nói không, thật không mà nói có, khi dối người khác đều gọi là nói láo. Đây là tánh tội, người phạm phải khẩn trương sám hối, thề không làm lại. Nếu không cải hoán, hiện đời này bị người khinh tiện, sau khi chết đọa vào tam đồ.

Nói thêu dệt: Là lời nói vô nghĩa, không lợi ích, lời phù phiếm của thế tục, thêm lớn sự phóng dật, quên mất chánh niệm, cũng phải khẩn trương sám hối, thề không làm lại. Nếu không cải hoán, hiện đời này bị người khinh dể, sau khi chết đọa vào đường ác.

Nói hai lưỡi: Là đến người này nói việc người kia, đến người kia nói việc người này, khơi dậy những chuyện thị phi, chia lìa tình thân hữu, cũng là tánh tội, cần khẩn trương sám hối, thề không làm lại. Nếu người nào phạm phải, hiện đời này bị người oán trách, sau khi chết đọa vào địa ngục.

Nói hung dữ: Là mắng chửi, trù ẻo, khiến cho người kia không chịu nổi. Đây cũng là tánh tội, phải khẩn trương sám hối để đoạn trừ. Nếu người nào phạm phải, hiện đời này bị người phẫn nộ, sau khi chết đọa vào tam đồ.

Luật nhiếp nói:

Đệ tử của đức Phật cần phải nói đúng sự thật, không nên thề để minh oan, không nói lên những điều làm cho người khác không tin. Dù bị vu khống hủy báng cũng không nên giải quyết bằng cách thề thốt.

5) KHÔNG UỐNG RƯỢU:

Không luận là loại rượu gì, hễ uống vào mà có khả năng làm cho người say thì một giọt cũng không thể để thấm vào môi. Nếu uống thì liền phạm giới, phải khẩn trương sám hối. Nếu không cải hoán, hiện đời này bị người sỉ

nhục, sau khi chết đọa vào đường ác. Nếu bị bệnh mà không có rượu thì không dẫn được thuốc, phải thưa với thầy bạn... mới được uống.

6) KHÔNG ĐEO TRÀNG HOA THƠM, KHÔNG THOA ĐỒ THƠM VÀO MÌNH:

Kết hoa làm thành tràng để trang điểm thân và đầu, mang đãy hương thơm tho để quyến rủ kẻ khác, dùng son phấn trau dồi đều là nếp sống cần sự thu hút của phái nữ, chẳng phải việc nên làm của người xuất gia.

7) KHÔNG CA MÚA XƯỚNG HÁT, KHÔNG ĐẾN XEM NGHE:

Xướng hay ngâm những khúc thi thì gọi là ca. Tay và chân múa theo nhịp điệu thì gọi là vũ. Thổi ống tiêu, khảy đàn cầm, đánh song lục, đánh xóc dĩa, đánh cờ tướng... làm thầy thuốc, làm thầy bói, coi thiên văn, coi tướng số, bắn tên, đua ngựa, đấu kiếm... đều gọi là ca múa, xướng hát, chẳng phải việc nên làm của người xuất gia.

Cúng Phật nên bảo người khác làm, không nên tự tay đánh nhạc. Tán Phật thời nên dùng kệ, không nên dùng âm thanh ca hát. Nếu thật sự có Kiến địa4 mới có thể làm kệ để xưng tụng. Không được tập học thi (thơ), họa, giống như các vị tu tiên sống nếp sống thanh cao ở trong núi. Học chữ, thì chỉ cần viết chép ngay thẳng, không được vì chữ tốt mà phế bỏ chánh nghiệp của người xuất thế.

8) KHÔNG ĐƯỢC NGỒI GIƯỜNG CAO RỘNG LỚN:

Chân giường chỉ cao một thước sáu tấc, khi ngồi chân không hỏng đất, quá mức lượng ấy thì gọi là cao. Bề rộng đủ để nghiêng mình qua lại, quá mức lượng đó gọi là rộng. Vừa cao vừa rộng thì gọi là lớn. Đó chẳng phải chỗ nên ngồi nằm của người xuất gia, huống nữa là sơn vẽ, chạm trổ, màn, trướng, đệm bằng tơ lụa. Tùng chúng, nằm giường dài tập thể thì không phạm. Khi nói pháp ngồi trên toà sư tử cao lớn cũng không phạm. Trong nhà bạch y không có giường ngồi nhỏ, tạm thời ngồi giường lớn cũng không phạm.

9) KHÔNG ĂN PHI THỜI:

Từ khi tướng mặt trời xuất hiện cho đến giữa ngày, giờ ngọ gọi là thời. Từ khi vừa nghiêng xế cho đến tướng mặt trời chưa xuất hiện của ngày kế tiếp,

gọi là phi thời. Phi thời mà ăn thì gọi là phá trai, mỗi miếng ăn là mắc tội. Nếu là nước phi thời, thuốc tiêu thực, thuốc trọn đời đều không phạm. Nước phi thời là nước trái cây có chất ngọt, trông không có cặn. Thuốc tiêu thực là mật, đường, mạch nha, váng sữa cũng không có cặn. Thuốc trọn đời là gừng, quế, tiêu, ô mai, tất cả mọi loại thuốc hoàn, thuốc thang, thuốc bột, vị của nó chua, cay, đắng, không thể dùng làm thức ăn no được, có nhân duyên vì bệnh thì trọn đời cho phép sử dụng để uống.

10) KHÔNG ĐƯỢC CẦM NẮM SANH TƯỢNG VÀNG BẠC, VẬT BÁU:

Sanh (生) là loại vàng bạc, vật báu còn trong mỏ không do công của người tạo thành. Tượng (像d) là loại vàng bạc, vật báu đã thành hình tượng do công của người tạo thành khí cụ. Tất cả những vật đó đều làm cho lòng tham lớn mạnh, trái với nếp sống của kẻ cao thượng, cho nên cầm nắm đều phạm tội. Vì Tam bảo tạm thời cầm nắm, hoặc vì Sư trưởng, cha mẹ cất giữ, tự mình không có tâm tích trữ, không phạm.

Mười giới trên, bốn giới trước, nếu phạm gọi là phá căn bổn, cũng gọi là Biên tội5, chẳng phải tác pháp sám hối mới đối trị được. Nếu muốn tiến lên giới Tỳ-kheo và giới Bồ-tát cần phải lập đàn dùng pháp "Thủ tướng" để sám hối. Giới thứ 9 nếu phạm gọi là phá trai. Ngoài ra năm giới kia nếu phạm gọi là phá oai nghi, đều phải trân trọng sám hối trừ tội lỗi, mới không trở ngại trên con đường hành đạo, nên phải thận trọng vậy!

(Vấn đề giới luật đã nói xong).

---o0o---

MÔN THỨ HAI: 26 CHƯƠNG OAI NGHI

1. KÍNH BẬC ĐẠI SA-MÔN:

(Đại Sa-môn tức là chúng Tỳ-kheo).

Không được kêu danh tự của thầy đại Tỳ-kheo (tất cả Tỳ-kheo nên xưng là thầy mỗ). Không được lén nghe thầy đại Tỳ-kheo nói giới (nửa tháng tụng giới Tỳ-kheo, hàng ngày giảng giới Tỳ-kheo, hoặc khi tác như pháp Tăng sự, trước hết phải bảo người chưa thọ giới Cụ túc đi ra khỏi cương giới, tất cả

không được lén nghe. Lén nghe tức là trọng nạn trộm pháp. Cũng không được tự mình xem Luật tạng hay coi giới Tỳ-kheo trước). Không được tìm sở trường, sở đoản (lỗi lầm) của thầy đại Tỳ-kheo. Không được truyền nói lỗi lầm của thầy đại Tỳ-kheo. Không được chỗ vắng mắng thầy đại Tỳ-kheo. Không được khinh dể thầy đại Tỳ-kheo, hoặc giỡn cười trước mặt, bắt chước giọng nói, hình tướng, bộ đi của ngài. Không được ngồi thấy thầy đại Tỳ-kheo đi qua mà không đứng dậy, trừ khi tụng kinh, khi ăn, khi làm việc trong chúng, khi cạo tóc, khi bệnh (không phạm). Khi đi, gặp thầy đại Tỳ-kheo phải đứng bên đường nhường để ngài đi qua.

Luật Tứ phần nói:

Sa-di nên lấy tuổi đời làm thứ tự, nếu tuổi đời bằng nhau thì lấy tuổi xuất gia làm thứ tự.

Kinh Phương quảng đại trang nghiêm nói:

Pháp của Phật như biển cả, dung nạp cả trăm sông, nước của bốn phương đều chảy về đó, và đều đồng một mùi vị. Đó là vị mặn. Căn cứ theo thọ giới trước sau chứ không căn cứ theo sang và hèn. Bốn đại giả hợp lại gọi là thân, bên trong trống rỗng, vốn không có ta. Nên suy nghĩ Chánh pháp, chớ tham lòng kiêu mạn. (Thể của Tỳ-kheo là Tăng bảo, nên theo giới lạp mà luận bàn, còn Sa-di chưa dự vào Tăng sĩ, nên theo tuổi đời mà luận. Dù ông Sa-di 100 tuổi cũng phải kính vị mới thọ giới Tỳ-kheo).

2. THỜ THẦY:

Phải dậy sớm. Muốn vào cửa phải khảy móng tay trước ba lần (tức là gõ cửa), mang theo đầy đủ nhành dương và nước súc miệng rửa mặt. Trao áo, giày, xếp mền, lau giường, quét đất, đem thêm nước cho thầy. Thầy đi ra ngoài chưa vào, không được bỏ phòng đi. Nếu có lỗi, Hòa thượng, A-xà-lê dạy bảo không được nói nghịch lại. Thờ hai thầy như thờ Phật. Nếu thầy bảo đổ đồ bất tịnh không được giận và không bằng lòng. Buổi tối nên xoa bóp cho thầy. Thầy đang thọ thực không nên làm lễ. Thầy ngồi thiền không nên làm lễ. Thầy kinh hành không nên làm lễ. Thầy súc miệng chưa xong, chưa tẩy tịnh, còn mặc áo lót đều không nên làm lễ. Thầy đóng cửa không nên ở ngoài cửa làm lễ. Muốn vào cửa làm lễ phải khảy móng tay 3 lần, nếu thầy không trả lời nên đi. Bưng thức ăn cho thầy nên bưng cao với hai tay. Thầy dùng rồi, dọn dẹp phải chậm rãi. Dâng trái cây cho thầy phải tác tịnh trước, hoặc bằng lửa, bằng dao, bằng móng tay bóc vỏ. Nếu trái cây không có khả

năng sanh trưởng thì khỏi tác tịnh. Trao nước phi thời cho thầy phải lấy nước điểm tịnh. Hầu thầy không được đứng đối diện, không được đứng chỗ cao, không được đứng xa quá; đứng thế nào để thầy nói nhỏ nghe được, khỏi tốn sức thầy. Cầu thỉnh Phật pháp nơi thầy nên mặc y áo; lễ bái chắp tay, lắng nghe, suy nghĩ kỹ lưỡng. Hỏi việc thường trong nhà chùa khỏi phải lễ bái, chỉ đứng ngay thẳng bên thầy, như sự thật mà thưa hỏi là được. Nếu thầy thân tâm mỏi mệt, bảo đi phải đi, không được tâm tình không vui hiện nơi sắc mặt. Phàm có phạm giới v.v... không được che giấu, phải mau mau đến thầy cầu xin sám hối. Thầy hứa khả thì phải hết lòng thành phát lồ, ăn năn hối cải để được thanh tịnh trở lại. (Nếu phạm bốn giới căn bản, nương theo thầy quyết nghi, mới có thể hành pháp sám Thủ tướng được).

Thầy nói chưa xong không được nói. Không được ngồi giỡn chỗ ngồi của thầy, và nằm giường của thầy nằm, không được mặc áo, đội mão của thầy... Thầy sai đem thư tín không được tự ý mở ra xem, cũng không được cho người xem. Đến chỗ, người nhận thư có hỏi, nên trả lời thì như sự thật mà nói, nếu không nên đáp, thì khéo léo mà xin lui. Họ cầu ở lại, không nên ở, phải nghĩ về mau. Hoặc trên đường đi gặp phải trời tối, gió mưa nạn duyên... tùy theo luật định mà liệu lượng. Thầy tiếp khách hoặc đứng chỗ thường, hoặc ở bên thầy, hoặc ở sau thầy, phải làm thế nào cho tai và mắt giao tiếp nhau để hầu thầy việc cần. Thầy đau ốm phải thủy chung điều trị. Phòng, nhà, mền, nệm, thuốc men, cơm cháo... từng việc một phải dụng tâm coi sóc.

Phàm hầu thầy, thầy không bảo ngồi thì không được ngồi, không hỏi không được nói, trừ trường hợp mình có việc cần thưa. Phàm đứng hầu thầy không được tựa vách, dựa ghế, nên ngay mình thẳng chân đứng một bên. Muốn lễ bái, nếu thầy bảo thôi thì nên thuận theo mệnh lệnh của thầy, đừng lạy (Bên Tây Trúc chỉ lễ 1 lễ, không lễ 3 lễ). Thầy có sai việc chi phải kịp thời làm liền, không được trái mạng. Phàm ngủ, không được ngủ trước thầy, trừ có bệnh, thưa thầy mới ngủ trước. Có ai hỏi tên thầy nên nói trên chữ... dưới chữ..., hỏi hiệu của thầy, tức gọi rằng mỗ giáp.

Không được lìa thầy ở riêng. Nếu thầy viên tịch hoặc đi xa, mà mình không đi theo được, nên thưa thầy, mình sẽ y chỉ vị nào. Tùy theo lời dạy của thầy mà mình xin y chỉ. Tất cả phụng hành như pháp thờ thầy. Nếu thầy chưa chỉ vẽ mà viên tịch hay đi xa đột xuất, cần phải chọn lựa vị Minh sư khác để y chỉ mà sống, không được buông lòng tùy tiện, nếu thầy hoàn tục hay phá giới, hoặc bị Tăng diệt tẫn cũng nên tìm vị Minh sư khác để y chỉ mà sống.

Tuổi đủ 20, mà thông thạo việc của người xuất gia, nên tìm thầy tạo phương tiện tấn đàn thọ giới Tỳ-kheo. Tuổi chưa đủ 20, hoặc đã đủ 20 mà chưa hội đủ các điều kiện thì không nên tấn đàn thọ Tỳ-kheo giới, chỉ nên phát tâm Bồ-đề cầu thọ giới Bồ-tát trước. Làm vị Bồ-tát Sa-di để học pháp Đại thừa. Đợi tuổi đủ 20 và hội đủ các điều kiện lại tấn đàn thọ Cụ túc giới, tức thành Bồ-tát Tỳ-kheo.

Trong Bộ Căn bản tạp sự nói:

Nếu ai nương nơi vị thầy ở trong Phật pháp, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, đem lòng tịnh tín, xuất gia tu hành. Người ấy đối với thầy, cho đến trọn đời tứ sự cúng dường, cũng chưa coù thể trả được hết ơn thầy.

3. THEO THẦY ĐI XA:

Không được ghé vào nhà người. Không được đứng bên đường cùng người nói chuyện. Không được liếc ngó hai bên, phải nhìn ngay, thẳng mình theo sau thầy. Đến nhà Đàn-việt phải đứng một bên, thầy bảo ngồi mới ngồi. Đến tự viện khác, thầy lễ Phật, hoặc mình lễ, không được tự tiện đánh chuông, đánh khánh. Nếu đi núi, phải đem tọa cụ theo. Nếu đi xa, không được cách nhau quá xa. Nếu lội nước phải cầm cây gậy dò xem nước sâu cạn. Nếu tình cờ chia nhau đi, hẹn đến chỗ nào gặp, không được đến sau giờ hẹn. Thầy thọ trai phải đứng hầu xuất sanh, thọ trai xong phải đứng hầu thu nhận phẩm vật cúng dường.

4. NHẬP CHÚNG:

Không được tranh chỗ ngồi, không được trên chỗ ngồi kêu nhau, và lớn tiếng nói cười. Trong chúng có mất oai nghi phải giấu việc xấu bày việc tốt. Không được khoe khoang kể công khó nhọc của mình. Ngủ không được ngủ trước người, dậy không được dậy sau người. Không được cùng với bạch y đồng ngồi một ghế, trừ đại pháp hội.

Phàm rửa mặt không được phung phí nhiều nước. Súc miệng chà răng phải cúi đầu nhổ nước xuống, không được phun nước văng sang người gần bên. Không được khạc nhổ lớn tiếng. Không được ở trong điện tháp và nhà sạch, đất sạch, nước sạch khạc nhổ, phải đến chỗ vắng khuất.

Khi pha trà, không được dùng một tay còn lại mời người, chào người. Không được đối diện với tháp mà xỉa răng, và đối diện với hai thầy (Hòa

thượng, A-xà-lê), đại Tỳ-kheo v.v... Không được nói nhiều, cười nhiều. Nếu cười lớn và ợ ngáp phải dùng tay áo che miệng lại. Không được đi mau.

Không được đem đèn nơi bàn Phật về chỗ riêng của mình để dùng. Đốt đèn phải dùng cái chụp phủ lên trên, đừng để loại phi trùng bay vào. Hoa cúng Phật phải dùng loại hoa vừa nở tròn, không được ngửi trước. Trừ hoa héo rồi mới cúng hoa mới. Hoa héo không được bỏ chỗ đi, giẫm đạp lên trên, nên để chỗ khuất sạch.

Nên vì đại Tăng cung cấp nhành dương, nước rửa... Tùy theo khả năng làm được việc gì nên làm liền cho chúng Tăng, không nên trốn tránh để cầu an. Nghe kêu nên niệm Phật để trả lời, không được dùng chữ "có" hay chữ "đây rồi".

Phàm lượm được vật rơi liền phải thưa với thầy tri sự của Tăng. Không được kết bạn với người tuổi nhỏ, không được mặc ba y cắt rọc may thành, lạm dụng đồng với hàng đại Tỳ-kheo Tăng, nên mặc áo cà-sa man điều (man đieàu là không may chắp lại, cà-sa tức là hoại sắc).

Luật Căn bản nói:

Hạng người Cầu tịch, man điều là đồ mặc của họ. Mặc y 5 điều là một tội lạm dụng rất lớn. Đất Thần Châu6 từ lâu mắc phải tệ trạng này. Đây là điều phi pháp. Không được sắm nhiều y phục, nếu có dư thì phải xả. Không được sắm dây lưng, phất trần tốt đẹp v.v... trang điểm theo thói giang hồ làm trò cười cho kẻ thức giả. Không được mặc đồ có màu sắc chính vì bắt chước người thế tục trang sức v.v... Không được dùng tơ lụa làm bằng tơ tằm, thương tổn lòng từ và phạm điều luật chế cấm. Không được tay không sạch mà đắp y.

Không được ngồi xem đại chúng làm việc nhọc mà trốn tránh trộm an. Không được lấy của thường trụ như tre, cây, bông, trái, rau cỏ, tất cả thức ăn, đồ dùng v.v... để dùng riêng hay thù tạc riêng. Không được luận nói việc của triều đình cũng như việc chính trị được mất và việc tốt xấu, hay dở của nhà bạch y.

Phàm tự xưng nên dùng hai chữ pháp danh, không được nói rằng tôi, hoặc tiểu Tăng, hay mỗ giáp. Không được nhân việc nhỏ mà tranh chấp. Nếu việc lớn khó nhẫn mấy cũng phải bình tĩnh nhu hòa, dùng lý để luận biện, không được thì tìm cách từ khước mà đi. Nếu động khí phát lên lời nói thô, tức

chẳng phải đồ đựng pháp vậy. Nếu trái phạm với quy chế của Tăng, nghe tiếng bạch chùy, không được chống cự không phục.

5. THEO CHÚNG THỌ THỰC:

Nghe tiếng kiền chùy liền phải sửa y phục.
Phàm xuất sanh, để trong bàn tay bên tả, thầm niệm bài kệ:

Các ngươi là chúng quỷ thần,
Tôi nay thí cho các ngươi.
Cơm này biến khắp mười phương,
Tất cả quỷ thần dùng chung.

Phàm muốn ăn trước phải tưởng 5 phép quán:

1) Tính công phu nhiều hay ít, so với vật thí người kia.

2) Nghĩ đến đức hạnh của mình thiếu hay đủ để nhận của cúng đó.

3) Đề phòng tâm, xa lìa tội lỗi, tham sân si là đóng vai chủ yếu.

4) Thức ăn là thuốc hay dùng để chữa bệnh gầy ốm.

5) Vì muốn làm đạo nghiệp nên mới nhận thức ăn này.

Không chê thức ăn ngon hay dở. Không được dùng thức ăn cho riêng ai, hoặc trích cho chó. Đem thức ăn thêm đến, không được nói không dùng, nếu no rồi thì dùng tay từ khước. Không được gãi đầu, khiến gió bay bụi vào bát của người ngồi gần. Không được ngậm thức ăn mà nói. Không được cười nói chuyện tạp. Không được nhai thức ăn có tiếng. Không được húp cháo hay canh có tiếng. Muốn xỉa răng phải dùng tay áo che miệng lại. Trong thức ăn nếu có trùng kiến phải khéo che giấu, đừng để vị ngồi gần thấy sanh lòng nghi. Chỉ ăn trong một oai nghi ngồi, không được ăn rồi lìa chỗ ngồi trở lại ăn nữa, trừ có việc chánh. Không được ăn rồi lấy ngón tay vét chén bát mà ăn. Phàm ăn, không mau quá, không được chậm quá. Bưng thức ăn chưa đến không được sanh phiền não. Nếu có cần gì nên làm thinh, dùng tay mà làm hiệu, không được cao giọng kêu lớn. Không được khua chén bát có tiếng. Không được ăn rồi đứng dậy trước, phải kiết trai, đồng đứng dậy, trừ có việc chánh. Trong cơm có thóc, hoặc bỏ vỏ rồi ăn, hoặc gom lại một chỗ, khi ăn xong đem ra cho chim chóc. Thấy thức ăn ngon không nên sanh lòng

tham, buông miệng ăn. Không được ăn riêng chúng. Nếu sức yếu không thể giữ giới bất phi thời thực, thì thà là lui lại làm người cận sự nam, chứ đừng mang lấy hư danh, ngày ngày chiêu cảm tội lỗi phá trai.

6. LỄ BÁI:

Sáng sớm dậy phải chà răng, súc miệng cho sạch mới làm việc lễ kính. Lễ bái không được đứng chính giữa chánh điện, vì đó là chỗ của vị trụ trì. Có người lạy Phật không được đi ngang qua trên đầu của họ. Phàm chắp tay không được mười ngón so le, không được trống ở giữa, không được dùng ngón tay móc lỗ mũi, phải chắp tay ngang ngực, không được cao, không được thấp. Không được lễ bái phi thời. Như muốn lễ bái phi thời phải đợi lúc vắng người. Thầy lễ Phật, không được đứng ngang thầy cùng lễ, phải lễ phía sau thầy. Thầy chào người, không được cùng thầy đồng chào. Trước mặt thầy không được cùng người đồng hàng lễ nhau. Tay cầm kinh, tượng không được vì người làm lễ. Không được mặc áo cụt mà lễ người, cũng không được mặc áo cụt mà nhận người lễ.

7. NGHE PHÁP:

Sửa soạn y áo, nhìn ngay thẳng tiến đến, ngồi trang nghiêm, không được nói ồn. Không được ho khạc lớn. Phàm nghe pháp phải lắng tai nghe kỹ, suy nghĩ chín chắn, như thật tu hành. Không được chuyên nhớ danh ngôn để dùng vào lúc nói chuyện. Không được chưa hiểu mà nói là hiểu, vào lỗ tai ra lỗ miệng. Tuổi nhỏ sức mạnh của giới chưa bền vững nên theo thầy tập sống khổ hạnh, không được sớm đến giảng đường.

8. HỌC TẬP KINH ĐIỂN:

Phải học giới Sa-di trước, mỗi mỗi đều phải thi hành, kế đến học kinh, luật Đại thừa, không được lén xem Luật tạng của Tỳ-kheo để thành mắc trọng nạn trộm pháp. Phàm học kinh phải thưa thầy trước. Học kinh đó rồi lại thưa nên học kinh gì. Không được dùng miệng thổi bụi trên kinh. Không được trên án kinh mà để trà nát, vật tạp. Không được để cái mão trên quyển kinh. Không được để kinh, luật Tiểu thừa lên trên kinh, luật Đại thừa. Không được để sách ngoại điển lên trên sách nội điển. Kinh điển hư hoại phải mau tu bổ. Không được tay dơ cầm nắm kinh. Đối với kinh như đối với Phật, không được giỡn cười. Không được trên án kinh để ngang dọc lộn xộn mất trật tự. Không được để áo dơ, đồ vật không sạch lên trên án kinh. Mượn kinh của người xem phải gia tâm quý trọng đừng để cho tổn hoại. Nếu mượn xem mà

không trả, trị giá đủ 5 tiền tức phạm căn bổn trọng giới, không thể không thận trọng! Người đang xem kinh không được đi qua gần trước án người đó. Không được học lớn tiếng động chúng. Sa-di bổn nghiệp chưa thành, không được học tập ngoại thơ như sách sử truyện, chính trị, thi thơ, ca phú... Trí lực có thừa, vì để hàng phục ngoại đạo, nên học tập ngoại thơ, không được sanh kiến giải theo sách ngoài. Không được lựa những kinh ứng phú đạo tràng mà học tập trước.

9. VÀO TỰ VIỆN:

Vào cửa chùa, không được đi chính giữa phải đi bên tả hay bên hữu. Nếu đi bên tả thì bước chân bên tả trước, đi bên hữu thì bước chân bên hữu trước. Không được không có lý do mà lên đại điện du hành. Không được không có lý do mà lên trên Tháp. Vào trong điện, tháp phải đi từ Nam đến Tây, từ Bắc qua Đông, quanh phía bên hữu, không được đi quanh bên tả. Nhiễu Tháp, hoặc 3 vòng, 7 vòng, cho đến 10 vòng, 100 vòng, phải biết số lượng. Không được mang guốc gỗ... vào trong điện, Tháp.

10. THEO CHÚNG VÀO NHÀ THIỀN:

Trên đơn không được đập giũ áo, mền làm thành tiếng, quạt gió, khiến đơn gần động niệm. Xuống giường thầm niệm bài kệ:

Từ sớm mai giờ Dần cho đến tối,
Tất cả chúng sanh tự giữ lấy mình
Nếu rủi phải bỏ mạng dưới chân tôi
Nguyện cầu sớm về cõi Tịnh độ.

Không được nói cao giọng, lớn tiếng, nhẹ tay thả sáo, phải đỡ tay sau. Không được kéo guốc dép có tiếng. Không được khạc nhổ lớn. Không được cùng với đơn gần giao đầu tiếp tai luận nói việc đời. Bạn quen đến thăm, không được nói chuyện lâu trong giảng đường, phải dẫn nhau đến gốc cây, bên mé nước, mới hết lòng đàm luận. Lên đơn, xuống đơn đều phải nhỏ nhẹ, đừng làm cho đơn gần động niệm. Không được chép viết văn tự trên đơn, trừ khi trong chúng đang xem kinh điển. Nếu xem kinh cần phải ngồi ngay thẳng lắng lòng nghiền ngẫm, không được đọc ra tiếng. Khi nghe bảng đánh hai tiếng, phải sớm đến giảng đường, nơi chỗ của mình. Không được trên đơn bày nước uống, nói chuyện tạp. Không được trên đơn may vá áo, mền. Không được khi nằm để ngủ, cùng đơn gần nói chuyện tạp động chúng.

11. CHẤP TÁC (Công tác):

Phải tiếc của chúng Tăng. Phải tuân theo lệnh của thầy tri sự dạy bảo, không được trái nghịch. Phàm rửa rau phải thay 3 lần nước. Phàm xách nước, trước phải rửa tay cho sạch. Phàm dùng nước, phải xem kỹ có trùng hay không trùng. Nếu có trùng phải dùng lụa mỏng lượt qua rồi mới dùng. Mùa đông không được lượt nước sớm quá, phải đợi mặt trời mọc. Phàm chụm lửa không được chụm củi mục. Phàm làm thức ăn không được để đất trong móng tay. Đổ nước dơ không được đổ giữa đường. Không được đưa tay cao tạt nước, phải cách đất 4, 5 tấc, từ từ đổ xuống. Phàm quét đất không được quét ngược gió. Không được nhóm đất phía sau cánh cửa. Giặt áo trong (lót) phải bắt bỏ rận trước. Tháng mùa đông dùng nước rồi phải úp bồn xuống cho khô, nếu để ngửa tức trùng sanh. Không được đổ nước sôi trên đất.

12. VÀO NHÀ TẮM:

Trước hết dùng nước nóng rửa mặt, rồi từ trên đến dưới từ từ rửa khắp. Không được thô tháo làm cho nước văng vấy người khác. Không được tiểu tiện trong nhà tắm. Không được cùng người nói chuyện. Trong bộ Nhân thiên bảo giám nói: "Có một ông Sa-di vào trong nhà tắm giỡn cười, bèn cảm quả báo đọa vào địa ngục Sôi sục". Phàm có ghẻ nhọt nên tắm sau người. Nếu có ghẻ đáng sợ cần phải tránh né. Không được buông ý tắm lâu, đề phòng trở ngại người sau. Cởi áo mặc áo phải thong thả thoải mái. Nước nóng hay nguội phải theo phép mà đánh mõ (không được kêu lớn). Nếu địa phương không dùng mõ thì tùy theo đó mà báo hiệu.

13. VÀO NHÀ VỆ SINH:

Muốn đại tiểu tiện phải đi ngay, đừng đợi bên trong bức bách sảng sốt. Vắt áo trực chuyết trên cây sào tre, phải xếp cho ngay thẳng, dùng khăn tay hoặc dây lưng cột lại, một là để dễ nhớ, hai là khỏi rớt xuống đất. Phải thay đổi giày guốc, không được mang giày guốc sạch vào nhà xí. Khi đến phải búng móng tay hoặc tằng hắng khiến cho phi nhân ở trong đó biết. Không được thúc giục khiến cho người ở trong nhà xí phải gấp đi ra. Đã vào trong nhà xí rồi cũng phải búng móng tay làm cho có tiếng, cho loài phi nhân ở trong hồ xí biết. Không được cúi đầu dòm xuống. Không được cầm cỏ vẽ dưới đất. Không được rán hơi có tiếng. Không được cách vách cùng người nói chuyện. Không được nhổ trên vách. Đi cầu xong phải rửa sạch, kế đó rửa tay. Chưa rửa tay không được cầm vật gì. Chưa rửa sạch và chưa rửa tay gặp người không được tác lễ, phải nghiêng mình tránh họ. Không được vừa đi

vừa cột dây áo. Khi đi tiểu cũng phải vén tay áo lên, tiểu xong liền phải rửa tay sạch. Chưa rửa tay không được cầm vật gì, không được tác lễ.

14. NẰM NGỦ:

Nằm nghiêng phía bên hữu là cách nằm tốt nhất. Không được nằm ngửa, nằm sấp và nằm nghiêng bên tả. Không được cùng với đại Tỳ-kheo đồng phòng ngủ quá ba đêm. Nếu đồng phòng mà có sự ngăn cách thì quá ba đêm không phạm. Không được cùng với đại Tỳ-kheo ngủ đồng giường. Nếu có nạn duyên thì được phép ngủ hai đêm, đến đêm thứ ba phải luân phiên nhau ngồi dậy, trừ trường hợp nuôi bệnh nặng hoặc mình bệnh nặng. Không được cùng với Sa-di cùng một thầy ngủ chung một giường. Nếu không có giường khác thì không đắp chung một mền. Nếu không có mền khác thì mỗi người mặc áo lót, không được hai thân chạm nhau. Phàm treo giày, dép và áo cụt... không được cao quá đầu người. Không được trước tượng Thánh và pháp đường bưng xách đồ dơ đi qua. Không được nằm trên giường ngủ cười nói lớn tiếng.

Luật Thiện kiến nói:

Khi gần muốn ngủ nên phải niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên và niệm Vô thường. Đối với trong sáu niệm này tùy đó mà niệm.

15. SƯỞI LỬA:

Không được giao đầu tiếp tai nói chuyện. Không được khảy đất vào trong lửa, không được hong phơi giày dép bít tất, không được sưởi lửa quá lâu, phòng ngại người sau, vừa ấm liền về chỗ mình.

16. Ở TRONG PHÒNG:

Hỏi nhau để biết lớn nhỏ. Muốn đem đèn lửa vào, nên báo cho người trong phòng biết là đèn lửa vào. Muốn tắt đèn lửa phải hỏi người cùng phòng còn cần dùng nữa không. Không được dùng miệng thổi đèn, nên vặn tim xuống từ từ cho nó tắt. Sau khi tắt đèn không được tụng niệm lớn tiếng. Nếu có người bệnh nên đem lòng thương chăm sóc từ đầu đến cuối. Có người ngủ, không được khua vật có tiếng và cao giọng nói cười. Không được vô cớ mà vào phòng hay chùa người khác.

17. ĐẾN CHÙA NI:

Không có người thứ hai, một mình không được đến. Có chỗ ngồi riêng biệt mới ngồi, không có chỗ ngồi riêng biệt thì không được ngồi. Không được nói pháp lúc phi thời. Khi về không được nói chuyện tốt xấu của họ. Không được thư từ qua lại và cậy mượn cắt may, giặt nhuộm v.v... Không được cạo tóc cho Ni. Không được bảo Ni cạo tóc cho mình. Không được cùng ngồi chỗ khuất vắng. Không được trao tặng lễ vật qua lại. Không được nhờ cậy Ni chúng đến nhà hào quý để hóa duyên và cầu niệm kinh sám... không được cùng Ni kết làm cha mẹ, thầy trò, chị em.

18. ĐẾN NHÀ NGƯỜI:

Có chỗ ngồi riêng thì nên ngồi, không được ngồi bậy, không được liếc ngó hai bên. Không được nói chuyện tạp. Không được cười nhiều. Người hỏi kinh phải biết trả lời đúng lúc, không nên trả lời không đúng lúc. Nếu nói pháp cho người nữ nghe không được nói nhỏ hay nói thầm, không được nói nhiều. Không được quấy nói Phật pháp, trả lời một cách lộn xộn, khoe mình học nhiều cầu họ cung kính. Không được trá hiện oai nghi, giả trang thiền tướng, cầu họ cung kính. Người chủ có dọn cơm, tuy chẳng phải pháp hội, cũng đừng làm mất oai nghi phép tắc. Không được ngồi bậy trong quán rượu. Không được trong nhà trống, hoặc chỗ vắng cùng người nữ ngồi nói chuyện. Không được thư từ qua lại và cậy mượn v.v... Không được bắt chước người bạch y trao tặng lễ vật. Không được cùng người bạch y kết làm cha mẹ, chị em, anh em. Không được quản lý việc nhà của người. Không được nói lỗi của Tăng.

Nếu về nhà thế tục thăm bà con, trước phải đến giữa nhà lễ Phật, hoặc trước tượng Thánh trong nhà, đứng ngay ngắn vái chào, kế đến hỏi chào cha mẹ, quyến thuộc tất cả nội ngoại. Không được về nhà nói với cha mẹ: Thầy nghiêm, xuất gia khó, vắng vẻ, đạm bạc, cay đắng, khổ sở mọi việc. Nên nói Phật pháp để cha mẹ sanh lòng tin thêm phước. Không được cùng với tiểu nhi trong thân tộc ngồi lâu, đứng lâu, nói chuyện tạp, cười giỡn. Không được hỏi việc phải quấy, tốt xấu trong họ hàng. Không được đi đêm. Nếu trời tối phải ở lại, nên sử dụng riêng giường, ngồi nhiều nằm ít, một lòng niệm Phật, việc rồi liền về, không được lưu luyến ở luôn.

19. KHẤT THỰC:

Phải cùng đi với người lão thành. Nếu không có người cùng đi, phải biết chỗ nào nên đi. Đến cửa ngõ nhà người nên ngắm xem cử chỉ, không được mất

oai nghi. Nhà không có đàn ông không được vào cửa ngõ. Nếu muốn ngồi, trước phải xem coi chỗ ngồi, có đồ đao binh thì không nên ngồi; có bảo vật không nên ngồi; có đồ trang sức hay áo mền của phụ nữ không nên ngồi. Muốn nói kinh phải biết lúc nên nói, lúc khoâng nên nói. Không nên nói: "Cho tôi ăn thì người được phước". Không nên tha thiết cầu xin đòi hỏi. Không được rộng nói nhân quả, mong cầu được cho nhiều. Không được đến mãi nơi nhà thân tình, thí chủ thuần thành hoặc am viện quen thân đòi hỏi thức ăn.

20. VÀO XÓM LÀNG:

Có việc cần thiết cho Tam bảo và nuôi bịnh... mới vào. Không có việc cần thiết, không được vào. Không được đi mau. Không được đi hai tay đánh đàng xa. Không được vừa đi vừa nhìn ngắm người vật hai bên. Phải ngay mình nhìn thẳng phía trước mà đi. Không được cùng với thiếu niên vừa đi vừa nói chuyện cười giỡn. Không được cùng với người nữ đi sau hoặc xen kẽ đi trước. Không được cùng với người say, người cuồng đi sau hoặc xen đi trước. Không được cố ý nhìn người nữ. Không được liếc mắt ngó người nữ. Nếu gặp bậc Tôn túc, thân thức, phải đứng qua một bên, chú ý vái chào. Nếu gặp những việc vui đùa, huyễn thuật, quái lạ, đều không nên xem. Nếu gặp quan quyền, bất luận lớn nhỏ đều phải tránh đi. Nếu gặp kẻ đánh nhau thì phải tránh xa mà đi, không được đứng lại xem. Phàm gặp nước hầm, nước lở, không được nhảy qua, có đường nên đi quanh, không có đường, mọi người đều nhảy thì được phép nhảy qua. Chẳng phải bệnh duyên và việc gấp không được cỡi lừa, ngựa... Nếu có duyên sự tạm thời được cỡi, không được vì vui mà dùng roi đánh thúc ngựa chạy mau. Khi về chùa, không được khoe những cảnh tượng kỳ lạ trong thành phố... mà mình đã thấy.

21. ĐI CHỢ:

Đừng tranh vật mắc rẻ. Đừng ngồi nơi hàng của người nữ. Nếu bị người xúc phạm, phương tiện tránh đi. Đừng theo tìm cầu giá rẻ. Đã hứa mua vật của người này, tuy vật của người kia có rẻ hơn, đừng bỏ của người này lấy của người kia, khiến cho người chủ không vui. Phải cẩn thận, đừng bảo lãnh cho ai để rồi phải mắc nợ.

22. LÀM VIỆC KHÔNG ĐƯỢC TỰ TIỆN:

Ra vào tới lui phải thưa thầy trước. May pháp y mới phải thưa thầy trước, mặt pháp y mới phải thưa thầy trước. Cạo đầu phải thưa thầy trước. Đau

bệnh uống thuốc phải thưa thầy trước. Làm việc của chúng Tăng phải thưa thầy trước. Muốn có dụng cụ bút giấy riêng phải thưa thầy trước. Nếu muốn tụng kinh gì phải thưa thầy trước. Nếu ai cho mình vật gì phải thưa thầy trước, thầy cho nhận mới nhận. Mình muốn dùng vật gì cho người phải thưa thầy trước, thầy đồng ý mới cho. Ai đến mình mượn vật gì phải thưa thầy trước thầy chấp thuận mới cho. Mình muốn mượn vật gì của ai phải thưa thầy trước, thầy đồng ý mới mượn. Khi thưa, thầy cho phép hay không đều phải làm lễ, thầy không cho phép không được có ý buồn.

23. ĐI THAM HỌC:

Muốn quyết trạch vấn đề tâm địa, phải thưa thầy để biết chỗ nào có thể đến tham vấn. Nếu thầy chưa biết rõ, phải hỏi các vị biết trước. Phải tìm cầu cho được bậc chơn Thiện tri thức mới có thể đến tham vấn. Người xưa nói: "Phải có đủ con mắt trạch pháp mới tham vấn. Chưa có con mắt trạch pháp, lại không được người đi trước chỉ vẽ, mà luống tự đi hành cước, chỉ ở chật chùa, tốn cơm cháo, mà tập khí còn nguyên, đối với mục đích của mình đâu có ích gì. Hãy cẩn thận, nên cẩn thận!

Đi xa cốt yếu là phải nương bạn lành. Không được xem coi núi sông, cảnh tượng du lịch, nhìn ngắm cho nhiều, để khoe khoang với người. Đến chỗ nào, phải để hành lý bên ngoài, không được đem thẳng vào trong điện đường, một người coi hành lý, một người vào trước hỏi chào, để biết phép tấn chỉ của thường trụ, sau đó mới có thể mang hành lý vào để bên trong.

24. GIÀ NẠN ĐỐI VỚI NGƯỜI THỌ CỤ TÚC GIỚI:

Có 13 trọng nạn:

1) Phá hỏng nội ngoại đạo (tức là sau khi thọ Cụ túc giới lại vào trong ngoại đạo, nay trở lại cầu thọ giới).

2) Phá phạm hạnh của người khác (tức là người thọ giới pháp, một trong bảy chúng của đức Phật, lần đầu tiên làm cho họ phá giới căn bổn).

3) Vào đạo với tâm giặc (tâm trộm pháp) (tức là chưa thọ Cụ túc giới mà lén nghe Tỳ-kheo thuyết giới và lén coi Luật tạng của Tỳ-kheo).

4) Kẻ huỳnh môn (tức là năm loại người chẳng phải nam).

5) Hai căn (tức là một thân mà có cả hai căn nam và nữ).

6) Súc sanh (loài rồng, loài quỷ... biến làm hình người thọ Cụ túc giới).

7) Chẳng phải người (nghĩa là chư thiên, A-tu-la, quỷ thần biến làm hình người cầu thọ Cụ túc giới).

8) Phạm tội bị loại bỏ (tức là đã từng thọ năm giới, tám giới, mười giới, Cụ túc giới, rồi phaïm một trong bốn giới trọng: Giết người, trộm 5 tiền, hành dâm, đại vọng ngữ v.v...).

9) Giết cha.

10) Giết mẹ.

11) Giết A-la-hán.

12) Phá hòa hợp Tăng.

13) Làm cho thân Phật ra máu.

Mười ba nạn trên mà phạm phải một nạn, nếu người chưa thọ giới thì không cho thọ. Đã thọ giới rồi, thì phải diệt tẫn.

Mười sáu khinh già:

1) Không được độ đầy tớ (Nếu người chủ cho phép thì được).

2) Không được độ giặc cướp (ngoài ngàn dặm cải hối tùng thiện thì được).

3) Không được độ người mắc nợ (Trả rồi hoặc bà con trả thế, chủ nợ xóa cho, đều được).

4) Không được cho người chưa đủ 20 tuổi thọ Cụ túc giới (đợi đủ 20 tuổi thì được).

5) Đến 9) Không được độ naêm hạng người có các
bệnh: hủi, hủi trắng, ung thư, càn tiêu7, điên cuồng (bệnh lành thì được).

10) Cha mẹ không cho phép, không được độ cho xuất gia (cầu xin cha mẹ thuận cho thì được).

11) Không được độ người đang làm công chức (hết ăn lương hay cấp trên cho phép thì được).

12) Không được cho người không có y bát hoặc mượn y bát của người khác thọ Cụ túc giới (nếu người cho mượn hứa khi nào người đó có đủ mới đòi, chứ không đòi liền thì được).

13) Không tự xưng tên.

14) Không chịu gọi tên Hòa thượng.

15) Bảo xin giới không chịu xin.

16) Mặc áo của bạch y, mặc áo và trang sức theo ngoại đạo.

Người 60 tuổi không được thọ giới Cụ túc, chỉ cho làm Sa-di mà thôi.

25. PHÁP THỈNH HÒA THƯỢNG:

Không có Hòa thượng thì không thọ Cụ túc giới được. Hai Hòa thượng cho đến nhiều Hòa thượng cũng không thọ Cụ túc giới được. Khi muốn thọ Cụ túc giới, nếu vị Hòa thượng trước đây đã trao mười giới còn sống thì khỏi phải thỉnh Hòa thượng khác. Nếu Bổn sư không còn, thì phải chọn vị Minh sư để thỉnh. Phải trống vai bên hữõu, quỳ gối, chắp tay, bạch:

- Con tên là... Nay thỉnh Đại đức làm Hòa thượng. Nguyện Đại đức vì con làm Hòa thượng, con nương nơi Đại đức được thọ giới Cụ túc. (nói như vậy 3 lần).

26. DANH TƯỚNG SÁu VẬT CỦA TỲ-KHEO:

1) An-đà-hội: Trung Hoa dịch là Trung túc y, cũng gọi là Tạp tác y, là y 5 điều, một dài, một ngắn, hoặc man điều, hoặc y 7 điều, 9 điều đã cũ đều được may thành y An-đà-hội để thọ trì. Tùy theo thân hình của mỗi người lấy bề đứng ba khuỷu tay, bề ngang năm khuỷu tay làm chừng mực, có thể giảm, không được tăng. Không được như ngày nay, may bề đứng ba khuỷu tay, bề ngang sáu khuỷu tay. Hai y sau đây đều đồng như trên.

2) Uất-đa-la-tăng: Trung Hoa dịch là Thượng trước y, cũng gọi là Nhập chúng y. Chính là y 7 điều, hai dài một ngắn, nên cắt rọc may thành. Nếu ít vải thì dùng điều thiếp cũng được. Hoặc là y 9 điều vừa cũ, may thành y Uất-đa-la-tăng cũng được.

3) Tăng-già-lê: Trung Hoa dịch là Trùng y, cũng gọi là Tạp toái y. Chính là y 9 điều, hai dài một ngắn. Luật Tăng kỳ quy định đến điều thứ 15, không được quá, luật Tứ phần quy định đến điều thứ 19, không được quá. Luật Căn bản quy định đến điều thứ 25, không được quá, nên cắt rọc may thành. Người nghèo nếu có y Uất-đa-la-tăng cắt rọc may thành điều của y Tăng-già-lê cũng được.

4) Ni-sư-đàn: Trung Hoa dịch là Tọa cụ, nên may chồng hai lớp, bề dài bằng hai gang rưỡi tay Phật (tức là 5 thước nhà Châu), bề rộng bằng hai gang tay Phật (tức 4 thước của nhà Châu). Khi nằm trải tọa cụ để khỏi nhớp thân. Khi ngồi trải trên đất để khỏi nhớp y.

5) Bát-đa-la: Trung Hoa dịch là Ứng lượng khí, làm bằng đất hay bằng thiết, lớn nhất không quá ba thăng, nhỏ nhất không quá một thăng rưỡi, sử dụng khi đi khất thực.

6) Lự thủy nang: Đãy lọc nước làm bằng lụa mỏng, mịn nhuyễn. Không được đi 20 dặm mà không có đãy lọc nước. Đây là dụng cụ cần thiết để bảo vệ mạng sống của chúng sanh, cứu giúp vật theo lòng từ, không thể thiếu.

Kệ và chú đắp y trong văn của luật không thấy chép, hình như không buộc phải dùng.

Trong luật điều quan trọng bậc nhất cho bất cứ lúc nào, là chuyên tu Tứ niệm xứ quán. Vậy không thể không cấp bách trình bày để người xuất gia tìm cầu học hỏi.

PHỤ LỤC:

Phẩm "Hữu y hành" trong kinh Đại thừa đại tập Địa tạng thập luân ghi rằng:

Hạng người ngu si ngã mạn, mang nhãn hiệu Đại thừa, họ là kẻ không có trí lực, đối với pháp Nhị thừa họ còn mê muội, huống nữa là họ có thể hiểu được Đại thừa. Ví như người có con mắt bị khiếm khuyết hư hoại, không thể

thấy được các màu sắc. Với đức tin bị hư hoại khiếm khuyết như vậy, không thể hiểu được Đại thừa. Không có khả năng uống hết nước trong ao, trong sông thì làm gì có thể uống hết nước trong biển cả được. Không học tập pháp Nhị thừa, đâu có thể học được Đại thừa. Trước tin pháp Nhị thừa, sau mới có thể tin Đại thừa. Không có lòng tin, tụng Đại thừa, lời nói thành trống rỗng đâu có ích gì! Bên trong ôm lấy tư tưởng đoạn kiến thật sự sai quấy, mà tự gọi là Đại thừa, tức là không phòng hộ cái tội lỗi của ba nghiệp, phá hoại, làm rối loạn Chánh pháp của Ta. Hạng người ấy sau khi mạng chung, nhất định đọa vào địa ngục vô gián.

Thiện nam tử! Có các chúng sanh, đối với pháp của Thanh văn thừa, Độc giác thừa chưa hề gia công dùng sức siêng năng tu tập. Những chúng sanh như vậy, vì căn cơ chưa thuần thục, căn cơ thấp kém. Dầu có chút ít tinh tấn để vì người nói Chánh pháp vi diệu thậm thâm của Đại thừa, thì người nói kẻ nghe, cả hai đều thu hoạch lấy đại tội, cũng là trái nghịch với tất cả các đức Phật. Tại sao vậy? Vì chúng sanh như vậy thật là ngu si, tự gọi là thông minh mẫn đạt mà đã sa vào chỗ đoạn diệt, vấp phải tư tưởng điên cuồng, chấp lấy luận cứ không nguyên nhân, đối với các nghiệp quả sanh tưởng đoạn diệt, bác không có tất cả việc lành, việc dữ, vọng nói Đại thừa, phá hoại, rối loạn pháp của Ta. Phi pháp lại nói là Chánh pháp, Chánh pháp lại nói là phi pháp. Thật chẳng phải Sa-môn nói là Sa-môn, thật là Sa-môn lại nói chẳng phải là Sa-môn. Thật chẳng phải Tỳ-nại-da nói là Tỳ-nại-da, ngu si điên đảo, kiêu mạn tật đố, với tâm bè đãng đối với pháp Đại thừa khen ngợi ủng hộ, khiến cho được lưu bố rộng rãi, đối với pháp của Thanh văn thừa, Độc giác thừa, hủy báng ngăn chặn trở ngại, không cho lưu bố. Không thể như sự thật, nương vào pháp của Tam thừa, bỏ thế tục xuất gia, thọ Cụ túc thành tựu tánh Bí-sô, cũng không như thật tu tập tất cả thiện pháp nhân duyên. Hạng người dựa vào luận cứ bác không có tất cả nhân quả đoạn diệt như vậy, tuy là loài người nhưng thật là loài la-sát (ác quỉ), trong tương lai vô số đại kiếp khó được thân người, mạng chung nhất định đọa vào địa ngục vô gián, xoay quanh ra vào trong các đường khổ, thọ các khổ não, khó có thể cứu vớt được. Sự mất mát tội lỗi như vậy đều do chưa học pháp Nhị thừa, mà trước vào Đại thừa.

Hỏi: Trong kinh Thập luân, đức Phật răn dạy trong tòng lâm một cách nghiêm mật rằng: Trước phải học tập pháp Nhị thừa mới có thể cho nghe học Chánh pháp Đại thừa. Không vậy thì người nói, kẻ nghe, cả hai đều thu hoạch lấy đại tội, cũng là trái nghịch với tất cả các đức Phật. Sau lại nói: Trong chúng phần nhiều phạm phải tội lỗi mất mát như vậy, đều do chưa học pháp Nhị thừa mà trước đã vào Đại thừa. Thời nay, phần nhiều có kẻ

nam người nữ xuất gia, chưa thọ giới Cụ túc, Sa-di... đã đi tắt thọ giới đại Bồ-tát, cũng có người xuất gia tuy đã lâu mà chưa thọ năm giới, nay đều cho phép nghe diệu pháp Vô thượng, như vậy là nghĩa thế nào? Trường hợp đặc biệt xin yêu cầu giải quyết. Song pháp Đại thừa và Tiểu thừa thông cả ba tạng, nay sao chỉ dựa treân Luật học để đặt vấn đề?

Đáp: Chư Phật nói nhằm để đối trị các chứng bệnh của chúng sanh không đồng, tuy tùy theo căn cơ có khác, song cuối cùng chỗ quan yếu để trở về thì chỉ có một mà thôi. Như trong kinh Thập luân chỉ chuyên nói về một hạng người chấp Đại thừa hủy báng Tiểu thừa như trong câu hỏi đã đề cập tới. Ngược lại, như trong kinh Pháp vương... lại chuyên nói về một hạng người chấp Tiểu thừa hủy báng Đại thừa. Cho nên Ngài lại nói quyết định không có ba thừa. Ví như có người phân biệt căn tánh ba thừa thì thiệt căn của người đó sẽ đọa địa ngục, vì họ đã phỉ báng lời nói chính thức của chư Phật. Cho nên ngài Bạch Hương Sơn cân nhắc hai nghĩa này cho đó là điều khó. Song tạm thời thuyết minh theo tôn chỉ của Pháp Hoa, thì hai nghĩa này chỉ thoáng qua; vì kẻ độn căn nên phải dùng Tiểu thừa để Quyền tiếp. Vì kẻ chấp Tiểu thừa cho nên phải dùng Nhất thừa để khai hiển. Quyền là từ Nhất thừa thật nghĩa mà Quyền hiện. Vấn đề Quyền còn chưa biết huống là biết vấn đề Thật. Cho nên gọi là không đủ khả năng uống nước trong sông, đâu có thể uống hết nước trong biển cả. Đây là điểm mà trong kinh Thập luân quở trách. Thật là cái Thật trong Quyền. Không ngộ được cái Thật thì cái Quyền có ích gì? Cho nên không tin pháp này là người tăng thượng mạn. Đây là chỗ trong kinh Pháp vương bài xích. Nay nếu phát tâm Đại thừa thì lấy đó làm cơ bản, sau đó tùy theo khả năng, laàn lượt học pháp Quyền, Thật của Phật thì đã không bị kinh Pháp vương bài xích mà cũng chẳng vấp phải chỗ quở trách của kinh Thập luân. Sở dĩ các nước bên Tây Vức đều có Bồ-tát Ưu-bà-tắc, Bồ-tát Ưu-bà-di... Bảy chúng đâu chẳng phải là Đại thừa. Đại thừa mà không phế bỏ những điều kiểm điểm nhỏ, như 16 vị vương tử Bồ-tát Sa-di trong kinh Pháp hoa tức là thành chứng. Họ tuy thọ Bồ-tát giới vẫn lễ dưới chân của hàng Thanh văn Tỳ-kheo, đâu hề có chuyện chấp Đại mà hủy báng Tiểu. Nếu quyết định không cho Sa-di thọ Bồ-tát giới thì cũng không nên cho Ưu-bà-tắc v.v... thọ Bồ-tát giới. Như vậy thì Bồ-tát chỉ có Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni hai chúng mà thôi, quyết định không có bảy chúng vậy. Trong kinh Phạm võng nói: "Tất cả mọi người có tâm đều nên cho thọ giới của Phật". Như vậy làm sao giải thích được. Đâu phải hạng cận trụ Sa-di tất cả đều như gỗ đá sao? Cho đến như vấn đề cho phép nghe Vô thượng diệu pháp, kết duyên với Nhất thừa, không thấy chỗ nào ngăn cấm. Chỉ đáng ngại cho hạng người xuất gia chưa thọ năm giới. Trái lại, người xuất gia chưa thọ năm giới, lại không bằng kẻ tại gia chưa thọ Tam quy hay sao?

Trong Ma-ha chỉ quán nói:

Đời mạt pháp này người ngu nghe nói trái Am-la (quả xoài) ngon ngọt, thích khẩu liền nhai luôn cả hạt, đắng cả miệng, mùi vị ngọt của trái tất cả đều mất. Không có trí tuệ, vội vàng nhai luôn cả hạt một cách thái quá cũng lại như vậy. Nghe nói, chẳng phải điều phục, chẳng phải không điều phục, cũng không ngại điều phục, cũng không ngại không điều phục. Vì vô ngại nên gọi là đạo vô ngại. Vì vô ngại nên khi dâm dật hừng hực bèn làm việc phi pháp, không có chút hổ thẹn, cùng với loài cầm thú không hề khác nhau. Đây là trường hợp ăn muối quá nhiều để rồi mắc phải chứng bệnh khát nước trầm trọng. Trong kinh nói: Tham đắm pháp vô ngại, người này cách Phaät xa, ví như trời với đất. Trong Đại kinh nói rằng: Nói ta tu vô tướng, thì chẳng phải là tu vô tướng, là chấp vào chẳng điều phục, chứ không phải là không chấp. Cho đến làm ô nhục giới luật; xâm phạm ô nhục Tam Bảo. Nhà Chu, Phật pháp bị nghiêng ngã đều do vấn đề này. Đó gọi là đại trở ngaïi chứ đâu phải không ngại?

Trong Bộ Căn bản ni-đà-na nói:

Các ngươi nếu do lòng tin xuất gia trong giáo pháp của Ta, dốc lòng tìm cầu Niết-bàn, tinh tấn tu hành, thì dù mặc y phục giá trị bằng ức kim ngân, phòng nhà chỗ ở bằng 500 kim ngân, thức ăn đầy đủ trăm vị, tất cả những thọ dụng như vậy Ta đều cho phép, các ngươi đều có thể tiêu thụ được. Trái lại, nếu phá trọng giới mà ở trong trú xứ của Tăng, cho đến không tiêu thụ được dù chỉ một miếng của thức ăn, đất già-lam không dung chứa một bước đi của họ.

Luật Thiện kiến nói:

Tất cả việc làm của ác pháp, không ai không biết, khi mới làm thần hộ thân liền thấy biết, kế đó người có tha tâm biết, rồi đến thiên thần biết. Người như vậy, thiên thần đều biết hết, cho nên họ kêu lớn lên và lần lượt truyền cho nhau, kế tiếp đến trời Phạm Thiên, khắp cả cõi Vô sắc, không chỗ nào là không biết.

Theo Luật Tăng kỳ:

Đức Phật quở trách sự che giấu tội lỗi rằng: “Phạm giới còn không xấu hổ, tại sao sám hối lại xấu hổ?” Ngài liền nói bài kệ:

Người che giấu sa đọa,
Phát lồ không sa đọa.
Nên bảo người che giấu,
Phát lồ để khỏi đọa.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói:

Thà nuốt hòn sắt nóng mà chết chứ không vô giới mà nhận thức ăn của tín thí để sống.

Kinh Phật tạng nói:

Người phá giới không nên mặc chiếc áo cà-sa với tướng Thánh nhơn, dù chỉ trong một khảy móng tay.

Kinh Trì địa nói:

Có được ba mươi hai tướng không phải do nhân nào khác mà đều là do trì giới. Tại sao vậy? Vì người phạm giới thì không được nhận thân người của kẻ hạ tiện, huống là hảo tướng của đại nhơn.

Kinh Bồ-tát thiện giới nói:

Ba mươi hai tướng tuy mỗi chỗ đều nói nhân duyên của nó, song cái nhân duyên chơn chánh đó là trì giới tinh tấn. Tại sao vậy? Vì không trì giới hay tu hành tinh tấn, còn không được thaân người, huống là ba mươi hai tướng.

Cấm giới của Thanh văn, tất cả pháp lành đều là cái nhân của quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU
HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI TÁM
---o0o---

1 Phần đoạn sanh tử: là một trong hai loại sanh tử. Sanh tử của thân phàm trong lục đạo luân hồi, mỗi thân tùy theo nghiệp nhân của mình mà thọ

mạng có phần mạng và hình thể cũng theo đó mà có sai biệt, cho nên gọi là phần đoạn.

2 Biến dịch sanh tử: Hay còn gọi là Bất khả tư nghì biến dịch sanh tử, là các thân nghiệp vô lậu y vào sở tri chướng làm trợ duyên mà cảm ra quả báo ngoài cõi Tịnh độ. Đó là sanh tử của các vị A-la-hán trở lên Thánh giả vì đã đoạn được Kiến tư hoặc. Vì ở đây nghiệp dụng của nó thần diệu không thể lường được; không có sự thắng liệt của hình sắc và dài ngắn của thọ mạng, mà chỉ có mê tưởng từ từ diệt, chứng ngộ dần dần tăng. Sự mê ngộ ở đây luôn luôn thiên chuyển nên gọi là biến dịch.

3 Ngũ trụ: là Ngũ trụ địa, là phiền não căn bản có công năng sanh ra tất cả những phiền não cành nhánh nên gọi là trụ địa. Phiền não trụ địa có năm thứ: 1) Kiến nhất xứ trụ địa, 2) Dục ái trụ địa, 3) Sắc ái trụ địa, 4) Hữu ái trụ địa, 5) Vô minh trụ địa.

4 Kiến địa: là vị thứ tư của Thập địa trong Ba thừa, là đương ở trong quả Dự lưu của Thanh văn thừa, hành giả đã thấy được cái lý của Tứ đế, dứt trừ được Kiến hoặc của ba cõi, bắt đầu đạt được Thánh quả.

5 Biên tội: Tỳ-kheo nào phạm vào một trong bốn trọng tội thuộc bốn giới thì đó gọi là Biên tội. Người phạm trọng tội này là người bị bỏ ra ngoài biển Phật pháp, không thể nào trở lại biển giới thanh tịnh được.

6 Thần Châu: Xem cht. 39, Trùng trị q. 14 (bản Việt).

7 Càn tiêu: Xem cht. 6, Trùng trị q. 11 (bản Việt). Pāli, Vin. i. 72, năm chứng bệnh: kuṭṭhaṃ (phung hủi), gaṇḍo (ung nhọt), kilāso (chàm vảy), soso (lao phổi), apamāro (động kinh). (cht. Tứ phần luật, HT Thích Đỗng Minh dịch).

--- o0o ---

QUYỂN THỨ 19

Quyển thứ 19 này, nguyên bản được lưu hành riêng. Đề mục chỉ gọi là "Tứ phần luật tạng".... Nay hiệp lại in chung thành một pho, chỉ thêm trước là "Trùng trị" sau là" Tỳ-ni"... nơi đề mục.

Trong chánh văn và văn giải thích, có một số chữ nhỏ viết thành hai hàng là y theo nguyên bản. Lần khắc bản kỳ này thưa rõ như vậy.

LƯỢC GIẢI THÍCH KIỀN-ĐỘ TRÌ GIỚI CỦA ĐẠI, TIỂU THEO TỨ PHẦN LUẬT TẠNG

Hán dịch: Ngài Tam Tạng Phật-đà-da-xá và ngài Trúc-phật-niệm

Bồ-tát Sa-di Trí Húc, tục danh Tế Minh, người (Mộc Độc) huyện Cổ Ngô giải thích

Kiền-độ, giải thích gọn có hai nghĩa:

1. Thuyết minh những phần giống nhau.

2. Thuyết minh riêng từng vấn đề.

Phần giống nhau thì "Đại" là Tỳ-kheo, "Tiểu" là Sa-di, cả hai đều lấy giới làm gốc. Ai không trì giới này, không phải là đệ tử của Phật, Phật không phải là thầy của họ. Do đó có tên là đại tiểu Trì giới Kiền-độ. Chúng ta nên biết trong phần này đồng với giới của Tỳ-kheo. Cho đến những phương pháp đoạn trừ tất cả pháp chướng đạo được gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa giới. Xả ly 5 triền cái, an trú vào Tứ thiền gọi là Thiên giới. Chứng được Ngũ thông Tam minh gọi là Vô lậu giới. Ba loại giới này là con đường chung để ra khỏi thế gian. Trong văn tuy chỉ nói Tỳ-kheo, thật ra chung cả Sa-di cùng tu tập vậy.

Phần chi tiết thì "Đại" là Đại thừa, tự lợi lợi tha. "Tiểu" là Tiểu thừa, chuyên cầu tự lợi. Cả hai đều lấy giới này làm gốc. Không giữ giới này, tự lợi lợi tha đều mất. Kinh Hoa nghiêm nói: "... thọ trì đầy đủ giới pháp oai nghi, có khả năng khiến cho hột giống Tam bảo không đoạn tuyệt."

Kinh Niết-bàn nói: "Bồ-tát thường suy nghĩ, đời sống xuất gia thoải mái, rộng rãi như hư không, tất cả pháp lành đều tăng trưởng từ đó. Đời sống tại gia bị bức bách, ràng buộc như lao ngục, tất cả pháp ác đều phát sanh từ đó. Các ngài đến chỗ chư Tăng ở, nghe Phật nói đạo Vô thượng, Chánh pháp Vô

thượng, đại chúng phạm hạnh chơn chánh, liền cầu xuất gia, Bạch tứ yết-ma, thọ trì trọng giới thuộc tánh, dứt cơ hiểm ở đời, bình đẳng không sai biệt. Như người ôm phao nổi vượt qua biển lớn. Không thể vì sự cầu xin tha thiết của la-sát mà tự hủy mình. Hành giả trì giới này có thể phát sanh năm chi giới:

1. Căn bản nghiệp thanh tịnh giới: Mười điều thiện là tánh giới của các giới. Tức chỉ cho: Không sát sanh, không trộm cắp v.v.... theo văn này vậy.

2. Những giới thanh tịnh khác quyến thuộc trước sau: "Trước" là chỉ cho thời gian phương tiện để phạm giới, "Sau" là chỉ cho hai thiên về sau. Dù trước hay sau đều lệ thuộc vào căn bản giới. Chữ "khác" là chỉ cho tùy luật oai nghi và các kinh cấm chế. Như 24 giới trong kinh Phương đẳng. Ở đây gọi là "chi" tức là chỉ cho sự xa lìa các pháp chướng đạo, theo văn này vậy.

3. Phi chư ác giác, Giác thanh tịnh giới: Tức chỉ cho Định cõïng giới. Nghĩa là một lòng trừ triền cái đạt được các căn của Thánh, theo văn này vậy.

4) Hộ trì chánh niệm, niệm thanh tịnh giới: Tức chỉ cho Đạo cõïng giới. Là Tứ niệm xứ quán trong văn này.

5) Hồi hướng cụ túc, Vô thượng đạo giới: Tức chỉ cho Đại thừa giới. Nghĩa là Bồ-tát ở trong giới này đủ Tứ hoằng thệ nguyện Lục độ, hết lòng phát nguyện hồi hướng Bồ-đề. Tứ hoằng thệ nguyện: Bồ-tát tự thương thân mình và các chúng sanh phá giới, tạo tội, mất thân người, trời và sự an lạc của Niết-bàn, tức biết rõ Tập đế. Khi qua lại trong sanh tử, chịu quả báo các đường ác, tức biết rõ Khổ đế. Vì khổ và tập nghịch chiều với Giới, Định, Tuệ, do đó không có Đạo đế. Vì không có Đạo đế cho nên không chứng đắc Niết-bàn, tức không có Diệt đế. Nay muốn nhổ gốc Khổ, Tập nên khởi tâm đại bi phát hai thệ nguyện:

Y vào Khổ đế mà phát "Chúng sanh không số lượng, thệ nguyện đều độ khắp".

Y vào Tập đế mà phát "Phiền não không cùng tận, thệ nguyện đều dứt sạch".

Muốn tu Đạo để chứng Diệt phải khởi tâm đại từ, phát hai thệ nguyện:

Y vào Đạo đế mà phát "Pháp môn không kể xiết, thệ nguyện đều tu học".

Y vào Diệt đế mà phát "Phật đạo không gì hơn, thệ nguyện được viên thành".

Lục Độ:

Ghê tởm điều ác, xuất gia từ bỏ sự yêu thích, tức Đàn-na Ba-la-mật (Bố thí Ba-la-mật). Mảy may không phạm giới chống cự lại quỷ la-sát, tức Thi-la Ba-la-mật (Trì giới Ba-la-mật). Hay kiểm soát thân tâm, an nhiên trước sự đánh mắng, gọi là Sanh nhẫn. Chịu đựng nóng lạnh nhiếp phục tham nhuế và tám thứ gió... gọi là Pháp nhẫn. Không bị tổn hoại bởi ái kiến tức là Sằn-đề Ba-la-mật (Nhẫn nhục Ba-la-mật). Giữ gìn học giới, không sanh tâm trái phạm, tức là Tinh tấn Ba-la-mật. Quyết định trì giới, không bị hồ nghi cuồng loạn, chuyên tâm bất động, tức Thiền-na Ba-la-mật. Thấu rõ nhân quả, biết Giới là chánh thuận với căn bổn của giải thoát, xuất sanh tất cả Thánh quả của ba thừa, chẳng phải 62 tà kiến của ngoại đạo, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Hết lòng phát nguyện, chỉ cho 12 thệ nguyện để tự chế tâm mình trong kinh Phạm võng. Trong tạng Luật cũng thuyết minh đầy đủ ý này. Lại phát nguyện: Nguyện tất cả chúng sanh, được giới thanh tịnh, giới thiện pháp, cho đến đầy đủ các giới Ba-la-mật... Trong Diệu huyền[4] và Thích thiêm[5] có giải thích đầy đủ 10 chi giới pháp này.

Hồi hướng Bồ-đề, tức dùng công đức trì giới này trang nghiêm Vô thượng Bồ-đề. Kinh Bồ-tát thiện giới nói: Giới cấm của Thanh văn và tất cả thiện pháp, đều là nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chi thứ năm này là Vô thượng đạo giới; nếu xét theo văn này thì Tứ thiền, Ngũ thông, Tam minh, đều thu vào bốn chi trước, tất cả đều quy về Đại thừa vậy. Trí Giả Đại sư nói: Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, 250 pháp giới đều là Ma-ha-diễn (Đại thừa). Ngài Kinh Khê nói: Một cử chỉ, một động tác, đâu chẳng phải là pháp giới. Lại nói: Giới không có đại tiểu, do tâm người cảm thọ phân định; Trung đạo biến nhập cả Không quán và Giả quán cùng sự luật nghi, có thể mới được gọi là trì giới đầy đủ. Nên biết Đại thừa cũng dùng giới này làm căn bản, cần phải phân chia khoa tiết rõ ràng vậy. Lược giải nghĩa chữ "đại" xong. Tiếp theo đây là phần chánh văn được chia làm hai: thứ nhất phát khởi nhân duyên. Thứ hai, nói về pháp yếu.

---o0o---

A. PHÁT KHỞI NHƠN DUYÊN

Bấy giờ, đức Thế Tôn trụ tại nước Câu-thiểm-di (hoặc gọi là Câu-thiểm-tỳ, hay Kiều-thưởng-di, thuộc về Trung Ấn Độ). Vua Ưu-đà-diên là thân hậu trí thức với ngài Tân-đầu-lô (Ưu-đà-diên tức là Ưu-điền, hay là Ô-đà-diễn-na, Trung Hoa dịch là Xuất Thọ, Tân-đầu-lô, Trung Hoa dịch là Bất Động. Họ ngài là Phả-la-đọa. Ngài rất thông minh, có tài ăn nói). Nhà vua sớm chiều thường đến viếng thăm Tôn giả. Khi ấy, có một đại thần người Bà-la-môn tháp tùng nhà vua, không có lòng tin đối với Phật Pháp, tâu với vua rằng:

- Tại sao Đại vương sớm chiều đến thăm hỏi kẻ hành nghiệp hạ tiện này, mà thấy vua lại không đứng dậy. Vua liền phán rằng:

- Sáng mai, ta sẽ đến, nếu cố ý không đứng dậy, sẽ giết kẻ ấy.

Sáng ngày mai vua liền đến, Tôn giả Tân-đầu-lô tươ xa thấy vua đến, liền nghĩ:

- Hôm nay vua đến với ác tâm, nếu ta không đứng dậy sẽ bị mất mạng, nếu ta đứng dậy nhà vua sẽ bị mất ngôi. Nhưng nếu ta không đứng dậy. Vua sẽ giết ta, và sẽ đọa địa ngục. Nên để cho vua đọa địa ngục hay nên để cho vua mất ngôi?

Tức thời lại nghĩ: "Thà để cho vua mất ngôi, chứ không nên để cho vua đọa địa ngục". Do vậy liền đứng dậy từ xa đón chào, vấn an nhà vua:

- Làm thay! Đại vương.

Nhà vua liền hỏi:

- Tại sao hôm nay Tôn giả lại đứng dậy chào đón vấn an trẫm?

Tôn giả đáp:

- Vì vua cho nên đứng dậy.

Vua hỏi:

- Hôm qua, tại sao không đứng dậy?

- Cũng vì vua.

- Tại sao cũng vì trẫm?

- Hôm qua nhà vua đến với thiện tâm, nay nhà vua đến với ác tâm. Nếu tôi không đứng dậy, vua sẽ giết tôi, và chắc chắn do vì giết tôi mà nhà vua sẽ vào địa ngục. Cho nên tôi nghĩ: "Nhà vua này mang ác tâm đến, nếu ta không đứng dậy sẽ giết ta, nếu ta đứng dậy, ắt nhà vua sẽ mất ngôi. Nếu vua giết ta vua ắt sẽ đọa vào địa ngục. Thà để vua mất ngôi chứ không nên để vua đọa vào địa ngục, cho nên tôi đứng dậy."

Vua hỏi:

- Trẫm sẽ mất ngôi à?

Tôn giả trả lời:

- Sẽ mất.

Vua lại hỏi:

- Bao nhiêu ngày nữa sẽ mất ?

- Chậm lắm là mười ngày.

Khi ấy, Vua liền trở về Câu-thiểm-di, sửa chữa thành trì, tích lũy lương thực, chuẩn bị chất đốt, tập hợp binh sĩ để thủ thành. Cảnh giác đầy đủ trong vài ngày và đếm từng ngày... đến ngày thứ bảy, nhà vua tuyên bố:

- Sa-môn nói không thật.

Nhà vua bèn cùng thể nữ du ngoạn bằng thuyền trên sông Hằng. Lúc ấy, trong vương quốc Ủy-thiền (do vua Mãnh Quang trị vì, tên nước ấy không thấy chỗ nào phiên dịch danh từ này) bảy năm không mưa.

Vua nước ấy nghe vua Bình-sa ở nước Ma-kiệt có viên ngọc "Xuất thủy". Nếu đưa viên ngọc kia ra, thì trời liền mưa.

(Ma-kiệt, gọi đủ là Ma-kiệt-đà, Trung Hoa dịch là Thiện thắng, hay Vô não, Bất hại, thuộc Trung Ấn Độ. Bình-sa, gọi đủ là Tần-bà-sa-la, Trung Hoa dịch là Mạc thật, hay Hình lao, hay Ảnh kiên, hoặc Ảnh thắng. Nhan sắc người ở đó đoan chánh, thù diệu.)

Vua nước Ủy-thiền liền cử bốn bộ binh (voi, ngựa, xe, bộ) đến vây kín thành Vương Xá (tên đô thành nước Ma-kiệt-đà). Thành ấy phòng thủ quá chắc chắn, không cách nào chiếm được. Chỉ có khi nào lương thực nước uống trong thành hết, mới có thể chiếm được. Lúc này, những vị đại thần có trí tuệ, tài giỏi trung thành đưa ra một kế sách: Dùng cây trúc nhỏ cắm dưới đáy ao, đem các loại sen cắm vào đầu ngọn các cây trúc. Khi ấy, các vị đại thần đến tâu với vua Bình-sa: "Bệ hạ biết chăng? Thành Vương Xá rất kiên cố, không cách nào chiếm được, trừ khi lương thực cạn hết, mới có thể chiếm được. Nay bệ hạ nên sai sứ đến nói với Vua Ba-la-thù-đề (vua Mãnh Quang) thế này: Hãy ngưng vây thành, chúng ta không cần đấu nhau bằng voi, ngựa, xe cộ, dáo, mác nữa. Ngài có thể dùng các loại hoa: Ưu-bát-la (hoa sen xanh), Bát-đầu-ma (hoa sen hồng), Câu-đầu-ma (hoa sen vàng), Phân-đà-lợi (hoa sen trắng), cùng chúng ta đấu nhau. Tôi cũng sẽ dùng các loại hoa như vậy để cùng đấu. Hay ngài có thể chiếân đấu với chúng tôi bằng lương thực, chúng tôi cũng sẵn sàng chiến đấu với ngài."

Vua Bình-sa chấp thuận ý kiến này và sai sứ đến chỗ vua Ba-la-thù-đề, trình bày vấn đề như trên.

Vua Ba-la-thù-đề nghe sứ giả trình bày, suy nghĩ: "Thành Vương Xá rất kiên cố, chỉ khi nào trong thành lương thực cạn hết, mới có thể chiếm được. Nhưng hiện nay lương thực trong thành rất dồi dào đầy đủ". Vua nghĩ như vậy mới báo với sứ giả:

- Ta đến đây không vì mục đích vây thành, mà vì đất nước ta bảy năm nay không mưa. Ta nghe trong nước của quý ngài có ngọc thủy châu; nếu đưa ngọc đó ra, thì trời liền mưa. Do đó, ta mới xuất quân tới đây.

Sứ giả trả lời với Đại vương:

- Tại sao lúc ban đầu Đại vương không nói cần ngọc. Nếu nói cần ngọc chúng tôi sẽ trao cho. Vậy, vua nên rút binh, chúng tôi sẽ đưa ngọc sang.

Vua Mãnh Quang rút binh, kéo về hướng nước Câu-thiểm-di. Trên đường đi, vua nghe tiếng cười giỡn của Ưu-đà-diên cùng với thể nữ đi thuyền du ngoạn trên sông Hằng, liền hỏi người gần bên:

- Tieáng cười giỡn ấy là của ai?

Kẻ thần bên cạnh đáp:

- Đại vương không biết hay sao? Vua Ưu-đà-diên cùng các thể nữ đi thuyền du ngoạn trên sông Hằng, đó là tiếng cười của ông ta.

Vua Mãnh Quang ra lệnh cận thần im lặng, và thả voi xuống bên bờ sông Hằng. Người quản tượng liền thả voi trắng thứ nhất xuống sông, núp mình theo voi. Khi ấy, đại thần của vua Ưu-đà-diên thấy voi trắng bên sông, liền tâu vua:

- Tâu bệ hạ có voi hoang ở bờ sông.

Vua liền ra lệnh:

- Hãy im lặng, đưa thuyền vào gần bờ sông, chỗ voi đứng.

Vua Ưu-đà-diên giỏi về phương pháp điều khiển voi. Vua tự đi trước một mình hò hét, đánh đàn để bắt voi. Người quản tượng nhân cơ hội ấy liền bắt vua Ưu-đà-diên. Nhà vua rất sợ sệt; Người quản tượng hỏi vua:

- Ngài có sợ hay không?

Vua đáp:

- Tôi rất sợ.

Người quản tượng nói:

- Vua đừng sợ, Vua Ba-la-thù-đề mời gọi ngài.

Vua càng thêm sợ, nghĩ: Vua Ba-la-thù-đề có giết ta và tùy tùng của ta không?

Sau đó nhà vua được áp giải đến chỗ vua Ba-la-thù-đề, vua Thù-đề hỏi:

- Nhà ngươi có sợ không?

- Sợ.

- Đừng sợ! Ngươi có thể dạy con trai ta là Cù-ba-la (chưa thấy phiên dịch) phương pháp điều khiển voi, và dạy con gái ta đánh đàn cầm.

Vua Ưu-đà-diên được điệu đến nước Ủy-thiền, quản thúc trong bảy năm. Thời gian đó Ưu-đà-diên dạy phương pháp điều khiển voi cho con trai và dạy đàn cầm cho con gái của vua Mãnh Quang. Trong thời gian này Ưu-đà-diên tư thông với con gái của vua, Cù-ba-la biết việc đó, tự nghĩ: "Nếu ta tâu việc này lên vua cha thì Ưu-đà-diên bị giết, ông ấy là thầy của ta, dạy dỗ ta cực khổ. Đây là con gái vua, kia là vua, xét ra cũng được." nên che giấu không nói với ai. Sau đó, vua Ưu-đà-diên muốn trốn thoát, tự thu xếp chuẩn bị một con voi mẹ chạy rất mau. Cù-ba-la cũng biết được, suy nghĩ:

- Ông ấy tự trang bị một thớt voi chạy mau, tất muốn chạy trốn. Nếu ta tâu lên vua cha, tất ông ấy bị giết. Ông ấy là thầy của ta, đã dạy dỗ ta cực khổ; do đó, không nói với ai biết. Vua Ưu-đà-diên, đặt vương nữ lên voi, chỉ trong chớp nhoáng đã từ nước Ủy-thiền về đến nước Câu-thiểm-di. Vua đến ngay nơi chỗ phu nhơn Xa-di-bạt-đề (chưa thấy phiên dịch) nói như vầy:

- Này phu nhơn! Trong khi tôi bị quản thúc, có nguyện sẽ cúng dường tám vị Bà-la-môn, đầy đủ tất cả mọi sự nhu cầu. Nay tôi muốn thực hiện điều đó, người cần chu toàn đầy đủ.

Phu nhơn đáp:

- Nếu như vậy thì tất cả mọi vật sở hữu của tôi của vua, như voi, xe, ngựa, vàng bạc, bảy báu, đem dâng cho một người, thì họ cũng nhận hết, vẫn còn thấy chưa đủ.

Vua nói:

- Như vậy thì giải quyết sao bây giờ?

Phu nhơn nói:

- Ở đây có ngài Ma-ha Ca-chiên-diên (phiên dịch là Văn sức, hay là Ly hữu vô, Phá ngã mạn tâm, người Nam Thiên Trúc, giòng họ Bà-la-môn, một trong mười người đệ tử, luận nghĩa thứ nhất) là giòng họ đại Bà-la-môn. Nay chúng ta có thể thỉnh ngài và bảy vị Tỳ-kheo, Bà-la-môn, cúng dường đầy đủ như vua đã nguyện. Theo giáo pháp của các ngài thì những thứ chúng ta dâng đó, các ngài không được phép nhận.

Vua nói:

- Rất đúng.

Khi ấy, Vua Ưu-đà-diên liền đến chỗ ngài Ca-chiên-diên, lạy sát chân, qùy qua môt bên. Ngài Ca-chiên-diên thuyết pháp cho vua nghe, làm cho vua được hoan hỷ. Vua nghe pháp hoan hỷ rồi, bạch:

- Ngưỡng mong Tôn giả và bảy vị nhận lời con mời thọ trai vào ngày mai.

Khi ấy, ngài Ca-chiên-diên im lặng nhận lời. Vua thấy ngài Ca-chiên-diên im lặng nhận lời rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy sát chân, vui vẻ ra về. Vua về đến cung sửa soạn các món ăn ngon, sáng sớm hôm sau, vua đến thưa:

- Đã đến giờ, mời các ngài quang lâm!

Sáng ngày hôm ấy, ngài Ca-chiên-diên đắp y, bưng bình bát, cả thảy tám vị, đến cung vua Ưu-đà-diên, trải tòa, yên ngồi, vua Ưu-đà-diên, tự tay dâng các món ăn ngon, làm cho các ngài được no đủ. Các ngài dùng xong, Vua lấy bình bằng vàng đựng nước uống, với tất cả lòng cung kính. Ngài Ca-chiên-diên nói:

- Đừng, đừng cúng dường như vậy. Nhà vua cúng dường bữa ăn như vậy là đủ rồi. Chúng tôi không được phép nhận những thứ cúng dường như vậy.

Sau đó vua lại đem xe, ngựa, người, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xà cừ, mã não bảy báu cúng dường. Ngài Ca-chiên-diên từ chối không nhận vật nào cả. Vua lạy sát chân ngài rồi lấy ghế thấp ngồi qua một bên. Ngài vì vua nói các pháp mầu, khiến vua được hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lui về.

Sau khi về đến chùa, ngài trình bày với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật. Lúc bấy giờ, Phật dùng nhân duyên này, tập hợp đại chúng Tỳ-kheo, vì các Tỳ-kheo nói về Kiền-độ trì giới.

---o0o---

B. NÓI VỀ PHÁP KIỀN-ĐỘ TRÌ GIỚI CỦA ĐẠI TIỂU

Văn phần đầu như đã biết, văn sau chia làm năm phần:

- Thuyết minh thắng diệu Pháp sư

- Thuyếât minh thắng diệu do Tâm

- Thuyết minh thắng diệu của Ba-la-đề-mộc-xoa

- Thuyết minh thắng diệu của Thiền giới

- Thuyết minh thắng diệu của Vô lậu giới.

---o0o---

I. THẮNG DIỆU PHÁP SƯ

Quốc vương là cha mẹ của dân, phước báu thù thắng. Tại sao bị mất ngôi vua, chỉ vì Tỳ-kheo đứng dậy nghinh đón khi vua đến chùa? Người nào đầy đủ các thắng diệu nói trên thì trời rồng đều phải tôn trọng, huống nữa là bậc vua trong loài người sao dám xem thường. Người xuất gia ngày nay, tuy chưa chứng được Thiền định, Lục thông, Tam minh, nhưng y theo Phật xuất gia, thọ trì các cấm giới, ở nơi yên tịnh, vốn đã thoát khỏi vòng của đời, đâu cho phép được trách, không dùng nghi lễ để nghinh tiếp. Giả sử có vị Tỳ-kheo oai đức không bằng ngài Tân-đầu-lô, thì các vị cư sĩ hiện nay có được đầy đủ phước đức như quốc vương kia chưa? Ai có lòng tin trong sạch, cần phải suy nghĩ kỹ. Lại nữa, người xuất gia nên tự suy nghĩ rằng: Ta đã lìa bỏ thế tục, được dự vào hàng Tăng bảo, tôn thờ đức Phật làm thầy, là đệ tử của Phật, ta không nên lễ bái quốc vương cha mẹ; trời rồng hộ trì, quỷ thần quy kính, nếu ta không kiên trì cấm giới, xa lìa ác pháp, chuyên tu định tuệ thì chính là mình dối gạt, khi dối tất cả người trời làm nhục nhã cho tất cả hàng Tăng bảo, hủy báng pháp luật, chống trái đức Như Lai, cho nên đức Phật vì các Tỳ-kheo dựa vào nhân duyên này mà nói sự quan trọng của Kiền-độ trì giới. Như có người tự cho mình không có đức, trong lòng ôm sự khiếp nhược, ngược lại cung kính bạch y, gọi là khiêm nhường thì đấy là việc làm quá đáng. Tại sao? Sau khi đức Như Lai thị hiện diệt độ, Pháp thân huệ mạng hoàn toàn dựa vào Tăng luân. Tỳ-kheo tuy mới thấm nhuần giới phẩm nhưng bản thể Tăng bảo thì không khác. Tăng sĩ chỉ nên nỗ lực cố gắng, không nên làm đảo lộn nghi biểu Tăng bảo. Vị nào tự mình xem xét hai ba phen, thấy mình thật không xứng đáng với danh nghĩa của Tỳ-kheo, thà rằng xả giới đừng phá hoại cửa đạo. Xưa kia ông Nguyên Tư từ chối không nhận bổng lộc, đức Khổng Tử không cho, dạy rằng:

- Người làm quan nhận bổng lộc là lẽ thường, được quy định xưa nay. Người nào tài năng không xứng với chức vị, thì nên từ quan, chứ không nên từ chối bổng lộc. Pháp thế gian còn như vậy, huống chi đối với đại pháp xuất thế, đâu có thể tiến thối một cách cẩu thả hay sao?! Ngay như Tỳ-kheo Thường Bất Khinh lạy cả bốn chúng. Đây là bắt đầu mở cửa viên mãn giải thoát, tuy mừng mà vẫn lo; nhằm vào thời cơ lúc bấy giờ, cần làm như vậy để đối trị kẻ cang cường độc ác. Trường hợp này là quyền xảo ngoại lệ, không phải là những phép tắc chung. Nếu không như vậy, tại sao đức Thế Tôn không dùng pháp này làm thường pháp? Ngài Thường Bất Khinh là tiền thân của đức Như Lai. Ngài đã nhờ hạnh này nên sáu căn trong sạch. Nếu cho việc lễ bái tứ chúng là con đường đi chung cho mọi người thì lần đầu tiên đức Phật chuyển pháp luân đã nói rồi, đâu cần giữ kín, lại đi kết Mộc-xoa và cuối cùng nơi song thọ lại cũng đề cao giới luật. Huống chi, nay thời mạt pháp, con người ngày càng tập thêm thói kiêu mạn, Tăng thể ngày thêm đổi bại. Giả sử làm lại hạnh của ngài Bất Khinh, tuy không hướng vào ty liệt mạn, tà mạn, ngã mạn quá mạn của bốn chúng, nhưng hành động lễ kính như vậy chỉ làm hại chứ không lợi ích gì cả. Cho nên trong kinh Bồ-tát thiện giới ghi rằng: "Khi Bồ-tát ngồi thấy vua, hay trưởng giả đứng dậy thì mắc tội. Bồ-tát đã kiết già; thấy vua hay trưởng giả, qùy thì mắc tội. Nếu y phục chưa chỉnh tề, thấy vua hay trưởng giả đến, sửa y phục thì mắc tội. Nếu khi vua hay trưởng giả nói lời ác, khen tặng theo ý họ thì mắc tội. Nên biết Đại, Tiểu hai thừa đều đi theo một đường, há những việc làm như vậy trong sinh hoạt hằng ngày lại tự gọi cống cao ư? Tuân theo giới pháp của Phật, nên vì vua và trưởng giả mà tiếc phước đức giúp cho họ vậy!"

Trong phần một thuyết minh về thắng diệu Pháp sư chia làm 3 phần:

- Đầy đủ 10 hiệu.

- Tự giác vượt khỏi đời.

- Thuyết pháp chơn thiện.

1) Mười hiệu:

Như Lai, Xuất Thế Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn.

Như Lai: Bản giác là Như, Thỉ giác là Lai. Thỉ giác hiệp với Bản giác nên gọi là Như Lai. Lại nữa, như Nhị thừa mà không đến nơi của Nhị thừa, đến với lục đạo mà không như lục đạo. Phật biết Niết-bàn tức sanh tử, nên không đồng với Nhị thừa. Biết sanh tử tức Niết-bàn cho nên không đồng với lục đạo.

Xuất Thế: Thị hiện trong ba cõi để độ chúng sanh. Đáng nhận sự cúng dường của chúng sanh trong chín cõi nên gọi là Ứng cúng. Biết các pháp không sai biệt, cũng không cùng tận nên gọi là Chánh Biến Tri. Theo sự giải thích trong giáo môn của Ba tạng thì Nhị thừa đoạn được kiến tư hoặc, chưa đoạn được tập khí, nên "chính" mà "chưa biến". Bồ-tát tu các Lục độ vạn hạnh hàng phục hoặc nghiệp mà chưa đoạn hết, nên "biến" mà chưa phải "chánh". Đức Phật đoạn phiền não dứt sạch cả chánh khí và tập khí, lại thấu triệât tận nguồn gốc của các pháp sai biệt, nên được gọi là Chánh biến tri.

Minh Hạnh Túc: Đầy đủ Tam minh, Lục thông, Nhị thừa cũng được Tam minh nhưng minh không đầy đủ. Phật thì đầy đủ cho nên có khác vậy.

Thiện Thệ: Trong bộ Địa trì3 nói: Một phen vượt lên khỏi rồi, thì vĩnh viễn không trở lại, cũng gọi là chuyến đi tốt đẹp. Đại luận4 nói: Từ nơi trí tuệ chánh định sâu xa vô lượng đi ra.

Thế Gian Giải: Hiểu rõ tất cả phiền não và thanh tịnh của chúng sanh trong cõi thế gian.

Vô Thượng Sĩ: Là bậc Tối thắng trên hết trong các loài chúng sanh.

Điều Ngự Trượng Phu: Là đại từ đại bi, điều ngự tất cả. Hoặc có khi dùng lời nói nhu nhuyến hoa mỹ, có khi dùng lời nói thống thiết; hoặc có khi phải dùng lời nói phức tạp, với mục đích để cho mọi người không mất đạo.

Thiên Nhơn Sư: Chỉ vẽ, hướng dẫn tất cả pháp thiện ác cho trời và người; những điều nên làm và những điều không nên làm.

Phật: Nói cho đủ là Phật-đà, Trung Hoa dịch là người giác ngộ. Tự giác, khác với phàm phu. Giác tha, khác với Nhị thừa; Giác hạnh viên mãn, khác với Bồ-tát.

Thế Tôn: Đầy đủ 10 hiệu như trên, ngôi vị được cả trời và người tôn trọng. Nếu giải thích tóm lược thì:

Như Lai là bậc không hư vọng. Ứng Cúng là ruộng phước tốt. Chánh Biến Tri là biết cả pháp giới. Minh Hạnh Túc là đủ Tam minh. Thiện Thệ là không trở ngại. Thế Gian Giải là biết quốc độ của chúng sanh. Vô Thượng Sĩ là không ai bằng. Điều Ngự Trượng Phu là điều phục được người khác. Thiên Nhơn Sư là làm con mắt cho chúng sanh. Phật là bậc biết ba tụ. Thế Tôn là bậc đủ 10 đức.

Cổ Đức lại liệt kê 10 hiệu:

1) Phỏng theo dấu vết người đi trước.

2) Đủ khả năng làm ruộng phước.

3) Biết hết hiệu của cả pháp giới.

4) Quả biểu hiện cho nhân của đức.

5) Nhiệm mầu đến Bồ-đề.

6) Rõ ngụy thông chơn.

7) Nhiếp hóa để theo đạo.

8) Tùy cơ thuyết pháp.

9) Giác ngộ trở về chơn.

10) Độc Tôn trong ba cõi.

Ở đây hiệp Vô Thượng Sĩ và Điệu Ngự Trượng Phu làm một hiệu, dùng Thế Tôn cộng thành 10 hiệu. Trong khóa tụng của các Tùng lâm hiện nay dùng Thiện Thệ, Thế Gian Giải làm một câu, là không thể được. Lược giải 10 hiệu như vậy; nếu nói hết ý nghĩa thì không thể nào hết được.

2) Tự Giác Vượt Khỏi Đời

Đối với tất cả chúng hội Chư thiên, người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm vương, Ngài tự giác ngộ chứng biết.

(Tất cả Chư thiên cho đến Phạm vương trôi lăn trong đêm dài sanh tử mà không biết. Dù có vọng xưng là Nhất thiết trí thì cũng không phải là Chánh giác. Vì họ chưa thoát được nhân quả trong ba cõi. Đức Phật từ nhiều kiếp tu đạo Bồ-đề ứng hợp với chúng sanh có thể hóa độ các cơ duyên, thị hiện sanh vào cung vua, xuất gia tu khổ hạnh, ngồi dưới gốc cây thành đạo. Ngài dùng 34 tâm diệt trừ hết chánh khí và tập khí trong ba cõi; như thật biết Khổ đế, như thật biết Tập, Diệt, Đạo đế. Giấc mộng dài trong ba cõi, từ đây mới tỉnh ngộ, đêm dài tăm tối từ nay mới bừng sáng. Ngài không học với một ai, nên gọi là Tự giác, không còn một mảy may mê hoaëc cho nên gọi là Giác ngộ. Cảnh giới hiện lượng phân biệt rõ ràng cho nên gọi là Chứng tri.)

3) Thuyết Pháp Chơn Thiện

Ngài vì người nói pháp. Lời nói đầu, lời nói giữa, lời nói sau cùng đều thiện. Văn nghĩa đầy đủ làm sáng tỏ sự thanh tịnh.

(Do sự giác ngộ, đối với các pháp không đảo lộn, hợp lý hợp căn cơ, nên gọi là thiện. Sơ, trung, hậu có nhiều ý nghĩa. Hoặc lấy một bài kệ để phân tích thì câu đầu là sơ, hai câu giữa là trung, câu cuối là hậu. Hoặc lấy một quyển sách để phân tích thì phần tựa là sơ, phần chính thuyết là trung, phần lưu thông là hậu. Hoặc lấy cả đời giáo hóa của đức Phật, Đại thừa, Tiểu thừa cộng lại làm sơ, trung, hậu thì Hoa nghiêm là sơ, A-hàm, Phương đẳng, Bát-nhã là trung; Pháp hoa, Niết-bàn là hậu. Hoặc là Đại thừa, Tiểu thừa đều có sơ, trung, hậu.

Tiểu thừa thì Lộc Uyển là đầu hết, Di Giáo là sau hết, còn bao nhiêu kinh khác là trung. Đại thừa thì Hoa nghiêm là đầu hết, Niết-bàn là sau hết, còn bao nhiêu kinh khác là trung. Nếu lấy vấn đề giáo hóa cho một người để phân tích thì luận nói về vấn đề bố thí trì giới được sanh thiên là sơ, khen ngợi sự từ bỏ, chê trách dục bất tịnh là trung; giảng nói bốn Chơn đế khiến cho họ chứng đạo quả là hậu. Lại khiến cho chứng tiểu quả là sơ; hồi tiểu hướng đại là trung; thọ ký làm Phật là hậu. Lại khiến trồng các ăn lành là sơ; khiến cho thuần thục gọi là trung; làm cho giải thoát là hậu. Lại "Thế giới tất-đàn" là sơ; "vì người đối trị 'tất-đàn'" là trung; "Đệ nhất nghĩa tất-đàn" là hậu. Như vậy, sơ, trung, hậu đâu không hợp lý, hợp căn cơ. Văn, nghĩa đều nhằm mục đích chỉ bày tịnh hạnh để thành tựu tịnh quả, do đó gọi là chơn thiện.)

---o0o---

---o0o---

II. THẮNG DIỆU DO TAÂM

Chia làm ba:

- Được nghe Chánh pháp.

- Nghe rồi tin ưa.

- Khó bỏ mà bỏ được.

1) Được nghe Chánh pháp:

Người cư sĩ, con của người cư sĩ, hoặc các người sanh trong họ hàng khác nghe pháp.

2) Nghe rồi tin ưa:

Vị ấy nghe Chánh pháp, bèn sanh tin ưa. Do tâm tin ưa mà nghĩ: Ta hiện nay sống trong gia đình, vợ con trói buộc, không tu phạm hạnh được hoàn toàn. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc cà-sa, vì lòng tin từ bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình.

3) Khó bỏ mà bỏ được:

Tiền tài thân quyến là những thứ quyến luyến nhất trong thế gian, một lúc bỏ hết, cho nên gọi xuất gia là cái việc của đại trượng phu.

Vào thời gian nào đó, vị ấy từ bỏ tất cả tài sản lớn nhỏ, thân thuộc nội ngoại, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, bỏ gia đình, sống cuộc sống không gia đình.

---o0o---

III. THẮNG DIỆU CỦA BA-LA-ĐỀ-MỘC-XOA

Chia làm hai:

- Thuyết minh về căn bổn thiện giới.

- Thuyết minh xa lìa các điều ác.

1) Căn bổn thiện giới:

Vị ấy cùng người xuất gia, đồng từ bỏ đồ trang sức tốt đẹp, cùng các Tỳ-kheo đồng giữ giới không sát sanh. Buông bỏ đao trượng, luôn luôn có tâm tàm quý, dùng lòng từ nghĩ đến chúng sanh, ấy là không sát sanh. Vị ấy xả bỏ trộm cắp, cho thì lấy, không cho thì không lấy. Tâm của họ thanh tịnh, không có ý trộm cắp, ấy là không trộm cắp. Vị ấy bỏ hạnh bất tịnh, dâm dục, tu phạm hạnh, cần tinh tấn, không đắm ái dục, sống trong sạch thanh tịnh; ấy là bỏ hạnh bất tịnh dâm dục. Vị ấy bỏ nói vọng ngữ, đối với người nói đúng sự thật, không dối trá, ấy là không nói láo. Vị ấy bỏ nói hai lưỡi, nghe lời nói nơi đây không truyền đến nơi kia, nghe lời nói bên kia không truyền đến bên này. Không gây chia rẽ giữa người này với người kia. Nếu có những người ly biệt, vị ấy khéo làm cho hòa hiệp. Hòa hiệp thân ái, thường khiến cho hoan hỷ. Nói lời hòa hợp, nói đúng lúc, ấy là không nói hai lưỡi. Xa lìa lời thô ác, lời cộc cằn, lời đem lại khổ não cho người, khiến sanh giận hờn không ưa vui. Đoạn trừ những lời thô ác như vậy, nói lời nhu nhuyến không sanh oán hại, hay làm điều lợi ích, mọi người ưa vui thích nghe vị ấy nói. Thường nói lời lành có ích, ấy là không nói lời thô ác. Xa lìa lời nói không lợi ích, nói đúng thời, nói thật, có lợi ích, nói đúng pháp, đúng luật, chấm dứt sự tranh cãi, cần thì nói, nói đúng thời, ấy là lìa lời nói không lợi ích. Vị ấy không uống rượu, xa chỗ phóng dật. Không say đắm hoa hương anh lạc. Không ngồi nằm giường cao rộng lớn. Không ăn phi thời, chỉ ăn một bữa. Không cầm vàng bạc bảy báu. Không lấy vợ nhỏ vợ hầu, không nuôi nô tỳ, voi, ngựa, xe cộ, gà, chó, heo, dê, nhà cửa ruộng vườn, chất chứa tất cả các vật ấy. Vị ấy từ bỏ tất cả các việc gian lận bằng cân và đo lường. Không chế tạo vật ác, không sống bằng nghề buôn. Vị ấy từ bỏ việc làm thương tổn người khác, không sát hại, trói buộc họ. Vị ấy không bức đoạt tiền tài của người khác, không áp bức họ phải làm việc cho mình. Vị ấy từ bỏ không lường gạt, dối trá làm phát sanh kiện tụng, tránh lấn hiếp người khác. Vị ấy từ bỏ các việc bất thiện như vậy. Vị ấy làm việc gì cũng đúng lúc, không đúng lúc không làm. Vị ấy sống biết đủ, ăn vừa đủ no, biết tự lượng khi ăn. Vị ấy bằng lòng với tấm y che thân, đi đâu cũng mang theo y bát như con chim bay đến đâu cũng mang theo hai cánh. Tỳ-kheo cũng vậy, đi đến chỗ nào cũng mang theo y bát.

(Nơi đây ba giới sát, đạo, dâm là độc lập. Giới không vọng ngữ chia làm bốn, đều thuyết minh "chỉ và hành" hai điều thiện. Không uống rượu... sáu

giới chỉ liệt kê giới tướng, không cưới vợ nhỏ, vợ hầu... lược nêu nét chính của oai nghi. Ngoài ra như trong luật có thuyết minh đầy đủ.)

2) Xa lìa các điều ác:

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, nhận món ăn của tín thí, nhưng vẫn tìm cầu tích chứa nhiều tài sản khác, như y phục thực phẩm, hương vị và các vật vừa ý. Sa-môn Thích tử phải xa lánh những sự việc không tri túc ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn chứa cất các hạt giống, trồng cây cối. Sa-môn Thích tử không làm những việc như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn tạo các điều kiện để tìm cầu những vật quý làm lợi dưỡng, như ngà voi, giường cao rộng, các loại chăn nệm trang sức vẽ vời loè loẹt, với những tấm da nhiều màu. Sa-môn Thích tử không làm những việc như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn làm các phương tiện để trang sức thân thể cho đẹp, như xoa dầu thơm vào thân, tắm rửa bằng nước thơm, dùng hương thơm xoa thân, xức dầu thơm trên đầu; mang những vòng hoa; nhuộm y phục màu thiên thanh, trang điểm trên đầu trên mặt với nhiều hình thức; cột tơ vào tay, cầm gậy, cầm đao kiếm, che lọng bằng lông con công, lấy ngọc quý gắn vào quạt, soi gương trang điểm, dép da thêu nhiều màu sắc, mặc y phục toàn màu trắng. Sa-môn Thích tử phải tránh xa tất cả những việc trang sức như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn chơi để giải trí, như các loại cờ, loại bạc, hoặc chơi tám cách, hoặc chơi mười cách; hoaëc gõ khánh bằng đá... Sa-môn Thích tử phải tránh xa những việc chơi bời như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng chỉ nói những việc làm trở ngại đạo pháp, như nói chuyện về vua, chúa, về giặc giã, về xe ngựa, chiến đấu, về đại thần, chuyện đi xa, ra vào vườn, chuyện nằm ngồi, chuyện ăn uống, chuyện đàn bà, y phục, chuyện xóm làng, chuyện quốc độ, chuyện nhân gian, chuyện đi biển. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ không nói về những việc làm trở ngại đạo như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, tạo các phương tiện dùng lời hoa mỹ để nịnh hót, hiện tướng chê bai, hủy báng, dùng lợi cầu lợi. Sa-môn Thích tử nên từ bỏ lối sống tà mạng nịnh hót như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, thường tranh cãi lẫn nhau, hoặc ở trong vườn, hoặc ở nơi ao tắm, hoặc ở nơi nhà giảng nói:

- Tôi biết pháp luật như vậy, thầy không biết. Thầy đến với tà đạo, tôi đến với chánh đạo. Lấy lời trước chép ra sau, lấy lời sau chép ra trước. Tôi nhẫn được, thầy không thể nhẫn, tôi hơn thầy. Việc cần hỏi mới nên hỏi.

Sa-môn Thích tử nên từ bỏ tất cả, tránh sự như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, vẫn tạo các phương tiện để làm môi giới như làm thông tin cho vua, cho đại thần của vua, cho Bà-la-môn, cư sĩ, như là: từ chỗ này đến chỗ kia, hoặc từ chỗ kia về chỗ này; mang tin của người này đến cho người kia; đưa tin của người kia đến cho người này, tự hành động hay dạy bảo người khác làm. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ những việc như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng vẫn làm những việc tranh đấu nhau để mua vui, như đấu bắn cung, đấu kiếm, đấu gậy, đấu gà chọi, đấu dê đen, đấu dê đực, đấu nai, đấu voi, đấu ngựa, đấu lạc đà, đấu bò, đấu bò rừng, đấu trai, đấu gái, đấu đồng nam, đấu đồng nữ. Sa-môn Thích tử hãy từ bỏ những việc mua vui bằng cách đấu tranh như vậy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng lại làm những việc trở ngại đạo pháp, sinh hoạt tà mạng, như xem tướng tốt xấu của trai gái và các loại súc sanh để cầu lợi dưỡng. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, sinh hoạt tà mạng bằng những việc chướng ngại đạo pháp như mời thỉnh sai khiến quỷ thần, làm nhiều cách yếm đảo... Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí; mà làm những việc chướng ngại đạo pháp, sinh hoạt tà mạng; hoặc đọc chú làm cho người bệnh; hoặc đọc ác thuật; hoặc tụng thiện chú; hoặc trị bệnh đau lưng; hoặc

làm cho ra mồ hôi; hoặc châm cứu trị bệnh, trị bệnh mũi, bệnh hạ bộ. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, mà làm những việc chướng ngại đạo pháp, sinh hoạt bằng tà mạng, như điều chế thuốc thang, trị bệnh cho người, hoặc là mửa, hoặc là xổ, trị bệnh nan y, trị bệnh nữ. Sa-môn Thích tử phải lìa bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, mà vẫn làm những việc chướng ngại đạo pháp, sinh hoạt bằng tà mạng, như đọc chú lửa, đọc chú cho đi lại được bình an, đọc chú cho chiến sĩ ra trận, đọc chú chim, chú chi tiết, vẽ bùa, đọc chú, chú an trú nhà cửa, đọc chú giải trừ lửa đốt, chuột cắn vật dụng. Hoặc tụng các thứ sách đoán mộng, hoặc xem tướng tay, tướng tai, hoặc tụng những lời trời người cầu xin. Hoặc tụng những âm thanh riêng biệt của thú chim. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những việc làm chướng ngại đạo pháp ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, nhưng sinh hoạt tà mạng, như xem thiên văn thời tiết, hoặc đoán sẽ có mưa, được trúng mùa, bị mất mùa, có bệnh, không có bệnh, gặp tai nạn sợ hãi hay bình an, có động đất, có sao chổi xuất hiện, có nhật thực, không có nhật thực, có nguyệt thực, không có nguyệt thực, có tinh thực, hay không có tinh thực. Đoán nguyệt thực, nhật thực, tinh thực, đưa tới kết quả tốt, kết quả xấu. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ cả những pháp tà mạng ấy.

Như một số Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn món ăn của tín thí, mà làm những việc chướng ngại đạo, sinh hoạt tà mạng, như nói: Nước này sẽ thắng, nước kia thua; nước kia thắng, nước này thua. Phe này thắng, phe kia thua; phe kia thắng, phe này thua. Đoán tất cả việc lành dữ tốt xấu như vậy. Sa-môn Thích tử phải từ bỏ tất cả những chướng ngại đạo pháp ấy.

(Trong đây gồm có 17 đoạn. Hoặc gọi là không nhàm chán, không biết đủ; hoặc gọi là pháp lợi dưỡng, cho đến hoặc gọi là tà mạng chướng đạo; đều là việc làm của một số các Sa-môn, Bà-la-môn khác, mà Sa-môn Thích tử không làm. Nếu Sa-môn Thích tử cũng làm như vậy thì bỏ nhà đến chùa ở làm gì? Vì không làm các điều trên là căn bản chính yếu thuận cho vấn đề giải thoát. Cho nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, cũng gọi là tăng thượng giới học.)

---o0o---

IV. THẮNG DIỆU CỦA THIỀN GIỚI

Thiền giới cũng gọi là Định côïng giới. Định côïng giới này bao gồm cả định của cõi dục, nhưng ở đây chỉ nói về định căn bản cho nên có khác.

Văn chia làm 4 phần:

- Nhờ giới nhiếp các căn.

- Tiết chế cơ thể ăn uống vừa đủ.

- Tinh tấn tu các niệm xứ.

- Trừ bỏ hẳn 5 triền cái.

1) Nhờ giới nhiếp các căn:

Vị ấy trong nếp sống này, tu tập Thánh giới. Bên trong tâm không chấp trước gì cả, nên tâm an lạc. Bên ngoài mắt vị ấy tuy thấy sắc nhưng không nắm giữ tướng, nên không bị sắc lôi kéo. Nhãn căn đã kiên cố, tịch nhiên mà trụ, không còn tham dục không còn lo buồn. Kiên trì giới phẩm, không chạy theo các ác bất thiện pháp. Khéo hộ trì được nhãn căn, thì nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý cũng lại như vậy. Đối với sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần, khéo hộ trì điều phục, khiến vọng tâm đình chỉ, giống như voi ngựa xe qua lại giữa ngã tư đường trên mặt đất bằng phẳng. Người khéo léo điều khiển xe ngựa, tay trái cầm cương, tay phải cầm roi. Người ấy đã khéo học hộ giới và điều phục luật đi đường, không hề vi phạm. Tỳ-kheo cũng như vậy, sáu căn tiếp xúc với sáu trần phải khéo học hộ trì, điều phục và phải được giữ vững luật định, một cách sáng suốt.

(Giới pháp trên là miêu tả đường đi của bậc Thánh. Tất cả Thánh nhơn đều lấy giới này làm căn bản; đều y vào giới này mà được giải thoát. Khi một người mới thọ giới, Vô tác luật nghi được phát sanh ngay, tức Vô lậu sắc pháp, cùng với Thánh nhơn đồng thể nên gọi là Thánh giới. Y vào giới này tu tập thì ba nghiệp của thân và bốn nghiệp của miệng được thanh tịnh, tâm được an lạc, lục tặc không thể cướp gia bảo của ta được, nên gọi là kiên cố. Khi lục căn tiếp xúc với sáu trần gọi là lục nhập. Hộ trì là giới, điều phục là định, giữ vững là tuệ. Ngã tư đường bằng phẳng dụ cho bốn Thánh đế là con

đường xuất thế. Cầm cương giữ vững ngựa dụ cho "chỉ thiện", cầm roi giục ngựa tiến tới dụ cho "hành thiện.")

2) Tiết chế cơ thể ăn uống vừa đủ:

Vị ấy có Thánh giới như vậy, thì sẽ được Thánh nhãn căn. Vị ấy ăn biết vừa đủ, không tham lam mùi vị, ăn với mục đích nuôi cơ thể, không cống cao kiêu mạn... Vị ấy tự phòng hộ thân thể, không cho phát sanh các đau khổ, bệnh hoạn, để tu tịnh hạnh. Nhờ đó, vị ấy diệt trừ đau khổ cũ, không cho phát sanh những đau khổ mới, các khổ không còn tăng giảm với vị ấy nữa. Vị ấy đủ sức nên vô sự, làm cho thân được an lạc. Ví như người nam nữ nào đó, trên thân bị vết thương đau đớn, họ lấy thuốc xức lên làm cho vết thương được lành. Tỳ-kheo cũng như vậy, biết đủ trong việc ăn uống, làm cho thân an ổn.

(Tất cả chúng sanh đều nhờ ăn uống mà sống. Không ăn thì không thể tồn tại được, mà tham đắm việc ăn lại là tăng thêm gốc khổ. Thế nên Phật chế giới không ăn phi thời, chỉ ăn đúng thời. Lại cần phải biết ăn vừa đủ, như đã nêu rõ trong pháp tu hạnh đầu-đà, ăn một bữa, ăn vừa đủ no, để nuôi sống thân thể, ít ham muốn, không lăng xăn nhiều việc, có thế mới tự an ổn được. Tùy duyên sống qua ngày, nên các khổ tiêu diệt. Không tạo các nghiệp nên sự khổ mới không phát sanh, giữ lấy gia phong người tu hành, kiên tâm không thay đổi, nên không có tăng giảm. Tâm thanh tịnh nên có sức, không mong cầu nên vô sự, đói khát như vết thương, ăn uống như thuốc chữa, làm sao sanh tham đắm được!?)

3) Tinh tấn tu các niệm xứ:

Như có người lấy mỡ bôi vào xe, vì muốn xe chuyển động, vận tải tài vật đến chỗ theo ý mình. Tỳ-kheo khi ăn biết vừa đủ để nuôi thân thể, cũng như vậy. Tỳ-kheo có Thánh giới pháp như vậy, được Thánh hóa các căn đối với sự ăn uống, biết dừng lại khi vừa đủ. Đầu đêm cuối đêm, vị ấy tinh tấn tỉnh giác. Giữa ban ngày, khi đi, khi ngồi vị ấy luôn luôn nhất tâm, chánh niệm trừ các triền cái. Vào lúc đầu đêm, khi đi, khi ngồi, vị ấy thường nhất tâm chánh niệm trừ các triền cái. Vào lúc giữa đêm, vị ấy nằm nghiêng về phía bên phải, hai chân gác lên nhau, nghĩ đến lúc thức dậy, đặt tư tưởng vào ánh sáng, tâm không loạn động. Đến cuối đêm vị ấy thức dậy tư duy, khi đi, khi ngồi, thường nhất tâm chánh niệm, trừ các triền cái. Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy đạt được Thánh hộ trì các căn, ăn biết vừa đủ. Đầu đêm cuối đêm tinh tấn giác ngộ, luôn luôn nhất tâm chánh niệm không tán loạn.

Thế nào là Tỳ-kheo chánh niệm không tán loạn?

Tỳ-kheo phải như thế này: Vị ấy quán sát nội thân, thân niệm xứ (thân là chỗ niệm), tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, điều phục được xan tham và ưu não trong thế gian. Vị ấy quán ngoại thân, thân niệm xứ, tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, điều phục được xan tham và ưu não trong thế gian. Vị ấy quán nội ngoại thân, thân niệm xứ, tinh tấn không biếng nhác, Chánh niệm không tán loạn điều phục xan tham và ưu não trong thế gian. Vị ấy niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp cũng như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo niệm không tán loạn.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo nhất tâm?

Vị ấy khi đi kinh hành, khi đi vào, đi ra, khi nhìn ngó hai bên, khi co duỗi tay, khi cúi xuống ngửa lên, khi mang y bát, khi ăn uống, khi đi đại tiểu tiện, khi nằm ngủ đều tỉnh giác. Vị ấy khi ngồi, khi đứng, khi nói, khi yên lặng, tất cả mọi hành động luôn luôn nhất tâm. Đó là Tỳ-kheo nhất tâm. Dụ như có người cùng đi với nhiều người, hoặc đi trước, hoặc đi giữa, hoặc đi sau, đều được an lạc, không có gì sợ hãi. Tỳ-kheo cũng như vậy. Khi đi kinh hành vào ra... cho đến khi im lặng, luôn luôn nhất tâm, Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy, thành tựu Thánh giới căn, khi ăn biết vừa đủ, đầu đêm cuối đêm tinh tấn tỉnh giác, luôn luôn nhất tâm không tán loạn.

(Đoạn kinh văn này trước ví dụ, sau nói pháp. Bôi dầu vào xe là để xe vận tải được. Vì mục đích thành đạo nên mới ăn các món ăn. Nếu ta chỉ biết có vô sự là an lạc, mà đêm ngày không tinh tấn cần cầu giác ngộ thì khác nào hổ, nai trong núi rừng vắng. Thế nên cần phải nhất tâm niệm không tán loạn. Đó là quán Tứ niệm xứ, trong bốn oai nghi, đã thành một chuỗi dài suốt thời gian 12 thời, không gián đoạn, mới được gọi là không dụng tâm tạp loạn. Ý nghĩa của Tứ niệm xứ, nay sẽ lược nói. Thứ nhất Thân niệm xứ. Thứ hai, Thọ niệm xứ. Thứ ba, Tâm niệm xứ. Thứ tư, Pháp niệm xứ. Y cứ vào niệm xứ này, tu đạo xuất thế, chính là cửa ngõ tối yếu của Phật pháp. Không những 37 phẩm trợ đạo trong tạng giáo lấy Tứ niệm xứ làm đầu, mà Thông, Biệt, Viên giáo không có giáo nào là không y vào đây để hành đạo. Thế nên khi Phật sắp nhập Niết-bàn, để trả lời câu hỏi cuối cùng của Tôn giả A-nan, Ngài dạy các Tỳ-kheo: Hành đạo thì y cứ Tứ niệm xứ, sống 'trụ' thì y cứ vào Ba-la-đề-mộc-xoa. Thế nên nếu không lên đàn thọ giới thì không thể cõĩng trú, không tu Tứ niệm xứ thì cuối cùng không thể tiến tới được.)

Trí Giả Đại sư giảng rõ pháp môn này thành bốn cuốn, chỉ bày cho hành giả trong bốn giáo về phương tiện tu hành. Nếu ai muốn biết rõ, cần phải đọc cho kỹ, ở đây chỉ trình bày những nét chính để đáp ứng cho người mới học. Nếu không có trí tuệ niệm xứ thì tất cả pháp hành đều không phải là Phật pháp, không phải người hành đạo, cạo đầu vô ích, khác nào kẻ chăn trâu thuê. Những người ấy mặc cà-sa vô ích, khác nào phướng treo đầu sào. Những người ấy tuy mang bát cầm tích trượng khác nào bị bệnh, đi xin ăn. Tuy đọc kinh điển, như người mù tụng phú. Tuy siêng năng lễ bái khác nào chày giã gạo. Tuy họ cố gắng làm, cũng như việc làm của người huyễn thuật, không có kết quả gì. Tuy xả bỏ thân mạng, tài vật, chỉ được gọi là bố thí, không phải là Ba-la-mật. Tuy có trì giới đâu thoát khỏi giới cấm thủ. Tuy có tọa thiền khác nào như gốc cây. Tuy họ muốn tri giải nhưng chỉ làm cho trí tuệ điên cuồng. Thế nên họ ở mãi bên bờ này, không qua được bên bờ kia, không hàng phục được ái kiến, không phá được chấp tướng, không nhập vào đạo phẩm, không vào được địa vị Hiền Thánh.

Nếu có trí tuệ Tứ niệm xứ thì mới có thể phá tà hiển chánh, thành tựu đạo quả xuất thế của Ba thừa, đưa đến thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Giải thích Tứ niệm xứ này thông qua bốn ý:

- Tứ niệm xứ theo Tam tạng.

- Tứ niệm xứ theo Thông giáo.

- Tứ niệm xứ theo Biệt giáo.

- Tứ niệm xứ theo Viên giáo.

Danh nghĩa của Tạng, Thông, Biệt, Viên trong văn đã ghi đầy đủ, ở đây khỏi phiền dẫn lại nữa.

1) Giải thích Tứ niệm xứ quán theo Tam tạng

Tứ là số mục, niệm là tuệ, xứ là cảnh giới. Số có khai ra có hợp lại. Nếu người mê về tâm nặng, thì Phật vì họ mà nói năm uẩn, là hợp với sắc để khai tâm. Nếu người mê sắc nặng, Phật vì họ nói 12 xứ, là hợp với tâm để khai sắc. Nếu người mê cả tâm và sắc, Phật vì họ mà nói 18 giới, là khai cả tâm và sắc. Nay đề cập đến con số 4. Người ta đối với năm ấm sanh ra bốn đảo lộn như: Đối với sắc sanh ra tịnh đảo. Đối với thọ sanh ta lạc đảo. Đối với

tưởng và hành sanh ra ngã đảo. Đối với tâm thức sanh ra thường đảo. Để trừ bốn đảo nên nói bốn niệm xứ vậy.

Thân niệm xứ: Tất cả các pháp đều gọi là thân. Tự kỷ gọi là nội thân, quyến thuộc và người khác gọi là ngoại thân. Quán sát cả ta và người gọi là nội ngoại thân. Niệm không tán loạn là quán sát ngay thân ta, sanh ra từ nghiệp bất tịnh của đời trước. Do đời trước ta không sợ sanh tử, không nhàm chán sự ràng buộc, không ham chuộng sự giải thoát, không mong cầu Niết-bàn. Ta đối bốn Thánh đế không chút nào ham thích, trồng cái nghiệp điên đảo, nghiệp cột vào thức, đầu thai vào thai mẹ, thì có năm thứ bất tịnh:

a) Sanh xứ bất tịnh: Mười tháng trong thai cùng ở với phân uế, rồi nương vào chỗ nhớp nhúa mà chui ra.

b) Chủng tử bất tịnh: Lấy tinh cha huyết mẹ làm thể.

c) Tướng bất tịnh: Từ đầu đến chân đều là vật nhơ bẩn.

d) Tánh bất tịnh: Căn bổn từ nơi uế nghiệp sanh ra, nương nơi uế vật lớn lên, tánh chất nó là như vậy, không thể thay đổi được. Trong thân có 36 vật. Phần bên trong có 12 gọi là tánh bất tịnh (da, da ngoài, máu, thịt, gân, mạch máu, xương, tủy, mỡ nước, mỡ miếng, não, hoành cách mô). Bên ngoài có 12 gọi là tướng bất tịnh (tóc, lông, móng, răng, ghèn, nước mắt, nước miếng, đàm, phân, nước tiểu, dơ bẩn, mồ hôi). Bên giữa có 12 gồm cả tánh và tướng (gan, ruột, mật, dạ dày, lá lách, thận, tim, phổi, sanh tạng, thục tạng, đàm đỏ, đàm trắng).

e) Cứu cánh bất tịnh: Khi nghiệp báo đời này chấm dứt, như cây hư mục, đại tiểu bất tịnh, chảy tràn ra ngoài. Thân sanh ra giòi bọ, chúng ăn lại thịt của ta, da thịt hết rồi, chỉ còn xương trắng. Thân ta như vậy, thân người khác cũng như vậy. Quán sát như vậy thì không thể ngay trên thân ta và thân người, sanh ra nhận thức điên đảo cho là tịnh được. Cho nên tâm không tán loạn, do tâm không tán loạn thì ta có thể điều phục được xan tham ưu não. Lược nêu hai món nhân khổ trong ba cõi. Hai món này có thể bao quát tất cả phiền não, Kiến, Tư hoặc. Điều phục, có ý nghĩa là lấy trí tuệ quán sát tu tập, bắt đầu từ tướng riêng, phân tích rõ ràng cặn kẽ rồi đến tướng chung. Quán thân bất tịnh, thọ, tâm, pháp đều bất tịnh. Cho đến quán pháp vô ngã, thân, thọ, tâm cũng vô ngã. Do tuệ quán này có công năng làm cho các ác pháp chưa sanh thì không sanh, các ác pháp đã sanh bị diệt hết. Các thiện pháp

chưa sanh được sanh, các thiện pháp đã sanh được tăng trưởng. Đây gọi là Tứ chánh cần. Bốn món định sanh gọi là tứ Như ý túc. Năm thiện căn sanh gọi là năm căn. Phá năm phiền não gọi là năm lực. Phân biệt công dụng của đạo là Thất giác chi. An ổn tu hành trong Chánh pháp gọi là Bát chánh đạo. Năm ấm được thiện hữu lậu gọi là Noãn pháp. Từ đây hàng phục mê hoặc trong ba cõi, tiến vào Đảnh vị, Nhẫn vị, Thế đệ nhất vị, phát chơn Vô lậu trải qua 16 tâm được thấy dấu đạo. Tiến đến chín vô ngại, chín giải thoát, thành vô học đạo. Tất cả những pháp trên đều y vào niệm xứ để hành trì mà được điều phục thành tựu.

Thọ niệm xứ: Lãnh nạp gọi là thọ. Duyên vào bên trong là nội thọ, duyên ra bên ngoài là ngoại thọ. Cả căn thọ gọi là nội ngoại thọ. Tại một căn có thuận thọ, nghịch thọ, không thuận không nghịch thọ. Đối với thuận cảnh thì sanh lạc thọ; đối với nghịch cảnh thì sanh khổ thọ; đối với không thuận, không nghịch cảnh thì sanh bất khổ, bất lạc thọ; cũng gọi là xả thọ. Sáu căn của 18 thọ: Căn, trần, năng, sở hiệp lại có 36 thọ. Kết hợp ba đời có 108 thọ. Các thọ đều là khổ, lạc thọ là Hoại khổ vì lạc bị phá hoại thì khổ. Khổ thọ là Khổ khổ, vì ngay tính chất của nó là khổ. Xả thọ là Hành khổ, vì thay đổi thì sanh ra khổ. Phối hợp riêng như ở đây, thì chung cho cả ba đều có ba khổ.

Tâm niệm xứ: Là Tâm vương, liệt kê ra như trên, có nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm. Tâm vương không dừng một chỗ, tánh nó dời đổi. Tâm này hoặc thô, hoặc tế, hoặc trong, hoặc ngoài đều vô thường, thay đoải từng sát-na. Hơi thở ra tuy còn, khó giữ được hơi thở vào.

Pháp niệm xứ: Liệt kê như trước, nhưng có nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp. Lại có pháp thiện, pháp ác, pháp vô ký. Người đời dựa vào pháp để lập ra cái ta, như ta làm thiện, ta làm ác, ta làm việc vô ký, nếu y vào Tâm vương mà cho là đã có ngã thì nhiếp vào trong tâm niệm xứ. Nếu y vào Tâm sở mà cho là có ngã thì trừ thọ Tâm sở trong năm Biến hành ra, bốn Tâm sở còn lại là Biệt cảnh Tâm sở, thiện, ác, Bất định, cho đến Bất tương ưng hành... đều thuộc vào pháp niệm xứ. Trong tất cả các pháp này, muốn tìm cầu ngã thì không thể được.

Nếu pháp thiện là ngã, thì ác pháp đâu phải là ngã. Nếu pháp ác là ngã, thì thiện pháp lẽ ra không có ngã; hay nếu pháp ác là ngã, thì tại sao làm ác lại tự hại mình? Nếu pháp Vô ký là ngã, thì pháp vô ký không thể sanh ra nghiệp, làm sao có nhân để tạo ra ngã? Nó chỉ được gọi là "nhân đẳng khởi", tức là nhờ vào Vô ký này khởi thiện, khởi ác, thiện ác còn chẳng phải là ngã, nhân đẳng khoûi làm sao được gọi là ngã? Từ đó chúng ta biết rằng tất cả

đều vô ngã, chỉ là Hành uẩn (ấm), cho nên Khế kinh có chép: Khởi lên chỉ có pháp khởi, diệt chỉ có pháp diệt, không có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng. Ấm, pháp, khởi diệt đều là điên đảo. Điên đảo chỉ cho thân kiến, biên kiến, là năm ấm ô uế. Vô ký cũng là năm ấm ô uế. Vô ký duyên vào quả báo hiện tại khởi lên nên đều là vô ngã. Tuy Tâm vương Tâm sở cùng khởi lên một lúc, nhưng tác dụng có mạnh có yếu. Nếu Tâm vương mạnh thì thuộc về Tâm niệm xứ; nếu Tâm sở mạnh thì thuộc về Pháp niệm xứ. Như vậy tất cả pháp thiện, ác, trong, ngoài, tìm ngã rõ thật không thể được. Nên gọi là Pháp niệm xứ.

Tu bốn pháp niệm xứ này có ba loại không đồng nhau:

1) Tánh niệm xứ, thành tuệ giải thoát, phá tất cả trí của ngoại đạo.

2) Cộng niệm xứ, thành câu giải thoát, đối phá thần thông của ngoại đạo.

3) Duyên niệm xứ, thành vô ngại giải thoát, đối phá Vệ-đà của Bà-la-môn.

Lại có ba hạng người không đồng nhau:

1) Thanh văn, y vào Tứ đế quán, Khổ đế là cửa đầu tiên, tu bốn niệm xứ này, đoạn Kiến, Tư hoặc. Chứng bốn đạo quả.

2) Duyên giác, Độc giác, y vào 12 nhân duyên quán Tập đế làm cửa đầu, tu bốn niệm xứ này, trí tuệ sắc bén, phá tan tập khí, chứng quả Bích-chi Phật.

3) Bồ-tát, phát Tứ hoằng thệ nguyện, quán Đạo đế làm môn đầu, y vào Lục độ, tu Tứ niệm xứ này, trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hàng phục phiền não, đồng thời làm việc lợi sanh, cơ duyên đầy đủ, trải qua 34 tâm, đoạn trừ kiết sử, đoạn hết chánh khí, tập khí, thành đạo Vô thượng. Ta nên biết rằng pháp quán Tứ niệm xứ là con đường chung cho cả Ba thừa, cũng vừa phân biệt rõ tà và chánh. Nếu hành giả đắc Tứ niệm xứ thì tất cả pháp tu đều chánh. Nếu hành giả không đắc Tứ niệm xứ thì tất cả các pháp tu đều là tà. Người tu hành đời nay, không biết rõ ý này, dù tu thiện đến bao nhiêu đi nữa cũng chỉ được nhơn thiên, tự siêng năng khó nhọc, mà chẳng được phần nào của Phật pháp cả. Đau xót như vậy làm sao không nói! Lại nữa, chúng ta nên biết rằng ý chính của ba tạng Thánh giáo là chán ghét sanh tử, ưa chuộng Niết-bàn.

Thứ nhất: Phải rõ nhân duyên chính và chi pháp nhân duyên, tức là trong Tứ đế, vô minh, hành, ái, thủ, hữu thuộc về Tập đế. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh, lão tử là Khổ đế. Biết khổ đoạn tuyệt tập là Đạo đế. Không còn tập thì không có khổ là Diệt đế. Biết rõ đây là vô minh, lão tử thì phá được chủ thuyết tà nhân duyên, phá được chủ thuyết nói rằng các pháp không do nhân duyên sanh, các chủ thuyết điên đảo của người ngoài. Không còn tin theo những tư tưởng tà ngụy, hẹp hòi, mà tin sâu và hiểu rõ pháp chánh nhân duyên.

Thứ hai: Cần phải phát tâm chơn chánh, cảnh giác ngọn lửa vô thường thiêu đốt thế gian. Nhất tâm tìm cách để ra khỏi, không biếng nhác trong sát-na nào cả, tu tập thiền tuệ, như chữa lửa cháy đầu.

Thứ ba: Cần phải khéo tu định tuệ, vì nó là con đường xuất thế. Loạn tâm trong Dục giới như đèn trước gió, chiếu soi các vật không rõ ràng. Nếu ta có định không tuệ như trong tối không thể thấy. Thế nên cần phải tu cả hai pháp định và tuệ.

Thứ tư: Cần phải biết phá pháp; quán sát khắp các nhân duyên sanh diệt để phá tất cả các pháp ái kiến, hý luận.

Thứ năm: Cần phải biết Thông và Tắc. Biết tất cả các pháp ái kiến đều có cái lý của Đạo đế và Diệt đế gọi là Thông; đều có Khổ, Tập gọi là Tắc.

Thứ sáu: Cần phải khéo tu Đạo phẩm, tu theo Tứ niệm xứ, hoặc Biệt hoặc Tổng, cho đến ba Giải thoát môn.

Thứ bảy: Cần phải khéo tu các trợ đạo, tức Ngũ đình tâm quán, cõĩng niệm, duyên niệm, sáu pháp thiền thẩm quán, tức là tám loại niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiền, niệm Hơi thở, niệm Sự chết). Cửu tưởng (sình, hư, huyết, mủ, máu, ứ, trùng ăn, tan rã, xương trắng, đốt cháy). Mười tưởng (vô thường, khổ, vô ngã, thực, bất tịnh, tất cả thế gian không thể ưa thích, tưởng sự chết, tưởng bất tịnh, đoạn tưởng lìa tưởng). Tám bối xả:

1) Trong có tướng sắc, bên ngoài quán sắc.

2) Trong không tướng sắc, ngoài quán sắc.

3) Xả bỏ tịnh thân tác chứng.

4) Xả bỏ hư không.

5) Xả bỏ thức xứ.

6) Xả bỏ chỗ không dùng.

7) Xả bỏ Phi hữu tưởng Phi vô tưởng.

8) Xả bỏ Diệt thọ tưởng.

Tám thắng xứ:

1) Trong có sắc tướng, ngoài quán sát sắc, hoặc tốt, hoặc xấu, đó gọi là thắng tri, thắng kiến.

2) Trong có tướng sắc ngoài quán nhiều sắc.

3) Trong không tướng sắc, ngoài quán có sắc.

4) Trong không có tướng sắc, ngoài có nhiều sắc.

5) Chỗ xanh hơn.

6) Chỗ vàng hơn.

7) Chỗ đỏ hơn.

8) Chỗ trắng hơn.

Mười nhất thiết xứ... (Xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, không, thức).

Thứ tám: Cần phải biết thứ vị, không sanh tăng thượng mạn, thành vị Tăng biết sỉ nhục, biết xấu hổ, chiếu sáng cả trong ngoài, khéo biết tà chánh, đâu là Phật pháp, đâu chẳng phải là Phật pháp, phá tà ngoại đạo.

Thứ chín: Phải an nhiên và nhẫn chịu trước hai loại giặc mạnh và yếu. Bên ngoài, thì quyến thuộc là giặc yếu mềm; ác pháp gọi là uế, xưng là mạnh bạo, nếu không nhẫn chịu thì sẽ bị chúng làm hại. Bên trong phải nhẫn chịu

tất cả, để chứng đắc các thiền, nếu chấp trước thì sanh lòng mềm yếu, tất bị giặc yếu mềm làm hại ngay; bị hoàn cảnh xung quanh bức bách chính là giặc mạnh bạo vậy.

Thứ mười: Cần phải từ bỏ các pháp ái. Nếu phát hiện ra bên ngoài, hay ẩn dấu bên trong, tất cả các thiện pháp thuận với đạo, nhưng tâm không ái trước, thì đó mới là ý chính yếu.

2) Thuyết minh Tứ niệm xứ theo Thông giáo

Tánh niệm xứ, Cộng niệm xứ, Duyên niệm xứ như đã đề cập ở trước, chỉ thấy lý sanh diệt, phát ra chơn, đoạn kiết sử là bốn cách thô thiển có vẻ khô khan; hay thuyeát minh về vô sanh Tứ Thánh đế tức sự mà chơn, quán thô tế như nhau, đều như huyễn hóa. Đó là bốn cách xảo diệu tinh anh. Theo đây thì vô sanh quán tuệ là niệm. Cảnh giới Vô thượng để quán là xứ. Quán nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân, tất cả sắc pháp hoặc thô hoặc tế đều là huyễn hóa, gọi là thân niệm xứ. Thọ, tâm, pháp đều là tánh khổ. Tánh khổ vốn không, chúng như huyễn hóa, gọi là thọ, tâm, pháp niệm xứ.

Chúng có 3 loại: Tánh tứ niệm xứ, Cộng tứ niệm xứ, Duyên tứ niệm xứ, không giống nhau như đã thuyết minh. Ba hạng người đều lấy bốn tánh để suy nghiệm, phá thường, lạc, ngã, tịnh, điên đảo để chứng ngộ Vô sanh. Hàng Nhị thừa đoạn tuyệt như tro tàn, cùng với Tứ niệm xứ theo Tam tạng thì đồng, chỉ có thiên lệch về chứng chơn. Duy có cửa vào khác nhau ở chỗ tổng thể hay chi tiết, tinh tế hay thô phù mà thôi. Bồ-tát đã thấy lý không, cũng thấy lý bất không, nên lần lượt bước vào Biệt, Viên.

3) Thuyết minh Tứ niệm xứ theo Biệt giáo

Hành giả tín ngưỡng trung đạo Phật tánh, lý này khó hiểu rõ, nên phải giả lập phương tiện. Hành giả y vào Trí tuệ sanh diệt để tu Tứ niệm xứ, thành bậc ngoại phàm Thập tín. Hành giả y vào Trí tuệ vô sanh, tu Tứ niệm xứ, thành bậc nội phàm Thập trụ. Hành giả y vào Vô lượng tuệ, tu Tứ niệm xứ, thành bậc Thập hạnh. Hành giả y vào tương tợ Vô tác tuệ, tu Tứ niệm xứ, thành bậc Thập Hồi hướng. Nếu vị ấy bước vào Sơ địa phá từng phần vô minh, chứng từng phần Trung đạo, mới chính là Vô tác thật tuệ, tu chứng Tứ niệm xứ.

Nay đứng về mặt "giáo" mà nói thì vô lượng quán tuệ là niệm, cảnh giới vô lượng được quán là xứ. Trong từng vị đều có; Tánh niệm xứ, Cộng niệm xứ,

Duyên niệm xứ. Nếu đối trị riêng biệt thì: Bậc Thập trụ tu tánh niệm xứ quán, bậc Thập hạnh tu cộng niệm xứ quán, bậc Thập Hồi hướng tu duyên niệm xứ quaùn. Đến Sơ địa ba phần niệm xứ quán trên đều thành tựu riêng: Tánh niệm xứ hiển bày là Pháp thân. Cõïng niệm xứ hiển bày là đại Bát-nhã. Duyên niệm xứ hiển bày là Giải thoát.

Sự điều phục được chúng sanh gọi là giải thoát. Đây cũng là lấy tánh niệm xứ là Bát-nhã; Cộng niệm xứ là Giải thoát; Duyên niệm xứ là Pháp thân; không còn qua lại lên xuống gọi là đại Niết-bàn. Được sắc giải thoát, thọ, tưởng, hành, thức giải thoát. Đầy đủ bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh, phá hết bốn đảo của phàm phu ngoại đạo và bốn đảo của Nhị thừa.

4) Thuyết minh Tứ niệm xứ theo Viên giáo

Số 4 là số không thể nghĩ bàn, một tức vô lượng, vô lượng tức một. Nhất nhất đều là pháp giới ba đế, thu nhiếp đầy đủ tất cả các pháp, ngoài pháp giới không có pháp nào cả. Ngay tại một niệm xứ cùng ba niệm xứ kia, không hai không khác. Tất cả các pháp đều hướng về Tứ niệm xứ, sự hướng về đúng như vậy. Niệm là quán tuệ, xứ là cảnh giới. Trí năng quán chiếu mà thường tịch nên gọi là niệm. Cảnh giới sở quán tịch mà thường chiếu nên gọi là xứ. Cảnh tịch, trí cũng tịch, trí chiếu cảnh cũng chiếu. Một tướng vô tướng, vô tướng một tướng, tức là thật tướng. Thật tướng chính là Nhất đế, cũng gọi là hư không Phật tánh, cũng gọi là Đại bát Niết-bàn. Cảnh trí như vậy, không hai không khác, cảnh như như tức trí như như. Trí tức là cảnh. Thuyết trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã, nói ngược lại, thuyết xứ và xứ trí đều là sở đế. Cảnh chẳng phải cảnh mà nói cảnh, trí chẳng phải trí mà gọi là trí, cũng gọi là tâm tịch tam-muội, cũng gọi là sắc tịch tam-muội, cũng gọi là minh tâm tam-muội, cũng gọi là minh sắc tam-muội. Sắc và Tâm không hai, không hai mà hai, vì hóa độ chúng sanh, nên giả nói có hai vậy. Quán tuệ này chỉ quán tâm chúng sanh trong một niệm vô minh, tâm này là pháp tánh, là nhân duyên phát sanh, tức là không, tức là giả, tức là trung, một tâm mà là ba tâm, ba tâm mà là một tâm. Quán này cũng gọi là Nhất thiết chủng trí. Cảnh này cũng gọi là Nhất viên đế. Một đế đủ ba đế, ba đế trong một đế. Chư Phật vì một đại sự nhân duyên này nên xuất hiện ở đời. Quán một niệm này trong tâm đầy đủ sắc trong mười giới gọi là thân, thọ trong mười giới gọi là thọ. Thức trong mười giới gọi là tâm, tưởng, hành trong mười giới gọi laø pháp. Sắc trong pháp tánh: Một sắc bao hàm tất cả thọ, tất cả thọ trong một thọ. Một tâm bao gồm tất cả tâm, tất cả tâm trong một tâm. Một pháp tưởng hành bao gồm tất cả pháp, tất cả pháp trong một pháp. Dùng tánh trí tuệ, quán sắc tánh của mười giới gọi là quán. Thấu triệt trong sắc, không cấu

không tịnh gọi là xứ. Dùng tánh trí tuệ quán thọ trong mười giới gọi là quán. Thấu triệt trong thọ không phải khổ, không phải lạc gọi là xứ. Dùng tánh trí tuệ, quán tánh của tâm trong mười giới gọi là quán. Thấu triệt tánh của tâm chẳng phải tánh thường chẳng phải tánh vô thường gọi là xứ. Dùng tánh trí tuệ, quán tánh pháp trong mười giới gọi là quán. Thấu triệt tánh các pháp không phải ngã, không phải vô ngã, gọi là xứ. Hợp cả chủ thể và đối tượng thì gọi là quán tánh niệm xứ. Nếu quán sắc trong mười giới, chẳng phải nhơ, chẳng phải sạch song song chiếu vào Nhị đế, thì nhơ và sạch tánh chúng không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh. Cho đến quán pháp trong mười giới, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, song song chiếu vào Nhị đế, ngã cùng vô ngã tánh nó không hai. Tánh không hai là thật tánh, đó gọi là Cộng niệm xứ quán. Quán thân, thọ, tâm, pháp vô duyên từ bi, vô duyên, vô niệm này, như đá nam châm hút sắt, vắng lặng mà thường chiếu. Tuy vô niệm bất động nhưng mà vận dụng đại từ che khắp cả mười giới chúng sanh, bằng vào từ bi thệ nguyện rộng lớn không cùng tận, đó gọi là Duyên niệm xứ quán. Trong một tâm ba loại niệm xứ đầy đủ. Quán tánh trí tuệ của thân, thọ, tâm, pháp, gọi là Tánh niệm xứ. Định tuệ quân bình, có khả năng hỗ trợ đại đạo, gọi là Cộng niệm xứ. Có được từ bi là Duyên niệm xứ. Một tánh niệm xứ, tất cả tánh đều niệm xứ, cộng niệm xứ, duyên niệm xứ cũng vậy. Đây là nghĩa lý của Viên giáo. Tu Tứ niệm xứ theo ba loại Thông, Biệt, Viên đều có mười ý chính tên giống nhau, ý nghĩa khác nhau. Cần phải nghiên cứu thêm.

Chánh niệm xứ không tán loạn... Tạng giáo như đã lược nói ở trước. Thông giáo thì lấy vô sanh quán tuệ làm không tán loạn. Thấu triệt tham ái như hư không, không thể nắm bắt được, để điều phục. Biệt giáo lấy thứ lớp của tam quán làm không tán loạn, để điều phục vô lượng tham ái của đồng cư thế gian, phương tiện thế gian và quả báo thế gian. Viên giáo lấy vô túc quán tuệ làm không tán loạn. Thấu triệt tính chất của tham ưu, tức là thật tánh. Ban đầu từ danh tự điều phục, tiến đến cứu cánh điều phục, đó mới là thật nghĩa của Tứ niệm xứ.

Đức Như Lai có di huấn, khiến cho các Tỳ-kheo y vào niệm xứ để hành đạo chính là ở điểm này vậy. Thế nên trong đây, chỉ nói Thân niệm xứ tinh tấn không biếng nhác. Thọ, Tâm, Pháp cũng như vậy, không nói thẳng là bất tịnh, khổ... Chính vì người tu hành trong bốn giáo đều cùng chấp nhận. Nếu hiểu được ý này thì đối với năm triền cái, Tứ thiền, Ngũ thông, Tam minh... tất cả pháp môn đều có thể giải thích bốn cách. Hãy suy nghĩ! Hãy suy nghĩ!

5) Bỏ hẳn 5 triền cái.

Chia làm ba:

- Thuyết minh chỗ trú xứ.

- Thuyết minh các phương tiện trừ 5 triền cái.

- Thuyết minh trừ hẳn 5 triền cái.

1) Thuyết minh chỗ trú xứ:

Vị ấy ưa thích ở chỗ A-lan-nhã nhàn tịnh, dưới gốc cây, hang núi đá, bãi đất trống, cạnh đống phân, giữa nghĩa địa, bên bờ nước...

(A-lan-nhã dịch là trống vắng, không ồn ào. Tất cả các địa điểm này, đều cách xa sự tụ tập ồn ào nên có thể tấn tu.)

2) Thuyết minh các phương tiện trừ 5 triền cái:

Vị ấy sau khi đi khất thực về, sau khi ăn xong, rửa chân, xếp đặt y bát, ngồi kiết già, lưng thẳng, chánh ý, đặt niệm ở trước mặt.

(Khất thực nuôi thân thì không còn mong cầu. Ngồi kiết già thì tâm dễ nhập định. Lưng thẳng thì thân không bệnh hoạn, chánh ý thì ý không tà đảo. Đặt niệm trước mặt thì không sanh hôn trầm tán loạn.)

3) Thuyết minh trừ hẳn 5 triền cái:

Phần này chia làm ba:

- Nói rõ về việc chê trách, trừ bỏ 5 triền cái.

- Ví dụ làm sáng tỏ việc trừ 5 triền cái.

- Thuyết minh đủ về các pháp đoạn trừ hẳn
5 triền cái.

a) Thuyết minh chê trách, trừ bỏ 5 triền cái:

Vị ấy đoạn trừ xan tham, tâm không câu hữu với nó. Vị ấy đoạn trừ sân giận, không có oán ghét, tâm trụ nơi không sân, thanh tịnh không giận, thường có lòng từ mẫn. Vị ấy từ bỏ thùy miên, không câu hữu với nó, buộc tư tưởng nơi ánh sáng, niệm không tán loạn. Vị ấy trừ bỏ trạo hối, không câu hữu với nó, tâm trầm lặng, lòng sạch không hối tiếc. Vị ấy trừ bỏ nghi ngờ, đối với thiện pháp xác định rõ hướng đi.

(Xan tham là đối với cảnh ngũ dục ái luyến không bỏ. Sân giận là đối với cảnh nghịch lại ý mình sanh ra tức tối bực bội. Thùy miên là trạng thái tâm mờ mịt không phân biệt rõ, các căn dã dượi, không chủ động hoạt động. Trạo hối là ba nghiệp tán động, ưu sầu buồn bực chuyện đã qua. Nghi là đối với Sư trưởng, giáo pháp, bản thân, tâm chưa tin tưởng, còn do dự. Năm pháp này ngăn che định tuệ không cho phát mở nên gọi là cái. Nếu nói riêng từng phần, thì tham là che trí tuệ và lợi làm trí tuệ bị tăm tối. Sân là định cái, chính là cây gai của thiền định. Hôn trầm, là tuệ cái, tánh nó không chủ động. Trạo hối là định cái, không thể duyên vào một cảnh. Nghi là đủ cả định tuệ cái, không có chánh tín. Tóm lại, tất cả triền cái đều chướng ngại cho định tuệ.)

b) Ví dụ làm sáng tỏ việc trừ năm triền cái:

Ví như có người nô lệ, được người chủ cho được tự do, an ổn thoát khỏi cảnh nô lệ. Người ấy tự nghĩ: Ta trước đây là nô lệ, nay an ổn thoát khỏi cảnh nô lệ, đã được tự tại, không còn lệ thuộc người khác. Người này nhờ vậy được hoan hỷ, tâm được an lạc. Ví như có người mượn tiền của người khác kinh doanh các nghề nghiệp. Sau đó, họ được phát đạt về lợi tức, trả được nợ cho người còn có tiền dư, đủ để nuôi dưỡng vợ con. Người ấy tự nghĩ: Ta trước đây vay mượn tiền để kinh doanh, nay được phát đạt có lợi tức, đã trả nợ cho người, lại có tiền dư, đủ để nuôi vợ con. Nay ta được thoải mái, không còn thua ai nữa. Người này nhờ đó được vui vẻ, tâm được an lạc.

Ví như có người bị bệnh lâu ngày, sau khi hết bệnh, ăn uống trở lại bình thường, thân thể khỏe mạnh. Người ấy tự suy nghĩ: Ta trước đây có bệnh, nay được hết bệnh, ăn uống bình thường, thân thể khỏe mạnh. Nhờ đó, người này được vui vẻ, an lạc.

Ví như có người bị giam lâu ngày trong ngục, người ấy được bình an ra khỏi ngục, suy nghĩ: Ta trước đây bị nhốt trong ngục, nay ta được ra khỏi, không còn gì sợ hãi. Người này nhờ đó được hoan hỷ, tâm được an lạc.

Ví như có người mang nhiều tiền của, đi qua vùng hoang vắng, không gặp trộm cướp, được bình an đi qua. Người ấy tự nghĩ: Ta trước đây đã mang nhiều bảo vật, đi qua vùng hoang vắng, nay không còn sợ hãi. Nhờ đó, người ấy được hoan hỷ, tâm được an lạc.

(Tham dục như nô lệ, bị người sai khiến. Sân hận như mắc nợ, quả báo ác phải trả không ngừng. Hôn trầm, thùy miên như bệnh trầm trọng lâu ngày không dậy được. Trạo hối như lao ngục, từ trạo hối sanh ra hối hận, từ hối hận tạo thành triền cái, không thoát ra được. Nghi như vùng hoang vắng, tâm nhiều do dự.)

c) Thuyết minh đủ về các pháp đoạn trừ những triền cái:

Tỳ-kheo còn năm triền cái thì không thể tu tập thiền định. Nếu không có sức đắc thiền định thì không thể đoạn trừ triền cái.

Tỳ-kheo còn năm triền cái cũng như vậy. Như bị nô lệ, như bị mắc nợ, như bệnh lâu ngày, như bị giam trong ngục, như đi qua vùng hoang vắng. Vị ấy tự thấy mình chưa đoạn trừ được các triền cái, làm cho tâm, bị nhiễm ô, trí tuệ không sáng suốt. Vị ấy liền từ bỏ dục, bỏ pháp ác bất thiện, với đủ tầm, tứ được hỷ lạc, chứng và trú Sơ thiền. Toàn thân vị ấy được thấm nhuần với hỷ lạc, sung mãn tràn đầy với hỷ lạc, không chỗ nào trên người không sung mãn. Như người khác dùng bột tắm nhỏ mịn cho vào thau để tắm, lấy nước nhồi bột ấy, làm cho cục bột ấy được tẩm ướt với nước, thấm từ trong ra ngoài với nước, nhưng bột không chảy thành giọt. Tỳ-kheo chứng Sơ thiền cũng như vậy, hỷ lạc toàn thân, không chỗ nào trên thân không có hỷ lạc. Đó là trạng thái đầu tiên ngay trên thân này chứng được lạc. Tại sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn. Thân tâm vị ấy an trú trong an lạc trầm lặng.

Vị ấy xả tầm tứ, trong tâm sanh tín, trú tâm một chỗ, không còn tầm tứ, tâm định hỷ lạc, nhập và trú Nhị thiền. Vị ấy dùng tâm định hỷ lạc, thấm ướt toàn thân sung mãn tràn đầy với hỷ lạc, không chỗ nào không sung mãn. Như dòng nước trên đỉnh núi, từ từ trên núi chảy xuống, không phải từ Đông, Tây, Nam, Bắc hay từ trên trời chảy xuống. Ngay trong ao, nước trong mát, tự chảy ra, tràn đầy cả ao, không chỗ nào không tràn đầy. Tỳ-kheo chứng và trú Nhị thiền cũng như vậy, tâm do hỷ lạc sanh, sung mãn tràn đầy với hỷ lạc. Đây là trạng thái thứ hai tự thân chứng đắc hỷ lạc.

Vị ấy xả hỷ tâm, trú niệm nơi lạc thân cảm thọ khoái lạc mà các bậc Thánh gọi là "hộ niệm khoái lạc". Vị ấy chứng và trú Thiền thứ ba, không có hỷ thấm nhuần toàn thân an lạc. Không chỗ nào trên thân không được thấm nhuần sự an lạc ấy. Như hoa sen trắng, sen hồng, sen xanh, tuy sanh ra từ đất trong ao nước, nhưng chưa ra khỏi nước, rễ cọng hoa lá đều thấm nhuần nước. Toàn cây hoa được nước thấm nhuần, Tỳ-kheo trú nơi Thiền thứ ba cũng như vậy, ly hỷ trú lạc, thấm nhuần toàn thân, không chỗ nào không thấm nhuần diệu lạc, không có hỷ ấy. Đó là Tỳ-kheo chứng Thiền thứ ba, tự thân chứng được khoái lạc ấy, thành tựu và an trú trong chỗ tự tại.

Vị ấy xả khổ lạc, diệt ưu hỷ, đã cảm thọ trước. Không khổ không lạc, giữ niệm thanh tịnh, chứng và trú Thiền thứ tư. Vị ấy thân tâm thanh tịnh, sung mãn tràn đầy, không chỗ nào trên thân tâm không được sung mãn với thanh tịnh ấy.

Như người nam nữ nào đó, sau khi tắm rửa sạch sẽ che kín khắp thân thể bằng một tấm y mới, trắng tinh sạch sẽ, không chỗ nào trên thân không được che kín bởi tấm y. Tỳ-kheo trú Thiền thứ tư cũng vậy. Tâm vị ấy thanh tịnh sung mãn khắp thân, không chỗ nào không có sung mãn.

Vị ấy chứng và trú Thiền thứ tư, tâm không lay động. Không mỏi mệt, không tương ứng với khát ái, sân giận, an trú nơi trạng thái bất động.

Như trong một phòng kín, trong ngoài đều được trét kín với đất bùn, khép kín cửa không cho tiếng động lọt vào, không cho gió bụi lọt vào. Trong phòng thắp một ngọn đèn, không cho người, phi nhơn, gió, chim, quạt làm cho lay động. Ngọn đèn đứng yên, hướng thẳng lên bên trên, không có nghiêng ngã, đứng yên mà chiếu sáng. Tỳ-kheo trú Thiền thứ tư cũng như vậy. Không có lay động, tâm không mỏi mệt không tương ứng với khát ái và sân giận, đã trú ở địa vị bất động.

Đây là Thiền thứ tư, ngay thân này được an trú trong an lạc. Tại sao? Do vị ấy không phóng dật, tinh tấn không lười biếng, chánh niệm không tán loạn, ưa thích chỗ tịch lặng.

(Trước đây tuy nói vị ấy đoạn trừ xan tham nhưng thật ra chưa đoạn trừ vĩnh viễn các triền cái, mà chỉ chê trách chúng và hướng tâm đến thiện pháp, đồng thời dùng sức giác quán để xả bỏ ái dục, pháp bất thiện để nhập vào Sơ thiền, cho đến tuần tự vào Tứ thiền mới được chứng đắc sự hoan hỷ an lạc, tâm không trạo cử vọng động, chính là đoạn trừ hết hối triền cái. Không còn

giải đãi là đoạn trừ hết miên triền cái. Không tương ưng với khát ái sân nhuế là đoạn trừ hết tham triền cái và sân nhuế cái. Trú ở địa vị bất động là trừ hết nghi triền cái. Phòng kín trong ngoài đều trét hết, dụ cho không trạo hối. Đóng cửa không cho âm thanh lọt vào, dụ cho không giải đãi. Không gió bụi, dụ cho không tham sân. Đèn cháy sáng, dụ cho không nghi ngờ, ánh sáng cháy thẳng đứng, không cong quẹo, chiếu sáng, dụ cho định tuệ quân bình, có khả năng phát ra ba minh và lục thông. Lại nữa, không có người, dụ cho không tham, không có phi nhơn, dụ cho không sân, không có gió, dụ cho không trạo cử, không có chim, dụ cho không thùy miên. Không cong quẹo, dụ cho không si. Cách tu bốn pháp thiền này, chép đầy đủ trong kinh luận, và các pháp môn theo thứ tự của thiền Ba-la-mật. Người có chí học cần phải tự nghiên cứu lấy. Đoạn chánh văn này tức nhân giới sanh ra định, cũng gọi là tăng thượng tâm học.)

---o0o---

V. THUYẾT MINH THẮNG DIỆU CỦA VÔ LẬU GIỚI

Vô lậu giới cũng gọi là Đạo cộng giới. Đạo cộng là chung cả việc lấy niệm xứ làm phương tiện đạo. Đây chỉ lấy sự phát khởi chơn Vô lậu.

Văn chia làm hai:

- Thứ nhất là Ngũ thông.

- Thứ hai là Tam minh.

Chỗ khác gọi là Tam minh, Lục thông. Cõing lại chỉ có sáu pháp. Bởi vì Túc mạng, Thiên nhãn, Lậu tận có công đức thù thắng nên gọi là minh. Nay chia riêng Thần túc ra làm ba, gồm Thiên nhĩ, Tha tâm, cộng thành năm thông. Xếp riêng Túc mạng, Thiên nhãn, Lậu tận làm Tam minh. Tuy phân ra và hợp lại không đồng, đều là sáu thần thông cả. Sáu loại này đều là thần thông. Kinh Anh lạc chép: Thần là thiên tánh, thông là huệ tánh, trí tuệ tự nhiên, chiếu soi tất cả không có gì ngăn ngại.

1) Thuyết minh về Ngũ thông:

Vị ấy thành tựu được định, tâm thanh tịnh, không có cấu uế, được điều phục một cách nhu nhuyến, an trú chỗ bất động. Vị ấy tự thân mình - nếu muốn, vị ấy có thể hóa ra một thân khác, đầy đủ chi tiết, các căn không thiếu sót, vị

ấy quán sát lại thân này. Thân sắc chất này do tứ đại hợp thành, do sắc chất hóa hiện nên có, sắc thân tứ đại này khác với thân tứ đại được biến hóa ra kia. Từ trong sắc thân tứ đại này khởi ra ý muốn hóa ra thân kia với đầy đủ các chi tiết của thân căn. Như có người rút con dao trong bao đựng dao ra. Người ấy tự nghĩ: Đây là bao, đây là dao, dao khác, bao khác. Từ trong bao này dao được rút ra.

Như có người nhìn rắn từ trong ống bò ra, người ấy tự nghĩ: Đây là ống, đây là rắn, ống khác, rắn khác. Từ trong ống này rắn bò ra.

Như có người lấy áo từ trong rương ra, người ấy tự suy nghĩ: Đây là rương, đây là áo, rương khác áo khác. Áo đây lấy từ trong rương ra.

Tỳ-kheo cũng như vậy, đây là thắng pháp, đây là thắng pháp đầu tiên của vị Tỳ-kheo. Tại sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, ưa thích chỗ tịch lặng.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh tiến đến an trú vào địa vị bất động. Vị này từ sắc thân tứ đại của mình, phát khởi ý muốn hóa ra một thân khác với đầy đủ các căn và tất cả chi tiết, vị này suy nghĩ: Sắc thân ta đây, do tứ đại hợp thành, thân kia do biến hóa mà có. Sắc thân tứ đại của ta, khác với sắc thân tứ đại do ta biến hóa. Tâm này hoạt động tại thân này, y cứ vào thân này, bị trói buộc vào thân này.

Ví như viên ngọc kim cương lưu ly khéo gọt giũa làm cho sáng mắt, trong suốt không có tì vết gì cả. Nếu ta dùng sợi dây màu vàng hay xanh, hay đỏ xỏ qua nó. Người có mắt sáng để nó lên bàn tay nhìn ngắm: Đây là viên ngọc, đây là sợi chỉ, viên ngọc khác, sợi chỉ khác, viên ngọc bị xâu bởi sợi dây. Tỳ-kheo cũng như vậy, từ sắc thân tứ đại này, sanh ra ý tưởng, muốn hóa ra một thân khác, đầy đủ các căn với tất cảû chi tiết; Vị này tự nghĩ: Thân này do tứ đại hợp thành. Hóa thân kia từ thân này mà có; Sắc thân tứ đại này khác, sắc thân tứ đại do biến hóa ra kia khác. Tâm này hoạt động tại thân này, y cứ vào thân này, bị trói buộc vào thân này. Đây là thắng pháp thứ hai vị Tỳ-kheo chứng được. Nhờ vào đâu? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, ưa thích tịch lặng. Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh tiến đến an trú vào địa vị bất động. Vị ấy nhất tâm tu tập thần thông trí chứng. Vị ấy có thể làm nhiều cách biến hóa, từ một thân hiện ra vô số thân, từ vô số thân thu trở lại còn một thân. Vị ấy, tự nhiên có thể bay ngang qua hư không, xuyên qua đá, xuyên qua vách. Không có gì ngăn ngại cả, như đi trong hư không. Vị ấy, đi trên hư không như chim

bay, độn thổ và trồi lên từ đất, như đang bơi lội trong nước. Vị ấy có thể đi qua đám khói, lửa, lửa cháy lớn. Tay vị ấy có thể rờ và chạm mặt trời, mặt trăng, và tự thân có thể bay lên cõi Phạm thiên.

Như có người thợ gốm, khéo nhồi đất sét cho nhuyễn theo ý muốn. Người ấy muốn làm việc gì, có thể làm theo ý muốn, những vật dụng có ích.

Như người thợ mộc, với tay nghề giỏi, có thể đẽo gọt các loại gỗ theo ý muốn, để thành những vật có thể sử dụng được.

Như người thợ ngà khéo léo, giũa chạm ngà theo ý mình, để thành các đồ vật bằng ngà có thể sử dụng được.

Như người thợ kim hoàn, khéo làm những vật dụng bằng vàng theo ý thích, để thành đồ hữu dụng.

Tỳ-kheo cũng như vậy, với tâm định tĩnh, thanh tịnh, đạt đến chỗ bất động, có thể làm bất cứ việc gì theo ý muốn, cho đến có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Đó là thắng pháp thứ ba vị Tỳ-kheo chứng được.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh, cho đến trú vào địa vị bất động, nhất tâm tu tập, chứng Thiên nhĩ trí. Vị ấy với Thiên nhĩ thanh tịnh, vượt xa hơn lỗ tai người thường, nghe được cả hai loại âm thanh của người và phi nhơn. Như trong thành vách của thành phố thuộc đất nước kia có tòa giảng đường cao rộng to lớn, có người với lỗ tai thính đang ngồi trong ấy. Người đó không cần phải lắng tai mà có thể nghe tất cả mọi âm thanh (trong giảng đường). Tỳ-kheo cũng như vậy, với định tâm nên Thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được cả tiếng người, tiếng phi nhơn và các loại âm thanh. Đây là thắng pháp thứ tư mà vị Tỳ-kheo chứng được.

Vị ấy với tâm định tĩnh thanh tịnh, tiến đến địa vị bất động. Vị ấy nhất tâm tu tập, chứng Tha tâm trí; Vị ấy biết rõ tâm của các chúng sanh, có dục, không có dục, có cấu, không có cấu, có si, không có si, tâm rộng lớn, tâm nhỏ hẹp, tâm đại hành, tâm không đại hành, tâm định tĩnh, tâm loạn động, tâm còn triền phược, tâm giải thoát, tâm tăng thượng, tâm không tăng thượng. Bằng vào tâm của mình, vị ấy biết rõ tất cả các loại tâm kia của chúng sanh.

Như người trai hay gái thích ngắm nhìn mặt mình, lấy gương soi, thấy rõ hết mặt. Tỳ-kheo cũng như vậy. Với định tâm thanh tịnh nên biết tất cả tâm niệm của chúng sanh bên ngoài. Đây là thắng pháp thứ năm.

(Ban đầu khởi tâm, hóa ra một thân khác, rồi đưa ra ba ví dụ liên tiếp như dao từ trong bao rút ra... Những ví dụ này nêu ra các sự biến hóa đều từ tâm phát sanh. Sau đó quán sát lại thân được biến hóa ra kia, từ biến hóa mà có. Tâm dụ như sợi dây, thân dụ như viên ngọc. Thân tâm không thay đổi, nhưng từ thân này hóa ra một thân khác, quan hệ mật thiết không rời nhau. Hai sự biến hóa này là tiền phương tiện của thần thông trí chứng. Sau đó phô bày thần thông trí chứng. Trí chứng nghĩa là: Thần thông chứng được do chánh trí xuất thế, không đồng với quả báo của chư thiên, không đồng với phàm phu ngoại đạo đạt được thần thông do tu hành trên cơ sở kiến và ái.

Ví dụ về bốn loại thợ khéo, đều nêu lên vấn đề tùy ý năng thành. Gỗ cứng hơn bùn, ngà cứng hơn gỗ, vàng cứng hơn ngà, nhưng với kỹ thuật tay nghề của người thợ, chúng ta đều biến thành đồ vật sử dụng được. Huống chi tâm pháp trùm cả hư không. với Thánh đạo vi diệu, mà lại không thể như ý tự tại hay sao? Đến Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, đều như văn đây có thể hiểu được.)

2) Thuyết minh về Tam minh:

Vị ấy với tâm định tĩnh thanh tịnh dẫn tâm đến chỗ bất động, tu tập tất cả để chứng Túc mạng trí, có thể nhớ lại vô số đời trước với tất cả các sự việc. Vị ấy nhớ lại một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, vô số trăm ngàn đời. Vào cuối cùng của kiếp thiêu, quốc độ kia được khai sanh, ta sanh ra ở nước đó, tên như vậy, thuộc giòng họ như vậy, chủng tộc như vậy, ăn uống như vậy, tuổi thọ như vậy, đời sống như vậy, tuổi thọ chấm dứt như vậy, chịu khổ vui như vậy. Ta từ chỗ ấy sau khi chết, sanh đến chỗ kia, sanh tử như vậy, lần lượt ta sanh đến chỗ này, hình sắc tướng mạo như thế này, tất cả vô số sự việc như vậy, vị ấy đều nhớ rõ. Như có người từ làng xóm của mình đi đến đất nước khác. Tại nước kia, người ấy hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nói năng, hoặc im lặng. Lần lượt như vậy, người ấy trở về nước cũ, không cần vận dụng trí nhớ nhiều, vị ấy có thể nhớ lại tất cả những việc mình đã làm ở các nước đã đi qua. Ta đi từ nước này đến nước kia. Tại nước kia, ta đi, đứng, nói năng, im lặng, như vậy. Tại nước kia đến nước khác, ta đi, đứng, nói năng, im lặng như vậy. Lần lượt như vậy, ta trở về nước mình.

Tỳ-kheo cũng như vậy, với tâm định tĩnh thanh tịnh, dẫn tâm đến chỗ bất động, tâm chứng Túc mạng trí. Vị ấy có thể nhớ tất cả các sự việc của chính

mình trong vô số trăm ngàn kiếp trước. Đây là Tỳ-kheo chứng đắc minh thứ nhất, đoạn trừ vô minh, minh sanh, tối tăm đã hết, pháp sáng suốt còn lại. Đây là Tỳ-kheo thành tựu Túc mạng trí chứng minh. Nhờ đâu? Do vị ấy không phóng dâït, tinh tấn không lười nhác, chánh tâm không tán loạn, ưa thích chỗ tịch lặng.

(Túc mạng trí, được gọi là minh thứ nhất, biết rõ về quá khứ. Do trừ diệt được vô minh, minh được phát sanh. Vô minh là phiền não Kiến hoặc và Tư hoặc ngăn che sự tịch lặng. Nay đoạn diệt vô minh, thì minh tự sanh. Nghĩa là ta chỉ trừ các pháp cấu uế, không cần phải tìm kiếm minh. Không còn bóng tối thì ánh sáng còn lại, ánh sáng đã có thì không bị mất. Như vàng đã được tinh luyện, lọc thành vàng ròng thì không thể trở lại thành vàng quặng được.)

Vị ấy với tâm định tĩnh thanh tịnh, dẫn tâm đến chỗ bất động. Vị ấy nhất tâm tu tập, chứng được trí tuệ, thấy chúng sanh sanh chỗ này, chết chỗ kia, hình dáng đẹp, xấu, sanh tử trong các đường thiện, ác, kẻ sang trọng người bần tiện, đều từ nhân duyên nghiệp báo do chúng tạo ra, vị ấy đều biết rõ. Như người này tạo ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ác hạnh về ý, với tà kiến phỉ báng các bậc Thánh. Do quả báo của tà kiến nên đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như chúng sanh này thân làm thiện, chánh kiến không phỉ báng các bậc Thánh, tu tập chánh nghiệp, sau khi thân này chết được sanh cõi trời hay cõi người. Vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh như vậy, thấy chúng sanh chết chỗ này sanh chỗ kia, tùy theo nghiệp nhân chúng đã tạo, vị ấy đều biết rõ hết. Như giữa khoảng đất trống bằng phẳng, chỗ ngã tư đường, có một tòa nhà cao lớn, có một người với mắt sáng đứng trên lầu tòa nhà ấy, thấy mọi người đi từ Đông sang Tây, từ Tây sang Đông, từ Nam sang Bắc, từ Bắc sang Nam. Vị Tỳ-kheo cũng như vậy, với tâm định tĩnh thanh tịnh... bình thản bất động, chứng trí tuệ thấy các chúng sanh, sanh chỗ này chết chỗ kia. Vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh, thấy chúng sanh chết đây sanh kia, sanh đây chết kia, tùy theo nhân duyên nghiệp báo chúng đã tạo, vị ấy đều biết rõ hết. Đây là vị Tỳ-kheo đã chứng đắc được minh thứ hai. Vị ấy trừ vô minh, minh sanh, tối tăm hết, ánh sáng hiển hiện. Đây là trí chứng minh, thấy rõ chúng sanh chết chỗ này, sanh qua chỗ kia. Nhờ đâu vậy? Do vị ấy không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chánh tâm không tán loạn, ưa thích tịch lặng.

(Minh thứ hai là Thiên nhãn minh, biết việc tương lai một cách rõ ràng. Thấy rõ cả ba đời. Vì tương lai khó thấy mà thấy trước được, nên nêu ra chỗ thù thắng đó, chứng về quá khứ là Túc mạng, chứng về hiện tại là Lậu tận.)

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh, đưa đến bất động, vị ấy nhất tâm tu tập, chứng trí Vô lậu. Vị ấy như thật biết Khổ Thánh đế, Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Vị ấy như thật biết hữu lậu, sự tập khởi của hữu lậu, sự đoạn diệt của hữu lậu và như thật biết con đường đưa đến diệt tận hữu lậu, tức Đạo Thánh đế. Vị ấy nhờ nhận thức như vậy, thấy rõ như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, vô minh lậu, đã được trí tuệ giải thoát. Vị ấy biết: Sanh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã làm, không còn bị tái sanh nữa.

Như trong hồ nước trong suốt, có gỗ, đá, cá, rùa và các loài thủy tộc đang bơi lội trong nước đó. Một người có mắt sáng đứng nhìn kỹ, thấy rõ đây là gỗ, đây là đá, đây là cá, đây là rùa, đây là loài thủy tộc đang bơi lội.

Tỳ-kheo cũng như vậy, với tâm định tĩnh thanh tịnh, bình thản bất động, chứng đắc trí Vô lậu. Cho đến không còn tái sanh nữa. Đây là Tỳ-kheo chứng đắc minh thứ ba. Vị ấy đoạn trừ vô minh, minh sanh, bóng tối tan hết, ánh sáng còn lại đầy đủ. Đó là Vô lậu trí minh. Do đâu? Vị ấy nhờ không phóng dật, siêng năng không biếng nhác, chánh niệm không tán loạn, ưa ở chỗ tịch lặng.

(Minh thứ ba là trí vô lậu, hiểu biết sáng suốt trong hiện tại. Đối với pháp trong ba đời, không còn sanh ra nữa. Bởi vì ngay nơi sự chứng đắc này, đã đoạn hết ba đời các pháp không còn cơ hội phát sanh, nên gọi là sáng suốt hiện tại. Khổ Thánh đế, ba cõi đều khổ, chắc chắn và xác thật như vậy, chỉ có bậc Thánh mới liễu tri nên gọi là Thánh đế. Tập là nguyên nhân của khổ. Tận là diệt hết khổ. Đạo là con đường tất yếu để thoát khỏi khổ. Tất cả bốn đế đều chơn thật. Không hư dối nên gọi là Thánh đế. Hữu lậu là quả của khổ, lậu tập là nhân của khổ, lậu tận là diệt của khổ, con đường đưa đến lậu tận là con đường tất yếu để giải thoát. Tóm lại, phần đầu nói rõ về kiến đạo, phần sau nói rõ về tu đạo. Hoặc phần đầu nói rõ về Dục giới, phần sau nói rõ về Sắc và Vô sắc giới. Chánh trí được gọi là tri. Tuệ nhãn được gọi là kiến. Tư hoặc ở Dục giới được gọi là dục lậu. Tư hoặc ở Sắc giới và Vô sắc giới gọi là hữu lậu. Kiến hoặc trong ba cõi gọi là vô minh lậu.)

Giải thoát gồm: Kiến đạo 16 tâm, tu đạo 18 tâm, thuộc Căn bản trí. Chứng đắc trí giải thoát, tức Hậu đắc trí. Sanh tử của ta đã hết, tức là vĩnh viễn không còn quả báo, nên gọi là không còn sanh. Phạm hạnh đã thành tức đầy đủ trí đức và đoạn đức, nên gọi là ứng cúng. Việc phải làm đã làm xong, tức là diệt hết lậu hoặc đạt đến thuần chơn, nên gọi là vô học. Không còn thọ thân sau, tức cắt đứt phiền não, nên gọi là sát tặc.

Lại nữa, sanh tử của ta đã hết tức trịn đầy trí tuệ về Khổ đế, phạm hạnh đã thành, tức trí tuệ tròn đầy về Đạo đế. Việc cần phải làm đã làm xong, tức trí tuệ tràn đầy về Diệt đế. Không còn tái sanh tức trí
tuệ tròn đầy về Tập đế. Nước trong suốt dụ cho tâm định; gỗ, đá, cá, rùa dụ cho đời sống hiện tại; mắt pháp dụ cho trí tuệ. Tuy có mắt sáng nhưng nước không trong suốt thì không thể phân biệt rõ cây, đá, cá, rùa, như có tuệ mà không định. Ngược lại tuy nước trong suốt nhưng mắt không sáng tỏ thì cũng không phân biệt được cây, đá, cá, rùa. Như có định mà không tuệ.

Nay định và tuệ đầy đủ liễu tri Sanh không và Pháp không. Không khởi ra tư tưởng điên đảo đối với pháp sanh diệt, đó là Vô lậu trí minh.

Năm đoạn văn này thuyết minh vấn đề nhân định phát tuệ, cũng gọi là tăng thượng tuệ học. Các đối tượng Thiền định, Ngũ thông vẫn còn thuộc định học. Trong này đều gọi là trí chứng, nên nhiếp vào tuệ học. Sau mỗi đoạn thuyết minh về Thiền định, Sáu thông, Ba minh, đều kết luận bằng câu: Do không phóng dật... đều nhằm mục đích nêu rõ một cách sâu sắc về việc trì giới không phóng dật là căn bản của Thánh đạo. Tứ niệm xứ là cửa chính để đi vào Bát Chánh đạo. Hạnh đầu đà là pháp xuất ly hơn hết.)

Nay tôi đã y cứ vào Tam tạng thuyết minh sơ lược như trên, hơn ba lần xem lại, thấy tạm vừa ý. Lại nữa, các pháp môn trong Tam tạng này hoặc chuyển nhập trực tiếp một cách vi diệu hoặc tiến tu theo thứ tự cũng là vi diệu. Người đọc nên suy nghĩ cho kỹ, chớ nên khinh thường xem qua loa.

Kiền-độ trì giới của Đại, Tiểu lược giải thích.

TRÙNG TRỊ TỲ-NI SỰ NGHĨA TẬP YẾU HẾT QUYỂN THỨ MƯỜI CHÍN

(Dịch xong Ngày 04 tháng 07 năm Mậu Thìn - 1984)

---o0o---

LỜI CUỐI SÁCH

(Lời bạt)

Than ôi! Luật học không được xương minh học hỏi đã lâu ngày. Nếu không rõ Luật thì làm sao rõ Giáo, không rõ Giáo thì làm sao hiểu Tông. Người giỏi thì bỏ qua, người kém thì không hiểu kịp. Huống lại cái tri kiến theo thế tục đã thấm vào xương tủy, nên hễ nghe nói đến Chánh pháp của Như Lai thì sợ hãi coi xa vời như sông Thiên hà, đâu còn chịu để mắt đến 500 cuốn gồm lời Phật dạy, làm quy củ hay lo cho đời ư?

Tôi hổ thẹn đối với môn hành trì còn sơ sót, cô phụ cửa Phật, cho nên từ lâu ngậm miệng, không dám bàn đến việc nên hư của người đương thời. Như một tia sáng qua kẽ hở này, ngưỡng nhờ Phật Tổ giúp mở cửa cho thì cũng có thể gọi đây là kẻ dẫn dắt cho người cất bước. Hoặc có ai bắt chước theo ý tôi mà dốc chí hành trì, thì họ sẽ được an ổn đạt đến chỗ thanh tịnh, chắc chắn không nghi.

---o0o---
HẾT

---

[1] Nguyên tắc thọ giới Cụ túc phải hội đủ Tam sư Thất chứng (mười người) đối với người thủ đô và thành thị thì mới thành tựu giới, nhưng đối với các vùng biên địa thì cần Tam sư và Nhị chứng là đủ (tức năm người) (theo hành sự sao quyển thượng).

[2] 1) An-đà-hội (y 5 điều) thuộc loại trung y hay nội y, còn gọi là hạ y, y mặc làm công việc thường nhật
2) Uất-đa-la-tăng (y 7 điều) thuộc loại thượng y, y mặc lễ Phật, khất thực, vào trai đường.
3) Tăng-già-lê (y 9 điều) thuộc loại đại y cũng gọi là tạp loại y, y mặc để vào cung vua, vào làng xóm thuyết pháp.

[3] Tăng-khước-kỳ: phiên âm mới từ chữ Sàmghati của Phạn ngữ, phiên âm cũ là Tăng-kỳ-chi là loại y dùng để che đùi, che nách, che vai... của Tỳ-kheo.

[4] Diệu huyền: là Diệu pháp liên hoa kinh huyền nghĩa, 20 quyển, Tuỳ – Trí Khải thuyết, tr. 681, Đại 33n1716.

[5] Thích thiêm: Xem cht. 20, Trùng trị q. 11 (bản Việt).